

PERFECT SPY
"MỘT ĐIẾP VIÊN NGOẠI HẠNG MÀ CHÍNH KÊ THU CUNG PHẢI VI NẾ."
LARRY BERMAN

PHẠM XUÂN ẨN

"THIS IS AN EXTRAORDINARY STORY."

- *Washington Post Book World*

SÁCH MỚI!

NEW FULLY
UPDATED EDITION

ĐIẾP VIÊN HOÀN HẢO



ẤN BẢN CẬP NHẬT MỚI
ĐẦY ĐỦ THÔNG TIN
CHƯA TỪNG ĐƯỢC TIẾT LỘ

dtr-ebook.com



nhà xuất bản hồng đức

T - 253

Trở

Tên ebook: Điệp Viên Hoàn Hảo X6 (full prc, pdf, epub)

Tác giả: Larry Berman

Thể loại: Tình báo, Quân sự, Văn học phương Tây

Người dịch: Đỗ Hùng

Nhà xuất bản: NXB Hồng Đức

Nhà phát hành: Trí Việt

Khối lượng: 814.00 gam

Định dạng: Bìa cứng

Kích thước: 16 x 24 cm

Ngày phát hành: 09/2013

Số trang: 392

Nguồn: tve-4u.org

Ebook: <http://www.dtv-ebook.com>

Cuộc đời hai mặt phi thường của PHẠM XUÂN ẪN

Phóng viên Reuters, Time, New York Herald Tribune... &

Tướng Tình Báo Chiến Lược Việt Nam

Phạm Xuân Ẩn, một cái tên chứa biết bao điều bí ẩn, không chỉ với người Việt Nam, mà đối với cả rất nhiều chính khách và báo chí thế giới, đặc biệt là báo chí Mỹ. Người ta đã bình luận, tranh cãi, phỏng đoán và viết rất nhiều về ông, thậm chí còn làm phim

tài liệu nhiều tập về ông, nhưng dường như còn có quá nhiều điều vẫn chưa được làm sáng tỏ. Cho đến khi một người Mỹ bắt tay vào cuộc... Đó chính là *Larry Berman*, nhà sử học, giáo sư chính trị học thuộc đại học California, một chuyên gia xuất sắc chuyên nghiên cứu về cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của Mỹ. Năm 2007, quyển sách *Perfect Spy - The Incredible Double Life of PHAM XUAN AN Time Magazine Reporter & Vietnamese Communist Agent* (Điệp viên hoàn hảo - Hai cuộc đời khó tin (hay cuộc đời hai mặt theo cách gọi của Phương Tây về *Phạm Xuân Ẩn*, phóng viên tạp chí Reuters, Time và tướng tình báo Cộng sản Việt Nam)) của *Larry Berman* được xuất bản lần đầu tiên tại Mỹ đã gây chấn động dư luận Mỹ, kiều bào Việt Nam ở Mỹ và cả ở Việt Nam. Vì trước khi quyển sách này ra đời, rất ít người biết và hiểu về tướng tình báo *Phạm Xuân Ẩn*, mặc dù ông là một nhân vật huyền thoại của chiến tranh Việt Nam. Có lẽ bởi vì cuộc đời của *Phạm Xuân Ẩn*, cũng giống như tên của ông, chứa đựng nhiều bí ẩn về con người và sự nghiệp của một nhà tình báo vĩ đại, tài năng và bản lĩnh nhưng lại vô cùng khiêm nhường, bình dị.

Phạm Xuân Ẩn (sinh ngày 12/9/1927, mất ngày 20/9/2006) tham gia hoạt động cách mạng từ đầu thập niên 1950, năm 1953 được kết nạp Đảng và được giao nhiệm vụ hoạt động điệp báo. Nhằm tạo vỏ bọc tốt hơn để có thể thâm nhập sâu hơn vào giới chức chính quyền và quân đội Sài Gòn, năm 1957 ông được cấp trên bố trí cho sang Mỹ học ngành báo chí. Năm 1959, *Phạm Xuân Ẩn* về nước, làm việc cho Hãng tin Reuters và sau đó là tạp chí hàng đầu Time, New York Herald Tribune của Mỹ. Với kiến thức uyên bác, hiểu biết rộng, cương trực và tài năng giao tiếp, ngoại giao khác biệt, độc đáo theo kiểu lãng tử, hào hoa,

ngang tàng, "chửi thề như bắp rang", xuất hiện với phong cách thượng lưu, thừa hưởng văn hóa được đào tạo chính qui từ Mỹ, ông đã thâm nhập và là bạn tri kỷ với các tướng lĩnh, trùm an ninh mật vụ cả Mỹ và Sài Gòn, giới báo chí Việt Nam Cộng Hòa và Mỹ cũng như các chính khách chóp bu của chính quyền Sài Gòn để khai thác những thông tin tuyệt mật mang tầm chiến lược cho cuộc đối đầu của Bắc Việt Nam với Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Cuộc đời hoạt động tình báo đầy ly kỳ hấp dẫn nhưng cũng vô cùng hiểm nguy của Phạm Xuân Ẩn với bí danh X6 thuộc cụm tình báo H63 được thể hiện một cách trung thực, sinh động trong cuốn Điện viên hoàn hảo X6 được bổ sung cập nhật mới.

Sau 6 năm, cuốn sách với những thông tin có giá trị lịch sử giờ đây lại được ra mắt bạn đọc qua một bản dịch đầy đủ và cập nhật nhiều thông tin chưa từng được công bố do chính Phạm Xuân Ẩn tiết lộ với tác giả Larry Berman có ghi âm. Với lời hứa chỉ được công bố những thông tin này từng giai đoạn sau khi Phạm Xuân Ẩn mất, Larry Berman đã mất 6 năm để cân nhắc để từng bước công bố thông tin của người đã khuất.

Trong ấn bản lần này, ở đầu sách có lời cảm nhận của nguyên Phó Thủ tướng Trương Vĩnh Trọng, với tựa đề *"Nhớ mãi một con người"*, trong đó có đoạn: *"Phạm Xuân Ẩn là nhà tình báo chiến lược cực kỳ quan trọng. Anh đã sống một cuộc đời đầy nhiệt huyết giữa hai chiến tuyến, hai làn đạn. Một nhà báo Reuters và Time được cả chính khách Mỹ nể trọng. Một tình báo, một người yêu nước thật sự đã đóng góp rất nhiều cho sự nghiệp giải phóng dân tộc với một nhân cách đặc biệt, một tấm lòng của một người Việt Nam chân chính. Hiếm có một nhà tình*

báo nào trên thế giới để lại những bí ẩn và tình cảm tốt đẹp cho mọi người từ cả hai phía như nhà tình báo Phạm Xuân Ẩn".

Trong bài Một phần của hình hài Tổ quốc viết cho ấn bản mới cuốn Điệp viên hoàn hảo, ông Đào Văn Lùng, Vụ trưởng, Trưởng cơ quan Thường trực Ban Tuyên giáo Trung ương tại Thành phố Hồ Chí Minh khẳng định: *"Thiếu tướng-Anh hùng LLVT - đó là sự vinh danh của Tổ quốc dành cho nhà tình báo chiến lược Phạm Xuân Ẩn. Nhưng tên tuổi của Ông còn đi xa hơn thế, đặc biệt với những người bên kia chiến tuyến. Điều lạ lùng là ngay cả khi nhiệm vụ thực sự của Ông được công bố, Phạm Xuân Ẩn vẫn giành được sự kính trọng và ngưỡng mộ tuyệt đối từ những đối thủ của mình! Hàng loạt các chính khách, nhà ngoại giao, nhà nghiên cứu... từ Mỹ và trên thế giới khi đến Việt Nam đều mong muốn được diện kiến ông là một minh chứng! Đặc biệt giáo sư, nhà sử học Mỹ Larry Berman đã dành nhiều năm với gần 30 lần bay từ Mỹ đến Việt Nam để gặp và phỏng vấn "đối thủ" lớn của ngành tình báo Mỹ từng sở cho thấy sự hấp dẫn của Phạm Xuân Ẩn - một người do chính nước Mỹ góp phần "đào tạo" nên!"*

Ấn bản mới này có bổ sung Lời giới thiệu của tác giả cho lần tái bản 2013 "Sáu năm sau: hồi tưởng về Điệp Viên Hoàn Hảo". Larry Berman viết: *"... cuộc đời của Ẩn không chỉ là một câu chuyện chiến tranh mà còn là câu chuyện về hàn gắn, về lòng trung thành với đất nước và bạn bè. Trong ấn bản mới, tôi đã thêm vào những câu chuyện và tình tiết mới mà hồi năm 2007 chưa thể kể ra. Tôi cũng phản ánh lại việc một số độc giả dân sự và quân sự Mỹ đã phản ứng về cuốn sách của tôi cũng như*

về nhân vật/con người Phạm Xuân Ẩn như thế nào. Tuy nhiên, điều làm cho ấn bản mới này trở nên rất quan trọng đó là bản dịch mới. Độc giả Việt Nam sẽ lần đầu tiên được đọc câu chuyện về cuộc đời phi thường của Phạm Xuân Ẩn như chính những gì mà ông đã kể với tôi, một người Mỹ viết hồi ký cho ông..."

Đặc biệt trong lần in mới này công bố bức thư xúc động của bà Thu Nhân, vợ thiếu tướng Phạm Xuân Ẩn, gửi tác giả Larry Berman: "Do mắt kém, tôi phải đọc cuốn sách của ông ba lần trong suốt ba ngày, dù tôi muốn đọc xong ngay lập tức: ba ngày đầy cảm xúc, ba ngày đầy nước mắt nhớ thương, đầy tình yêu và sự tiếc nuối... Và giờ đây, mỗi lần đọc lại là tôi không cảm được nước mắt! Một ít người bạn của tôi cũng có cảm xúc như vậy... Nhưng tôi muốn đọc lại nhiều lần để nhớ về chồng tôi.

Đôi lúc, tôi cảm thấy như anh Ẩn còn sống, nhưng thật đau đớn, tôi mãi mãi không thể gặp anh ấy ở bất cứ nơi nào trong cuộc đời thực này nữa. Một nửa thân thể tôi đã chết! Càng thêm tuổi, tôi càng thấy cô đơn khi không còn anh ấy. Đó có phải là định mệnh khắc nghiệt mà tất cả chúng ta đều phải chịu đựng trong cuộc đời này?!"

Sau khi đọc cuốn Điệp viên hoàn hảo, John le Carre, nhà văn Anh chuyên viết tiểu thuyết tình báo đã thốt lên: "Cú sốc về điệp viên hai mang không sao làm tôi quên được. Và sự nhẹ dạ của kẻ xâm lược ngạo mạn cũng thế".

Cuốn Điệp viên hoàn hảo của Larry Berman được người đọc Việt Nam và Mỹ cũng như giới sử học, giới báo chí và các nhà tình báo của cả hai nước đánh giá cao.

Thông tin về tác giả:

Larry Berman nhà sử học, giáo sư khoa học chính trị tại Đại học California đồng thời là một người chuyên tâm nghiên cứu lịch sử cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam. Ông cũng là tác giả của cuốn sách nổi tiếng Không hòa bình, Không danh dự: Nixon, Kissinger và Sự phản bội ở Việt Nam. Đây là cuốn sách rất có giá trị lịch sử về giai đoạn cuối cuộc chiến tranh do Mỹ gây ra ở Việt Nam.

Larry Berman đã phải mất 5 năm và sang Việt Nam 18 lần để thu thập tư liệu cho lần in cuốn sách đầu tiên Điệp Viên Hoàn Hảo và sau đó hàng chục lần cho lần in mới này.

Mời bạn đón đọc.

Báo chí giới thiệu

theo Báo Thể Thao & Văn Hoá

*Ra mắt sách 'Điệp viên hoàn hảo X6': Xứng danh một anh hùng
(Sep 5, 2013 09:35:00)*

Với những thông tin cập nhật mới nhất của nhà sử học người Mỹ Larry Berman, cuốn sách về nhà tình báo, tướng Phạm Xuân Ẩn, bản tiếng Việt do NXB Hồng Đức và First News ấn hành, ra mắt nhân dịp ngày sinh và ngày mất của ông (12/9/1927 - 12/9/2006).

Năm 2007, quyển sách Perfect Spy - The Incredible Double Life Of PHAM XUAN AN Time Magazine Reporter & Vietnamese Communist Agent (Điệp viên hoàn hảo - Hai cuộc đời khó tin) của Larry Berman được xuất bản lần đầu tiên tại

Mỹ đã gây chấn động dư luận Mỹ và cả ở Việt Nam. Để có được cuốn sách này, Larry Berman đã sang Việt Nam 18 lần trong 5 năm để thu thập tài liệu và hàng chục lần tiếp theo để có bản in mới nhất này. Phạm Xuân Ẩn đã tin tưởng chọn Larry Berman viết về mình bằng cái nhìn sắc sảo, miễn cảm của một điệp viên siêu hạng.

Trong làng báo Sài Gòn và miền Nam thời ấy, Phạm Xuân Ẩn là nhà báo của tuần báo Time được học hành bài bản ở Mỹ về. Từ công việc của một nhà báo, Phạm Xuân Ẩn đã tiếp cận với nhiều nguồn tin quan trọng của quân đội Sài Gòn và Mỹ. Ngoài ra, ông còn tạo vẻ hào nhoáng bên ngoài cho mình bằng thú chơi chim, mê chó, lăng tử, sang trọng trên chiếc xe hơi Renault-4... Bức hình chụp Phạm Xuân Ẩn dắt chó béc-giê giữa đường phố Sài Gòn và chiếc xe Renault-4 của ông hiện được trưng bày tại Nhà bảo tàng Tình báo quốc phòng ở Hà Nội.

Không chỉ tạo vỏ bọc bề ngoài, những cuốn sách, bài báo và nhận xét của đồng đội về Phạm Xuân Ẩn đều cho rằng, ông là một người hài hước, thông minh và giàu lòng trắc ẩn. Đại tá Tư Cang kể: "Trưa ngày 29/4/1975, khi Đại sứ quán Mỹ đã chặt kín và vô cùng hỗn loạn, chính anh (Phạm Xuân Ẩn) là người lái xe đưa bác sĩ Trần Kim Tuyến - trùm mật vụ Sài Gòn đến tòa nhà 22 Gia Long khi chiếc trực thăng cuối cùng chặt ních người sắp cất cánh... "Chạy mau đi" - anh quát lớn trong nước mắt. Trần Kim Tuyến bật khóc và chỉ kịp thốt lên: "Tôi sẽ không bao giờ quên anh".

Theo Larry Berman: "Trần Kim Tuyến đã kể lại rằng trong suốt quá trình làm Chỉ huy hệ thống An ninh Mật vụ Sài Gòn, có hai người mà ông tin tưởng hơn bất kỳ ai: Đó là Phạm Xuân Ẩn và

Phạm Ngọc Thảo (đại tá, anh hùng liệt sĩ, nguyên mẫu của Nguyễn Thành Luân trong loạt phim Ván bài lật ngửa - PV). Khi được biết cả hai đều là điệp viên cộng sản, Trần Kim Tuyền đã vô cùng sửng sốt, kinh ngạc và bảo rằng nếu nhìn lại quá khứ, ông có thể hiểu được Phạm Ngọc Thảo, nhưng không thể tin được rằng Phạm Xuân Ẩn chính là tình báo cộng sản... Và quả đúng như lời lúc chia tay - Trần Kim Tuyền đã không bao giờ quên được Phạm Xuân Ẩn".

Ngày chia tay Phạm Xuân Ẩn về cõi vĩnh hằng, đại tá Tư Cang tiễn đồng đội bằng thơ: "Làm trai trong suốt thời ly loạn/ Anh thật xứng danh một anh hùng...".

(Báo thethaovanhoa.vn giới thiệu 5/9/2013)

Trạc Tuyền

Thể thao & Văn hóa

theo phunuonline.com.vn

Ấn bản mới về điệp viên Phạm Xuân Ẩn (Sep 6, 2013 14:18:37)

Cùng chuyển ngữ từ cuốn Điệp viên hoàn hảo, cuộc đời hai mặt khó tin của Phạm Xuân Ẩn, phóng viên tạp chí Time và điệp viên cộng sản Việt Nam của tác giả Larry Berman xuất bản tại Mỹ năm 2007, nhưng khác với bản dịch tiếng Việt của Nguyễn Đại Phượng ra mắt cùng năm, ấn bản mới này cung cấp thêm nhiều thông tin lần đầu công bố về vị tướng tình báo huyền thoại và bổ sung nhiều phản hồi thú vị.

Những chi tiết chưa từng được biết do chính Phạm Xuân Ẩn tiết lộ với tác giả, được ghi âm lại với cam kết chỉ công bố từng giai

đoạn sau khi nhà tình báo qua đời. Tác giả cho biết, ông đã mất sáu năm cân nhắc để công bố từng bước những thông tin liên quan đến người đã khuất: "Cuộc đời của Ân không chỉ là một câu chuyện chiến tranh mà còn là câu chuyện về hàn gắn, về lòng trung thành với đất nước và bạn bè. Trong ấn bản mới, tôi đã thêm vào những câu chuyện và tình tiết mới mà năm 2007 chưa thể kể ra...". Cuốn sách còn in kèm bức thư xúc động của bà Thu Nhân, vợ thiếu tướng Phạm Xuân Ân gửi tác giả; những dòng hồi tưởng của nhiều đồng đội và người quen biết ông.

Điệp viên hoàn hảo X6 ra mắt với hai phiên bản bìa cứng và bìa mềm nhân kỷ niệm sinh nhật (12/9/1927) và ngày mất (20/9/2006) của thiếu tướng Phạm Xuân Ân. Bản tiếng Việt phát hành ở Việt Nam trước khi xuất bản bằng tiếng Anh ở Mỹ và nhiều nước khác.

(Báo phunuonline.com.vn giới thiệu ngày 4/9/2013)

V. Tiến

Lời Nhà xuất bản

No
Image
Available

T

háng 4/2007 Giáo sư, nhà sử học người Mỹ Larry Berman cho ra mắt bạn đọc cuốn sách với tựa đề Điệp viên hoàn hảo. Khắc họa chân dung cuộc đời và sự nghiệp của nhà tình báo chiến lược Phạm Xuân Ẩn trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Năm 2007 bản tiếng Việt đã được xuất bản tại NXB Thông Tấn.

Sau 6 năm tác phẩm ra đời, trong dòng hồi tưởng mới về câu chuyện với đầy đủ tình tiết và sự thực mà ông vẫn lưu lại đã xuất hiện chưa đầy một năm sau khi ông qua đời. Trong ấn phẩm mới này tác giả đã bổ sung những câu chuyện và tình tiết mới mà hồi năm 2007 chưa thể kể ra và cũng phản ánh lại việc một số độc giả dân sự, quân sự Mỹ đã phản ứng về cuốn sách này cũng như nhân vật và con người Phạm Xuân Ẩn như thế nào? Trong ấn bản mới còn có bài viết của nguyên phó Thủ tướng Trương Vĩnh Trọng, nhà sử học Dương Trung Quốc với tiêu đề “Hãy viết sự thật” được coi như lời mở đầu cho lần xuất bản này, những bài viết đầy cảm động và chân thực với lòng tin tưởng của những người đồng chí, đồng đội của Phạm Xuân Ẩn, như các ông Mười Hương, Mười Nho, Tư Cang, Bà Tám Thảo...

Trân trọng giới thiệu công trình nghiên cứu của giáo sư Larry Berman, cảm ơn tác giả cùng những đóng góp quý báu của các bài viết để cuốn sách “Điệp viên hoàn hảo” được ra mắt bạn đọc nhân kỷ niệm ngày sinh của Tướng tình báo Phạm Xuân Ẩn (12/9).

Nhà Xuất Bản Hồng Đức và First News - Trí Việt trân trọng giới thiệu bản in mới “Điệp viên hoàn hảo” cùng quý độc giả.

Nhà Xuất Bản Hồng Đức

*

Tháng 4/2007 Giáo sư, nhà sử học người Mỹ Larry Berman cho ra mắt bạn đọc cuốn sách với tựa đề Điệp viên hoàn hảo. Khắc họa chân dung cuộc đời và sự nghiệp của nhà tình báo chiến lược Phạm Xuân Ẩn trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Năm 2007 bản tiếng Việt đã được xuất bản tại NXB Thông Tấn.

Sau 6 năm tác phẩm ra đời, trong dòng hồi tưởng mới về câu chuyện với đầy đủ tình tiết và sự thực mà ông vẫn lưu lại đã xuất hiện chưa đầy một năm sau khi ông qua đời. Trong ấn phẩm mới này tác giả đã bổ sung những câu chuyện và tình tiết mới mà hồi năm 2007 chưa thể kể ra và cũng phản ánh lại việc một số độc giả dân sự, quân sự Mỹ đã phản ứng về cuốn sách này cũng như nhân vật và con người Phạm Xuân Ẩn như thế nào? Trong ấn bản mới còn có bài viết của nguyên phó Thủ tướng Trương Vĩnh Trọng, nhà sử học Dương Trung Quốc với tiêu đề “Hãy viết sự thật” được coi như lời mở đầu cho lần xuất bản này, những bài viết đầy cảm động và chân thực với lòng tin tưởng của những người đồng chí, đồng đội của Phạm Xuân Ẩn, như các ông Mười Hương, Mười Nho, Tư Cang, Bà Tám Thảo...

Trân trọng giới thiệu công trình nghiên cứu của giáo sư Larry Berman, cảm ơn tác giả cùng những đóng góp quý báu của các bài viết để cuốn sách “Điệp viên hoàn hảo” được ra mắt bạn đọc nhân kỷ niệm ngày sinh của Tướng tình báo Phạm Xuân Ẩn (12/9).

Nhà Xuất Bản Hồng Đức và First News - Trí Việt trân trọng giới thiệu bản in mới “Điệp viên hoàn hảo” cùng quý độc giả.

Nhà Xuất Bản Hồng Đức

"PHẠM XUÂN ẨN THỰC SỰ LÀ “ĐIỆP VIÊN HOÀN HẢO”

Nhà Chỉ huy Tình báo Chiến lược Trần Quốc Hương

Nguyên Bí Thư BCH TW Đảng Cộng sản Việt Nam, Chỉ huy Mạng lưới Tình báo Chiến lược chống Mỹ, Trưởng Ban Nội Chính Trung ương

Chỉ sau vài lần gặp gỡ, trò chuyện, tôi và Phạm Xuân Ẩn nhanh chóng thân nhau.

Bức ảnh Ẩn cầm băng-rôn đi đầu trong đám tang học sinh Trần Văn Ôn đã để lại một ấn tượng sâu sắc về một thanh niên nhiệt thành yêu nước trong phong trào học sinh sinh viên Sài Gòn - Gia Định. Ẩn từng tham gia tổ chức Thanh niên Tiền Phong và đã học qua lớp công tác tuyên truyền của Việt Minh. Ẩn từng được giao nhiệm vụ điệp báo và được kết nạp Đảng từ năm 1953. Năm 1954, Phạm Xuân Ẩn bị chính quyền miền Nam gọi nhập ngũ và được trưng dụng làm bí thư phòng Chiến tranh tâm lý trong Bộ

Tổng hành dinh quân đội Liên hiệp Pháp. Nơi đây, Ấn kết thân với đại tá Edward Lansdale, Trưởng phái bộ quân sự đặc biệt của Mỹ (SMM), thực chất là chỉ huy CIA ở Đông Dương dưới vỏ bọc trưởng phái đoàn viện trợ quân sự Mỹ (US. MAAG) tại Sài Gòn. Tôi chọn Phạm Xuân Ấn cho mục tiêu lâu dài vì hội đủ các yếu tố và điều kiện lý tưởng cho những hoạt động tình báo chiến lược. Tôi thường tới nhà chơi và cha mẹ Ấn cũng coi tôi như con cái trong gia đình. Sau ba năm thử thách và cân nhắc mọi khả năng, năm 1957, tôi vạch kế hoạch đưa Ấn sang Mỹ du học. Trước hết, để Ấn nắm tình hình nước Mỹ, sau là tạo bình phong thuận lợi cho hoạt động tình báo chiến lược về lâu dài này. Đây được xem là bước chuẩn bị để “đón đầu” một cuộc chiến chắc chắn sẽ xảy ra với Mỹ. Khi kế hoạch được trình lên, cấp trên có phần nghi ngại khả năng Ấn ra đi sẽ không trở về. Nhưng tôi rất tin tưởng người thanh niên ấy nên đã quyết báo vệ quan điểm của mình. Cuối cùng, cấp trên đồng ý.

Hoàn cảnh gia đình Phạm Xuân Ấn lúc đó rất khó khăn. Cha bị bệnh lao, nhà lại đông anh em. Ấn băn khoăn: “Tình cảnh gia đình em như vậy, tiền đâu mà đi học bên Mỹ”. Tôi động viên: “Cậu cứ đi đi, chuyện kinh phí để tôi lo”. Ngoài kinh phí, thêm một khó khăn nữa phát sinh khi các trường đại học Mỹ yêu cầu du học sinh phải có bằng tốt nghiệp trung học. Ấn chưa học xong bậc này. Tôi đề nghị Ấn thử tìm hiểu xem có ngành học nào không cần đến bằng trung học không. Vài hôm sau, Ấn gặp tôi, cho biết chỉ có ngành báo chí là không cần bằng trung học. Tôi khuyến khích Ấn theo học ngành này, vì không nghề nào có bình diện giao tiếp rộng như nghề báo, có thể tiếp xúc với tất cả mọi hạng người, rất thích hợp cho công tác tình báo. Ấn nghe lời tôi, theo học báo chí. Về sau, vỏ bọc phóng viên hãng thông tấn Reuters, phóng viên tạp chí Time tại Sài Gòn đã giúp Ấn rất nhiều trong hoạt động tình báo chiến lược.

Năm 1958, tôi bị chính quyền Ngô Đình Diệm bắt. Ấn khi đó đang học ở Mỹ. Cấp trên rất lo lắng về khả năng Ấn có chịu về Việt Nam hay không một khi thông tin này đến tai Ấn. Riêng tôi vẫn đặt trọn niềm tin nơi Ấn. Sau ngày giải phóng, gặp lại nhau, tôi hỏi: “Khi nghe tin tôi bị bắt, sao cậu vẫn về Việt Nam?”. Ấn trả lời: “Bên nhà báo sang ‘anh Hai’ mệt nặng nên

không đến’, em biết là anh đã bị bắt. Nhưng em tin anh sẽ không khai ra em, nên em về”. Giữa những con người cùng chung chí hướng, một khi đã hiểu lòng nhau thì niềm tin có sức mạnh ghê gớm như thế. Sau ngày ra tù, do hoàn cảnh và điều kiện, tôi chuyển sang ngành an ninh. Còn Phạm Xuân Ẩn từ ngày về nước đã có nhiều đóng góp rất to lớn cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, trở thành một trong những huyền thoại tình báo Việt Nam.

Đọc tác phẩm Điệp viên hoàn hảo của nhà báo - nhà sử học người Mỹ Larry Berman, tôi tưởng như được gặp lại người thanh niên thông minh, nhanh nhẹn, sáng dạ, có khiếu hài hước, rất quý mến trẻ con, biết kính trọng người già của thuở nào. Vẫn là một Phạm Xuân Ẩn mà tôi biết và đã diu dặt trong những năm đầu vào nghề tình báo. Đặc biệt, khả năng khai thác thông tin và diễn đạt bằng ngôn ngữ một cách sinh động, khúc triết, quả là một biệt tài thiên phú. Tôi từng nghe các đồng chí ở Trung ương kể lại rằng sau khi đọc những báo cáo của Ẩn gửi về từ Mỹ, Bác Hồ xúc động thốt lên: “Đọc báo cáo mà cứ như đang ở ngay trung tâm New York!”. Hay sau khi đã về nước, hoạt động trong lòng địch, những báo cáo của Ẩn cũng vô cùng chính xác, sinh động, khiến đại tướng Võ Nguyên Giáp phải hài lòng tấm tắc: “Cứ như ta đang ở trong Bộ tổng tham mưu địch”.

Qua cách kể chuyện của tác giả, Phạm Xuân Ẩn hiện lên với tầm vóc của một nhà tình báo quốc tế. Ngay cả một cựu ký giả của chế độ Sài Gòn cũng đã viết như sau về Phạm Xuân Ẩn:.. có thể nói đại đa số các tướng lãnh VNCH đều không có tật nọ cũng mắc bệnh kia, tức không trai gái, bê tha, cũng tham nhũng, ăn hối lộ, buôn lậu v.v... nên đã tỏ ra rất kiêng nể giới báo chí ngoại quốc. Giới quân phiệt này có thể bịt mồm báo chí Việt ngữ dễ dàng bằng nhiều biện pháp dã man, rùng rú, nhưng lại không dám và không thể động được đến một cọng lông chân của báo chí ngoại quốc. Do đó Phạm Xuân Ẩn cũng đã được các tướng nể sợ lây. Từ Nguyễn Văn Thiệu, Trần Thiện Khiêm, Nguyễn Cao Kỳ, Cao Văn Viên, đến Nguyễn Khắc Bình v.v... đều muốn được lòng Phạm Xuân Ẩn, hơn là Ẩn cần phải lây lòng mấy ông tướng đó để moi tin tức. Vì thế Phạm Xuân Ẩn đã có khả năng cung cấp rất nhiều tin tức quân sự vô cùng giá trị cho Việt Cộng. Đối với các

điệp viên khác, thường phải có 'hộp thư', có 'giao liên bàn đạp' để chuyển tin một cách bí mật, lén lút vào mật khu. Nhưng riêng Phạm Xuân Ẩn, anh ta đã coi thường guồng máy an ninh tình báo của các tướng lãnh VNCH đến mức không thèm xài 'hộp thư', cũng chẳng cần đến 'giao liên bàn đạp'. Một tháng đôi ba lần, khi có tin tức quan trọng, nóng hổi cần cấp báo, Ẩn đi thẳng vào mật khu như ta đi du ngoạn, để báo cáo trực tiếp cho Mười Hương biết!...” (trích Đặng Văn Nhâm - Nhà tình báo chiến lược Việt Cộng Mười Hương bị bắt như thế nào, vì sao được thả?).

Điệp viên hoàn hảo là một cuốn sách đáng đọc với khối lượng tư liệu đồ sộ và sự công phu, tâm huyết của tác giả. Dưới góc nhìn của một sử gia người Mỹ, Larry Berman có những nhìn nhận và đánh giá riêng về Phạm Xuân Ẩn - điệp viên huyền thoại của nước ta. Tác giả có cái lý riêng của mình, có những phân tích đúng nhưng cũng có đôi điều cần xem xét. Và tôi hoàn toàn đồng tình với sự ngưỡng mộ của nhà báo - nhà sử học Mỹ Larry Berman dành cho Phạm Xuân Ẩn: “Một Điệp viên hoàn hảo!”.

TRẦN QUỐC HƯƠNG

Nguyên Bí Thư BCH TW Đảng Cộng sản Việt Nam

*

MỘT PHẦN CỦA HÌNH HÀI TỔ QUỐC!

Độ lùi 38 năm sau cuộc chiến bi hùng của dân tộc giúp chúng ta có tầm nhìn bao quát hơn về một người Việt Nam bình dị đã “bất đắc dĩ” trở thành huyền thoại trong một lĩnh vực vốn rất hiếm những tượng đài - Phạm Xuân Ẩn!

Thiếu tướng - Anh hùng Lực lượng vũ trang - đó là sự vinh danh của Tổ quốc dành cho nhà tình báo chiến lược Phạm Xuân Ẩn. Nhưng tên tuổi của ông còn đi xa hơn thế, đặc biệt với những người bên kia chiến tuyến. Điều lạ lùng là ngay cả khi nhiệm vụ thực sự của ông được công bố, Phạm Xuân Ẩn vẫn giành được sự kính trọng và ngưỡng mộ tuyệt đối từ những đối thủ của mình! Hàng loạt các chính khách, nhà ngoại giao, nhà nghiên cứu... từ Mỹ và trên khắp thế giới khi đến Việt Nam đều mong muốn được diện kiến ông là một minh chứng! Đặc biệt, việc giáo sư, nhà sử học Mỹ Larry Berman đã dành 5 năm với gần 30 lần bay đến Việt Nam để gặp và

phông vấn “đối thủ” lớn của ngành tình báo Mỹ từng sở cho thấy sự hấp dẫn của huyền thoại Phạm Xuân Ẩn - một người do chính nước Mỹ góp phần “đào tạo” nên!

Cuộc đời Nhà báo - tình báo chiến lược chắc còn nhiều những bí ẩn mà nghề nghiệp của ông bắt buộc phải như vậy, nhưng có một điều rõ ràng: toàn bộ cuộc đời, sự nghiệp và hơn hết là một tấm lòng kiên trung cùng với tình yêu vô hạn của Phạm Xuân Ẩn đã hiến dâng trọn vẹn cho Tổ quốc , nhân dân và những người thân yêu của mình! Chính điều đó đã lý giải một trong những câu hỏi lớn của thời đại: tại sao một dân tộc Việt Nam bé nhỏ đã giành được chiến thắng trong một cuộc chiến không cân sức đến như vậy!

Đã 7 năm ông vĩnh biệt chúng ta, xin được viết đôi dòng như một nén nhang thơm của hậu thế để bày tỏ sự kính trọng và lòng biết ơn sâu sắc đối với một nhân cách đã trở thành một phần của hình hài Tổ quốc !

ĐÀO VĂN LỪNG

Vụ Trưởng - Ban Tuyên Giáo Trung ương

Lá thư của bà Thu Nhân: gửi Larry Berman

O

ng Larry thân mến,

Giáng sinh đang đến, gia đình chúng tôi xin chúc ông và gia đình một mùa Giáng sinh và Năm mới hạnh phúc.

... Chúng tôi xin cảm ơn ông một lần nữa về cuốn sách “Điệp viên hoàn hảo” và xin được chúc mừng ông, dù hơi muộn.

Chúng tôi hiểu rằng, ngoài những gì mà anh Ấn đã kể cho ông, ông cũng đã thực hiện một cuộc nghiên cứu lâu dài về anh ấy để thẩm định, kiểm chứng, xâu chuỗi các sự kiện của cuộc chiến tranh đáng tiếc giữa Việt Nam và Hợp Chủng Quốc Hoa Kỳ.

Và điều quan trọng nhất, anh Ấn đã yêu cầu ông khi viết về anh ấy là: giữ bí mật những gì cần thiết để bảo đảm an toàn cho những người bạn mà anh ấy luôn cảm kích, biết ơn. Và ông đã giữ lời hứa với anh ấy!

Nếu thực sự có một thế giới tâm linh, có lẽ lúc này anh Ấn đang hạnh phúc về điều đó. Chúng tôi tin rằng ông đã đạt được thành tựu lớn nhờ vào sự cố gắng nỗ lực của ông! Điều đó có ý nghĩa thật lớn lao!

Do mắt kém, tôi phải đọc cuốn sách của ông ba lần liên tục trong suốt ba ngày, dù tôi muốn đọc xong ngay lập tức: Ba ngày đầy cảm xúc dâng trào, ba ngày đầy nước mắt nhớ thương, đầy tình yêu và sự tiếc nuối... Và giờ đây, mỗi lần tôi đọc lại, tôi không cầm được nước mắt rơi! Một số người bạn của tôi cũng có cảm xúc như vậy...

Nhưng tôi muốn đọc đi đọc lại nhiều lần nữa để nhớ về chồng tôi.

Đôi lúc, tôi cảm thấy như anh Ấn vẫn còn sống, nhưng, đau đớn thay, tôi đã mãi mãi không bao giờ còn được gặp lại anh ấy ở bất cứ nơi nào trong cuộc đời này nữa.

Một nửa con người tôi đã chết! Càng thêm tuổi, tôi càng cảm thấy mình cô đơn khi phải sống mà không còn anh ấy. Chẳng lẽ đó là Định mệnh khắc nghiệt mà tất cả chúng ta đều phải chịu đựng trong cuộc đời này sao?!

Bảy mươi tuổi, trí nhớ của tôi đang cạn kiệt dần - có lẽ là do hậu quả của những năm tháng dài sống trong căng thẳng triền miên bởi nhiệm vụ nguy hiểm và gian khó của chồng tôi! Và dù vốn tiếng Anh của tôi đã cùn mòn, tôi vẫn muốn tự mình viết lá thư này cho ông - dù muộn - để nói lời cảm ơn, vì tôi nghĩ 'Thà trễ còn hơn không bao giờ.'

Xin thứ lỗi vì đã dài dòng, ông Larry.

Mong gặp lại khi ông tới Sài Gòn,

Người bạn chân thành của ông,

Thu Nhân

Dear Larry,

Christmas is approaching, my family and I wish you and your family a Merry Christmas, and a Happy New Year.

... We have to thank you once more for your book Perfect Spy with our congratulation too - even late.

We understand that, beside what An told you, you had a hard long research to write about him - with verifies mixing orderly historian's regrettable war-time between Vietnam and USA.

And the most important thing An request you in writing about him is to keep in secret what necessary to secure his many friends to whom he had been much grateful. And you kept your promise with him!

If there is another spiritual world, perhaps An is happy for that.

We believe that you have had a big result of your such hard labor!

That's great!

Because of my eyes's problem, I have to read your book in 3 times during 3 days, although I would like to finish it immediately: 3 days full of emotions, 3 days with tears of missing, loving, regretting... And now, each time I read it again, I cannot prevent my tears falling! In such feeling are my few friends too...

But I like to read it again and again to recall my husband.

Sometime, it seemed to me that An still alive, but, painfully, in reality, I cannot see him anywhere forever. Half of my body passed away! The more I get older, the more I feel lonely without him. Is that the severe Destiny that all of us have to suffer in life?!

Seventy years old, my memory is declining, gradually - perhaps that is the result of long stressing's years causing by my husband's hard and dangerous duty! - and though my English is rusting, I do want to write to you by myself - even late - to thank you, because I think "Better late than never."

Excuse for my long talking, Larry.

Hope to see you later when you are in Saigon.

Sincerely Yours,

Thu Nhan

**... 6 NĂM SAU: ... X6 ... NHỮNG
CÂU CHUYỆN TIẾP NỔILARRY
BERMAN**

K

hi cho phép tôi viết hồi ký cho ông, Phạm Xuân Ẩn đã ở chặng cuối của cuộc đời. Tôi đặt tên cuốn sách là **ĐIỆP VIÊN HOÀN HẢO** vì những lý do mà tôi sẽ nói rõ trong phần này. Những cuộc trao đổi ban đầu của chúng tôi diễn ra tại tiệm Givral, nơi suốt cuộc chiến tranh của người Mỹ là địa điểm mà cánh phóng viên và giới chính trị gia tới để phao tin đồn hoặc tìm kiếm những dòng tin chính trong ngày. Hầu như ai cũng gọi ông Ẩn là Tướng Givral, và ông được dành riêng một chiếc bàn tại đây. Đến khi ông Ẩn yếu đi, chúng tôi chuyển sang gặp nhau tại nhà riêng của ông. Các cuộc trò chuyện hàng ngày thường kéo dài trong nhiều giờ và diễn ra trong rất nhiều tháng, ông chia sẻ với tôi những tấm ảnh, tài liệu, thư từ và những câu chuyện kể. Chúng tôi chỉ kết thúc trò chuyện khi Ẩn cảm thấy không còn sức để tiếp tục. Ông còn giới thiệu tôi với các thành viên của mạng lưới H.63 và tôi đã có nhiều giờ trò chuyện với họ.

Tôi nhớ rất rõ cuộc nói chuyện cuối cùng giữa tôi và Ẩn. Tôi tới nhà ông, và lần đầu tiên sau nhiều năm, tôi được thông báo rằng ông đang ở trong phòng ngủ. Người con trai cả của Ẩn, Hoàng Ân, dẫn tôi lên gác và tôi đã bắt gặp một Phạm Xuân Ẩn rất tiều tụy. Nhìn ông như vậy tôi rất buồn và không biết nói hay làm gì cả. Ông khẽ vẫy tay, ra hiệu tôi đến gần để có thể nghe ông nói: “Tôi sắp chết rồi. Đây là cuộc gặp cuối cùng của chúng ta. Chẳng bao lâu nữa tôi sẽ đi gặp Diêm Vương”.

Tôi cố động viên ông Ẩn rằng bệnh sẽ nhanh chóng qua thôi, nhưng người bệnh biết rõ hơn ai hết. Ông nhờ tôi chuyển lời chào tới các bạn Mỹ của ông và một lần nữa hỏi tôi có nghe tin tức gì của Beverly Deepe hay chưa, đây là một trong rất ít bạn cũ của Ẩn đã không thể tha thứ về việc ông thực hiện nhiệm vụ tình báo ngày trước. Cho tới hơi thở cuối cùng, Ẩn không thể hiểu tại sao trong khi nước Mỹ và Việt Nam có thể hòa giải, thì Deepe vẫn không thể tha thứ cho ông về bất cứ sự lừa dối nào mà bà cho rằng ông từng thực hiện.

Cả gia đình Ẩn cùng có chung nguyện ước này và bản thân tôi cũng không thể hiểu tại sao một số người Mỹ vẫn cứ ôm một nỗi hận đối với Ẩn. Sau rốt, những kẻ thù huynh đệ miền Nam của Ẩn, chẳng hạn người bạn

thân của tôi là Lê Khanh, người đã giới thiệu tôi với Ẩn, cuối cùng rồi cũng bỏ qua quá khứ bởi ông hiểu Ẩn trong tư cách là một người Việt Nam. Khanh đã mất nước. Nếu ông ấy có thể chấp nhận vun đắp một tình bạn với Ẩn, vậy thì tại sao những người Mỹ đã xâm lược đất nước của ông lại không hiểu lịch sử? Những kẻ thù huynh đệ hiểu rõ hơn bất cứ người nào về những dối trá đối với tất cả các phía của cuộc chiến. Khi chiến cuộc kết thúc, Phạm Xuân Ẩn hiểu rõ hơn bất cứ ai về những gì được và mất của ông. Ông đã nói về điều đó cho tới hơi thở cuối cùng. Đây là một phần của câu chuyện mà ông muốn tôi chuyển tải trong cuốn sách này.

Các ghi chép của tôi cho thấy sau đó Ẩn đã nói với những người bạn tại Mỹ rằng nếu kiếp sau ông hóa thành chim nhận di trú thì ông sẽ tới thăm họ. Lần đó, Ẩn thì thào vào tai tôi điều mà tôi sẽ không bao giờ quên được và cũng chưa bao giờ nói ra trước đây: “Có một vài người bạn mà ông không thể thực sự tin tưởng. Khi viết cuốn sách ông hãy nhớ điều đó”. Tôi điểm tỉnh hỏi Ẩn rằng lời cảnh báo này có ý nghĩa như thế nào và ông đang đề cập đến những ai? Ông đưa ra hai cái tên. “Có những người sẽ không cảm thấy vui về những điều mà tôi đã kể cho ông, nhưng đừng vì họ mà thay đổi câu chuyện. Hãy viết sự thật”.

Ông Ẩn một lần nữa nhờ tôi chuyển lời chào tới những người bạn Mỹ, đặc biệt là Germaine Lộc Swanson. Ngay trong tình cảnh sức tàn lực kiệt, Ẩn vẫn kể lại cho tôi câu chuyện mà ông từng kể về những ngày can trường của Germaine trong vai trò là một y tá dù, và bằng cách nào mà ông từng có lần cứu Germaine thoát khỏi một tình huống nguy cấp. Kể được vài phút, ông Ẩn ngừng lại đột ngột và chỉ nói: “Tôi yếu quá rồi. Chúc trở về bình an, tạm biệt”.

Đó là lần cuối cùng tôi nhìn thấy người bạn Phạm Xuân Ẩn của tôi.

Câu chuyện với đầy đủ tinh tiết và sự thực mà Ẩn muốn kể lại đã xuất hiện chưa đầy một năm sau khi ông qua đời, với ấn bản tiếng Anh nhan đề PERFECT SPY X6 - The Incredible Double Life of Phạm Xuân Ẩn, Reuters, Time, New York Herald Tribune Reporter & Vietnamese strategic Intelligence General (ĐIỆP VIÊN HOÀN HẢO: Cuộc đời hai mặt phi

thường của Phạm Xuân Ẩn - Phóng viên Reuters, Time, New York Herald Tribune... & Tướng tình báo Chiến lược Việt Nam).

Cuốn sách được chào đón nóng nhiệt ở Mỹ, nhưng không phải không có một số tranh cãi mà tôi sẽ chia sẻ. Tôi hài lòng khi một ấn bản tiếng Việt đã được ra mắt, nhưng tôi thấy chưa thật thỏa đáng khi biết rằng một phần trong bản tiếng Anh chưa được thể hiện đầy đủ trong bản tiếng Việt, đặc biệt là phần chú giải và tài liệu tham khảo. Phần bị bỏ này sau đó đã được điều chỉnh khi tôi nài nỉ in thêm có giới hạn ấn bản kèm theo ghi chú. Tuy nhiên, phần chuyển ngữ thì vẫn chẳng có gì thay đổi. Thế là câu chuyện mà Phạm Xuân Ẩn thực sự đã kể cho tôi không hề xuất hiện bằng tiếng Việt, chỉ có ở bản tiếng Anh.

Trong dòng hồi tưởng mới này, tôi đã thêm vào những câu chuyện và tình tiết mới mà hồi năm 2007 chưa thể kể ra. Tôi cũng phản ánh lại việc một số độc giả dân sự và quân sự Mỹ đã phản ứng về cuốn sách của tôi cũng như về nhân vật, con người Phạm Xuân Ẩn như thế nào. Tuy nhiên, điều làm cho ấn bản mới này trở nên rất quan trọng đó là bản dịch mới. Độc giả Việt Nam sẽ lần đầu tiên được đọc câu chuyện về cuộc đời phi thường của Phạm Xuân Ẩn như chính những gì mà ông đã kể với tôi, một người Mỹ viết hồi ký cho ông. Ngoài ra, ấn bản mới này còn được bổ sung những bài phỏng vấn, bài viết cảm động và chân thực từ những người đồng chí, đồng đội của Phạm Xuân Ẩn: các ông Mười Hương, Tư Cang, Mười Nho, bà Mỹ Nhung... Điều này làm cho ấn bản của First News - Trí Việt vừa rất đặc biệt, vừa là một cuốn sách mới đối với bạn đọc Việt Nam.

Tôi rất cảm kích việc Công ty First News - Trí Việt, Nhà xuất bản Hồng Đức và ông Nguyễn Văn Phước, nhà sáng lập và là Tổng giám đốc First News - Trí Việt, muốn xuất bản cuốn sách bằng một bản dịch mới, theo cách dịch sát nghĩa chính xác theo bản gốc của Perfect Spy với các bổ sung thông tin và hình ảnh chưa được công bố.

Trong trái tim và tâm hồn mình, ông Phước ngưỡng mộ và yêu thích câu chuyện của Phạm Xuân Ẩn. Ông ấy và tôi hy vọng sẽ thực hiện một bộ phim về cuộc đời Phạm Xuân Ẩn dựa trên ấn bản mới **ĐIỆP VIÊN HOÀN HẢO**. Ông ấy và tôi tin rằng sẽ rất có ý nghĩa khi người Việt Nam được

lắng nghe những ngôn từ và phong cách của Phạm Xuân Ẩn, đặc biệt là các thể hệ trẻ, bởi cuộc đời của Ẩn không chỉ là một câu chuyện chiến tranh mà còn là câu chuyện về hàn gắn, về lòng trung thành với đất nước và bạn bè. Câu chuyện của ông bao trùm lên hai đất nước trong một giai đoạn gần năm thập kỷ.

Tôi không chắc là có một người nào đó hiểu được con người thực của Phạm Xuân Ẩn, ngoại trừ mẹ và vợ của ông. Ông đã trải qua phần lớn cuộc đời với chiếc mặt nạ, trong một vỏ bọc giúp ông có thể đánh lừa mọi người - các cơ quan tình báo Việt Nam Cộng hòa, CIA của Mỹ, các nhà báo Mỹ, châu Âu và Việt Nam, quan chức chính quyền miền Nam và thậm chí là cả người thân trong gia đình, ngoại trừ mẹ và vợ của ông. Danh sách những người bị Ẩn đánh lừa có cả những nhà tình báo chuyên nghiệp như Edward Lansdale, William Colby và Lou Conein; các quan chức chính phủ Việt Nam Cộng hòa như Nguyễn Cao Kỳ và Trần Văn Đôn; giám đốc tình báo của chính quyền Ngô Đình Diệm - bác sĩ Trần Kim Tuyến; những nhà báo đồng nghiệp và bạn bè người Việt như Nguyễn Hưng Vượng, người đồng thời làm việc cho CIA, và Cao Giao, người mà cùng với Ẩn và Vượng, được coi là “tam ca giọng nam cao” của Đài phát thanh Catinat. Danh sách dài những phóng viên bị qua mặt có David Halberstam, Robert Shaplen, Francis Fitzgerald, Robert Sam Anson, Neil Sheehan và Stanley Karnow. Tất cả những cá nhân này đều hãnh diện về khả năng nhìn thấy sự thật. Thế nhưng, không một ai trong số họ từng nghi ngờ Phạm Xuân Ẩn là điệp viên Cộng sản.

Khi chiến tranh kết thúc, mỗi người trong số đó đều ngả mũ trước Ẩn về khả năng hoạt động của ông. Phần lớn những người bị qua mặt đã chọn tình bạn thay vì giận dữ trước sự thật rằng bạn của họ từng là một điệp viên. Phần lớn đều phủ nhận khả năng họ đã bị lợi dụng làm nguồn tin phục vụ cho các báo cáo gửi ra Hà Nội. Ông Ẩn kể với tôi rằng, sau chiến tranh, cựu Giám đốc CIA William Colby tới Việt Nam với mong muốn gặp ông, mang

theo những câu hỏi về nghề nghiệp để trao đổi giữa hai điệp viên chuyên nghiệp. “Gặp ông ấy rất nguy hiểm cho tôi. Lần đầu tiên tôi không được phép, nhưng sau đó tôi được phép tới dự một buổi tiệc trưa và chúng tôi đã chào nhau”. Khi tôi hỏi Ẩn rằng hai người đã nói gì lúc đó, ông lắc đầu theo cách làm cho tôi hiểu rằng có những bí mật và câu đố mà tôi sẽ không bao giờ biết hoặc giải được. Ẩn vẫn sống như tên riêng của ông được diễn dịch trong tiếng Việt - ẩn giấu và bí mật. Tên ông chính là cuộc đời của ông!

Phạm Xuân Ẩn là một sĩ quan tình báo của một phe và được thượng cấp chỉ đạo thâm nhập vào cơ sở của đối phương để lấy thông tin giúp cho phe của ông đánh bại “kẻ thù”, ông đã trở thành huyền thoại trong cộng đồng tình báo thế giới vốn rất muốn biết bằng cách nào mà Phạm Xuân Ẩn hoạt động thành công và không bị bắt. Cuộc đời với tư cách là một điệp viên của ông là một ví dụ sáng rõ về sự khó nắm bắt của lĩnh vực tình báo con người trong cả khía cạnh lĩnh vực này ảnh hưởng lên kết cục chiến tranh lẫn nó ảnh hưởng lên quan hệ cá nhân.

Kể từ khi ĐIỆP VIÊN HOÀN HẢO được ấn hành, tôi đã có dịp trao đổi với các thành viên trong cộng đồng tình báo về vai trò của một điệp viên đơn tuyến. Có một dịp vào năm 2009, một sĩ quan phản gián làm việc cho chính phủ Mỹ đã tiếp cận tôi với mong muốn được trao đổi về những điều mà Phạm Xuân Ẩn đã kể nhưng không được đưa vào sách. Thời kỳ hậu sự kiện 11 tháng 9, người ta rất chú trọng công tác tình báo sử dụng con người. Mà ông Ẩn lại là một bậc thầy về thu thập tin tức thông qua quan hệ cá nhân. Viên sĩ quan tình báo nọ tin rằng cuốn sách của tôi đã cung cấp một cái nhìn tường tận vào các tác động của một điệp viên được đặt vào vị trí trọng yếu. “Đây là một trong những ví dụ rõ nhất về khái niệm ảo ảnh thường được dùng để mô tả thế giới tình báo”, ông nói.

Trong cuộc trò chuyện, tôi nhận thấy rằng viên sĩ quan phản gián đặc biệt quan tâm tới những điều ông Ẩn đã kể cho tôi về các cách thức hoạt động mà có lẽ giúp hiểu rõ hơn bức tranh ghép về việc sử dụng con người để thu thập tin tình báo. Tất cả những gì tôi suy nghĩ vào lúc ấy đó là ông Ẩn hẳn sẽ cảm thấy được đền đáp tới nhường nào nếu biết được rằng ngay cả khi đã chết ông vẫn được quê hương thứ hai sử dụng để tạo ra một

phương cách nhằm bảo vệ đất nước của chúng tôi khỏi các cuộc tấn công của kẻ thù.

Đó là bởi Phạm Xuân Ẩn không bao giờ coi nước Mỹ là kẻ thù. “Ông thấy đấy, lúc tòa Tháp đôi sụp đổ và lúc tôi đọc bản báo cáo của Ủy ban điều tra vụ 11-9, tôi một lần nữa lại nghĩ rằng đất nước hùng mạnh nhất hành tinh đã bị làm tổn thương bởi họ không hiểu được tính chất dễ bị thương tổn của mình”, ông Ẩn nói. “Tất cả những người chiếm máy bay kia đều từng sống và học ở Mỹ, giống tôi. Có thể họ đã làm bạn với những người Mỹ theo những cách mà tôi đã từng. Sự khác biệt lớn ở đây là, tôi được đưa tới Mỹ không phải để hủy diệt nước Mỹ. Tôi tới đó để học tâm lý của họ và qua đó có thể hiểu rõ hơn về một kẻ thù tiềm tàng. Tôi đã khóc sau khi tòa Tháp đôi sụp đổ và không thể mừng sinh nhật vào ngày 12 tháng 9. Ngày ấy thật buồn”.

Cho tới tận hôm nay, tôi vẫn không biết được làm sao một con người có thể sống một cuộc đời dài dằng dặc trong tình trạng bí ẩn và che giấu, như cái tên của ông. Làm sao Ẩn có thể tồn tại được mà không bị bắt hoặc vấp phải một sai lầm, sơ sót nào? Làm thế nào để có thể xây dựng được tình bằng hữu dựa trên sự dối lừa và, khi mà sự dối lừa đó bị phơi bày, vẫn có rất ít người cảm thấy bị phản bội? Đó là lý do tại sao tôi lại chọn tên sách là **ĐIỆP VIÊN HOÀN HẢO**. Tôi tin Phạm Xuân Ẩn không phản bội ai cả. Tôi sẽ chia sẻ nhiều điều về khía cạnh này. Ông trở thành điệp viên không phải vì tiền hoặc danh tiếng cá nhân, ông lãnh nhận nhiệm vụ bởi vì ông yêu đất nước và có một giấc mơ cho đất nước của ông. Ẩn đã hoàn tất sứ mệnh và nhờ đó ông trở thành Anh hùng tại Việt Nam.

Một phần trong bí ẩn của con người Phạm Xuân Ẩn bắt đầu với câu hỏi - “Con người thực của Phạm Xuân Ẩn là ai?”. Đó là con người trước, trong hay sau chiến tranh? Liệu có thể biết được điều đó hay không? Liệu chính bản thân ông Ẩn có biết câu trả lời? Ẩn từng được hướng dẫn rằng nếu ông không thực sự hóa thân vào chiếc mặt nạ của mình, ông sẽ thất bại trong sứ mệnh và sẽ chết giống như con cá nằm trên thớt, ông buộc phải trở thành một người khác, không chỉ trong cách thức hành xử với mọi người, mà còn trong cách sống và suy nghĩ của chính ông. Bằng cách ấy, ông đã

trở thành một người khác, nhưng con người đó là ai khi chiến tranh kết thúc và khi chiếc mặt nạ không còn cần thiết nữa? Tôi tin rằng Ấn biết mình là ai, cũng như ông biết tất cả những gì mà ông đã từ bỏ và mất mát.

Điều này trở nên rõ ràng nhất khi cả người Mỹ lẫn người Việt Nam đều thắc mắc về một số hành động của ông. Ấn không được phép rời Việt Nam để dự lễ tốt nghiệp của con trai tại trường North Carolina và sau này là Trường Luật thuộc Đại học Duke bởi lẽ, như lời của chính ông, “Họ vẫn chưa biết rõ tôi là ai”. Ấn đã thổ lộ với tôi rằng “tôi thực sự muốn dự lễ tốt nghiệp của con trai, nhưng cũng hiểu rõ tình hình lúc ấy. Cháu nó được phép ra đi để đổi lợi việc tôi phải ở lại đây, mãi mãi, nhưng giờ thì ổn rồi”, ông Ấn đã yêu cầu tôi không đưa chi tiết này vào sách.

Là người viết hồi ký cho Ấn, tôi biết rằng ông đã dần yêu cái vỏ bọc, yêu cái mặt nạ của ông, đó là công việc của một phóng viên trong một nền báo chí tự do. Ấn đã học nghề báo tại Trường Orange Coast từ năm 1957 đến 1959 như một phần nhiệm vụ. Nhiệm vụ ấy là học tất cả những gì có thể về người Mỹ bởi các lãnh đạo ở Hà Nội đã nhìn thấy cái ngày mà người Mỹ sẽ thay thực dân Pháp. Vào năm 1957 thì không ai có thể thấy trước được quy mô cũng như mức độ hủy diệt từ sự can dự ấy của người Mỹ, nhưng người Việt lúc bấy giờ đã tiên liệu được rằng đất nước nhỏ bé của họ sẽ đối đầu với Mỹ. Ấn ngưỡng mộ cách tư duy của những người Mỹ mà ông gặp, ngưỡng mộ giá trị và tinh thần tự do mà họ có. Nhiều năm về sau, ông đã mong muốn các con của mình được đào tạo tại Mỹ bởi đó là nơi ông đã học được về “nhân tính”, ông ngưỡng mộ nền tự do báo chí, tự do diễn đạt mà ông tìm thấy ở quê hương thứ hai của mình.

Một số điệp viên vĩ đại nhất lịch sử đã mọc gót chân Achilles để rồi rốt cuộc làm hỏng sứ mệnh khi vướng vào chuyện ái tình hay trở nên tham lam. Ấn không bao giờ tham lam, nhưng ông từng phải lòng - với nước Mỹ mà ông đã sống trong giai đoạn 1957-1959 và với những người Mỹ mà ông gặp ở đấy. Ông cũng ngưỡng mộ những người Mỹ mà về sau ông gặp trong thời gian làm việc cho họ tại Việt Nam, một phần trong cái vỏ bọc của ông. Tôi không thể tưởng tượng được Ấn đã phải như thế nào để có thể ngưỡng mộ và yêu mến những con người mà ông cần phải đánh bại. Đối với Ấn, đánh

bại kẻ thù có nghĩa là quân Mỹ sẽ rút về nước và để cho người Việt tự quyết định tình hình chính trị của mình.

Tương lai của Việt Nam thuộc về người Việt Nam - chứ không phải người Mỹ, người Pháp.

Đến tận ngày nay, vẫn còn rất nhiều người Mỹ không chịu hiểu điều cơ bản này.

Trong toàn bộ giai đoạn này của sứ mệnh - vốn kéo dài tới khi Việt Nam thống nhất và không có quân đội nước ngoài nào đóng trên đất Việt Nam - Ấn có một giấc mơ rằng, đến khi chiến tranh chấm dứt, hiện thực mới sẽ là việc ông tiếp tục làm phóng viên tại một nước Việt Nam thống nhất. Có lần ông nói với tôi rằng ông thích được tiếp tục làm cho tờ Time, ông tin rằng ông được học hành và có kỹ năng để đào tạo một thế hệ nhà báo mới của Việt Nam về nghề, cái nghề mà ông từng làm. Giấc mơ này, tất nhiên, chỉ đến trước khi chiến tranh kết thúc. Tôi dần tin rằng đây là cách duy nhất để cuộc sống thực và chiếc mặt nạ của Ấn có thể gặp nhau trong hạnh phúc. Thế rồi mọi sự trở nên vừa như một giấc mơ ban ngày vừa như một cơn ác mộng. Ấn mơ rằng những người đồng bào của ông cũng chia sẻ giấc mơ đó một cách tự nhiên. “Trong đời mình, tôi chỉ có hai trách nhiệm. Một dành cho Tổ quốc như là nghĩa vụ bắt buộc, cái còn lại là dành cho những người bạn Mỹ đã dạy tôi từ A tới Z, đặc biệt là nhân dân Mỹ. Ước nguyện của tôi là như thế này: Chiến đấu cho tới lúc đất nước giành lại được độc lập rồi sau đó tái lập quan hệ ngoại giao và bình thường hóa quan hệ giữa người Việt Nam và Mỹ, lúc bấy giờ thì tôi có thể nhắm mắt xuôi tay thật mãn nguyện vào bất cứ lúc nào”.

Phạm Xuân Ấn là một người mơ mộng, nhưng cũng là người cô đơn cho tới cuối đời. Cô đơn ở đây không có nghĩa là ông thiếu tình yêu gia đình, bạn bè hay đất nước, ông luôn ngập tràn những tình yêu ấy. Nỗi cô đơn của ông đến từ việc nhìn thấy được những khả năng có thể của đất nước Việt Nam mà ông yêu vô cùng. Đến lúc nhận ra rằng giấc mơ của một người chẳng có tác động gì, ông muốn rút lui, và nói với tôi rằng ông chỉ muốn trở thành một chàng Tarzan sống trong rừng thẳm, cùng gia đình và lũ thú cưng. “Câu chuyện của tôi là một câu chuyện về nỗi cô đơn”, Ấn nói

với tôi. Tôi là một điệp viên đơn độc, một Anh hùng cô đơn, một người Việt Nam cô đơn”.

Thoạt đầu, tôi không thực sự hiểu điều Ấn nói. Ông nổi tiếng, là một sĩ quan tình báo nhiều công trạng và cuộc đời ông là một huyền thoại. Mãi về sau tôi mới hoàn toàn nắm bắt được thực tế là Ấn đã sống giữa những người Mỹ trong gần hai mươi năm. Thời đó ông biết về người Mỹ nhiều hơn bất cứ người Việt nào trên toàn thế giới. Dù họ là kẻ thù của đất nước ông, Ấn vẫn không thù ghét họ ở khía cạnh con người, ông tin rằng chính phủ Mỹ đã bị định hướng sai trong sự can thiệp của họ và ngay khi sự can thiệp đó chấm dứt, Ấn tin rằng sẽ là rất tự nhiên khi nối lại quan hệ thân thiết với những con người vốn đã rất tốt bụng đối với ông trong thời gian ông ở Mỹ và lúc làm phóng viên cho Time. Tha thứ và hòa giải là ý niệm ngậy thơ của Ấn vào năm 1975. Phải mất một thập kỷ nữa thì đất nước của ông mới thấm thía được điều này.

Vấn đề căn bản là Ấn coi trọng tình bạn hơn ý thức hệ. Trong sâu thẳm lòng mình, ông luôn tận lực vì đất nước và bạn bè. Đó là một sự cân bằng mà rất ít người, nếu có, có thể thành công. Làm sao người khác có thể hiểu được những hiểm nguy mà Ấn tự rước vào cho bản thân và sứ mệnh của ông khi tìm cách cứu anh bạn Robert Sam Anson hoặc gia đình Brandes hay giúp các phóng viên đồng nghiệp tránh khỏi những hiểm nguy không cần thiết? Đối với Phạm Xuân Ẩn, ý nghĩa đích thực của cuộc sống nằm ở hai từ tình bạn và sự tha thứ.

Tôi không bao giờ quên được cái ngày mà Ấn lần đầu tiên thổ lộ với tôi giấc mơ của ông cho đất nước Việt Nam, bằng cách diễn dịch lời của Tổng thống Mỹ Abraham Lincoln về hàn gắn và hòa giải trong diễn văn nhậm chức ngày 4 tháng 3 năm 1865. Ngày ấy, Lincoln đã nói về sự tha thứ từ hai phía giữa những người anh em miền Bắc và miền Nam trong cuộc Nội chiến Mỹ. Ấn trích dẫn không thật chính xác, nhưng gần giống để làm sáng tỏ. “Không ác tâm với bất cứ ai; luôn nhân ái với mọi người; và kiên định trong lẽ phải, khi Chúa cho chúng ta nhận ra lẽ phải, hãy tranh đấu để hoàn thành sứ mạng được giao; hàn gắn vết thương của dân tộc, chăm sóc các chiến sĩ đã dẫn thân vào cuộc chiến, và những người vợ góa, những trẻ

mồ côi - hết sức mình tạo lập và gìn giữ một sự nghiệp công chính, và một nền hòa bình vững bền, cho chúng ta, và cho mọi dân tộc”.

Hơn một lần Ấn đã chia sẻ giấc mơ này với tôi, nhưng ông luôn bảo rằng “đừng viết điều này ra; tôi chỉ nói để ông hiểu rõ tình hình của tôi thôi”. Đây có lẽ là lý do tại sao khi tôi xem lại hàng chục bức ảnh quân sự chụp Ấn và các đồng đội Anh hùng của ông thời hậu 1975, tôi lại có cảm giác như vậy. Tôi nhận ra rằng trong các bức ảnh ấy, ông có vẻ lạc lõng và không thoải mái. Có lẽ điều đó giải thích tại sao tôi chưa bao giờ bắt gặp bất cứ một bức ảnh nào thuộc loại này được treo trong nhà ông ở những nơi mà khách vào thăm có thể thấy được. Thay vào đó, Ấn trưng bày các loại sách và các ấn bản mới của tờ Time.

Và đây là nơi mà sự bí ẩn của Phạm Xuân Ẩn tiếp diễn, ở trên gác, ông vẫn lưu giữ những tấm huân chương và bằng khen. Đây chỉ đơn giản là một sự hiện diện tiếp tục của chiếc mặt nạ mà ông đã đeo quá lâu? Liệu có thể giữ hai con người của ông tách biệt trong suốt cuộc đời ông? Kể từ khi xuất bản cuốn **ĐIỆP VIÊN HOÀN HẢO**, tôi được biết thực ra ông Ấn đã nhận mười sáu huân chương, trong đó có mười bốn tấm quân công. Tôi đã biết một ít trong số huân chương này, chẳng hạn để tưởng thưởng cho những đóng góp của ông vào năm 1963 tại Ấp Bắc để giúp Tướng Giáp đối phó với cách thức mới của Mỹ về chống quân nổi dậy. Thời ấy, Ấn không biết về điều này, nhưng ông thực sự là đã cung cấp cho ông Giáp về phương pháp đối phó với chiến dịch chống quân nổi dậy. Hay như các báo cáo năm 1965 của Ấn về việc Mỹ cam kết tăng quân; hay các báo cáo chi tiết của ông trước Tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968; và bản phân tích năm 1974 của ông về việc Mỹ sẽ không thể nào quay trở lại để giúp đỡ đồng minh đang khốn cùng của họ, Việt Nam Cộng hòa. Các nguồn tin của Ấn từ trong chính quyền và Quân lực Việt Nam Cộng hòa là hoàn hảo. Những báo cáo được mã hóa của Ấn đã dẫn tới cuộc tổng tấn công cuối cùng để thống nhất đất nước, ông Mai Chí Thọ nói với tôi rằng các báo cáo của Ấn tới Trung ương Cục miền Nam là trung tâm của thành công.

Phạm Xuân Ẩn đã nói rất nhiều về việc ông đã sớm cảnh báo các kế hoạch của Mỹ về việc tiến vào Campuchia và cuộc tấn công Nam Lào hồi

tháng 2 năm 1971, mang tên Chiến dịch Lam Sơn 719, một thất bại nặng nề của Quân lực Việt Nam Cộng hòa. “Tôi có tài liệu và tôi là một phóng viên, vì thế tôi biết đặt ra những câu hỏi như thế nào và với ai”, ông Ấn nói. Lam Sơn 719 được chờ đợi mang đến chiến thắng nhanh chóng cho Quân lực Việt Nam Cộng hòa, qua đó chứng minh thành công của kế hoạch Việt Nam hóa chiến tranh trong một chiến dịch trên bộ hoàn toàn do Quân lực Việt Nam Cộng hòa thực hiện với phía Mỹ chỉ yểm trợ bằng không quân.

Các báo cáo và tài liệu do Ấn cung cấp đã giúp xây dựng đối pháp chống các chiến dịch trên và dẫn tới kết quả là thất bại của phía Mỹ và Việt Nam Cộng hòa, trong đó Mỹ tổn thất nhiều máy bay và phi công. Ấn dặn tôi rằng trước khi ông qua đời thì không công bố việc ông đã nhờ những mối quan hệ gần gũi trong Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo (CIO) để có thể biết trước kế hoạch tấn công Nam Lào vào đầu năm 1971. Dựa trên những báo cáo ấy, Trung ương Cục miền Nam đã cử một nhóm tới nghiên cứu điều kiện chiến đấu tại khu vực Nam Lào. Ông Ấn cũng biết việc các chuyên gia quân sự Mỹ ở Việt Nam lên kế hoạch mở chiến dịch vào Lào để cắt đứt Đường mòn Hồ Chí Minh.

“HÃY VIẾT SỰ THẬT!”

K

hà sử học Dương Trung Quốc

Larry Berman là một giáo sư của đại học Mỹ, ông đã có ba cuốn sách viết về Việt Nam, trong đó có cuốn “Không hòa bình, không danh dự: Nixon và Kissinger, và sự phán bội ở Việt Nam”.

Tôi nhắc đến tựa sách này vì cách đây 8 năm (2005), khi bản dịch tiếng Việt được in ở Việt Nam, Hội Hữu nghị Việt-Mỹ đề nghị tôi viết lời giới thiệu. Sách ra mắt, tôi mới được gặp tác giả. Không biết Larry Berman nghĩ sao mà lần này, cuốn sách các bạn đang cầm trên tay, lúc chuẩn bị ra mắt, qua First News tác giả lại yêu cầu tôi viết mấy lời cho cuốn sách.

Đây lại là cuốn sách viết về một nhà tình báo Việt Nam, Tướng Phạm Xuân Ẩn. Viết về vị tướng tình báo huyền thoại này Larry Berman không phải là người đầu tiên. Ít nhất thì cũng có hai nhóm làm sách và cả nhóm làm phim mà Larry Berman đã từng tiếp xúc. Đó là chưa kể đến cuốn truyện của nhà văn Nguyễn Khải viết cách nay đã hai thập kỷ (1983) lấy Phạm Xuân Ẩn làm nguyên mẫu cho một nhân vật văn học của mình. Nhưng Larry Berman là người nước ngoài, người Mỹ đầu tiên viết về Phạm Xuân Ẩn, lại dưới dạng một tiểu sử với sự cho phép của nhân vật.

Chắc chắn, một người Mỹ viết về Phạm Xuân Ẩn sẽ có lợi thế mà các tác giả Việt Nam khó có được. Không phải chỉ là vấn đề tư liệu. Giáo sư Larry Berman có thể khai thác các kho lưu trữ ở Mỹ, tiếp cận các nhân chứng người Mỹ, các cựu tướng lĩnh, chính khách Việt Nam Cộng hòa nay đang định cư ở Mỹ... là những nhân tố tạo nên môi trường sống và hoạt động của Phạm Xuân Ẩn với tư cách là một phóng viên của Tạp chí Time và một nhà tình báo luồn sâu vào nội bộ đối phương để chống lại cuộc chiến tranh mà nước Mỹ tiến hành trên đất nước Việt Nam ở thập kỷ 60, 70 thế kỷ trước.

Nhưng, cái lợi thế ấy không mấy quan trọng bằng cách suy nghĩ của một công dân, một nhà sử học Mỹ về một nhà tình báo đứng ở chiến tuyến bên kia của một cuộc chiến khốc liệt. Nói cách khác, chỉ một tác giả người Mỹ như Larry Berman mới lý giải được vì sao Phạm Xuân Ẩn không chỉ được những người đồng bào, đồng chí Việt Nam của mình khâm phục, vinh

đanh như một người anh hùng mà nhiều người Mỹ đã từng quen biết vẫn giữ được sự kính trọng và chia sẻ những việc Phạm Xuân Ẩn đã hành xử với tư cách một người Việt Nam yêu nước.

Lời mở sách cho bản dịch tiếng Việt lần này của một cựu quan chức cao cấp của Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và những đồng đội trong ngành tình báo của Phạm Xuân Ẩn ở những hàm cấp khác nhau cũng như những lời bình luận của nhiều tên tuổi là những nhà báo nổi tiếng (David Halberstam, Stanley Karnow...) hay chính khách Việt Nam Cộng hòa có mặt xuyên suốt trong cuộc chiến tranh (Đại sứ Bùi Diễm) và nhiều nhân chứng khác... cho thấy tầm vóc và sức hấp dẫn của Phạm Xuân Ẩn cả trong cuộc đời lẫn trên trang giấy, chung đúc trong cái tên sách “Điệp viên hoàn hảo”.

Nhưng dường như với lịch sử thì khó có cái gì có thể “hoàn hảo”, trọn vẹn nếu chưa đủ độ “ngẫu” của thời gian. Thời gian tựa như thứ thuốc hiện hình làm quá khứ ngày càng sáng rõ... mà nhân vật của cuốn sách cũng là người anh hùng trong cuộc đời - Phạm Xuân Ẩn - mới qua đời chưa được bao lâu. Mà cứ theo quan niệm “cái quan định luận” của người Phương Đông (tức là đến khi đầy nắp ván thiên rồi mới có thể luận bàn được người nằm trong quan tài) thì câu chuyện về Phạm Xuân Ẩn với tư cách là một nhân vật của lịch sử dường như chỉ mới bắt đầu (?!). Vì thế mà cuốn sách này vẫn có nhiều chuyện còn để lửng cho các thế hệ sau tìm hiểu. Đây chính là sức sống của lịch sử, hay nói cách khác là cái lý do để người viết sử và nghề sử học còn đất sống...

Nhưng điều có thể chắc chắn khẳng định ngay từ bây giờ, Larry Berman và cuốn sách lần này được dịch một cách trọn vẹn ra tiếng Việt sẽ là một công trình không chỉ đầy đủ và đáng tin cậy nhất vì tính chân thực của cả nhân vật và người viết về nhân vật ấy. Cũng cần phải nói thêm rằng, lần ra mắt bản tiếng Việt này không chỉ khắc phục khiếm khuyết của lần xuất bản trước đã không công bố nguyên vẹn toàn bộ tác phẩm thì lần này đã được bổ sung đầy đủ. Lại còn có thêm 20 trang được Larry Berman lấy đầu đề “... 6 năm sau - X6, những câu chuyện tiếp nối”. Đó là những chi

tiết được nhân vật và tác giả thỏa thuận chỉ công bố sau thời điểm Phạm Xuân Ẩn đã qua đời.

Do vậy mà trong cuốn sách này vẫn còn nhiều điều chính nhân vật anh hùng của chúng ta vẫn cảm thấy “chưa hoàn hảo”. Đoạn Larry Berman nhắc đến bức thư tố cáo của một đồng nghiệp của Phạm Xuân Ẩn ở Tạp chí Time cho rằng nhà tình báo cộng sản đã phản bội các đồng nghiệp của mình và phải chịu trách nhiệm về cái chết của nhiều người khác đứng ở bên kia chiến tuyến chính trị. Cho dù cách lý giải của tác giả cũng như quan điểm một số đồng nghiệp người Mỹ đã chia sẻ với Phạm Xuân Ẩn chấp nhận bốn phần của một người Việt Nam yêu nước phải thực hiện nghĩa vụ thiêng liêng của mình, thì ngay chính Phạm Xuân Ẩn cho đến những ngày cuối đời vẫn còn nghĩ tới một nữ đồng nghiệp (Beverly Deepe) vẫn chưa chấp nhận sự chính đáng của mọi luận giải bên vực mình. Hay nội dung cuộc gặp lại William Colby, người từng đứng đầu cơ quan CIA của Mỹ nhiều năm sau khi chiến tranh đã kết thúc vẫn được nhà tình báo Việt Nam mang theo xuống “tuyền đài” không chia sẻ với ngay cả Larry Berman...

Điều đó khiến câu nói của nhân vật với tác giả cuốn sách như một lời thắc mắc “Giáo sư thấy đó... hình như người ta vẫn chưa rõ tôi là người như thế nào?” lại trở thành lời thắc mắc của chính người viết tiểu sử về nhân vật của mình cũng như người đọc.

Rồi trong những tâm sự mà Phạm Xuân Ẩn biết rằng sẽ là những lời cuối đời dành cho người viết tiểu sử của mình, ông vẫn ngổn ngang chưa thể lý giải được những gì đã phải chịu đựng ngay khi đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được phong tặng danh hiệu Anh hùng với vô số huân chương đầy vinh dự ghi nhận từng chiến công cũng như toàn bộ cống hiến của mình cho Cách mạng, ông nói nhiều đến sự “cô đơn” ngay giữa những đồng đội, đồng chí của mình mà ông cho rằng chính họ vẫn chưa thực sự muốn hiểu mình là ai? Phạm Xuân Ẩn còn nhắc đến sự chối từ một nguyện vọng rất tha thiết của ông là được có mặt trong lễ tốt nghiệp đại học của người con trai, mặc dù đã được nhà nước Việt Nam tạo điều kiện cho sang học tại nước Mỹ, nơi ông đã từng sống, hoạt động và lập những chiến công hiển hách.

Ông cũng đã bộc bạch với người viết tiểu sử mình những hoàn cảnh buộc ông phải từ chối những tiếp xúc ngay với những người thân, đồng đội của mình sau ngày chiến thắng, để rồi chỉ còn biết khép kín giao tiếp của mình bằng việc nghe đài nước ngoài như một thói quen nghề nghiệp... Cái nghịch lý khác nghiệt ấy được viết ra để những nhà lãnh đạo phải suy nghĩ về những đồng chí của mình... Nhưng phải chăng đó cũng là một phần của cái vinh quang tột đỉnh gắn với những chiến công trong chiến tranh của “Điệp viên hoàn hảo” tựa như “mặt trái của tấm huân chương” hiểu theo nghĩa một sự hy sinh cũng không kém phần “hoàn hảo”.

Trong lịch sử, ở những mức độ khác nhau, người ta có thể thấy Phạm Xuân Ẩn chỉ là một trong nhiều chiến sĩ cách mạng đã lựa chọn con đường giống như ông. Phải chăng đó cũng là một phần bi kịch của cuộc chiến tranh mà “Điệp viên hoàn hảo” đã tham gia?

Thế nhưng, ở những trang sách khác, ta lại được thấy tấm ảnh Phạm Xuân Ẩn chụp cùng ông Tổng lãnh sự Mỹ khi lên boong chiếc tàu chiến đầu tiên của Mỹ cập bến cảng Thành phố Hồ Chí Minh trong một chuyến thăm hữu nghị chính thức Việt Nam vào tháng 9-2003, để ông có dịp thổ lộ “giờ thì tôi có thể thanh thản ra đi được rồi”.

Thêm nữa là tấm ảnh con trai của Phạm Xuân Ẩn với tư cách là phiên dịch của Bộ Ngoại giao Việt Nam đứng cạnh Tổng thống Bush được in trong sách đã nói lên được niềm mong ước lớn nhất vì nó mà “Điệp viên hoàn hảo” của chúng ta đã tận hiến cuộc đời của mình trong sứ mệnh một nhà tình báo chiến lược, đã trở thành hiện thực. Xin nhắc lại điều Phạm Xuân Ẩn đã nói với Larry Berman trong lần gặp cuối cùng: “Ước nguyện của tôi là như thế này: Chiến đấu cho tới lúc đất nước giành được độc lập rồi sau đó tái lập quan hệ ngoại giao và bình thường hóa quan hệ với Mỹ, lúc bấy giờ thì tôi đã có thể nhắm mắt xuôi tay thật mãn nguyện vào bất cứ lúc nào”. Như thế, với ông phần “chưa hoàn hảo” vẫn chỉ là một bi kịch - lạc quan mà thôi. Như trên đã nói, đó chính là một phần của sự nghiệp một nhà tình báo chiến lược, luôn tỷ lệ thuận với những vinh quang đã đạt tới.

Rất tiếc, khi Phạm Xuân Ẩn còn sống, tôi đã không có may mắn được gặp “Điệp viên hoàn hảo” lừng danh để kể cho ông nghe hai câu chuyện mà

tôi được tham dự: Năm 1995, ngay sau khi Tổng thống Bill Clinton tuyên bố bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam, thì một trong những sứ giả sớm nhất từ Mỹ qua Việt Nam là những cựu tình báo OSS (tiền thân của CIA). Họ đã có mặt tại Hà Nội vào tháng 9 năm 1995 để gặp lại những đồng minh cũ là các chiến sĩ Việt Minh và kỷ niệm nửa thế kỷ thành lập Hội thân hữu Việt-Mỹ ra đời ngay sau khi nước Việt Nam Độc lập. Những cựu tình báo OSS này đã nhảy dù xuống Việt Bắc (7-1945) để cùng đứng trong Đại đội Việt-Mỹ xuất quân từ gốc đa Tân Trào (14-8-1945) đi đánh phát xít Nhật lúc đó đang chiếm đóng Đông Dương, khởi động cho cuộc Cách mạng tháng Tám... Họ còn được gặp lại Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã từng là Tư lệnh của Đại đội Việt-Mỹ (Đại đội trưởng là Đàm Quang Trung và Thiếu tá A. Thomas là cố vấn)

Đáp lại, vào tháng 7 năm 1997, các cựu chiến sĩ Việt Minh lại có mặt ở New York để gặp lại các đồng minh Mỹ của mình với sự chứng kiến của các nhà sử học quốc tế. Kết thúc cuộc gặp gỡ Việt-Mỹ, tại “Nhà Châu Á” (Asia House) một cuộc “giao lưu” được tổ chức mà cử tọa tham dự ngoài các nhân chứng lịch sử, quan chức ngoại giao và giới sử học còn có nhiều khán giả là hội viên hoặc những người mua vé đến dự mà chiếm số lượng đông nhất lại là các quan chức và nhân viên CIA đương nhiệm. Họ nói rằng đến đây dự để hiểu vì sao Hồ Chí Minh lại thiết lập được quan hệ đồng minh với Mỹ mà trước tiên là với cơ quan tình báo chiến lược của Mỹ trong Đại chiến II. Và có một sự thật mà chính các bạn Mỹ cho là hiển nhiên, đó là việc sau này khi lịch sử và thời cuộc lại đặt Mỹ và Việt Nam của Hồ Chí Minh ở hai chiến tuyến đối lập nhau trong một cuộc chiến tranh kéo dài và khốc liệt thì dường như tất cả những thành viên OSS này đều không thù địch với Hồ Chí Minh và có người còn quyết liệt chống lại cuộc Chiến tranh của Mỹ tiến hành ở Việt Nam.

Câu chuyện thứ hai, là lần Thủ tướng Phan Văn Khải dừng chân tại thành phố Boston trước khi kết thúc chuyến thăm Mỹ vào tháng 6 năm 2005. Trong buổi dạ tiệc, Cựu Thượng nghị sĩ Mc Govern, người đã thất bại trong cuộc tranh cử tổng thống với R. Nixon năm 1972 đã tuyên bố trước cử tọa rằng: Sự kiện ngày hôm nay cho thấy các cử tri của Bang

Massachusetts mà hơn 30 năm trước đã thất bại trong cuộc tranh cử với cương lĩnh chống lại chiến tranh Việt Nam thì giờ đây có thể tự hào nhận ra rằng chúng ta đã sáng suốt. Cuộc chiến tranh của Nixon đã thất bại và quan hệ giữa hai quốc gia chúng ta đã được xác lập. Vị cựu thượng nghị sĩ đã ngoài tám mươi tuổi còn cho biết, sở dĩ ông đưa ra quan điểm chống chiến tranh là vì trong thời kỳ Chiến tranh Thế giới, ông là phi công ném bom của Mỹ tấn công các căn cứ của phát xít Nhật ở Đông Nam Á đã được cấp trên phổ biến rằng nếu máy bay gặp nạn sẽ có Việt Minh của Hồ Chí Minh cứu giúp. Cũng trong buổi đó, người tổ chức dạ tiệc, một doanh nhân lớn của Boston đã đưa cho mọi người xem một bằng chứng lịch sử. Đó là phiên bản một bức tranh liên hoàn do Hồ Chí Minh vẽ để hướng dẫn đồng bào mình cứu phi công Mỹ khi gặp nạn ở Việt Nam. Ngoài những hình vẽ và hai lá cờ của Việt Minh và Mỹ còn có câu thơ: “Bộ đội Mỹ là bạn ta - Cứu phi công Mỹ mới là Việt Minh”. Bản gốc hiện vật này là của Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, còn phiên bản là do tôi sưu tập tặng ông doanh nhân trong một chuyến sang Việt Nam mở doanh nghiệp.

Dường như trong sâu thẳm lịch sử, trước cuộc chiến tranh đã từng có những thế hệ xây đắp nền tảng cho sự thân thiện giữa hai dân tộc và phải chăng Phạm Xuân Ẩn trong khi thực hiện nhiệm vụ của một nhà tình báo chiến lược đã chạm được vào nền tảng ấy?

Cuốn sách của Larry Berman cùng nhằm làm sáng tỏ không chỉ con người của Phạm Xuân Ẩn mà cả một chương sử không dễ nhận thức vì sự khốc liệt bi tráng của nó. Và trong một chừng mực nào đó, qua cây bút của một nhà sử học Mỹ, cuốn sách viết về một nhà tình báo Việt Nam sẽ giúp làm bè bạn trên thế giới, nhất là những người Mỹ hiểu hơn về đất nước và con người Việt Nam qua một cuộc chiến tranh kết thúc cách nay đã bốn thập kỷ.

Chiến tranh luôn là đau thương và bi kịch. Và thường là vẫn để lại hậu quả nhiều mặt trong những năm tiếp theo đó, thời gian đó ngắn hay dài không phải là do người dân. Vâng, đã bốn thập kỷ sắp trôi qua...

Câu chuyện của Phạm Xuân Ẩn rất đặc biệt và dù gặp nhiều chuyện “bi” và trắc ẩn, dường như lại toát lên một ánh lạc quan thâm lặng từ một

người anh hùng đã mất và một hướng đi cho những người ở lại từ câu chuyện vượt qua thử thách của chiến tranh và cuộc sống khác nghiệt bằng chính bản lĩnh và những phẩm chất nhân văn của mình. Cuốn sách của Larry Berman đã làm được điều đó để câu chuyện về Phạm Xuân Ẩn trở thành “một bi kịch lạc quan” và nhiều suy ngẫm, trước hết đối với người Mỹ và sau đó là sự khác ghi, nhìn nhận lại với những người đồng chí, đồng đội của Phạm Xuân Ẩn, và, sau đó, với nhân dân Việt Nam!

Điều cuối cùng tôi muốn nói là bài học quan trọng nhất của lịch sử rút ra từ chiến tranh và lòng hận thù phải là hạt giống cho hòa bình, sự công bằng, phát triển và thân thiện nảy mầm. Quá khứ là điều không thể thay đổi, nhưng tương lai là điều có thể kiến tạo. Vì vậy, hãy dám nhìn lại quá khứ thật trung thực như vốn những gì đã diễn ra, để có sức mạnh tạo nên sự thay đổi cho hiện tại và tương lai Việt Nam. Vì thế, thêm một lần nữa cảm ơn Larry Berman - với tư chất của một nhà sử học, và với tâm của một con người - ông đã làm được nhiều việc ý nghĩa, cho một người bạn đã không còn nữa, và cho nhân dân hai dân tộc đã từng có nhiều xung đột trong chiến tranh, qua cuốn sách khá đầy đủ viết về một con người có nhiều bí ẩn và sức hút mang tên: Phạm Xuân Ẩn.

Hà Nội, 2013

Dương Trung Quốc

Chương mở đầu: “TÔI ĐÃ CÓ THỂ THANH THẢN NHẢM MẮT”

T

ôi gặp Phạm Xuân Ẩn lần đầu tiên vào tháng 7 năm 2001 tại nhà hàng hải sản Song Ngư, nằm trên con phố Sương Nguyệt Anh nhộn nhịp của Sài Gòn. Tôi được người bạn là Giáo sư James Reckner, Giám đốc Trung tâm Việt Nam tại Đại học Công nghệ Texas, mời tới dự bữa tối. Khoảng chừng hai mươi thực khách ngồi quanh một chiếc bàn dài và khá hẹp, vì thế tôi chỉ có thể nói chuyện với người bên phải hoặc người bên trái hoặc vị khách đối diện. Tôi không nói được tiếng Việt, còn hai vị học giả ngồi hai bên tôi cũng chẳng biết tiếng Anh. Chiếc ghế trống duy nhất của bàn tiệc nằm ở phía đối diện tôi.

Khi bắt đầu cảm thấy bữa tối hôm nay sẽ dài lê thê thì tôi nhận thấy mọi người quanh bàn đều đứng dậy để chào một quý ông gầy gò đang bước vào. Tôi đoán chừng ông ta gần bảy mươi tuổi, trông toát lên vẻ khiêm tốn. Tôi chợt nghe tiếng Jim nói: “Xin chào Tướng Ẩn, rất vui khi ông đến dự với chúng tôi”. Một thoáng sau chúng tôi đã ngồi đối diện nhau. Nghe vị tướng đáp lời Jim bằng tiếng Anh, tôi vội giới thiệu mình là giáo sư Đại học California ở Davis. Đôi mắt Phạm Xuân Ẩn ánh lên. “Ồ, ông đến từ California! Tôi từng sống ở đây và học tại Costa Mesa. Đây là quãng thời gian tuyệt nhất của đời tôi”.

Trong suốt hai giờ sau đó, ông Ẩn và tôi đã trao đổi rất nhiều chuyện, bắt đầu là khoảng thời gian hai năm của ông ở Trường Orange Coast, học chuyên ngành báo chí; rồi thời gian ông đi xuyên qua lòng nước Mỹ; và tất cả những gì ông đã học được từ người Mỹ cũng như lòng ngưỡng mộ của ông đối với người Mỹ. Ẩn kể với tôi rằng ông từng tới Davis trong thời gian tập sự tại báo Sacramento Bee. Ông kể về lòng tốt của chủ bút Eleanor McClatchy, và còn đề cập tới lần được gặp Thống đốc bang California, ngài Edmund G. “Pat” Brown, khi dự buổi họp báo dành cho biên tập viên các báo của trường đại học ở Sacramento.

Trông Ẩn ngồi lên vẻ tự hào khi kể rằng người con trai lớn của ông, Phạm Xuân Hoàng Ân, gọi theo tiếng Anh là Ân Phạm, cũng từng học báo chí tại Đại học North Carolina ở Chapel Hill và mới đây đã tốt nghiệp Trường Luật Đại học Duke.

Ăn hỏi về công việc nghiên cứu hiện tại của tôi trong khi chỉ ăn chiếu lệ và hút thuốc lá liên tục suốt bữa tối. Lúc bấy giờ, tôi đang viết một cuốn sách về Hòa đàm Paris giữa Henry Kissinger và đối thủ Cộng sản Bắc Việt của ông ta, Lê Đức Thọ, dưới thời Tổng thống Nixon. Ông Ấn liền đưa ra những phân tích chi tiết và sâu sắc về quá trình đàm phán, qua đó cung cấp cho tôi những thông tin và cách nhìn mới mẻ. Giữa lúc ông nói, tôi chợt nhớ mình từng đọc đâu đó câu chuyện về một ký giả khả kính của tờ Time hóa ra lại làm điệp viên cho Bắc Việt và ngờ ngợ rằng người đang ngồi đối diện mình trong bữa tối chính là nhân vật kia(1).

Buổi tối hôm ấy, Ấn không nói một lời nào về công việc tình báo của mình mà chỉ nói rất chi tiết về vai trò là một phóng viên cho hãng Reuters và tạp chí Time, ông hào hứng nói về nghề nghiệp của mình và lòng mến phục dành cho rất nhiều người bạn trong làng báo Mỹ, đề cập đến rất nhiều ký giả tên tuổi thời bấy giờ, trong đó có Robert Shaplen, Stanley Karnow, Frances Fitz Gerald, Robert Sam Anson, Frank McCulloch, David Halberstam, Henry Kamm và Neil Sheehan. Ông bảo rằng bạn bè của ông không chỉ có trong làng báo, mà bao gồm cả những người của CIA như Lou Conein, Đại tá Edward Lansdale và cựu giám đốc CIA William Colby, người từng giữ chức Chỉ huy trưởng chi nhánh CIA ở Sài Gòn. Ông còn đề cập tới nhiều chính trị gia và tướng lĩnh của chính quyền Nam Việt Nam, như Tướng Trần Văn Đôn, Đại sứ Bùi Diễm, Tướng Dương Văn Minh, thường được gọi là “Minh Cờ”, là vị tổng thống cuối cùng của Việt Nam Cộng hòa, và cựu Thủ tướng đồng thời là Phó tổng thống Nguyễn Cao Kỳ, người thường xuyên nhờ ông Ấn tư vấn về gà chọi và huấn luyện chó.

Người bạn trong bữa tối của tôi dường như biết bất kỳ ai ở bất cứ cương vị nào trong suốt cuộc chiến. Khi chia tay vào tối hôm đó, ông Ấn đưa tôi tấm danh thiếp, ở một góc có hình chú chó béc giê Đức và góc kia có hình con gà chọi, rồi bảo tôi gọi điện lại vào ngày hôm sau để tiếp tục nói chuyện về Hòa đàm Paris. Sau bữa tối, tôi được một người bạn là Lê Khanh, đang làm việc cho Trung tâm Việt Nam tại Đại học Công nghệ Texas và đã cùng gia đình trốn chạy khi Cộng sản chiếm Sài Gòn vào tháng 4 năm 1975, chỉ vài ngày sau khi vợ con ông Ấn rời Sài Gòn để di tản tới

Mỹ, cho biết rằng tôi vừa trải qua ba tiếng đồng hồ nói chuyện với Thiếu tướng Phạm Xuân Ẩn của Quân đội Nhân dân Việt Nam, chủ nhân của bốn Huân chương Quân công và sáu Huân chương Chiến sĩ vẻ vang cùng với danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Tôi tò mò muốn biết liệu Lê Khanh có còn cảm giác thù hận đối với con người không chỉ là kẻ thù của ông ta, mà bằng cách sống một cuộc đời giá dối đã dường như phản bội lại rất nhiều người Việt ở miền Nam. Khanh bảo rằng ông không biết ông Ẩn hồi chiến tranh, ông Khanh cũng từng không biết điều gì sẽ đến khi một vài năm về trước, có người bạn của hai người mời đi uống cà phê với ông Ẩn. Thế rồi Khanh đã nhận ra rằng ông Ẩn là con người khiêm nhường và thâm trầm, một người không bao giờ bộc lộ cái mà ông ta gọi là “sự kiêu ngạo của kẻ thắng trận”. Khanh đã sử dụng những từ “thân thiện và cởi mở” và muốn tôi biết rằng ông Ẩn sống “một cuộc đời giản dị”.

Cả hai người đàn ông này đều chịu đựng mất mát trong cuộc chiến. Khanh mất nước vào ngày 30 tháng 4 năm 1975; Ẩn mất người em trai của mình, Phạm Xuân Hòa, trong vụ rơi trực thăng vào năm 1964. Hòa là kỹ sư máy trong không lực miền Nam. Ẩn cũng đã đánh mất giấc mơ về một đất nước Việt Nam thống nhất theo cái cách mà ông mong muốn. Trớ trêu thay, chính Khanh lại là người có thể tự do đi lại khá thường xuyên giữa nhà mình ở Lubbock, Texas, và Thành phố Hồ Chí Minh trong các cuộc viếng thăm bà con họ hàng. Tướng Phạm Xuân Ẩn, Anh hùng của cuộc Cách mạng, lại chưa bao giờ được phép rời khỏi Việt Nam để thăm rất nhiều bạn bè và người thân tại Mỹ. Cả hai người đều hiểu rõ những mất mát của nhau; và tình bạn giữa họ là minh chứng cho sự hòa giải giữa những người Việt ở hai bờ chiến tuyến.

Khi tôi gọi Ẩn vào buổi sáng hôm sau, ông lập tức đề nghị gặp nhau tại Givral. Thời chiến, tiệm cà phê Givral, nằm đối diện với khách sạn Continental và cách không xa tòa nhà Quốc hội, là nơi tụ họp của giới ký giả, thông tin viên, cảnh sát, và quan chức chính phủ - đây là nơi tin đồn phát khởi, được kiểm nghiệm để rồi lan truyền, và là nơi mọi người đến để săn tìm câu chuyện nóng nhất trong ngày. Cổ máy tin đồn này được gọi là

“Đài phát thanh Catinat” theo tên Phố Catinat, nhưng từ sau năm 1954 đã được đổi tên thành đường Tự Do. Sau chiến tranh, đường phố lại được đổi tên thành Đồng Khởi. Xuyên suốt những thay đổi về tên gọi này, Phạm Xuân Ẩn vẫn luôn được mệnh danh là Vị tướng Givral, bởi vì chính nơi đây ông đã có mặt hằng ngày, phân phát thông tin, và hầu như thường xuyên đi cùng King, chú chó béc giê Đức to và trung thành của ông, cùng với chiếc xe hơi Renault 4CV màu xanh lá cây đỗ trước cửa tiệm.

Trong hai năm tiếp theo, cho đến ngày ông Ẩn lâm bệnh, tôi và ông thường gặp nhau tại Givral. Một thông lệ hình thành trong các cuộc gặp. Tôi thường đến trước, chọn một chiếc bàn ngay cửa sổ rồi ngồi xem lại các ghi chú và câu hỏi của mình. Ông Ẩn tới bằng chiếc xe gắn máy cũ màu xanh lá cây và đi thẳng đến bàn, trong khi các nhân viên Givral chào đón ông rất nồng ấm. Những giờ tiếp theo, tôi đặt câu hỏi và ghi chép trong khi ông Ẩn giải thích các sắc thái chính trị và lịch sử Việt Nam. Thỉnh thoảng ông đặt thuốc lá xuống, đón lấy sổ tay của tôi và ghi một cái tên hoặc cụm từ giúp tôi nắm được ý của ông rõ hơn. Khi tôi hỏi ông đã mệt chưa, Ẩn thường đề nghị gọi món ăn trưa và tiếp tục trao đổi. Chỉ sau một thời gian ngắn, tôi đã nhận ra rằng David Greenway, một người bạn và cựu đồng nghiệp của ông Ẩn, có lý khi đánh giá “ông Ẩn đã làm cho tôi thấy rằng dù gặp Việt Nam nhiều nhưng tôi hiểu biết về đất nước này rất ít”.(2)

Vào năm 2003, sau năm thập kỷ hút thuốc, ông Ẩn mắc bệnh phổi nghiêm trọng. Ông Ẩn cực kỳ mê tín và ông đã hút thuốc Lucky Strikes từ năm 1955, khi những cố vấn Mỹ dạy ông cách rít thuốc và nói rằng cái thương hiệu thuốc lá này sẽ mang đến vận may. “Tôi đã hút thuốc suốt năm mươi hai năm. Giờ đã đến lúc tôi phải trả giá. Nhưng vẫn còn lời chán - tôi chỉ mới bị bệnh phổi trong ba năm rưỡi sau chừng ấy thời gian hút thuốc và chưa bao giờ phải ngồi tù”, ông Ẩn thường giải thích như vậy. Như nhiều người Việt Nam, chuyện tướng số và chiêm tinh đóng vai trò lớn trong cuộc đời của ông Ẩn. Sinh ngày 12 tháng 9 năm 1927, thuộc cung xử nữ, cung

thứ sáu trong Hoàng đạo và là cung nữ duy nhất, Ấn tin rằng trong suốt cuộc đời của mình, ông luôn được bảo vệ bởi nữ thần và vì thế ông cảm thấy mình có bốn phận phải bảo vệ phụ nữ.

Tôi tới Sài Gòn vào ngày ông Ấn nhập viện. Tin tức trên báo chí địa phương gợi ý rằng ông chỉ còn sống không bao lâu nữa(3). Tôi gọi Phạm Xuân Hoàng Ấn và được biết tiên lượng rất xấu. Trước khi rời Sài Gòn, tôi viết cho ông Ấn một mẫu thư tay, khẳng định rằng tôi vô cùng mong muốn được gặp lại ông tại tiệm Givral. Tôi đùa rằng thời còn làm điệp viên, ông đã thường xuyên đánh lừa thần chết, cho nên giờ cũng chưa phải là lúc đi gặp Diêm Vương như ông từng bảo đâu. Tôi không chắc liệu ông Ấn có thể đọc được lá thư này hay không.

Vài tháng sau, tôi nhận được tin ông Ấn đã xuất viện và đang hồi phục. Ông cảm ơn về lá thư của tôi, bảo rằng ông đang chờ cuộc gặp lần tới, và dặn tôi mang giùm ba cuốn sách mà ông thích đọc. Tôi nhanh chóng trở lại Sài Gòn, nhưng do vẫn còn yếu, ông Ấn đề nghị chúng tôi gặp nhau tại nhà riêng của ông tại số 214 Lý Chính Thắng, nơi trước đây là dinh cơ của một nhà ngoại giao Anh. Giữa những dãy sách báo quý giá, xung quanh là hàng chục chú chim không ngừng líu lo, hai hay ba con gà trống gáy liên hồi và những chú gà chọi vẫn thường xuyên được huấn luyện, một con chim ó, cá cảnh, hai chú chó nhỏ thay thế cho con chó béc giê Đức to lớn, chúng tôi ngồi uống loại trà Trung Quốc đặc biệt của ông Ấn và trò chuyện hàng giờ liền.

Cuốn sách về Hòa đàm Paris của tôi đã xuất bản. Giờ đây tôi muốn sử dụng câu chuyện của Ấn như cánh cửa sổ mở vào không gian phức tạp của cuộc chiến. Tôi hỏi Ấn sao ông chưa bao giờ viết hồi ký. Nhiều năm trước đó, Stanley Karnow đã khuyến khích Ấn làm vậy, nhưng ông bảo rằng do ông nắm giữ quá nhiều bí mật mà nếu được viết ra có thể làm hại những người còn sống và thân nhân những người đã chết, hoặc ông tin là như vậy. Ông không bao giờ viết về sự nghiệp tình báo của mình, mà luôn khẳng định rằng mình chỉ là một mắt xích nhỏ trong mạng lưới tình báo khổng lồ của Cộng sản. Có vẻ ông Ấn coi mình giống như một nhà phân tích CIA ngồi trong văn phòng ở Langley, đọc tài liệu và viết báo cáo. Khi

tôi hỏi liệu tôi có thể viết về cuộc đời của ông hay không, Ấn đã bảo không. Tuy nhiên, các cuộc trò chuyện của chúng tôi vẫn tiếp tục, và tôi càng đặt nhiều câu hỏi về những việc làm của ông trong ngành tình báo, thì ông càng nói với tôi nhiều thứ hơn. Tôi luôn ghi chú cẩn thận và sau đó bắt đầu ghi âm các cuộc nói chuyện. Ông Ấn vẫn tiếp tục kể.

Sau đó tôi đã rất may mắn. Nhân dịp kỷ niệm ba mươi năm chiến thắng của Việt Nam trong “kháng chiến chống Mỹ”, Phạm Xuân Ấn nổi lên như là một anh hùng tại Việt Nam. Hai cuốn sách chính thức về cuộc đời ông được xuất bản. Cuốn Phạm Xuân Ấn: Tên người như cuộc đời được trao giải nhất thể loại phi hư cấu tại Việt Nam trong năm ấy.(4)

Nhan đề cuốn sách là một kiểu chơi chữ, bởi trong tiếng Việt, Ấn có nghĩa là “ẩn náu”, “che giấu” hay “bí mật”, vì thế tên của ông vận đúng vào cuộc đời của ông!

Ông Ấn đưa cho tôi cuốn sách kèm lời đề tặng hài hước “Cuốn sách nhỏ này cho ông biết về một người cách mạng đầy may mắn của Việt Nam bởi vận may luôn quan trọng hơn kỹ năng”. Cuốn sách kể về chiến công tình báo của Ấn và cung cấp cái nhìn sâu vào tính cách của ông. Rồi tôi trở thành bạn của tác giả cuốn sách, nhà báo Nguyễn Thị Ngọc Hải, người đã tạo điều kiện bằng cách sắp xếp để tôi phỏng vấn các thành viên trong mạng lưới tình báo của ông Ấn. Tuy nhiên, cuốn sách của bà Hải vẫn dựng lên chân dung của một Phạm Xuân Ấn không làm điều gì sai trái. Giống như George Washington, ông không bao giờ nói dối; và tương tự Abraham Lincoln, ông từ chối bình dân vươn lên thành vĩ nhân. Một cuốn sách khác do hai nhà báo viết, có nhan đề Phạm Xuân Ấn: Tướng tình báo chiến lược (5) được dịch ra tiếng Anh và Tây Ban Nha, được nhiều du khách săn tìm tại các quầy sách ở Hà Nội và Sài Gòn. Tôi bắt đầu sử dụng một số chi tiết mới từ hai cuốn sách này để làm cơ sở cho các câu hỏi dành cho ông Ấn.

Thế rồi ông Ấn lại nhập viện, lần này ông phải thở máy suốt năm ngày. Theo truyền thống người Việt Nam, vợ ông, bà Thu Nhàn, đã đem nhiều tài liệu, ghi chép, hình ảnh của ông Ấn và vài thứ khác cho vào một chiếc rương để một khi qua đời, Ấn sẽ được an táng cùng những bí mật của ông. Lúc ông còn nằm viện, phiên bản tiếng Anh cuốn Phạm Xuân Ấn: Tướng

tình báo chiến lược đã được đăng nhiều kỳ trên một tờ báo Việt Nam và được tải lên mạng internet. Kỳ cuối cùng của loạt bài, có nhan đề “Sự vĩ đại”, đã đưa ra đánh giá chính thức của Đảng về vị thế anh hùng của ông Ấn: “Nếu có thể rút ra bài học về cuộc đời của Phạm Xuân Ấn thì bài học đó chính là lòng yêu nước. Lòng yêu nước của người Việt Nam chưa bao giờ là một bí mật, nhưng tất cả những kẻ xâm lược xưa nay đều không tính đến, không đặt thành yếu tố để so sánh lực lượng. Họ không bao giờ rút ra được bài học, cho nên tất cả bọn họ đều thua. Nếu rút ra được bài học thì họ không còn là kẻ đi xâm lược nữa. Phạm Xuân Ấn là một nhà tình báo vĩ đại”.

Một lần nữa ông Ấn lại tránh được cuộc gặp với Diêm Vương. Trở về nhà khi phổi chỉ còn lại 35% công suất, ông trông rất ốm yếu. Tuy nhiên, đầu óc, trí nhớ và khiếu hài hước của Ấn vẫn sắc lẹm như thường, ông đùa với tôi về mái đầu mới húi kiểu lục quân, nói rằng cần phải cắt như vậy bởi ông không thể đưa tay lên cao để chải đầu được, ông cũng thường phàn nàn về việc bà Thu Nhân đã làm rối tung tài liệu lên mà bây giờ ông đã quá yếu để sắp xếp lại.

Tôi hỏi ông cảm thấy thế nào về sự nổi tiếng mới đây của ông. “Giờ thì họ đã biết rằng tôi chưa hề làm gì sai trái và tôi cũng chẳng sống được bao lâu nữa. Tôi đã không phản bội họ. Trong thời gian một năm, họ đã cố gắng thay đổi cách nói chuyện của tôi và, trong thời gian dài hơn thế, cách nghĩ của tôi. Họ có thể làm được gì? Họ không thể đưa tôi ra pháp trường. Họ bảo rằng họ không thích cách nói chuyện của tôi và rằng tôi rất khác biệt. Thậm chí tới ngày hôm nay, họ vẫn chưa biết tôi nắm được bao nhiêu thông tin và tôi biết tới đâu. Tuy nhiên, tôi đã chứng tỏ lòng trung thành đối với họ, nên bây giờ người ta đã có thể hiểu về tôi. Tôi đã dám rời Mỹ để hồi hương, và đây là bài học cho lớp trẻ. Tôi được coi là tấm gương cho nhiều người trẻ về tình yêu nước”.

Bình ôxy luôn ở kế bên, và sau hai giờ trò chuyện, Ấn bảo ông muốn nằm để thở ôxy. Ông mời tôi xem thư phòng của ông. Tôi bắt gặp bản gốc năm 1943 của cuốn Sổ tay Địa lý Đông Dương, do Cơ quan tình báo Hải quân Anh thực hiện, mà ông Ấn đã sử dụng để giúp đỡ nhiều gia đình

(những kẻ thù huynh đệ của ông) chạy trốn vào tháng 4 năm 1975 bằng cách chỉ cho họ các luồng nước êm và các tuyến hải hành.(6) Có một bản tạp chí New York Times số ra ngày 1 tháng 12 năm 1963, sau thời điểm Tổng thống John F. Kennedy bị ám sát, tập trung vào chuyên đề những thách thức đặt ra cho tân Tổng thống Mỹ, ông Lyndon Baines Johnson. Một tấm hình ở góc phải bên dưới chụp cảnh ba người mặc quân phục và một nhà báo Việt Nam thắp tùng vừa hút thuốc vừa ghi chép. Dòng chú thích ghi, “Một trong những hành động đầu tiên của Tổng thống Johnson là tái cam kết chính sách của Mỹ về giúp đỡ cuộc chiến của Nam Việt Nam chống lại du kích Cộng sản. Trong ảnh, một cố vấn quân sự Mỹ và một sĩ quan Nam Việt Nam đang xem xét khẩu súng của (du kích) Việt Cộng vừa thu giữ được”. Phóng viên chiến trường trẻ tuổi David Halberstam đã gửi cho ông Ấn bài báo này, với dòng ghi chú bên dưới, “Liệu Phạm Xuân Ẩn có phải là mối rắc rối lớn?”

Tôi lần đọc những dòng đề tặng trong các cuốn sách của ông Ấn.

“ Gửi Phạm Xuân Ẩn - Người bạn của tôi, người đã cống hiến một cách đầy phẩm hạnh và xuất sắc cho nghề báo và cho sự nghiệp của đất nước ông - lời chào trân trọng nhất”, Neil Sheehan viết.

“Dành tặng bạn Ấn vô cùng thân mến, người đã hiểu rõ rằng các chính phủ đến rồi đi còn tình bạn thì trường tồn. Bạn là một người thầy lớn, một người bạn vĩ đại luôn ở trong trái tim tôi. Với tình yêu và tất cả niềm vui đã lại tìm thấy bạn sau tất cả những năm tháng này”, Laura Palmer.

“Tặng Phạm Xuân Ẩn - Một người bạn thực sự của những ngày đầy bất trắc thời chiến tranh mà chúng ta cùng trải qua. Xin gửi lời chào thân thiết nhất”, Gerald Hickey.

“Gửi Phạm Xuân Ẩn, một nhà yêu nước quả cảm và một người bạn, người thầy vĩ đại, lòng tri ân chân thành”, Nayan Chanda viết.

“Với Phạm Xuân Ẩn, hiện tại sau rất đã bắt kịp quá khứ! Rất nhiều kỷ ức để sẻ chia và gìn giữ - nhưng trên tất cả là một tình bạn lâu bền”, Robert Shaplen.

“Gửi tới Phạm Xuân Ẩn, người anh em thân thiết của tôi, người trong rất nhiều năm đã giúp tôi hiểu về Việt Nam, lời chào ấm áp”, Stanley

Karnow.

Những lời đề tặng trên hai cuốn niên giám trường học năm 1958 và 1959 tại Trường Orange Coast của Ấn cũng thú vị không kém.

“Ấn - tôi rất vui được quen bạn. Tôi biết rằng bạn sẽ trở nên rất quan trọng khi trở về nước - bạn rất am hiểu nghề báo và triết học. Bạn sẽ luôn ở trong tâm trí của tôi”, Lee Meyer.

“Tạm biệt Ấn - thật tuyệt khi được làm quen và cùng học chung với bạn trong năm qua. Chúc bạn đạt được sứ nguyện trong thế giới này - có lẽ chúng ta sẽ còn ngày tái ngộ - khi đã trở thành những phóng viên nổi tiếng”, Rosann Rhodes.

Và tôi quyết định thử thêm một lần cuối cùng nữa. Tôi khẩn khoản thuyết phục rằng ông cần để cho một nhà sử học như tôi viết câu chuyện về cuộc đời ông, chứ không chỉ được viết bởi những nhà báo tại Việt Nam. Tôi đã đi nước cờ quyết định bằng cách nói rằng sẽ là thích hợp nếu để cho một giáo sư sống ở California, tiểu bang mà ông Ấn từng có những kỷ niệm đẹp đẽ, viết về cuộc đời ông với tư cách là một điệp viên chiến lược trong suốt cuộc chiến, về sự nghiệp báo chí của ông, về những năm tháng ông sống ở Mỹ, về tình bạn của ông - câu chuyện về chiến tranh, hàn gắp và về hòa bình. Vốn biết rõ rằng ông sẽ không bao giờ đồng ý tiết lộ những bí mật tình báo mà ông hằng giấu kín, tôi đã không nhấn mạnh khía cạnh này của câu chuyện.

Phạm Xuân Ấn nhìn thẳng vào mắt tôi rồi nói, “OK”, và ông bảo rằng ông rất tôn trọng những cuốn sách trước đây của tôi cũng như hy vọng rằng, thông qua câu chuyện của ông, lớp trẻ người Mỹ có thể hiểu về cuộc chiến, về lòng ái quốc, và sự ngưỡng mộ của ông đối với nhân dân Mỹ. Ông đồng ý hợp tác với chỉ một điều kiện, đó là bảo lưu quyền được nói: “Điều này không phải để viết vào sách bởi nó có thể làm tổn thương con cháu của người đó, nhưng tôi vẫn kể để ông thấy được toàn bộ bức tranh, vậy xin đừng bao giờ kể câu chuyện đó với ai hoặc nhắc đến tên người ấy”. Cho tới ngày cuối cùng chúng tôi ở cạnh nhau, Ấn vẫn rất lo lắng rằng một vài điều ông nói có thể gây ra hậu quả tồi tệ không phải đối với ông, mà đối với người khác. Trong mọi trường hợp, tôi luôn tôn trọng yêu cầu của ông.

Ông cũng bảo rằng ông không muốn đọc bản thảo trước khi sách xuất bản, và dẫn câu thành ngữ Việt Nam “Văn mình, vợ người” để minh họa. Có nghĩa là người ta hay tự coi văn của mình luôn là hay nhất, còn vợ người khác thì luôn tốt đẹp hơn vợ mình. Người ta luôn mưu cầu những thứ mà họ đang thiếu. Ấn cho biết nếu đọc bản thảo của tôi, ông sẽ bắt gặp nhiều chỗ không thích, nhưng khi đã quyết định không tự viết hồi ký, thì ông cũng sẽ không thể ngồi rồi phán xét những điều mà người chấp bút tiêu sử cho mình đúc kết.

Ngay tức thì, tôi thấy mình cần phải chạy đua với thời gian. Ông Ấn đã rất yếu và hay nói về cái chết. “Tôi sống thế này là quá dài rồi” là câu cửa miệng của ông, thường đi kèm một nét cười trên gương mặt. Bây giờ, sau khi đã có sự ủy thác chính thức, tôi quyết định tới thăm thường xuyên hơn, bởi biết rằng ông có thể ra đi bất cứ lúc nào. Tôi cho rằng do biết được ngày sau cuối đang tới gần mà Ấn càng trở nên cởi mở hơn, ông cung cấp cho tôi các tài liệu thời chiến, hàng chục tấm ảnh và thư tín cá nhân, cho tôi tiếp cận các thành viên trong mạng lưới của ông, rồi bạn bè của ông, và, quan trọng nhất, ông đã cho tôi xem tận đáy chiếc tủ tài liệu của gia đình - một chiếc tủ sắt cũ và rỉ sét lưu giữ hàng chục tài liệu ẩm mốc.

Cuối năm 2005, Phạm Xuân Ấn có hai quyết định nhằm chứng tỏ tư cách của tôi là người viết hồi ký chính thức cho ông. Lúc ấy, Đài truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu sản xuất bộ phim tài liệu mười tập về cuộc đời ông. Viết kịch bản cho bộ phim là nhà báo Nguyễn Thị Ngọc Hải, tác giả cuốn hồi ký đoạt giải. Tôi được phỏng vấn cho chương trình đó, và ông Ấn đã yêu cầu đoàn làm phim ghi hình kéo dài một giờ buổi làm việc giữa tôi với một người Việt Nam viết hồi ký cho ông, Hoàng Hải Vân, nhà báo đã viết Phạm Xuân Ấn: Tướng tình báo chiến lược. Để dàn cảnh, nhà làm phim sắp xếp để tôi đi xe hơi từ khách sạn tới nhà ông Ấn, và việc ghi hình bắt đầu khi ông Ấn đón tôi ở cổng trước.

Tối hôm đó, tôi đi ăn với đoàn làm phim. Hải Vân và tôi trao đổi các câu chuyện về ông Ấn, dù thế tôi e rằng cả hai đều không để lộ hết các lá bài. Tôi đã có nhiều cuộc trò chuyện với bà Lê Phong Lan, đạo diễn của loạt phim, người rất tò mò về quãng thời gian ông Ấn sống ở Mỹ. về sau tôi

đã hỏi Ấn tại sao ông lại yêu cầu để tôi xuất hiện trong bộ phim. Ông khẽ đưa mắt nhìn tôi đầy chế giễu với ngụ ý là làm sao mà tôi không hiểu được chứ! Ông biết rằng tôi đã tới các kho lưu trữ để tìm những tài liệu mới về cuộc đời của ông; ông cũng biết chuyện tôi đã phỏng vấn hàng chục cựu đồng nghiệp và bạn bè của ông. Tôi đã tạo dựng được một sự hiểu biết độc lập về ông vượt ra ngoài khuôn khổ những sự cho phép ở đất nước của ông. Đây là tất cả những điều mà ông muốn ở giai đoạn sau cuối của cuộc đời.

Quyết định thứ hai có tính riêng tư hơn, góp phần quan trọng vào cuốn sách của tôi. Ông Ấn hỏi mượn chiếc máy ghi âm nhỏ của tôi để thu lời từ biệt của ông gửi tới một số người bạn cũ tại Mỹ. Ông đã quá yếu, không thể cầm bút hoặc gõ bàn phím được, nên muốn dùng cách này để nói lời cảm ơn và từ biệt, ông cũng nhờ tôi chép lại ba thông điệp dài này (mà về sau đã trở thành những sử liệu bằng lời có thể kiểm chứng được) và bảo rằng tôi có thể sử dụng bất cứ điều gì ông nói để làm nền tảng cho cuốn sách, ngoại trừ điều mà ông đã dặn trong một buổi làm việc, đó là có những đoạn chỉ để tham khảo. Nhưng nếu người trong cuộc cho phép, thì tôi có thể sử dụng những tư liệu đó. Ông Ấn cũng nhờ tôi chuyển trả các thư tín cá nhân do gia đình người Mỹ đầu tiên gửi cho ông thuở thập niên 1950, trong đó cho thấy sự hào phóng và thiện chí của người dân Mỹ. Ấn và gia đình Brandes đã cho phép tôi sử dụng các lá thư này vào trong cuốn sách.

TƯƠNG TỰ NHIỀU NGƯỜI TRẺ TUỔI tham gia phong trào cách mạng Việt Minh đánh đuổi thực dân Pháp, Phạm Xuân Ấn có tầm nhìn hướng tới độc lập dân tộc và công bằng xã hội. Ông chiến đấu vì tự do và chống lại đói nghèo; ông làm gián điệp không phải để kiếm tiền hay danh vọng cho cá nhân, mà tất cả đều vì người dân xứ sở của mình. Ông không hề muốn trở thành điệp viên. Đó là bốn phạm quốc gia của ông, và mặc dù ông nhận lãnh sứ mệnh này một cách nghiêm túc, thì công việc này ít mang lại cho ông niềm vui thú. Những giấc mơ cách mạng của ông rốt cuộc có vẻ ngây thơ và đầy lý tưởng, nhưng tôi tin rằng động lực cho cuộc sống của ông chính là những mục tiêu cao cả nhất của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam.

Đảng Cộng sản chiêu mộ Ấn và biến ông thành điệp viên mang bí số X6, một mắt xích đơn tuyến trong lưới tình báo H.63 tại Củ Chi, được biết

tới là “Tổ điệp báo anh hùng của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam”. Đảng hướng Ân vào nghề báo để tạo vỏ bọc, quyền tiền để ông đi Mỹ, và khéo léo tạo ra một lý lịch giả để bảo vệ vỏ bọc của ông. Hồ sơ đảng ghi tên ông là Trần Văn Trung để bảo vệ bí mật. Ân bảo với tôi rằng đây là định mệnh của ông và con người ta không thể chống lại định mệnh ấy. Thời trẻ, ông đã đọc Voltaire. “Chớ để tâm tới đòn đau và khoái lạc”, ông nói. “Lúc bấy giờ tôi mới mười bảy, mười tám tuổi. Tôi làm theo tất cả những gì mà họ hướng dẫn”.

Phạm Xuân Ân trở thành điệp viên trong bối cảnh các lãnh đạo Đảng Cộng sản nhận thấy rằng người Mỹ đang trong quá trình thay thế thực dân Pháp ở Việt Nam. Một lần nữa người Việt Nam không được phép tự định đoạt tương lai của mình. Không để Việt Nam rơi vào tay “Cộng sản” được coi là vấn đề then chốt đối với lợi ích an ninh nước Mỹ. Đây là chiến tranh lạnh, sự cấm vận, học thuyết domino, chứ chẳng liên quan gì tới lợi ích người Việt Nam cả. Điều đó sẽ dẫn đến chết chóc và hủy diệt.

Sứ mệnh của ông Ân trong vai trò một điệp viên là cung cấp các báo cáo tình báo chiến lược về kế hoạch chiến tranh của Mỹ và sau đó gửi vào “rừng” cho ban chỉ huy. Là một nhà phân tích tình báo, ông lấy hình mẫu cho mình là điệp viên CIA Sherman Kent, tác giả cuốn Tình báo chiến lược phục vụ chính sách toàn cầu của Mỹ, tài liệu được coi là kinh điển của tình báo chiến lược.(7) Ông Ân nghiên cứu về Kent và học được những bài học tình báo đầu tiên từ đại tá huyền thoại Edward Lansdale cùng các cộng sự bí mật của ông này, những người đến Việt Nam vào năm 1954. Trên cơ sở những đầu mối sơ khởi ấy, ông Ân đã lập nên một danh sách nguồn tin có thể nói là tốt nhất và phong phú nhất tại Sài Gòn, và nhờ đó đã cung cấp cho Hà Nội thứ mà họ cần nhất - những đánh giá toàn diện về chiến thuật và các kế hoạch chiến sự của Mỹ. Vào giai đoạn người Mỹ mới xây dựng lực lượng ở Việt Nam, ông Ân được coi là điệp viên giá trị nhất trong tất cả những người được cài vào miền Nam bởi ông đã tạo được một vỏ bọc gần như không thể xuyên thủng. Các báo cáo của ông chính xác đến mức Tướng Giáp đã nói đùa, “Giờ thì chúng ta đã có mặt trong phòng tác chiến của Mỹ”.(8)

Phạm Xuân Ẩn là người đã giúp cho các nhà báo Mỹ tại Việt Nam hiểu được sự phức tạp của chính trị Việt Nam, và ông cũng được các chính trị gia, tư lệnh quân đội và quan chức tình báo người Việt - ở hai phía chiến tuyến - đánh giá cao bởi ông có thể phân tích về Mỹ cho người Việt Nam. Trong giai đoạn 1965 - 1975, tên của ông luôn được Bộ chỉ huy Viện trợ quân sự của Mỹ tại Việt Nam (MACV) cho vào danh sách phóng viên đưa tin trực tiếp, ông không bao giờ phải ăn cắp tài liệu tối mật bởi ông luôn được các nguồn tin của mình cung cấp tài liệu mật để phân tích cho họ bối cảnh toàn diện của các vấn đề chính trị và quân sự.

Có lẽ nguồn tin mang tính tổ chức tốt nhất đối với ông trong những tháng năm làm tình báo là đến từ Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo (CIO) của chính quyền Nam Việt Nam, hoạt động theo hình mẫu CIA của Mỹ. Ông Ẩn là cố vấn thành lập CIO và luôn duy trì mối quan hệ gần gũi với những người bạn của mình ương tổ chức này. “Họ coi tôi là đồng nghiệp và là một người bạn, khi cần thứ gì thì tôi đề nghị họ cung cấp”, Ẩn kể. Có vẻ như không tình báo viên chống Cộng người Việt nào có thể nhìn xuyên được vỏ bọc của Ẩn. Ông đã qua mặt tất cả, cả người Mỹ lẫn Việt Nam. “Chúng tôi thường cùng ăn trưa ở Brodard. Tôi chẳng bao giờ nghi ngờ điều gì cả”, Bùi Diễm, cựu Đại sứ Việt Nam Cộng hòa tại Mỹ, nhớ lại.

Thật trớ trêu, sau khi chiến tranh kết thúc và Việt Nam không còn chia cắt nữa, có một vài người trong cơ quan công an Việt Nam lại cho rằng quan hệ giữa Ẩn với người Mỹ và tình báo Nam Việt Nam vẫn còn quá gần gũi. Có lẽ cho rằng người anh hùng của họ đã tồn tại được lâu như vậy là nhờ ông làm việc cho tất cả các bên, tức là ông hoàn toàn có thể là một điệp viên ba mang, ông Ẩn cũng làm cho tình hình thêm rắc rối khi luôn nói tốt về rất nhiều người bạn trong CIA và CIO.

Giá trị của Ẩn không chỉ là những thông tin mà ông có được, mà còn là những đánh giá về các thông tin ấy. Trong lĩnh vực tình báo, có một thuật ngữ gọi là xử lý thông tin - đó là quá trình xử lý, đánh giá toàn diện các thông tin nhằm giúp “khách hàng” hay “người dùng” có thể dựa vào đó mà đưa ra các quyết sách.(9) Ẩn là một nhà phân tích sắc sảo và ngay từ đầu đã thể hiện khả năng diễn dịch những kế hoạch quân sự rối rắm thành những

báo cáo dễ hiểu để chuyển cho thượng cấp. Trong hoạt động, Ấn hiểu rằng chỉ cần một tích tắc sai lầm của bản thân cũng dẫn tới hậu quả là ông sẽ bị bắt hoặc bị giết. “Biết nói thế nào về tình trạng sống mà suốt ngày phải luôn chuẩn bị sẵn sàng cho cái chết”, là cách mà Ấn mô tả về những năm tháng hoạt động điệp báo của mình(10). Điệp vụ của ông Ấn bắt đầu vào một ngày cụ thể nào đó, nhưng sứ mệnh ấy chỉ kết thúc khi đất nước thống nhất hoặc lúc ông bị bắt. Một điệp viên xuất sắc của CIA và là bạn Ấn, Lou Conein, phải ngả mũ trước ông vì “đã kiên trì trong chừng ấy năm, luôn duy trì sự tự chủ và không bao giờ mắc sai lầm”. Thái độ của Conein là “sự ngưỡng mộ của một sĩ quan tình báo chuyên nghiệp đối với một người khác có nhiệm vụ tương tự. Bạn không thể không khâm phục một người rất giỏi trong công việc của anh ta.”(11)

Điều làm cho cuộc đời của Phạm Xuân Ấn trở nên khó tin đó là rõ ràng ông thích sống với vỏ bọc của mình; làm phóng viên vì nền báo chí tự do là một giấc mơ đã thành hiện thực trong tầm nhìn về cách mạng của ông. Trong vòng hai mươi năm, Ấn sống một cuộc sống giả tạo mà ông muốn nó trở thành hiện thực - làm phóng viên trong một đất nước Việt Nam thống nhất. Ông khâm phục và tôn trọng những người Mỹ ông gặp ở Việt Nam cũng như trong thời gian ông ở Mỹ. Ông chỉ đơn giản nghĩ rằng họ không được phép can dự vào đất nước của ông. “Bạn bè là tài sản quý báu trong lòng ông ấy”, Laura Palmer viết.(12)

Thoạt tiên, điều khó nhất đối với tôi khi viết về cuộc đời Ấn chính là việc hiểu được những tình bạn này. Để sống còn, Ấn buộc phải dối lừa hoặc đơn giản là không tiết lộ sứ mệnh của ông với những người bạn thân nhất, nhưng khi biết được Ấn là một điệp viên Cộng sản, hầu như chẳng ai thù ghét ông. Một con người như thế nào mà có thể duy trì được những tình bạn bền lâu dựa trên nền tảng giả dối, và khi sự giả dối bị bóc trần, vẫn hiếm có người nào cảm thấy mình bị phản bội? Chỉ có rất ít bạn bè từng có cảm giác rằng mình đã bị ông Ấn lợi dụng như một nguồn tin để phục vụ cho các báo cáo tình báo chính trị gửi ra Hà Nội.

Ấn tin rằng ông không bao giờ, về mặt cá nhân, có hành động phản bội nào đối với người Mỹ. Cho đến cuối đời, Ấn vẫn khẳng định rằng những

việc làm của ông không hề gây ra tổn thất về cá nhân cũng như nghề nghiệp đối với bất kỳ người bạn Mỹ nào. Ngược lại, phần lớn họ đều được hưởng lợi từ sự giúp đỡ của ông, và đến năm 1970 (nếu không muốn nói là sớm hơn), hầu như tất cả các bạn Mỹ của Ấn đều bắt đầu nhìn về cuộc chiến giống như cách nhìn của ông Ấn. Cứ cho rằng Phạm Xuân Ẩn trên thực tế đã không phản bội bạn bè; và cứ cho rằng những người bạn Mỹ này đã thông cảm với những hiểu biết mang tính nền tảng của ông về cuộc chiến, thì hầu hết bạn ông đều không có lý do gì để thất vọng khi nhiều năm sau đó họ biết rằng Ấn là một điệp viên. Tôi luôn quan tâm tới việc một sứ mệnh tối mật như của ông Ấn đã tạo ra những xung khắc về mặt đạo đức như thế nào trong con người của điệp viên này. Ấn luôn sống với nỗi sợ hãi thường trực và mối tự vấn lương tâm. về việc lợi dụng bạn bè vào mục đích tình báo. Ấn đã giải quyết những thế kẹt này như thế nào là một phần trong bức màn bí ẩn thực sự của cuộc đời ông.

Tuy nhiên, khi tìm hiểu cuộc đời của nhà tình báo bậc thầy này, cần phải xem xét dưới góc độ của thực tế là có nhiều người khác - cả Mỹ lẫn Việt - đã phải lãnh chịu hậu quả từ các hoạt động tình báo của Cộng sản. Các thành viên của lưới tình báo H.63 đã “tiêu diệt nhiều lính Mỹ và nguy, phá hủy nhiều xe tăng, thiết giáp và máy bay chiến đấu của kẻ thù”.(13) Việc đánh giá các tác động của những hoạt động tình báo cụ thể là rất khó khăn, nhưng nếu quả thực Ấn là điệp viên vĩ đại nhất của Cộng sản trong cuộc chiến tranh đó và nếu các lời khen ngợi về chiến công “anh hùng” của mạng lưới tình báo này là đúng, thì những hành động của ông đã mang đến tổn thất và chết chóc cho nhiều người, chủ yếu là gián tiếp.

Chiến tranh kết thúc đã mang đến cho ông Ấn một nỗi cô đơn tột cùng. Liên lạc với bạn bè ở Mỹ bị cắt đứt và không thể tiếp tục làm báo, thỉnh thoảng ông Ấn khoác lên mình bộ quân phục cấp tướng và tham dự các cuộc họp chi bộ hằng tháng. “Chi bộ càng ngày càng ít người vì một số bạn bè của tôi qua đời, nhưng hằng tháng tôi vẫn dự họp đều đặn và thú nhận những chuyện đại khái như 'tuần này tôi có tiếp Giáo sư Larry Berman, và chúng tôi đã nói chuyện về cuộc đua vào Nhà Đỏ hoặc những thứ tương tự’”, ông Ấn cười. Khi tôi hỏi liệu người ta có thực sự quan tâm việc ông kể

về các cuộc gặp gỡ của chúng tôi hay không, ông Ấn đáp, “ông thấy đấy, những điều tôi kể thì họ đã biết rõ rồi vì bên an ninh nắm mọi thứ. Họ có cách của họ. Việc tự kiểm chẳng qua là cách để họ thử xem tôi có trung thành và thành thật hay không, thế nên tốt nhất là kể lại những gì họ đã biết. Bên cạnh đó, ai cũng biết tôi thẳng tính, và họ hiểu tôi có cảm giác như thế nào về tất cả những chuyện này. Tôi già rồi, chẳng thể thay đổi được nữa còn họ thì không đổi thay do sợ hãi, nhưng sau mỗi năm thì tình hình cũng đỡ hơn. Có thể sau năm mươi năm nữa thì tình hình sẽ ổn”.

Suốt đời mình, Ấn vẫn luôn là người có thiện cảm với Mỹ, và thật may mắn là ông sống đủ lâu để chứng kiến một chương mới trong quan hệ giữa Mỹ và Việt Nam. Theo lời mời của Đại sứ Mỹ tại Việt Nam Raymond Burghardt và Tổng lãnh sự Emi Lynn Yamauchi, Phạm Xuân Ẩn cùng nhiều quan chức đã lên thăm tàu USS Vandegrift vào tháng 11 năm 2003 trong lần đầu tiên một chiến hạm hải quân Mỹ cập cảng tại Việt Nam kể từ khi chiến tranh kết thúc năm 1975. Một trong những món quà đáng giá của Ấn là tấm hình do Lãnh sự quán Mỹ gửi tặng, trong đó chụp cảnh ông cùng Tổng lãnh sự Yamauchi, Hạm trưởng Richard Rogers và Hoàng Ấn đứng trên chiến hạm Vandegrift. Ấn kể với tôi hôm ấy ông rất tự hào - rằng ông đã sống đủ lâu để chứng kiến một sự kiện mang tính biểu tượng cho tiến trình hòa giải và hợp tác giữa Mỹ và Việt Nam. “Tôi đã có thể thanh thản nhắm mắt. Tôi đã phụng sự cho đất nước, cho nhân dân, cho sự thống nhất”, ông nói. Sau này Hoàng Ấn kể lại với tôi, “Cháu rất vui khi ba cháu đã có được trải nghiệm ấy. Điều đó cho thấy tiến trình bình thường hóa đang diễn ra tốt đẹp, và điều đó rất có ý nghĩa đối với ba cháu”.

Vào ngày hôm đó, Ấn khoác thường phục, và người duy nhất trong đoàn đại biểu Việt Nam nhận ra ông là một vị đại tá, ông này tiến lại gần và hỏi bằng tiếng Việt, “Xin lỗi, ông là Thiếu tướng Phạm Xuân Ẩn phải không?” ông Ấn ngược nhìn và đáp, “Đúng rồi”. Viên đại tá nói, “Rất vui được gặp ông”, rồi trong lúc ông Ấn đang đứng giữa rất nhiều quan chức cấp cao của Mỹ, ông này đã đùa, “Ông là tướng phe nào?”.

Không chút do dự, ông Ấn đáp, “Của cả hai phe!”. Viên đại tá có vẻ khó chịu. “Chỉ là đùa thôi”, Ấn nói. Kể với tôi chuyện này, ông Ấn kết luận,

“Ông thấy đấy, đó là lý do khiến họ không bao giờ để tôi xuất ngoại; họ vẫn chưa hiểu con người của tôi”.

CHÚ THÍCH

(1) Ví dụ về các bài báo này gồm có Stanley Karnow, “Vietnamese Journalist's Divided Allegiance: After Nine Long Years a Double Agent Explains the Mystery of His Actions”, báo San Francisco Chronicle, 30.5.1990; Morley Safer, “Spying for Hanoi”, New York Times Magazine, 11.3.1990; Robert D. McFadden, “The Reporter Was a Spy from Hanoi: Life and Legacy of a Paradox”, báo New York Times, 28.4.1997; Douglas Pike, “Mỹ Friend An”, trong sách The Vietnam Experience, War in the Shadows (Newton, MA: Boston Publishing, 1988); Laurence Zuckerman, “The Secret Life of Phạm Xuân Ẩn”, tạp chí Columbia Journalism Review, tháng 5 và 6.1982, trang 7-8.

(2) H. D. S. Greenway, “Shadow of a Distant War”, báo Boston Globe, 30.4.2000. Xem thêm H. D. s. Greenway, “A Glimpse of the Boxes Within Boxes of Vietnam”, Báo Boston Globe, 5.1.1990.

(3) <http://vnexpress.net/Vietnam/Xa-hoi/2003/06/3B9C8E01/Thieu-tuong-tinh-Pham-Xuan-An-lam-trong-benh>.

(4) Nguyễn Thị Ngọc Hải, Phạm Xuân Ẩn: Tên người như cuộc đời (Hà Nội: NXB Công An Nhân Dân, 2002).

(5) Hoàng Hải Vân và Tấn Tú, Phạm Xuân Ẩn: A General of the Secret Service (Hà Nội: NXB Thế Giới, 2003). Ấn phẩm bằng tiếng Anh, được dịch từ loạt bài Phạm Xuân Ẩn: Tướng tình báo chiến lược đăng trên Báo Thanh Niên từ ngày 7-10 đến 28-11-2002. Ở phần ghi nguồn, chúng tôi (ND) ghi chú theo tên tiếng Anh.

(6) Sau này Ẩn đã kể với tôi: “Tôi có nhiều người bạn mà nếu họ ở lại thì sẽ gặp rắc rối thực sự. Tôi không thể ngăn họ ra đi bởi điều đó chẳng có ý nghĩa gì, nên tôi hướng dẫn cho họ đi theo hải trình an toàn nhất để ra ngoài biển khơi và được các tàu lớn đón. Nhiều người không bao giờ thực

hiện được chuyển đi, nhưng chiến tranh đã kết thúc và tôi cũng không có hướng dẫn nào mới”.

(7) Sherman Kent, *Strategic Intelligence for American World Policy*, tái bản (Princeton, NJ: NXB Princeton University Press, 1966).

(8) *A General of the Secret Service*, trang 80.

(9) Ernest Volkman, *Warriors of the Night: Spies, Soldiers, and American Intelligence* (New York: NXB Morrow, 1985), trang 15.

(10) Phạm Vũ, “Phạm Xuân Ẩn - Những huyền thoại để lại” báo Tuổi Trẻ, 2-10-2006, trang 3. Nhiều lần ông Ẩn cũng nói với tôi như thế.

(11) Bài phỏng vấn chưa được xuất bản do Sheehan thực hiện với Conein, Tài liệu của Sheehan, 22.9.1976, Hộp 62, Tập 9.

(12) Laura Palmer, “Mystery Is the Precinct where I Found Peace” trong sách *War Tom: Stories of War from the Women Reporters Who Covered Vietnam* (New York: NXB Random House, 2002), ường 269.

(13) *A General of the Secret Service*, trang 131.

Chương 1: HÒA BÌNH: ĐIỆP VIÊN VÀ NGƯỜI BẠN

D

ành tặng Phạm Xuân Ẩn - người đã dạy tôi về Việt Nam và ý nghĩa đích thực của tình bằng hữu. với bạn, người dũng cảm nhất mà tôi từng gặp, tôi vẫn còn một món nợ không bao giờ trả được. Hòa Bình.

Robert Sam Anson , lời đề tặng trong cuốn sách của ông

Tin chiến sự: Một phóng viên trẻ ở Đông Dương

THÁNG 8 NĂM 1970

Chuyến bay chín mươi phút từ Singapore tới Sài Gòn đối với cô Diane Anson dài như vô tận. Ngày hôm trước, Diane nhận được tin chồng cô, phóng viên Robert Sam Anson của tờ *Time* , đã mất tích ở đâu đó tại Campuchia. “Ngày mất tích” chính thức được xác định là 3 tháng 8 năm 1970(1). Ngoài ra thì không có thông tin nào khác. Bob có thể đã chết mất xác như trường hợp phóng viên ảnh tự do Sean Flynn của *Time* và Dana Stone, làm việc cho hãng CBS, khi cả hai biến mất vào đầu tháng 4 ở ngoại vi Phnom Penh(2).

Campuchia được biết đến như là tử địa của cánh nhà báo. Chỉ trong tháng 9, hai mươi lăm nhà báo mất mạng ở quốc gia kế cận Việt Nam này, trong số đó có nhiều nhà báo, thành viên tổ làm phim người Mỹ và quốc tế đã thiệt mạng tại làng Takeo, cách Phnom Penh chừng một giờ chạy xe. Nhìn con gái bé bỏng và con trai sơ sinh ở ghế bên cạnh, Diane không muốn tưởng tượng tới cảnh tên cha của chúng bị liệt vào danh sách tử vong nói trên.

Diane Anson căm ghét cuộc chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam. Cô đã gặp người chồng tương lai của mình tại một cuộc biểu tình phản chiến trong khuôn viên Đại học Notre Dame. “Việt Nam là nguyên nhân chúng tôi gặp nhau” , Anson viết. “Tôi thấy nàng đứng trong đội ngũ những người biểu tình trong khuôn viên đại học phản đối buổi diễn thuyết thường niên của Cha Hesburgh nhằm kêu gọi ủng hộ Quân đoàn huấn luyện sĩ quan dự bị”(*). Diane là một trong số rất ít nữ sinh có mặt và là thành viên hăng nhất trong số vài chục người tới đó vào hôm ấy. Tôi thấy những nét biểu cảm trên gương mặt làm cho nàng trở nên rất quyến rũ” . (3) Lúc ấy Anson đang giương một biểu ngữ,

CHIẾN TRANH LÀ NGÀNH KINH DOANH BÉO BỞ, HÃY NÉM CON CÁI QUÝ VỊ VÀO ĐẤY.

(*) ROTC (viết tắt của Reserve Officers' Training Corps) là chương trình huấn luyện sĩ quan dự bị được triển khai trong các trường đại học nhằm cung cấp lực lượng sĩ quan cho tất cả các quân chủng của quân đội Mỹ. (Các chú thích chân trang trong cuốn sách này đều của người dịch).

Một tuần sau, họ phải lòng nhau rồi tổ chức đám cưới ở Las Vegas.

Kỷ niệm về ngày đầu gặp gỡ như đã trôi vào quá khứ xa lắc khi máy bay đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhứt ở Sài Gòn. Diane tới thẳng văn phòng chính của hãng Time-Life đặt tại khách sạn Continental. Một tay bế cậu con trai mười lăm tháng tuổi, Sam, tay kia dắt cô con gái hai tuổi rưỡi, Christian, cô chạy đến từng bàn để hỏi các phóng viên những tin tức mới, nhưng họ cũng chẳng cung cấp được gì thêm. Đồng nghiệp của Bob tại văn phòng đều cố nói lời an ủi, nhưng tất cả họ cũng cảm thấy bất lực, với linh cảm rằng Bob đã ra đi vĩnh viễn. Trong cô càng lúc càng dấy lên nỗi sợ về điều tồi tệ nhất đã đến với người chồng hai mươi lăm tuổi của mình, là phóng viên trẻ nhất trong đội ngũ của Time.

Diane khóc nức nở khi tới văn phòng người bạn thân của chồng cô, là một phóng viên Việt Nam tên Phạm Xuân Ẩn, lúc bấy giờ cứ nhìn chăm chú hai đứa trẻ. Ý nghĩ của Ẩn lướt nhanh tới một ngày cách đây vài tuần, khi Bob Anson hẹn gặp tại tiệm Givral để nhờ đọc lại lá thư từ chức mà anh muốn đệ lên Marsh Clark, trưởng văn phòng của Time, người nổi tiếng ở Sài Gòn về sự nhiệt tình ủng hộ cuộc chiến. Cha của Clark từng là Thượng nghị sĩ Mỹ, trong khi ông nội Champ Clark từng là Chủ tịch Hạ viện. Anson coi Clark “có lẽ là người đậm chất Mỹ nhất mà tôi từng gặp”.(4)

Khi mới nhận lời sang Việt Nam, hình dung của Bob Anson về công việc ở đây rất khác. Anh được đặt biệt danh là “nhân vật triển vọng của Time Inc”, và cũng giống như hầu hết các phóng viên trẻ vừa đến Việt Nam, đây là cơ hội để anh tạo dựng tên tuổi, tương tự như David

Halberstam, Malcolm Browne và Neil Sheehan đã làm vào đầu thập niên 1960, khi quy mô cuộc chiến còn nhỏ. Nhưng chỉ vài tháng sau khi tới đất nước này, Anson nhận thấy rằng các bài viết của mình không có cơ hội xuất hiện trên mặt báo, trong khi hai phóng viên có thâm niên ở Sài Gòn, là Clark và Burt Pines, có vẻ như không khó thuyết phục biên tập viên Henry Grunwald của Time ở New York chấp nhận các bài viết của họ.

CUỘC TỔNG TẤN CÔNG TẾT MẬU THÂN CỦA CỘNG SẢN vào tháng 1 năm 1968 cho thấy dù có đến 525.000 quân, hàng tỉ đôla, và một chiến dịch ném bom rộng khắp mang tên Sấm Rền, thì cường độ chiến tranh cũng như năng lực kiểm soát chiến cuộc không nằm trong tay người Mỹ với sự vượt trội về công nghệ, mà lại nằm trong tay kẻ thù của họ. Hệ quả của nó là nước Mỹ rơi vào thế bế tắc tại Việt Nam và hầu như không tiến thêm được bước nào tới gần hơn mục tiêu chính trị so với khi khởi sự tiến trình Mỹ hóa cuộc chiến vào năm 1965. Tất cả những điều này có tác động mạnh mẽ về mặt tâm lý đối với Tổng thống Lyndon Johnson. Trong một cuộc họp báo với các phóng viên ngoại quốc, Lyndon Johnson đã được hỏi về việc liệu ông có cảm nhận được hòa bình đến gần hoặc nhận được tín hiệu nào từ Hà Nội hay chưa. *“Tín hiệu ư?”* Tổng thống nổi đóa. *“Tôi sẽ cho quý vị biết về tín hiệu. Tôi có hệ thống nhận tín hiệu ở Washington. Tôi có chúng ở London. Tôi có chúng ở Paris. Tôi còn có ở Tokyo. Tôi thậm chí còn có chúng ở Rangoon! Quý vị có biết chúng tôi đã nhận được tín hiệu gì từ Hà Nội không?”* Cánh nhà báo lặng thinh. *“Tôi sẽ nói cho quý vị biết những tín hiệu từ Hà Nội nói gì, đó là: 'Mẹ kiếp mày, thằng Lyndon Johnson’”(5)*

Sau cuộc tấn công Mậu Thân, Johnson đối mặt với yêu cầu phải tăng thêm 206.000 quân. Trước khi đưa ra cam kết, Johnson đã lập một ban chuyên trách đặt dưới sự chỉ đạo của tân Bộ trưởng Quốc phòng Clark Clifford. *“Chọn giải pháp nào ít thiệt hại hơn”*, Johnson chỉ đạo Clifford. Khi Johnson triệu tập một cuộc họp với các cố vấn của ông về chính sách đối ngoại để thảo luận về báo cáo, Clifford đi đầu trong việc cố gắng thuyết phục Tổng thống rằng chính sách hiện nay của ông không thể giúp đạt mục đích duy trì hòa bình ở miền Nam Việt Nam. *“Chúng ta đang có một cái*

thùng không đáy. Chúng ta đổ thêm vào - họ đều địch được. Tôi thấy chiến sự diễn ra càng nhiều thì thương vong cho phía Mỹ càng tăng trong khi viễn cảnh kết thúc chiến tranh thì chẳng thấy đâu” . (6)

Phát biểu trước quốc dân vào ngày 31 tháng 3 năm 1968, Johnson đã nói về khả năng đạt được hòa bình thông qua đàm phán và tuyên bố ngưng một phần hoạt động ném bom. Ông đề nghị Hồ Chí Minh cùng tham gia hành động hướng tới đàm phán để đạt được hòa bình. Nước Mỹ đang “*sẵn sàng gửi đại diện tới bất cứ diễn đàn nào, vào bất cứ thời gian nào, để thảo luận về giải pháp chấm dứt cuộc chiến phiến toái này*” . Rồi trong một cử chỉ hướng tới sự đoàn kết toàn quốc, tổng thống đã phủ nhận khả năng tái tranh cử: “*Tôi sẽ không tìm kiếm tư cách ứng viên và sẽ từ chối sự đề cử của đảng trong việc ra tranh cử tổng thống thêm một nhiệm kỳ nữa*”.

Vào thời điểm Richard Nixon nhậm chức vào tháng 1 năm 1969, lực lượng Mỹ đã vượt quá 540.000 quân, chủ yếu là lực lượng chiến đấu trên bộ. Hơn 30.000 người Mỹ đã thiệt mạng, và cuộc chiến đã làm tiêu tốn 30 tỉ đôla trong năm tài chính 1969. Riêng năm 1968 có hơn 14.500 lính Mỹ bị giết. Nixon quyết tâm rằng vấn đề Việt Nam sẽ không hủy hoại sự nghiệp tổng thống của ông ta. Tháng 3 năm 1969, ông đã đề ra chương trình hành động. Nước Mỹ sẽ bắt đầu giảm bớt vai trò của mình, tìm kiếm các điều kiện để đạt được giải pháp thông qua thương lượng, với việc cả hai bên cùng rút quân khỏi miền Nam Việt Nam. Kế hoạch “*triệt thoái người Mỹ*” của Nixon sau đó được biết đến với tên gọi “*Việt Nam hóa chiến tranh*”, bao gồm việc tăng cường lực lượng vũ trang cho chính quyền Nam Việt Nam để họ có năng lực chiến đấu lớn hơn, song song đó là triệt thoái dần lực lượng chiến đấu của Mỹ. Người Mỹ sẽ chuyển từ nhiệm vụ chiến đấu sang vai trò cố vấn cho quân Nam Việt Nam, đồng thời Mỹ sẽ ồ ạt viện trợ vũ khí và thiết bị quân sự. Có lẽ điều quan trọng nhất đó là Nixon chuyển mục tiêu chính trị đối với sự can thiệp của người Mỹ, từ nỗ lực bảo đảm cho một miền Nam Việt Nam được tự do và độc lập sang kế hoạch tạo cơ hội cho chính miền Nam Việt Nam tự định đoạt tương lai chính trị của mình. Việt Nam hóa chiến tranh và đàm phán là hai trụ cột để đạt được cái mà Nixon gọi là “*hòa bình trong danh dự*”.(7)

QUAN ĐIỂM CÁ NHÂN CỦA ANSON coi cuộc chiến là “sát nhân và phi đạo đức”. Hầu như khắp nơi đều có chung cảm nhận về diễn tiến tồi tệ của cuộc chiến, ngoại trừ bên trong văn phòng Time ở Sài Gòn và trụ sở chính ở New York, nơi đưa ra quyết định về nội dung các tờ tuần san. Khi Anson đặt vấn đề tự quyết cho người Việt Nam với các biên tập viên, anh bị coi là một người chống chiến tranh ngây thơ, nóng nảy. Khi anh nộp một bài báo với từ Viet Nam được viết rời như cách viết của chính người dân tại miền Nam Việt Nam, Marsh Clark đã nói rằng Time là một tạp chí của Mỹ và Anson cần phải viết từ Vietnam theo cách viết của người Mỹ. Sự bất mãn đã bùng lên trong bữa tiệc tối do văn phòng Time tổ chức để chiêu đãi John Scott, một ủy viên biên tập lưu động. Câu chuyện trong bữa tiệc xoay quanh những tiến triển to lớn của chiến cuộc. Anson cho rằng cuộc nói chuyện chẳng khác nào buổi thông báo tin tức của MACV được biết đến với biệt danh “hài kịch lúc năm giờ”, trong đó người ta lảng tránh thực tế bằng cách đưa ra những số liệu thống kê lấp lánh về tiến triển của cuộc chiến.

Những người điều hành chiến tranh luôn nhìn thấy ánh sáng cuối đường hầm; chỉ cần qua một khúc quanh nữa là chúng ta có thể tiến tới cái gọi là điểm bước ngoặt của cuộc chiến mệt mỏi này.

Anson không chịu đựng nổi nữa. “*Nhưng quý vị đang bỏ qua một điểm mấu chốt*”, Anson phản biện. “*Đó là, trước hết chúng ta đang làm cái quái quỷ gì ở đây? Hãy nhìn xem, người Việt Nam đã ở đây lâu rồi; trở lại năm 1940 - họ chống người Nhật, nhớ chứ? Họ đánh bại người Nhật, rồi họ thắng người Pháp, và họ sẽ tiếp tục đánh bại chúng ta, bất kể chúng ta có ném cái quái gì về phía họ. Dân ở đây rất kiên trì, rất quyết tâm, và lịch sử đứng về phía họ. Có thể quý vị quên điều này, nhưng tôi xin nhắc lại là chủ nghĩa thực dân gần đây chẳng làm được trò trống gì*”.

Khi Burt Pines phản bác rằng, “*có lẽ cậu nhầm lẫn. Cậu không thể nói rằng những gì chúng ta đang làm ở đây có bất cứ sự đáng nào đến chủ nghĩa thực dân*”, Anson ngay lập tức vỗ lấy: “*Anh nói hoàn toàn đúng. Ý tôi là 'thực dân kiểu mới'. Cuộc chiến tranh đầy tội ác của chủ nghĩa thực dân mới, tạm bỏ qua vấn đề phi đạo đức, điều mà tôi không thể bỏ qua, là*

tất cả những gì có thể nói về chính sách ngoại giao của Mỹ” . Khi vị khách quý John Scott hỏi, “Theo cậu thì Cộng sản đúng à?” , Anson đã đáp, “Tôi muốn nói rằng chúng ta không có quyền ra phán quyết. Chính người Việt Nam sẽ làm điều đó. Tất cả những gì chúng ta làm là đi loanh quanh để giết rất nhiều người, cả người của họ và chúng ta”.

Anson không hối tiếc về điều mình nói, nhưng lúc bấy giờ anh đã chuẩn bị đối mặt với tình huống xấu nhất, bởi anh hiểu rõ rằng Marsh Clark sẽ không bỏ qua chuyện này. Ngày hôm sau bắt đầu khá yên bình khi Clark yêu cầu Anson chuẩn bị bài viết về những ý định của Bác Việt trong vài tháng tới. Câu chuyện của tối hôm trước có vẻ như đã lan truyền nhanh chóng, bằng chứng là chánh văn phòng Time ở Sài Gòn Nguyễn Thụy Đăng đã châm chọc, “Lẽ ra anh không nên chuốc rắc rối vào mình. Anh có vẻ rất mến kẻ thù”(8)

Chẳng bao lâu Clark bí mật gửi một lá thư tới các sếp ở New York, và sau đó một bức thư từ tổng hành dinh được gửi tới “*Tất cả phóng viên và biên tập viên toàn cầu*” đang làm việc cho Time.

“Tôi không muốn chê bai những ý kiến của Bob Anson về Việt Nam, bởi anh ta mới chỉ đến đây một thời gian ngắn. Trước khi đi, Bob cảm thấy rằng cuộc chiến ở Việt Nam là phi đạo đức, rằng Việt Nam hóa chiến tranh chỉ đơn giản là phương cách kéo dài một cuộc chiến phi đạo đức, rằng ý niệm chống Cộng ở Nam Việt Nam là chẳng đáng để bàn luận, và rằng Việt Nam, Đông Nam Á, thậm chí cả châu Á là chắc chắn sẽ rơi vào tay các lực lượng 'Giải phóng Dân tộc' đầy quyết tâm. Không có điều gì mà Bob chứng kiến ở đây khiến anh ta thay đổi cách nhìn cũ của mình”. (9)

Ai có thể trách Bob Anson về ý định thôi việc sau khi anh biết lời đề nghị ra đi của Clark. Đó là lý do tại sao anh đã đến gặp Phạm Xuân Ẩn, một trong những người bạn thân nhất của anh tại Việt Nam. Giống như hầu hết phóng viên tại Sài Gòn, Anson ngưỡng mộ Ẩn vì các mối quan hệ của ông ở bên trong Phủ Tổng thống và Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn. Ẩn dường như biết mọi người và mọi chuyện xảy ra tại Sài Gòn và luôn sẵn sàng giúp các phóng viên người Mỹ hiểu về đất nước của ông. Đôi lúc chỉ sau vài giờ là Ẩn đã thu được những tin nóng về an ninh. “Trong các văn

phòng, người ta đồn rằng ông là cựu cảnh sát chìm thời ông Diệm, là người của Sở mật vụ Pháp Sureté, là nhân viên CIA, là điệp viên của tình báo Nam Việt Nam, hoặc cùng lúc làm việc cho tất cả các phe trên”. (10)

Nhưng cũng có những thứ khác khiến Anson dành nhiều thời gian bên ông Ấn. Ông là người có thể giảng giải hùng hồn về một xứ sở mà Anson, tương tự như hầu hết phóng viên ngoại quốc, biết rất ít. Việt Nam là một đất nước, chứ không chỉ là một cuộc chiến, với bề dày lịch sử, với những bài học mà ít người chịu bỏ thời gian để học. “Có nhiều người cảm thấy khó trao đổi với Ấn, chủ yếu do ông hay trả lời các câu hỏi theo một cách thức rất Việt Nam, thường thì ông nhắc những chuyện thời thế kỷ mười lăm rồi dẫn dắt về hiện tại để trả lời”, Anson nhớ lại (11)

Ấn khâm phục Anson ở chính cái phẩm chất khiến Anson gặp rắc rối với Marsh Clark. Anh có lập trường độc lập một cách quyết liệt mà Ấn từng gặp ở rất nhiều người Mỹ trong thời gian hai năm sống tại California. Anh rất say sưa với niềm tin của mình và không ngại nói ngược lại số đông. Ấn khâm phục tinh thần ấy, ông nhớ lại cái ngày mà Anson tranh luận với các đồng nghiệp của Time về lá cờ Mỹ to tướng treo trước cửa văn phòng ở đường Hàn Thuyên. Time là một tổ chức tin tức độc lập, đây không phải là văn phòng của một cơ quan chính quyền, Anson lập luận. Vì thế, nên có hai lá cờ song song, một của Mỹ và một của Việt Nam Cộng hòa. Các đồng nghiệp miễn cưỡng nhượng bộ, nhưng khi Anson thấy rằng lá cờ Mỹ lớn hơn rất nhiều so với lá cờ Việt Nam, anh đã tới gặp chánh văn phòng của Time, ông Đăng, và nói rằng nên kiếm một lá cờ lớn hơn của đất nước ông ta, để hai lá cờ bằng nhau về kích thước. Đăng làm theo, ông Ấn chăm chú theo dõi toàn bộ câu chuyện, và thầm cảm phục cuộc đấu tranh mang tính biểu tượng của người đồng nghiệp trẻ tuổi. “Điều đó cho tôi thấy cậu ấy hiểu rằng rất nhiều người Mỹ và một số người Việt đã quên mục đích của cuộc chiến tranh”, Ấn nói với tôi. “Nhiều người Mỹ cho rằng lịch sử đất nước chúng tôi chẳng đáng để quan tâm bởi họ đã có một kế hoạch tốt hơn cho tương lai chúng tôi”.(12)

Ông Ấn giải thích rằng “đương nhiên” là việc Anson có ý kiến bên trong tòa soạn sẽ tốt hơn bởi vì theo góc nhìn của Ấn, Anson đã hiểu con

người, văn hóa, và lịch sử Việt Nam sâu hơn nhiều phóng viên khác của Time, đặc biệt là Marsh Clark và Burt Pines. Time cần thêm nhiều người như Anson, và *“để mất cậu ấy là một điều tồi tệ. Đáng tiếc là Frank McCulloch không còn ở đây, bởi khi mới đến Việt Nam, ông ta cũng nghĩ như Marsh Clark, nhưng rồi cuộc đã có suy nghĩ tương tự Anson”*.

Với cái đầu trọc đặc trưng rất dễ nhận diện, Frank McCulloch được dân bán dạo và lũ trẻ đánh giày Sài Gòn đặt biệt danh là “Sư cụ”. McCulloch đến Việt Nam vào tháng 1 năm 1964 và trong thời gian ở lại đây, ông đã chứng kiến tới bảy lần thay đổi người đứng đầu chính phủ. Vào lúc đỉnh điểm trong thời gian bốn năm làm việc của McCulloch, văn phòng Đông Nam Á của Time-Life mỗi tháng gửi qua hệ thống điện báo hơn 50.000 từ. Ông đã giành được sự tin tưởng từ các nguồn tin, sự kính trọng của đồng nghiệp và sự trung thành của các nhân viên. Ông được mệnh danh là nhà báo của các nhà báo.

McCulloch nhận thấy mỗi phóng viên làm việc tại Việt Nam đều trải qua nhiều giai đoạn: “Giai đoạn đầu tiên: rất hào hứng với niềm tin người Mỹ có thể cứu giúp người Việt Nam và rằng người dân ở đây cần được giúp đỡ và sẽ biết ơn về sự giúp đỡ ấy. Giai đoạn hai (thường khoảng sau ba tháng): chúng ta có thể làm điều đó nhưng khó khăn hơn nhiều so với những gì tôi hằng nghĩ và ngay lúc này đang diễn ra một sự dao động. Giai đoạn ba (có thể là sáu đến chín tháng sau): những người Việt Nam kia (iulon luôn là người Việt Nam, chứ không bao giờ là người Mỹ) đang khiến tôi dao động. Giai đoạn bốn (mười hai hoặc mười lăm tháng sau): chúng ta đang thất bại và tình hình tệ hại hơn nhiều so với những gì tôi từng nghĩ. Giai đoạn năm: mọi sự hỏng hết rồi, lẽ ra chúng ta không nên đến đây, và chúng ta làm nhiều việc tồi tệ hơn là việc tốt”. (13)

Khi đạt tới cảnh giới thứ năm nói trên trong vòng chuyển biến tư duy của một phóng viên, McCulloch nộp một bài báo viết về hành động tăng quân ồ ạt của Mỹ tại Việt Nam vào năm 1965, thông tin mà ông có được bốn tháng trước khi nó công khai nhờ đầu mối ở ngay trong Thủy quân lục chiến, (ông Ấn sau này cũng được tặng thưởng Huân chương Chiến công nhờ đã có thông tin tương tự gửi đến Hà Nội). Các sếp của McCulloch ở

New York từ chối đăng bài viết sau khi nhận được chỉ thị ngầm từ chính Tổng thống. Tổng biên tập Hedley Donovan sau này đã kể với McCulloch rằng ông đã nhận được điện thoại trực tiếp từ Johnson. *“Donovan, tôi là Tổng thống nước Mỹ... Anh đã cho một gã đầu trọc thấp bé tới dạo chơi dưới nắng miền nhiệt đới mà không thêm đội mũ. Hẳn điên rồi. Anh nên lôi hắn ra khỏi nơi đó”*. (14)

Khi rời Việt Nam vào năm 1967, suy nghĩ của McCulloch không khác mấy Anson, điều này thể hiện rõ trong phát biểu tại lễ bế giảng ở Đại học Nevada ngày 3 tháng 6 năm 1967. *“Tôi quen một sĩ quan người Việt đã xung trận trong suốt một phần tư thế kỷ, một sát thủ chuyên nghiệp đầy năng lực, đáng ngạc nhiên là ông ấy vẫn chưa hề hấn gì bởi chiến tranh, ông ấy là một quý ông lịch lãm và sâu sắc, rồi một ngày nọ tôi hỏi ông ấy thấy gì ở tương lai”*. Ông nhún vai và cười. ‘Có lẽ’, ông ấy nói, ‘chúng tôi sẽ đánh nhau với người Mỹ’. Khi thấy tôi có vẻ sốc, ông ấy đã tiếp tục lý giải. ‘Khi tôi mới 19 tuổi’, ông nói, ‘thì người Nhật tới và bảo chúng tôi rằng họ là người anh em, có thể giải phóng chúng tôi khỏi đám người da trắng - nhưng té ra họ không phải là người đi giải phóng và chúng tôi phải đánh nhau với họ. Khi cuộc chiến ấy kết thúc, và người Pháp trở lại, họ bảo rằng lần này họ đến không phải để làm người thầy khai sáng, mà là làm bạn. Và trong vòng chín năm, tính tới 1954, chúng tôi đã chiến đấu chống lại họ. Rồi thì người Pháp ra đi. Nhưng Cộng sản không phải vừa mới tới - họ đã cắm rễ ở đây. Và họ, cũng tương tự, luôn bảo rằng là bạn của chúng tôi, nhưng rồi kể từ năm 1955, chúng tôi đã đánh nhau với họ. Điều lạ lùng là, tôi chẳng muốn đánh nhau với họ chút nào, tôi nghĩ họ cũng không muốn cầm súng nhắm vào chúng tôi. Giờ thì quý vị đến đây và nói rằng quý vị là bạn, là người giải phóng. Điều mà tôi băn khoăn là, liệu có ai trong chúng ta đã học được bài học từ những kẻ đã đến rồi đi trước kia?’ Tôi đã chẳng thể nào trả lời ông ấy được ”.(15)

Chiến lược tấn công đa diện của Hà Nội là luôn tìm cách tranh thủ dư luận tại Mỹ. Ông Ấn hiểu rằng việc Anson tiếp tục làm cho Time sẽ rất hữu ích bởi anh luôn phác họa cuộc chiến theo đúng nhãn quan của Ấn, đó là không tạo ra ảo giác rằng cuộc chiến đang tiến triển theo hướng có lợi, mà

nó giống như một cái thùng không đáy. Ấn khẳng khẳng rằng ông chưa từng tìm cách tác động vào suy nghĩ của Anson. “ Ông biết đấy ”, Ấn nói với tôi, “Anson dành nhiều thời gian đi ra ngoài vì Sài Gòn, vào các làng xóm, nói chuyện với người dân địa phương. Cậu ấy học được ở đấy nhiều hơn là học từ tôi” . Sau này, Anson đã chia sẻ với tôi, “Tôi chưa bao giờ cảm thấy mình bị ông Ấn lôi kéo. Ông thường chỉ trích cả hai phía một cách khéo léo. Còn tôi thì đã có sẵn tâm lý phản chiến trước khi đến đấy” .

Ấn lắng nghe lời cầu xin của Diane về việc tìm kiếm chồng của cô, trong đầu ông nhớ lại cái ngày ở tiệm Givral khi ông bảo Anson xé thư nghỉ việc đi. Nếu ông không làm vậy, gia đình Anson bây giờ đã có thể sum vầy tại Singapore hoặc đi nghỉ mát ở Bali rồi. Vài tuần sau khi hai người nói chuyện ở Givral, Marsh Clark gọi Anson vào văn phòng của ông ta, nơi có một tấm bản đồ Đông Dương to tướng che phủ gần hết một bức vách. Chỉ vào lãnh thổ Việt Nam, Clark nói với Anson, “Tôi sẽ đảm trách khu vực này”. Chỉ vào lãnh thổ Campuchia và Lào, ông ta bảo, “Cậu sẽ phụ trách hai nơi này”. Kết thúc cuộc gặp, ông ta bảo Anson chuẩn bị đồ đạc để ra sân bay. “Tôi không muốn gặp lại cậu ở đây nữa”.

Ông Ấn cố gắng làm Diane an lòng bằng việc hứa sẽ làm hết sức mình, nhưng trong thâm tâm ông lại nghĩ rằng người bạn của ông đã chết và ông chịu một phần trách nhiệm về chuyện ấy. Nếu nộp đơn xin thôi việc thì Anson đã không phải đến Campuchia. Ấn hứa với Diane là sẽ tiếp tục kiểm tra các đầu mối và ông cũng không ngăn cô dán những tấm hình của Bob cùng các dòng chữ tìm kiếm người mất tích bằng ba thứ tiếng lên thân cây dọc con phố mà chồng cô thường qua lại trước khi mất tích.

Sau khi Diane cùng hai con rời khỏi văn phòng, ông Ấn đã suy nghĩ rất nhiều về người bạn Bob Anson, ông biết rằng những gì cần phải làm có thể phá hỏng sứ mệnh của ông. Điệp viên hàng đầu của Hà Nội tại Sài Gòn đang sắp sửa chấp nhận nguy cơ bị lộ để cứu một phóng viên người Mỹ. Ông Ấn biết rằng nếu Bob Anson đã chết thì nhân dân Việt Nam mất đi một người bạn thực thụ. Với ý thức về gánh nặng trách nhiệm trong vụ người bạn mất tích, Ấn quyết chí đi tìm hiểu xem Anson đã chết hay còn sống.

Việt Nam và Campuchia từ lâu đã là những gã hàng xóm khó chịu của nhau, và tình hình càng trở nên tồi tệ hơn khi vào tháng 3 năm 1970, lực lượng thân phương Tây do Tướng Lon Nol cầm đầu lật đổ Hoàng thân Norodom Sihanouk. Sihanouk vốn là người trung dung, đã nhượng bộ cho cả Cộng sản lẫn các phe nhóm phi Cộng sản bằng cách bí mật cho phép Mỹ ném bom các căn cứ của Việt Cộng và Bắc Việt nằm trên lãnh thổ Campuchia, nhưng đồng thời cũng cho phép Cộng sản Việt Nam sử dụng cảng Sihanoukville để chi viện cho các căn cứ nói trên.(16)

Trong vòng một tháng sau ngày đảo chính, Lon Nol triển khai một cuộc thanh trừng nhằm vào cộng đồng thiểu số người Việt tại Campuchia. Phóng viên Sydney Schanberg của tờ *New York Times* chứng kiến quân của Lon Nol giết hai người bị tình nghi là Việt Cộng và treo ngược cơ thể đã bị thiêu cháy của họ giữa quảng trường thành phố - nhằm trấn áp tinh thần tất cả những người ủng hộ Cộng sản. Khi đồng nghiệp của anh ta ở tờ *Time* tìm cách nói với viên chỉ huy rằng làm như vậy là vi phạm Công ước Geneva, viên chỉ huy đã cười lớn. Sosthene Fernandez, một viên tướng gốc Philippines trong chính quyền Campuchia về sau trở thành Tổng tham mưu trưởng quân đội, bắt đầu sử dụng thường dân người Việt làm bia đỡ đạn, bắt họ đi hàng đầu trong các cuộc tấn công vào căn cứ Việt Cộng. “Đây là hình thức tâm lý chiến mới”, ông ta nói.(17)

Chính quyền Nixon luôn sợ rằng nếu Campuchia trở thành căn cứ của Cộng sản Việt Nam, kế hoạch Việt Nam hóa chiến tranh có thể thất bại. Ngày 30 tháng 4 năm 1970, Richard Nixon thông báo huy động sáu ngàn lính Việt Nam Cộng hòa, với sự yểm trợ của pháo binh, máy bay cường kích và cố vấn Mỹ, tấn công vào Mỏ Vẹt(*), một vùng rừng già ở đông nam Campuchia ăn sâu vào lãnh thổ Nam Việt Nam và được cho là căn cứ của Trung ương cục miền Nam, nhằm vô hiệu hóa hoạt động của Bắc Việt trên đất Campuchia.

(*) Tiếng Anh là Parrot's Beak, một khu vực rừng rậm ở tỉnh Svay Rieng. Đây là nơi mà Việt Nam Cộng hòa đã mở chiến dịch Toàn Thắng 42

vào ngày 30 tháng 4 năm 1970, huy động 12 tiểu đoàn với tổng cộng 8.700 quân tấn công các căn cứ của quân miền Bắc và Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam.

Trong thông điệp trước quốc dân, Nixon thông báo, “Đêm nay, các đơn vị người Mỹ và Nam Việt Nam sẽ tấn công vào trung tâm đầu não phụ trách toàn bộ hoạt động quân sự của Cộng sản tại miền Nam Việt Nam. Việc vùng đất chiến lược trung tâm này bị Bắc Việt và Việt Cộng chiếm cứ trong suốt năm năm qua là hành vi xâm phạm trắng trợn tư cách trung lập của Campuchia”. Vì tổng thống, mà mới năm ngoái thôi đã hứa hẹn sẽ chấm dứt sự can dự của người Mỹ tại Việt Nam, giờ lại đang mở rộng cuộc chiến vào đất nước Campuchia kề cận.

Hôm sau ngày Nixon đọc thông điệp toàn quốc, ông Ấn đã gửi cho Anson một bọc đồ, là bản dịch tiếng Anh một tài liệu thu được của Việt Cộng. Loại tài liệu này khá dễ kiếm đối với cánh phóng viên, tuy nhiên ở đây Ấn đã có các ghi chú thêm cho đồng nghiệp của ông, người vừa trở về Sài Gòn nghỉ cuối tuần. Tài liệu này là một “kế hoạch chiến đấu” vào tháng 7 năm 1969, thu được hồi tháng 10 năm 1969, trong đó Bắc Việt dự báo rằng với việc kế hoạch Việt Nam hóa chiến tranh thất bại, Nixon sẽ hướng sự quan tâm vào Campuchia. Ông Ấn khoanh tròn một đoạn và gạch chân câu cuối cùng, rồi viết ngang trang giấy, “*Bọn Mỹ khốn kiếp. Tụi mày đọc mà chẳng chịu động não*”.

Đây là đoạn văn mà ông Ấn đã khoanh tròn cho Anson: “*Nếu các cuộc tấn công của ta trên các mặt không đủ mạnh và nếu tạm thời Mỹ có thể khắc phục được một phần khó khăn, chúng sẽ tìm cách kéo dài cuộc chiến ở miền Nam thêm một thời gian nữa, và trong thời gian đó chúng sẽ tìm cách xuống thang ở một vài mặt, đồng thời sẽ tiến hành phi Mỹ hóa trong một cuộc chiến ươn kẻo kéo dài trước khi có thể thừa nhận thất bại hoặc chấp nhận một giải pháp chính trị. Với cả hai trường hợp ấy, Mỹ có thể, trong*

những tình huống nào đó, tạo áp lực lên chúng ta bằng cách đe dọa mở rộng chiến tranh thông qua việc tấn công vào Campuchia” .(18)

Chương 1 (tt)

C

uộc tấn công vào Campuchia gây ra hoảng sợ đối với cộng đồng người Việt thiểu số. Chính phủ Lon Nol bắt đầu khơi lên cơn sốt bài Việt. Một trong những cuộc tàn sát của Lon Nol diễn ra tại thị xã Takeo, vốn được cho là căn cứ địa của Cộng sản bởi nơi đây từng nổ ra nhiều cuộc biểu tình chống chế độ Lon Nol. Hơn hai trăm người, bao gồm nhiều trẻ em, bị người Campuchia nhận diện là Việt Cộng, đã bị quây lại và nhốt trong một trại giam ở Takeo. Ba tiểu đoàn dân quân phụ trách canh giữ số người Việt đó. Lúc bấy giờ Anson đang ở Campuchia để tường thuật sự kiện này, và vào mỗi buổi sáng, anh cùng cộng tác viên Tim Allman lái xe từ Phnom Penh lên Takeo để kiểm tra tình hình vụ bắt giữ người Việt.

Kế hoạch có vẻ ổn trong một thời gian, nhưng rồi vào một buổi tối, lính Campuchia đã xả súng vào toàn bộ số người Việt nói trên. Đó là một cuộc thảm sát. Buổi sáng hôm sau, Anson và Allman lái chiếc Ford Cortina màu trắng tới. *“Các thi thể được xếp chồng lên nhau giữa một vũng máu lớn đã đông lại. Thoạt đầu tôi tưởng họ chết hết rồi. Nhưng khi vừa bước lên bậc thềm của trại giam, suýt chút nữa trượt chân vào vũng máu, tôi thấy nhiều người cử động và nghe tiếng rên rỉ. Trán tỉnh lại một chút, tôi bắt đầu đếm; hơn hai chục người đàn ông và bé trai còn sống, nằm giữa đống khoảng sáu mươi xác chết”*, Anson hồi tưởng.

Ngoài tiếng rên của người bị thương và âm thanh của ruồi nhặng, còn lại mọi thứ đều im lìm. Một ông già với một chân đã bị nát gãy gượng kể lại chuyện đã xảy ra: *“Chúng bảo tất cả tụi tôi là Việt Cộng, nhưng tụi tôi chỉ là dân bản quán. Anh phải đưa tụi tôi khỏi nơi đây nếu không tối nay chúng lại giết hết. Xin hãy đưa chúng tôi đi”*.

Anson quỳ xuống cạnh một đứa bé trai chừng tám tuổi. *“Mặt nó trắng bệch. Tôi đặt tay lên ngực nó; chỉ thấy nó thoi thóp nhẹ. Khẽ kéo chiếc xà rồng quấn quanh cơ thể cậu bé, tôi thấy lỗ chỗ cả chục vết đạn, kéo dài từ hông xuống tới mắt cá”*. Anh và Allman quyết định chở cậu bé tới bệnh viện ở Phnom Penh và kêu gọi các phóng viên khác tới đây cứu người bị

thương. Anson cho rằng chẳng bao lâu nữa đám lính kia sẽ trở lại để kết thúc cuộc tàn sát.

Anson và Allman cố gắng chất thật nhiều người bị thương lên xe rồi phóng về Phnom Penh. Bệnh viện Pháp ở đây tiếp nhận các nạn nhân trẻ em. Allman ở lại với lũ trẻ và hứa rằng sẽ trở lại Takeo ngay khi các bệnh nhi có dấu hiệu hồi phục. Anson thì trở về khách sạn để kiểm các nhà báo khác. “Ở dưới Takeo, người ta đang bắn người Việt. Hãy kêu mấy người khác cùng đi”, anh hét lên giữa đám đông các nhà báo.

Henry Kamm của báo *New York Times* và Kevin Buckley của tờ *Newsweek* chở Anson quay lại Takeo; khi họ tới nơi thì đám lính Campuchia cũng đã trở lại. “Chúng tao chẳng có gì phải che giấu cả”, một người có vẻ như là cầm đầu đám lính nói. “Chúng tao phải làm thế. Tất cả bọn chúng đều là Việt Cộng”.(19) Khi Anson hỏi ở quanh đây có bệnh viện nào không, anh đã nhận được câu trả lời, “Có đấy, nhưng không dành cho lũ rác rưởi này”. Anson yêu cầu chấm dứt tàn sát trẻ em vô tội. Những người Campuchia cười lớn, bảo rằng họ chỉ giết Việt Cộng thôi.(20)

Trời tối dần. Lúc này Allman đã lái chiếc Cortina trở lại và bắt đầu chất người bị thương lên xe, nhiều phóng viên khác cũng trở lại để đưa tin. Anson năn nỉ từng người giúp đưa các trẻ em tới Phnom Penh. “Cậu không được can thiệp vào nội dung câu chuyện”, Keyes Beech, một phóng viên khả kính của tờ *Chicago Daily News* và là người từng nhận giải Pulitzer về phóng sự quốc tế vào năm 1951, đáp. “Nếu đưa những người này đi là cậu đã can dự vào vụ việc rồi. Đây không phải là công việc của cậu”.

Anson chẳng thể kiểm ra người trợ giúp, cho tới khi Kevin Buckley tiến lên và nói, “Để tôi giúp”. Anh này là người duy nhất ra tay. “Những phóng viên khác nhìn chúng tôi một chốc, rồi từng người rời đi”, Anson nhớ lại. Buckley, Anson và Allman nhét năm đứa trẻ và ba người lớn vào chiếc Cortina. Allman chở họ về bệnh viện và hứa sẽ trở lại trước lúc tảng sáng. Vẫn còn người sống sót ở đây và Anson biết rằng để họ lại một mình là không an toàn. Họ cần nhân chứng và sự bảo vệ. Kevin Buckley quyết định ở lại với Anson bởi “đã thương thì thương cho chót”.(21)

Trời về đêm và toán lính Campuchia chuẩn bị cho cuộc tàn sát cuối cùng. Anson phát hoảng khi nghĩ rằng sự có mặt của hai phóng viên Mỹ không thể ngăn cản nổi những người Campuchia kia. Ngay lúc ấy thì có tiếng xe chạy tới. Bernard Kalb của hãng CBS cùng đồng nghiệp lái xe từ Phnom Penh lên để đón những người bạn của họ rời khỏi Takeo. “Cậu thực sự tin rằng chỉ với hai người đứng đây mà có thể ngăn chặn được tội ác à? Nếu chúng đã muốn xử mấy người này thì chắc chắn chúng sẽ xử thôi, khi đó thì ngay cả các cậu cũng khó sống nổi”. (22)

Anson từ chối rời đi, nói rằng anh không thể bỏ lữ trẻ Việt ở đây được. Kalb đặt tay lên vai Anson như muốn an ủi và thuyết phục, nhưng bất ngờ người đàn ông bực con này dùng tay khóa đầu Anson rồi cùng nhóm làm phim khiêng anh vào xe.

Henry Kamm, người vào năm 1978 sẽ nhận giải Pulitzer về đề tài thuyền nhân Việt Nam và dân tị nạn từ Lào và Campuchia, đã viết một bài báo về cuộc thảm sát này đăng trên trang nhất tờ *New York Times*, trong đó kể chuyện Anson đã đưa một trong những người bị thương nặng nhất tới bệnh viện ở Phnom Penh. Tin tức về vụ thảm sát đã làm dấy nên làn sóng giận dữ tại Sài Gòn, đặc biệt là trong giới phi công không lực Việt Nam Cộng hòa. Những phi công này, vốn thường làm nhiệm vụ tấn công các căn cứ của Bắc Việt tại Campuchia, “giờ lại rất muốn xả súng và ném bom vào làng mạc Campuchia để trả thù”. (23)

BOB ANSON CÒN SỐNG nhưng trải qua một phen suýt chết. Anh kể mình đã bị một toán quân Bắc Việt bắt sống bên một dòng sông cách thị trấn Skoun vài cây số. Trên đường đi, anh không dừng lại tại hai hoặc ba trạm kiểm soát. “Cậu ấy quá bất cẩn”, sau này Ấn nói với tôi. “Cậu ấy thường phóng xe rất nhanh, một người đàn ông đã có gia đình trẻ mà lại cứ lao vào quá nhiều rủi ro”.

Tường thuật chiến sự ở Việt Nam và Campuchia rất khác nhau. Ở Việt Nam, phóng viên di chuyển bằng phương tiện của quân đội Mỹ hoặc Việt Nam Cộng hòa và họ luôn được các binh sĩ che chở, hỗ trợ. Tại Campuchia, phóng viên tự thuê các loại xe hơi như Ford Cortina hoặc xe Mercedes chạy dầu. Họ không được quân đội hỗ trợ. Nếu xe hỏng giữa đường thì phóng

viên coi như chết dí. Sẽ không có ai tới đón. “Mục tiêu trước tiên tại Campuchia là phóng xe tới điểm chiến sự lấy tin rồi về mà không dính đạn hoặc bị bắt. Để thực hiện điều này, anh phải lái xe từ Phnom Penh, vượt qua những con đường dài không có sự bảo vệ an ninh để tới nơi mà anh tin là chiến sự sẽ xảy ra. Anh sẽ không biết được khi đến nơi thì mình sẽ gặp điều gì, nếu như anh thực sự đến được nơi đó.” (24)

Anson bị bắt rồi bị đẩy xuống một cái hố đã đào sẵn, bị ấn vào tay một cái xẻng và bảo đào cho hố sâu hơn. Anh cảm thấy như đang đào huyệt để chôn mình. Anh mong sẽ chỉ bị bắn vào ngực chứ không phải đầu, rồi cầu nguyện là người ta sẽ tìm thấy thi thể của anh. Rồi anh nghĩ về Diane: “Nàng còn trẻ và phải sống xa nhà, không có chút kỹ năng bươn chải nào, lại phải nuôi hai con nhỏ... Lạy Chúa, con rất hối tiếc về điều mà con đã gây ra cho gia đình nhỏ của con”. Anh nghĩ về hai đồng nghiệp mất tích là Sean Flynn và Dana Stone; anh nguyện cầu Đức Mẹ đồng trinh. Rồi người ta lệnh cho anh đứng sang bên miệng hố. Một họng súng AK chĩa vào trán anh, tiếng mở khóa cò nghe lách cách, anh sợ đến mức đá ra cả quần. Anson hét lên những từ cuối cùng bằng tiếng Việt - “Hòa Bình, Hòa Bình”. Sự im lặng đột nhiên bao trùm, rồi có tiếng đáp lại “Hòa Bình”. Hôm đó Anson không chết. (25)

Không khí kinh sợ bao trùm ngày kế tiếp. Những người bắt giữ không tin anh là nhà báo, mà cho rằng anh là một phi công Mỹ có máy bay bị bắn cháy. Lúc ấy Anson đang mang theo bên mình cuốn sổ có ghi lại cuộc phỏng vấn gần đây với một lính đặc nhiệm Lục quân Mỹ. Trong đó, anh viết hoa USAF(*) để đánh dấu các chi tiết nói về chiến dịch ném bom của Mỹ tại Campuchia. Nhóm người bắt giữ dễ dàng nhận ra những chữ viết ấy. Những ngày đêm kế tiếp, người ta trói tay và dẫn Anson đi qua các vùng rừng rậm dọc Đường mòn Hồ Chí Minh, lúc thì chạy, lúc đi bộ. Anh nghĩ quân Bắc Việt có thể đang đưa anh ra Hà Nội để nhốt vào “Khách sạn Hanoi Hilton”(*) cùng các phi công, nếu anh còn sống sót để đi đến nơi đó.

Cuộc hành quân cường bách đưa Anson đến một khu làng nhỏ, để một sĩ quan biết tiếng Anh thẩm vấn. Anson được yêu cầu cung cấp mọi chi tiết liên quan tới đời tư cũng như nghề nghiệp của mình. Anh chẳng giấu giếm

điều gì. Tất cả các chi tiết về cuộc đời, gia phả, học vấn của anh được phơi bày. Có lúc người thẩm vấn hỏi có phải con gái của Anson, cô bé Christian Kennedy Anson, được đặt theo tên của John Kennedy, vị tổng thống đầu tiên điều quân tới Việt Nam. Không phải, Anson nhanh trí đáp, con gái tôi được đặt theo tên của Robert Kennedy(***), người phản đối cuộc chiến.

Anson khai anh là phóng viên tờ *Time* , không phải là lính chiến, và cung cấp đầu mối liên hệ để kiểm chứng. “A”, người thẩm vấn nói. “Đây là một ấn phẩm rất quan trọng của Mỹ. Có lẽ không quan trọng bằng *New York Times* , nhưng hơn hẳn *Newsweek*. Tôi nói vậy có đúng không?” “Đúng rồi”. Anson cười, và hình dung ra cảnh Arnaud de Borchgrave(****) sẽ phản ứng như thế nào nếu anh còn có cơ hội sống để kể lại với ông ta câu chuyện này.(26)

(*) Viết tắt của United States Air Force, nghĩa là Không lực Mỹ.

(**) Là cách gọi mà quân Mỹ thường dùng để chỉ nhà tù Hòa Lò, nơi thường giam giữ các phi công Mỹ bị bắt trong chiến tranh.

(***) Robert Kennedy, sinh 1925, là em trai của Tổng thống John F. Kennedy, ông từng là Bộ trưởng Tư pháp Mỹ (1961-1964); năm 1965, ông trở thành Thượng nghị sĩ liên bang, đại diện cho tiểu bang New York cho đến khi bị Sirhan Sirhan, một người Công giáo Palestine, bắn chết vào tháng 6 năm 1968 do ủng hộ Israel, ông từng chống các chính sách của Tổng thống Lyndon B. Johnson liên quan tới Chiến tranh Việt Nam.

(****) Ông là nhà báo nổi tiếng người Mỹ lúc bấy giờ làm cho tờ *Newsweek*. Năm 1972, ông đã tới Hà Nội thực hiện bài phỏng vấn Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Ở Sài Gòn, Phạm Xuân Ẩn trở về sau cuộc gặp đầy cảm xúc với Diane Anson. Đêm hôm đó, sau khi các con đã ngủ, Ẩn lấy ít cơm bỏ vào thìa nước rồi đun cho đến khi gạo nhão ra thành một thứ hồ sền sệt. Trong khi

chú chó bẹc giê Đức và bà Thu Nhân đứng xem, Ấn nhúng đầu cây bút vào thứ chất lỏng đó rồi viết lên một tờ giấy thường dùng để gói. Trong chốc lát, vệt mực biến mất nhưng Ấn vẫn viết, như ông đã từng làm vài tuần một lần trong suốt thập kỷ qua.

Ấn gặp Thu Nhân lần đầu khi bà đang làm việc tại một trung tâm hàng thủ công mỹ nghệ gần tiệm Givral. “Lúc mới gặp, tôi nghĩ anh chàng này rất thông minh, có học vấn và có phong cách lịch lãm”, sau này bà Thu Nhân kể lại với tôi.

“Anh cũng thích giao thiệp và hay đùa”. Sau sáu tháng tìm hiểu, họ kết hôn vào ngày 25 tháng 2 năm 1962. “Rất nhiều ký giả bạn bè đã đến dự đám cưới chúng tôi”, bà Thu Nhân nhớ lại.

Sáu tháng sau, Ấn thổ lộ với vợ rằng ông làm việc cho cách mạng, khiến con tim bà như rung lên. “Hồi tiểu học, tôi rất thích môn lịch sử và những bài học về các cuộc khởi nghĩa chống ngoại xâm... Với tình yêu Tổ quốc sẵn có trong huyết quản, tôi rất thích và đã ghi nhớ cho tới tận hôm nay nhiều bài thơ ca về lòng ái quốc“. (27) Thu Nhân sẵn sàng làm bất cứ điều gì để hỗ trợ sứ mệnh của chồng. “Khi biết rằng chồng mình đang làm việc bí mật và lãnh nhận những nhiệm vụ rất nặng nề và nguy hiểm để phụng sự sự nghiệp giành độc lập cho đất nước, tôi ngay lập tức chấp nhận điều đó bằng cách giúp chồng làm việc hiệu quả và an toàn nhất, như chúng tôi thường nói 'thuận vợ thuận chồng tát bể Đông cũng cạn’”. Bà Thu Nhân thường đi theo ông Ấn để cảnh giới mỗi khi ông chuyển giao tài liệu và khi cần thì bà “thức suốt đêm cùng chồng để sao chụp tài liệu dưới những bóng đèn 500 watt, làm mọi việc để chồng khỏi bị phân tán tư tưởng bởi chuyện con cái gia đình”. (28)

Bà Thu Nhân kể với tôi rằng ông Ấn đã dặn bà nếu ông bị bắt, thì bà đừng có cố chạy chọt xin xỏ, vì ông không bao giờ phản bội nguồn tin và đã sẵn sàng cho cái chết. “Anh ấy mang theo một viên thuốc độc”, bà Thu Nhân kể, tái khẳng định điều mà ông Ấn đã đề cập với tôi nhiều lần trước

đó. “Là phụ nữ, tôi rất lo sợ. Tôi luôn sống trong tâm trạng sẵn sàng đối mặt với tình huống xấu nhất, khi nào cũng cảm giác như 'cá nằm trên thớt' vậy”.

Ông Ấn tin vào vận may và đó là một ngày may mắn đối với Bob Anson, bởi Ấn đã dự định sáng hôm sau sẽ gặp người giao liên của mình, bà Nguyễn Thị Ba, người về sau được tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang vào năm 1976.(29) Ông Ấn đã chọn bà Ba làm giao liên với niềm tin rằng chỉ có một nữ sứ giả mới bảo vệ được một người sinh nhằm cung xử nữ trước những điều tà ác. Lớn hơn ông Ấn mười hai tuổi và thường bồm bẻm nhai trầu, bà Ba ít gây chú ý đối với mọi người. Trước khi chọn bà Ba thì ông Ấn đã loại tới chín ứng viên khác.(30) “Trước lúc tôi đi gặp ông Ấn lần đầu, người ta bảo tôi rằng 'cha này hồng giống ai' nên có bị loại thì cũng đừng thất vọng”, bà Ba kể với tôi. “Ông ấy rất đặc biệt và luôn đòi hỏi cao”. Nhớ lại lần đầu gặp mặt, lúc đó bà Ba giả làm người mang hoa đi lễ chùa. Theo mật khẩu đã giao ước, ông Ấn cất tiếng, “chào chị Bảy Ba”, và bà đáp lại, “chào anh Ba Ấn”. Nếu hai con số trong các lời chào có tổng là mười, cả hai sẽ biết họ đều là người của cách mạng.

Từ năm 1961 tới 1975, bà Ba là giao liên duy nhất của ông Ấn.(31) “Mỗi tháng tôi gặp ông Ấn ba hoặc bốn lần để nhận tài liệu”, bà Ba, bí danh là Nữ tình báo viên B3, nhớ lại. “Khi tình hình khẩn cấp, ông ấy có thể gặp tôi năm tới sáu lần mỗi tháng. Khi đi gặp ông ấy để nhận tài liệu, tôi thường giả trang thành người bán hàng rong, khi thì bán rau, khi thì bán tạp hóa, nhằm dễ trà trộn vào đám đông. Nếu tài liệu ở dạng các cuộn phim, ông Ấn sẽ cuộn thành từng cuộn rất nhỏ và cho vào bánh xà bông hoặc thỏi nem”. Bà Ba muốn tôi hiểu chính xác món ăn gọi là nem chua (thịt gói trong lá chuối) để hình dung rõ hơn cách ông Ấn giấu phim.(32)

Vận may của Anson chính là việc Hà Nội đang chờ đợi bản phân tích của Ấn về kế hoạch tiến quân vào Campuchia của Nixon cũng như thông tin cập nhật về tinh thần và công tác huấn luyện của quân lực Việt Nam Cộng hòa. Ông Ấn quyết định chỉ gửi một bức thư và vài cuộn phim, ông mô tả chi tiết về một phóng viên người Mỹ, một đồng nghiệp tại tờ *Time* và là một người bạn của nhân dân Việt Nam, bị bắt gần đây. Ấn yêu cầu nếu Bob Anson chưa chết thì phải thả ngay, không hỏi thêm điều gì, ông giải thích

rằng đây chính là người Mỹ đã cứu trẻ em người Việt ở Takeo. Ấn đã chấp nhận đối mặt với rủi ro lớn, bởi nếu như bà Ba hoặc bất cứ ai trong đội ngũ giao liên bị bắt, vỏ bọc của ông sẽ bị lộ ngay tức thì.

Việc Ấn đưa ra đề nghị này cho thấy ông đã tự thấy được giá trị của mình trong vai trò là một sĩ quan điệp báo. Trong cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân năm 1968, thượng cấp trực tiếp của ông là Tư Cang, người mới được đưa vào Sài Gòn để làm việc cùng Ấn nhằm xác định các lộ trình xâm nhập vào thành phố, đã thông báo rằng ông vừa được trao huân chương đặc biệt vì những đóng góp trong chiến thắng Ấp Bắc vào năm 1963 và những báo cáo của ông được cấp trên đánh giá cao. Chính Tư Cang là người đã viết đơn đề nghị tặng thưởng cho Ấn. Ấn đã giải thích với tôi, *“Ông biết đấy, lần đầu tiên tôi nhận được phản hồi về các báo cáo của mình là lúc ông Tư Cang kể với tôi về huân chương liên quan đến Ấp Bắc. Tôi biết mình sẽ không có cơ hội đeo tấm huân chương đó cho đến khi cuộc chiến kết thúc, nhưng ngay lúc ấy tôi muốn tận dụng giá trị của nó”*. (33)

Ngày hôm sau, ông Ấn dắt chú chó béc giê Đức tới chợ chim kiểng Sài Gòn. Ông nổi tiếng là người chơi chim kiểng và huấn luyện chó giỏi nhất Sài Gòn, và những con thú cưng này đã tạo ra một vỏ bọc tuyệt vời cho nhà tình báo. Ông thậm chí còn huấn luyện con chó chạy tới đá đúng vào cái cây được dùng làm hộp thư chết trong những lần trao đổi tin tức. Những lúc Ấn bỗng nhiên biến mất một vài ngày thì ai cũng nghĩ rằng ông tới chợ chim kiểng hay đi huấn luyện hoặc mua chó.

Khu chợ luôn tấp nập, bán đủ thứ từ khỉ, cầy hương, mèo rừng, thỏ, chó, mèo, cá và đủ thứ chim, ông Ấn xem kỹ mấy chú cu cu châu Phi, bồ câu Pháp, sơn ca, gà lôi và chim yến. Biết rằng bà Ba sắp đến nên ông Ấn đứng đợi ở quầy bán dơi. Một lát sau, bà Ba tới và hai người bắt đầu trò chuyện; họ nói về cách lấy tiết dơi pha với rượu để trị bệnh lao. Ấn chỉ dẫn tỉ mỉ cho người quen của ông cách cắt cổ con dơi, lấy tiết để pha chế thuốc.(34)

Trong lúc trò chuyện, ông Ấn thỉnh thoảng mời bà Ba chút đồ ăn; bà Ba có vẻ như muốn để dành mang về bởi bà không thể ăn hết tất cả số nem cuốn gói trong giấy trắng này. Bà Ba cảm ơn và cũng mời lại ông một vài thứ. Rồi hai người chia tay - ông Ấn trở về tòa soạn Time còn bà Nguyễn Thị Ba xuống Củ Chi, một vùng đất ngoại vi Sài Gòn, nơi có một mạng lưới tinh vi đang chờ những miếng nem của bà. Trong bọc tài liệu, ông Ấn còn ghi thời gian và địa điểm cho cuộc gặp kế tiếp. Bà Ba kể với tôi rằng “mỗi tháng chúng tôi chọn một cuộc hẹn chính và hai cuộc gặp phụ, thường cách nhau mười ngày. Thường thì mọi thứ được định trước cho các ngày 10, 20 và 30 hàng tháng, nhưng mỗi tháng lại thay đổi nên không bao giờ có một khuôn mẫu nào. Nếu có chuyện khẩn cấp, tôi sẽ tới trường học đứng đợi cho tới khi ông ấy đưa bọn trẻ tới học. Không cần chào hỏi gì, chỉ cần thấy bóng tôi là ông ấy biết trên đang cần thông tin gấp, rồi sau đó ông ấy sẽ liên lạc với cơ sở”.

Thường thì bà Ba chỉ cần mang gói tài liệu của ông Ấn tới Hóc Môn, khoảng nửa đường tới Củ Chi, rồi giao cho liên lạc viên khác. “Tôi chỉ tới Củ Chi một vài lần”, bà kể. Bà Ba và ông Ấn không có kiểu liên lạc nào khác; không điện thoại, không vô tuyến sóng ngắn, không thư từ. Thời đó, bà Ba chưa biết chữ và cũng không biết ông Ấn sống ở đâu. Họ thực sự là một trong những nhóm tình báo kỳ lạ nhất và hiệu quả nhất trong lịch sử.

Hành trình đến Củ Chi, cách Sài Gòn khoảng ba chục cây số về phía tây bắc, là cực kỳ nguy hiểm bởi quân Mỹ ở đây rất dày đặc với nhiều trạm kiểm soát. Dưới mặt đất là hệ thống đường hầm hình mạng nhện nối các làng xã, quận huyện với nhau và kéo dài từ Sài Gòn tới tận biên giới Campuchia. Hệ thống địa đạo này ban đầu được lực lượng Việt Minh đào làm nơi trú ẩn trong các trận đánh với quân Pháp, đến giữa thập niên 1960, Củ Chi trở thành một hệ thống tự túc liên hoàn với đầy đủ các cơ sở như khu dân cư, nhà kho, xưởng vũ khí, bệnh xá và sở chỉ huy quân báo.

Tình báo Mỹ biết về sự tồn tại của hệ thống địa đạo này và quận Củ Chi trở thành một trong những nơi bị dội bom, rải hóa chất phát quang và bị tàn phá nặng nhất.(35) “Hầu như chẳng còn gì ở đây. Vùng này bị rải hóa chất quá nhiều nên trông như vùng đất chết”, một nữ giao liên khác, bà Hà Thị Kiên (Tám Kiên), nhớ lại.(36) Hầu như toàn bộ cư dân Củ Chi từ lâu đã bị gom vào nơi gọi là ấp chiến lược, ngoại trừ một số thôn ở khu vực rừng Hồ Bò, từ lâu được coi là “vùng giải phóng” và nằm dưới sự kiểm soát của Việt Cộng. Sau năm 1969, với việc quân Mỹ gia tăng nỗ lực tìm diệt các căn cứ Việt Cộng ở Củ Chi, ông Ấn hiểm khi tới vùng địa đạo. Tới khu vực này là rất nguy hiểm bởi ông có thể bị bắt hoặc bị giết trong một cuộc tấn công của quân Mỹ.

Tại Củ Chi, người ta bôi dung dịch iốt lên tờ giấy gói để có thể dễ dàng đọc được các lời chỉ dẫn của Ấn. Bên trong các mẫu nem cuốn còn có nhiều cuộn phim cũng như các chi tiết về cuộc hẹn kế tiếp - ngày, giờ, địa điểm, ông Ấn luôn giữ quyền chủ động về vấn đề này. Phần quan trọng nhất trong báo cáo của Ấn được chuyển tới Trung ương cục miền Nam bằng mật mã qua hệ thống liên lạc vô tuyến; các cuộn phim và bản tóm tắt báo cáo được một nhóm du kích Việt Cộng mang tới ban chỉ huy điệp báo vùng và cuối cùng được chuyển ra Hà Nội. “Nhiều người đã chết trên đường bảo vệ các báo cáo của tôi”, Ấn nói với tôi. “Họ rất dũng cảm, và mãi sau chiến tranh tôi mới biết những điều đó”.

Lúc bấy giờ thì ông Ấn chỉ có thể ngồi chờ tin tức về số phận của Bob Anson.

SAU VÀI TUẦN BỊ GIAM GIỮ, vào lúc nửa khuya một đêm nọ, một người thẩm vấn dựng Bob Anson dậy, thông báo rằng lời khai về việc anh là nhân viên của Time đã được kiểm chứng. Có thể mất một vài ngày nữa, nhưng anh sẽ được phóng thích sớm. Người thẩm vấn muốn biết tại sao

Anson lại không khai hết mọi thứ khi bị hỏi cung. Anson không biết mình đã che giấu điều gì, nhưng trước khi kịp mở miệng, người thẩm vấn đã hỏi anh tại sao không nhắc tới chuyện xảy ra ở Takeo. “Theo truyền thống của Việt Nam, hễ ai đã cứu sống con em chúng tôi là chúng tôi mang một món ân nợ bằng máu. Mặt trận xin ghi tạc ơn ông. Ông sẽ được trả tự do... Ông là người của chúng tôi; một chiến sĩ cách mạng”. (37)

Bob Anson vô cùng vui mừng nhưng cũng hơi bối rối. Anh đã không nghĩ đến việc kể lại câu chuyện ở Takeo bởi có vẻ như nó chẳng liên quan tới nội dung lời khai của anh. Tuy nhiên, anh gác lại mọi thắc mắc để nghĩ đến ngày đoàn tụ với Diane và các con. Chín ngày sau, khi Anson rời nơi giam giữ, những người lính cách mạng tặng anh một đôi dép Hồ Chí Minh với đế làm từ lốp và quai làm bằng sắt xe tải. “Chúng tôi xài toàn đồ xịn nhất. Hàng Mỹ đấy. Dày bốn lớp”, một người lính Việt Nam nói. (38)

Mười bảy năm sau, Bob Anson trở lại Việt Nam vì lý do cá nhân. Ông đến thăm ông Ấn vào một đêm đã khuya, khi đó chủ nhà mặc quân phục với hàm đại tá Quân đội Nhân dân Việt Nam và đeo huân chương trên ngực ra đón ông. “Khi nào anh cũng mặc thế này à?” Anson há hốc miệng vì kinh ngạc, “Ừ, lúc nào cũng thế”, Ấn cười. Sau này Ấn kể với tôi rằng hôm đó Anson bị hơn chục nhân viên an ninh theo đuôi. “Cậu ấy không hề biết mình bị bám đuôi, nhưng hôm sau bên an ninh cho người sang. Tôi đã kể với họ câu chuyện ở Takeo, thế là họ để tôi yên”.

“Này, Christian và Sam khỏe không, Diane thế nào?”, ông Ấn hỏi khi vừa gặp lại bạn cũ. “Mười bảy năm trôi qua nhưng ông vẫn không quên chi tiết nào”, Anson nghĩ. “Sau mười bảy năm, ông vẫn biết cách làm cho tôi dễ chịu. Kỹ năng ấy đã khiến ông trở thành một bậc thầy trong sự nghiệp của mình”. (39) Sau chín mươi phút trò chuyện thân mật, Anson cuối cùng đã hỏi làm sao những người bắt giữ mình ngày xưa có thể biết về câu chuyện Takeo. Lần đầu tiên, Ấn thừa nhận với Anson rằng chính ông đã báo cáo với Mặt trận về trường hợp bắt giữ này cũng như mô tả chi tiết hành động anh hùng của Anson ở Takeo. Nhưng đêm hôm đó, ông chỉ nói với Anson một phần câu chuyện, rằng ngày trước một thành viên Mặt trận đã tới nhà

riêng của ông ở Sài Gòn để xác minh về công việc của Anson ở tờ *Time* . Sau đây là một đoạn trích trong cuốn *Tin chiến sự* của Anson:

“Nhưng tại sao? Tôi và anh, chúng ta ở khác chiến tuyến mà”.

“Ấn nhìn tôi ngẫm ngợi, dường như cảm thấy thất vọng khi sau bao lần ông giảng giải mà tôi đã không ngộ được bài học căn bản nhất. 'Không, chúng ta là bạn bè’”.

Câu chuyện này còn có một đoạn cuối nữa. Năm 1988, ông Ấn đã không được chuẩn bị để kể lại sự thật với Anson. Lúc bấy giờ vẫn còn quá nguy hiểm đối với ông nếu tiết lộ phương thức hoạt động của một điệp viên. Mười tám năm sau đó, ông Ấn kể với tôi điều gì thực sự đã xảy ra. Không thành viên Mặt trận nào từng đến nhà riêng của ông cả, bởi như vậy rất dễ làm lộ bí mật. Thêm vào đó, hầu như không ai trong Mặt trận biết được sứ mệnh bí mật của ông và Mặt trận cũng không vì một người Mỹ nào đó mà để mất Ấn.

Bob Anson được phóng thích là nhờ bản báo cáo bí mật về vụ Takeo được Ấn viết rồi gửi qua bà Nguyễn Thị Ba cùng một giao liên khác tới Củ Chi. Đơn giản chỉ có thế. Anson sống sót là nhờ vào một vận may, khi ngay lúc ấy ông Ấn đã có cuộc hẹn gặp với bà Ba, là nhờ anh đã kết bạn với Ấn, và nhờ vào hành động dũng cảm của chính anh khi cứu các trẻ em Việt Nam ở Takeo cũng như sự hiệu quả của lưới tình báo H.63. “Cậu ấy không có nhiệm vụ phải cứu bọn trẻ, nhưng cậu ấy đã làm thế”, Ấn chia sẻ với tôi. “Và sau đó cậu ấy còn giữ liên lạc với các nạn nhân, để biết rằng họ được an toàn, được chăm sóc tốt. Cậu ấy là người tốt, và cũng là người may mắn”.

CHÚ THÍCH

(1) Tài liệu về sau cho thấy “tọa độ mất tích” ở Campuchia là 12°04'00” Bắc 105°04'00” Đông. Tôi xin cảm ơn Robert Sam Anson và

Phạm Xuân Ẩn đã giúp xâu chuỗi các sự kiện.

(2) <http://www.pownetwork.Org/bios/s/s602.htm>. Xem Richard Dudman, *Forty Days with the Enemy: The Story of a Journalist Held Captive by Guerrillas in Cambodia* (New York: Nhà xuất bản Liveright Press, 1971); Kurt Volkert và T. Jeff Williams, *A Cambodian Odyssey and The Deaths of 25 Journalists* (Lincoln, NE: Nhà xuất bản Writer's Showcase Press, 2001). <http://www.mekong.net/cambodia/missing.htm>.

(3) Robert Sam Anson, *War News: A Young Reporter in Indochina* (New York: Nhà xuất bản Random House, 1989), trang 27. Chương này lấy tư liệu từ câu chuyện kể của Anson trong cuốn *War News* (Tin chiến sự) cũng như từ các cuộc trao đổi với ông Ẩn và Anson.

(4) Sách đã dẫn, trang 15.

(5) William Tuohy, *Dangerous Company* (New York: Nhà xuất bản Morrow, 1987), trang 117.

(6) Larry Berman, *Lyndon Johnson's War: The Road to Stalemate in Vietnam* (New York: Nhà xuất bản W. W. Norton, 1989), trang 194-197.

(7) Xem Larry Berman, *No Peace, No Honor: Nixon, Kissinger and Betrayal in Vietnam* (New York: Nhà xuất bản Free Press, 2001), trang 49-50.

(8) *War News*, trang 38-40.

(9) *War News*, trang 70.

(10) *War News*, trang 64; phỏng vấn riêng với Anson.

(11) *War News*, trang 64.

(12) Jason Felch & Marlena Telvick, “Unsung Hero”, tạp chí *American journalism Review*, tháng 6 và 7.2004. <http://www.ajr.org/Article.asp?id=3699>; xem thêm http://www.muckraker.org/content/news_events/McCullochBio.pdf#search='Frank%20McCulloch'; Wallace Terry, “Time's Frank McCulloch: In the Eye of the Hurricane”, http://www.wa.org/TheVeteran/2002_11/mcculloch.htm.

(13) Được trích dẫn trong David Halberstam, *The Powers That Be* (New York: Nhà xuất bản Knopf, 1979), trang 472.

(14) Sách đã dẫn; trang 475

(15) Khi McCulloch rời Việt Nam vào cuối năm 1967, chánh văn phòng của Time, chính là ông Đặng từng có thời gian khắt khe với Anson, đã gửi một lá thư cho Frank: “Tôi xin nhấn mạnh với ông rằng ông luôn chiếm được sự ngưỡng mộ, mến phục, kính trọng và biết ơn của chúng tôi. Lúc này đây tôi không biết nói gì hơn ngoài lời cảm ơn chân thành nhất đối với ông, người đáng kính phục nhất mà chúng tôi từng gặp trong đời. Một lần nữa, tôi mãi mãi ủng hộ ông”. Ngày 13.12.1967, trang 96-39, Hộc 6, Thư từ báo chí, Tài liệu của McCulloch.

(16) Trích từ Sydney Schanberg, <http://www.crimesofwar.org/thebook/cambodia.html>

(17) Sách đã dẫn; xem thêm Henry Kamm, *Dragon Ascending: Vietnam and the Vietnamese* (New York: Nhà xuất bản Arcade Publishing, 1996), trang 121-122.

(18) War News, trang 138, 164; Xem Robert Sam Anson, “Apocalypse Then”, tạp chí Washington Monthly, 1.10.1989.

(19) War News, trang 138.

(20) Xem T. D. Allman, “Massacre at Takeo”(Cambodia: 4.1970), trong tài liệu Reporting Vietnam, tập 2, tạp chí American Journalism 1969-1975 (New York: Nhà xuất bản Library of America, 1998), trang 129.

(21) War News, trang 140.

(22) War News, trang 141; phỏng vấn Bernard Kalb.

(23) Cambodian odyssey, trang 46-47.

(24) Sách đã dẫn.

(25) War News, trang 233, 242.

(26) War News, trang 249.

(27) “Các bài học về Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Đinh Tiên Hoàng, Trần Hưng Đạo, Ngô Quyền, hoặc Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ, Quang Trung, hoặc Hoàng Hoa Thám, Phan Đình Phùng, Nguyễn Thái Học”. Bà nhắc tới các bài hát khơi gợi và ca ngợi lòng ái quốc như “Bông cỏ lau”, “Thăng Long thành”, “Du kích quân”, “Kim Đồng”, “Diệt phát xít”; bài về “Đi quyên góp vàng ; thơ Nguyễn Trãi - Phi Khanh”, “Ngày tang Yên Bái”.

(28) Phỏng vấn bà Thu Nhân.

(29) Lúc nhận danh hiệu này, bà Ba là Đại úy tình báo. Bà người làng Hậu Thạnh, quận Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà gia nhập lực lượng vũ trang năm 1961 và được thăng lên cấp Thiếu tá vào năm 1993, cấp bậc cao nhất của bà. Bà vào Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1936.

(30) Phỏng vấn bà Nguyễn Thị Ba.

(31) Từ điển Bách khoa Quân sự Việt Nam, do Trung tâm Từ điển Bách khoa Quân sự (thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam) biên soạn; chủ biên: Trung tướng Trần Độ (Hà Nội: Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, 1996), trang 567.

(32) Tình báo Việt Nam và những câu chuyện lạ. Báo Quân đội Nhân dân, 22.10.2004. http://www.quandoinhandan.org.vn./news.php?id_new=52089&subject=2. Đây là bản điện tử của báo Quân đội Nhân dân. Xem thêm Chương 29, “Ba, A Heroine”, (Bà Ba anh hùng) trong sách A General of the Secret Service.

(33) Phỏng vấn ông Ân và Tư Cang.

(34) Ghi chú về các cuộc phỏng vấn, 15.4.1972, tạp chí New Yorker, Hộc 1-2, Tài liệu của Shaplen. Chi tiết này cũng đã được đăng trên tạp chí.

(35) Xem Tom Mangold và John Penycate, The Tunnels of Cu Chi (Cavaye Place, Nhà xuất bản London sw. Pann Press, 1985). Xuất bản lần đầu bởi Nhà xuất bản Hodder và Stoughton, Ltd.

(36) Phỏng vấn bà Hà Thị Kiên.

(37) War News, trang 263.

(38) War News, trang 270.

(39) War News, trang 311.

Chương 2: ĐIỆP VIÊN HỌC NGHỀ

V

iệt Cộng đã xâm nhập đáng kể vào làng báo .

Nhà báo Nguyễn Hưng Vương

Nói với các đồng nghiệp Robert Shapien và Phạm Xuân Ẩn.(1)

GỬI PHẠM XUÂN ẨN

TRƯỜNG ORANGE COAST COSTA MESA,

CALIFORNIA

Phạm Xuân Ẩn mỉm cười khi đọc địa chỉ người gửi: Mills C. Brandes, 2329 South Joyce Street, Arlington, Va.

Đó là tháng 4 năm 1958. Ẩn sắp kết thúc năm đầu tại Trường Orange Coast. Rất nhiều điều tuyệt vời đã xảy ra kể từ buổi tối 16 tháng 8 năm 1957, khi Ẩn và gia đình Brandes chia tay nhau tại sân bay Tân Sơn Nhất ở Sài Gòn. Mills Brandes vừa hoàn tất một sứ mệnh bí mật kéo dài hai năm tại Sài Gòn và lúc bấy giờ đang cùng gia đình đi nghỉ mát trước khi trở về Arlington để Mills có thể bắt đầu công việc mới tại Washington, D.C.

Mối quan tâm chủ yếu của Mills trong khoảng thời gian ngắn chạy xe ra sân bay không phải là cuộc khởi hành sắp tới của gia đình ông, mà là người bạn trẻ Việt Nam, người vài tuần nữa sẽ rời Sài Gòn tới Costa Mesa, California, để học báo chí tại Trường Orange Coast. Mills và vợ, bà Janet, đã mua tặng Ẩn chiếc va li mới và dặn đi dặn lại rằng khí hậu California không nóng ẩm như Sài Gòn. Mills mong Ẩn tiếp tục tiến độ học tiếng Anh như lâu nay và đã dàn xếp để một đồng nghiệp là Corad Dillow thay Janet làm gia sư cho Ẩn. Trước khi nói lời tạm biệt, Mills đưa cho Ẩn danh sách một số bạn bè và gia đình mà Ẩn có thể liên lạc khi đến California.

Mills gặp Ẩn lần đầu vào năm 1956 khi đang là nhân viên của Bộ Ngoại giao, làm việc trong lĩnh vực thủy điện, hoặc ít nhất thì đây là vỏ bọc của ông ta. Là bạn thân của điệp viên CIA huyền thoại Lou Conein, Brandes thực ra làm công tác bí mật nhằm giúp chính quyền Ngô Đình Diệm đánh bại lực lượng Việt Minh Cộng sản.(2) Conein và Brandes từng hoạt động chung một tổ trong Cơ quan tình báo Chiến lược (OSS)(*) trong Thế chiến II. Năm 1954, Conein chuyển tới hoạt động trong chiến dịch bí mật của Edward Lansdale ở Bắc Việt, tổ chức một nhóm bán quân sự chống Cộng để cài lại nhằm phá hoại các cơ sở công nghiệp và giám sát một chiến dịch gián điệp.(3) Cũng chính Conein đã điều Brandes tới Việt Nam để tham gia chiến dịch chống Cộng. Khi nghe tôi kể về các hoạt động ngầm của Brandes, Ẩn thú nhận “tôi chưa từng biết điều đó”. “Tôi biết Mills Brandes là một người chống Cộng hăng hái, nhưng tôi không rõ mối quan hệ giữa ông ấy và Lou Conein. Tôi cũng biết rất rõ Conein. Chúng tôi

thường cùng nhau uống rượu Black & White, đặc biệt là với Bob Shaplen, và tôi biết ông ta gắn bó mật thiết với CIA, nhưng chuyện này thì tôi không hề biết”, Ấn nói với một chất giọng tôn trọng chuyên nghiệp đối với nhiệm vụ bí mật của bạn ông.

(*) Office of Strategic Services (OSS) ra đời năm 1942 và chấm dứt hoạt động vào năm 1945, là tiền thân của Cơ quan Tình báo Trung ương (CIA).

Ấn luôn coi gia đình Brandes là “gia đình Mỹ đầu tiên” của ông. Mills và Janet thường tạo mọi điều kiện để Ấn tham gia vào các hoạt động của họ. Sau khi dỗ các con nhỏ đi ngủ, Janet có thể ngồi hàng giờ để luyện tiếng Anh cho Ấn, người rất gắn bó với ba đứa nhỏ Jud, Julianne và Mark. “Lần đầu tiên trong đời, tôi được những đứa trẻ người Mỹ này chỉ cho cách chơi với trẻ em Mỹ nói chung; làm sao để thân thiết với chúng”, Ấn nhớ lại, đến lượt mình, chính ông cũng dẫn Mills và Janet về nhà để giới thiệu với cha mẹ và các anh chị em. Năm mươi năm sau, Julianne Brandes Owings nói với tôi, “Cho đến hôm nay tôi vẫn nhớ rõ rằng ông ấy là một người bạn đặc biệt của gia đình; hiếm có người nào mà tôi biết từ thời ấu thơ lại đối xử tử tế và đầy tôn trọng với tôi như ông Ấn”.

Có lần Mills đề nghị Ấn làm hướng dẫn và thông dịch cho gia đình trong một chuyến du lịch khắp miền Nam Việt Nam. Những chặng đường dài trên chiếc Land Rover cùng cả gia đình đã giúp Ấn thực hành tiếng Anh rất tốt, trong đó có hai câu chuyện đáng nhớ mà năm mươi năm sau cả Ấn lẫn những đứa trẻ ngày ấy đã kể lại với tôi cùng một nội dung. Câu chuyện thứ nhất xảy ra trên chặng đường từ Ban Mê Thuột tới Nha Trang, ở đoạn Quốc lộ 1 chạy dọc bờ biển. “Chúng tôi trông thấy một ngọn núi và trên đỉnh cao vời vọi có khối đá hình mẹ bồng con”, ông Ấn hồi tưởng. “Tôi kể với mọi người truyền thuyết về hình ảnh ấy, và Janet Brandes bảo tôi viết

lại để bà có thể giúp chỉnh sửa câu chữ. Truyện kể về hai anh em trẻ tuổi, một gái và một trai.

Vào ngày nọ, hai anh em có chuyện xích mích dẫn đến đánh nhau. Người anh nổi nóng cầm dao chém vào đầu em gái, làm cô em bị thương. Nhìn thấy máu chảy đầm đìa, người anh sợ quá bỏ nhà trốn biệt tăm. Cả gia đình tảo đi tìm kiếm nhưng chẳng thấy người anh nơi đâu. Chàng đã tới ngôi làng khác sinh sống, không bao giờ trở về. Rồi chàng làm nghề đánh cá. Một ngày nọ, chàng phải lòng một cô gái liền cưới làm vợ mà không hề biết rằng đó chính là em gái mình. Họ có với nhau một đứa con trai. Cuộc sống gia đình thật đầm ấm. Thế rồi có lần người vợ nhờ chồng chải đầu. Người chồng bỗng phát hiện trên đầu nàng có vết sẹo liền hỏi nguyên do. Khi nghe kể lại, người chồng biết rằng người vợ chính là em gái mình và hai người đã phạm tội loạn luân. Lương tâm giày vò, anh ta liền bỏ nhà đi biệt xứ. Người vợ ngày đêm nhung nhớ, đã bỗng con lên ngọn núi gần nhà trông ngóng người chồng trở về, vì chồng nàng thường ra khơi sớm và trở về nhà rất muộn.

Người vợ chờ đợi mỗi mòn. Mỗi ngày nàng lại leo lên cao hơn. Một ngày nọ, nàng chết và Thượng đế biến nàng cùng đứa con thành đá, đấy là tượng đá người mẹ và đứa con ngóng chồng, đợi cha trở về. Cho đến hôm nay, ngư dân vùng Quy Nhơn ở miền Trung Việt Nam vẫn còn ngược nhìn lên tượng người mẹ bỗng con và khẩn: “Xin Bà phù hộ cho gió Tây Nam thổi mạnh lên... Đức lang quân của Bà giờ sống ở Quy Nhơn và chúng con đang đi theo Ngài, cầu xin Bà nổi gió Tây Nam để thuyền ra khơi nhanh”.

Ấn khê hát lên những lời khẩn đó bằng tiếng Việt và sau đó viết ra giấy bằng tiếng mẹ đẻ. Khi tôi kể lại chuyện này với gia đình Brandes, Jud đã lục ra một tấm ảnh trong bộ sưu tập của gia đình rồi chỉ cho tôi hình ảnh khối đá.

Chuyến đi đáng nhớ ấy còn có một câu chuyện không thể quên nữa; đấy là cái hôm Mills quẹo nhằm vào một con đường hẻo lánh và đột nhiên lính Việt Minh bao vây chiếc xe. Lũ trẻ sợ khiếp vía. Đầu tiên Ấn trấn an mọi người, bảo cả gia đình hãy bình tĩnh trong khi ông đi nói chuyện với những người kia. Không ai dám nhúc nhích hoặc nói điều gì. Sau một lát

chỉ chỉ trỏ trỏ, Ấn trở lại và chỉ cho Mills cách quay lại đường lớn. Không biết Ấn đã nói gì nhưng có vẻ như lời ông rất hiệu nghiệm bởi toán du kích nhanh chóng biến vào khu rừng ven đường.

Tối hôm đó, Mills tập hợp cả gia đình và dặn mọi người không bao giờ quên ơn cứu mạng của Ấn. “Nếu không có chú ấy thì tất cả chúng ta đã bị giết”, nhiều năm về sau, những người con vẫn nhớ như in lời cha trong ngày hôm ấy. Cho tới tận hôm nay, các thành viên trong gia đình Brandes vẫn kể về câu chuyện với lòng tri ân sâu sắc về những gì mà theo họ là nghĩa cử của tình bằng hữu và lòng dũng cảm, một món nợ không thể nào đền đáp được. Khi tôi hỏi Jul và Jud về phản ứng của cha họ khi nghe tin Ấn là một điệp viên Cộng sản, hai người cho biết, “Bố bảo rằng ông Ấn là một người bạn của gia đình, bố không phán xét ông ấy. Chúng tôi yêu Việt Nam, yêu ông Ấn, chúng tôi hiểu tinh thần dân tộc, người dân Việt Nam là bạn bè của chúng tôi. Ông Ấn đã làm điều phải làm, cho đất nước, cho gia đình ông ấy. Ông ấy đã vun đắp tình bạn cho tương lai. Ông ấy đã tham gia trò chơi một cách thông minh nhất”.(4)

Ấn kể với tôi rằng, khi nói chuyện với toán Việt Minh, ông bảo mình là hướng dẫn viên du lịch cho gia đình trẻ người Mỹ này và cả nhóm đang bị lạc đường do không rành nơi đó. “Tôi bảo, họ chẳng làm hại ai cả và Mills cũng không làm việc cho chính phủ”. Tôi ngờ rằng Ấn không chỉ nói có vậy nên tiếp tục khơi gợi để ông kể tiếp. Tuy nhiên, “có những chuyện dù năm mươi năm đã trôi qua tôi vẫn không thể nói ra được”, ông nói bằng một chất giọng như gợi ý rằng chúng tôi nên chuyển sang đề tài khác.

CẦM PHONG THU TRONG TAY, Ấn nhớ lại cái ngày ông trông thấy Mills Brandes đạp chiếc xích lô leo lên một trong những con dốc cao nhất Sài Gòn trong khi người đàn ông gầy gò hành nghề đạp xích lô thì lại ngồi ở ghế hành khách. Ấn chưa bao giờ thấy một gã Tây đạp xích lô, nhưng còn đáng ngạc nhiên hơn đó là cái ông xích lô thực sự thì lại ngồi như là hành khách.

Khi họ vừa lên đến đỉnh dốc, ngay Nhà thương Grall (*), hai người lại đổi vị trí cho nhau, người đạp xích lô chở Mills về nhà ở số 213B Công Lý. Mills sau này giải thích rằng hôm đó Sài Gòn nắng nóng bất thường và do

ông ta quá bận con nên cảm thấy ái ngại cho bác xích lô ốm yếu. Ấn không bao giờ quên bài học đó: “Ông biết đấy, đây là một câu chuyện rất nhân văn ăn sâu vào đầu tôi cho tới lúc chết. Lần đầu tiên người Mỹ cho tôi thấy họ giàu tình thương và hào hiệp đến nhường nào”.

(*) Ngày nay là Bệnh viện Nhi đồng 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ấn luôn mong nhận được tin tức từ Mills, nhưng lá thư này mang đến cho ông những tin tức gây xáo động. “Hy vọng anh không phiền lòng về việc chúng tôi tham khảo ý kiến anh những vấn đề liên quan đến quan hệ Việt - Mỹ”, Mills Brandes viết trong thư. “Chúng tôi làm thế bởi chúng tôi rất quan tâm về mối quan hệ này và bởi chúng tôi biết rằng anh sẽ đưa ra ý kiến thẳng thắn nhất của mình. Sau tất cả, anh chính là người đã dạy cho tôi và gia đình tôi phần lớn những gì mà chúng tôi biết về đất nước của anh”.

(5)

Gửi kèm thư là bốn bài báo, bao gồm bài viết về “sự kiện chính quyền Việt Nam phát hiện nhiều ký giả Cộng sản ở miền Nam”. Mills cảnh báo Ấn rằng những vụ bắt giữ này “đã chỉ ra mối đe dọa từ Cộng sản cũng như cho thấy nhận thức của một số người về sự tồn tại của mối đe dọa đó. Chúng tôi không có những cán bộ tuyên truyền làm việc 'toàn thời gian' tại đất nước này, mà chỉ có 'một nền báo chí tự do' mà anh sắp sửa nghiên cứu. Nhiều lúc tôi cho rằng đất nước tôi đang đánh nhau với hai tay bị trói chặt ở sau lưng. Hy vọng rằng việc chúng tôi không thuận với chương trình tuyên truyền được Chính phủ Mỹ tài trợ để đối đầu với Cộng sản sẽ không bị bạn bè diễn dịch rằng đó là do chúng tôi hèn nhát.

“Tôi phải thừa nhận rằng ở đất nước của anh và các nước khác tại Viễn Đông, tôi đã gặp nhiều người hiểu biết về chiến lược và chiến thuật của Cộng sản hơn so với những người tại Mỹ. Tôi chỉ là một cá nhân và không phải là một hình mẫu hợp lý cho trong nước lẫn nước ngoài - có lẽ là không phải. Nếu, một ngày nào đó, nhân dân tôi được phép hiểu đúng bản chất chủ nghĩa Cộng sản trên thế giới - một thế lực quỷ quyết đang âm mưu thống trị thế giới bằng sự kiểm soát của một vài cá nhân điên khùng - thì khi đó chủ

ngiã Cộng sản sẽ bị diệt vong. Tôi chưa nghĩ rằng nhân dân chúng tôi đã nhận thấy toàn bộ hình hài mối đe dọa này. Thêm vào đó, tôi không tin chúng tôi đã biết rõ rằng vũ khí có sức mạnh lớn nhất để chúng tôi tiêu diệt Cộng sản, đó là sự thật, lòng chân thành và phẩm hạnh cá nhân”.

Từ lá thư này, Ấn nhận ra hai điều quan trọng. Thứ nhất, ở trong nước, chính quyền Diệm đã thực hiện một cuộc thanh trừng nhằm vào những người cảm tình với VC (*), và thứ hai, vỏ bọc của ông vẫn chưa hề hấn gì. Sứ mệnh của Ấn tại Mỹ là học tất cả những gì có thể về người Mỹ và văn hóa của họ để sau đó trở về Việt Nam làm việc dưới vỏ bọc là một nhà báo. Nhiều thành viên Bộ Chính trị tại Hà Nội, vốn đã theo dõi sát các nguồn lực từ Mỹ được tuồn vào Việt Nam kể từ sau thất bại của Pháp tại Điện Biên Phủ, đã đoán chắc rằng sẽ có một ngày giữa Mỹ và Việt Nam nổ ra chiến tranh. Trước khi ra đi, Ấn được chỉ đạo là phải tìm mọi cách để bản thân có một cách nghĩ, cách viết như người Mỹ. “Nếu không làm điều đó, cậu sẽ không thành công được”, thượng cấp Mười Hương cảnh báo. “Khi tới đó, cậu phải nghiên cứu văn hóa Mỹ một cách bài bản và phải tìm hiểu người Mỹ một cách toàn diện. Chỉ có làm được điều đó thì cậu mới hoàn thành được nhiệm vụ”. (6)

(*) VC - viết tắt của Việt Cộng, một từ viết tắt rất phổ biến trong các tài liệu của Mỹ và Việt Nam Cộng hòa.

Trong khi làm nhiệm vụ, Ấn đã dần dần cảm phục nhân dân Mỹ, giá trị và văn hóa của họ. Tình cảm này đã nảy mầm từ Việt Nam, trong những dịp ông tương tác với những người Mỹ như gia đình Brandes hoặc Thượng sĩ Frank C. Long cùng ba người con của ông này, Amanda, Peter và Kathy. Ông khâm phục lòng trắc ẩn, tính độc lập và cả những ý định tốt đẹp của họ. Bất cứ nơi đâu, ông đều tranh thủ giải thích về đất nước Việt Nam cũng như bề dày lịch sử chống ngoại xâm cho những người bạn Mỹ. “Tôi luôn hy vọng nước Mỹ sẽ mở to mắt và giúp đỡ một đất nước Việt Nam thực thụ”, Ấn nói với Henry Kamm.(7)

Ấn trở thành đảng viên Cộng sản vào tháng 2 năm 1953 trong một lễ kết nạp ở tỉnh cực nam Cà Mau, cách Sài Gòn 350 cây số. Cán bộ cấp cao nhất của Việt Minh hoạt động ở miền Nam, ông Lê Đức Thọ, chủ trì lễ kết nạp và sau đó đã kéo Ấn ra nói chuyện riêng. Ông Thọ tham gia nhóm cách mạng của Hồ Chí Minh từ rất sớm và là một trong những sáng lập viên của Đảng Cộng sản Đông Dương. Ông từng bị người Pháp cầm tù mười năm, trong đó có khoảng thời gian lao động khổ sai tại Poulo Condore(*), về sau gọi là Côn Sơn, một hòn đảo với hệ thống nhà tù khét tiếng khắc nghiệt. Trong thời gian ngồi tù ở Nam Định, ông đã làm bài thơ Xà lim oán, trong đó có những câu, *“Vì đâu phải đọa đầy khổ cực/Giận vì quân đế quốc đã man/Bao năm đầy xéo giang san/Ngàn trùng áp bức muôn vàn đắng cay”*.

(*) Côn Đảo (hay Côn Sơn, Côn Lôn) thời thuộc Pháp thường được gọi là Poulo Condore.

Gần ba mươi năm sau, Lê Đức Thọ đã khiến Henry Kissinger hụt hơi trong cuộc đàm phán chấm dứt chiến tranh. Hai người này sau đó đã được trao chung một giải Nobel Hòa bình, nhưng ông Thọ từ chối nhận với lý do rằng nền hòa bình thực sự vẫn chưa trở thành hiện thực do sự trở mặt của người Mỹ và Việt Nam Cộng hòa. Trong cuộc gặp bí mật đầu tiên giữa họ, diễn ra tại Paris vào ngày 21 tháng 2 năm 1970, ông Thọ đã thách thức Kissinger bằng chính giọng điệu giận dữ mà ông đã nói với đảng viên mới của mình trong đêm hôm nào ở rừng U Minh: “Nếu thế hệ chúng tôi chưa giành được thắng lợi, thì các thế hệ con cháu sẽ tiếp tục. Chúng tôi thà hy sinh tất cả chứ không trở lại kiếp nô lệ một lần nữa. Đây là ý chí sắt thép của chúng tôi. Chúng tôi đã chiến đấu suốt hai mươi lăm năm, chống người Pháp và chống các ông. Các ông muốn dùng bom đạn để hủy diệt tinh thần của chúng tôi. Nhưng những thứ đó không thể khuất phục chúng tôi... Ông dọa chúng tôi. Tổng thống Nixon cũng dọa chúng tôi. Nhưng các ông chắc đã đọc lịch sử của đất nước chúng tôi rồi. Chúng tôi đánh Pháp trong chín năm mà chẳng biết gì về quân sự. Và chúng tôi đã thắng... Đây không phải là lời thách thức. Tôi chỉ muốn nói thẳng. Chúng tôi là một dân tộc nhỏ bé.

Chúng tôi chẳng thể thách thức ai. Chúng tôi đã bị đô hộ trong nhiều năm... Nhưng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng chúng tôi sẽ chiến thắng”. (8)

“Anh Sáu Búa”, biệt danh mà các đồng chí đặt cho Lê Đức Thọ, cảnh báo Ấn rằng khi cuộc chiến chống Pháp kết thúc, Mỹ sẽ không để cho người Việt Nam tự quyết định tương lai của mình. Những tên đế quốc mới sẽ thay thế thực dân Pháp, và cuộc chiến sắp tới sẽ lâu dài và tàn khốc. Ấn được chỉ thị phải chuẩn bị sẵn sàng cho bất cứ nhiệm vụ nào mà đảng giao phó trong công cuộc bảo vệ đất nước.(9)

Một thập kỷ trước đó, Ấn không thể tưởng tượng ra cảnh có ngày mình sẽ trở thành đảng viên Đảng Cộng sản. Sau khi Pháp đầu hàng Hitler, Nhật đã nhảy vào Việt Nam. Ấn lúc bấy giờ là một thiếu niên sống ở thị trấn cảng miền nam Rạch Giá, đã tận mắt chứng kiến cảnh lính Nhật hành xử độc ác với tù binh Pháp bằng cách xích nhiều người lại rồi vừa đánh đập vừa giải đi. “Tôi không bao giờ thích người Pháp vì những tên thực dân Pháp đã đối xử tàn tệ với trẻ em Việt Nam chúng tôi. Nhưng sự tàn bạo của quân Nhật cũng khiến tôi ghê sợ. Đám người Pháp kia đang chết khát. Tôi liền chạy tới chỗ cha, và ông bảo: “Con nấu ít nước mang tới cho họ đi”. Khi tôi mang nước tới, có tên lính Nhật thấy vậy liền tát túi bụi vào mặt người tù Pháp”. (10)

Ngày 6 tháng 8 năm 1945, quả bom nguyên tử đầu tiên được thả xuống Hiroshima; ba ngày sau, quả bom thứ hai được ném xuống Nagasaki. Nhật Bản lập tức đầu hàng, Thế chiến II kết thúc. Ngay sau đó, quân Việt Minh của Hồ Chí Minh tiến vào Hà Nội và kiểm soát các cơ quan chính phủ, tiến hành cuộc Cách mạng tháng 8.(11) Ngày 2 tháng 9, trước đám đông 400.000 người ở Quảng trường Ba Đình ở Hà Nội, ông Hồ công bố bản Tuyên ngôn độc lập lịch sử của Việt Nam, nhắc lại những ngôn từ nổi tiếng của Thomas Jefferson: “Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”.

Ông Hồ nói với quốc dân đồng bào rằng “Lời bất hủ ấy ở trong bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào

cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”. Giáo sư David Man giải thích rằng ông Hồ có ý đối chiếu bản Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ cũng như Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp năm 1789 với thực tiễn tám mươi năm đô hộ của thực dân Pháp.(12)

Sau khi đọc vài câu trong bản Tuyên ngôn độc lập của Việt Nam, ông Hồ dừng lại và nhìn xuống đám đông ủng hộ rồi hỏi, “Tôi nói đồng bào nghe rõ không?”. Đám đông hô vang, “Rõ!”. Ông Võ Nguyên Giáp sau này viết, “Bác cùng với cả biển người đã hòa làm một”(13). Về sau ông Ân nói với tôi rằng “không một lãnh đạo nào ở miền Nam, dù là ông Diệm, ông Thiệu hay bất cứ ai, lại có mối quan hệ với công chúng tốt như vậy. Chúng tôi luôn khai thác sự thật cơ bản này”. (14)

Cuối diễn văn, ông Hồ kêu gọi phe Đồng minh ủng hộ nền độc lập của Việt Nam: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”. (15)

Khi ông Hồ kết thúc, Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Nội vụ của chính phủ mới, đã nói với đám đông rằng “Mỹ... là một quốc gia dân chủ không có tham vọng xâm chiếm lãnh thổ. Thế mà họ đã gánh trọng trách lớn nhất trong việc đánh bại kẻ thù phát xít Nhật của chúng ta. Vì thế chúng ta coi nước Mỹ là bạn tốt”. Một vài người trong đám đông giương cao biểu ngữ, “Việt Nam hoan nghênh Truman”. (16)

Sau Thế chiến II, Mỹ nổi lên như một cường quốc vượt trội. Việt Nam nhanh chóng trở thành một con tốt trong cuộc chiến tranh lạnh mới. Giới hoạch định chính sách đã bỏ qua chi tiết Hồ Chí Minh nhận bản dịch Tuyên ngôn Độc lập từ Archimedes Patti của Cơ quan Tình báo Chiến lược (OSS); rằng ông đã giúp cứu các phi công Mỹ và cung cấp tin tức tình báo về các chiến dịch của Nhật, các hoạt động đã giúp ông có bí số điệp viên 19 trong OSS, với mật danh là Lucius; và rằng các tay súng Việt Minh cũng đã tham gia các đợt huấn luyện và tập trận của nhóm OSS Con Nai dọc biên giới Trung Quốc.

Điều đó không quan trọng. Giới hoạch định chính sách cho rằng mỗi quốc gia ở Đông Nam Á rơi vào tay Cộng sản sẽ gây ra hậu quả thảm họa cho các lợi ích địa chính trị của Mỹ. Cuối năm 1945, ông Hồ có nỗ lực cuối cùng để tìm kiếm sự giúp đỡ của Mỹ, bằng cách viết thư cho Tổng thống Harry S. Truman và Ngoại trưởng James Byrnes trong đó nêu rõ rằng sự kiện Philippines giành độc lập có thể được coi là một hình mẫu: “Với niềm tin vững chắc, chúng tôi đề nghị nước Mỹ trong vai trò là người bảo vệ và là nhà quán quân của công lý trên thế giới hãy thực hiện bước đi quyết định là ủng hộ nền độc lập của chúng tôi. Điều mà chúng tôi đề nghị này chính là điều đã được trao cho Philippines. Tương tự Philippines, mục tiêu của chúng tôi là độc lập hoàn toàn và hợp tác toàn diện với Mỹ”. (17)

Điều đó đã không thành hiện thực.

Ấn cùng một thế hệ người Việt Nam tham gia cuộc cách mạng để chống lại nỗ lực sau chót và vô vọng của người Pháp nhằm giành lại quyền lực thực dân. Ấn nhớ lại lúc mình đang ở Cần Thơ thì nghe tin ông Hồ đọc tuyên ngôn. “Tôi rất phấn chấn. Tôi muốn tham gia chiến đấu vì đất nước, để đánh bại quân Pháp. Tôi chỉ là một trong số rất nhiều người như thế và đó là phản ứng tự nhiên”. Lúc bấy giờ, lũ trẻ con như Ấn thường phải dự lễ chào cờ trong trường, với lá cờ nước Pháp được thượng lên trước, sau đó mới đến cờ Việt Nam và các học sinh phải hát bài “Maréchal, nous voilà”, bài hát phổ biến nhất của chính phủ Vichy có nội dung ca ngợi Thống chế Henri-Philippe Pétain. Dưới chế độ thực dân Pháp, người Việt Nam bị coi là đồ nhà quê (nhaques).

Là một chàng trai mới lớn, Ấn không biết gì về Marx hoặc Lenin, nhưng cậu luôn mơ ước đất nước được độc lập và sự bất công mà thực dân đã áp đặt hàng chục năm qua chấm dứt. Sinh năm 1927 tại làng Bình Trước ở nam tỉnh Đồng Nai, Ấn thường cùng cha đi khắp nơi; cha ông là một viên chức đặc điền thường đưa con trai đi tới những vùng xa xôi hẻo lánh nhất của miền Nam Việt Nam. Thấy con không chuyên tâm học tập, người cha đã gửi Ấn về sống với bà con tại Huế để cho cậu bé hiểu rõ thân phận của người giàu có và kẻ nghèo hèn. Ấn sống giữa những người nghèo khổ tại Huế, người ta nghèo đến nỗi phải dùng mỡ chuột để thắp đèn vì không có

đầu. Cậu cũng chứng kiến cảnh địa chủ Việt Nam xử tệ với các tá điền, và qua đó cậu trở nên cảm thông với những người bị tước đoạt. “Đó là lý do tôi rất tôn trọng người Mỹ. Họ dạy tôi phải biết giúp kẻ hèn yếu”, Ấn nói. (19)

Tháng 10 năm 1945, Ấn rời trường trung học ở Cần Thơ và gia nhập lực lượng Việt Minh chuẩn bị vào rừng để đánh Pháp. Khi tàu chiến Pháp bắn phá Hải Phòng vào tháng 11 năm 1946, chiến tranh toàn diện đã nổ ra giữa Pháp và Việt Minh. Ngày 19 tháng 12 năm 1946, ông Hồ ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến: “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ. Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên! Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không phân chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước. Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân! Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng để giữ gìn đất nước. Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta! Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm! Kháng chiến thắng lợi muôn năm!”

Nhưng rồi Ấn đã không thể vác súng hay gậy để lao vào cuộc chiến này. Cậu buộc phải trở lại Sài Gòn vào năm 1947 để chăm sóc người cha đang bị bệnh lao rất nặng. Tại đây, cậu trở thành người tổ chức các cuộc biểu tình của sinh viên, học sinh nhằm phản đối người Pháp và sau này là người Mỹ. Ấn còn nhớ rất rõ một ngày vào tháng 3 năm 1950, khi chiến hạm USS Richard B. Anderson thăm Sài Gòn, mang theo hàng tiếp tế giúp quân Pháp chống lại Việt Minh.(20) Cậu là một trong những người tổ chức các cuộc xuống đường phản đối chiếc tàu Mỹ neo đậu tại cảng Sài Gòn.

Sự nghiệp lãnh đạo biểu tình của Ấn nhanh chóng kết thúc khi cấp trên trực tiếp là bác sĩ Phạm Ngọc Thạch nói với cậu rằng cách mạng có nhiệm vụ mới giao cho cậu. Bác sĩ Thạch, một phụ tá thân cận từ rất sớm của Hồ Chí Minh, bảo Ấn không được tham gia bất cứ cuộc xuống đường nào để tránh bị bắt hoặc bị chú ý. Ấn cảm thấy buồn khổ và thất vọng, trong lòng

tự hỏi không biết cách mạng có nhiệm vụ gì mới cho mình. Ít lâu sau, Ân được triệu tập lên căn cứ Việt Minh tại Củ Chi ở phía bắc Sài Gòn và bác sĩ Thạch nói rằng cậu sẽ được tham gia lớp tình báo chiến lược đầu tiên của Việt Nam.(21)

Chương 2 (tt)

A

n không mấy thích thú cái nghề mà cậu coi là “chim mồi” này. (22) Nhưng trên đã quyết rồi. “Cấp trên giao cho cậu nhiệm vụ này vì các đồng chí ấy hoàn toàn tin chắc rằng cậu sẽ làm tốt. Nhưng cậu cũng phải học hỏi nhiều”. (23) “Tôi không còn lựa chọn nào khác”, Ấn nói với tôi. “Đất nước giao cho tôi sứ mệnh mới. Không có gì phải thắc mắc cả. Đây chính là lời giải thích cho công việc mới của tôi”.

Hà Nội cử hai điệp viên vào Sài Gòn để huấn luyện Ấn những điều cơ bản của công việc tình báo, nhưng chính công việc mới thực sự giúp Ấn hoàn thiện kỹ năng. Ban đầu, Ấn làm nhân viên kế toán và thủ quỹ cho Công ty dầu mỏ Caltex nhưng sau đó được giao nhiệm vụ vào làm thanh tra cho hải quan Pháp, từ đây cậu chuyển các báo cáo về tình hình chuyển quân của Pháp cũng như việc Mỹ viện trợ cho Pháp. Cậu cũng tìm cách nắm bắt mọi thứ liên quan tới các nhân vật tai to mặt lớn của Pháp và Mỹ tại Việt Nam. “Tôi theo dõi và sau đó viết báo cáo, cũng không nhiều lắm”, Ấn kể.

Ấn nhanh chóng tập trung sự chú ý vào các nỗ lực ngầm được tiến hành để xây dựng một bộ máy mới và huấn luyện lực lượng cho quân đội Nam Việt Nam.(24) Phái bộ Cố vấn Quân sự Mỹ (MAAG) tại Sài Gòn đã được thành lập vào năm 1950 để “giám sát việc triển khai chương trình hỗ trợ thiết bị quân sự cho lính lê dương Pháp chống lại Việt Minh trị giá 10 triệu đôla”.(25)

Trong một giai đoạn ngắn, MAAG còn được giao nhiệm vụ giúp nâng cao năng lực của các đơn vị Quân đội Nam Việt Nam càng nhanh càng tốt. Một nhóm cán bộ khung đã được thành lập với văn phòng trực thuộc MAAG để điều hành một tổ chức huấn luyện song phương với tên gọi là Chương trình Tư vấn và Huấn luyện Quân sự (TRIM). Một trong những nhiệm vụ của TRIM là hỗ trợ và tư vấn cho các cơ quan quân sự của Việt Nam về xây dựng lực lượng vũ trang. TRIM bao gồm 209 sĩ quan Pháp và 68 sĩ quan Mỹ (khi người Pháp ra đi thì có thêm 121 sĩ quan Mỹ nữa), không có ai trong số sĩ quan Mỹ nói được tiếng Việt và chỉ có chưa đầy mười người biết tiếng Pháp.(26)

Ấn học tiếng Anh từ những nhà truyền giáo ở Cần Thơ trong thời kỳ Nhật chiếm đóng. Sau đó, ông làm bạn với ngài Webster ở Đại sứ quán Anh tại Sài Gòn, người mỗi lúc rảnh rỗi lại dành hàng giờ luyện tiếng Anh với ông. Rồi sau đó thì Ấn làm việc chung với ông Newell nên đến thời điểm muốn đầu quân cho TRIM, ông đã là một trong những người Việt giỏi tiếng Anh nhất, khiến ông trở thành một tài sản quý giá đối với người Mỹ và Việt Nam, giúp ông thiết lập quan hệ với hàng chục người sau này sẽ trở thành tư lệnh quân đội Việt Nam Cộng hòa và những người Mỹ có nhiều ảnh hưởng.

Ấn trở thành thành viên của Sư đoàn 25 Quân lực Việt Nam Cộng hòa vào tháng 2 năm 1956, hoạt động ở vùng Đồng bằng sông Mê Kông với nhiệm vụ chính là triệt phá cơ sở hạ tầng của Việt Minh. “Trên thực tế, tôi phục vụ cho ba quân đội”, ông Ấn nói.

“Quân Pháp trong quá trình chuyển giao; là một hạ sĩ quan của Việt Nam Cộng hòa, nơi tôi giúp thiết lập sư đoàn bộ binh hạng nhẹ đầu tiên; và lực lượng vũ trang của Mặt trận Giải phóng”. (27) Khi Ấn được thăng hàm lên tướng một sao (thiếu tướng) vào năm 1990, ông đã nói với các lãnh đạo Cộng sản, “tôi thân thiết với cả năm quân đội - quân Việt Minh, quân Pháp, quân Việt Cộng, quân Mỹ, và quân Việt Nam Cộng hòa - nên tôi đáng được năm sao. Tôi không nghĩ rằng họ hiểu ý hài hước của tôi”. (28)

Ấn nhớ về hai cố vấn người Mỹ cùng làm việc chung với một sự trân trọng đặc biệt. “Họ là những người tốt muốn giúp đỡ nhân dân Việt Nam, và chúng tôi đã nói chuyện rất tâm đắc về đất nước của tôi. Họ còn giúp tôi luyện tiếng Anh và sau đó còn dạy tôi hút thuốc đúng kiểu. Tôi chưa bao giờ biết rít thuốc và họ đã chỉ cho tôi, rồi cho tôi những điếu Lucky. Họ làm việc rất giỏi”, Ấn kể lại với một nụ cười ấm áp.

Phái bộ Huấn luyện Quân sự Hỗn hợp (CATO) thay thế TRIM vào tháng 4 năm 1956, và hoạt động như là ban phụ trách chiến dịch cho chỉ huy trưởng của MAAG, cơ quan kiểm soát tất cả các đơn vị chiến trường trực thuộc các trường và bộ chỉ huy của Việt Nam. Ấn chuyển từ TRIM sang CATO để phụ trách công tác xử lý tài liệu và thực hiện các cuộc phỏng vấn đối với sĩ quan Việt Nam Cộng hòa sắp đi Mỹ tham dự các khóa huấn

luyện chỉ huy. Trong số những người được Ấn phỏng vấn có tổng thống tương lai của Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu (lúc bấy giờ là trung tá), Tổng tham mưu trưởng tương lai Cao Văn Viên (thiếu tá), tướng và tư lệnh Quân đoàn 1 tương lai Nguyễn Chánh Thi, tư lệnh tương lai của Thủy quân lục chiến Lê Nguyên Khang (đại úy). “Tôi phụ trách lo thủ tục cho họ đi Mỹ và làm liên lạc giữa họ và gia đình, thông báo thời điểm họ trở về để gia đình đi đón. Qua những việc làm đó mà chúng tôi dần quen nhau”, Ấn kể với tôi.

Những mối quan hệ sơ khởi này về sau đã trở nên cực kỳ giá trị. Một trong những chiến thuật được xây dựng rất thận trọng của Ấn đó là không bao giờ chơi thân với những người mà ông biết hoặc cho là cảm tình viên của Cộng sản; thay vào đó, ông tìm kiếm và kết bạn với những nhân vật được coi là chống Cộng hăng hái và nổi tiếng nhất nhằm bảo vệ vỏ bọc của ông cũng như hiểu sâu hơn về tư duy của người Mỹ.⁽²⁹⁾ Ông bắt đầu với Đại tá Edward Lansdale, người đến Sài Gòn vào năm 1954, trong khoảng thời gian giữa trận chiến Điện Biên Phủ và việc ký kết hiệp định Geneva, chia đôi Bắc và Nam Việt Nam theo đường giới tuyến tạm thời tại vĩ tuyến 17. Việt Minh kiểm soát phần bắc, trong khi Pháp và chính phủ quốc gia Việt Nam kiểm soát phần phía nam. Quân Pháp sau đó sẽ rút khỏi miền Bắc và Việt Minh sẽ rút quân khỏi miền Nam, và tổng tuyển cử tự do dự định diễn ra vào năm 1956. Theo các điều khoản của Hiệp định Geneva, mọi thường dân đều được phép di cư từ nam ra bắc hoặc từ bắc vào nam trước thời điểm ngày 18 tháng 5 năm 1955. Khoảng chín mươi ngàn cán bộ Việt Minh đã tập kết ra bắc trong cùng thời gian với khoảng một triệu dân tị nạn Công giáo di cư vào nam.

Lansdale là giám đốc của Phái bộ Quân sự ở Sài Gòn (SMM), một đơn vị của CIA nhưng gần như tách hẳn khỏi cơ quan thường trực.⁽³⁰⁾ Việt Nam lúc bấy giờ có hai nhóm CIA hoạt động, một trực thuộc trường chỉ nhánh Sài Gòn, phụ trách các hoạt động tình báo thông thường và hoạt động dưới vỏ bọc là các nhà ngoại giao làm việc tại Đại sứ quán Mỹ; nhóm kia là Phái bộ Quân sự của Lansdale, chuyên trách các hoạt động bán vũ

trang và làm việc dưới vỏ bọc là các nhiệm vụ của MAAG tại Đông Dương.
(31)

Đã trở thành nhân vật huyền thoại với vai trò to lớn trong chiến dịch dẹp quân nổi dậy Cộng sản Huk tại Philippines và góp phần tạo dựng nên anh hùng dân tộc Ramon Magsaysay, Lansdale được Ngoại trưởng John Foster Dulles chỉ thị “cứ làm như anh đã từng làm ở Philippines”. “Chúa phù hộ anh”, Giám đốc CIA Allen Dulles, và là em trai của ngài ngoại trưởng, nói thêm. Hoạt động dưới vỏ bọc là trợ lý tùy viên không quân, Lansdale tìm cách thiết lập một chính quyền không Cộng sản ở miền Nam.

Chính ngay tại tổng hành dinh của Quân lực Việt Nam Cộng hòa, điệp viên CIA Rufus Phillips đã lần đầu tiên gặp Ẩn, lúc bấy giờ đang làm trợ lý cho người anh họ, Đại úy Phạm Xuân Giai, giúp dịch thuật và thực hiện các nhiệm vụ liên quan trong vai trò thư ký tổng hợp tại Phòng quân huấn phụ trách tâm lý chiến. Phillips đến Sài Gòn vào ngày 8 tháng 8 năm 1954, ngay trước khi Hiệp định Geneva có hiệu lực. Với những công lao đóng góp cho Phái bộ Quân sự ở Sài Gòn, Phillips sau này đã được tặng thưởng Huân chương Công trạng của CIA. Còn Giai từng kinh qua trường đào tạo tâm lý chiến của Pháp và sau đó đi Mỹ tu nghiệp tại trường chiến tranh tâm lý ở căn cứ Fort Bragg, North Carolina, ông này từng là trưởng Phòng 5 (G-5), là phòng trực thuộc Bộ tổng tham mưu, phụ trách về thông tin lực lượng, huấn luyện, tuyên truyền và tâm lý chiến - vốn là một chương trình tuyên truyền tổng hợp với mục tiêu là dân vận và tâm lý chiến nhằm vào Việt Minh. “Chính nhờ làm việc cho Giai mà Phạm Xuân Ẩn đã được giới thiệu cho Lansdale trước rồi sau đó đến tôi”, Phillips nhớ lại.(32)

Phillips, Conein, và những người khác trong nhóm của Lansdale nhanh chóng thích Ẩn bởi ông có bản tính khiêm tốn và khiếu hài hước. Bởi vì ông nằm trong số những người Việt nói tiếng Anh giỏi nhất nên rất hữu ích. Những việc Ẩn làm cho Lansdale hoặc Phillips không liên quan gì đến các vấn đề cấp cao hoặc tiếp cận tài liệu bí mật. Ẩn chỉ phát triển thêm mối quan hệ với các nhân viên tình báo nhằm củng cố vỏ bọc, học cách nói chuyện thân thiện và tán gẫu với người Mỹ, tạo cho họ có cảm giác dễ chịu và dần tạo dựng lòng tin để phục vụ cho nhiệm vụ lâu dài.

Ông Ân đã kể với tôi câu chuyện về lần đầu gặp Lansdale. Lúc đó Ân đang làm việc một mình tại Phòng 5 thì một trợ lý của Lansdale tới và đề nghị cung cấp tên của tất cả nhân viên phòng này. Cuối ngày hôm đó, khi Giai trở về, Ân báo cáo với người anh họ việc mình đã cung cấp cho Đại úy Roderick danh sách đầy đủ. “Ôi, Ân, chú ngu quá đi. Chú chả biết quái gì về tình báo cả. Sao lại đưa toàn bộ danh sách cho tay Lansdale?”. Ân kết thúc câu chuyện kể bằng lời diễn giải, “Ông thấy đấy, sau vụ đó thì Lansdale kết tôi ngay lập tức vì tôi đã cho ông ta danh sách kia, dù điều đó xuất phát từ sai lầm của tôi. Sau này ông ta hay đùa tôi, “Ân, cậu sẽ là một điệp viên kinh khủng đấy”.

Rufus Phillips và Ân đã có một tình bạn kéo dài tới cuối đời Ân. “Tôi nghĩ Ân là một trong những người sắc sảo và cân bằng nhất trong số những người Việt Nam mà tôi từng biết, là một người quan sát tinh tế đối với cả nhân dân Mỹ lẫn Việt Nam trong suốt cuộc chiến dài lâu ấy”, Phillips chia sẻ với tôi. “Tôi chỉ không nghĩ rằng ông ấy từng được đưa vào bộ máy tuyên truyền của Đảng Cộng sản. Tôi biết đến ông ta như một người ái quốc, chứ không phải một người Cộng sản, và đó là điều tôi luôn nghĩ về ông ấy”. (33)

Lansdale muốn chiêu mộ Ân để phục vụ cho cuộc chiến chống Cộng của mình, nên đưa ra đề nghị tài trợ cho ông đi học tại Trường Hạ sĩ quan tình báo và Tâm lý chiến. Điều này có thể giúp Ân thăng tiến nhanh sau khi trở lại Việt Nam. Ân đem lời đề nghị của Lansdale đến xin ý kiến những thượng cấp thực sự tại Củ Chi, và người chỉ huy trực tiếp, ông Mười Hương, nói rằng ông nên tránh vụ này vì quá rủi ro. Lúc bấy giờ Cộng sản đã cài được người vào hàng ngũ lãnh đạo Quân lực Việt Nam Cộng hòa và có người về sau được phong hàm đại tá, nhưng không ai được chuẩn bị để thực hiện một sứ mệnh kiểu như của Ân. Bằng việc học nghề báo, Ân có thể vào đại học ở Mỹ. Nếu ông nhập ngũ thì cơ hội nói trên sẽ không còn. “Phạm Xuân Ân là điệp viên duy nhất được chúng tôi đưa tới Mỹ”, ông Mai Chí Thọ, khi đó là Trưởng ban địch tình Xứ ủy Nam Bộ, nói.(34) Ông Thọ và những người khác đã làm mọi cách để đảm bảo rằng Ân được huấn luyện đúng cách và được bảo vệ an toàn cho sứ mệnh của ông.

Khi Ấn thổ lộ với Lansdale rằng mình muốn đi học báo chí, Lansdale lập tức đề nghị tài trợ cho ông và liên hệ với Quỹ Á Châu. Ra đời năm 1954 và hiện có ngân sách hoạt động xấp xỉ 8 triệu đôla, tổ chức này là một cơ quan của CIA thay mặt chính phủ Mỹ phụ trách các hoạt động văn hóa và giáo dục vốn không được mở cho các cơ quan chính thức.(35) Khi một thành viên của tổ chức này đến Sài Gòn vào năm 1956 để khảo sát khả năng lập một chương trình dành cho nhà báo Việt Nam, Lansdale bố trí để tùy viên quân sự ở Sài Gòn đưa Ấn đi dự cuộc họp với đại diện của Quỹ Á Châu, người đã giới thiệu Ấn tới Tiến sĩ Elon E. Hildreth, trưởng bộ phận giáo dục của Chương trình Viện trợ nước ngoài(*) của Mỹ tại Việt Nam và là cố vấn trưởng cho Bộ Giáo dục của chính quyền Việt Nam từ năm 1956 đến 1958.

(*) United States Operations Mission (USOM) là một cơ quan của Chính phủ Mỹ, phụ trách về viện trợ và tư vấn cho nước ngoài, đặc biệt là các nước mà Mỹ muốn gây ảnh hưởng thông qua vốn và chính sách.

Hildreth luôn tìm kiếm các nhân tố nhiều triển vọng và dẫn thân để tài trợ học bổng tu nghiệp ở Mỹ. Với Ấn, ông đã tìm ra một ứng viên hoàn hảo. Ấn giỏi tiếng Anh, thông minh, và đã được một chuyên gia chống quân nổi dậy Cộng sản tiên phong của Mỹ, Edward Lansdale, tiến cử. Hildreth lại là bạn thân với Chủ tịch Trường Orange Coast, Tiến sĩ Basil Peterson.(36)

Một tuần sau khi Lansdale tới Sài Gòn, Quốc trưởng khiếm diện Bảo Đại, lúc bấy giờ đang ở Paris, đã trao cho Ngô Đình Diệm ghế thủ tướng của Quốc gia Việt Nam. “Đất nước Việt Nam có được cứu hay không là tùy thuộc vào bước đi này”, Bảo Đại nói với ông Diệm. Những khoản học bổng dành cho ông Diệm và em trai của ông ta là Nhu trong thời gian gần đây cho thấy năm sau Diệm sẽ được đặt vào đúng vị trí ấy.(37) Lúc cử điểm Điện Biên Phủ bị phá vỡ vào tháng 5 năm 1954, Diệm đã đặt mình vào vị

trí của một người theo chủ nghĩa dân tộc bằng những mối quan hệ tốt với Mỹ. Là một tín đồ Công giáo xuất thân từ gia đình quan lại có tiếng, ông ta thừa kế một truyền thống chống Cộng quyết liệt và đã thỉnh cầu nhiều nhà hoạt động chống Cộng tại Mỹ, trong đó có Thượng nghị sĩ Mike Mansfield, Tổng giám mục Francis Spellman, Thượng nghị sĩ John F. Kennedy và Thẩm phán tòa tối cao William O. Douglas. “Với cặp anh em chống cộng nhiệt tình John Foster Dulles tại Bộ Ngoại giao và Allen Dulles tại CIA, ông Diệm đã có được chỗ dựa vững chắc bên trong chính quyền Eisenhower”, ông Nguyễn Thái nói với tôi.

“Thời khắc quyết định đã đến”, Ngô Đình Diệm tuyên bố khi vừa đặt chân xuống phi trường Tân Sơn Nhất, đúng ba tuần sau khi Lansdale đến. Lúc bấy giờ, Diệm đang đối mặt với một liên minh địch thủ hùng mạnh, những người sẽ mất trắng một khi ông ta nắm được quyền bính. Trong số này có Tướng Nguyễn Văn Hinh, Tổng tham mưu trưởng Quân đội Quốc gia Việt Nam có lập trường thân Pháp, người đã ngấm ngầm lên kế hoạch hạ bệ Diệm; các nhóm chính trị - tôn giáo Cao Đài và Hòa Hảo; lực lượng Bình Xuyên, một băng đảng dạng mafia kiểm soát hoạt động buôn lậu thuốc phiện, đánh bạc và điếm điểm tại Sài Gòn. Để trả nợ hàng triệu đôla tiền thua bạc, Bảo Đại đã phải nhượng lại toàn bộ hệ thống sông bài ở Chợ Lớn cho đám Bình Xuyên, trong đó có sông bài Đại Thế Giới (*) cũng như nhà thổ Bình Khang lớn nhất châu Á. Bảo Đại cũng trao quyền điều hành cảnh sát quốc gia cho thủ lĩnh Bình Xuyên, Thiếu tướng Bảy Viễn.

(*) Casino Grand Monde là sông bài lớn nhất Đông Dương do Pháp lập ra năm 1937. Sau khi dẹp được quân Bình Xuyên, Ngô Đình Diệm đã cho đóng cửa sông bài này vào năm 1955.

Lansdale ngay lập tức vạch một kế hoạch, trước tiên là không cho các đối thủ chính trị của Diệm liên kết với nhau để hạ ghế thủ tướng của ông ta,

sau đó sẽ tiêu diệt từng nhóm một bằng sức mạnh quân sự hoặc các thủ đoạn chính trị. Lansdale bắt đầu bơm tiền từ Phái bộ Quân sự ở Sài Gòn theo chiến thuật chia để trị trước khi vào thay chân người Pháp.(38) Trước hết, ông hướng vào giáo phái Cao Đài, vốn tuyên bố có tới hai triệu tín đồ cùng một lực lượng quân đội từng được Pháp tài trợ. Bằng cách bắt tay với lực lượng Cao Đài chống Cộng và chống Pháp có căn cứ địa tại núi Bà Đen và nằm dưới quyền chỉ huy của Trình Minh Thế, Lansdale muốn thiết lập một liên minh giữa hai nhân vật chống Cộng và chống Pháp - Thế và Diệm. Hai người này từng có liên lạc với nhau trước cả chuyến đi của Lansdale tới núi Bà Đen và có lẽ việc Diệm đề nghị Lansdale tới gặp Thế là muốn thể hiện rằng ông ta có thể phân phối sự viện trợ của Mỹ. Trước khi hành sự, Lansdale đã đề nghị ông Diệm phê chuẩn bước đi gây tranh cãi này cũng như tìm kiếm sự ủng hộ của Trung tướng John “Iron Mike” O’Daniel, người đứng đầu MAAG. Kế hoạch này được Diệm thông qua và sau đó là O’Daniel, người rất muốn nhập các đội quân tôn giáo vào quân đội Quốc gia Việt Nam.

Lansdale cùng các đồng sự đến căn cứ bí mật của Thế ở núi Bà Đen để làm trung gian cho một thỏa thuận, trong đó Thế sẽ ủng hộ Diệm đánh Pháp để giành quyền kiểm soát. Đáp lại, quân của Thế sẽ được nhập vào quân đội Nam Việt Nam và Thế sẽ làm tướng. Tuy nhiên, bất chấp việc Lansdale đạt được tiến triển với các giáo phái, Diệm vẫn chưa làm được gì nhiều để ổn định chính phủ còn non nớt của mình.(40) Quá lo lắng, Tổng thống Eisenhower đã điều Tướng J. Lawton “Lightning Joe” Collins tới Sài Gòn, với hàm đại sứ, để tìm hiểu xem chuyện quái quỷ gì đang xảy ra.

Collins và phái đoàn của ông ta đến Sài Gòn vào ngày 8 tháng 11 năm 1954 chỉ để “ngạc nhiên và hốt hoảng” với tình hình ở đây.(41) Sau năm tháng làm việc tại Việt Nam, Collins trở về Washington để có một loạt cuộc họp cấp cao nhằm quyết định số phận chính quyền non nớt của Diệm ở miền Nam. Ngoại trưởng John Foster Dulles đã nói với người em trai, Giám đốc CIA Allen Dulles, trước các cuộc họp này rằng “có vẻ như sự ủng hộ sẽ chấm dứt đối với người anh em ở Đông Nam Á” và “các băng đảng sẽ chiến thắng”. (42)

Trong bản ghi chú gửi cho Allen Dulles, Sherman Kent, trợ lý giám đốc CIA phụ trách Ban Thẩm định Tài liệu tình báo Quốc gia(*)- và là người về sau Phạm Xuân Ẩn coi là hình mẫu điệp viên chiến lược của ông - đã tóm tắt phần cốt lõi của bản đánh giá mà Collins trình bày trong cuộc họp kéo dài bốn giờ tại Bộ Ngoại giao.(43) “Diệm đang bốc mùi” và “tình hình tại Nam Việt Nam hiện nay hoàn toàn xuất phát từ thất bại của Diệm. Để văn hồi trật tự, Diệm phải đi”. Dưới nhan đề “Diệm bốc mùi”, Kent viết “không thể nói một điều gì tốt đẹp về ông Diệm trong vai trò là người đứng đầu chính phủ và nhà điều hành chính quyền, ông ta không có ý thức gì về nhiệm vụ phía trước, không có chút năng lực hành chính nào. Ông ta không thấy các vấn đề trước mặt... ông ta không thể sử dụng những người làm được việc và chỉ chăm chăm xài những người hợp gu với mình. Collins phát biểu rằng... ông ta đã mất hết hy vọng về việc tìm ra một giải pháp nếu để Diệm ở lại”. Collins tin rằng nội chiến là không thể tránh khỏi.(44)

Giai đoạn này, Ẩn đã kết thúc thời gian thử thách trong đảng và đang chuẩn bị gửi báo cáo tình báo quan trọng đầu tiên vào rừng. Từ các đầu mối trong Phòng Nhì, cơ quan tình báo của Pháp, cũng như từ người anh họ thân Pháp, ông Giai, Ẩn biết được rằng Collins đã trở nên “gần gũi” với một nữ đặc tình làm việc cho tình báo Pháp, người có nhiệm vụ gieo vào đầu Collins càng nhiều điều bất lợi cho Diệm càng tốt. Collins cũng khoắc lác rằng ông ta sắp trở về Washington để lên kế hoạch phế Diệm cũng như chọn Phan Huy Quát, một nhân vật đặc ý của Pháp, là ứng viên cho ghế quốc trưởng sắp tới.

Ngay khi biết được tất cả những tin tức này từ các đầu mối tình báo Pháp, Ẩn đi thẳng tới Củ Chi, vì nhận thấy rằng bất cứ tin tức sớm nào về khả năng thay đổi chính phủ đều rất có giá trị đối với các nhà tuyên truyền Việt Minh. “Thông tin tôi có được về Collins là rất giá trị bởi, nếu Diệm bị thay thế, người Mỹ có thể dọa bỏ đi và cắt hết viện trợ tài chính. Điều này có nghĩa là chúng tôi có cơ hội thống nhất đất nước nhanh chóng”, ông Ẩn giải thích cho tôi. “Tôi phối kiểm từ hai nguồn tin của mình rồi báo cáo thượng cấp. Diễn biến nói trên đã không xảy ra, nhưng thông tin tôi có được là chính xác”.

Ngày 27 tháng 4, Dulles gửi điện tới đại sứ quán với nội dung chỉ đạo cho đại sứ lâm thời thực hiện nhiệm vụ tìm thủ tướng khác. Lansdale đã biết được bức điện về sự thay đổi chính sách của Mỹ mà Dulles đánh đi. Nhận thấy thời gian gấp rút, ông khuyên Diệm nên thực hiện một cuộc phản công lớn, nhưng Diệm không chờ đến khi bị kích động. Diệm đã lên kế hoạch tấn công từ nhiều tuần qua và đã thông báo chiến dịch chiếm trụ sở Cơ quan mật vụ Pháp Sureté từ tay quân Bình Xuyên. Diệm cũng biết rằng những người anh em của ông ta đã cần trọng tranh thủ sự ủng hộ từ bên trong giới sĩ quan quân đội Việt Nam từ mùa thu trước. Thêm vào đó, Lou Conein đã mua được lòng trung thành của các sĩ quan trụ cột, những người này hứa sẽ bỏ ông Hình bởi lo ngại rằng nếu Hình nắm được quyền bính thì Mỹ sẽ cắt viện trợ. Quân đội Quốc gia Việt Nam sẽ tốt hơn nếu nằm trong tay Diệm, người có tai mắt và tiền bạc từ Washington.

Sau cuộc chiến dữ dội kéo dài gần chín tiếng đồng hồ, các tay súng Bình Xuyên bị đánh bật khỏi Sài Gòn.⁽⁴⁵⁾ Trong cuộc chiến chống Bình Xuyên, Tướng Trình Minh Thế đã thiệt mạng bởi một viên đạn găm trúng vào gáy khi đang ngồi trên xe Jeep. Ẩn cho tôi biết rằng Thế bị giết theo lệnh từ Ngô Đình Nhu, em Tổng thống Diệm, và ông nhận diện sát thủ là Thiếu tá Tạ Thành Long của quân Cao Đài, người sau đó nhanh chóng được thăng lên thiếu tá Quân lực Việt Nam Cộng hòa và được phân về Ban quân sự đặc biệt của Tổng thống. Ẩn cho rằng Thế lâu nay nổi tiếng là người quốc gia và chống Cộng quyết liệt nên cái chết của ông ta có thể làm lung lay quyền lực của gia đình Diệm bởi vì dân không theo Công giáo có thể sẽ xuống đường. Ngày 1 tháng 5, trong một thủ tục hành chính hiếm khi xảy ra, Ngoại trưởng Dulles thông báo với Đại sứ Collins rút lại bức điện trước đó của ông ta và rằng việc Diệm giành chiến thắng trước Bình Xuyên là bằng chứng cho thấy thủ tướng đã củng cố được quyền lực và tạm thời có thể trụ được.

“Đối với chúng ta, lần này mà tham gia vào kế hoạch phế bỏ Diệm chẳng những không có tính khả thi ở trong nước mà còn rất có hại cho uy tín của chúng ta tại châu Á”. ⁽⁴⁶⁾

Với việc củng cố cơ sở quyền lực cũng như vô hiệu hóa các phe nhóm vũ trang, Diệm quyết định quan tâm đến Bảo Đại lần cuối cùng bằng việc tổ chức một cuộc trưng cầu ý dân toàn quốc trong đó ông ta chạy đua với cựu hoàng. Kết quả không có gì bất ngờ, khi Diệm giành chiến thắng trong cuộc bỏ phiếu với một tỉ lệ áp đảo là 98,2%, “một con số có thể khiến sếp sòng Tammany Hall(*) đỏ mặt tía tai”, như nhận xét của cựu sĩ quan Cơ quan Tình báo Chiến lược Howard Simpson.(47) Ba ngày sau, ông Diệm, người có tổng số phiếu cao hơn hàng ngàn phiếu so với tổng số cử tri đăng ký, thông báo Bảo Đại bị phế truất và tuyên bố mình trở thành tổng thống của quốc gia Việt Nam Cộng hòa mới ra đời.

Cuối năm 1955, điều không tưởng đã thành hiện thực: vị thế của Ngô Đình Diệm được củng cố vững chắc, nhờ vào sự giúp đỡ bí mật quan trọng của Lansdale và đồng sự, những người đã thành công trong việc vô hiệu hóa âm mưu từ các đối thủ của ông Diệm.

Tháng 5 năm 1957, Tạp chí Life bình chọn Ngô Đình Diệm là “Người đàn ông mạnh mẽ kỳ diệu của châu Á”.(48) Ông Diệm bay tới Mỹ và phát biểu trước lưỡng viện Quốc hội. Tại New York, Thị trưởng Robert F. Wagner gọi ông là “người mà rồi đây lịch sử sẽ công nhận là một trong những nhân vật vĩ đại nhất thế kỷ hai mươi”. Tờ Saturday Evening Post gọi ông là “viên quan mặc áo vét vải láng đã làm rối tung thời gian biểu Đỏ (**).

Năm tháng sau chuyến thăm Mỹ thắng lợi của ông Diệm, Phạm Xuân Ẩn tới California theo một “thời gian biểu Đỏ” khác.

(*) Hội Tammany (Tammany Hall hay Society of St. Tammany) ra đời năm 1786 là một tổ chức chính trị của Đảng Dân chủ có ảnh hưởng thống trị tại thành phố New York và tiểu bang cùng tên. Tổ chức này đã chấm dứt hoạt động vào giữa thập niên 1960.

(**) Đó là mầu tượng trưng cho phe Cộng sản, ở đây ý nói ông Diệm đã phá hỏng kế hoạch của Cộng sản.

CHÚ THÍCH

(1) Ghi chú các cuộc phỏng vấn, Học 91 Tập 10, 4.1975, Tài liệu của Shaplen.

(2) Khi vừa đến Sài Gòn, Lansdale cho gia đình Brandes một chú chó tên Chautaulle và Lansdale thường mời gia đình bạn tới bơi tại hồ bơi nhà mình vào mỗi dịp cuối tuần. Những người con của Brandes hiện vẫn gọi Conein là “Chú Lou”.

(3) Được bạn bè đặt cho biệt danh là “Luigi Đen”, “Lou Ba Ngón” và “Lou-Lou”, Conein là “một sĩ quan cứng rắn, uống nhiều và hay nói thẳng... như bước ra từ các trang tiểu thuyết phiêu lưu”. Xem Howard R. Simpson, *Tiger In The Barbed Wire* (Washington, D.C.: Nhà xuất bản Brassey's, 1992), trang 125. Xem thêm Kenneth Conboy và Dale Andrade, *Spies and Commandos: How America Lost the Secret War in North Vietnam* (Lawrence, KS: University Press of Kansas, 2000), trang 3.

(4) Sau khi tôi trao lại lá thư mà cha của Jul đã gửi từ mấy chục năm trước, Jul đã gửi tới ông Ấn thông điệp này: “Chú Ấn, cháu rất mến chú... Chú là người bạn thân nhất của gia đình hồi ở Việt Nam. Thật đáng tiếc cha cháu không còn sống tới ngày hôm nay để gửi lời chào tới chú”.

(5) Mills cũng cố thuyết phục Ấn viết một lá thư gửi báo Washington Post để đáp lại lá thư vừa mới được đăng của Thiên Kim, một “cô bé Việt Nam” đã gửi những lời chỉ trích về chính sách ngoại giao của Mỹ đăng trên tờ báo này vào ngày 25-2 (thư riêng, 24-3-1958).

(6) *A General of the Secret Service*, trang 30.

(7) *Dragon Ascending*, trang 40.

(8) *No Peace, No Honor*, trang 63-64. Xem thêm Lưu Văn Lợi - Nguyễn Anh Vũ. *Các cuộc thương lượng Lê Đức Thọ - Kissinger tại Paris* (Hà Nội: Nhà xuất bản Thế Giới, 1996).

(8) Phỏng vấn Ấn; đoạn này ban đầu đã được kể lại trong cuốn *A General of the Secret Service*, trang 27.

- (10) Dragon Ascending, trang 37; phỏng vấn Ân.
- (11) David G. Marr, Vietnam 1945: The Quest for Power (Berkeley: Nhà xuất bản University of California Press, 1995).
- (13) Sách đã dẫn, trang 534.
- (13) Sách đã dẫn, trang 532.
- (14) Những người miền Nam theo Cao Đài và Hòa Hảo dần trở nên bất hòa với Việt Minh. Chưa đầy một tuần sau khi ông Hồ Chí Minh phát biểu tại Quảng trường Ba Đình, các đơn vị Hòa Hảo đã đánh nhau với Việt Minh ở Cần Thơ. Người sáng lập đạo Hòa Hảo, ông Huỳnh Phú Sổ, bị bắt và bị Việt Minh xử tử.
- (15) Vietnam 1945, trang 535.
- (16) Xem Mark Bradley, Imagining Vietnam and America: The Making of Post-colonial Vietnam, 1919-1950 (Chapel Hill: Nhà xuất bản University of North Carolina Press, 2000).
- (17) Sách đã dẫn
- (18) Xem Xuân Phương và Danièle Mazingarbe, Ao Dai: Mỹ War, Mỹ County, Mỹ Vietnam (Great Neck, NY: Nhà xuất bản EMQUAD International, 2004), trang 5.
- (19) Dragon Ascending, trang 40. Ông Ân xác nhận điều này khi tôi phỏng vấn.
- (20) “Bà tới thăm Sài Gòn, Đông Dương, từ 16 đến 23-3-1950 và chứng kiến các chiến dịch của Việt Minh nhằm chống chính quyền Pháp”
<http://WWW.vietnamproject.ttu.edu/dd786/ship's.htm>.
- (21) Phạm Xuân Ân: Tên người như cuộc đời, trang 20-21; A General of the Secret Service, trang 25.
- (22) Cụm từ “chim mồi” lần đầu tiên xuất hiện trong tài liệu của Kamm, sau này tôi đã được Ân xác nhận rằng đó chính là cảm giác của ông lúc bấy giờ.
- (23) A General of the Secret Service, trang 25-26.
- (24) James Lawton Collins Jr, The Development and Training of the South Vietnamese Army, 1950-1972 (Washington, D.C.: Bộ Lục quân, 1975).

(25) <http://www.army.mil/cmh/books/Vietoam/FA54-73/ch2.htm>, “The Advisory Effort, 1950-1965”. Xem Ronald H. Spector, *Advice and Support: The Early Years of the U.S. Army in Vietnam, 1941-1960* (New York: Nhà xuất bản Free Press, 1985), trang 289. Tôi sử dụng nhiều tài liệu từ cuốn sách siêu hạng của Spector.

(26) Tại một cuộc họp của Hội đồng An ninh Quốc gia vào cuối tháng 10-1954, Tổng thống Eisenhower nói rằng Việt Nam cần có “một lực lượng người Việt để ủng hộ ông Diệm. Vì thế, hãy bắt tay vào làm để tạo ra điều đó”. Được dẫn trong David M. Toczek, *The Battle of Ap Bac, Vietnam: They Did Everything but Learn from It* (Westport, CT Nhà xuất bản Greenwood Press, 2001), trang 6; FRUS, 1952-1954, tập 13. XIII, Indochina, 2156-2157, 2161; *Advice and Support*, Chương 6.

(27) Phỏng vấn ông Ân.

(28) Richard Pyle, “During the War, Vietnamese Journalist-Spy Lived in Two Worlds”, AP, 28A2000.

(29) Phỏng vấn Nguyễn Thái.

(30) Về Lansdale, xem Jonathan Nashel, *Edward Lansdale's Cold War* (Amherst: Nhà xuất bản University of Massachusetts Press, 2005).

(31) Sedgwick Tourison, một nhân vật uy tín trong làng tình báo, viết rằng vào năm 1954 “Phạm Xuân Ẩn, một người Việt Nam có vẻ ngoài trẻ trung, đã liên hệ với Đại tá Lansdale và các đồng sự của ông... Điều mà nhóm của Lansdale không hề biết đó là Phạm Xuân Ẩn đã là một sĩ quan tình báo của Cộng sản trong một thập niên với mối quan tâm đặc biệt đối với chiến dịch của Lansdale”. *Secret Army, Secret War: Washington's Tragic Spy Operation in North Vietnam* (Annapolis: Nhà xuất bản Naval Institute Press, 1995), trang 8.

(32) Phỏng vấn Phillips.

(33) Năm 2002, Phillips trở lại Việt Nam và có cuộc gặp đầy cảm xúc với ông Ân, đặc biệt là bữa tối tại khách sạn Majestic.

(34) Phỏng vấn ông Mai Chí Thọ.

(35) Xem Hồ sơ của CIA trình ủy ban 303, Bộ Ngoại giao, Hồ sơ Lịch sử INR/IL, Giác thư của ủy ban 303, 22.6.1966, tài liệu hạn chế phổ biến.

Quan hệ Ngoại giao của Mỹ (FRUS), hồ sơ LBJ132.

(36) “IRC Program Planning Brings Diplomat to OCC”, Barnacle, 19-12-1958.

(37) Ông Diệm từ Mỹ tới Paris vào tháng 5-1953, đúng một năm trước khi ông được bổ nhiệm, để vận động Bảo Đại. Tới tháng 10, hai người gặp nhau tại Cannes, họ bàn về khả năng Diệm nắm quyền thủ tướng, thời điểm này là đúng sáu tháng trước trận Điện Biên Phủ và hội nghị Geneva khai cuộc. Xem các nguồn: Edward Miller, “Vision, Power and Agency: The Ascent of Ngo Dinh Diem, 1945-54”, *Journal of Southeast Asian Studies*, trang 35, số 3 (10.2004) 433-458; xem thêm, Edward Miller, “Grand Designs: Vision, Power and Nation building in America's Alliance with Ngo Dinh Diem, 1954-1960” (luận án tiến sĩ, Harvard, 2004), trang 89.

(38) “Người Pháp đã không dựa vào một nhà điều phối như Lansdale”, Zalin Grant viết. “Những hành động của Lansdale, và do ông có thể hoạt động một cách rất tự do, là niềm tin của hầu hết quan chức Mỹ từ thời Franklin Roosevelt rằng sẽ không hoàn thành được điều gì tại Việt Nam cho đến khi thực dân Pháp bị loại khỏi bức tranh”. Zalin Grant, *Facing the Phoenix: The CIA and the Political Defeat of the United States in Vietnam* (New York: Nhà xuất bản W. W. Norton, 1991), trang 103.

(39) Xem Edward Lansdale, *In the Midst of Wars* (New York: Nhà xuất bản Harper & Row, 1972), trang 171.

(40) Với việc xe tăng của Hình trấn giữ cách đây vài tòa nhà, người ta đồn rằng Hình, vốn là một công dân Pháp với hàm cấp tướng trong không quân Pháp, đang sắp sửa tiến hành chống Diệm, sử dụng hàng loạt kế hoạch để ngăn chặn hành động quyết định của Trung tá Hình, Lansdale còn đi xa hơn nữa khi tổ chức các đợt “học hỏi” đột xuất tại Manila về kinh nghiệm chống quân nổi dậy của người Philippines và gặp Tổng thống Magsaysay. Nguyễn Thái có mặt trong các chuyến đi này với tư cách đại diện cho Diệm, và ông kể với tôi rằng “trong tất cả các chuyến đi ấy, Lansdale đảm bảo rằng Đại úy Mẫn và Đại úy Vượng, là cánh tay mặt và tham mưu kế hoạch cho ông Hình, luôn có mặt trong đoàn. Không có Mẫn và Vượng ở

Sài Gòn, Hình sẽ không cách gì có thể làm đảo chính lật đổ Thủ tướng Ngô Đình Diệm”.

(41) Xem J. Lawton Collins, Chương 19, “Mission to Vietnam”, trong sách Lightning Joe: Ấn Autobiography (Novato, CA: Nhà xuất bản Presidio Press, 1979).

(42) Quan hệ ngoại giao của Mỹ, 1955-1957, tập 1: Vietnam (Washington, D.C.: Văn phòng ấn loát Chính phủ Mỹ, 1985), trang 292-293.

(43) Kent nói với Dulles, 23.4.1955; sách đã dẫn.

(44) Trong Bản ghi chú làm hồ sơ lưu đề ngày 27-4-1955, Kent viết: “Tướng Collins đã xem xét tình hình ở miền Nam Việt Nam. Ông ta nói rằng sau hàng tháng trời nỗ lực làm việc với Ngô Đình Diệm, ông ta đã đi đến kết luận rằng Thủ tướng không có năng lực hành pháp để kiểm soát “những người có cá tính mạnh, rằng ông ta thường đi giải quyết mấy chuyện lật vật và không hề có được một ý tưởng có tính xây dựng nào kể từ khi nắm quyền”. Tương tự, Collins cũng quyết định rằng phải thay thế Lansdale, nên đã nói với Ngoại trưởng Dulles rằng Lansdale thật là điên khi tin rằng có thể cứu Nam Việt Nam mà vẫn để Diệm nắm quyền.

(45) Xem Neil Sheehan, A Bright Shining Lie (New York: Nhà xuất bản Random House, 1988) trang 140-1; xem thêm Philip E. Catton, Diem's Final Failure: Prelude to America's War in Vietnam (Lawrence, KS: Nhà xuất bản University Press of Kansas, 2003), trang 10-11.

(46) Tài liệu Bộ Ngoại giao gửi tới Sài Gòn, 1.5.1955, FRUS, 1955-1957, tập 1, 344-345.

(47) Tiger in The Barbed Wire, trang 151; Edward Lansdale's Cold War, trang 64

(48) John Osborne, “The Tough Miracle Man of Asia”, tạp chí Life, 13-5-1957, trang 156-176.

Chương 3: MỘNG MƠ CALI

T

rong cuộc đời mình, tôi đã tận hưởng trọn vẹn hai năm bình yên ở California.

*Thư riêng của Phạm Xuân Ẩn gửi Rosann và Rich Martin,
ngày 13 tháng 12 năm 1961 (1)*

TỐI THỨ BẢY ngày 12 tháng 10 năm 1957, người đàn ông 30 tuổi Phạm Xuân Ẩn đặt chân xuống California. Đến được đây đối với ông thật là may mắn sau khi hồ sơ của ông từng nằm chết dí trong các văn phòng quan liêu của cơ quan xuất nhập cảnh Việt Nam.(2) Trong tuyệt vọng, Ẩn gọi điện thoại tới một người anh em họ làm việc cho người em út của Ngô Đình Diệm là Ngô Đình Cẩn, lãnh chúa miền Trung, để hỏi xem có giúp giải quyết được không. Hồ sơ của Ẩn được chuyển lên bác sĩ Trần Kim Tuyến kèm chỉ thị phối kiểm với phía Mỹ về tính cách và lòng trung thành của Ẩn. Chỉ cần sự tiến cử của Lansdale cũng đủ để Tuyến sắp xếp giải quyết hồ sơ cho Ẩn, khai thông hành trình tới nước Mỹ. Từ giờ phút này, cuộc đời của điệp viên Cộng sản Phạm Xuân Ẩn và một trong những nhân vật chống cộng kịch liệt nhất, bác sĩ Trần Kim Tuyến, vĩnh viễn hòa lẫn vào nhau.

Tuyến là Giám đốc Sở Nghiên cứu Chính trị và Xã hội thuộc Phủ Tổng thống, được gọi tắt theo kiểu James Bond là SEPES(*). Đóng trong tòa nhà nằm ngay khuôn viên Phủ Tổng thống và báo cáo trực tiếp cho người em trai của Diệm, cố vấn Ngô Đình Nhu, cơ quan này có quan hệ gần gũi với CIA và nhân viên chỉ bao gồm toàn những người trung thành với Nhu và Tuyến. Cơ quan tình báo và an ninh thuộc Phủ Tổng thống này là một đội cảnh sát mật vụ có thể vươn vỏi bạch tuộc ra mọi ngõ ngách ở Nam Việt Nam.(3) Xuất thân từ một gia đình Công giáo chống Cộng nổi trội tại Phát Diệm, một giáo xứ ở miền Bắc, Tuyến là một người được anh em họ Ngô thu nạp từ sớm.(4) Nhu đã sớm đánh giá Tuyến là “một con người có đầu mối liên lạc ở mọi ngóc ngách của xã hội Việt Nam để có thể thành công trong mọi chiến dịch, dù lớn hay nhỏ”. (5)

Nếu có điểm gì đó khả dĩ được coi là tích cực trong vụ rắc rối về thị thực thì đó chính là vấn đề gia đình. Việc phải trì hoãn ngày rời Sài Gòn đã giúp Ẩn được ở bên cha khi người cha trút hơi thở cuối cùng trên đôi tay

của Ấn vào ngày 24 tháng 9 năm 1957, nhằm ngày 1 tháng 8 âm lịch, ở tuổi năm mươi bảy. Mất mát ấy đã đặt một gánh nặng lên vai Ấn bởi phần lớn trách nhiệm gia đình giờ đây sẽ do ông, vốn là con trai cả, gánh vác, đặc biệt là trong thời gian chịu tang ba năm theo truyền thống Việt Nam. Khi thân phụ qua đời, Ấn không nghĩ rằng ông sẽ có thể tiếp tục tới Mỹ để học.

(6)

(*) SEPES (đọc là XÊ PÊ) là các chữ cái viết tắt theo tên tiếng Pháp Service des Études Politiques et Sociales. Ra đời năm 1956 với tên gọi là Sở Nghiên cứu Chính trị và Xã hội, cơ quan này trực thuộc Phủ Tổng thống, có nhiệm vụ điều tra, thu thập tin tình báo chiến lược; tổ chức, chỉ huy các hoạt động gián điệp tại miền Bắc, bảo vệ an ninh nội bộ. SEPES được đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của cố vấn Ngô Đình Nhu.

Tại ngã rẽ đầu tiên của cuộc đời Ấn, thì nhiệm vụ công tác được đặt lên trên hết. Mai Chí Thọ, em trai của ông Lê Đức Thọ, đã tham gia vào việc hoạch định nhiệm vụ của Ấn. “Thời đó chúng tôi vẫn còn hoạt động bí mật”, ông Thọ giải thích với tôi. “Tôi phải bí mật gây quỹ cho hoạt động bằng cách sử dụng một phần ngân sách tình báo và phần còn lại thì đi vay.

(7) Tôi hỏi ông Thọ vì sao Ấn được chọn cho nhiệm vụ quan trọng này, ông đáp: “ông ấy nói tiếng Anh giỏi hơn tất cả những người khác và được trời ban cho những phẩm chất nghề nghiệp. Một trong những điểm mạnh nhất của điệp viên là luôn bình tĩnh và có nhiều bạn bè; phải luôn duy trì quan hệ với mọi người để tránh gây chú ý. Ấn có thể làm điều đó với mọi người, và đó là lý do tôi coi ông ấy là một trong những nhà tình báo vĩ đại nhất trong lịch sử đất nước”.

Cấp trên trực tiếp của Ấn, ông Mười Hương, là người chịu trách nhiệm về việc liệu có thể hoãn nhiệm vụ của ông Ấn hay không. Nhận thấy không còn ai khác cho sứ mệnh đặc biệt này, Mười Hương trấn an Ấn rằng đảng sẽ

chăm lo cho gia đình ông. “Tôi biết rằng mình sẽ phải đi Mỹ, nhưng tôi cũng xin phép được giải thích lý do cho má tôi bởi lúc ấy vẫn còn trong thời gian chịu tang”, Ấn nói. “Má anh ủng hộ con hết mình, bà không can dự vào công việc của anh”, bà Thu Nhân, vợ của Ấn, kể với tôi. “Bà chỉ cần biết anh làm việc cho cách mạng là đủ”. Với sự chấp thuận của mẹ, Ấn bước lên chiếc máy bay bốn động cơ cánh quạt của hãng Pan Am để đi Mỹ vào tối 10 tháng 10 năm 1957, vài tuần sau khi năm học mới ở Trường Orange Coast bắt đầu.

Trường Orange Coast được thành lập năm 1948 tại một căn cứ quân sự bỏ không từ thời Thế chiến II ở thành phố Costa Mesa. Trong khóa học đầu tiên vào tháng 9 năm 1948, tổng số học sinh là năm trăm người. Khi Ấn tới vào chín năm sau, nó vẫn là một trường bán trú bé nhỏ(*). Ban quản lý trường cho rằng Ấn không nhập học vào mùa thu nên đã chuyển phòng ký túc xá của ông cho một sinh viên khác.(8)

(*) Ở Mỹ, commuter college là khái niệm dùng chỉ những trường học có ít ký túc xá dành cho sinh viên

Người quản lý ký túc xá, ông Henry Ledger, lúc bấy giờ tình cờ đi ra ngoài nên đã gặp và đón Ấn. “Chúng tôi đợi cậu cả tháng trời rồi - cậu đã ở nơi quái quỷ nào vậy?” người đàn ông lực lưỡng Ledger căn nhắc. Khu ký túc xá là một dãy nhà quân đội từ thời nơi đây còn là Căn cứ Không quân Santa Ana được sửa sang lại. Bởi không còn phòng trống nào, Ledger đã dọn kho chứa chăn nệm cũ để Ấn ở, dù thế nhưng đối với Ấn vậy là quá xa xỉ rồi. Ấn nhanh chóng lôi năm bộ áo quần cùng đồ dùng cá nhân từ chiếc va li mà Mills Brandes đã mua tặng. “Cậu đói chưa?” Ledger hỏi. Rồi không chờ trả lời, ông khai một hộp thịt bò hầm - đây là lần đầu tiên Ấn ăn thịt hộp. Ông thấy món này rất ngán nhưng để phục vụ cho hoạt động của mình, đây cũng là một kiểu học tại chỗ để hiểu văn hóa Mỹ.

Là một cựu chiến binh Thế chiến II và cùng tuổi với cha của Ân, Ledger ngay lập tức trở thành người chăm lo cho sinh viên mới. Ledger thích chơi ghi ta và ăn mặc giống như một gã cao bồi. Thứ tư hằng tuần, ông và Ân xem đám bốc trên truyền hình còn tối chủ nhật thì xem đánh bowling. Ledger có một chiếc xe bán tải cũ và một nhà thùng di động; về sau ông đã dạy cho Ân lái xe. “Tôi yêu ông như cha vậy”, Ân kể. “Ông đã giúp tôi vượt qua thời gian đau khổ sau khi cha tôi mất. Ông là người luôn mong muốn tôi thích thú nơi ở mới, hòa nhập vào gia đình mới ở đây. Lúc mới đến tôi rất đơn độc, và ông đã giúp tôi cảm thấy mình được chào đón tại vùng đất mới”.

Kỳ nghỉ cuối tuần đầu tiên của Ân ở Trường Orange Coast diễn ra sự kiện khiêu vũ mùa thu. Ledger đã khích lệ Ân tham dự để có thể gặp người này người kia. Khi Ân bước vào phòng nhảy, mọi cặp mắt đều dồn đến sinh viên Việt Nam đầu tiên học tại Trường Orange Coast và cũng là người Việt duy nhất tại Quận Cam vào thời điểm đó. Mấy người bạn học lập tức trêu ông bằng cách gán cho biệt danh “Khổng Tử”, và Ân cũng đứng ngoài gần suốt buổi tối hôm ấy bởi ông là dân châu Á và một phần do bộ vét và cà vạt ông vận không phù hợp với buổi khiêu vũ có chủ đề Viễn Tây hôm đó.

Giữa lúc đang định ninh rằng mình sẽ chỉ ngồi dựa tường suốt cuộc vui, Ân cảm thấy rất bối rối khi một nữ sinh đột nhiên mời ông nhảy, ông gần như đứng chôn chân tại chỗ, bởi vì ông chưa từng khiêu vũ hay cầm tay một phụ nữ lạ khi còn ở Việt Nam. Cô bạn học khích lệ, bảo cầm tay phụ nữ lúc nhảy không vấn đề gì. Cuối buổi hôm đó, cô gợi ý Ân tham gia lớp khiêu vũ thay cho tín chỉ thể dục bắt buộc. Tám tháng sau, Ân đã trở thành một người khiêu vũ điệu nghệ, khi tổng kết năm học thứ nhất tại Orange Coast, trong một bài báo cho tờ báo của trường, tờ Barnacle, Ân viết rằng lớp học khiêu vũ xã giao “đã giúp tôi thoát khỏi sự bẽn lèn do khác biệt văn hóa”.(10)

Trong cuốn lưu bút thời học Trường Orange Coast, mang tên Nhật ký, Roberta Seibel viết, “Bạn là một người khiêu vũ tuyệt vời. Cứ mãi dễ thương như thế nhé”. Khi tôi hỏi chuyện Judy Coleman, người bạn nhảy của Ân trong buổi vũ hội chào đón cựu sinh viên về thăm trường vào năm

sau đó, bà cho biết, “Cậu ấy là một người nhảy cù khôi và chúng tôi đã nhảy suốt đêm. Cậu ấy rất quyến rũ”.

“Tôi đến từ Việt Nam”, Ấn thường nói với những người mới quen. Vài sinh viên nhớ lại mới vài tháng trước, Tổng thống Ngô Đình Diệm đã thăm Mỹ, nhưng ít người biết về xứ sở xa xôi này, đặc biệt là khi mà các bản đồ cũ của nước Pháp được sử dụng tại trường học đều ghi đất nước của Ấn là một phần Đông Dương thuộc Pháp. Vấn đề càng trở nên rắc rối khi trong ngày học đầu tiên của lớp báo chí, ông Maurice Gerard, người bảo trợ của Ấn, giới thiệu Ấn với những phóng viên đầy nhiệt huyết của lớp. Pete Conaty, người về sau phục vụ tại Việt Nam trong vai trò là một sĩ quan tình báo kỹ thuật/chiến lược đóng tại Huế và trở thành bạn thân của Ấn tại Orange Coast, ngẫu hứng bình luận, “Ồ, vậy là cậu đến từ nơi xảy ra trận đánh Điện Biên Phủ kinh hoàng”. Ấn đáp ngay, “Điện Biên Phủ là một phần của Việt Nam. Bản đồ nước Pháp trên tường này đã lỗi thời rồi. Chúng ta cần thay cái mới”. (11) Hơn bốn thập kỷ sau, Ấn nhắc lại vụ này trong một thư điện tử gửi tới Lee Meyer, một cô bạn thân cùng lớp năm xưa, “Bây giờ tôi đoán bạn đã nhận ra cảm giác của tôi như thế nào khi tên đất nước tôi không có trên bản đồ đó, nó chỉ là một thuộc địa của Pháp”. (12) Người bạn tên Ross Johnson nhớ lại Ấn “thể hiện mình là một người chống chủ nghĩa thực dân quyết liệt”. (13)

Vài năm sau, Ấn và Pete ở cách nhau vài trăm cây số tại Việt Nam, cả hai đều làm trong lĩnh vực tình báo nhưng cho các phe khác nhau. Khi tôi đề cập chuyện này với Ấn, ông có vẻ thất vọng thực sự. “Tôi đã không biết rằng Pete Conaty từng ở Việt Nam. Rất tiếc là ông ta đã không tới Sài Gòn thăm tôi. Tôi đã bảo tất cả họ nếu đến Sài Gòn thì ghé chỗ tôi. Lẽ ra ông ta nên ghé”. Khi tôi hỏi Ấn liệu ông có cảm thấy bất tiện khi tiếp đón một sĩ quan tình báo, ông đáp, “Không hề. Chúng tôi là bạn tốt khi làm cho tờ Barnacle. Tôi có thể giới thiệu ông ta với bạn bè của tôi như Bob Shaplen và những người ở Time. Tất cả chúng tôi đều là nhà báo”.

Một trong những mặt đáng kinh ngạc trong thời gian Ấn ở California là mức độ mà ông lĩnh hội được tất cả mọi mặt của cuộc sống học đường, nói một cách văn vẻ là ông đã thấm thấu vào nền văn hóa Mỹ. Trong khi rất

nhieu điệp viên không muốn mình nổi bật, Ấn đã chọn cách thâm nhập vào cuộc sống để củng cố vỏ bọc. Ông thường xuyên đi xem bóng đá (bóng đá kiểu Mỹ - ND) và dự các bữa tiệc trên bãi biển, cũng như được biết đến như là một người hay đùa. Ông thường nằm dài đợi cho anh bạn cùng phòng Ross Johnson tắm xong để đến lượt mình. Trong các tòa nhà ọp ẹp đó, bơm nước luôn trực trặc, mỗi khi Ấn xả nước bồn cầu thường phá lên cười bởi lúc ấy chắc hẳn Johnson đang hứng một luồng nước lạnh như băng trong phòng tắm. “Cậu ta nghĩ vậy là vui”, Johnson nói. “Tôi thích cậu ấy. Không ai nghi ngờ rằng cậu ta có một cuộc sống bí mật. Tôi từng cho rằng mình biết cậu ta rất rõ”. (14)

Ngay trước lễ Tạ ơn năm 1957, tờ Barnacle đăng một bài viết về sự kiện Ấn gia nhập trường kèm một tấm hình Ấn ngồi với cuốn từ điển tiếng Anh và dòng chú thích: “Bạn nói điều đó như thế nào trong tiếng Anh?” Bài báo này đã tạo ra nền tảng cho vỏ bọc của Ấn:

“Một tân sinh viên ngoại quốc vừa đến Trường Orange Coast vào ngày 12 tháng 10 và hiện sống trong khu ký túc xá. Phạm Xuân Ấn, tên anh, là một người Việt Nam, một người châu Á đến từ Viễn Đông. Anh muốn hoàn tất khóa học trong hai năm tại Orange Coast và trở lại Sài Gòn, thành phố quê hương của anh, để làm việc cho đất nước mình trong vai trò một nhà báo... Ấn giờ đây đang tiếp tục tiếp thu những điều mới mẻ về cuộc sống trong ký túc xá và trên đất nước này. Bằng cách ấy, anh có thể tìm ra những gì mà anh muốn mang về xứ sở của mình”.(15)

Ấn nhanh chóng ổn định chuyện học hành và cuộc sống sinh viên của mình tại Orange Coast. Trong vở kịch Ba Tư do sinh viên dàn dựng mang tên Quý bà và Omar Khayyam, Ấn đóng vai một vũ công Xiêm La, nhảy điệu “rồng phòng thủ”, mà tờ Barnacle miêu tả là “pha nhu đạo tự phạt”. (16) Ông đặc biệt thích tham dự các bữa tiệc ngoài trời của sinh viên ngay trong khuôn viên trường với món heo quay tại chỗ, nhảy điệu hula, màn múa kiếm do anh bạn người Samoa, Tualua Tofili, biểu diễn. Những dòng lưu bút do Paula Jacoby đề tặng cho thấy Phạm Xuân Ấn là một người chu đáo: “Rất vui khi được biết bạn. Mong năm tới bạn tiếp tục ở lại đây chứ không hồi hương. Cảm ơn khi đã lấy áo len choàng cho tôi đỡ lạnh, trong

ngày hội trường. Mong gặp lại vào năm tới. (Bảo trọng). Thân mến, Paula Jacoby”.

Khoảng thời gian thú vị nhất trong ngày của Ấn là lúc ở tòa soạn Barnacle. Ông trở thành bạn thân của Rosann Rhodes, Rich Martin, Pete Conaty, Ross Johnson và Lee Meyer. Ông chính là người đã làm mai Rosann cho Rich, và sau đó hai người đã đính hôn. Năm 1961, Rosann Martin viết thư cho Ấn ở Sài Gòn, bảo rằng rất tiếc khi Ấn không thể đi dự đám cưới của hai người, nhưng cô muốn Ấn biết rằng “tấm hình của bạn đã được đưa vào bộ ảnh đám cưới ở trong mục ‘chúng tôi đã gặp nhau như thế’”(17)

Khi tôi nói chuyện với Rosann vào tháng 10 năm 2006, bà cho tôi biết Ấn luôn “rất dễ chịu và có khiếu hài hước tuyệt vời”. Sau đó bà làm tôi sửng sốt khi kể, “Anh ấy từng cầu hôn với tôi. Tôi nhớ khoảnh khắc đó rất rõ. Lúc ấy chúng tôi đang ở trong lớp báo chí, đột nhiên anh ấy tiến đến và nói một cách trịnh trọng, 'Rosann, anh đã phải lòng em trong năm nay. Anh muốn cưới em, nhưng anh lo em sẽ không hạnh phúc khi đến nước anh sinh sống bởi ở đây rất xa lạ. Mọi người chỉ đi xe đạp, bận đồ ngủ ra ngoài đường và treo quần áo ở cửa sổ. Anh thực sự muốn em nghĩ về điều đó'. Tôi bị sốc nặng - bởi chúng tôi chưa từng hẹn hò. Hôm sau tôi bảo anh ấy rằng tôi không thể lấy anh ấy, thế rồi năm sau anh ấy giới thiệu tôi với Rich”.

Bên cạnh Rosann, Ấn còn có tình cảm đặc biệt với Lee Meyer. Học trước Ấn một năm tại Trường Orange Coast và đã có một năm làm cho tờ Barnacle, Lee trước đó từng làm phóng viên tại Trường trung học Pasadena và vào Đại học Thành phố Pasadena trước khi chuyển tới Trường Orange Coast. Cô cũng từng làm cho hai tờ Sierra Madre News và Garden Grove Daily News. Ấn ngay lập tức bị hút hồn trước một cô gái mà như ông miêu tả, “tóc vàng nhạt, đôi mắt xanh thông minh sau cặp kính dày, đầu óc nhanh nhạy với sự suy xét sắc sảo và tư duy sâu sắc”. (18)

Tháng 1 năm 1958, Lee bắt đầu làm chủ bút tờ Barnacle. Ấn được cất nhắc từ người viết phóng sự lên làm biên tập viên trang 2, có nghĩa rằng ông và Lee sẽ làm việc cạnh nhau trong suốt học kỳ mùa xuân 1958. Ấn đã

đưa vào một chi tiết quan trọng trong bản tin thông báo việc ông được thăng chức trên tờ Barnacle: “Ẩn Phạm, một sinh viên ngoại quốc đến từ Việt Nam, sẽ đảm nhận chức vụ biên tập viên trang 2. Trước đây Ẩn là phóng viên viết bài cho tờ Barnacle và là thành viên một ban kiểm duyệt tin tức tại quê hương anh ta”. (19) Chi tiết này chứa đựng cả một sự trở trêu khi vào năm 1976, Ẩn đã từ chối lời đề nghị làm công việc tương tự cho chế độ mới.

Trong năm đó thì Ẩn và Lee thực sự không rời xa nhau nửa bước. Lee mời Ẩn tới nhà vào dịp lễ Tạ ơn và Giáng sinh. Kể từ đấy, cứ đến mỗi mùa nghỉ lễ, gia đình Meyer lại gửi một món quà tới Hội Tim nước Mỹ với tên người gửi là Phạm Xuân Ẩn. “Tôi đoán là bạn không thể hình dung tôi xúc động thế nào trước tấm chân tình của bạn khi bạn luôn tạo cho tôi có cảm giác như ở nhà trong những ngày xa quê hương”, Ẩn đã viết cho Lee những lời như thế.

Thế rồi Ẩn phải lòng Lee. “Cô ấy biết tình cảm của tôi”, Ẩn kể với tôi. “Tôi yêu cô ấy. Tôi không thể tỏ tình, nhưng tôi biết cô ấy cảm nhận được tình cảm của tôi”. Bằng chứng duy nhất về tình cảm của Lee mà chúng ta có được đó là những thư điện tử hai người gửi cho nhau trong năm 2001, hai năm trước khi bà qua đời. “Tôi thường xuyên nghĩ tới bạn, lo lắng không biết bạn có an toàn hay không và làm sao để tôi có thể biết được bạn bình an”, Lee viết. “Tôi rất vui khi nhận thấy rằng khiếu hài hước của bạn vẫn còn vẹn nguyên trong những thư điện tử này. Bạn có nhớ một buổi tối khi bạn tới thăm gia đình tôi và sau đó tôi lái xe đưa bạn trở về cái khu ký túc xá nghiêm mật tại Trường Orange Coast. Lúc ấy sương mù quá dày đặc đến nỗi bạn phải ra khỏi xe rồi đi bộ phía trước để tôi có thể lái xe theo sau? Vì một lý do nào đó mà tôi nhớ rất rõ, chứ không mù mờ như đám sương kia, về cái sự kiện ấy. Tôi ngưỡng mộ bạn vô cùng vì khả năng thích nghi và việc có thể sống trong khu ký túc xá vốn được thiết kế cho những người vị thành niên, chứ không phải cho một gã đàn ông đã trưởng thành như bạn. Được học chung với một tâm hồn lịch lãm và có học thức như bạn đã giúp tôi làm giàu thêm những trải nghiệm của mình. Việc chúng ta được làm bạn tốt của nhau là một món quà đầy kinh ngạc đối với tôi”. (20)

Dưới sự dẫn dắt của Lee, Ấn tỏa sáng trong vai trò một phóng viên, và cũng với sự cầm trịch của Lee, tờ Bamacle được Hiệp hội Báo chí Học đường xếp hạng nhất.(21) Lee khuyến khích Ấn viết những bài báo so sánh Việt Nam với Mỹ để các học viên tại Orange Coast có thể hiểu thêm về đất nước và văn hóa Việt Nam. Bài báo đầu tiên của Ấn dưới thời Lee làm chủ bút nhan đề “Thi tốt nghiệp - Vài điều về nỗi cực nhọc thi cử của sinh viên ở miền đất xa xôi”, đã đưa ra sự so sánh tâm trạng căng thẳng mùa thi khiến sinh viên tại Việt Nam mất ăn mất ngủ với không khí học dồn mùa thi của sinh viên tại Orange Coast.(22) “Mỗi năm, khi những hàng phượng nở hoa đỏ rực tại Sài Gòn, thủ đô của Việt Nam, sinh viên lại bắt đầu bàn luận về mùa thi”, Ấn viết bằng một bút pháp khá vụng về mà rồi đây ông nhanh chóng khắc phục. Để giải tỏa căng thẳng mùa thi, sinh viên Sài Gòn thường uống nhiều cà phê, trà đặc và những thứ mà Ấn gọi là “thuốc tỉnh táo” rất phổ biến tại “Pháp và các xứ thuộc địa”.

Tháng sau đó, Ấn viết một bài báo bảo vệ cho những yêu cầu bắt buộc về chuẩn tiếng Anh hội thoại trình độ X tại Trường Orange Coast.(23) Từ kinh nghiệm hành chính và quân sự trong thời gian làm việc cho TRIM và CATO, Ấn thấy rằng những điều kiện về tiếng Anh hội thoại cơ bản, vốn bị chế nhạo là chỉ dành cho “lũ đàn”, là một công cụ kỳ diệu cho vai trò lãnh đạo của Mỹ. “Đặc biệt là tại những nước mới độc lập ở châu Á, châu Phi và Trung Đông”, Ấn viết, ông giải thích rằng người Việt Nam “rất khát khao học tiếng Anh và luôn nỗ lực để trở nên thành thạo” nhưng lại không có điều kiện để học. “Bất cứ trường tiếng Anh tư thục nào muốn thuê bất kỳ người Mỹ nào vào dạy hội thoại cho học viên trung cấp đều phải trả 3 đô-la mỗi giờ”. Ấn dẫn ra một câu chuyện mà mình từng chứng kiến: “Có lần tôi đang tham gia tuyển chọn các sĩ quan tốt nghiệp từ Hội Việt Mỹ để đưa sang Mỹ tu nghiệp. Đại tá Jameson bước vào, chìa ra một ngân phiếu ghi 7.500 đôla rồi bảo, Ấn, anh xem tấm ngân phiếu này để thấy chúng tôi đã trả cho giáo viên của những học viên sĩ quan này bao nhiêu tiền, và sau đó hãy trả lời tôi là có bao nhiêu trong số những người đến phỏng vấn ở đây đáp ứng được yêu cầu về tiếng Anh Trên thực tế, rất ít người nói tiếng Anh giỏi như Ấn bởi giáo viên của họ không có phương pháp sư phạm tốt để có

thể dạy hiệu quả. Chính “phương pháp học vẹt” trong các giờ tiếng Anh đã khiến các sĩ quan Việt Nam chán nản và thất vọng.

Người Việt ít có cơ hội để đọc sách giáo khoa của Mỹ hoặc gặp giảng viên chuyên nghiệp như trong các lớp tiếng Anh trình độ X tại Orange Coast, nơi mà hội thoại và ngữ cảnh luôn được chú trọng. Ấn đã tiến tới đề nghị Cơ quan Thông tin Mỹ (USIS) (*) và các tổ chức đào tạo của Mỹ tại Việt Nam đưa chuẩn tiếng Anh X vào dạy cho người Việt “bởi vì nó giúp người Mỹ ở Việt Nam xóa tan định kiến nói trên cũng như nâng cao uy tín cho tiếng Anh của Mỹ”.

(*) United States Information Service (USIS) là tên gọi được dùng ở nước ngoài của Cơ quan Thông tin Mỹ (United States Information Agency - USIA). Ra đời năm 1953, USIA là một kênh “ngoại giao nhân dân”, phục vụ cho hoạt động tuyên truyền, đối ngoại của chính phủ Mỹ. USIA chấm dứt tồn tại vào năm 1999

Tháng sau, Ấn viết về các biện pháp ăn kiêng để giảm cân và sự mê muội điên cuồng của những phụ nữ trẻ về việc giữ dáng. “Phụ nữ trẻ ở Sài Gòn, Việt Nam, rất sợ bị béo. Quan niệm truyền thống về vẻ đẹp của người Á Đông là phụ nữ phải mảnh mai như cành liễu. Người ta cho rằng thể hình lý tưởng là những bộ xương khăng khiu như cành mai, còn da thịt thì ép sát vào xương như con hạc, như người ta thường nói 'mình hạc xương mai'. Phụ nữ Sài Gòn chẳng những bỏ bữa hoặc ăn kiêng mà họ còn sử dụng các biện pháp nguy hiểm như uống giấm và các loại chất a xít để giảm cân. Nhiều cô nàng gầy gò đến mức nếu họ tới Orange Coast để học thì những cơn gió Santa Ana sẽ thổi họ bay về Sài Gòn mất”. (24) Ấn kết thúc bằng lời khuyên hãy tuân thủ chế độ ăn uống cân bằng và khoa học đồng thời kêu gọi các sinh viên tham gia “Câu lạc bộ kiểm soát calori” dưới sự giám sát của y tá Martha Buss tại Trường Orange Coast.(25)

Có lẽ đóng góp cho tờ Barnacle mà Ấn tâm đắc nhất chính là bài viết về phim *Người Mỹ trầm lặng* (*) sản xuất năm 1958. Trong phim, Audie Murphy đóng vai một người Mỹ tự do đầy lý tưởng đã đến Đông Dương

vào năm 1952 để đề xuất “giải pháp thứ ba” bên cạnh nền thực dân của Pháp và sự nổi dậy của Cộng sản. Edward Lansdale được cho là nguyên mẫu của nhân vật chính trong phim, Alden Pyle. Lansdale cũng là cố vấn của bộ phim, vốn khác xa nguyên bản cuốn sách của Graham Greene. Bộ phim được đề tặng Ngô Đình Diệm. Trong trường hợp này, Ấn dường như đang làm xiếc trên dây, bởi ông vừa viết về bộ phim, vừa nghĩ về người bạn Lansdale, và có lẽ cũng có chút lo lắng rằng người ta có thể quy chụp ông thân Cộng vì những điều ông viết ra.

(*) *Người Mỹ trầm lặng* (The Quiet American) là tiểu thuyết phản chiến của nhà văn Anh Graham Greene (1904 - 1991). Sách ra mắt tại Anh năm 1955 và tại Mỹ năm 1956. Năm 1958, đạo diễn Joseph L. Mankiewicz dựng bộ phim cùng tên, với các diễn viên Audie Murphy, Michael Redgrave và Giorgia Moll. Graham Greene về sau đã chỉ trích việc những người làm phim làm đảo ngược thông điệp phản chiến mà ông đã gửi gắm trong cuốn sách.

Bộ phim chỉ trích phe Cộng sản về những vụ đánh bom ở Sài Gòn. “Sau thất bại của quân đội Pháp tại Điện Biên Phủ vào tháng 7 năm 1954”, Ấn viết, “sự tồn tại và phát triển của quốc gia tự do Việt Nam Cộng hòa dưới sự lãnh đạo của đương kim Tổng thống Ngô Đình Diệm đã chứng minh rằng khái niệm 'Lực lượng thứ ba' mà '*Người Mỹ trầm lặng*' này đã xả thân để bảo vệ, lẽ ra nên được công nhận sớm hơn”.

Ấn tin rằng không thể nào có một sự dàn xếp ổn thỏa giữa Cộng sản và người Pháp, và rằng “về mặt chính trị, '*Người Mỹ trầm lặng*' có thể khiến khán giả hiểu nhầm về chính sách ngoại giao của Mỹ. Một bộ phận người Việt Nam đã tiêm nhiễm tuyên truyền của Cộng sản và trong cuộc chiến ở Đông Dương, người Mỹ đã tìm cách thay thế người Pháp”. Ấn cho rằng bộ phim này không nên chiếu ở Việt Nam.

Người Mỹ trầm lặng một lần nữa lại được dựng thành phim vào năm 2002, với các ngôi sao Michael Caine và Brendan Fraser. Phillip Noyce, đạo diễn người ước của bộ phim, trang thành với nguyên tác của Greene, ngoại trừ hai thay đổi lớn, trong đó có “việc nhập hai nhân vật thành một để tạo ra người trợ lý của Fowler, tên là Hình (do Tzi Ma thủ vai) - lấy cảm hứng từ điệp viên nhị trùng Phạm Xuân Ẩn”.(28) Trong phim Hình là sát thủ cực kỳ nguy hiểm và là điệp viên theo chủ nghĩa dân tộc dưới vỏ bọc là một trợ lý vô dụng của Caine. Bộ phim đã được chiếu ra mắt ở Việt Nam để báo chí viết bài ca ngợi.

Có lẽ bài báo dí dỏm nhất của Ẩn trong năm ấy là bài viết về căn phòng ký túc xá của người bạn thân và là đồng nghiệp tại tờ Barnacle, Ross Johnson.(29) Phòng của Ross được bài trí theo kiểu nhiệt đới, với hàng rào bằng sậy, mái lợp tranh và tre bao quanh tường.

Có ba tấm ảnh treo trên tường, chụp cảnh hươu và cọp ở trong rừng. Để làm cho căn phòng có vẻ giống thật, Ross nuôi một chú gà con. Cậu mở nhạc xứ nhiệt đới suốt ngày. “Tôi rất nhớ nhà mỗi lúc bước vào phòng của Ross”, Ẩn viết. Nhưng căn phòng này còn thiếu một thứ, đó là một người bạn chung phòng: “Ross, cậu hầu như có mọi thứ ở đây, nhưng cậu vẫn cần thêm một ai đó để chia sẻ giấc mơ này với cậu. Mong rằng nội quy của Trường Orange Coast sẽ được nới lỏng trong một tuần để người bạn này có thể tới thăm căn phòng của Ross”. (30)

Ẩn là một sinh viên giỏi, học kỳ nào cũng được tuyên dương và tham gia nhiều chương trình học khác nhau, như lịch sử, chính trị học, kinh tế, tâm lý, và khoa học xã hội.(31) Lúc còn học tại Orange Coast, ông đã vận động để lập một câu lạc bộ du học sinh, với các thành viên đến từ Philippines, Trung Quốc, Nicaragua, Nhật Bản, Bỉ, Pháp, Canada và Ba Lan.(32) Ông là một trong chín sinh viên được Trường Orange Coast chọn đi dự Hội thảo các vấn đề thế giới nhân Ngày Thế giới tại Los Angeles. Một trong những chủ đề được thảo luận trong ngày này là “Liệu Cộng sản có chiến thắng tại Đông Nam Á?”(33) Ông là một trong sáu đại biểu từ Câu lạc bộ Quốc tế của Trường Orange Coast tham dự Diễn đàn Khu vực Long Beach thuộc Câu lạc bộ Quan hệ Quốc tế về chủ đề “Nước Mỹ đóng góp

vào sự tiến bộ thế giới”. (34) Ân cũng dự một hội nghị báo chí tại Đại học Redlands(35) và có mặt trong đoàn đại biểu của Barnacle dự Đại hội các Nhà xuất bản quốc gia tiểu bang California ở San Francisco.(36)

Bằng cách nào đó, Ân còn tham gia vào các hoạt động chính trị của sinh viên tại trường. Đầu tiên ông đã từ chối lời đề nghị tranh cử chức phó chủ tịch hội cựu chiến binh, trong đó chủ yếu là các cựu binh thời Chiến tranh Triều Tiên, vốn muốn có một đại diện chống Cộng người châu Á tham gia. Sau đó, ông đã cùng với năm thành viên khác của tờ Barnacle, trong đó có Pete Conaty và Ross Johnson, ký vào một lá thư gửi tới toàn thể hội sinh viên với tựa đề, “Cần nhân tố mới”. Đây là nỗ lực nhằm vận động một ứng viên chạy đua với Fred Thomas để tranh cử chức chủ tịch hội sinh viên. “Chúng tôi muốn ủng hộ người phù hợp với chức vụ này”, nhóm kiến nghị tuyên bố. Và nỗ lực của họ đã thành công.(37)

Orange Coast là một trường bán trú, và cứ mỗi dịp cuối tuần thì hầu hết mọi người đều về nhà hoặc đi đâu đó chứ không ở lại ký túc xá. Bruce Nott, sống ở ký túc xá một thời gian ngắn, nhớ lại rằng hồi ấy chẳng ai muốn để Ân ở lại một mình vào dịp cuối tuần. Bruce là một trong những người đầu tiên mời Ân về nhà. Cha mẹ anh này ngay lập tức bị Ân mê hoặc, và trong suốt hai năm sau đó, cha của Bruce thường dẫn Ân đi chợ hoặc về nhà chơi vào các ngày thứ bảy, chủ nhật. Bruce còn dẫn Ân đi Disneyland, rồi Ân tới nói chuyện về tình hình đất nước mình tại trường của Barbara, em gái Bruce. “Đây là một chàng trai dễ mến, luôn thích ngồi nói chuyện và chọc cười”, Nott nhớ lại. “Anh ta luôn muốn tìm hiểu mọi thứ, và anh ta luôn khiến chúng tôi thích thú khi nói đủ thứ chuyện về cuộc sống ở Mỹ”. (38) Tháng 8 năm 2005, tôi chuyển thông điệp sau của Ân tới cho Bruce: “Tôi rất nhớ bạn và cha mẹ bạn, cũng như cô em gái Barbara. Tôi rất vui mừng khi được tin bạn thành công trong cuộc sống. Ước gì tôi có được may mắn đến thăm bạn và gia đình trước khi đi gặp Diêm Vương”. (39)

Ân thích nấu nướng và giới thiệu món ăn Việt Nam cho những người bạn mới, nên vào các buổi tối cuối tuần, đám bạn bè thường tụ tập ở nhà ai đó để thưởng thức tài nghệ của Đầu bếp Ân. Bruce Nott nhớ lại một vụ náo nhiệt khi các sinh viên ở ký túc xá thấy Ân đi bắt châu chấu, bởi hầu như ai

cũng biết rằng Ẩn sẽ đem loài côn trùng này về để làm món ăn, như ông thường làm ở Việt Nam. “Anh ta thường mang về nhà mấy con bọ để mọi người ăn, mở đầu bằng một nụ cười, ‘Nào, tối nay ai đói bụng đây?’”

Judy Coleman nhớ lại rằng Ẩn là một người tốt bụng và nhiệt tình, một mẫu người rất phù hợp với đời sống ký túc xá. Hai người gặp nhau trong một lớp học nhiếp ảnh, và rồi Ẩn đã mời cô làm bạn nhảy trong một dịp lễ hội khiêu vũ chào đón các cựu sinh viên về thăm trường vào năm 1958. Mấy gã trai ở ký túc xá đã tìm cách chọc Ẩn khi nói với ông rằng vào các dịp khiêu vũ thế này thì mỗi người con trai phải mời từ ba tới bốn cô gái làm bạn nhảy. Không muốn phá vỡ truyền thống, Ẩn đã mời tới ba cô gái khác nhau tới cùng một buổi dạ vũ. Khi có mấy ông bạn thân bảo rằng đấy chỉ là trò đùa, Ẩn đã tìm cách hủy hẹn với hai cô gái kia, chỉ còn lại mình Judy.

Chương 3 (tt)

L

à người tử tế, Ấn khẳng khái phải gặp cha mẹ Coleman trước để xin phép dẫn con gái của họ tới đêm hội. Cha của cô gái, ông Herbert Coleman, lúc bấy giờ là trợ lý đạo diễn thứ nhất và trợ lý giám đốc sản xuất cho Alfred Hitchcock và đang làm bộ phim Vertigo.(40) Ấn tới căn nhà rất đẹp của họ để xin phép “theo cách của người Việt Nam”, và hứa sẽ đưa cô con gái về nhà trước nửa đêm. Ông Coleman chấp thuận Ấn và nói rằng bởi đây là một dịp đặc biệt nên cái giới hạn nửa đêm là không cần thiết.(41)

“Không, cháu xin hứa”, Ấn nói. Judy nhớ lại đêm đó không khí rất tươi bừng, đầy tiếng cười vui và những vũ điệu - và cô gái đã về nhà trước nửa đêm. Ấn không gặp Judy nhiều kể từ sau đêm vũ hội bởi sau đó bà chuyển sang Đại học Tiểu bang tại San Jose, nhưng ông vẫn thường tới thăm gia đình Coleman để dự tiệc nướng và trò chuyện với cha mẹ Judy. “Cha tôi rất thích trò chuyện với Ấn. Anh ấy rất thú vị, là một người đàn ông trẻ tuổi nhưng chừng chạc và rất hòa đồng. Cha tôi và anh ấy thường nói chuyện hàng giờ liền”, Judy kể.

Nhưng không phải mọi thứ ở trường Orange Coast đều vui vẻ và thú vị. Có một đêm Henry Ledger tìm cách tự sát. Sau khi cùng bạn gái đi chơi ở sa mạc về, Ledger tới phòng của Ấn và nói, “Tôi nay tui mình ăn như vua chúa đi bởi vì biết đâu ngày mai chết rồi”. Ấn chẳng quan tâm mấy tới lời nói gở ấy, và thế là hai gã đánh chén một bữa thịt gà no nê, ăn nhiều ngoài sức tưởng tượng của cả hai. Lúc ấy chưa khuya lắm, nhưng Ledger bảo mình đi ngủ sớm. Khi dọn dẹp vệ sinh, Ấn thấy hộp thuốc ngủ trong ngăn kéo bàn của Ledger trống rỗng. Trước kia, Ledger thường cho Ấn thuốc ngủ bởi Ấn không ngủ được do Ledger ngủ ở phòng bên cạnh thường ngáy quá to. Giờ đây, dựa vào linh cảm, Ấn nghĩ rằng Ledger đã uống hết tất cả số thuốc ngủ kia. Đột nhiên trong đầu ông nhớ lại câu nói ban nãy, “Tôi nay tui mình ăn như vua chúa”. Sau một hồi lay gọi Henry không được, Ấn gọi xe cứu thương.

Ngày hôm sau, Ấn được biết người bạn của mình bị sốc sau khi chia tay bạn gái và đã tìm cách tự tử. Ledger không chết nhưng lại bị sa thải khỏi chỗ làm ở Orange Coast. “Tôi bị sốc nặng... Một gã trai tuyệt vọng tự sát

không thành và sau đó lại bị đuổi việc. Tôi không hiểu nổi”, Ấn nhớ lại. Ấn tới ban quản lý để phản đối quyết định sa thải nhưng rồi ông nhận được lời giải thích, “cậu không hiểu gì văn hóa Mỹ cả; bằng cách tự sát, anh ta đã trở thành tấm gương xấu cho sinh viên”.

Chẳng bao lâu sau Ledger đi làm người giúp việc nhưng không cho Ấn biết nơi làm. Hai tuần sau, Ấn tìm tới nơi làm việc của ông này. “Ấn, tao rất hận mày; sao mày không để mặc cho tao chết? Mày cứu tao để giờ tao lại đau khổ hơn”, Ấn nhớ lại những lời Ledger đã nói với mình. Lúc ấy một đồng nghiệp của Ledger đã hét lên, “Cậu ta cứu sống mày - hãy biết ơn cậu ta”. Thế là hai người ôm chầm lấy nhau và về sau còn gặp lại nhau rất nhiều lần nữa.(42)

Năm học đầu khép lại, Ấn tổng kết những điều thu lượm được và những mất mát trong một bài viết trên tờ Barnacle: “Tiếng Anh thực hành của tôi luôn đạt điểm xuất sắc ở trong nước, nhưng khi mới tới Orange Coast, tôi thực sự không hiểu những người bạn học của mình đang nói gì với nhau. Bây giờ thì tôi đã hiểu được những điều họ nói, dù không phải lúc nào cũng lĩnh hội được mọi sắc thái, nhất là những từ lóng”. Khả năng viết lách của ông đạt được nhiều tiến bộ bởi ông đã cải thiện được ngữ pháp và lối tư duy. Lớp tiếng Anh A1 rất khó đến mức “làm tôi nhức cả đầu và nhiều lần mất ngủ. Tôi tiếp tục thực hành tiếng Anh trong lớp báo chí. Barnacle là tờ báo tự do nhất và nằm trong số những tờ báo sinh viên xuất sắc nhất tại Nam California. Nó đã cho tôi những bài học lớn về báo chí, ngành học chính của tôi.

Bên cạnh kiến thức nhà trường, Orange Coast còn là nơi giúp tôi thích nghi với nền văn hóa mới, với phong tục và lối sống ở đây. Đây là nơi cho tôi cơ hội đầu tiên để kiểm chứng lại những điều mình đã được nghe, được đọc về thế giới mới này nhằm giúp tôi trở nên khách quan hơn và gạt bỏ mọi định kiến vốn đã in hằn vào não tôi một cách vô thức”.

Nhưng Ấn cũng nhớ đất nước và gia đình mình rất nhiều. “Mất mát của tôi cũng không hề nhỏ. Tôi rất nhớ gia đình, bạn bè, bà con và đồng bào cũng như nhớ tiếng mẹ đẻ của tôi và mảnh đất nhỏ nơi tôi sinh trưởng. Cũng thật may mắn, đây chỉ là những mất mát tạm thời. Thêm vào đó, các

thầy cô, đội ngũ nhân viên và sinh viên ở Trường Orange Coast đã đối đãi với tôi quá ân cần khiến đôi lúc tôi cứ ngỡ mình đang sống cùng những người Việt Nam”. (43)

Ấn cũng rất quan tâm tới những sự kiện trong nước, ông đã nhận được một lá thư của Mills Brandes và nhờ đó biết được chính quyền Ngô Đình Diệm đã mở một cuộc truy quét nhằm vào những người bị tình nghi là có cảm tình với Việt Cộng và các điệp viên. Ấn lo lắng không biết có người thân hoặc bạn bè nào của mình bị bắt trong những đợt truy bắt đó và giờ đang bị tra tấn giữa những bức tường ở trại giam Côn Sơn. Nỗi sợ lớn nhất của ông là có một ai đó có thể khai ra chuyện ông là một đảng viên Cộng sản. Nếu điều đó xảy ra, ông sẽ không bao giờ có thể trở về và gia đình ông cũng đối mặt với những điều tồi tệ nhất từ lực lượng cảnh sát của Diệm. Tháng 1 năm 1958, người em trai của Ấn đã bị bắt. “Tôi rất buồn”, Ấn nhớ lại. “Tôi đã mất liên lạc với bên Cộng sản, tất cả các chỉ huy của tôi đều bị bắt; em trai tôi cũng bị bắt, và sau khi được thả ra, cậu ấy đã viết một bức thư bằng mật mã cho tôi”.

Bức thư của người em trai được viết dưới dạng một câu chuyện kể ngày Tết. “Tết sắp đến rồi và em cũng không có điều gì để nói với anh cả. Bây giờ em biết anh rất thích nghe kể chuyện xưa, và anh thích nói chuyện phiếm trên trời dưới đất, để làm cho mấy ngày Tết thêm vui, nên em sẽ kể cho anh nghe một câu chuyện xưa”. Phần tiếp theo chính là thông điệp được viết bằng mật hiệu: “Ngày xưa ngày xưa, có một ông già nghèo túng và từng trải qua bao gian khổ. Ông có hai đứa con rất thích đi chơi trong rừng, nhưng cũng phải giúp cha đốn củi đem ra chợ bán. Một ngày nọ, khi hai anh em vào rừng, người em bị quỷ dữ bắt đi, trong khi người anh chạy thoát nhờ có chú chó và con vẹt chỉ đường ra khỏi rừng. Người em bây giờ đang nằm trong tay ác quỷ, và có thể bị ăn thịt. Người anh rất buồn. Anh ta nhớ em trai mình và cuối cùng quyết định cùng chú chó và con vẹt quay lại khu rừng. Rốt cuộc chỉ có con vẹt trở về”.

Ấn giải thích thêm về thông điệp trong bức thư: “Khi sắp đi Mỹ, tôi có nuôi một con chó và một con vẹt. Người phụ trách đơn vị tình báo của tôi có một cô con gái nhỏ. Tôi nói với ông ta mang con chó và con vẹt về nhà cho cô con gái bởi tôi sắp đi Mỹ rồi”. Sau khi đọc thư của em trai, Ấn phản văn, “Thôi chết, cậu ấy bị bắt rồi. Mình không biết phải làm gì cả. Nếu trở về, mình cũng sẽ bị tóm. Nhưng nếu ở lại thì trụ được trong bao lâu?” Ấn không biết tương lai sẽ như thế nào nên ông quyết định học tiếng Tây Ban Nha để khi lâm thế kẹt có thể chạy thoát sang Nam Mỹ hoặc Cuba.

Ý nghĩ cứ lớn vồn trong đầu, trong kỳ nghỉ hè đầu tiên, Ấn đã lái xe lên vùng bờ biển Monterey để thăm những người bạn Việt Nam tại Trung tâm Ngoại ngữ của Viện Ngôn ngữ Bộ Quốc phòng, lúc bấy giờ gọi là Trường Ngôn ngữ Lục quân. Nhiệm vụ của viện này là đào tạo ngoại ngữ để phục vụ cho mục đích quốc phòng.(44)

Gần đây, Ấn đã mua một chiếc Ford Mercury đời 1949 màu xanh đậm với giá 250 đôla. Ross Johnson và Pete Conaty nhớ lại rằng Ấn tuân thủ đúng theo sách hướng dẫn khi khởi động máy bằng cách cho máy chạy không tải trong năm phút để làm ấm động cơ. “Ấn thường để máy xong rồi ngồi chờ cho tới lúc cậu ấy nghĩ là máy đã nóng”.

Vào mùa thu, Ấn trở lại làm việc ở tờ báo của trường. Lee Meyer đã chuyển qua trường Đại học Nam California, và tổng biên tập mới là một người bạn thân của Ấn, cô Rosann Rhodes, vốn trước đây là biên tập viên trang 3 dưới thời Lee Meyer và đồng thời cũng làm việc cho tờ Globe-Herald and, Pilot của thành phố Costa Mesa. Pete Conaty thăng tiến từ vị trí biên tập viên thể thao lên biên tập viên tin tức, và Ross Johnson trở thành biên tập viên bài đặc biệt. Rich Martin là biên tập viên thể thao, và Ấn tiếp tục giữ chân biên tập viên trang 2.(45) Các thành viên nhóm này rồi đây sẽ trở nên thân thiết và tiến xa trong lĩnh vực báo chí. Rhodes, Martin và Ấn tham dự một đại hội dành cho biên tập viên tại Sacramento và được chụp hình với Thống đốc Edmund G. Brown.

Bên cạnh cuộc tranh luận về việc nam sinh có được mặc quần đùi kiểu Bermuda trong khuôn viên trường hay không, một trong những chủ đề nóng bỏng vào năm 1959 là việc sinh viên cần phải tự dọn dẹp nơi mình ngồi. Lần đầu tiên và duy nhất trong thời gian làm việc cho Barnacle, Ấn đứng tên một mình trong bài xã luận “Hãy dọn rác đi”.⁽⁴⁶⁾ Ấn bắt đầu bài viết bằng việc trích dẫn lời của Napoleon trước khi bại trận, “Sau tôi là con hồng thủy”, kèm lời giải thích rằng câu này từng được đưa vào kỳ thi tốt nghiệp trung học ở Paris. “Nhiều thí sinh đã trượt bởi họ hiểu sai lời của Napoleon”, Ấn viết. Họ cho rằng Napoleon ích kỷ và không cần biết nước Pháp sẽ ra sao sau khi ông qua đời. “Điều mà Napoleon thực sự muốn nói là ông dự báo sự tàn lụi của đế chế Pháp sau cái chết của ông. Ông thực sự nghĩ về tương lai của nước Pháp và những người tiếp bước ông”. ⁽⁴⁷⁾

Sinh viên Orange Coast cũng không hề quan tâm tới ai sẽ đến sau khi họ rời bàn ăn ở căng tin tự phục vụ tại trường. “Thực tế cho thấy khi họ dùng điểm tâm hoặc ăn trưa tại Trung tâm Sinh viên hoặc quầy thức ăn nhanh, họ thường để lại một đống rác bừa bãi trên bàn. Họ không hề quan tâm tới những người đến sau và sẽ ngồi vào chỗ mà họ vừa rời đi”. Rồi Ấn bênh vực ba người phụ nữ đã làm công việc dọn vệ sinh trong suốt mười lăm tháng qua. “Nhiều sinh viên cho rằng họ đã tạo việc làm cho những phụ nữ này, đóng góp vào giải pháp giảm thất nghiệp, giúp nền kinh tế đi lên, như vậy là đã kích thích việc tạo ra nguồn thu bằng cách xả rác trên bàn. Chúng tôi cho rằng họ là những sinh viên hạng 'A' ở một trường nguy biến. “Ấn đề nghị các sinh viên suy nghĩ về vấn đề họ sẽ như thế nào khi không thể tìm ra một chiếc bàn sạch sẽ để ngồi và so sánh điều đó với tâm trạng khi gặp những chiếc bàn sạch sẽ. Những người đến sau họ xứng đáng được hưởng “đặc quyền” tương đương, và để đạt được điều đó, Ấn kêu gọi các chàng trai hãy “ga lăng” và hãy dọn dẹp sau khi ăn tối với phụ nữ và cổ vũ các nữ sinh hãy “chu đáo hơn” và hãy làm theo các chàng trai, ông kết luận: “Chúng ta chỉ còn bốn tuần nữa là tốt nghiệp. Chúng ta không muốn thi

trượt kỳ thi đơn giản này trước khi đối mặt với những kỳ thi khác khó khăn hơn”.

Số cuối cùng của năm 1959, tờ Barnacle đăng một bài viết đầy xúc động trong đó Phạm Xuân Ẩn gửi lời chia tay tới toàn thể cộng đồng. Ẩn vừa nhận được một món quà từ những người bạn tại Barnacle - một chiếc cốc cà phê đặc biệt có in hình vẽ Ẩn đang ngồi đánh máy tại bàn làm việc, kèm theo chữ ký của toàn tòa soạn. Chiếc cốc này luôn được đặt ở vị trí trang trọng trong phòng ăn của Ẩn, và khi tôi tới nhà ông vào tháng 10 năm 2006 để viếng ông, chiếc cốc là kỷ vật phi quân sự duy nhất được đặt trên bàn thờ gia đình.

Bài viết cuối cùng bắt đầu bằng đoạn trích dẫn lời của nhà văn Pháp Anatole France: “Cuộc ra đi dù đúng với mong muốn của mình vẫn để lại phía sau một chút buồn. Và tôi chia sẻ cảm xúc này của ông một cách sâu sắc”. (48) Đối với Ẩn, nói lời chia tay những người bạn tại Orange Coast khó khăn hơn nhiều so với lúc chào ra mắt. “Dù tôi rất háo hức trở về Việt Nam để thăm lại đất mẹ, thì ý nghĩ phải rời xa Trường Orange Coast, nơi khởi nguồn của việc học của tôi tại Mỹ, đã để lại trong tôi một 'nỗi buồn' khó tả”. Phạm Xuân Ẩn cảm ơn các giáo viên “phóng khoáng” đã giúp đỡ ông trong việc học cũng như các vấn đề về sức khỏe; ông cảm ơn những “quý bà nhiệt tình” làm việc tại căn tin và quầy thức ăn nhanh(49) đã nấu những bữa ăn rất ngon; ông cảm ơn những người phụ trách ký túc xá và khu giảng đường về lòng tốt của họ, rằng họ đã rất vui vẻ mỗi ngày “khi họ gặp tôi đi mở hộp thư xem có lá thư má tôi gửi từ quê nhà sang hay không”. Ông cảm ơn những “nhân viên trực điện thoại” vì họ đã an ủi ông mỗi khi ông không nhận được thư nhà. Đặc biệt nhất, “sự thân thiện của các bạn cùng lớp và cùng trường luôn hằn in trong tâm khảm của tôi”. Ẩn đặc biệt “muộn phiền” khi được biết các dãy nhà ký túc xá cũ sẽ bị phá bỏ vào năm tới bởi vì ‘khu ký túc xá này đã thay thế cho ngôi nhà của má tôi. Chính tại đây, tôi đã học được cách ứng dụng những điều mà H. L. Menken viết trong

cuốn 'Ngôn ngữ Mỹ' thường thức âm thanh nổi, nhạc rock-n-roll, làm bài tập bên cạnh âm thanh quen thuộc của chiếc đài và máy sưởi, và hít đầy lồng ngực những chuyện bông phèng của các bạn chung phòng... Niềm hy vọng được gặp lại Orange Coast mỗi năm khiến tôi ước mình có đôi cánh của loài nhạn di trú để có thể bay trở lại Orange Coast vào mỗi mùa xuân và xây tổ dưới mái của Trung tâm Tư vấn. Đây là nơi tôi đã nhận được những lời khuyên quý giá. Thay vì 'Chào tạm biệt' tôi muốn nói 'Chúc may mắn' và hy vọng sẽ gặp lại tất cả các bạn nhiều dịp trong tương lai". Tại buổi lễ vinh danh những người tốt nghiệp, Ấn được trao tặng tấm bằng khen đặc biệt "về vai trò lãnh đạo và phục vụ" nhằm ghi nhận những đóng góp của ông cho Orange Coast.

Quỹ Á Châu đã bố trí cho Ấn một suất học bổng, theo đó ông sẽ có một thời gian tập sự tại báo Sacramento Bee ngay sau khi tốt nghiệp. Tổ chức này muốn Ấn giúp triển khai một chương trình tại Sài Gòn nhằm đào tạo phóng viên người Việt Nam, và đợt thực tập này sẽ giúp ông tích lũy kinh nghiệm và uy tín cho công việc về sau. Trước khi chuyển tới Sacramento, Ấn được y tá Martha Buss, người đã làm việc tại trường từ khóa đầu tiên, tặng một món quà. Đó là cuốn sách, *Vòng quanh nước Mỹ qua 1.000 tấm ảnh*. Ở bìa trong của cuốn sách, bà đề tặng: "Ấn mến: Mong cậu luôn nhớ về những ngày vui ở Orange Coast. Tất cả chúng tôi đã biết cách yêu mến và tôn trọng cậu. Cậu là vị đại sứ rất tuyệt của đất nước mình. Đất nước ấy có thể tự hào về cậu. Cuốn sách này có rất nhiều ảnh chụp những nơi mà cậu chưa được tới và đây là lý do tại sao tôi mong cậu thích cuốn sách và có dịp trở lại để thăm phần còn lại của nước Mỹ. Thật tuyệt khi được quen cậu". "Tôi luôn gìn giữ cuốn sách ấy", Ấn nói với tôi, "với hy vọng một ngày nào đó có thể trở lại để thăm thú những nơi khác. Có quá nhiều nơi để thăm mà tôi thì không có thời gian rảnh rỗi trong thời gian làm nhiệm vụ".(50)

Giữa lúc đang chất đồ đạc lên xe để lái về Sacramento, Ấn được thông báo về việc thay đổi chỗ ở. Đây là lần duy nhất trong suốt thời gian ở Mỹ

ông đối mặt với tệ kỳ thị. Cặp vợ chồng trước đây đã đồng ý cho Ấn ở trọ không biết rằng ông là “người Mông Cổ”, và sau khi biết chuyện thì họ không chào đón ông nữa. Tờ Sacramento Bee và Quỹ Á Châu đã cùng nhau tìm được một chỗ ở mới cho Ấn.

Tại tờ Bee, ông kết bạn với Eleanor McClatchy, con gái của doanh nhân ngành xuất bản C. K. McClatchy. Vào tháng 7, ông là khách mời đặc biệt của bà này tại lễ đón Phó thủ tướng thứ nhất Frol R. Kozlov (*) và đoàn đại biểu của Liên Xô tại sân bay Sacramento, đang công du nước Mỹ trước chuyến thăm lịch sử của nhà lãnh đạo Nikita Khrushchev. Ngài thống đốc cùng một số quan chức tiểu bang và các vị khách đặc biệt như McClatchy được mời đến sân bay để dự buổi tiệc chiêu đãi phái đoàn Liên Xô.(51)

(*) Frol Romanovich Kozlov (1908 - 1965) là Bí thư thứ hai Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô giai đoạn 1960 - 1963, Phó chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng giai đoạn 1958 - 1960. Lúc bấy giờ, Nikita Khrushchev là Bí thư thứ nhất Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Nhiệm vụ đầu tiên mà Ấn được giao tại tờ Bee là đưa tin về Hội chợ Hạt Sacramento. Phóng viên tập sự mà được ký tên cùng lời giới thiệu dưới các bài viết là chuyện hiếm, nhưng vào ngày 20 tháng 6 năm 1959, điều đó đã xảy ra, khi tờ Sacramento Bee đăng tải bài viết đầu tiên của Ấn cùng dòng lý lịch trích ngang: “Phạm Xuân Ấn đến từ Sài Gòn, Nam Việt Nam, đang nghiên cứu và tập sự ba tháng tại Bee. Chương trình đào tạo tại chỗ cho sinh viên báo chí này được tài trợ bởi Tổ chức Á Châu. Sau khi hoàn tất chương trình huấn luyện và tham quan miền đông nước Mỹ, anh sẽ về lại Sài Gòn để làm việc trong một tòa soạn báo. Bài viết của anh về hội chợ của hạt, một lễ hội nổi tiếng tại Mỹ, được in dưới đây”. (52)

Hội chợ Hạt Sacramento năm 1959 là hội chợ cấp địa hạt đầu tiên mà tôi tham dự tại Mỹ.

Những mặt hàng nông sản, thịt bò, sữa, gia cầm, thỏ, heo, ngựa và cừu chất lượng cao không làm tôi ngạc nhiên bởi các sản phẩm này đã nổi tiếng khắp thế giới thông qua sách, tạp chí và phim ảnh.

Điều làm tôi kinh ngạc là các loài gia súc, gia cầm này đều do những bạn trẻ trong độ tuổi 12 đến 20 nuôi. Họ chắc chắn sẽ trở thành những nông dân thành đạt trong tương lai của nước Mỹ.

Những chàng trai, cô gái khỏe khoắn, dễ nhìn ngồi tựa lưng vào lũ bò hoặc cừu của họ gợi cho tôi nhớ về hình ảnh những đứa trẻ Việt Nam đang cho trâu ăn sau một ngày dài vất vả trên ruộng lúa.

Tiếng gáy của lũ gà trống Rhode Island, trời nắng nóng và những người đi chợ bận rộn, những hình ảnh không hẳn quá xa lạ. Vào mùa hè ở quê hương, chúng tôi còn có cảnh chọi gà nữa...

Giải trí là cách tốt nhất để thu hút đám đông. Tôi từng đi thăm Disneyland, một thành phố ma, Santa Cruz và khu Công viên đại dương, nên những màn giải trí ở đây khá quen thuộc đối với tôi.

Tuy nhiên, ở những nơi kia, tôi không gặp được những người trẻ năng động và tài năng của vùng California như tại Hội chợ Hạt Sacramento này.

Một tuần sau, tờ Bee viết một bài rất sâu về Ấn với nhan đề “Nhà báo Việt Nam hướng tới mục tiêu chống tuyên truyền Đỏ”(53) “Tôi sử dụng tất cả những gì mà Lansdale dạy tôi cho bài viết này. Ông ấy là một người thầy xuất chúng”, Ấn nhớ lại. Nội dung bài báo được in dưới đây.

Là thành viên trong gia đình có bốn anh em, Phạm được Cục Tâm lý chiến Việt Nam chiêu mộ trong chiến dịch năm 1954 chống lại cuộc tấn công quân sự của Cộng sản nhằm chia đôi đất nước.

Anh giải thích rằng hồi đó các lãnh đạo phe Đỏ đã thành công trong việc không công khai thừa nhận lập trường Cộng sản, mà chỉ tuyên truyền phong trào của họ là phong trào dân tộc chống Pháp, nước vẫn còn chiếm Đông Dương.

Anh cho biết điều đó đã khiến anh đi tới quyết định rằng, cách tốt nhất để giúp nước là trở thành một nhà báo để qua đó anh có thể giải thích cho công chúng biết rõ về mục đích và phương pháp thực sự của Cộng sản.

Anh nói rằng chính quyền Việt Nam hiện tại đang kiểm duyệt chặt chẽ tất cả các tờ báo và đó là một biện pháp cần thiết bởi nếu không làm vậy thì phe Đỏ sẽ có cơ hội phát tán chủ thuyết của họ trên khắp đất nước.

Có chín tờ nhật báo tại Sài Gòn, thủ đô của đất nước. Trong đó có sáu tờ tiếng Việt, một tờ tiếng Pháp, một tờ tiếng Anh, và một tờ tiếng Trung.

Tất cả đều có số lượng phát hành khá nhỏ, anh cho biết, bởi vì ít người có đủ tiền để mua báo hằng ngày. Nhưng, anh nói thêm, người ta thường thuê báo hoặc đổi cho nhau.

“Nhân dân nước tôi rất nghèo” anh kết luận, “nhưng họ rất hiếu học, từ sinh viên cho tới ông đạp xích lô”.

Anh cho biết anh dự định làm việc tại một tờ nhật báo tiếng Việt sau khi trở lại Sài Gòn.

Bài báo đã biến Ấn thành một người nổi tiếng ở địa phương. Một phụ nữ đã gọi tới tòa soạn Bee và đề nghị mời anh đi chơi ở hồ Tahoe. Trên đường đi, họ ghé vào Căn cứ Không quân Travis, nơi con trai của bà đóng quân, để chào hỏi, cho phép Ấn lần đầu tiên được xem một căn cứ của Không lực Mỹ (đây là một điều trớ trêu chứ không có ngụ ý chiến lược nào), sau đó chiếc xe thể thao của bà chở họ phóng trên Xa lộ 50 - tới thung lũng Squaw để chèo xuồng gỗ mùa hè.

Ở tòa soạn Bee, Ấn còn được phân công tường thuật các phiên tòa, các cuộc đua ngựa của dân cao bồi, hoạt động nuôi cá giống và nhà tù Folsom, nơi ông ăn trưa cùng phạm nhân và đọc sách trong thư viện nhà tù. Ấn rất thích thú trước kỹ thuật trồng lúa ở Sacramento, với phương pháp cơ giới

khác xa Việt Nam. Ông thán phục hệ thống đê điều tại đồng bằng Sacramento cũng như trố mắt kinh ngạc trước cảnh máy bay lướt trên cánh đồng để gieo hạt. Khi ông rời tờ Bee, Eleanor McClatchy tặng ông cuốn *Những điều riêng tư* của cha bà, với lời đề tặng, “Tặng Phạm Xuân Ẩn, chúng tôi rất vui khi bạn đến tập sự tại tờ Bee và rất mong bạn trở lại thăm chúng tôi”.

Chặng kế tiếp của Ẩn là thời gian tập sự tại Liên Hiệp Quốc, cũng do Quỹ Á Châu dàn xếp. Tuý nhiên, khi hay tin tổ chức này muốn Ẩn bay từ California tới New York, ông đã lái xe từ Sacramento lên văn phòng của họ tại San Francisco để thuyết phục các nhà tài trợ cho ông lái xe xuyên nước Mỹ. Ông đề nghị rằng về máy bay sẽ được chi trả bằng tiền mặt để ông trang trải chi phí cho chuyến đi bằng xe. Sau vài cuộc tranh luận về những hiểm nguy khi một mình lái xe xuyên nước Mỹ, tổ chức đã chấp thuận đề nghị của ông, với điều kiện ông phải hứa không cho bất kỳ người lạ nào quá giang!

Với món quà của bà Buss ở ghế trống bên cạnh, Ẩn bắt đầu cuộc hành trình xuyên qua lòng nước Mỹ. Ông giải thích với tôi rằng chuyến đi có thể giúp cho ông học được càng nhiều thứ về nhân dân Mỹ càng tốt, như nhiệm vụ mà ông được giao. Mỗi ngày, ông dậy thật sớm và lái xe tới lúc chạng vạng, nhưng luôn ghé vào hầu hết các điểm du lịch dọc đường. Đi theo trục đường miền trung, ông băng qua Nevada, Utah, Wyoming, Nebraska, Iowa, Illinois, Indiana, Ohio (nơi ông ghé tới thăm cha mẹ của Mills Brandes ở Huron), Pennsylvania, Maryland, New Jersey, New York và cuối cùng đến Buffalo để tham gia một hội trại mùa hè của sinh viên Việt Nam do các linh mục thuộc Hội Thiện nguyện Quốc tế (IVS) tổ chức.(54) Ẩn thậm chí còn đi vào lãnh thổ Canada để có thể ngắm toàn cảnh thác Niagara.

Khi tôi hỏi Ẩn về những gì học được gì từ chuyến đi, ông kể rằng ông đã rất ấn tượng “trước một hệ thống tươi mới, khác xa Việt Nam... Tất cả mọi thứ đều hoàn toàn mới mẻ đối với tôi. Có rất nhiều thú để học. Trên

hết, người dân rất thân thiện và luôn sẵn sàng giúp đỡ, và tôi ngưỡng mộ lối tư duy và phát ngôn độc lập của người Mỹ. Sống tại Mỹ, tôi đã học được cách tư duy mới mà tôi không bao giờ bỏ được, ngay cả khi tôi cố gắng làm điều đó sau chiến tranh”.

Sau đó, Ấn kể một câu chuyện với hy vọng sẽ minh họa cho tôi thấy tình bạn với những người Mỹ có ý nghĩa đối với ông như thế nào. Một ngày nọ trong thời gian ông còn ở California, trên chuyến xe buýt từ Monterey về Costa Mesa, ông ngủ quên nên xe chạy quá trạm dừng. Lúc ấy đã rất khuya và người lái xe nói với Ấn rằng ông ta không thể chạy trở lại được. Ấn phải chờ chuyến xe kế tiếp vào sáng hôm sau. Một phụ nữ trẻ nghe được câu chuyện và cảm thấy rất ái ngại cho Ấn. Bà xuống xe cùng ông rồi gọi cho một người bạn của gia đình nhờ chở ông trở lại Costa Mesa. Đầu tiên họ phải tìm một trụ điện thoại, và phải gần hai tiếng đồng hồ sau thì người bạn kia mới tới. Người phụ nữ trẻ kia cùng ngồi chờ với Ấn. Cô ta đến từ Stanford, là con gái của Đại tá Thorton, Ấn kể. Người bạn của gia đình tới chở Ấn là ông Mendenhall, sống ở Laguna Beach. Mendenhall chở Ấn quay lại ký túc xá, dọc đường đi ông kể rằng mình có một cậu con trai làm trong Không lực Mỹ. Vài tuần sau, gia đình Mendenhall mời Ấn tới dùng cơm tối tại nhà của họ. Ấn nhớ lại rằng gia đình đó rất ủng hộ Richard Nixon(*), trong phòng khách có treo tấm hình lớn kèm chữ ký của phó tổng thống. Trong bữa tối, Ấn được biết rằng con trai họ đóng tại một đơn vị không quân ở Sài Gòn. Gia đình Mendenhall muốn Ấn tới thăm con trai của họ khi ông trở lại Sài Gòn. “Là một điệp viên, tôi đã cân nhắc việc khai thác mối quan hệ này và đã có thể làm điều đó, tuy nhiên tôi quyết định không làm thế và không bao giờ hé lộ chuyện này với cấp trên. Tôi giữ im lặng bởi thật không công bằng nếu tôi lợi dụng những người này trong khi con gái một người bạn của họ, là một thiên thần thực sự, đã cứu tôi trong đêm hôm ấy. Tôi chỉ có một mình và rất lạnh, và ai biết được chuyện gì sẽ xảy ra với tôi, thế rồi cô ấy xuất hiện và bảo vệ tôi”.

Ẩn lái xe từ Buffalo về Arlington, Virginia, để tái ngộ với gia đình Brandes, ngụ tại ngôi nhà của họ trên phố South Joyce. Mills đưa Ẩn sang Washington để tham quan tòa nhà FBI(**), Quốc hội, sau đó tới Nghĩ trang Quốc gia Arlington. Lúc rảnh rỗi, Ẩn thường xem ti vi vào các buổi sáng với Jud, đặc biệt là các chương trình đố vui và phim viễn Tây. Chương trình ưa thích của Ẩn gồm Dough Re Mi, Truy tìm kho báu, Chọn giá đúng, Ai tập trung hơn?, Tích Tắc Dough, Thử thách thời gian, các phim viễn Tây như Maverick, Wagon Train, Gunsmoke và Have Gun Will Travels(55)

(*) Richard Milhous Nixon (1913-1994) là Tổng thống Mỹ từ năm 1969 cho đến tháng 8 năm 1974, khi ông từ chức theo sau vụ bê bối Watergate. Trước đó, ông làm phó tổng thống năm 1953 đến năm 1961, dưới thời Tổng thống Dwight Eisenhower

(**) Federal Bureau of Investigation (FBI), tức Cục Điều tra Liên bang, ra đời năm 1908. Cơ quan điều tra tội phạm và phán gián này nằm dưới sự quản lý của Bộ Tư pháp Mỹ.

Sau đó Ẩn lái xe lên New York để tập sự tại Liên Hiệp Quốc, đến vừa đúng lúc để theo dõi bài phát biểu của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Liên Xô Nikita Khrushchev trước Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc. Trong thời gian đang dồn sức cho việc tập sự, Ẩn nhận được tin Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 15 tại Hà Nội (Khóa 3) đã thông qua Nghị quyết 15, đánh dấu cuộc chiến tranh du kích ở miền Nam bắt đầu. “Khi nhận được tin Cộng sản đã bắt đầu cuộc chiến, tôi biết rằng mình phải trở về”. (56)

Đặc điểm của cuộc chiến tranh bên trong Việt Nam hiện đang ở thời kỳ chuyển tiếp. Mùa hè năm ấy, một vụ tấn công khủng bố nhằm vào Trung tâm huấn luyện của Quân lực Việt Nam Cộng hòa tại Biên Hòa đúng vào

dịp kỷ niệm năm năm ngày Tổng thống Diệm lên nắm quyền tại Việt Nam đã dẫn tới thiệt hại về nhân mạng đầu tiên của Mỹ trong cuộc chiến.(57) Vụ tấn công là hành động táo tợn nhất của Cộng sản kể từ năm 1957 khi tòa nhà thư viện của Cơ quan Thông tin Mỹ (USIS) bị đánh bom tại Sài Gòn. (58)

Ẩn bán chiếc xe của mình ở New York và bay trở lại California để họp tại Tổ chức Á Châu nhằm chuẩn bị cho chuyến trở về của ông. Tổ chức này đã đưa ra một đề nghị hấp dẫn: ông có thể nhận một công việc với mức lương rất cao tại Cơ quan Thông tin Mỹ theo một chương trình mà sau đó ông sẽ được trao học bổng toàn phần làm nghiên cứu sinh tiến sĩ, hoặc ông có thể dạy tiếng Việt tại trường ngôn ngữ ở Monterey cho những cố vấn Mỹ sắp sang Việt Nam.

Ẩn đi thẳng từ văn phòng của Tổ chức Á Châu sang đài vọng cảnh cầu Cổng Vàng để cân nhắc các lựa chọn, ông mang theo một tấm bưu thiếp của Lee Meyer, trên đó in hình đảo Alcatraz(*). Là người mê tín, Ẩn tin rằng tấm bưu thiếp này chỉ cho ông biết tương lai của mình một khi trở về Việt Nam. Đảo Côn Sơn chính là Alcatraz, ông cũng phân vân liệu tấm bưu thiếp này có phải là một điềm báo rằng ông sẽ ở lại California và sống kề cận Lee. Cho tới lúc ấy, ông chưa nhận được lệnh phải trở về.

Ở giữa ngã đường quan trọng này, Ẩn đã quyết định rằng cách tốt nhất để phụng sự đất nước là trở về. Tôi rất lo lắng cho gia đình, cho các vị chỉ huy, và cho nhiệm vụ của tôi. Tôi đã tuyên thệ với đảng. Tôi cũng đã ba mươi hai tuổi rồi. Tôi biết rằng sớm muộn gì rồi cũng phải trở về. Nhiều người đang trông cậy vào tôi và sứ mệnh của tôi”.

(*) Một đảo đá rộng khoảng 10 ha nằm trong vịnh San Francisco. Trước năm 1970, nơi đây có các cơ sở quân sự và nhà tù

CHÚ THÍCH

(1) Xin cảm ơn Rosann Martin đã cung cấp thư và ảnh cá nhân.

(2) Về trực trực trong khâu xin thị thực, ngày 18-12-1957, Brandes viết cho Ấn: “Gửi ông Ấn. Chúng tôi rất vui khi ông đã đến được nước Mỹ để học. Ngay cả khi chia tay ông tại phi trường ở Sài Gòn, chúng tôi cũng không chắc là ông sẽ đi suôn sẻ”.

(3) Nguyên Thái, *Is South Vietnam Viable?* (Manila, Philippines: Nhà xuất bản Carmelo and Bauermann, 1962), trang 209; William Colby, *Lost Victory: A Firsthand Account of America's Sixteen-Year Involvement in Vietnam* (New York: Nhà xuất bản Contemporary Books, trang 39).

(4) Robert Shaplen, *The Lost Revolution* (tái bản có sửa chữa, Nhà xuất bản Harper & Row), trang 158.

(5) A. I. Langguth, *Our Vietnam: The War, 1954-1975* (New York: Nhà xuất bản Simon & Schuster, 2000), trang 105.

(6) “May mà ông đã không thể đi sớm hơn, bởi nếu như vậy thì ông đã không được nhìn cha mình lần cuối trước khi ông ấy nhắm mắt”, Mills Brandes viết cho Ấn vào ngày 18.12.1957. “Ông đã nói với chúng tôi về sự kính trọng của mình dành cho cha. Chúng tôi cũng có sự kính trọng tương tự. Hy vọng rằng cái chết của thân phụ sẽ không tạo ra sự đau khổ lâu dài cho ông và gia đình ông”.

(7) Phỏng vấn ông Mai Chí Thọ. Ấn nghĩ rằng số tiền này là mượn từ một chủ đồn điền cao su giàu có. Ông Ấn cũng nhận được một khoản phụ cấp khiêm tốn từ Sở Thuế quan và Tổ chức Á Châu cũng có hỗ trợ.

(8) Trên thực tế, khi liệt kê danh sách tất cả các sinh viên quốc tế nhập học tại Trường Orange Coast (OCC) vào học kỳ mùa thu 1957, tờ báo của sinh viên đã không đề cập đến Phạm Xuân Ấn từ Việt Nam. Bài viết “Orange Coast Gains Students from Many Other Countries”, *Barnacle*, 11.10.1957.

(9) Xem Jim Carnett, “OCC Journalism Major Was Time Magazine Reporter and Hanoi Spy”, September 28, 2006, Orange Coast College, Orange Slices, bản tin cựu sinh viên.

(10) “For a Student from Vietnam It's Been a Year of Learning”, Barnacle, 6.6.1958.

(11) Câu chuyện được xác nhận trong các cuộc phỏng vấn với Ấn và Pete Conaty.

(12) Email Ấn gửi cho Lee Meyer, 23.12.2000.

(13) http://www.ocregister.com/ocregister/news/abox/article_1293310.php; Vik Jolly, “A Spy on Campus-and a Mystery Still”. Báo Orange County Register, 30.9.2006.

(14) Sách đã dẫn.

(15) “Vietnamese Student Tells of Life in OCC Dormitory”, Barnacle, 22.11.1957, trang 3.

(16) “Foreign Group Presents Show”, Barnacle, 23.5.1958, trang 3.

(17) Thư tín cá nhân từ Richard và Rosann Martin, 8.6.1961.

(18) “Bạn ở trong trái tim và tâm trí của tôi”, Ấn viết cho Lee vào tháng 12.2000. “Tôi thích quan sát bạn mỗi lần bạn hoàn thành một việc gì đó, bạn thường biểu lộ niềm vui bằng cách cất cao giọng nói đầy niềm vui trong khi hai bàn tay siết chặt lấy nhau”.

(19) Xem “Lee Meyer Assumes Duty As New Barnacle Editor”, Barnacle, 31.1.1958, trang 1.

(20) Email Lee Meyer gửi cho Ấn, 25.5.2001.

(21) “Spring Semester '58 Barnacle Wins First Class Honor Rating”, Barnacle, 4.11.1958.

(22) “Finals-A Couple of Views”, Barnacle, 17.1.1958.

(23) “Who Said Our English X Was for Dummies Only?” Barnacle, 14.2.1958.

(24) “Students Seek Diet Aids”, Barnacle, 28.2.1958.

(25) Đề tài về việc ăn uống đảm bảo sức khỏe lại được đề cập trong bài báo kế tiếp của Ấn về bà. Yvette Coltrin, người điều hành tiệm ăn ở OCC. “Thay đổi các món ăn hàng ngày làm sao cho khoa học và ngon

miệng không phải là việc dễ dàng. Bà Coltrin phải thường xuyên tính toán về chuyện ăn uống”. Từ trải nghiệm ngắn trong quân đội của mình, Ấn so sánh công việc của bà Coltrin trong hệ thống cấp bậc đại học với “viên Tư lệnh Sư đoàn [người] luôn gặp khó khăn trong việc tìm ra một Trợ lý G-4 hay còn gọi là sĩ quan quân nhu... Bà ấy là một con chim quý hiếm”. “Cafeteria Head Acclaimed”, Barnacle, 7.3.1958.

(26) “Quiet American-Film Gives Unjust View of Asian Life”, Barnacle, 14.3.1958.

(27) Graham Greene, *The Quiet American* (New York: Nhà xuất bản Viking, 1956).

(28) “Quiet American Makes Noise on Opening Night in Việt Nam”. Thay đổi còn lại được lấy cảm hứng về những điều tiết lộ liên quan tới mối quan hệ giữa Lansdale với CIA, vốn vẫn là điều bí mật vào năm 1958. Bài điểm phim này được đài BBC công bố từ Hà Nội.

(29) Johnson về sau đại diện cho khu 35 của Quận Cam, California, trở thành nhà lập pháp đầu tiên ở California làm thủ lĩnh đảng tại cả Hạ viện lẫn Thượng viện.

(30) “Dorm Tropical Paradise Lacks Vital Ingredient”, Barnacle, 28.3.1958, trang 3.

(31) “Eggheads! 13 Straight A Students; 190 Bucs on Honor List”, Barnacle, 27.2.1959, trang 3.

(32) “New Foreign Student Club Now Being Formed at OCC”, Barnacle, 24.10.1958, trang 2.

(33) “World Affairs Seminar Has Problematical Topic”, Barnacle, 18.4.1958.

(34) “Beverly Stafford Honored by IRC”, Barnacle, 21.11.1958.

(34) “Paper staff will attend Conference”, Barnacle, 6.3.1959.

(36) “Coast Sends Delegation”, Barnacle, 16.1.1959, trang 3.

(37) Thư gửi biên tập, Barnacle, 17.4.1959.

(38) Phỏng vấn Bruce Nott.

(39) Ngày 11.8.2005, Thành phố Hồ Chí Minh.

(40) Xem Herbert Coleman và Judy Lanini, *The Hollywood I Knew: A Memoir, 1916-1988* (Lanham, MD: Nhà xuất bản Scarecrow Press, 2003).

(41) Phỏng vấn Ấn và Judy Coleman.

(42) Dựa trên các cuộc phỏng vấn với Ấn, Bruce Nott và Ross Johnson.

(44) “For a Student from Vietnam It's Been a Year of Learning”.

(44) <http://www.monterey.org/langcap/dli.html>.

(45) “Assign Rhodes Fall Editorship”, *Barnacle*, 26.9.1958.

(46) Xã luận, “Take That Trash”, *Barnacle*, 8.5.1959.

(47) “A Foreign Student Bids Coast Farewell”, *Barnacle*, 5.6.1959, 6

(48) Có vẻ Ấn nhớ nhầm hoặc ông nhận được thông tin sai. Câu nói này là của Louis XV

(49) Khi quán ăn nhẹ mở cửa vào tháng 4.1959, một tấm ảnh trang bìa có hình Ấn đứng thứ tám! *Barnacle*, 10.4.1959.

(50) Ấn giữ cuốn sách này trong thư viện gia đình.

(51) Richard Rodda, “Brown, Kozlov Chat 2 1/2 Hours, Trade Smiles and Wisecracks”, *Sacramento Bee*, 4.7.1959, trang 1. Tài liệu xem thêm về chuyến thăm của Kozlov có bản ghi chép các cuộc trò chuyện của ông ta với các quan chức chính phủ và địa phương ở bên ngoài Washington, D.C, được lưu tại Bộ Ngoại giao, Hồ sơ hội nghị: lô 64 D 560, CF 1408-1409, và Hồ sơ trung ương 033.6111.

(52) Phạm Xuân Ấn, “Vietnamese Takes a First Look at County Fair Art-Likes It”, *Sacramento Bee*, 20.6.1959, trang A2.

(53) “Vietnamese Journalist Aims to Fight Red Propaganda”, *Sacramento Bee*, 5.7.1959, trang B4.

(54) Đức giám mục Emmanuel Jacques, một cha đạo người Bỉ sống tại Việt Nam là nhà tổ chức hội trại.

(55) Xin tri ân Judson Brandes về việc đã nhắc lại những chi tiết này.

(56) Ấn nói rằng ông được một phóng viên Ấn Độ bán tin; phóng viên này có đầu mối bên trong cơ quan tình báo Pháp và đầu mối này có mối liên hệ với Bắc Việt. Phóng viên này được Tổ chức A Châu giao chăm sóc cho

Ẩn trong thời gian ông tập sự ở New York. Mỗi ngày, Ẩn đều tới văn phòng của hãng tin Press Trust of India tại New York để thực tập.

(57) “Terrorist Kills 2 us Advisors in Việt Nam”, Sacramento Bee, 9.7.1959, trang 1.

(58) Dale Brix, “Việt Nam Puts Closer Guard on Americans”, Sacramento Bee, 14.7.1959, trang A2; Advice and Support, 329.

Chương 4: BẮT ĐẦU CUỘC SỐNG KÉP

T

ài liệu này chứng minh rằng bộ phận cốt cán của Việt Cộng có năng lực chuyên nghiệp trong việc lên kế hoạch chi tiết... Điều đó đánh tan quan niệm của một vài người rằng Việt Cộng chỉ là mấy gã nông dân trồng lúa lạc hậu, mù chữ.

Ghi chú về Báo cáo tổng kết về Việt Cộng theo sau trận Ấp Bắc, ngày 2 tháng 1 năm 1963 .

TRỞ LẠI SÀI GÒN VÀO CUỐI THÁNG 9 NĂM 1959 sau hai năm sống ở Mỹ, nỗi sợ lớn nhất của Ấn là vừa ra khỏi máy bay đã bị bắt đưa đi và rồi vĩnh viễn biến mất. Ấn sắp xếp để cả gia đình ra đón ông tại phi trường, bởi ông tính toán rằng trong trường hợp mình bị bắt, nếu có nhân chứng thì sẽ tốt hơn. “Khi gia đình ra đón ở sân bay, ít nhất má tôi cũng biết được việc tôi biến mất”, ông Ấn nói với tôi. Rất nhiều đồng đội của ông đã bị bỏ tù. Ấn không biết là liệu những người kia có khai ra tên ông hay không. Đáng lo nhất là việc cấp trên trực tiếp của ông là Mười Hương đã bị bắt vào năm 1958 và đang nằm bót lịch trong nhà lao Chín Hàm. Mười Hương là người sáng lập mạng lưới tình báo chiến lược của Cộng sản ở miền Nam. Ông chính là người đã chiêu mộ Ấn vào mạng lưới này và sau đó điều Ấn sang Mỹ.

Giữa lúc người nhà chạy tới chạy lui, Ấn nhìn quanh để xem có cảnh sát hay không, nhưng không thấy ai tiến tới bắt ông cả. Bởi không nắm bắt được tình hình nên Ấn ở nhà suốt một tháng, sợ rằng nếu ra ngoài một mình, ông có thể bị bắt. Phần lớn thời gian trong ngày, Ấn đứng nhìn qua cửa sổ để xem có ai theo dõi hay không, sau một thời gian, ông thận trọng lên một kế hoạch để thăm dò. Ông gửi một lời nhắn tới bác sĩ Trần Kim Tuyến, người đã giúp ông làm thủ tục thị thực hai năm về trước và là đồng minh thân cận của Ngô Đình Nhu, em trai ông Diệm: “Tôi vừa kết thúc khóa học ở Mỹ trở về và đang cần việc làm. Ông có gì cho tôi làm không?”. Theo tính toán của Ấn, nếu ông là mục tiêu bắt giữ, bác sĩ Tuyến sẽ không

bao giờ bố trí việc làm cho ông bởi Tuyến chính là người giữ sổ đen Việt Cộng.

Thân hình nhỏ bé với cân nặng chưa đầy một trăm cân (100 cân Anh chừng 45 kg - ND), Tuyến “luôn có vẻ điềm tĩnh và e dè của một nhà nho”, như miêu tả của William Colby. Tuy nhiên, dưới bề mặt trầm lặng ấy, Tuyến là một người chống Cộng hăng hái, một nhà hoạch định và là kẻ bày mưu đảo chính bậc thầy. Tuyến từng học ngành y nhưng chưa bao giờ làm bác sĩ, dù vậy, quyền lực ông ta lớn tới mức ai cũng phải gọi ông ta là “Bác sĩ”. Ông ta chi tin tưởng một số ít những người bạn chống Cộng trung thành trong tổ chức của mình.(3)

Bác sĩ Tuyến thấy rằng chiêu mộ một người học hành ở Mỹ như Ấn cho chính quyền Diệm là rất đáng giá. Ông ta liền bố trí cho Ấn một chân nhân viên trong văn phòng tổng thống, vị trí mà Ấn có thể tiếp cận các hồ sơ của quân đội, Quốc hội và hầu như của mọi tổ chức tại miền Nam Việt Nam. Nhưng chẳng bao lâu sau, Tuyến tìm ra một cách sử dụng tốt hơn đối với nhân vật thân tín mới của ông ta, người cũng vừa xin Tuyến bố trí một công việc phù hợp với ngành học báo chí của mình. Tuyến liền cho Ấn tới gặp Nguyễn Thái, Tổng giám đốc *Việt Tấn xã*, cơ quan báo chí chính thức của chính quyền. Trong số hàng ngàn bản tin được các hãng thông tấn quốc tế lớn cung cấp mỗi ngày, *Việt Tấn xã* chọn những thứ phù hợp về mặt chính trị để dịch sang tiếng Việt và đăng tải, coi như là quan điểm chính thức của chính quyền Diệm. “*Việt Tấn xã* hoạt động như một bộ máy kiểm duyệt các tin tức quốc tế được chọn lựa cho người đọc trong nước”, Thái giải thích. “Các bản tin của *Việt Tấn xã* được sử dụng trong tất cả các chương trình của mạng lưới phát thanh Quốc gia”.

Tương tự Ấn, Thái học ở Mỹ, và tại đây ông đã lần đầu tiên gặp Ngô Đình Diệm vào tháng 6 năm 1952 tại một hội nghị dành cho sinh viên Công

giáo. Thái là chủ tịch Hội Sinh viên Công giáo tại Mỹ và sau cuộc gặp, Diệm thường xuyên gửi thư cho Thái để phân tích tình hình chính trị tại Việt Nam cũng như đánh giá cơ hội nắm quyền của chính mình. Sau đó Thái tới thăm Diệm tại Tu viện Marknoll ở Lakewood, New Jersey, và sắp xếp để Diệm có một buổi thỉnh giảng tại Chương trình Đông Nam Á thuộc Đại học Cornell. Khi Diệm trở về Sài Gòn vào năm 1954, ông đánh một bức điện tới Đại học bang Michigan mời Thái về Việt Nam để giúp xây dựng một miền Nam độc lập. Thái nhanh chóng trở thành chủ bút và tổng biên tập của tờ *Thời báo Việt Nam* (*), và vào tháng 5 năm 1957, Diệm bổ nhiệm ông làm Tổng giám đốc *Việt Tấn xã* .

(*) Times of Vietnam là tờ báo tiếng Anh được coi là cơ quan ngôn luận chính thức của chính quyền Ngô Đình Diệm. Trong cuộc đảo chính lật đổ ông Diệm vào tháng 11 năm 1963, trụ sở tờ báo này bị đốt cháy và tờ báo chấm dứt tồn tại.

Ở vị trí này, Thái nắm được nhiều bí mật của chính quyền Diệm. “Gần như mỗi ngày, Tổng thống đều trực tiếp yêu cầu tôi theo sát các thông tin đặc biệt và sau đó ‘chế biến’ theo cách này hoặc cách khác vì những lý do chính trị đặc biệt. Thông tin là quyền lực, và nó phải được sử dụng để phục vụ những người độc quyền về thông tin”. Một trong những người tìm cách kiểm soát thông tin là bác sĩ Tuyền. “Không hiếm khi tôi nghe Tuyền nói rằng một phiên tòa chính trị quan trọng nào đó sẽ được tòa án tại Sài Gòn xét xử và tuyên mức án nào hoặc là một sự kiện nào đó sẽ xảy ra trong một ngày cụ thể nào đó (chẳng hạn xảy ra biểu tình hoặc lục soát trụ sở một tờ báo đối lập hoặc một cuộc bầu cử) và sẽ là ‘thích hợp’ để *Việt Tấn xã* đăng tải những thông tin liên quan theo chiều hướng này hoặc chiều hướng khác, nhằm phục vụ cho lợi ích của chính quyền Diệm”, Thái nhớ lại.(4)

Trần Kim Tuyến muốn Ấn làm việc cho *Việt Tấn xã* để ông ta có thể kiểm soát Nguyễn Thái, nhưng Nguyễn Thái cũng muốn Ấn làm việc cho mình: “Ông ấy là nhân viên đầu tiên của *Việt Tấn xã* được đào tạo báo chí tại Mỹ và thông thạo tiếng Anh. Bên cạnh đó, tôi cần một phóng viên có thể phụ trách mảng tin tức văn phòng tổng thống và đây là một nhiệm vụ rất nhạy cảm. Tôi cũng nhận thấy Ấn rất thạo tin và có quan hệ rộng”, ông Thái kể. “Dường như ông ta quen tất cả các nhân vật quan trọng tại Nam Việt Nam, nhưng chẳng bao giờ khoe khoang về điều đó. Khiếu hài hước và đầu óc dí dỏm khiến cho ông ta rất dễ mến. Ấn là bồ ruột của cánh nhà báo quốc tế tại Sài Gòn, những người cũng đánh giá rất cao ông ta và luôn sẵn sàng coi Ấn là một người Nam Việt Nam vĩ đại. Nhưng rồi ông ta không ở lại lâu bởi có những đề nghị hấp dẫn hơn từ các hãng thông tấn và tờ báo nước ngoài. Tất cả họ đều đánh giá cao kiến thức bách khoa của ông ta về chính trị Việt Nam và các mối quan hệ rộng rãi trong nước”.

Thời gian làm việc cho *Việt Tấn xã*, Ấn đã thể hiện một “phong cách chuyên nghiệp” mà theo ông đã trở thành đặc điểm xuyên suốt toàn bộ sự nghiệp của ông. Bác sĩ Tuyến có kế hoạch sử dụng *Việt Tấn xã* làm vỏ bọc cho các điệp viên của ông ta xuất ngoại. Ông ta chỉ đạo cho Thái huấn luyện những điệp viên này một vài kỹ năng báo chí trước khi cử họ đi New Delhi, Djakarta và Cairo để làm gián điệp. Thái phản đối kịch liệt nhưng Tuyến bảo rằng đây là mệnh lệnh của Nhu nên Thái chẳng còn lựa chọn nào khác. Thái quyết định cử Ấn phụ trách công tác đào tạo cho điệp viên của Tuyến. Lựa chọn này không chỉ bởi Ấn tốt nghiệp trường báo chí, mà ông còn là người có quan hệ tốt với Tuyến.

Khi thấy mấy nhân viên của Tuyến học tập không nghiêm túc, Ấn đã tới gặp trực tiếp Tuyến:

“Ông xem đây. Tôi sẽ không huấn luyện họ nữa trừ khi ông chỉ cho họ thấy tầm quan trọng của việc tạo ra vỏ bọc, bởi vì họ sẽ bị bắt ngay nếu không học nghề này cho đàng hoàng,” sau này Ấn nhớ lại. “Họ cần phải

chú ý chi tiết, biết cách thức nộp một bài viết, phỏng vấn và phát triển nguồn tin. Nếu họ không học nghề này, họ sẽ bị bắt và lúc đó thì ông cũng mệt đấy”. Những điệp viên kia lập tức quay trở lại *Việt Tấn xã* theo mệnh lệnh của Tuyền là phải tham gia chương trình huấn luyện báo chí một cách nghiêm túc. Thế là Phạm Xuân Ẩn, bản thân vốn là điệp viên Cộng sản, giờ lại đang huấn luyện cách thức tạo vỏ bọc cho các điệp viên chống Cộng của bác sĩ Tuyền. Tại Việt Nam, đây là chuyện vô tiền khoáng hậu.

Như Thái dự đoán, Ẩn không ở lại *Việt Tấn xã* lâu, mà chuyển tới hãng tin Anh Reuters, cộng tác với phóng viên người Úc Peter Smark, người có văn phòng làm việc đặt ngay trong khu tổng hành dinh của *Việt Tấn xã*. “Peter Smark thực sự hiểu Việt Nam. Ông cần đọc các bài báo của ông ấy”, Ẩn nói, với chất giọng gợi ý rằng chúng tôi sẽ có nhiều chuyện để thảo luận sau khi tôi tìm đọc thêm tài liệu. Buổi tối hôm đó tôi vào mạng để tìm kiếm các bài viết của Smark và đã bắt gặp bài “Chết và nôn mửa: Ý nghĩa thực sự của chiến tranh”(5) được viết năm 1990, nhưng nhắc lại những trải nghiệm của ông ta tại Việt Nam vào năm 1961. Bài viết giúp tôi thấy rõ vì sao Ẩn muốn tôi tìm hiểu thêm về Smark: “Chúng tôi đi xuyên qua, những cánh đồng xanh đến ngôi làng kế bên Mỹ Tho. Trên bờ ruộng lúa, những cây dừa đung đưa theo gió. Dưới ánh mặt trời như thiêu đốt giữa trưa, ba bé gái nói líu ríu như dế kêu và lấy tay che miệng cười khi thấy những gã đàn ông ngoại quốc nặng nề và vụng về đang xông vào thế giới của chúng. Năm chông chơ như rác trên đất bùn là những xác người. Tôi vẫn còn nhớ và sẽ không bao giờ quên được con số xác chết, 82. Trận đánh xảy ra vào ngày hôm trước và bây giờ lũ ruồi đã bu đầy. Tôi đã lường trước cảnh máu me, màu xám khủng khiếp của những xác chết lòi ruột, và mùi hôi thối. Tuy nhiên, tôi đã không hề tính tới tình huống đụng đầu với lũ ruồi. Không rõ tại sao tôi chưa từng nghĩ về ruồi nhặng. Hoặc chuột. Và thế là, ở tuổi 24, tôi đã khám phá ra chiến tranh thực sự là cái gì. Khi tôi nôn mửa và mồ hôi vã ra như tắm trong cái ngày ấy vào năm 1961, những ý nghĩ chẳng ăn nhập gì với nhau đột nhiên cuộn xoáy trong đầu tôi...”, Smark viết.

Khi trở lại nhà Ẩn vào ngày hôm sau, tôi đã đưa cho ông bài báo nọ. “Tôi đã nói chuyện với ông ấy khi ông ấy trở về từ Mỹ Tho. Ông ấy đã biết

những gì mà chiến tranh đang gây ra cho đất nước này và bắt đầu quan tâm tới chương trình chống quân nổi dậy mới được triển khai. Ông ấy là một trong những người đầu tiên nhận ra rằng chiến tranh sẽ có quy mô lớn. Rồi chúng tôi trở thành bạn thân, ông ấy đã đến dự đám cưới của tôi. Và tôi đã cung cấp cho ông ấy nhiều thông tin quan trọng”, Ấn nói.

Như vậy, trong vòng một năm sau khi từ Mỹ trở về, Ấn đã kết thân với bác sĩ Trần Kim Tuyền, làm nhân viên trong khu vực văn phòng tổng thống, trở thành bạn của Nguyễn Thái tại *Việt Tấn xã*, rồi chuyển tới làm việc cho Reuters. Nick Turner, phóng viên người New Zealand đã thay thế Smark làm trưởng văn phòng Reuters vào tháng 5 năm 1962, về sau đã viết: “Một trong những lợi thế nữa mà tôi có được đó là người trợ lý Việt của tôi, ông Phạm Xuân Ấn. Tất cả chúng tôi đều phải dựa dẫm rất nhiều vào các trợ lý người Việt, họ làm biên dịch, thông dịch về tình hình chính trị Việt Nam cũng như những diễn tiến của cuộc chiến quân sự. Người trợ lý của tôi được đánh giá là xuất sắc nhất Sài Gòn, rất thạo tin và sắc sảo. Ông ta là sĩ quan tình báo của tôi. Sau này thì người ta mới biết được ông ta cũng là sĩ quan tình báo của Việt Cộng, với cấp hàm đại tá. Làm việc cho Reuters tạo cho ông ta một vỏ bọc hoàn hảo để đi lại lấy thông tin. (6)

Trên thực tế, nhiệm vụ của ông với tư cách là một điệp viên chiến lược khi ấy mới sắp sửa bắt đầu. Ông sẽ sử dụng tất cả những mối quan hệ với các nhân vật chống Cộng nổi trội cũng như tất cả các kỹ năng xã hội từng học được tại Trường Orange Coast để có thể tiếp cận được các tài liệu, các buổi thông báo tin tức qua đó nắm được chìa khóa để đối phó với chiến thuật mới của Mỹ tại Việt Nam.

VIỆT NAM KHÔNG HỀ CÓ TRƯỜNG đào tạo tình báo, và điều trở trêu là, hành trang bước vào lĩnh vực tình báo của ông Ấn lại được tích lũy từ một cuốn sách xuất bản năm 1963, *Mổ xẻ nghề tình báo: Điệp viên và kỹ thuật của điệp viên từ Roma cổ đại đến sự kiện U-2*, mà Ấn cho biết là ông được phóng viên trẻ David Halberstam làm việc tại Sài Gòn tặng để Ấn trau

đòi kỹ năng viết phóng sự.(7) Ẩn lòi cuốn sách ấy từ thư phòng nhà ông và chỉ cho tôi những phần quan trọng, đầu tiên là điệp viên huyền thoại Richard Sorge của Liên Xô, phóng viên chính thức của bốn tờ báo trong thời gian làm việc dưới vỏ bọc tại Nhật Bản từ năm 1933 tới 1942. vỏ bọc của Sorge giúp ông có thể vào Đại sứ quán Đức, nơi ông tạo dựng được những mối quan hệ đầy giá trị với nhiều đời đại sứ liên tiếp và những người này đã trở thành nguồn tin quan trọng của ông. “Điều đó rất quan trọng”, Ẩn nói với tôi. “Nhưng còn quan trọng hơn đó là Sorge đã sơ suất, bị bắt và rồi bị người Nhật treo cổ. Đó là kết cục mà tôi luôn sợ mình sẽ gặp phải”. Vào ngày 5 tháng 11 năm 1964, Richard Sorge đã được truy tặng danh hiệu Anh hùng Liên Xô.

“Nghề tôi có hai cái kị”, Ẩn nói với người Việt Nam viết hồi ký cho ông. “Nếu bị bắt, không ưỡn được (nếu trốn được thì tốt), nhưng nếu không sống được thì phải kể là chết. Cái cần giữ không phải xác anh. Xác anh kể là chết, nhưng không được tiết lộ nguồn tin. Không khai báo đã đành, ngay khi những gì địch đã biết, anh có thể nhận, nhưng tuyệt đối phải bảo vệ người cung cấp tin. Thứ hai là cái gì lấy được rồi, giấu tuyệt đối”. (8)

Cuốn sách của Ẩn chứa đầy những ký hiệu đánh dấu các đoạn văn viết về việc gặp gỡ với liên lạc viên tình báo. “Vì lý do an ninh, các cuộc gặp nên diễn ra nơi công cộng có khá đông người. Hai người mà hẹn gặp ở những nơi ít người qua lại thì dễ bị theo dõi, và nếu một người bị hại thì người kia cũng tự động lâm nguy. Ở những nơi đông đúc - trong quán rượu, nhà hát, địa điểm thi đấu thể thao, nhà ga chính - hai bên có thể dễ dàng liên lạc mà không gây chú ý. Thông tin có thể được trao đổi hai chiều theo nhiều cách mà cả hai người chẳng cần nói chuyện với nhau”. (9) Một phần khác nói về loại mực mất dấu và các kỹ thuật nguy trang.

Ẩn chọn cách giấu các cuộn phim bên trong các miếng chả trứng cuộn hoặc nem chua (thịt sống được gói trong lá chuối), nhưng các điệp viên khác thì chọn phương cách khác. “Đối với tài liệu viết bằng nước trà trên

những tờ giấy dầu màu vàng thì dùng những tờ giấy đó... gói đồ, hoặc dán lại thành cái túi đựng đồ. Còn phim thì làm theo hai cách. Một là mua một đôi dép cao su xộp, lột lớp phía trên ra, rồi lấy dao cắt rỗng miếng xộp trong đế dép, phim cắt ra từng khúc nhét vào đó rồi dán lại”, con trai ông Ba Quốc kể. “Một chiếc dép chứa được một phần tư cuộn phim, một đôi được nửa cuộn; nửa cuộn còn lại cũng cắt ra, cuộn nhỏ lại, nhét vào đồ chơi trẻ em. Tất cả đựng vào cái túi bằng giấy dầu màu vàng nói trên, cả vỏ cả ruột đều là tài liệu, ông đem cái túi đó để vào cốp xe Vespa rồi mang đi gặp giao liên nội đô”. (10)

Nỗi nguy hiểm thường gặp của các điệp viên là liên lạc viên có thể bị bắt giữ cùng tài liệu, sau đó được đưa tới Trung tâm Khai thác Tài liệu Hồn hợp (CDEC), nơi đây một người phiên dịch thạo nghề sẽ truy tìm nguồn gốc. “Tài liệu không chỉ là tin tức mật, tài liệu chính là điệp viên. Mất tài liệu tức là mất điệp viên. (11) Trước tháng 10 năm 1965, công tác phân tích tài liệu (gọi là “khai thác”) được giao chủ yếu cho quân đội Việt Nam Cộng hòa. Ấn nhớ có lần một đầu mối bên trong tổ chức này cho ông xem một tài liệu thu giữ được từ kẻ thù, trong đó có bản tóm tắt báo cáo do chính ông soạn về kế hoạch truy quét du kích quân do Quân lực Việt Nam Cộng hòa thực hiện. “Tôi đã nổi xung và vào rừng để nói với họ khi tóm tắt báo cáo nên cẩn thận, đặc biệt đây là những thứ tôi viết hồi năm 1961 và tôi biết rõ là của mình; tài liệu cũ nhưng có thể truy nguồn được”.

Ấn luôn ví mình như một con sói cô đơn bởi không có một ai giám sát các hoạt động hằng ngày của ông. Ấn chính là trường hợp mà trong ngành tình báo Mỹ gọi là điệp viên đơn độc hoạt động trong vùng cấm.(12) Do hoàn cảnh quá nguy hiểm nên việc tiếp xúc trực tiếp bị cấm; mọi bước đi đều do Ấn tự nghĩ ra. Ông có một loạt cấp trên trực tiếp, đầu tiên là Mười Hương. (13) Nếu Trung ương cục miền Nam cần gì đấy đặc biệt, Ấn sẽ nhận được yêu cầu thông qua mật thư của bà Ba hoặc bà này có thể gây chú ý cho Ấn lúc ông đưa con đến trường.

“Tôi là nhà tình báo chiến lược, không phải tình báo chính trị, vốn thường chuyên về các hoạt động như tổ chức các nhóm đảo chính hoặc thực hiện các hoạt động gián điệp chính trị”, Ấn thường nhấn mạnh. “Tôi là học

trò của Sherman Kent, công việc của tôi là giải thích và phân tích thông tin”. Kent đã viết một trong những cuốn sách đầu tiên của mình để hệ thống hóa lại chủ đề phân tích thông tin tình báo, cuốn sách nhan đề *Tình báo chiến lược phục vụ chính sách toàn cầu của Mỹ* .(14) Ấn biết được thông tin về Kent thông qua Lansdale cũng như từ các đồng nghiệp ở CIO khi họ vừa tu nghiệp ở Mỹ về theo các chương trình mà sách của Kent là tài liệu huấn luyện chính.

Sau chuyến thăm lịch sử của Richard Nixon tới Trung Quốc vào tháng 2 năm 1972, cách thức làm việc của Ấn đã có sự thay đổi quan trọng. “Tôi buộc phải thay đổi mọi thứ sau chuyến thăm của Nixon bởi có rất nhiều gián điệp Trung Quốc hoạt động tại Việt Nam. Mọi việc đều rất nguy hiểm, ngoại trừ báo cáo, vì thế tôi phải dành nhiều thời gian hơn để đọc và phân tích tài liệu sau đó ngồi gõ những bản báo cáo dài. Chỉ có một lần vào năm 1974 là tôi có làm một chuyện ngoại lệ, nhưng lúc đó thì người Mỹ rút rồi. Tôi nói với cấp trên rằng tôi là người phân tích, nếu họ muốn lấy tài liệu thì các điệp viên sẽ làm; họ có rất nhiều phương cách để có tài liệu nhưng không phải lấy từ tôi nữa. Mang tài liệu về nhà rồi sau đó đem trả lại rất dễ bị tóm”.

Ấn cho tôi biết rằng cuốn *Mổ xẻ nghề tình báo* đã giúp ông chuẩn bị một cuộc sống đơn độc, cho thấy tầm quan trọng của tự chủ và tinh thần kỷ luật: “Điệp viên là người cô đơn. Tính chất hoạt động không cho phép anh ta tiết lộ thân phận, bởi làm thế thì anh ta có thể gián tiếp tiết lộ ý đồ của mình... Anh ta phải hoàn toàn kiểm soát bản thân mình cũng như đặt các bản năng và phản ứng của mình theo một nguyên tắc nghiêm ngặt.(15)

Cuốn sách cũng gieo rắc nỗi sợ, một cảm giác đeo đuổi rằng bất cứ lúc nào sứ mệnh của ông cũng có thể kết thúc và tính mệnh của ông cáo chung: “Thời chiến cũng như thời bình - đặc biệt là trong chiến tranh - anh ta phải cảnh giác với kẻ thù. Mọi bàn tay đều chống lại anh ta; một khoảnh khắc bộc lộ bản thân cũng đủ để khiến anh ta bị tấn công. Điệp viên biết điều đó. Ngay từ đầu anh ta ý thức được đòn thù mà kẻ địch sẽ tung ra một khi họ

bắt được anh ta. Mỗi nguy đến tính mạng, thậm chí nếu không mất mạng (trong trường hợp những người bắt giữ muốn tra tấn để khai thác thông tin), thì mỗi nguy bị cắt tay chân là điều mà mỗi điệp viên phải tiên lượng”.

“Điệp viên may mắn là điệp viên không bị bắt” là cách mà Ấn luôn nói về bản thân. Ấn có nhiều phen thoát hiểm trong gang tấc, nhưng ông đặc biệt nhớ hai lần. Lần thứ nhất là trong giai đoạn đầu sự nghiệp khi ông vừa ở Mỹ về và đang làm việc cho bác sĩ Tuyến. Lúc bấy giờ, Minh Cồ đang là trung tá của Sư đoàn 3 Quân lực Việt Nam Cộng hòa và Ấn giới thiệu một nữ quân nhân (WAC) vào làm việc trong văn phòng của Tuyến. Ấn không hề biết cô này đã bí mật làm việc cho Mặt trận ở ngay trong văn phòng của Minh Cồ, và giờ đây, với sự tiến cử của Ấn, cô ta vào làm cho Tuyến. Bên quân báo hỏi Tuyến ai đã tiến cử cô này. Khi bị chất vấn, Ấn lập tức đáp, “Làm sao tôi biết con nhỏ là Việt Cộng? Tôi chưa vợ, mà con nhỏ thì đẹp và lại biết đánh máy nên tôi giới thiệu. Tôi chả biết gì ngoài chuyện đó”. Ấn ngưng câu chuyện ở đấy và lật sang trang 30 cuốn *Mổ xẻ nghề tình báo*, “hành động và ứng khẩu mau lẹ, hai phẩm chất gần như song hành trong nghề, có thể giúp anh ta thoát hiểm”. Với vẻ hài lòng, Ấn châm thêm trà và nói, “ông thấy đấy, trong nghề của tôi thì chẳng có gì là quá nhỏ nhặt, không đáng để phân tích và ứng dụng. Hy vọng ông cũng sẽ viết theo cách như thế”.

Ấn còn có một vụ thoát hiểm khác, trong đó nhờ nhanh trí ông đã kiểm soát được một tình huống có thể dẫn tới thảm họa. Sau khi các con đã đi ngủ, và với chú chó béc giê Đức cùng người vợ đứng canh, Ấn thường chuẩn bị báo cáo và phim để chuyển cho bà Ba. Một buổi sáng nọ, Ấn nghe cô con gái của mình kể với anh trai rằng hồi đêm tỉnh giấc, cô bé thấy cha mình viết bằng một loại mực đặc biệt, cứ viết xong là chữ biến mất. Ấn thất kinh. Ông đã không hay biết cô bé đến bên cạnh, còn vợ ông đã đi ngủ, con chó thì thấy người quen nên chẳng sủa.

Ấn sợ con gái sẽ đến lớp kể với bạn bè về loại mực đặc biệt này. Thế nên ông nghĩ ra một trò để đánh lừa cô bé. Tối hôm đó, ông đặt một ngọn đèn sáng ngay trước mặt cô bé. Rồi ông bảo cô bé nhìn vào tờ giấy mà ông vừa viết bằng mực thông thường. Tất nhiên là trong vài phút đầu cô bé

chẳng thấy gì cả do mắt còn bị chói sáng, rồi thì sau đó cô mới thấy mực. “Con nè, đây là nguyên nhân khiến tối qua con thức giấc và thấy ba viết nhưng không thấy chữ. Con đi từ trong tối ra chỗ sáng và tưởng là tờ giấy không có chữ. Lúc đó con bị hoa mắt nên mới như vậy, và do mệt quá nên sau đó con quên hết”. Thế là từ đó cô bé không còn nhắc tới loại mực đặc biệt nữa. Con trai của Ấn là Hoàng Ân sau này kể với tôi rằng cậu ta thường tỉnh ngủ và thấy cha làm việc rất khuya nhưng không hề suy nghĩ gì về chuyện đó.

Ấn luôn nhấn mạnh vai trò của vận may trong nghề tình báo. Ông thường đi xem bói và nếu thấy phán hôm đó là ngày xấu thì ông không ra ngoài. Ấn thậm chí còn coi số xe của mình “NBC 253” là số xui vì đó là số bù, con số rất xấu theo quan niệm tướng số của người Việt Nam. “Tôi nhớ lúc bà Nhu cấm đánh bạc, chúng tôi thường ngồi ở góc đường và cá độ biến số mấy chiếc xe chạy qua. Không ai muốn ngồi gần xe tôi vì đấy là số xui”.

Vai trò của vận may có lẽ được minh họa rõ nhất trong câu chuyện của Ba Quốc, với tên gọi và chức danh trong hồ sơ của đảng là Thiếu tướng Đặng Trần Đức. Làm việc cho lưới tình báo H.67 dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương cục miền Nam, Ba Quốc hoạt động hơn hai mươi năm tại miền Nam Việt Nam, nhưng không giống Ấn, cuối cùng Ba Quốc đã bị lộ tẩy. “Chuyện của ông ấy cho thấy tôi rất may mắn cũng như cho thấy mạng sống của tất cả chúng tôi hồi đó nguy hiểm như thế nào”, Ấn nói.

Ba Quốc bị lộ rất tình cờ. Ông vừa gặp liên lạc viên lâu năm của mình là Bảy Anh (người làm việc cho riêng Ba Quốc từ năm 1966 tới 1974) tại một khu chợ và chuyển mấy chục cuộn phim, nhưng hôm đó Bảy Anh đã chuyển phim cho một nữ liên lạc viên trẻ để mang lên Củ Chi. Không may cho cô gái là cảnh sát đã dừng xe để kiểm một người nào đó, nhưng họ đã quyết định bắt hết tất cả để đảm bảo rằng không để lọt thành viên Việt Cộng

nào trên xe. Thế là cảnh sát tìm thấy tài liệu trong túi xách của cô gái, và sau vài ngày điều tra, họ lần ra được Ba Quốc, nhưng ông ta đã nhanh chóng trốn vào rừng trước khi cảnh sát kịp tới gõ cửa. “Chỉ là tình cờ thôi. Và tôi luôn sợ những kiểu tình cờ như vậy”, Ấn thổ lộ. “Biết đâu một liên lạc viên bị bắt và rồi đến một ngày tôi bị lộ, họ sẽ đến tìm tôi tại tờ *Time*, hoặc xấu hơn nữa, họ tìm gặp tôi ở những chỗ mà không ai thấy, tôi có thể bị tra tấn trước lúc bị giết”.

Khi thực hiện các bài viết cho *Time*, Ấn chủ yếu dựa vào tài liệu mà các phóng viên khác có được - đó là tài liệu thu giữ của đối phương, bài của hãng thông tấn, bài viết trên các báo, thêm vào đó là các nguồn tin cấp cao của ông. Điều này có nghĩa là ông không sử dụng mọi thứ có được để phục vụ các bài viết cho tờ *Time*. Mặt khác, là một điệp viên chiến lược, Ấn dựa vào các tài liệu lấy được nhờ vào đầu mối bên trong các cơ quan như CIO, Quân lực Việt Nam Cộng hòa, Quốc hội và các đầu mối trong cộng đồng tình báo Mỹ, Pháp và Trung Quốc. “Tôi sử dụng các tài liệu do đầu mối ở CIO cung cấp để viết báo cáo gửi vào rừng”, Ấn giải thích cho tôi. “Nguy cơ sơ suất và bị bắt là rất lớn, thế nên tôi phải tính toán để đảm bảo rằng không sử dụng hiểu biết thực sự của mình vào việc viết báo”.

Làm phóng viên giúp nâng cao tay nghề cho Ấn trong lĩnh vực tình báo chiến lược bởi vì một phần việc của phóng viên giỏi là trích xuất những sự thật từ bên trong các tin đồn. Ông thấy có rất nhiều điểm tương đồng giữa hai nghề. “Khác biệt duy nhất là ai sẽ đọc bài viết của bạn”, ông nói. Trong cuốn *Mổ xẻ nghề tình báo*, ông đã gạch chân đoạn “hoạt động tình báo thành công khi biết chấp nổi các mâu thuẫn tin nhỏ bé, mà bản thân chúng có vẻ chẳng có gì quan trọng cả, nhưng khi xếp hàng chục mâu thuẫn cạnh nhau, chúng sẽ tạo nên một bức tranh để từ đó các cấp chỉ huy có thể lên kế hoạch”. Các đoạn đề cập đến việc tạo vỏ bọc cũng được gạch chân rất đậm: “Thực ra, cái công việc vỏ bọc mà điệp viên chọn cũng quan trọng không kém câu chuyện vỏ bọc của anh ta. Một cách lý tưởng thì nó sẽ giúp anh ta

tiếp xúc trực tiếp với nguồn thông tin mà anh ta tìm kiếm; nhưng nếu điều này không thể, thì nó sẽ cung cấp cho anh ta thời gian và cơ hội để thực hiện việc tiếp xúc gián tiếp”. Điều này cho thấy tại sao Ấn cho rằng các điệp viên của bác sĩ Trần Kim Tuyến cần phải coi trọng việc tạo vỏ bọc: “Nếu anh coi vỏ bọc chỉ là một nghề giả, một nghề mà anh không thực sự thông thạo, một công việc mà anh không thực sự làm, thì anh sẽ chết, bởi như vậy anh, chẳng có vỏ bọc nào cả”.

Ấn không chỉ giỏi kỹ năng phân tích dữ liệu; ông còn rất giỏi về tổng hợp sách, như cuốn *Chiến tranh Hiện đại: Một cách nhìn của Pháp về chống quân nổi dậy* (Modern Warfare: A French View of Counterinsurgency, 1961), cuốn sổ tay hướng dẫn cách đối phó với các chiến thuật lật đổ chính quyền mà quân cách mạng áp dụng. Ông cũng thường xuyên tham khảo bản xuất bản năm 1940 của cuốn *Cội rễ của chiến lược: 5 bài học quân sự kinh điển vĩ đại nhất mọi thời đại* (Roots of Strategy: The 5 Greatest Military Classics of All Times) do Chuẩn tướng T. R. Phillips soạn. Bộ sưu tập những tài liệu quân sự kinh điển có ảnh hưởng lớn nhất trước thế kỷ 19 còn có *Binh pháp của Tôn Tử*; *Thiết chế quân sự của người La Mã* (The Military Institutions of the Romans) của Vegetius; *Mộng tưởng của tôi về nghệ thuật chiến tranh* (My Reveries upon the Art of War) của Đại thống chế Maurice de Saxe; *Chỉ thị của Frederick Đại đế dành cho các tướng của ông ta* (The Instruction of Frederick the Great for His Generals); và *Châm ngôn quân sự của Napoleon* (The Military Maxims of Napoleon).

Lấy cuốn sách nhàu nát từ trên kệ ở thư phòng, Ấn hướng sự chú ý của tôi tới các sách của Tôn Tử và Maurice de Saxe. Mở một mục trong cuốn của Tôn Tử, Ấn bảo tôi đọc đoạn văn sau đây: “Ta nguyện trang thật khéo khiến địch không tìm ra tung tích thì dù gián điệp có vào sâu trong đội hình cũng không biết rõ được quân ta, kẻ địch khôn ngoan mấy cũng chẳng biết cách đối phó với quân ta. Căn cứ vào sự thay đổi tình hình của địch mà vận dụng linh hoạt chiến thuật, dù có bày sẵn thắng lợi trước mắt chúng cũng

không nhận ra sự ảo diệu của nó. Người ngoài chỉ biết ta dùng phương kế thắng địch chứ không biết ta đã vận dụng phương kế đó thế nào... Dựa vào biến đổi của địch mà chiến thắng thì gọi là dụng binh như thần vậy”. (17)

Trước khi Mỹ tăng cường lực lượng ở khu vực xung quanh Củ Chi, Ân thường tới căn cứ của Việt Cộng để thảo luận về các báo cáo của ông và nhận nhiệm vụ mới. Ân thực hiện các chuyến đi này theo một cách rất lạ. Ông để ria mép và tóc khá dài nhằm che giấu diện mạo cũng như tạo vỏ bọc cho sự vắng mặt của mình. Ông nói với các đồng nghiệp ở Time rằng “giáo sư tình dục học sẽ đi nghỉ ba ngày ở Huế, nơi có nhiều gái đẹp mê vẻ ngoài nghệ sĩ và phong cách lập dị.

“Chuyện để ria mép là tôi học được từ CIO, không phải kỹ thuật để ria mà là nghiệp vụ phát hiện Việt Cộng”, Ân giải thích. “CIO thường tới Củ Chi dò hỏi người dân xem họ có thấy người lạ nào tới đây không. Nếu người ta thấy tôi rồi miêu tả lại cho CIO thì họ cũng không nhận ra, vì nhân viên CIO khi đó sẽ ghi chú là có một người lạ để ria mép. Trên đó không ai biết tên tôi, nên họ chỉ miêu tả hình dáng”. Điều gì sẽ xảy ra nếu ai đó ở Sài Gòn nhớ ra rằng ông đã để ria mép, tôi hỏi. Ông cười lớn và nói rằng đến lúc thông tin đó được chuyển xuống Sài Gòn cho CIO và họ đi tìm một ai đó phù hợp với miêu tả, thì ông có thể đã từ Huế về lâu rồi và chẳng ai nghi ngờ chuyện này cả, nhưng nếu thực sự họ nhớ ra chuyện để ria, thì ông có thể đáp: “Các ông nói gì thế? Tôi không có ria mép. Nhìn xem này, có đâu? Tôi ra Huế để kiếm gái đẹp, chứ đâu có lên Củ Chi tìm Việt Cộng. Rồi tôi có thể bảo họ tới hỏi ông Nguyễn Cao Kỳ xem - ông ta cũng để ria mép đấy, có lẽ ông ta đã tới Củ Chi!” Chứng cứ ngoại phạm này ông chưa bao giờ phải dùng tới.

Tôi hỏi điều gì sẽ xảy ra nếu nhân viên CIO phát hiện ông ở Củ Chi, Ân đáp, “Vậy thì tôi chết chắc”. Khi tôi đọc tài liệu miêu tả Ân của William Prochnau, tôi đã thấy rõ tính hiệu quả của vỏ bọc mà Ân tạo ra. “Ân có thể tinh giản các thủ tục, xử lý nhanh thông tin để có thể vừa nói chuyện thi ca và triết học vừa hoàn tất bài báo đúng hạn. Có một trợ tá người Việt là rất quan trọng, và Ân là trợ tá xuất sắc nhất, ngay cả khi Ân biến mất một vài ngày thì ai cũng nghĩ rằng ông này đang có cuộc tình vụng trộm ở đâu đó”.

(18) Điều vẫn còn bí ẩn đối với tôi là trong khi rất nhiều người biết được những lần biến mất có tính chu kỳ của Ẩn thì bằng cách nào mà ông lại không bao giờ bị cảnh sát hay lực lượng an ninh, vốn luôn sục tìm những người như ông, bắt gặp. Có lẽ là ông cực kỳ may mắn hoặc câu chuyện vỏ bọc của Ẩn như là một người huấn luyện chó, dân chơi chim quý, hay thậm chí là một gã đào hoa lãng tử cũng đủ để thuyết phục mọi người không dõi theo hành tung của ông.

HOẠT ĐỘNG NỔI DẬY Ở MIỀN NAM gia tăng mãnh liệt. Vào nửa cuối năm 1959, mỗi tháng trung bình có hơn một trăm vụ tấn công do các đơn vị du kích nhỏ thực hiện nhằm vào trạm kiểm soát và tháp canh của chính quyền.(19) Số vụ ám sát quan chức chính phủ, cảnh sát và chức sắc làng xã tăng hơn gấp đôi. Số vụ bắt cóc cao kỷ lục. Tại nhiều khu vực ở Đồng bằng sông Mê Kông và Cao nguyên Trung phần, nhiều cuộc “đồng khởi” đã nổ ra tại những làng xã không được kiểm soát. Bạo động và biểu tình lớn do Việt Công tổ chức lan rộng và thường châm ngòi cho các cuộc đàn áp khốc liệt của chính phủ.(20) Một “Báo cáo tình báo đặc biệt”(*) vào tháng 8 năm 1960 đưa ra nhận xét cho rằng đợt bùng nổ này “cho thấy sự gia tăng tâm lý bất bình đối với chính phủ của Diệm”.(21)

(*) Do Ban thẩm định tài liệu tình báo quốc gia Mỹ (Board of National Estimates) thực hiện.

Quân lực Việt Nam Cộng hòa không được chuẩn bị tốt để đối phó với đợt bùng nổ các hoạt động du kích này. Từ năm 1954 đến 1960, hai người đứng đầu của MAAG, tướng John W. “Iron Mike” O’Daniel và Trung tướng Samuel T. “Hanging Sam” Williams, chủ yếu tập trung vào việc ngăn chặn

các cuộc tấn công chính quy từ bên kia vĩ tuyến 17 và không bao giờ cho rằng các cuộc nổi dậy nội tại có thể đe dọa ổn định ở miền Nam Việt Nam. Bộ binh cơ động nhẹ của Việt Nam Cộng hòa đã được tổ chức lại thành các sư đoàn bộ binh để tương thích với nhiệm vụ và cơ cấu của các kế hoạch quốc phòng Mỹ. Quân lực Việt Nam Cộng hòa được trang bị các phương tiện cơ bản của lục quân, và các cố vấn Mỹ huấn luyện cho họ kỹ năng về chiến tranh chính quy, xuất phát từ lo ngại về viễn cảnh Quân đội Nhân dân Việt Nam sẽ tổ chức một cuộc tấn công như họ đã từng thực hiện để đánh bại người Pháp vào năm 1954 hoặc cuộc tấn công của Bắc Triều Tiên xuống Nam Triều Tiên vào năm 1950.(22)

Tổng thống Eisenhower đã chỉ đạo xây dựng một kế hoạch chống nổi dậy toàn diện. Tháng 8 năm 1960, Trung tướng Lionel C. McGarr thay tướng Williams lãnh đạo MAAG. McGarr từng là sĩ quan chỉ huy tại Trường Sĩ quan Lục quân Mỹ và là tham mưu trưởng tại căn cứ Fort Leavenworth ở bang Kansas, ông là một trong những sĩ quan được vinh danh nhiều nhất thời bấy giờ, với bảy lần nhận Huân chương Chiến thương(*). Ông coi công tác chống nổi dậy như là “những dạng thức khác thường của chiến tranh đòi hỏi phải phát triển những học thuyết và kỹ thuật đặc biệt”. (23) Tổ chức của ông đã nhanh chóng hoàn tất xây dựng “Kỹ thuật và Chiến thuật dành cho các Chiến dịch chống nổi loạn (CIP)”.(24)

(*) Huân chương trái tim màu tím (Purple Heart) là một danh hiệu của quân đội Mỹ, do tổng thống trao tặng cho những quân nhân bị thương hoặc tử trận khi đang phục vụ quân đội từ sau ngày 5 tháng 4 năm 1917.

Tài liệu triển khai kế hoạch CIP được mang đến Sài Gòn đầu năm 1961.(25) Gần như ngay lập tức, một bản sao của nó được chuyển tới cho

bác sĩ Trần Kim Tuyến, và ông ta đưa cho Ấn với yêu cầu phân tích tài liệu này để ông có thể nắm bắt được toàn bộ chiến lược mới. Tổng tham mưu trưởng quân đội, Tướng Trần Văn Đôn, cũng đưa cho Ấn một bản báo cáo, cùng với các tài liệu bổ trợ như Cẩm nang chiến trường 100-5 mang tên Các chiến dịch, trong đó trình bày ý tưởng và hành động tương ứng của các cố vấn Mỹ cũng như cách mà MAAG hình dung Quân lực Việt Nam Cộng hòa sẽ thực hiện cuộc chiến mới như thế nào. Cẩm nang này được chỉnh lý và bổ sung vào tháng 2 năm 1962, cập nhật những công nghệ chiến tranh mới, như các chiến dịch không vận và chiến tranh phi chính quy. Thêm vào đó, Ấn còn nhận được bản sao của cẩm nang chiến trường 31-15, mang tên Chiến dịch chống lại các lực lượng phi chính quy, xuất bản tháng 5 năm 1961, cung cấp bốn mươi bảy trang gồm chữ viết và sơ đồ về việc xác định mục tiêu và tiêu diệt lực lượng Việt Cộng. Ấn cũng thường liên lạc với những tư lệnh Quân lực Việt Nam Cộng hòa trở về từ khóa huấn luyện đặc biệt về chiến lược chống quân nổi dậy tại Trung tâm Chiến tranh Đặc biệt của Lục quân Mỹ đặt ở căn cứ Fort Bragg.

Chương 4 (tt): BẮT ĐẦU CUỘC SỐNG KÉP

T

rên khoảnh sân bên hông nhà, ông Ấn mở những chiếc tủ đựng tài liệu và lấy ra một chồng trong đồng tài liệu rách nát ấy. “Giờ thì mấy thứ này đã có ở Trung tâm Việt Nam tại Đại học Công nghệ Texas rồi”, Ấn cười lớn. “Sau khi tôi chết thì vợ tôi sẽ vứt hết. Chỉ có chúng ta mới quan tâm tới chúng”. Giám đốc của Trung tâm Việt Nam, ông Jim Reckner, là người bạn của cả hai chúng tôi, và đã giới thiệu chúng tôi với nhau mấy năm về trước. Jim và Lê Khanh, một người bạn khác cũng đang làm việc ở trung tâm, đã làm khách ở nhà Ấn nhiều lần, và tôi biết họ đã đề nghị Ấn xem xét việc chuyển các tài liệu của ông tới Phòng lưu trữ Việt Nam tại Đại học Công nghệ Texas để có thể bảo quản các tài liệu này cho mai sau.

Không có tài liệu nào trong số Ấn cho tôi xem hôm đó hoặc bất cứ ngày nào khác được coi là bảo vật của tình báo hoặc chứa đựng các bí mật quân sự quan trọng, nhưng Cộng sản Việt Nam thời đó hiểu biết rất hạn chế về các chiến thuật đang được phát triển để phục vụ cho một loại hình mới của “chiến tranh đặc biệt”. Sự xuất hiện của trực thăng Mỹ và các trận càn của Quân đội Việt Nam Cộng hòa đã gây ra tổn thất nặng nề cho Việt Cộng. Nhiệm vụ của ông Ấn là phân tích các chiến thuật mới để những nhà lãnh đạo quân sự Cộng sản có thể xây dựng các đối pháp. “Họ tin tưởng tôi nên đưa cho tôi những tài liệu này, kể cả ông Tuyển”, ông Ấn nói. “Vì thế tôi đọc tất cả, nói chuyện với các cố vấn Mỹ và bạn bè tôi vừa đi huấn luyện về, rồi tôi viết báo cáo, chỉ có vậy thôi. Khi mà tôi đã có tài liệu rồi thì mọi chuyện trở nên đơn giản... Tất cả những gì tôi làm là đọc tài liệu của họ, tham dự các buổi họp báo, lắng nghe người ta nói, đưa ra sự phân tích và sau đó gửi báo cáo vào rừng. Tôi không biết điều gì xảy ra tiếp sau đó cho tới mãi nhiều năm về sau”.

Trong giai đoạn 1961 - 1965, ông Ấn đã gửi đi hầu như mọi tài liệu quan trọng liên quan đến kế hoạch quân sự và dân sự phục vụ các chiến dịch ở miền Nam. “Nhiệm vụ cho trận Ấp Bắc là cung cấp thông tin về

chiến thuật”, ông Mai Chí Thọ, người đã huy động tiền để Ấn đi Mỹ học, cho biết, “ông Ấn đã cho chúng tôi biết những chiến thuật mới mà người Mỹ đang triển khai, vì thế chúng tôi đã có thể phát triển phương án đối phó. Những người khác đã xây dựng kế hoạch mới để triển khai các phương án đối phó ấy, và sau đó những người khác nữa chiến đấu anh dũng tại Ấp Bắc, nhưng chính ông Ấn là người cung cấp những tài liệu và báo cáo giúp thực hiện thành công chiến thuật”. Ấn cũng nói với tôi điều tương tự khi chỉ cho tôi bản sao luận thuyết năm 1732 của Saxe: “Phân tích chiến lược cũng đòi hỏi phải am hiểu chiến thuật”. “Nhiệm vụ của tôi trong giai đoạn này là giúp họ hiểu được phương thức mới của Mỹ về chiến tranh đặc biệt để họ triển khai chiến thuật mới. Tôi cung cấp bản phân tích; những người khác quyết định cách đánh và nơi đánh”.

Tổng thống đắc cử John Fitzgerald Kennedy tin rằng Edward Lansdale là một trong số ít người Mỹ đủ khả năng tham mưu cho ông về chiến tranh phi chính quy và vai trò của Mỹ ở Đông Dương.(26) Lansdale đã rời Sài Gòn vào năm 1957, năm mà Ấn đến California, để làm việc tại Văn phòng Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ trong vai trò phó trợ lý bộ trưởng phụ trách các chiến dịch đặc biệt.

Trong giai đoạn chuyển giao ghế tổng thống năm 1961, Kennedy đã chỉ đạo Lansdale tới Việt Nam để đánh giá toàn bộ hoạt động nổi dậy. Có rất nhiều cuộc gặp cấp cao và thị sát chiến trường trong chuyến thăm đó, nhưng Ấn nhớ ông và Lansdale có hai lần gặp. Cuộc gặp đầu ít nghi thức hơn. Họ đã tán gẫu về thời gian hai năm của Ấn ở Mỹ. Sau khi ca tụng vẻ đẹp của vùng duyên hải California, Lansdale hỏi Ấn có cần gì không thì trong chuyến thăm California tới đây ông ta sẽ kiếm giùm, ông Ấn nói nếu tiện thì Lansdale ghé đâu đó trên xa lộ 17 Dặm chạy qua Pacific Grove và Pebble Beach kiếm cho ông vài viên tinh hoàn hải cẩu để ngâm rượu Black & White. Ông Ấn nói với Lansdale rằng thứ rượu này là thuốc cường dương hiệu quả nhất!

Lansdale sau đó đã trở lại tay không, giải thích với Ấn rằng ông không thể tìm ra phương cách nào buộc lũ hải cẩu đứng yên để thực thi cái nhiệm vụ mà Ấn giao.

Cuộc nói chuyện thứ hai của họ nghiêm túc hơn. Lansdale, lúc này đã được biết Ấn làm việc cho bác sĩ Tuyền, rất quan tâm tới đánh giá của Ấn về tình hình nổi dậy. Ông Ấn nói với Lansdale đúng những gì mà ông đã nói với Tuyền. “Tôi không có lý do gì để nói dối với Lansdale về điều này, đặc biệt là tôi biết chắc ông ta sẽ nói chuyện với Tuyền. Tôi cần phải nhất quán và khách quan trong phân tích của mình”, Ấn nói. “Tôi quen Lansdale đã lâu. Ông ấy là bạn tôi, và việc chúng tôi nói với nhau mấy chuyện đó cũng là lẽ thường. Tôi nói với Lansdale điều mà tôi nghĩ, còn ông ấy cũng chia sẻ những nhận định của ông ấy. Lansdale đã cung cấp cho tôi những thông tin quý giá. Ông ấy luôn chỉ vẽ cho tôi và tôi luôn lắng nghe. Lansdale bảo tôi nên đọc cuốn “Tâm lý chiến” của [Paul] Linebarger.(27) Tôi học được từ Lansdale rất nhiều điều về chống nổi dậy, nhiều phương cách chiến đấu chống Cộng và về Sherman Kent”.

Điều mà Lansdale không biết đó là mọi thứ ông Ấn nắm được đều sẽ được gửi ra Hà Nội. “Năm 1962, Hai Trung gửi ra hai mươi bốn cuộn phim của tất cả các kế hoạch liên quan tới chiến lược Chiến tranh Đặc biệt của Mỹ”, Mười Nho, cấp trên trực tiếp của Ấn hồi đó, kể. “Trong đó bao gồm kế hoạch tổng thể của cuộc chiến, các tài liệu về xây dựng lực lượng quân sự, sự hỗ trợ của quân Mỹ, kế hoạch lập ấp chiến lược, kế hoạch tái chiếm vùng giải phóng và kế hoạch củng cố lực lượng ngụy quân bằng trang thiết bị quân sự của Mỹ”. (28)

Ông Mười Nho tự tay rửa phim; và ông run lên khi thấy toàn bộ báo cáo của Staley và Taylor hiện ra trước mặt. “Có cả tỉ đôla cũng không thể

mua được những tài liệu như vậy. Việc hiểu địch đã giúp ta có kế hoạch chủ động đối phó, các đợt càn quét dữ dội của quân ngụy sau đó hầu hết chỉ nhằm vào chỗ trống... Thất bại hoàn toàn trong trận Ấp Bắc đã buộc Mỹ phải chấm dứt theo đuổi kế hoạch chiến tranh đặc biệt và tìm kiếm một chiến lược mới”.(29)

Khi tôi hỏi Mai Chí Thọ rằng ông ta đánh giá đóng góp nào của Phạm Xuân Ẩn là quý giá nhất, ông ta đã khiến tôi ngạc nhiên khi nói, “Ông Ẩn gửi cho chúng tôi mọi thứ về chương trình bình định hóa, ấp chiến lược, nhờ đó mà chúng tôi có thể lập đối pháp để đánh bại họ”. Nhưng ông Ẩn đã không nhận được huân chương nào cho các hoạt động đó, tôi bảo. Ông Thọ cười. “Còn rất nhiều công trạng mà ông Ẩn lập nên xứng đáng được thưởng huân chương nữa, nhưng tôi cho rằng đây là đóng góp quan trọng nhất bởi tầm chiến lược của nó”.

Hơn hai mươi năm sau, Lansdale đã cảm thấy rất khó chấp nhận thực tế rằng ông Ẩn làm việc cho phía bên kia. Năm 1982, Bob Shaplen viết thư cho Lansdale để kể về một bài báo của Stanley Karnow trong đó nhận diện Ẩn là một người có cuộc sống hai mặt. Lansdale hồi đáp, “Tôi không biết điều Karnow nói về Ẩn và Phạm Ngọc Thảo. Nhưng tôi sẽ hoài nghi bất cứ thứ gì ông ta nói về những người Việt này. Tôi tin là ông biết rõ hơn. (30)

Cuối tháng 1 năm 1961, Lansdale trở về Washington để họp với Kennedy và các cố vấn cấp cao của tổng thống. Sau khi nói với Kennedy rằng “Cộng sản cho rằng 1961 là năm của họ”, Lansdale đã hối thúc chính quyền ủng hộ Diệm bằng cái mà ông gọi là “niềm tin bằng hữu”. Kennedy chấp thuận hầu hết các đề xuất của Lansdale bằng cách duyệt 28,4 triệu đôla để nâng quân số của Việt Nam Cộng hòa thêm hai mươi ngàn quân và 12,5 triệu đôla để cải thiện lực lượng bảo an. Kennedy đã phê chuẩn Kế hoạch chống nổi dậy cho Việt Nam, tài liệu mà sau này Ẩn đã có được. Vào tháng 5, Phó tổng thống Lyndon Johnson thăm Việt Nam ba ngày, ông gọi Diệm là Winston Churchill của Việt Nam cũng như so sánh ông này với

George Washington, Woodrow Wilson, Andrew Jackson, và Franklin D. Roosevelt. Sau này, khi Stanley Kamow hỏi rằng ông có thực sự tin vào điều mà mình từng nói hay không, Lyndon Johnson đã đáp, “Hừm, Diệm là thằng nhóc duy nhất mà chúng ta có ở đó”. (31)

Thuật ngữ chiến tranh đặc biệt bao hàm các biện pháp và hoạt động quân sự cũng như bán quân sự liên quan tới chiến tranh phi chính quy, chống nổi dậy và tâm lý chiến. Theo lời của chính Kennedy thì, “Để thắng cuộc chiến, các sĩ quan và binh sĩ của chúng ta phải hiểu và kết hợp giữa hoạt động chính trị, kinh tế, và dân sự với những nỗ lực quân sự thuần thực trong khi thực thi sứ mệnh này”. Chương trình chống nổi dậy cung cấp cho Quân lực Việt Nam Cộng hòa thêm nhiều cố vấn, trực thăng và thiết xa để tăng tính cơ động trên chiến trường trong các chiến dịch chống nổi dậy, bao gồm cả vai trò quan trọng của công tác huấn luyện cho lực lượng Nam Việt Nam về chiến thuật mới.(32) Chống nổi dậy còn được bổ sung các chương trình áp chiến lược, rải hóa chất và chất gây rụng lá xuống các khu vực du kích đóng quân và thiết lập các doanh trại của Lực lượng Đặc biệt vốn có vai trò được giới hạn trong hoạt động huấn luyện biệt kích cho Nam Việt Nam.

Với niềm tin rằng cần có những ý tưởng mới mẻ về Việt Nam, Kennedy đã cử sang một nhóm nghiên cứu kinh tế, dẫn đầu là Tiến sĩ Eugene Staley của Viện Nghiên cứu Stanford. Báo cáo của họ nhấn mạnh đến tác động không tách rời của viện trợ kinh tế và quân sự lên tình hình an ninh tại Việt Nam, nhận diện Việt Cộng là một kẻ thù “tàn bạo, tài giỏi và khó lường”, đòi hỏi phải “huy động toàn bộ nguồn lực kinh tế, quân sự, tâm lý và xã hội của đất nước này và sự giúp đỡ mạnh mẽ từ phía Mỹ”. (33)

Ngay khi Staley từ Sài Gòn trở về, Tổng thống Kennedy đã thông báo rằng Tướng Maxwell D. Taylor sẽ thăm Việt Nam với tư cách là đại diện

auân sự của tổng thống. Taylor được tháp tùng bởi Walt W. Rostow, Chủ tịch Hội đồng Hoạch định Chính sách của Bộ Ngoại giao. Đoàn tới Sài Gòn vào ngày 18 tháng 10 và dành một tuần tập trung vào vấn đề triển khai quân tại Việt Nam. “Ngay khi vừa đến, Taylor và Rostow đã nhận ra rằng tình hình tồi tệ hơn so với hình dung của họ”.(34) Taylor cho rằng đây “là giai đoạn đen tối nhất kể từ những ngày đầu năm 1954... Không cường điệu khi nói rằng tinh thần của cả dân tộc đang suy sụp”.(35) Các cuộc tấn công và đột nhập thành công trong thời gian gần đó của Việt Cộng khiến cho Taylor và các thành viên đoàn công tác nhận thấy rằng cách duy nhất để cứu Diệm là đưa quân Mỹ vào.

Bản báo cáo Taylor-Rostow cuối cùng, đề xuất một kế hoạch toàn diện về việc Mỹ hóa cuộc chiến, được trình bày trước Kennedy vào ngày 3 tháng 11.(36) Mô tả một “cuộc khủng hoảng kép về niềm tin” trong cả quyết tâm của Mỹ lẫn năng lực của Diệm, Taylor đã thúc đẩy sự dấn thân sâu hơn của Mỹ bằng lời kêu gọi đưa tám ngàn lính lục quân, kỹ sư thiết yếu và nhân viên hậu cần, cùng các đơn vị lính chiến vào Đồng bằng sông Mê Kông để thiết lập nền tảng an ninh. Lực lượng hỗn hợp tám ngàn người này sẽ hoạt động dưới vỏ bọc cứu trợ nhân đạo cho khu vực rộng lớn bị ngập lụt tại đồng bằng, nhưng thực ra là để tạo ra “một biểu tượng rõ ràng về sự nghiêm túc trong các ý định của Mỹ”.(37) Taylor tin rằng những đội quân ấy có thể “được lệnh tham chiến để tự bảo vệ mình, bảo vệ cho các đối tác làm việc và cho khu vực họ đóng quân”. Taylor có vẻ không lo ngại về “những nguy cơ sa lầy vào một cuộc chiến lớn ở châu Á”, vốn là “món quà” nhưng “không ảm tưởng”.

Theo cách nhìn của Hà Nội, những chuyến thăm công khai này gây ra quan ngại đặc biệt lớn. Đây là đánh giá trong một ấn phẩm của Cộng sản vào năm 1965: “Miền Nam đã trở thành nơi để quân đội Mỹ thực hành chiến thuật chống quân nổi dậy, một cuộc chiến thực nghiệm mà trước đây nước Mỹ chưa bao giờ triển khai”.(38)

Ông Ân tiết lộ với tôi rằng Tướng Giáp rất lo ngại nên đã cử hai phái đoàn đến Moscow để bàn bạc với các lãnh đạo quân đội Liên Xô về phương cách chống chiến tranh đặc biệt của Mỹ, nhưng lúc bấy giờ người Nga chỉ biết tới chiến tranh chính quy. Ông Giáp sau đó đã cử một đoàn tới gặp các tư lệnh quân sự Trung Quốc từng chiến đấu chống lại quân Đồng Minh tại Triều Tiên, nhưng họ cũng chẳng giúp ích được gì nhiều. “Tôi là người đã làm việc đó. Tôi giúp họ hiểu về phương thức chiến tranh mới của Mỹ, và điều đó đã khiến ông Giáp rất vui mừng. Đã có hai kế hoạch thất bại, và rồi tôi giúp xây dựng chương trình đối phó”.

NGÀY 28 THÁNG 12 NĂM 1962, Sư đoàn 7 Bộ binh Việt Nam Cộng hòa, đóng tại Đồng bằng sông Mê Kông, được lệnh thu giữ một máy truyền sóng vô tuyến của PLAF (Quân Giải phóng nhân dân) hoạt động gần làng Ấp Bắc, vốn đang được một đơn vị Việt Cộng nhỏ với chừng 120 tay súng bảo vệ. Cố vấn cấp cao người Mỹ của Sư đoàn 7 Quân lực Việt Nam Cộng hòa là John Paul Vann, người đã ở Việt Nam trong tám tháng và chưa từng giáp mặt kẻ thù. Trung tá lục quân Vann là một trong những nhân vật huyền thoại của Chiến tranh Việt Nam. Ông tử nạn trong một vụ rơi trực thăng tại Việt Nam vào ngày 9 tháng 6 năm 1972.(39)

Vann ngứa ngáy muốn tham gia trận đánh để ông ta có thể đánh giá xem các tư lệnh Quân lực Việt Nam Cộng hòa đã hấp thu các bài huấn luyện của ông tới mức nào. Ở phía bên kia, viên tư lệnh Việt Cộng cũng đã chuẩn bị giáng một đòn vào các máy bay trực thăng Mỹ. Sự xuất hiện của đại đội trực thăng vận đầu tiên của Mỹ vào tháng 12 năm 1961 đã gây ra nhiều khó khăn cho du kích quân, tương tự như các “trận càn” bạo liệt do Quân lực Việt Nam Cộng hòa thực hiện vào ban ngày quét qua các làng mạc để truy bắt Quân giải phóng. “Lúc bấy giờ chúng tôi không biết cách nào để chống lại trực thăng và thiết xa”, ông Mai Chí Thọ nói với tôi. “Ông Ân đã cung cấp các thông tin giúp chúng tôi xây dựng một lối đánh ở tầm chiến thuật”.

Giờ đây, được trang bị một kế hoạch chiến lược mới, Quân giải phóng đã sẵn sàng chơi lại trực thăng. Vài tuần trước, để tính toán tầm bắn hiệu quả nhất, họ đã tập luyện tại vùng Đồng Tháp Mười với mục tiêu là mô hình trực thăng Shawnee và Huey làm bằng giấy bìa gắn trên cọc tre để mô phỏng các đặc điểm bay của chúng.(40) “Một trong những sự kiện hiếm hoi, trong cuộc xung đột với những chuỗi đụng độ đường như không bao giờ ngơi nghỉ vốn có vẻ như không có ý nghĩa thực chất nào, sắp sửa xảy ra - đó là một trận đánh quyết định có thể ảnh hưởng tới cục diện của cuộc chiến tranh”, Neil Sheehan viết. “Giờ đây Việt Cộng đang vùng dậy chiến đấu”.(41)

Tin tức tình báo của Vann đã sai; không phải là một đại đội 120 người, ông ta đã đối mặt với Tiểu đoàn 261 chính quy của Việt Cộng với 320 quân được sự hỗ trợ của 30 dân quân. Nhưng Quân lực Việt Nam Cộng hòa vẫn vượt trội về số lượng lẫn phương tiện. Một tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 7 Bộ binh gồm 330 binh sĩ, được yểm trợ bởi hai tiểu đoàn bảo an và một đại đội gồm mười ba xe thiết giáp chở quân M-113, thêm vào đó là một đại đội bộ binh cùng xe bọc thép chở quân (APC) mười tấn được Việt Cộng gọi là “rồng xanh”. Tổng quân số lên tới hơn 1.000.(42)

Mới bước vào trận, quân Việt Nam Cộng hòa ngay lập tức đã hứng chịu tổn thất về nhân mạng và các sĩ quan chỉ huy đã gọi quân tiếp viện từ làng Tân Hiệp gần đó. “Mười trực thăng Shawnee và năm trực thăng tấn công Huey thế hệ mới” bay đến.(43) Khi chúng vừa tới Ấp Bắc, chiếc lưới đã được bủa ra với hàng loạt đạn được bắn lên từ dưới các hàng cây trên bờ đê. Trong vòng vài phút, mười bốn trong số mười lăm trực thăng bị bắn trúng, bốn chiếc rơi, trong đó có một chiếc Huey, và ba người Mỹ thiệt mạng. Quân Việt Nam Cộng hòa vẫn còn cơ hội cứu vãn tình hình bởi Việt Cộng đã bị bao vây và lối rút quân duy nhất là băng qua cánh đồng phía đông. Vann vội điều động thiết xa nhưng Diệm trước đó đã ban lệnh rằng không ai được tham chiến nếu không được Sài Gòn trực tiếp chuẩn thuận, ông cũng chỉ đạo tất cả tư lệnh các quân đoàn và sư đoàn là phải tránh tổn thất lớn về nhân mạng. Ai không tuân theo chỉ thị đơn giản này sẽ không được thăng cấp. Viên tư lệnh Việt Nam Cộng hòa ở đây đã không chấp hành

chỉ đạo của Vann về việc rút đường rút quân của Việt Cộng. Khi hoàng hôn xuống, quân Việt Cộng rút lui.

Vann coi trận này là bằng chứng cho thấy đội quân mà ông được giao nhiệm vụ huấn luyện kém năng lực một cách tệ hại. “Một thành tích quá tồi tệ. Những người này không chịu nghe lệnh. Bọn họ cứ lặp đi lặp lại những lỗi chết tiệt”. (44) Trận đánh cho thấy những binh sĩ chiến đấu cho Quân lực Việt Nam Cộng hòa sẽ chết uổng mạng nếu đặt họ dưới sự chỉ huy của mấy viên tướng bất tài và chuyên nịnh hót mà Diệm đã đưa vào các vị trí chủ chốt. “Trận Ấp Bắc đã bộc lộ cái chính sách thăng tiến và bổ nhiệm vào thành phần lãnh đạo Quân lực Việt Nam Cộng hòa mà chỉ dựa vào lòng trung thành với Diệm chứ không dựa trên năng lực nghiệp vụ là hoàn toàn sai lầm”, ông Ấn nói với tôi. Tướng Huỳnh Văn Cao, người được Diệm tin tưởng là nhân vật trung thành nhất với gia đình họ Ngô và đã được thăng cấp rất nhanh, đã bộc lộ cả sự bất tài và hèn nhất, “ông Diệm có những vị tướng chưa bao giờ hoàn thành nhiệm vụ nhưng vẫn được thăng cấp bởi họ từng hôn tay Nhu và Diệm. Ấp Bắc là nơi những con gà trống đầu tiên về nhà”, Ấn nói kèm theo nụ cười và nhìn vào bộ sưu tập chim của ông.

Báo cáo tổng kết trận chiến của Vann là bản cáo trạng đối với tư lệnh ở tất cả các cấp vì họ đã không hành động quyết đoán và không khích lệ binh sĩ của mình. Cố vấn cấp cao của Mỹ, Đại tá Daniel B. Porter, coi Báo cáo tổng kết này “có lẽ là bản nhiều tư liệu nhất, toàn diện nhất, có giá trị nhất và tiết lộ nhiều vấn đề nhất trong tất cả các bản báo cáo” từng được trình lên trong năm vừa qua.(45)

Không thể đánh giá thấp ý nghĩa của trận Ấp Bắc đối với Quân giải phóng ở miền Nam và uy tín của Ấn tại Hà Nội. Ấp Bắc trở thành một lời hiệu triệu, và Trung ương cục miền Nam đã phát động một phong trào “Thi đua Ấp Bắc”(*) trên khắp miền Nam Việt Nam. Báo cáo đánh giá tình báo đặc biệt của CIA vào ngày 17 tháng 4 năm 1963 kết luận rằng “Việt Cộng đã cho thấy họ là một kẻ thù đáng gờm và là lực lượng du kích hiệu quả... Họ đã chứng tỏ sự linh hoạt trong việc điều chỉnh chiến thuật để đối phó với mô thức chiến dịch kiểu mới của Nam Việt Nam... Một nhân tố quan trọng góp phần vào thành công này chính là hệ thống tình báo hiệu quả của

họ. Những người mật báo và có cảm tình với họ có mặt khắp vùng nông thôn, và rõ ràng Việt Cộng đã duy trì được mạng lưới tình báo phủ sóng ở mọi cấp trong hệ thống quân sự và dân sự của Nam Việt Nam”. (46)

Có lẽ đánh giá rõ ràng nhất là bản *Báo cáo tổng kết sau trận Ấp Bắc* của chính Quân giải phóng, thường được biết đến với tên gọi “Tài liệu Việt Cộng về Trận Ấp Bắc, ngày 2 tháng 1 năm 1963”.(47) Tài liệu này thu được từ đối phương và được dịch ra tiếng Anh rồi lưu hành tại tổng hành dinh của MACV vào cuối tháng 4 năm 1963. Phía Việt Cộng coi “trận chống càn vào ngày 2 tháng 1 năm 1963” là một “thắng lợi to lớn của quân và dân ta... Chiến thắng trong trận chống càn Ấp Bắc cho thấy quân ta đã lớn mạnh về kỹ và chiến thuật... Thắng lợi này cũng cho chúng ta thấy rõ các lợi điểm về chiến thuật của kẻ thù”.

Với những đóng góp trong trận Ấp Bắc, Ấn về sau đã nhận Huân chương Chiến công đầu tiên trong bốn huân chương loại này mà ông được trao tặng. Chỉ có hai tấm huân chương được trao tặng cho trận đánh vào thời kỳ đầu của cuộc chiến tranh này, một được trao cho Nguyễn Bảy(**) một chỉ huy thuộc Quân giải phóng nhân dân, và tấm còn lại được trao cho phóng viên của Reuters, Phạm Xuân Ẩn, vì những báo cáo mà ông gửi về đã giúp thay đổi tính chất của cuộc chiến.

(*) Phong trào này có tên gọi “Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công”

(**) Nguyễn Bảy, tên thật là Đặng Minh Nhuận (còn có tên là Đoàn Triết Minh, Bảy Đen), là Đại đội trưởng Đại đội 1, Tiểu đoàn 261, chỉ huy trực tiếp trong trận Ấp Bắc. Ngày 30-8-1963, ông chỉ huy bộ đội tiến công và tiêu diệt đồn Thạnh Nhứt (nay thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang), ông bị thương nặng trong quá trình công đồn và không qua khỏi.

Thật trớ trêu là tấm Huân chương Chiến công đầu tiên của Ấn, cũng như tấm thứ ba cho những đóng góp của ông vào Tổng tấn công Mậu Thân 1968, đều đánh dấu những thời điểm bước ngoặt trong hoạt động đưa tin về

cuộc chiến. Trận Ấp Bắc là thời điểm bùng phát của cơn thù nghịch âm ỉ giữa báo chí và Phái bộ quân sự Mỹ ở Sài Gòn, vốn luôn khẳng khái phe mình đã thắng trận. “Tôi không hiểu tại sao có người lại coi trận Ấp Bắc là một thất bại”, Tướng Paul Harkins, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Viện trợ quân sự của Mỹ tại Việt Nam (MACV), nói. “Lực lượng của Chính phủ đã xác định mục tiêu (là máy truyền sóng vô tuyến), chiếm được mục tiêu đó, rồi Việt Cộng rút lui và thương vong của chúng lớn hơn tổn thất bên phía quân Chính phủ - Quý vị còn muốn gì nữa?”. Khi Peter Amett của hãng tin AP đặt một câu hỏi khó tại một cuộc họp báo sau trận Ấp Bắc, Đô đốc Harry D. Felt đã đập lại: “Trở về hàng ngũ đi”.

“Trước trận Ấp Bắc”, Sheehan viết, “chính quyền Kennedy đã thành công trong việc ngăn dân chúng có một sự hiểu biết rõ ràng rằng đất nước này đã can dự vào một cuộc chiến tranh ở một xứ sở gọi là Việt Nam... Thế rồi trận Ấp Bắc đã đưa Việt Nam lên trang nhất các tờ báo và trong các bản tin truyền hình buổi tối nhiều tới mức không có sự kiện nào sánh bằng”.(48) Các phóng viên như Neil Sheehan và David Halberstam đã tới Ấp Bắc và biết chuyện gì xảy ra ở đây. “Ấp Bắc đã châm ngòi cho sự phân rã của chế độ Ngô Đình Diệm”, ông Ấn nói. “Chúng tôi biết điều đó và chẳng bao lâu sau mọi người đều biết”.

Sếp của Ấn là Nick Turner cùng với Sheehan có mặt tại chiến trường, tận mắt chứng kiến xác những chiếc trực thăng Mỹ bị bắn hạ và xác binh sĩ Việt Nam Cộng hòa. Halberstam được đưa đến hiện trường bằng một máy bay nhỏ. “Tôi không bao giờ quên được vẻ mặt (của Ấn) khi ông ấy lao vào phòng với những tin tức về Ấp Bắc”, Nick Turner hồi tưởng, “và nhấn mạnh tầm quan trọng của trận này, trước khi những bản tin đầu tiên được truyền về”. (49)

Ông Ấn cũng nhanh chóng đến Ấp Bắc bằng máy bay trực thăng dành cho báo chí vào ngày 3 tháng 1. “Tôi tới đó trong vai trò là phóng viên, giúp các đồng nghiệp hiểu điều gì đã xảy ra cũng như để chứng kiến tận mắt”, Ấn, với vỏ bọc cho phép ông được coi là một thành viên phe này, kể lại. “Những người bạn thân nhất của chúng tôi đều làm cho các báo như bản thân chúng tôi”, David Halberstam viết trong cuốn *Tạo ra vũng lầy* .

“Phạm Xuân Ẩn của Reuters, Nguyễn Ngọc Rao của UPI, Võ Huỳnh của NBC và Hà Thúc Cẩn của CBS. Họ là những người xuất sắc... Họ đều có ý thức sâu sắc về công việc của một phóng viên... Họ đều kiêu hãnh; họ là những thành viên tự do hiểm hoi của một xã hội khép kín, và có lẽ họ còn cảm thấy bị xúc phạm nhiều hơn chúng tôi khi bất cứ ai đó tìm cách nhồi nhét cho họ những câu chuyện láo toét”. (50)

Ấp Bắc làm thay đổi phương cách tiếp cận lẫn nhau giữa báo chí và chính quyền. Có vẻ như MACV luôn thể hiện rằng cuộc chiến đang tiến triển thuận lợi, rằng sức mạnh của quân địch sa sút, rằng có thêm nhiều thôn ấp được kiểm soát, vùng nông thôn đã được bình định, nhưng các phóng viên ở đây thì không thấy vậy. Phóng viên Malcolm Browne của AP nhanh chóng nhận ra rằng để có được một câu chuyện chân xác ở Sài Gòn đòi hỏi “những phương pháp không mấy thoải mái gần giống với cách thức hoạt động của gián điệp chuyên nghiệp. (51) Cuộc chiến thông tin đã đặt đội ngũ nhà báo đối chọi với lời khẳng định cuộc chiến đang tiến triển thuận lợi của tổng thống, đại sứ quán và MACV. Tình hình rất khốc liệt dưới thời Kennedy, và mọi sự càng tồi tệ hơn khi chiến tranh trở thành cuộc chiến của người Mỹ. Khi có các phóng viên chuẩn bị đến Việt Nam, Lyndon Johnson thường bảo họ: “Đừng có giống mấy tay Halberstam và Sheehan nhé. Bọn chúng là những kẻ phản quốc”.(52)

Cánh báo chí trở thành mục tiêu đặc biệt của bà Ngô Đình Nhu, thường được gọi là Bà Nhu, em dâu của ông Diệm, người mà sự kiêu căng đã trở thành biểu tượng của chế độ họ Ngô. Được biết đến với biệt danh “Rồng cái Việt Nam Cộng hòa” bởi tinh thần chống Phật giáo kịch liệt và ủng hộ Công giáo mãnh liệt, Bà Nhu tố cáo Phật giáo đã bị Việt Cộng cài cắm. Khi một nhà sư ở Huế tự thiêu để phản đối, bà đã tố cáo rằng chính các chức sắc Phật giáo “nướng” vị sư kia, và cả sau này nữa, đã dựa dẫm vào viện trợ từ nước ngoài bởi xăng là mặt hàng nhập khẩu. Sau khi nổ ra thêm nhiều hành động chống đối nữa, bà lại tuyên bố, “Tôi sẽ vỗ tay hoan nghênh các vụ tự thiêu”.

Cuộc chiến nhằm vào báo chí tại Sài Gòn đã lên đến đỉnh điểm vào mùa hè năm 1963 khi phóng viên trưởng của Time tại Sài Gòn, Charles

Mohr, thực hiện một bài viết chỉ trích Bà Nhu. Lúc bài viết được chuyển về New York, nó đã va chạm với quan điểm về thế giới của Henry Luce. Bài báo đã được sửa lại, chọc giận Mohr bởi toàn bộ kết luận của ông đã được sửa đổi đến mức có vẻ như ông ủng hộ lập trường của chính quyền rằng không tìm được phương án thay thế Diệm.

Vài tuần sau, Time công kích các phóng viên tại Sài Gòn bằng lời buộc tội rằng cánh nhà báo tại hiện trường “thay vì gỡ rối thì lại đang góp phần làm cho độc giả ở quê hương rối tinh rối mù”. Time tố cáo các phóng viên suốt ngày ngồi ở “quầy rượu trên lầu tám khách sạn Caravelle” và đưa ra những lời kết tội, các thông tin không xác thực và những lời ta thán. Kết quả là “các phóng viên có xu hướng hoàn toàn đồng ý với nhau về hầu hết những gì mình thấy. Nhưng sự đồng thuận đó là rất đáng ngờ bởi vì nó rõ ràng là xuất phát từ một mối. Các nhà báo đã biến mình thành một phần trong mớ hỗn độn về Nam Việt Nam; họ đã đưa tin về một bối cảnh phức tạp với chỉ một góc nhìn duy nhất, cứ như thể kết luận của riêng họ đã làm sáng tỏ mọi vấn đề cần thiết”. (53)

Trước khi xảy ra trận Ấp Bắc, hầu hết các phóng viên tại Sài Gòn đều ủng hộ mục tiêu của chính quyền đối với vấn đề Việt Nam. David Halberstam sau đó đã thay đổi quan điểm về cuộc chiến, cho rằng “sự thật, và sau bao năm vẫn còn nguyên vẹn trong tôi một sự thật đau đớn, là giới truyền thông chúng tôi sai lầm không phải bởi quá bi quan, mà là không đủ bi quan... Chúng tôi không bao giờ tìm cách đưa vào các bài viết của mình những điều mà cuộc chiến tranh thời Đông Dương thuộc Pháp đã gây ra đối với Việt Nam, và bằng cách nào nó đã tạo ra một xã hội hiện đại năng động ở miền Bắc và bằng cách nào nó đã mang đến cho chúng ta một trật tự giãy chết thời hậu phong kiến... [tội lỗi của chúng tôi] không phải nằm ở chỗ chúng tôi thiếu lòng yêu nước hoặc chúng tôi coi thường một mục đích dân tộc cao cả khác - mà nằm ở chỗ ngay từ đầu chúng tôi đã không viết rõ ra rằng đây là một cuộc chiến bất khả thi”. (54)

Chính quyền trở thành nơi mà phóng viên không thể coi là nguồn tin để phục vụ các bài viết về sự thật của cuộc chiến. Tình trạng thiếu thông tin đáng tin cậy đã cho phép Phạm Xuân Ẩn nhanh chóng củng cố vỏ bọc nhà

báo của mình bởi ông có thể cung cấp cho các phóng viên tại Sài Gòn những thứ mà họ cần, đồng thời lấy được những thông tin phục vụ các báo cáo chiến lược của chính ông rồi gửi vào rừng.

Vào giai đoạn này, chế độ Diệm đang đứng trước bờ vực phá sản, từ chối những quyền tự do cơ bản của Phật giáo và cắt giảm mọi thứ, trừ lòng trung thành tuyệt đối vào gia đình họ Ngô. Năm 1962, bác sĩ Trần Kim Tuyến, cũng giống như Nguyễn Thái và nhiều người khác, không còn chịu đựng nổi sự khuynh loát của Bà Nhu trong chính trường. Trong một lá thư dài trình lên ông Diệm, Tuyến hối thúc Diệm gạt bỏ Bà Nhu ra khỏi trung tâm sân khấu chính trị. Khi người em trai của tổng thống và là chồng của Bà Nhu, ông Ngô Đình Nhu, biết được lá thư ấy, số phận của Tuyến coi như đã bị định đoạt. Tuyến bị điều đi làm tổng lãnh sự ở Cairo, nhưng Nhu quản thúc tại gia cả gia đình ông ta tại Sài Gòn. Trước khi rời Sài Gòn, Tuyến đã đưa ra một kế hoạch đảo chính chi tiết và chia sẻ với ông Ấn cùng những người khác. Tuyến không tới Cairo mà quyết định sang Hồng Kông để quan sát tình hình, đợi ngày trở về Sài Gòn sau khi chính quyền Diệm sụp đổ.

Một trợ lý thân tín khác của Tuyến là Ba Quốc (bí danh của Thiếu tướng tình báo Đặng Trần Đức) vượt qua một vài vòng kiểm tra nói dối và sau đó được chuyển qua cơ quan CIO mới được thành lập, nơi ông được đặt biệt danh là “Tá Bụt” vì ông “hiền như Bụt”. Ba Quốc trở thành trợ lý của giám đốc Cục tình báo Quốc nội. Ông đã tiếp cận được những tài liệu tối quan trọng của mạng lưới tình báo Việt Nam Cộng hòa. Đây là một bằng chứng nữa cho thấy gián điệp của Cộng sản Bắc Việt đã đột nhập thành công thực sự vào mọi cấp trong xã hội miền Nam Việt Nam, bao gồm cả các cơ quan tình báo Việt Nam Cộng hòa vốn có nhiệm vụ tiêu trừ Việt Cộng. Trong khi đó thì có vẻ như không có một điệp viên đối thủ ngang tầm Phạm Xuân Ẩn hoặc Ba Quốc hoạt động ở miền Bắc, đó có lẽ là lý do tại sao tình báo Mỹ từng cố gắng chiêu mộ Ẩn vào CIA hai lần nhưng đều thất bại.

Ba Quốc không hề biết Ẩn đang hoạt động ngầm: “Tôi quen với Hai Trung, nhưng chỉ biết anh ta là một nhà báo có ảnh hưởng rất lớn đang làm việc cho người Mỹ và có nhiều quan hệ... Vì biết anh ta là người có ảnh

hưởng lớn nên tôi muốn tạo quan hệ để moi tài liệu. Tôi báo cáo lên cấp trên về ý định này nhưng rồi nhận được chỉ thị không được liên lạc với anh ta”. Ấn cũng không hề biết tới vai trò thực sự của Ba Quốc.(55)

Có lẽ trường hợp đáng ngạc nhiên nhất trong lĩnh vực tình báo là câu chuyện của Đại tá Phạm Ngọc Thảo, người có nhiệm vụ tạo bất ổn cho chính quyền chống Cộng ở miền Nam Việt Nam. Thảo cũng trở thành một chuyên gia đảo chính nổi tiếng, thường hợp tác với bác sĩ Tuyền và các tướng lĩnh Việt Nam Cộng hòa, làm tất cả mọi việc mà ông ta có thể thực hiện được để làm giảm uy tín chính phủ Việt Nam Cộng hòa. Shaplen mô tả Thảo là “nhân vật cách mạng đầy mưu mô bước ra từ tiểu thuyết của Malraux”. (56)

Thảo và Ấn là bạn, và cho dù Ấn có biết về sứ mệnh của Thảo nhưng ông không bao giờ hé lộ một lời về điều đó với Thảo, người đồng thời cũng là bạn của bác sĩ Tuyền và Bob Shaplen. Thảo hoạt động trong vai trò một trong những trợ tá đáng tin cậy nhất của Diệm và thường được ca ngợi rộng rãi như là chiến binh chống Cộng thành công nhất. Sau khi chứng kiến việc làm của Thảo ở tỉnh Bến Tre, nơi Cộng sản hoạt động mạnh, Shaplen đã viết một bài ca ngợi các kỹ năng chống nổi dậy của ông.

Xuất thân từ một gia đình gia giáo theo Công giáo ở miền Nam, Thảo được cha mẹ giới thiệu với Ngô Đình Thục, anh trai của Diệm và lúc bấy giờ đang là giám mục giáo phận Vĩnh Long. Thảo thuyết phục người anh cả của Diệm rằng ông hoàn toàn tin tưởng vào sự nghiệp chống Cộng và mong muốn được phục vụ Diệm hết khả năng. Nhiệm vụ của Thảo đã được cấp cao nhất là Bộ Chính trị chấp thuận. Thảo được cử sang tu nghiệp tại Trường Sĩ quan tại Kansas và sau đó được thăng hàm đại tá. Ông làm tư lệnh Địa phương quân tại tỉnh Vĩnh Long, rồi tư lệnh Địa phương quân ở tỉnh Bình Dương, sau về làm tỉnh trưởng tỉnh Bến Tre.

Thảo trở thành một trong những ủng hộ viên nhiệt tình nhất của chương trình khu trừ mật, kiểu làng tự quản hiện đại nhằm mục tiêu chia cách quân nổi dậy với dân chúng bằng cách đẩy nông dân vào những khu làng rộng lớn, có hàng rào và hệ thống phòng thủ vững chắc để tạo điều kiện cho chính quyền bảo vệ họ. Thảo biết chương trình này sẽ khiến nông

dân oán hận, đó là lý do tại sao ông ủng hộ nó mạnh mẽ nhất.(57) Nông dân ghét khu trù mật vì nhiều lý do, đầu tiên là việc họ bị buộc phải tham gia xây dựng làng xong mới rời nhà để vào đây ở. Chương trình này đã làm dấy lên làn sóng phản đối và chán ghét chính quyền Diệm. Khi chương trình bị hủy bỏ, Thảo tập trung vào việc xây dựng ấp chiến lược, thuyết phục Diệm thực hiện càng nhanh càng tốt bởi nếu để lâu sẽ khiến nông dân oán hận và thù địch. “Thay vì thử nghiệm nhiều lần, họ cứ đẩy nhanh tiến độ theo kiểu Mỹ rất đặc trưng, với sự giúp sức của Phạm Ngọc Thảo”, ông Ấn cho biết. “Thảo có nhiệm vụ khác xa tôi. Tôi là tình báo viên chiến lược; anh ta là người gây bất ổn cho chính quyền và lập kế hoạch đảo chánh. Sứ mệnh của anh ta nguy hiểm hơn tôi nhiều”.

Tôi hỏi Ấn tại sao rất nhiều người ngưỡng mộ ông Thảo. “Bob Shaplen thích Thảo vì ông ta nghĩ đầu óc của Thảo là tách rời và khác xa Hà Nội. Thảo là một người mơ mộng, giống như nhiều người trong chúng tôi”. Người bạn thiếu thời của Thảo giải thích rằng “Thảo là người suốt đời chiến đấu với một mục tiêu duy nhất là độc lập cho Việt Nam. Ông ta là người theo chủ nghĩa dân tộc, chứ không phải theo chủ thuyết nào đó, là người có thái độ và mục đích sống được định hình trong giai đoạn Việt Nam là một thuộc địa bị áp bức về chính trị và bị khai thác về kinh tế của Pháp... Nhìn lại cuộc đời ông ta, không cường điệu chút nào khi nói rằng một mình ông ta đã làm thay đổi cán cân quyền lực chính trị giữa chính quyền Sài Gòn và Mặt trận Dân tộc Giải phóng. Ông ta góp phần làm suy yếu Diệm và Nhu bằng cách giúp làm thất bại chương trình bình định nông thôn, và ông ta là nhân vật chính trong con lốc xoáy của các âm mưu phá hoại ngầm vốn làm suy sụp và cuối cùng là tiêu diệt chính quyền này”. (58)

Thảo bị giết vào ngày 17 tháng 7 năm 1965. Nguyễn Văn Thiệu được cho là đã ra lệnh xử tử Thảo, lúc này đã bị thương nặng, bằng cách dùng dây da thắt cổ và tinh hoàn. Khi nghe tin Thảo chết, Thiệu đã khui sâm banh cùng vợ uống mừng.(59)

Trong một lần nói chuyện sau chót của chúng tôi, tôi đã đùa rằng hóa ra bác sĩ Tuyến chỉ là một gã xoàng trong chiến dịch truy bắt gián điệp Cộng sản bởi Ba Quốc, Thảo và Ấn đều khởi đầu sứ mệnh trong tổ chức

của Tuyền. Đây là một lần hiểm hoi trong các cuộc trao đổi của chúng tôi mà Ấn đổi giọng. “Có những điều mà tôi không thể nói với ông, nhưng tôi không phải là người duy nhất cứu mạng Tuyền; Thảo cũng đã làm vậy bởi vì Tuyền đã giúp phóng thích rất nhiều tù nhân của chúng tôi sau khi ông ta không còn được Nhu và Diệm sủng ái!” Sau cuộc đảo chính ngày 1 tháng 11 năm 1963, Tuyền từ Hồng Kông bay về Sài Gòn nhưng ngay lập tức phải vào tù vì bị nghi ngờ lập mưu đảo chính, ông ta phải ngồi hai tháng trong tù, bị cô lập, tra tấn, bỏ đói, lột trần và sống với lũ chuột.(60)

Chính Thảo, viên đại tá uy tín của Quân lực Việt Nam Cộng hòa, đã sử dụng ảnh hưởng của mình để Tuyền được tha. “Bác sĩ Tuyền là bạn tôi”, Ấn nói. “Ông ấy cũng là bạn của Thảo, và chúng tôi cứu mạng ông ấy vì ông ấy đã giúp người của chúng tôi trong tù. Điều này có thể cho ông biết đôi chút về tình bạn của chúng tôi”. Tôi nhớ lúc bấy giờ mình đã nghĩ rằng có quá nhiều cái hộp lồng vào nhau trong cuộc đời của Ấn.

ẤN NHẬN HUÂN CHƯƠNG CHIẾN CÔNG thứ hai vì đã có báo cáo đánh giá chiến lược về khả năng Mỹ có đưa bộ binh sang vào giai đoạn 1964-1965 hay không. Theo sau cuộc đảo chính lật đổ Diệm vào năm 1963, một vài nhân vật ở Hà Nội cho rằng Mỹ sẽ tìm kiếm một hình thức dàn xếp hoặc hòa giải bằng thương lượng. Ngày 1 tháng 11, Diệm và em trai bị hạ sát trong thùng chiếc xe bọc thép chở quân do Mỹ sản xuất. Cuộc đảo chính này là do Quân lực Việt Nam Cộng hòa thực hiện, nhưng CIA đã can dự vào rất sâu thông qua người bạn của Ấn là Lou Conein.

“Tôi bất ngờ trước cuộc đảo chánh”, Ấn nói. “Người Mỹ đã đầu tư vào Diệm quá nhiều, nhưng Lansdale là người duy nhất có thể kiềm chế ông ta. Cấp trên của tôi đã nhận định sai rằng sau khi lật đổ Diệm, Mỹ cũng sẽ rút khỏi Việt Nam. Tôi phá lên cười và bảo, 'Không đâu, họ đang tới đây và các anh nên chuẩn bị sẵn sàng cho một cuộc chiến tranh lớn'. Tôi nói với họ rằng ông Diệm cũng chống việc Mỹ đưa quân vào và đó là một lý do nữa để CIA lật đổ ông ta. Ông ta phải trả giá vì đã vượt ra khỏi cái dây xích của người Mỹ”.

Cuộc can dự quy mô lớn của Mỹ vào Việt Nam được quyết định vào ngày 28 tháng 7 năm 1965,(61) nhưng các báo cáo của Ấn bắt đầu vào năm

1964 trong thời gian Nguyễn Khánh nắm quyền. Ẩn kể cho tôi đúng cái điều mà ông đã nói riêng với Bob Shaplen ba mươi năm về trước, rằng khi CIA biết được những lời đề nghị bí mật của Nguyễn Khánh với Mặt trận Dân tộc Giải phóng, ông ta sẽ bị truất quyền lãnh đạo vì chính quyền của Johnson đang hướng tới việc Mỹ hóa cuộc xung đột.(62) “Tôi đã biết rằng người Mỹ không bao giờ ra đi. Sau này tôi mới biết nhiều người ở Hà Nội nghĩ khác, nhưng hồi đó tôi không hay biết về suy nghĩ của họ. Tôi chỉ đưa cho họ sự phân tích chân xác của mình và sau đó mới hay tôi được trao huân chương”.

Ông Ẩn cho biết nguồn cung cấp chính các thông tin về Nguyễn Khánh là thành viên CIA Lou Conein, nhưng tôi ngờ rằng ông còn có các nguồn khác nữa. “Một ngày nọ, Lou Conein trở về sau chuyến bay bằng trực thăng với Nguyễn Khánh và hét lên với tôi, 'Ẩn, gọi cho vợ con và gia đình ông thu dọn đồ đạc rồi biến khỏi đây. Mất sạch rồi. Đất nước của ông sắp rơi vào tay Cộng sản rồi. Mọi việc tệ hơn tôi tưởng, Khánh đã lên giường với Mặt trận Dân tộc Giải phóng'. Ông Ẩn giải thích rằng trong khi đang ngồi chung máy bay, Conein quyết định “thử” Khánh bằng cách nói vài câu dẫn tới ý niệm rằng “bây giờ có lẽ đã đến lúc tìm kiếm một chính phủ liên minh và đàm phán với Mặt trận Dân tộc Giải phóng”.

Khánh sập bẫy ngay khi nói rành mạch, chi tiết ý nghĩ của mình với Conein, người không thể kiềm chế được cảm xúc của mình. “Tôi chưa bao giờ thấy Lou Conein giận dữ như thế, nhưng ông ấy cũng rất lo cho tôi và gia đình. Ông ấy cứ quát tháo liên hồi, 'Mất sạch rồi, mất sạch rồi', Ẩn nhớ lại. “Khi bình tĩnh lại, Conein nói với tôi rằng ông ấy không nghĩ Khánh sẽ có thể tìm kiếm được sự ủng hộ cho kế hoạch đàm phán với Mặt trận Dân tộc Giải phóng. Lúc bấy giờ tôi đã biết rằng CIA sẽ không để Khánh ở lại lâu. Người Mỹ sẽ không cho phép đàm phán với Mặt trận bởi vì người Việt Nam không được phép tự tìm kiếm sự đồng thuận, điều đó không phù hợp với lợi ích của Mỹ”.

Vụ đánh bom vào doanh trại Lục quân Mỹ tại Pleiku vào ngày 7 tháng 2 năm 1965, làm thiệt mạng tám người Mỹ và làm bị thương hơn một trăm người, đã châm ngòi cho một loạt sự kiện tiếp theo dẫn tới việc lực lượng

chiến đấu mặt đất của Mỹ được đưa tới Việt Nam. Một ngày sau cuộc tấn công, Johnson đưa ra lời cảnh báo công khai. “Chúng ta không còn lựa chọn nào khác ngoài việc sẵn sàng hành động và tỏ rõ quyết tâm của chúng ta trong việc hỗ trợ miền Nam Việt Nam chiến đấu để duy trì độc lập”.

Trợ lý đặc biệt của tổng thống, McGeorge Bundy, có mặt tại Pleiku trong ngày xảy ra vụ tấn công. Ông ta đánh về cho Lyndon Johnson một bức điện nêu rõ “tình hình tại Việt Nam đang xấu đi tệ hại, và nếu Mỹ không có một chương trình hành động mới thì thất bại là không tránh khỏi”. Ngày 13 tháng 2, Johnson khởi động Chiến dịch Sấm Rền, một chiến dịch ném bom có hệ thống và rộng khắp nhằm vào các mục tiêu của Bắc Việt.

Giữa lúc nhịp độ của chiến dịch không kích trở nên nhanh hơn, quyết định đưa lực lượng tham chiến mặt đất của Mỹ vào Việt Nam cũng đồng thời được đưa ra. Đầu tiên, 3.500 lính thủy quân lục chiến tràn lên bờ biển để bảo vệ căn cứ không quân trọng yếu tại Đà Nẵng; tới ngày 7 tháng 6, Tướng William Westmoreland đề xuất tăng thêm bốn mươi bốn tiểu đoàn để giúp miền Nam tránh khỏi thất bại. Suốt sáu tuần sau đó, vấn đề Mỹ hóa cuộc chiến đã chiếm lĩnh sân khấu chính trị tại Washington và được Hà Nội đặc biệt quan tâm theo dõi. “Tôi luôn cập nhật thông tin về cuộc tranh luận từ các đầu mối ở trong dinh”, Ấn kể. “Tôi không bao giờ nghi ngờ về việc người Mỹ sẽ không bỏ đi. Họ đã đổ quá nhiều tiền và uy tín vào đây, nên câu hỏi của tôi lúc bấy giờ là họ sẽ đầu tư thêm bao nhiêu nữa. Khoản đầu tư sẽ rất lớn và đủ cho họ trụ vững dài lâu hơn, nhưng người Mỹ không bao giờ chịu đầu tư để tạo ra một thể hệ lãnh đạo mới tại miền Nam. Đó là sai lầm lớn của họ”.

Ý kiến bất đồng duy nhất trong chính quyền Johnson lúc bấy giờ xuất phát từ Thứ trưởng Ngoại giao George Ball, người đã tìm cách cảnh báo cho Johnson về việc ông ta đang khởi động một cuộc chiến tranh mới đặt Mỹ vào sự đối đầu với Việt Cộng. “Có lẽ việc đưa lực lượng quân sự quy mô lớn của Mỹ với hỏa lực mạnh sẽ buộc Hà Nội và Việt Cộng đi đến quyết định mà chúng ta đang tìm kiếm. Mặt khác, chúng ta có lẽ sẽ không thể thực hiện cuộc chiến này một cách đủ thành công - dù có đưa sang miền Nam Việt Nam 500.000 quân Mỹ thì chúng ta cũng cần phải có nhiều bằng

chứng hơn so với hiện nay rằng quân của chúng ta sẽ không sa lầy trong rừng rậm và trên các ruộng lúa - trong lúc chúng ta từ từ cho nổ tung đất nước này thành muôn mảnh”. Trong một bản ghi nhớ, Ball viết rằng “về khía cạnh chính trị thì miền Nam Việt Nam là một thất bại... Hà Nội có một chính phủ, một mục tiêu và một nền kỷ luật. Chính quyền ở Sài Gòn thì lại là một trò đùa. Thực sự thì miền Nam Việt Nam là một đất nước có quân đội nhưng vô chính phủ. Theo quan điểm của tôi, một sự can dự sâu của Mỹ vào chiến trường trên bộ tại Nam Việt Nam là một sai lầm chết người. Nếu từng có một dịp để tiến hành một cuộc rút quân chiến thuật thì chính là lúc này đây”. (63)

Lời của Ball chẳng có ai nghe. Ngày cuối cùng của ông ở nhiệm sở là vào cuối tháng 7, vài ngày trước khi Johnson tuyên bố Westmoreland sẽ có tất cả những gì ông ta cần. Tổng thống đã nói với Ball rằng Mỹ sẽ mất uy tín nếu rút quân. “Không đâu, thưa ngài”, Ball đáp. “Thất bại tồi tệ hơn sẽ là việc quốc gia hùng mạnh nhất quả đất không thể khuất phục được một nhóm nhỏ du kích”. Như sau này Ấn giải thích, “Mỹ là một quốc gia tươi đẹp, với những con người dễ mến; họ chỉ không học thuộc lịch sử thôi”. (64)

TRONG VÒNG NĂM NĂM sau khi trở về từ Mỹ, Phạm Xuân Ẩn đã nhận hai Huân chương Chiến công nhờ các báo cáo chiến lược và những đóng góp của ông đối với trận Ấp Bắc và quá trình Mỹ hóa cuộc chiến tranh, ông cũng tạo dựng được danh tiếng có lẽ là nhà báo Việt Nam giỏi nhất làm việc cho báo chí phương Tây. Tuy nhiên, trong thập niên sau đó, từ 1965 tới 1975, ông sẽ còn tạo dựng dấu ấn không thể phai mờ đối với hoạt động của ông trong lĩnh vực tình báo cũng như trong vai trò là một ký giả của tờ *Time* .

CHÚ THÍCH:

BẮT ĐẦU CUỘC SỐNG KÉP

- (1) Báo cáo sau trận đánh, Học 86, Tập Ấp Bắc, Tài liệu của Sheehan.
- (2) Lost Victory, 39.
- (3) Phỏng vấn Nguyễn Thái.
- (4) Sách đã dẫn.
- (5) Peter Smark, “Death and Vomit: The Real Meaning of War”, báo Sydney Morning Herald, 12-7-1990.
- (6) Nick Turner, “Media and War: Reflections on Vietnam-Nick Turner Recalls His Experience as a War Correspondent During the Vietnam War”, tạp chí New Zealand International Review 28, số 4 (tháng 7 - 8. 2003).
- (7) Ronald Seth, Anatomy of spying (New York: Nhà xuất bản Dutton, 1963). Halberstam không nhớ mình từng tặng cuốn sách này cho Ấn.
- (8) Tên người như cuộc đời. Merle Pribbenow và Ti Ti Mary Trần dịch.
- (9) Anatomy of spying, trang 57.
- (10) Bắt đầu vào ngày 21-2-2004, trang mạng của báo Thanh Niên đăng loạt bài về Ba Quốc với nhan đề “Ông tướng tình báo bí ẩn và những điệp vụ siêu hạng”, số ngày 10-3-2004, truy cập ngày 11-3-2004, tại địa chỉ <http://www.thanhnien.com.vn/TiriTuc/Xa-Hoi/2004/3/10/10518>; Merle Pribbenow dịch.
- (11) Trích dẫn trong “Những huyền thoại để lại”.
- (12) Xin cảm ơn Merle Pribbenow về vấn đề này.
- (13) Mười Nho là cấp trên trực tiếp của Ấn giai đoạn 1961-1965, sau đó là Tư Cang 1966-1972 và Ba Minh 1972-1975. Thật thú vị là sau cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968, việc các lãnh đạo vào Sài Gòn trở nên quá nguy hiểm. “Vì thế, chúng tôi chỉ trao đổi thư từ và tới sau ngày giải phóng mới gặp nhau”, Ba Minh cho biết. A General of the Secret Service, trang 118.

(14) Strategic Intelligence;
<https://www.cia.gov/csi/books/shermankent/toc.html>

(15) Xem Anatomy of spying, chương 2.

(16) Roger Trinquier, Modern Warfare: A French View of Counterinsurgency (New York: Nhà xuất bản Praeger, 1961), trang 4. Sách xuất bản lần đầu tại Pháp năm 1961, đây là ấn phẩm mà ông Ấn sử dụng. Sau đó ông nghiên cứu cuốn Counterinsurgency Warfare: Theory and Practice của David Galula (New York: Nhà xuất bản Praeger, 1964).

(17) T. R. Phillips, Roots of Strategy: A Collection of Military Classics (Harrisburg, PA: Nhà xuất bản Military Service Publishing Co, 1940), trang 36-37.

(18) William Prochnau, Once upon a Distant War (New York: Nhà xuất bản Times Books, 1995), trang 154.

(19) CIA Current Weekly Intel Summary, 17-3-1960, Advice and Support, trang 349.

(20) “Country Team Study Group Report on Internal Security Situation in Vietnam”, Advice and Support, trang 330-331.

(21) Ước tính sản phẩm của Việt Nam, 1948-1978 (Washington, D.C.: Cục ấn loát Chính phủ, 2005), 23-8-1960, Special National Intelligence Estimate (SNIE) 63. 1-60.

(22) Xem James Lawton Collins, Jr, The Development and Training of the South Vietnamese Army (Washington, D.C.: Bộ Ngoại giao, 1975), trang 5; xem thêm Advice and Support, trang 365.

(23) Sách đã dẫn, Advice and Support, 365.

(24) “Báo cáo mười hai tháng đầu tiên của chỉ huy MAAG, Việt Nam”. Tháng 9-1961. Kế hoạch này là một đề cương chi tiết về tái cấu trúc Quân đội của Việt Nam Cộng hòa, trong đó có đề nghị của McGarr về việc đặt Quân lực Việt Nam Cộng hòa, Tự vệ dân sự/lực lượng Bảo an trong cùng một hệ thống chỉ huy.

(25) Biên bản cuộc họp, 24-4-1961. FRUS, 1961-1963. Tập 1, Việt Nam, trang 78; Chương 6, “The Advisory Build-Up, 1961-1967”, trong bộ Hồ sơ Lầu Năm góc (The Pentagon Papers), Ấn bản của Gravel, tập 2

(Boston: Nhà xuất bản Beacon Press, 1971), trang 408-514; Mục 1, trang 408-457.

(26). <http://www.statecraft.org/Chương8.html>.

(27) Paul M. A. Linebarger, *Psychological Warfare*. (Washington, D.C.: Nhà xuất bản Infantry Journal Press, 1948).

(28) A General of the Secret Service, trang 83-84.

(29) Trích dẫn trong *Những huyền thoại để lại*.

(30) Lansdale nói với Shaplen, 8-6-1982, Hộc 1, Tập 14, Tài liệu của Lansdale. Xem Stanley Kamow, “In Vietnam, the Enemy Was Right Beside Us”, báo Washington Star, 22-3-1981.

(31) Stanley Karnow, *Vietnam: A History* (New York: Nhà xuất bản Viking, 1983), trang 214; xem thêm Sài Gòn, Việt Nam, Ghi chép làm hồ sơ lưu, 9-9-1963, Hộc 22, Tập 1, UPI, Tài liệu của Sheehan.

(32) R. B. Smith, *An International History of the Vietnam War*, tập 2 (New York: Nhà xuất bản St. Martin's, 1985), trang 58.

(33) FRUS, 1961-1963, tập 1, Việt Nam, trang 179.

(34) Xem Andrew Preston, *The War Council: McGeorge Bundy, the NSC, and Vietnam* (Cambridge, MA: Nhà xuất bản Harvard University Press, 2006), trang 91.

(35) Maxwell Taylor, *Swords and Plowshares* (New York: Nhà xuất bản Perseus Books, 1990), trang 228-229.

(36) “Taylor to Kennedy”, 3-11-1961, FRUS 1961-1963, Việt Nam, tập 1, trang 478; xem từ trang 477-532 để đọc toàn bộ báo cáo.

(37) Những yêu cầu mới này có thể làm đổi thay sự cam kết vốn chỉ đơn thuần giới hạn trong vai trò cố vấn. Tháng 2-1962, Bộ chỉ huy Viện trợ quân sự của Mỹ tại Việt Nam (MACV) đã ra đời, thay thế MAAG. Cơ cấu chỉ huy mới này đã hiện thực hóa sự gia tăng của vai trò cố vấn của Mỹ đối với Quân lực VNCH.

(38) “Kế hoạch Staley-Taylor là kế hoạch 'chiến tranh đặc biệt' được quân đội Sài Gòn thực hiện dưới sự chủ trì của các cố vấn Mỹ”. Thất bại của chiến tranh đặc biệt, 1961-65. Số 1, Nghiên cứu Việt Nam (Hà Nội, Xunhasaba, 1965).

(39) <http://www.medaloffreedom.com/JohnPaulVann.htm>.

(40) *Once upon a Distant War*, trang 214-219.

(41) *A Bright Shining Lie*, trang 205-206; Sheehan giải thích rằng “trận chiến này được biết đến với tên gọi là trận Ấp Bắc thay vì trận Bác bởi vì tin tức về cuộc chiến đều bao gồm chữ 'ấp', nghĩa là một 'làng' như là một phần của địa danh”.

(42) Tôi sử dụng nhiều chi tiết từ cuốn *The Battle of Ap Bac, Vietnam* của Toczec và *A Bright Shining Lie* của Sheehan.

(43) *Once upon a Distant War*, trang 224.

(44) *A Bright Shining Lie*, 277.

(45) Tập Ấp Bắc, Học 86, Tài liệu của Sheehan.

(46) *The U.S. Army in Vietnam*. Trích từ ấn phẩm tái bản của loạt Tài liệu về Lịch sử Quân đội Mỹ, Trung tâm Lịch sử Quân sự của Lục quân Mỹ, trang 634; Đánh giá của Lục quân Mỹ về Ấp Bắc nêu “Tầm quan trọng của trận Ấp Bắc vượt ra ngoài khuôn khổ một trận đánh. Thất bại này là một điềm báo cho những gì sẽ xảy đến. Với việc giờ đây đã có thể thách thức các đơn vị VNCH với sức mạnh tương đương trong các trận đánh mang hơi hướng chính quy, Việt Cộng đang tiến tới một bước quyết liệt hơn trong cuộc chiến tranh cách mạng”.

(47) Tài liệu Việt Cộng về trận Ấp Bắc, 2-1-1963, Tập Ấp Bắc, Học 86, Tài liệu của Sheehan.

(48) *A Bright Shining Lie*, trang 277-8.

(49) E-mail, 10-10-2006

(50) Xem David Halberstam, *The Making of a Quagmire* (New York: Nhà xuất bản Ballantine Books, 1968).

(51) Trích lời trong *Once upon a Distant War*, trang 13.

(52) *The Powers That Be*, trang 450. Xem Daniel C. Hallin, *The “Uncensored War”: The Media and Vietnam* (Berkeley: Nhà xuất bản University of California Press, 1989), trang 41.

(53) Sheehan có lần hỏi Bà Nhu rằng bà ta có nghĩ là Cộng sản đã xâm nhập vào báo chí Mỹ hay không. “Chắc chắn rồi”, Bà Nhu đáp. Cộng sản “luôn chọn những tổ chức nổi tiếng hoặc nghiêm túc nhất như Đại học

Harvard hoặc báo *New York Times* ". Bà nói, "Tạp chí Time thì thường nịnh tôi". Once upon a Distant War, trang 121-122.

(54) Trích dẫn trong Thomas B. Morgan, "Reporters of the Lost War", tạp chí Esquire, 7-1984, trang 52.

(55) Ông Ấn nói, "Tôi biết ông là Nguyễn Văn Tá, sĩ quan của Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo". Trang mạng của báo Thanh Niên, 21-3-2004, truy cập ngày 21-3-2004 tại địa chỉ <http://www!thanhvien.com.vn/TinTuc/Xa-Hoi/2004/3/21/11594/>. Merle Pribbenow dịch.

(56) Robert Shaplen, *The Road from War* (New York: Nhà xuất bản Harper & Row, 1970). Xem bài viết ngày 20-3-1965 của shaplen, trang 1-9.

(57) "In Vietnam, the Enemy Was Right Beside Us", báo Washington Star, 22-3-1981.

(58) Trương Như Tảng, *A Vietcong Memoir* (New York: Nhà xuất bản Vintage), trang 60.

(59) Hộc 8, Việt Nam, Tài liệu của McCulloch. Đây là các ghi chú phỏng vấn của McCulloch.

(60) Tài liệu năm 1975 của Shaplen có câu trả lời của Tuyển về tình trạng nhà tù thời đó: "Tuyển: bị bắt, biệt giam, trăn tròng, 5 tuần, 2 bát cơm mỗi ngày, mới chín tới, không có thức ăn nào khác, một chai nhỏ nước máy, nôn ra máu, rất ốm yếu. Ngồi tù 73 ngày, ra ngày 2-11" Hộc 93, Tài liệu của Shaplen.

(61) Xem Larry Berman, *Planning a Tragedy* (New York: Nhà xuất bản W. W. Norton, 1982).

(62) "ẤN: Mặt trận Dân tộc Giải phóng "đề nghị điều tương tự với Nguyễn Khánh vào năm 1964 (tham gia chính phủ) và Khánh sẵn sàng thực hiện điều đó, đã viết cho Nguyễn Hữu Thọ. CIA bắt được - lá thư thứ hai - và loại Khánh. Lúc đấy Khánh sẵn sàng nói chuyện". Tài liệu của Shaplen, Ghi chú phỏng vấn. Hộc 93.

(63) *Planning A Tragedy*, 109

(64) Ấn nói điều này với phóng viên ảnh Ted Thái. Tác giả cũng phỏng vấn Thái.

Chương 5: TỪ TIME TỚI TẾT MẬU THÂN

V

ĩnh biệt người anh hùng, sĩ quan tình báo xuất sắc đã có đóng góp to lớn vào sự nghiệp giải phóng đất nước trong suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ. Đối với tôi, Tư Cang, tôi đã có biết bao nhiêu kỷ niệm cùng anh trong thời gian tạm chiếm đô thành Sài Gòn. Chúng ta đã sống chết cùng có nhau, vượt qua bao khó khăn gian khổ.

Lưu bút của ông Tư Cang trong sổ tang của ông Ấn, tháng 9 năm 2006

GIỮA NĂM 1966, Thiếu tá Tư Cang, 38 tuổi, người đứng đầu lưới tình báo H.63, tới Sài Gòn.(1) Vài tháng trước đó, Bộ Chính trị tại Hà Nội đã ra nghị quyết về việc tổ chức thực hiện một cuộc tổng tấn công và nổi dậy nhằm vào “đầu não của chính quyền bù nhìn miền Nam”.(2) Mục tiêu chính là Sài Gòn! Nghị quyết được các giao liên chuyển theo Đường mòn Hồ Chí Minh tới Trung ương cục miền Nam vào tháng 11 năm 1967. Ngày D được ấn định là ngày Tết Mậu Thân, ngày đầu năm mới âm lịch, nhằm ngày 31 tháng 1 năm 1968. Chỉ còn chưa đầy ba tháng để thu thập tin tức tình báo và hoạch định chiến lược cho cuộc tổng tấn công vào thủ đô của miền Nam.

Trần Văn Trà, Tư lệnh Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam từ năm 1963, chịu trách nhiệm cả về chiến thuật lẫn chiến lược cho cuộc tổng tấn công. Ông Trà tin chắc rằng một khi kế hoạch này thành công, chính quyền do Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đứng đầu sẽ sụp đổ. “Phương pháp cơ bản theo chỉ đạo là kết hợp giữa các cuộc tấn công của quân đội với nổi dậy của quần chúng tại đô thị, kết hợp tấn công từ bên trong với bên ngoài các thành phố lớn, giữa hoạt động quân sự vùng nông thôn và hoạt động quân sự vùng thành thị. Cuộc tổng tấn công được tiến hành liên hoàn, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, để tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn.”(3)

Ông Trà dựa rất nhiều vào các mạng lưới tình báo ở Sài Gòn. Nhiệm vụ của Tư Cang là thăm dò thực lực của Sư đoàn 1 Quân lực Việt Nam Cộng hòa, báo cáo về tình hình an ninh xung quanh quân cảng Sài Gòn, xác định tuyến tiến công thuận lợi nhất vào thành phố và những tòa nhà cùng

các cơ sở dễ bị tấn công nhất. Tư Cang biết rằng ông cần tiếp xúc với điệp viên hàng đầu của mình, Phạm Xuân Ẩn, càng nhiều càng tốt.

Ẩn tạo dựng một câu chuyện làm vỏ bọc cho Tư Cang, ông ta là một thầy giáo coi sóc đồn điền ở Dầu Tiếng, là một người chơi chim và đam mê chó.(4) Bằng cách này họ có thể cùng nhau xuất hiện tại tiệm Givral và bất cứ nơi nào ở Sài Gòn mà không gây nghi ngờ. Là một nhà báo đầy uy tín đang làm việc cho Time, Ẩn dễ dàng đi lại khắp Sài Gòn và trong đầu lúc này đang ngập tràn ý tưởng về những địa điểm có thể tấn công cũng như những phương cách vượt qua hệ thống an ninh.(5)

TỐI NĂM 1968, ẨN ĐƯỢC NHIỀU NGƯỜI COI LÀ ANH CẢ của các phóng viên người Việt ở Sài Gòn. “ông ấy là một trong những nguồn thạo tin nhất tại Sài Gòn và rất nhiều phóng viên dựa dẫm vào sự thông thái của ông ấy”, Laura Palmer, một phóng viên tự do cộng tác với Time và là bạn thân của Ẩn, viết. (6) Khi David Lamb của tờ Los Angeles Times tới Sài Gòn, anh được hướng dẫn, “Tối gặp ông Ẩn ở tờ Time”.(7) Henry Kamm của New York Times biết Ẩn là “một đồng nghiệp hào phóng, thạo tin, và hóm hỉnh một cách lịch thiệp, là người Việt duy nhất làm trong các cơ quan báo chí Mỹ mà được tổ chức của mình, tạp chí Time, cho hưởng quy chế phóng viên chính thức, chứ không đơn thuần là trợ lý địa phương cho các đồng nghiệp Mỹ đến từ New York để đưa tin về cuộc chiến”. (8)

Nhiều năm trước khi David Halberstam biết được hoạt động tình báo của Ẩn, ông đã nói với Neil Sheehan rằng Ẩn là một nhân vật lớn ở Sài Gòn “bởi mức độ ảnh hưởng của ông ta tới các nhà báo Mỹ”. (9) Khi tôi đưa văn bản lưu trữ những tài liệu của Sheehan cho Ẩn xem, ông cười và bảo, “David. Halberstam nói đúng đấy, bởi vì tôi đã gây ảnh hưởng đối với các nhà báo bằng cách giúp họ hiểu về Việt Nam. Nhiều người khi tới đây là những phóng viên tự do trẻ tuổi và lúc nào cũng kiếm tìm đề tài để viết. Tôi không muốn họ bị hướng dẫn sai bởi ở đây có rất nhiều người cung cấp các thông tin tệ hại. Tôi ở vào vị trí có thể dạy họ bởi vì tôi không muốn để bất cứ ai nghi ngờ mình. Đó là lý do tại sao tôi không bao giờ dây vào chuyện tung tin thất thiệt, chỉ có những người ác lâm mới làm thế. Tôi cần phải công bằng và khách quan hoặc là chết. Đơn giản là vậy”.

Câu hỏi về việc Ấn có phải là một điệp viên với nhiệm vụ gây nhiễu thông tin hay không, tức là thận trọng tung tin thất thiệt để đánh lạc hướng kẻ thù của đất nước, chưa bao giờ được chứng thực dù đã có nhiều nỗ lực điều tra và lời cáo buộc.(10) Đến nay thì đây vẫn là một vấn đề nhạy cảm nhất, nếu không muốn nói là vấn đề trung tâm nhất liên quan tới vỏ bọc của Ấn - liệu ông ta khi đưa tin về cuộc chiến có nghiêng theo hướng có lợi cho Cộng sản? Cáo buộc này ban đầu do Arnaud de Borchgrave đưa ra trong cuộc điều trần trước tiểu ban Thượng viện do Thượng nghị sĩ Jeremiah Denton, một cựu tù binh trong chiến tranh Việt Nam, làm chủ tịch. Theo Borchgrave, “ông ta [Ấn] có nhiệm vụ tung tin thất thiệt để đánh lạc hướng Đại sứ quán Mỹ và các đồng nghiệp nhà báo”.(11)

Các cựu đồng nghiệp làm việc gần gũi với Ấn nói rằng ông chưa bao giờ cung cấp thông tin thất thiệt. “Với uy tín của ông ta”, Roy Rowan, cựu trưởng chi nhánh Time, nhấn mạnh rằng ông chưa bao giờ “lừa dối các phóng viên của chúng tôi về diễn tiến của cuộc chiến”. (12) Time sau đó đã thực hiện một cuộc kiểm tra nội bộ và không phát hiện ra chứng cứ nào cho thấy Ấn đã viết bài bóp méo sự thật. Tôi đã tiến hành phân tích kỹ lưỡng các ghi chép tỉ mỉ của Robert Shaplen về những cuộc nói chuyện với Ấn và không phát hiện ra điều gì củng cố cho cáo buộc rằng Ấn từng nỗ lực tung tin thất thiệt hoặc thậm chí là một diễn dịch sai để có thể quy kết là thân Cộng. “Báo chí là một nghề mà tôi đã làm việc rất nghiêm túc”, ông Ấn khẳng định cho tới ngày cuối cuộc đời. “Đó là lý do giải thích tại sao không ai nghi ngờ tôi và tại sao tới nay tôi có rất nhiều bạn bè. Tất cả những gì tôi làm là phục vụ nghề nghiệp của tôi và phụng sự đất nước tôi, và những người công tâm đều biết điều đó”. (13)

Mối quan hệ trong nghề gần gũi nhất của Ấn là với Bob Shaplen, người từ năm 1962 đến 1978 đóng tại Hồng Kông trong vai trò phóng viên thường trú vùng Viễn Đông của tờ New Yorker, đưa tin về Chiến tranh Việt Nam và các nước khác ở châu Á. Những lúc ở Sài Gòn, ông thường xuyên trú tại phòng 307 khách sạn Continental. Từ cửa sổ và ban công phòng khách sạn, ông có thể nhìn thẳng sang tòa nhà Quốc hội; bên phải ông và nằm phía bên kia đường là tiệm Givral. Nhà nhân chủng học Gerald Hickey

nhớ lại, “Khi Bob Shaplen ở Sài Gòn, tôi và Ấn thường tới phòng ông ta ở khách sạn Continental, nơi có nhiều người tụ tập. Họ gồm ký giả, trong đó có Jean-Claude Pomonti của tờ Le Monde, George McArthur của Los Angeles Times, Keyes Beech của Chicago Daily News, và những người ăn dầm ở đề tại Việt Nam như Lou Conein. Rồi sau đó, các quan chức Việt Nam, có cả Tướng Trần Văn Đôn, cũng tới”. (14)

Lou Conein qua lại thường xuyên với Ấn và Shaplen. Ông luôn khẳng định rằng Ấn định hình phong cách viết của Shaplen. Conein nhớ có lần đưa Shaplen tới thăm Thượng tọa Thích Trí Quang, nhưng khi bài phỏng vấn của Shaplen xuất hiện trên tờ New Yorker, nó không còn giống với những gì mà Conein đã nghe nhà sư Trí Quang đã nói với Shaplen. Khi Conein vặn vẹo Shaplen về tính xác thực của bài báo rằng,

“Bob, ông ta đâu có nói vậy,”

Shaplen đã đáp, “Nhưng đó là điều ông ta muốn nói, Lou, đó là điều ông ta thực sự muốn nói”.

Conein kết luận rằng chuyện này là do Shaplen “đã tốc ký rất nhiều đoạn mà Trí Quang đã nói và sau đó đi gặp Anh [nguyên văn, tức Ấn] và Vương tại tiệm Givral. Ông ta đưa cho họ xem bản ghi chép và rồi hai người kia nói, 'ông sư nói vậy, nhưng thực ra ý ông ta là thế này, ông ta thực sự muốn nói như vậy, như vậy'. Thế rồi Bob cứ thế mà viết”.

Conein tin rằng kiểu gây ảnh hưởng này cũng tác động tới sự phân tích của Shaplen đối với chính trị nội bộ Việt Nam và ý nghĩa của nó. Sau khi đọc các bài báo trên tờ New Yorker, Conein thường vặn Shaplen: “Bob, tôi có nguồn tin cho biết là chuyện không phải như thế đâu”. Theo ghi chú của Sheehan thì “Shaplen sẽ bảo rằng Conein sai, và thường viện dẫn lời của Anh [nguyên văn] và Vương ra để làm chứng”(15)

Cả Conein lẫn Sheehan đều nghĩ rằng Ấn “trở thành một Điệp viên hoàn hảo của Việt Cộng, bởi vì, cùng với các yếu tố khác, ông ta biết mọi thứ mà Shaplen có được từ Đại sứ quán và chi nhánh CIA, cũng như biết người Mỹ có ý định làm gì và họ đánh giá tình hình như thế nào, ít nhất là từ khi Shaplen nhận được những thông tin này, và Anh [nguyên văn] đã có một vỏ bọc hoàn hảo với tư cách là trợ lý chính thức của Shaplen khi

Shaplen tới thành phố này và những năm sau đó là vỏ bọc trong vai trò là ký giả của tờ Time”. (16)

Giá trị của Ấn trong tư cách là một nhà báo có lẽ được thể hiện rất rõ trong một đoạn văn từ cuốn sách Sự dối trá chói lọi. Sheehan kể lại chuyến đi bằng trực thăng của Thủy quân Lục chiến tới vùng Đồng Tháp Mười. Lúc bấy giờ phía dưới có quân địch hoạt động và xạ thủ ở cửa hông trực thăng đã khai hỏa. Sheehan thấy khoảng hơn chục người chạy qua khu đồng sậy. Họ ăn mặc giống như những du kích quân Việt Minh thuở trước mà Sheehan từng thấy trên những tấm hình thời chiến tranh chống Pháp - những bộ đồng phục màu xanh lá cây, mũ cối sẫm màu hình mai rùa, vác vũ khí và đeo ba lô trên lưng. Nhưng họ không phải là Việt Minh mà là những quân nhân chính quy Việt Cộng thuộc một tiểu đoàn chủ lực.

Tuy nhiên, khi một đại úy Quân lực Việt Nam Cộng hòa vào làng để hỏi người dân địa phương về hành tung của những du kích quân kia, ông này đã lặp đi lặp lại từ Việt Minh. “Tại sao ông ta lại gọi các du kích quân kia là Việt Minh?” Sheehan hỏi một phóng viên người Việt đang làm việc cho hãng thông tấn nước ngoài có mặt tại đó. “Tôi nghĩ là chúng ta đang truy lùng Việt Cộng chứ?” Người vô danh này (về sau tôi được xác nhận đó là Ấn) giải thích, “người Mỹ và giới chức chính quyền tại Sài Gòn gọi họ là Việt Cộng nhưng ở ngoài này ai cũng gọi họ là Việt Minh”. Sheehan hỏi tại sao. “Họ trông giống Việt Minh, họ hành động giống Việt Minh, và đó là lý do tại sao dân chúng hay gọi họ như thế”. (17)

Ông Ấn rời Reuters vào năm 1964 sau khi tranh cãi với Nick Turner. “Sự tiết lộ thân phận hoạt động ngầm của ông ta đã khiến nhiều đồng nghiệp của tôi ngạc nhiên và đã có nhiều người viết về điều đó, nhưng đối với tôi thì không có gì đáng ngạc nhiên cả”, Nick Turner viết. “Tôi luôn nghi ngờ và thường nói với ông ta điều đó, nhưng tôi bảo sẽ không có vấn đề gì nếu ông ta làm được việc. Tuy nhiên, tôi luôn cẩn trọng trong việc chia sẻ những thông tin nhạy cảm với ông ta, và rõ ràng ông ta phật ý về điều này nên cuối cùng chuyển qua văn phòng của Time. (18)

Khi tôi đề nghị Turner nói chi tiết về quan điểm, ông ta viết: “Tôi chưa bao giờ nói với ông ta rằng tôi nghĩ ông ta là sĩ quan tình báo Việt Cộng,

chứ đừng nói là sĩ quan cấp cao, và thực tế thì tôi chưa bao giờ nghi ngờ như vậy. Nhưng cảm tình của ông ta là rất rõ ràng và đó là điều tôi đã trao đổi với ông ta, nhưng không hề làm ấm lên. Đối với tôi, thật là tự nhiên - và chẳng có gì đáng phê phán cả - khi một người với bản tính và bề ngoài có vẻ triết lý như ông ta có cảm tình với Việt Cộng, và tôi cũng ghi nhận những cuộc trò chuyện với ông ta đã giúp tôi hiểu phần nào sự phức tạp của khái niệm được nhiều người gọi là chủ nghĩa dân tộc Việt Nam. Mỗi nghi ngờ của tôi nằm ở chỗ, bởi Ấn có cảm tình khá rõ ràng nên ông ta hầu như chắc chắn bơm thông tin cho Việt Cộng, nhưng có lẽ là ở cấp thấp, thông qua những gián điệp khác hoặc mạng lưới nào đó. Cũng có những lý ảo khác khiến tôi nghĩ đến khả năng này.

Nhưng tôi muốn nhắc lại, tôi chưa từng nghĩ rằng bản thân ông ta là một phần quan trọng trong chiến dịch tình báo của họ.(19)

Ấn có cách giải thích khác về cuộc cự cãi ấy, ông mở đầu rằng. “Nick Turner chưa bao giờ nói với tôi một lời nào về việc nghi ngờ tôi là Việt Cộng. Tôi không cần ông ấy chia sẻ những thông tin nhạy cảm, bởi tôi có những nguồn tin riêng của mình, còn tốt hơn nguồn của ông ấy nhiều, tôi cam đoan với ông như vậy. Tôi rất lấy làm tiếc khi đọc được những điều mà ngày nay ông ấy nói ra, bởi ông ấy biết rõ tôi đã bảo vệ ông ấy và Reuters để không rơi vào tình huống bẽ bàng. Tôi là nguồn tin chính của ông ấy về tất cả mọi thứ và ông ấy biết rất rõ điều đó. Tôi rất tiếc phải nói ra điều này, nhưng những gì ông ấy nói là sai”. (20)

Ấn giải thích với tôi rằng ông nghỉ việc ở Reuters vào ngày ông trở về sau khi đi tường thuật cuộc đảo chính vào tháng 8 năm 1964, sự kiện Thiếu tướng Khánh hất Thiếu tướng Dương Văn Minh để đứng đầu Việt Nam Cộng hòa. Turner cần phải nộp bài báo này, nhưng các sự kiện xảy ra trong dinh khiến Ấn bị trễ nhiều giờ. “Cậu vừa từ nơi quái quỷ nào trở về vậy, Ấn? Tôi đã đợi cậu quá lâu rồi”, Ấn nhớ Turner đã hét lên như vậy. “Tôi đi lấy tin đảo chánh trong dinh”, Ấn đáp.

Ấn kể rằng khi cuộc tranh cãi trở nên gay gắt, Turner bảo ông đem con chim “ồn ào” mà ông để trên bàn đi chỗ khác. “Tôi bảo ông ta rằng nếu đem chim đi thì tôi đi luôn, và tôi thực sự đã làm vậy. Lúc ấy tôi giận đến

phát điên lên được, cứ xua mọi thứ trên bàn xuống. Tôi thu dọn đồ đạc và không bao giờ quay lại Reuters nữa. Nick Turner đã để mất một nguồn tin quý giá và ông ta biết điều đó”.

“Về chuyện Ấn chuẩn khỏi Reuters, thực tế thì ông ta không chỉ đi 'vài giờ' mà là tới ba hay bốn ngày gì đó và tôi biết ông ta không rời khỏi thành phố”, Turner giải thích. “Lúc ông ta đường đột trở lại thì có lẽ tôi đã nói 'Câu vừa từ chỗ quái quỷ nào trở về vậy, Ấn?’” Vì ông ta bảo vừa làm một phi vụ quan trọng gì đó cho Beverly Deepe. Nghe vậy tôi liền bảo rằng ông ta được trả lương để làm việc cho Reuters, thì ông ta nói lương ở đây quá thấp, ông ta nói đúng. Tôi đã đề nghị Reuters tăng lương cho ông ta bởi vì nhu cầu về trợ lý giỏi người Việt cho các phóng viên nước ngoài đang tăng cao, nhưng đề nghị của tôi đã bị từ chối. Tôi cũng được an ủi bằng chuyện một vài phóng viên nước ngoài thỉnh thoảng tạt qua văn phòng Reuters để khai thác chất xám của ông ta (mà tôi không phản đối), và một vài người trả công cho ông ta bằng nhiều cách khác nhau. Ông ta không chịu được sự quở trách của tôi nên đã cuốn gói ra đi”. (21)

Ấn thất nghiệp không lâu. Ban đầu ông làm việc gần như toàn thời gian cho Beverly Deepe ở tờ New York Herald Tribune. Ấn gặp Deepe vào tháng 2 năm 1962 khi bà này còn là một nữ phóng viên tự do hai mươi lăm tuổi đến Sài Gòn để săn tin. Phóng viên ảnh Francois Sully mới bị chính quyền Diệm trục xuất khỏi Sài Gòn vì họ cho là có quan điểm “thân Cộng”, và Deepe thay thế ông này trong vai trò là cộng tác viên thường xuyên của Newsweek. “Tôi đến Việt Nam vào năm 1962, chỉ năm năm sau khi tốt nghiệp ngành báo chí và khoa học chính trị tại Đại học Nebraska”, Deepe viết. “Dù từng mơ ước trở thành phóng viên thường trú ở nước ngoài, tôi vẫn rất bất ngờ khi điều này đã trở thành hiện thực chỉ sau một thời gian ngắn và tại một nơi rất xa mà phần lớn dân Mỹ, trong đó có tôi, chưa từng nghe tới. Không có cuốn sách giáo khoa nào của Mỹ - dù là sách sử, báo chí, khoa học chính trị hay quân sự - được viết để dạy người ta về cách thức tác nghiệp tại một cuộc chiến tranh như Việt Nam”. (22)

Ấn thường nói với tôi về việc ông đã tự hào đến nhường nào về các phương cách mà ông đã giúp Deepe trở thành một phóng viên giỏi hơn.

Như một giao kèo, Deepe giúp ông cải thiện cú pháp tiếng Anh, và đáp lại, ông dạy Deepe những cách thức mà ông đã sử dụng để “chế” tin tức cho Reuters. “Tôi chỉ cho cô ấy cách thức sử dụng các mẫu điện đàm và những thông tin khác, ném chúng vào một chỗ, khuấy đảo chúng trong vòng một giờ, và sau đó là có một bài viết cho ngày hôm đó”. Sinh ra nhằm cung xử nữ, Ấn cảm thấy rằng mình cũng nên làm người bảo vệ cho Deepe. “Cô ấy quá trẻ, quá bạo dạn và quá mạo hiểm, cho nên luôn đối diện với hiểm nguy”, Ấn cho biết. Ông dẫn ra các cuộc biểu tình của tín đồ Phật giáo trước Đại sứ quán Mỹ làm ví dụ. Lực lượng chống bạo động Nam Việt Nam lệnh cho mọi người giải tán, nhưng Deepe vẫn cố trèo lên hàng rào dây điện để chụp ảnh và xem diễn biến. Ấn tiến tới chỗ Đại tá Bùi, một trong sáu tư lệnh lực lượng bộ binh nhẹ mà ông quen từ mấy năm về trước, hôm đó đang chỉ huy cảnh sát dẹp loạn, và “tôi hỏi trước thông tin về kế hoạch trấn áp người biểu tình để tôi có thể đưa sếp của mình thoát ra trước”.

Cách tác nghiệp bạt mạng của Deepe trong cuộc chiến đã khiến cô nhanh chóng bị cấm cửa tại các cuộc họp báo chính thức ở Đại sứ quán Mỹ theo mệnh lệnh trực tiếp của Đại sứ Maxwell Taylor. “Họ không thích tôi bởi tôi không bao giờ nói điều mà họ muốn tôi nói. Họ cáo buộc tôi đưa thông tin theo phía Việt Nam, trong khi trên thực tế tôi nghe họ nói rồi sau đó đi ra bên ngoài để tự mình tìm hiểu”. (23)

Một bài báo vào ngày 8 tháng 1 năm 1965 trên tờ Time tập trung vào bài phỏng vấn độc quyền của Deepe với Tướng Nguyễn Khánh, kết luận với lời đánh giá rằng Deepe “đã mở rộng mạng lưới nguồn tin và các đầu mối mà hầu hết không cần đến mối quan hệ với đại sứ quán, hay thậm chí với đội ngũ phóng viên báo chí mà ở chừng mực nào đó vốn có tính chất hội nhóm và nội quan của Sài Gòn. Điều mà cô ta không hề biết đó là cô ta thường nhận tin tức từ hai trợ lý người Việt của mình, mà cả hai người đều rất am tường về mớ bong bóng của chính trường đất nước này”. (24) Hai trợ lý đó là Ấn và Nguyễn Hưng Vượng, cũng là hai người mà Lou Conein đã nói chuyện trước đây. “Cô ấy học hỏi được nhiều thứ từ tôi và Vượng”, Ấn nói. “Cô ấy là một người sẵn sàng mở lòng để tìm hiểu về lịch sử và con người Việt Nam để có thể hiểu rõ cuộc chiến”.(25)

Deepe là một trong số ít người bạn thân cũ cảm thấy bị phản bội bởi sự lừa dối của Phạm Xuân Ẩn. Bà cắt đứt mọi quan hệ với Ẩn và gia đình ông khiến tất cả đều buồn khổ, bởi chính bà đã không những giúp thanh toán chi phí liên quan tới các ca sinh nở của vợ ông, mà còn cho gia đình Ẩn tá túc tại nhà bà ở Virginia sau khi họ chạy khỏi Sài Gòn năm 1975. “Cô ấy là một người thân máu mủ trong gia đình chúng tôi”, ông Ẩn nói. “Lần đầu tiên tôi được mừng sinh nhật là tại một bữa tiệc ảo Beverly Deepe và Charles Keever [chồng tương lai của cô] tổ chức vào năm 1968. Tôi rất cảm động trước sự chu đáo của họ”. Trong suốt rất nhiều lần tôi đến thăm Ẩn, ông luôn hỏi rằng liệu tôi có cơ may nào tiếp cận được với Deepe hay không. Tôi đã nói với ông sự thật: Có, tôi đã liên hệ bằng thư điện tử với bà ấy tại Trường Truyền thông thuộc Đại học Hawaii, nơi bà đang giảng dạy, nhưng bà từ chối nói về Ẩn. “Tôi mến cô ấy nhiều lắm, vợ và các con tôi vẫn còn mến cô ấy nhiều lắm. Tôi hy vọng một ngày nào đó trước khi tôi nhắm mắt, chúng tôi có thể hàn gắn, như hai đất nước của chúng ta đã thực hiện”, Ẩn nói với một nỗi buồn nặng trĩu trong mắt.(26)

Ít lâu sau Ẩn được Bob Shaplen giới thiệu với Frank McCulloch của tờ Time. (27) McCulloch, một cựu lính thủy đánh bộ; tác nghiệp trong hầu hết các trận đánh lớn trong giai đoạn 1964-1965, phần lớn là đi cùng Trung đoàn 9 Thủy quân lục chiến, về sau, ông được tặng thẻ bài ghi nhận ông là một thành viên danh dự của đơn vị. Vào đầu năm 1964, quy mô nhân sự của Time và Life - tương tự cuộc chiến tranh - vẫn còn nhỏ. John Shaw là một cộng tác viên thường trú tại Sài Gòn, và ông ta thường cùng Frank làm việc tại căn hộ của Shaw trên đường Công Lý cũng như phòng của McCulloch tại khách sạn Caravelle. Sự hiện diện quân sự của Mỹ lúc đó vào khoảng mười sáu ngàn lính. Rồi chẳng bao lâu sau, Jim Wilde đến và họ chuyển tới phòng số 6 tại khách sạn Continental. Năm 1964, văn phòng tại Sài Gòn tuyển nhân viên người Việt làm việc toàn thời gian đầu tiên, Nguyễn Thụy Đăng, trong vai trò chánh văn phòng. Khi chiến tranh lan rộng, Frank bảo Đăng kiếm một văn phòng mới. Họ chuyển tới số 7 Hàn Thuyên, cách Continental bốn dãy nhà về phía tây, cạnh nhà thờ Đức Bà, văn phòng điện tín và bưu điện. Vào thời điểm McCulloch ra đi, Time-Life

đã có biệt thự riêng, năm phòng trong khách sạn Continental, bao gồm cả phòng số 6 là văn phòng của Life. (28)

McCulloch ngay lập tức có ấn tượng về Ấn. “Ấn đáp ứng mọi điều mà tôi trông đợi. Ông ấy rất am tường về sự xoay chuyển tình hình. Sau khi đã nhìn lại mọi chuyện, tôi có thể nói rằng vai trò điệp viên đã không hề làm cong vênh nghề báo của ông ấy”. Tuy nhiên, làm việc cho Time tạo ra những lợi thế đặc biệt. “Bây giờ tôi thấy vai trò của Ấn hồi đó là lắng nghe, chứ không phải viết bài”, McCulloch nói với tôi. “Vì thế, văn phòng đã tạo ra một vị trí nghe ngóng hoàn hảo cho công việc thứ hai của ông ấy bởi vì hồi đó các dữ liệu chính trị và quân sự được thảo luận công khai”. (29) Robert Sam Anson đánh giá một cách hài hước rằng “còn vỏ bọc nào tốt hơn cho ông ấy bằng việc thu thập thông tin khi đang làm cho một tổ chức báo chí vốn rất nhiệt tình với cuộc chiến đến mức cả MACV lẫn Đại sứ quán đều coi đây là một kênh ưa thích để xì thông tin. Và một điều trở trêu rức rở và ngọt ngào ở đây là đế chế của Henry Luce, một nhân vật chống Cộng lớn ở châu Á, lại đang trả lương cho ông ấy”. (30)

Jon Larsen là trưởng văn phòng Time từ cuối năm 1970 tới thay thế Marsh Clark. Ông kể lại với tôi rằng “Ấn là phóng viên, biên dịch viên, là nhân viên đảm trách mọi thứ của chúng tôi.

Bạn sẽ luôn nhận được một bản tóm tắt tình hình tuyệt vời từ ông ấy. Ông ấy là người môi giới thông tin của chúng tôi. Ông ấy ít khi ngồi luẩn quẩn trong văn phòng; trên thực tế, tốt nhất là hẹn gặp và ông ấy sẽ luôn có mặt, ngồi và trò chuyện với bạn. Tôi chưa bao giờ nghi ngờ. Tôi biết ông ấy là một người dân tộc chủ nghĩa hăng hái”. (31)

Có vẻ như về cơ bản, Ấn đã dựa vào cuốn sách Nghề phóng viên được xuất bản năm 1958 của hai nhà báo uy tín ở Washington nổi tiếng về quan điểm chống Cộng bảo thủ, là Joseph và Stewart Alsop. Ấn coi mình là một dạng phóng viên quốc phòng kiểu mới được mô tả trong cuốn sách. Ông thường lấy cuốn sách này từ trên kệ ở thư phòng nhà mình rồi bảo tôi, “Đọc đoạn này rồi ta trao đổi tiếp”. Đoạn ấy có nội dung: “Đưa tin quốc phòng nhìn chung khác với đưa tin chiến tranh vốn không mấy thay đổi kể từ khi những phóng viên đầu tiên ra chiến trường tại Sebastopol và Bull Run(*)

Phóng viên quốc phòng thì theo sát các ấn phẩm khoa học thay vì đi theo các đội quân... Anh ta tìm cách đưa tin thời sự về những thay đổi to lớn trong tình hình chiến lược quốc gia mà đến nay vẫn còn diễn ra trong kỷ nguyên của công nghệ vượt trội. Sự linh hoạt về tình hình chiến lược của mỗi quốc gia, ngay cả tình hình ở các cường quốc, là điều hoàn toàn mới trên thế giới”. (32)

(*) Cuộc vây ráp Sebastopol (tức thánh Sevastopol thuộc Đế quốc Nga, ngày nay nằm ở vùng Crimea thuộc Ukraine) kéo dài từ tháng 9 năm 1854 tới tháng 9 năm 1855 giữa Nga với liên minh Anh, Pháp, Đế quốc Ottoman và Sardina (một vương quốc trong lịch sử, với lãnh thổ là một số vùng ngày nay thuộc Ý, Tây Ban Nha, Pháp và Hy Lạp); với chiến thắng thuộc về liên minh. Trận Bull Run diễn ra ngày 21 tháng 7 năm 1861 tại Hạt Prince William, Virginia; đây được coi là trận đánh lớn đầu tiên của Nội chiến Mỹ. Trong cả hai cuộc chiến trên, lần đầu tiên các phóng viên chiến trường đã có vai trò nổi bật.

Ấn đặc biệt mê chương “Vài bí quyết nghề nghiệp”, trong đó nêu rõ rằng tác nghiệp báo chí là một nghề đòi hỏi phải có thể lực tốt, “có cảm giác tiếng Anh”, và có “kiến thức về lịch sử”. Ấn nói với tôi rằng ông đã học được “quy luật của bàn chân” từ cuốn sách này, có nghĩa là một phóng viên giỏi phải rời bàn làm việc của mình để ra ngoài và gặp gỡ ít nhất bốn quan chức mỗi ngày. “Nếu bạn đi ra ngoài, tận mắt chứng kiến những gì đang diễn ra và trò chuyện với rất nhiều người có liên quan đến những diễn biến ấy, thì bạn hẳn nhiên sẽ trở nên xuất sắc trong công việc đưa tin của mình”, anh em nhà Alsop viết.(33)

Ấn không hề nặc danh trong vỏ bọc của mình; thực ra, có vẻ như ông đã thi hành lại quy cách làm việc được áp dụng từ thời còn ở Trường Orange Coast, trong đó ông cho phép mình xuất hiện càng nhiều càng tốt với hy vọng điều đó sẽ khiến ông ít bị nghi ngờ là gián điệp. Bob Shaplen đã đưa Ấn vào một bài viết về tác nghiệp tại Việt Nam trên tờ New Yorker vào năm 1972. Thách thức lớn nhất đối với một phóng viên Mỹ tại Việt

Nam là việc thâm nhập vào các khu chợ hoặc quán cà phê nơi vốn là những cỗ máy tin đồn của Sài Gòn. Shaplen đã phải dựa vào người bạn thân

Phạm Xuân Ẩn: “[ông ấy] được một tạp chí Mỹ tuyển mộ và có lẽ là nhà báo người Việt siêng năng nhất và được kính nể nhất tại thành phố... Ẩn, dù làm cho người Mỹ nhưng vẫn được người Việt tín nhiệm, đặt chỉ tiêu mỗi buổi sáng phải tới ít nhất năm điểm như thế (nơi có nhiều tin đồn) trước khi trực chỉ tiệm Givral; và rồi sau bữa trưa, ông ấy đi tới các buổi họp báo chính thức của Mỹ và Việt Nam trước khi trở lại Givral”.

Shaplen sau đó trích dẫn lời của Ẩn nói về những phẩm chất cần có của một phóng viên làm việc hiệu quả ở Sài Gòn. “Mất nhiều thời gian để thiết lập các nguồn tin. Anh phải thẳng thắn và chân thành, và anh phải bảo vệ nguồn tin của mình”, Ẩn đúc kết. “Anh cũng phải giúp họ - nói cho họ những điều họ muốn biết, đãi họ ăn trưa và ăn tối, tặng quà Tết cho họ. Sài Gòn vận hành theo kiểu vòng xoay xã hội này. Nếu anh không đủ phẩm chất để tham gia trong nhóm đó, anh sẽ không được chào đón trong nhà hàng của họ. Mọi người ở đó sẽ lơ anh. Nhà báo - những người giỏi ấy - là những người bắn tin hữu dụng nhất, vì họ ở vào vị trí có thể tiếp nhận nhiều nguồn tin khác nhau”. (34)

Tới hơi thở cuối cùng, Ẩn vẫn khẳng định chắc chắn rằng công việc tình báo đã không bao giờ ảnh hưởng tới nghề nghiệp nhà báo của ông. “Để làm việc cho Time, anh phải khách quan. Học được điều đó đã giúp tôi rất nhiều trong việc thực hiện nghĩa vụ cho đất nước. Báo chí Mỹ khác với tất cả các nền báo chí mà tôi từng biết. Một phóng viên giỏi sẽ đưa tin chính xác theo những gì anh ta thấy và anh phải hiểu điều đó là đúng. Nhà báo không được tư biện. Vì thế khi viết cho Mặt trận, tôi luôn tự hỏi bản thân, 'Mình có khách quan về vấn đề này không?' Làm nhà báo tôi được học nhiều thứ. Và tôi cũng học được nhiều điều từ nước Mỹ. Nó giúp tôi mở ra hướng tư duy cho chính mình”. (35)

Như để chứng tỏ sự trung thành của mình với tờ Time, Ẩn thường xuyên khẳng định rằng ông đã nhiều lần “cứu” tạp chí này khỏi bị sập vào những cái bẫy được dựng lên để chơi khăm phóng viên. Cựu nhân viên CIA Frank Snepp, người từng phục vụ tại Việt Nam trong hai nhiệm kỳ trong vai

trò sĩ quan phản gián và phân tích, nhận diện Shaplen như là một mục tiêu của trò dùng thông tin giả để đánh bẫy do CIA thực hiện với mục đích duy nhất là vạch mặt (bằng cách tạo ra) một trường hợp thiên vị Việt Cộng trong đưa tin.(36)

Ẩn kể với tôi rằng ông từng biết một câu chuyện bịa đặt về một nhóm phản bội gồm những thành viên Việt Cộng bất mãn lên kế hoạch lật đổ ban lãnh đạo Mặt trận Giải phóng Dân tộc. Một vài nhà báo dính bẫy đã đến vùng Long Khánh để gặp một đại diện Mặt trận, và người này kể cho họ về một âm mưu phản loạn tại tỉnh Sông Bé. Jean-Claude Pomonti viết một bài báo dài nhan đề “Đảo chính trong rừng rậm” đăng trên trang bìa tờ Le Monde.(37) Bài viết được nhiều hãng tin lấy lại. Rắc rối duy nhất trong vụ này: đây chỉ là một trò tung tin thất thiệt của CIA nhằm hạ uy tín các nhà báo. Ẩn kể với tôi rằng Pomonti đã một phen bẽ bàng còn danh tiếng nghề nghiệp của ông ta sụt giảm nghiêm trọng.

Trưởng văn phòng của Time Stanley Cloud từng muốn cử phóng viên đi đưa tin vụ này, nhưng Ẩn đã can ngăn ông ta không làm điều đó bởi biết rằng đây là tin thất thiệt, ông hỏi Cloud rằng làm sao có thể xảy ra một vụ lật đổ ở trong rừng mà không ai khác biết được? Khi bài viết của Pomonti được đăng tải, Cloud gọi Ẩn tới văn phòng và hét lên, “Tại sao, tại sao, tại sao chúng ta không đăng bài này; tại sao cậu không đi đưa tin?” Ẩn chỉ có thể nói với ông ta rằng, “Này, các nguồn tin của tôi cho biết đây là tin giả, không hề có vụ đảo chính nào cả. Tin tôi đi, tôi đảm bảo nguồn tin của tôi đúng”. (38) Khi tôi đem chuyện này nói lại với Cloud và McCulloch, họ thừa nhận rằng đã có nhiều lần Ẩn khuyên can họ né tránh những vụ tung tin thất thiệt, có khi là tin giả được cố ý tạo ra và có khi là thông tin không chính xác.(39)

Ẩn cảm thấy rất tệ khi không thể ngăn bạn mình là Jean-Claude Pomonti vào rừng, và vài tháng sau đã giúp Pomonti liên lạc với phát ngôn viên thực sự của Mặt trận Dân tộc Giải phóng bằng cách hướng dẫn cho đồng nghiệp cách đi đến một khu vực giải phóng.(40) Theo Pomonti, sau khi ký Hiệp định Paris, rất nhiều phóng viên muốn tới các “vùng giải phóng” của Việt Cộng để viết bài về “phía bên kia”. Một buổi chiều nọ, Ẩn

tới gặp ông tại phòng của ông ở khách sạn Continental. Hai người tán gẫu, và đến khi ra về, Ấn bất chợt nói rằng nếu Pomonti muốn khám phá một khu vực của Việt Cộng, ông có thể đi theo đường xuống Mỹ Tho (cách Sài Gòn chừng sáu mươi cây số về phía nam), khi gần đến Mỹ Tho, rẽ qua đường về phà Mỹ Thuận, và trước khi tới bến phà, thì dừng chân ở một ngôi làng có tên gọi Mỹ Quý. Rồi Ấn nói, “Người ta bảo rằng từ đó thì có thể vào [khu vực của Việt Cộng]”. Ngày hôm sau, Pomonti cho biết nhóm của ông đã tới được “vùng giải phóng của Việt Cộng”, nơi ông được chào đón với băng rôn mang dòng chữ, CHÀO MỪNG CÁC NHÀ BÁO QUỐC TẾ. Pomonti ở hai ngày trong “vùng giải phóng” và được xem một buổi diễn văn nghệ.

“Tôi giúp đỡ Pomonti trong lần thứ hai là để bù đắp cho việc đã không nói gì trong lần đầu”, Ấn giải thích. “Tôi đã cứu tờ Time khỏi tình huống bẽ bàng, nhưng nếu tôi khuyến cáo Pomonti nữa thì sẽ không còn ai tới nghe câu chuyện nguy tạo, thế là vỏ bọc của tôi sẽ bị lột ngay”.

Ấn đã nói với bà Nguyễn Thị Ngọc Hải, người Việt Nam viết hồi ký cho ông, rằng: “Cuộc sống người ta một nghề, mình hai nghề, một nghề đi theo cách mạng, một nghề bám ở đây, để tự túc lâu dài, nghề báo không bao giờ rảnh. Hai nghề này rất mâu thuẫn nhau, nhưng lại giống nhau. Một đảng lấy được tin tức gì phân tích ra sao giấu đi như mèo giấu cứt là tình báo. Đảng khác thì lấy được tin gì, phân tích ra sao thì đăng toạc móng heo lên báo, phát thanh lên đài! Đó là làm nghề báo chí”. (41)

TẤT CẢ NHỮNG KỸ NĂNG VÀ TÀI NĂNG NÀY đã tự hiển lộ trong cuộc đời gần như là phản thân của Ấn trong giai đoạn xảy ra cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968. “Chúng tôi dùng xuồng máy chạy lên chạy xuống dọc sông Sài Gòn để tìm vị trí các kho xăng dầu và trạm an ninh”, Tư Cang kể. Sau này, Ấn đã mô tả rằng hành động đó “khá nguy hiểm, nguy hiểm không cần thiết”. (42) Họ còn lái chiếc Renault màu xanh của Ấn chạy loanh quanh Sài Gòn để định vị các mục tiêu dễ tấn công nhất, và Ấn hướng dẫn cách né các hệ thống bảo vệ an ninh. Trong thời gian ở cùng nhau, Tư Cang thông báo cho Ấn biết ông đã được trao huân chương vì có công lao trong trận Ấp Bắc. “Tôi không bao giờ có thể đeo tấm huân

chương đó cho đến khi vở kịch kết thúc”, Ấn đáp. “Tôi chỉ hạnh phúc khi đeo nó vào ngày giải phóng”. (43)

Cuối cùng Trần Văn Trà chọn năm mục tiêu chính: Dinh Tổng thống, Phi trường Tân Sơn Nhất, Tổng nha Cảnh sát Quốc gia, Sở chỉ huy Lực lượng Đặc biệt Đô thành và Văn phòng Bộ Tổng tham mưu ở Sài Gòn. Nhóm mục tiêu thứ hai bao gồm Đài phát thanh Sài Gòn, các bưu điện, Đại sứ quán Mỹ, Bộ chỉ huy Hải quân ở Sài Gòn, cũng như bến cảng, nhà xưởng, nhà máy điện và các cơ sở hậu cần cùng cơ quan chính quyền khác. Tư Cang, sau đó sẽ tham gia mũi tấn công vào Dinh Tổng thống, tán thành với hầu hết các mục tiêu này.

Ấn biết rằng ông sẽ được trông đợi trong việc đưa tin về cuộc tấn công “bất ngờ” cho tờ Time và giúp các phóng viên hiểu điều gì đang xảy ra. “Đây là một thời kỳ rất khó khăn cho tôi”, Ấn nhớ lại. “Tôi đã biết quá nhiều thứ nên rất lo lắng cho sự an nguy của gia đình, một khi cuộc nổi dậy của quần chúng thành công. Tôi thậm chí còn sắp xếp để khi cần thì gia đình sẽ tới tá túc tại nhà Marcus Huss”. Huss là quan chức liên lạc chính của Mỹ với chính quyền Nam Việt Nam chuyên trách về bình định hóa.(44) “Tôi biết rằng mình phải có mặt để giúp đồng nghiệp, những người cần biết chuyện gì đang xảy ra, nhưng tôi cũng đồng thời cần phải viết một báo cáo về chiến dịch để gửi vào rừng”. (45)

Rạng sáng 31 tháng 1, khoảng gần tám mươi ngàn lính chính quy và du kích quân Bắc Việt tấn công vào hơn một trăm thành phố khắp miền Nam Việt Nam. Chiến dịch Tết Mậu Thân bao gồm các đợt tiến công vào ba mươi lăm trên tổng số bốn mươi tư tỉnh lỵ, ba mươi sáu huyện lỵ và nhiều làng ấp. Vài tuần trước cuộc tổng tấn công, lực lượng Cộng sản với trang phục dân sự đã được chuyển vào Sài Gòn để chuẩn bị cho một chiến dịch kinh khiếp được lên kế hoạch kỹ lưỡng. Mục tiêu của chiến dịch là nhằm khẳng định rằng không những vùng nông thôn không bị bình định hóa mà giờ đây các vùng đô thị, bao gồm Sài Gòn, cũng không được bảo vệ chắc chắn. William Tuohy, người nhận giải Pulitzer vào năm 1968 cho các bài báo viết từ Việt Nam, tả về cuộc chiến mà mình tận mắt chứng kiến: “Một chiếc xe chở đầy quân cảnh Mỹ bị bắn cháy bên ngoài phi trường Tân

Sơn Nhứt và chiến sự nổ ra khắp thành phố. Một nhóm Việt Cộng đang quần nhau với lực lượng cảnh sát quốc gia tại một tòa nhà chỉ cách Dinh Độc Lập một tầm ném lựu đạn”. (46) Bên trong Sài Gòn, các đơn vị đột kích đã chiếm đài phát thanh trong nhiều giờ, và chiếm cả Đại sứ quán Mỹ, một phần dinh, cùng cổng số 4 và số 5 của trụ sở Bộ Tổng tham mưu.

Trang nhất số ra ngày 1 tháng 2 của tờ New York Times đăng bức ảnh Đại sứ quán Mỹ đang bị tấn công. Du kích quân mở được lối vào tòa sứ quán và chiếm giữ một phần khu nhà trong suốt sáu giờ. Tất cả mười chín du kích quân, bốn quân cảnh, một bảo vệ thuộc thủy quân lục chiến và một nhân viên người miền Nam Việt Nam làm việc cho tòa đại sứ thiệt mạng. Lúc này, Tư Cang có nhiệm vụ theo dõi cuộc tấn công của bộ đội đặc công vào Dinh Tổng thống nơi có hệ thống phòng thủ kiên cố. “Quân Việt Cộng vào núp tại một tòa chung cư xây dở và cố thủ ở đấy trong suốt mười lăm giờ trong một trận đọ súng liên hồi cho đến khi gần như cả đơn vị nhỏ này bị tiêu diệt”, cựu phóng viên ngoại giao Don Oberdorfer của tờ Washington Post viết.(47)

Tư Cang là một xạ thủ cừ khôi.

“Ông ấy có thể bắn K-54 bằng cả hai tay, mỗi giây một phát và không bao giờ trượt mục tiêu”, Ấn cho biết. Ông thường để dành một viên đạn trong túi, một viên đạn dành cho chính mình trong trường hợp cần thiết.(48) Khi cuộc tấn công vào Dinh Tổng thống bị đẩy lùi, Tư Cang chợt thấy mình bị kẹt lại trong một ngôi nhà đối diện với dinh qua một con đường: “Từ nơi ẩn nấp, tôi có thể thấy phía bên kia đường, đối diện với ngôi nhà mà các chiến sĩ đặc công của tôi đang cố thủ, có một toán sĩ quan Mỹ, ngụy đang la hét chỉ đạo đám lính tấn công ngôi nhà. Tôi tự nhủ chỉ có cách làm gì đó để cản phá kẻ địch triển khai quân thì các chiến sĩ đặc công của tôi mới thoát được. Nhưng tôi cũng biết rằng nổ súng là hành động mà một tình báo viên phải cân nhắc cực kỳ kỹ càng, bởi nếu một điệp viên bị lộ thì cả mạng lưới tình báo mà chúng ta đã mất nhiều năm để xây dựng bỗng nhiên trở nên vô hiệu. Sau khi cẩn thận phân tích tình hình, tôi rút súng ra, nhắm thẳng vào hai sĩ quan Mỹ, bắn hai phát thật nhanh và lập tức thụp vào chỗ ẩn nấp”. (49) Tư Cang được xác nhận là đã bắn chết hai viên sĩ quan người Mỹ kia.

Ngày 1 tháng 2, Walter Cronkite(*) thực hiện chương trình dài một phút về cuộc đọ súng ở Dinh Tổng thống. Những khẩu súng ngắn do Tư Càng sử dụng trong dịp Tết Mậu Thân hiện được trưng bày kề bên chiếc Renault của Ấn ở Bảo tàng Quân đội tại Hà Nội nhằm ghi nhận công lao của hai người trong giai đoạn đó.(50)

(*) Walter Cronkite (1916-2009) là một nhà báo nổi tiếng của Mỹ. Ông phụ trách chương trình Tin buổi tối của truyền hình CBS từ năm 1962 đến 1981.

Nhận được chỉ đạo chung là “Tiến lên phía trước để giành thắng lợi cuối cùng”, nhưng Cộng quân đã chịu thương vong lớn trong dịp Tết Mậu Thân, mà ông Trần Văn Trà đã phải nhận trách nhiệm. “Điểm yếu và thiếu sót của chúng ta là ở chỗ chúng ta không có khả năng tiêu diệt được nhiều lực lượng và các lãnh đạo chớp bu của đối phương”, ông Trà viết. “Chiến dịch đã không đủ hiệu quả để làm đòn bẩy kích thích cuộc nổi dậy của nhân dân... Tuy nhiên, các cuộc tấn công của chúng ta đã làm chấn động các huyết đạo quan trọng của địch, làm mất ổn định các cơ sở kinh tế, chính trị và quân sự của địch trên toàn miền Nam”. (51) Việt Cộng mất hơn một nửa lực lượng tham chiến, tương đương với một phần tư quân thường trực; phải mất nhiều năm mới khôi phục được. Don Oberdorfer giải thích, “Việt Cộng mất một thế hệ quân kháng chiến, và sau Tết Mậu Thân, người ta phải gửi thêm rất nhiều người từ Bắc Việt vào để trám chỗ trống. Cuộc chiến đã chuyển dần sang chiến tranh chính quy và bót dần chất du kích”. (52)

Dù thế, Tết Mậu Thân đã trở thành một trận chiến quyết định của cuộc chiến tranh nhờ vào tác động của nó lên chính trường và thái độ của công chúng Mỹ về cuộc chiến tranh.(53) Cuộc tổng tấn công còn mở ra một chuỗi những sự kiện đáng kể, như việc thảo luận về khả năng sử dụng vũ khí hạt nhân chiến thuật tại Khe Sanh, nơi vẫn còn diễn ra một cuộc chiến vu hồi khốc liệt. Tướng Westmoreland lúc bấy giờ đang đề nghị tăng thêm

206.000 quân để đáp ứng đòi hỏi mới, nâng cam kết về quân số tham chiến của Mỹ lên gần 750.000, nhưng Sài Gòn vẫn chưa an toàn. Nhịp độ cuộc chiến và khả năng kiểm soát cuộc chiến không được quyết định bởi sự vượt trội về kỹ thuật của Mỹ, mà bởi chính kẻ thù của họ. Không hề có một điểm dao động, một sự đổ vỡ nào trong ý chí tiếp tục cuộc chiến tới cùng của đối phương. Tối 27 tháng 2, người dẫn chương trình Walter Cronkite của đài CBS nói với toàn thể nước Mỹ rằng cuộc chiến sẽ kết thúc trong bế tắc. “Chúng ta đã quá thường xuyên thất vọng bởi sự lạc quan của giới lãnh đạo nước Mỹ, kể cả ở Việt Nam và tại Mỹ, nên không thể tiếp tục trông chờ vào một điểm lóe sáng nào đó trên những đám mây đen kịt này... Bây giờ có thể thấy rõ ràng hơn bao giờ hết rằng trải nghiệm đẫm máu tại Việt Nam sẽ kết thúc trong bế tắc. Nói rằng chúng ta sẽ sa lầy trong bế tắc có lẽ là kết luận thực tế duy nhất, dù kết luận đó chẳng dễ chịu chút nào”.(54)

Sau sự kiện Tết Mậu Thân, công việc phóng viên của Ấn rất bận rộn. Ông dẫn Bob Shaplen đi khắp Sài Gòn, giải thích chi tiết về việc bằng cách nào Việt Cộng có thể tuần rất nhiều quân vào thành phố mà không bị phát hiện. Bài viết vào ngày 2 tháng 3 năm 1968 của Shaplen trên tờ New Yorker thực chất là sự chắt lọc những hiểu biết của Ấn. Nếu có một người nào đó có thể giải tỏa được những băn khoăn của Shaplen về cách thức đột nhập của Việt Cộng, thì đó chính là người đã giúp điều phối kế hoạch đột nhập.

Shaplen viết về đội đặc công mười hai người đã tấn công sở chỉ huy hải quân bên sông Sài Gòn, nơi mà Tư Cang và Ấn đã thăm dò tình hình chỉ vài ngày trước đó. Mô tả đây là “cuộc tấn công táo bạo nhất từng được biết đến”, Shaplen viết rằng cuộc tấn công là nhằm chiếm tòa nhà sở chỉ huy, rồi đặt ba khẩu súng máy ở trên nóc để vô hiệu hóa các tàu hải quân ở dưới sông, và sau đó “sẽ chiếm các tàu này và sử dụng chúng để chuyên chở các tiểu đoàn Việt Cộng từ bờ bên kia đột nhập vào thành phố. Nếu thành công, kế hoạch này sẽ ảnh hưởng khá lớn đến toàn cục ở Sài Gòn”. (55)

Khi cuộc tấn công nổ ra, đặc công Việt Cộng đã diệt được ba lính bảo vệ của hải quân và cho nổ thông một lỗ bên hông tòa nhà sở chỉ huy, nhưng cuối cùng tất cả mười hai lính đặc công đều bị giết hoặc bị bắt. “Đúng, vụ đó là một phần trong nhiệm vụ của chúng tôi”, Tư Cang nhớ lại. “Chúng tôi

kiểm tra dọc sông, làm báo cáo về các loại tàu khác nhau cũng như quan sát của chúng tôi về tình hình bố phòng ở đây”.

Tiểu đoàn C.10 chịu trách nhiệm đối với phần lớn công việc lên kế hoạch cho các cuộc tấn công vào Dinh Tổng thống và sở chỉ huy hải quân. (56) Khi tôi hỏi Ẩn làm thế nào ông và Tư Cang có thể đi lại trên sông Sài Gòn mà không bị nghi ngờ, ông đáp, “Ai cũng biết tôi, và lúc đó là giữa ban ngày, nếu có ai để ý tới chuyện này thì họ cũng sẽ nghĩ là tôi đi tìm tư liệu để viết bài. Nhưng có rất nhiều tình báo viên làm công việc báo cáo vào lúc đó, chứ đâu chỉ có mình tôi. Lúc bấy giờ tình hình rất nguy hiểm đối với chúng tôi”.

Ẩn và Tư Cang đều nhấn mạnh vào bản phân tích hậu chiến dịch Mậu Thân của Ẩn. “Sau giai đoạn một của chiến dịch tổng tấn công, tôi gửi một báo cáo từ đô thành ra cho các lãnh đạo cấp cao, trong đó nói rằng tình hình khá bất lợi. Tuy nhiên, khi Hai Trung dẫn tôi đi vài vòng, tôi đã thay đổi ý kiến”. (57) Ẩn tham dự hầu như tất cả các cuộc họp báo của quân đội về tình hình an ninh tại Sài Gòn, về mệnh lệnh chiến trường, và về phản ứng của Mỹ sau cuộc tổng tấn công. “Tôi là người duy nhất viết rằng chúng tôi đã thắng trong cuộc chiến tâm lý, rằng chúng tôi đã thất bại để rồi chiến thắng. Tôi cần phải giải thích tại sao. Báo cáo của tôi bị quan ở chỗ tôi giải thích rằng quân chính phủ đã không bị tiêu diệt và rằng chúng tôi đã chịu tổn thất về sinh lực quá lớn. Tôi cũng báo cáo rằng các tư lệnh của chính quyền ở đây đã làm tốt nhiệm vụ, nhưng dù thất bại về chiến thuật, chúng tôi đã chiến thắng về chính trị. Khi Tư Cang nghe tất cả những điều này, ông đã thay đổi ý kiến và đồng thời cũng đưa nhận định này vào bản báo cáo của ông”.

Suy nghĩ của Ẩn bị ảnh hưởng bởi người bạn của ông là Tướng Trần Văn Đôn của Quân lực Việt Nam Cộng hòa, cùng nhiều người khác.

“Tôi muốn nói rằng tinh thần lúc ấy đang xuống thấp và vấn đề người Mỹ sẽ rời Việt Nam hay không bắt đầu được khơi lên. Cũng rất buồn cười là tôi vẫn còn nhớ rằng Trần Văn Đôn lúc bấy giờ rất lo ngại khả năng sau Tết Mậu Thân người Mỹ sẽ rút quân do không chịu được sức ép dư luận tại Mỹ. Ông ấy ghé chỗ tôi, và tôi đã trấn an ông bằng chính những thông tin

mà tôi đã gửi vào rừng, 'Đừng lo, ông đã giành thắng lợi quân sự lớn trong cuộc tổng tấn công này, bên kia tổn thất nhiều sinh mạng và tổng khởi nghĩa đã không nổ ra. Người Mỹ sẽ không đi đâu cả. Tôi đảm bảo họ sẽ ở đây nhiều năm nữa'. Tôi cũng nói với cấp trên của mình như thế, nhưng tôi còn bổ sung yếu tố tâm lý rằng tôi tin dư luận tại Mỹ sẽ có lợi cho chúng tôi về lâu về dài”.

Về cuối cuộc phỏng vấn của tôi với Tư Cang, ông nói với tôi, “Ông Ấn thực sự đã đóng góp vào những thay đổi rất lớn về kết cục của cuộc tổng tiến công. Chẳng bao lâu sau, Westmoreland bị thay, Johnson mãn nhiệm và nước Mỹ bắt đầu các cuộc đàm phán hòa bình, mọi thứ thay đổi theo chiều hướng có lợi cho chúng tôi. Ông Ấn đóng góp vào việc làm sáng tỏ toàn bộ kế hoạch chiến tranh của Mỹ. Các báo cáo của ông ấy là chìa khóa mở ra việc Johnson đến Paris để tìm kiếm giải pháp hòa bình”. (58)

Lần sóng các đợt tấn công thứ hai liên quan tới cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân khởi đầu vào ngày 4 tháng 5 năm 1968, nhằm vào 119 căn cứ, thị xã và thành phố của miền Nam. Các đơn vị công kích đặc biệt và hỏa lực pháo binh đánh vào Dinh Tổng thống, dinh thự của Đại sứ Mỹ cũng như khu nhà của Đại sứ quán Mỹ. “Chính phủ đã gặp khó khăn trong việc nhổ tận gốc Việt Cộng vào tháng 5”, William Tuohy viết. “Quân Việt Cộng đã cắm được một lá cờ trên cầu chữ Y, chiếc cầu có tên gọi như vậy bởi ở đoạn giữa nó tách ra làm đôi, bắc qua con kênh trấn giữ phía nam Chợ Lớn”(59). Đợt tấn công được gọi là Tết Mậu Thân lần hai cũng mang dấu ấn của chiến dịch đột nhập thành công vào khu vực Chợ Lớn, nơi vào ngày đầu tiên của chiến trận, có bốn nhà báo của Time và Reuters bị Việt Cộng giết.(60) Một người bạn của Ấn, phóng viên John Cantwell của tờ Time, thiệt mạng cùng với Michael Birch của hãng thông tấn AAP(*), Ronald Laramy của Reuters và Bruce Pigott, trợ lý trưởng phân xã Reuters tại Sài Gòn.

(*) Australian Associated Press (AAP) là một hãng thông tấn của Úc, ra đời vào năm 1935

Nhóm này đang di chuyển bằng xe Jeep thì phát hiện một cột khói ở Chợ Lớn. Tiến về phía khói bốc lên, họ nhanh chóng bắt gặp một dòng người chạy trốn Việt Cộng. Các phóng viên tiếp tục đi, bỏ ngoài tai các lời cảnh báo cho đến khi họ tới một giao lộ vắng thì bắt gặp một toán Việt Cộng. Cantwell, lúc ấy làm tài xế, cố tìm cách quay xe lại nhưng đã quá chậm. Khi viên chỉ huy Việt Cộng tiến lại gần chiếc xe Jeep, Birch hét lên, “Báo chí”, sử dụng một từ tiếng Việt để chỉ các nhà báo. Tay súng Việt Cộng đáp lại một cách đầy nhạo báng “Báo chí”, rồi nhả ba viên đạn từ khẩu 45 ly vào phóng viên.(61)

Khi tôi hỏi Ấn về những cái chết này, cũng như vụ Tư Cang giết những người Mỹ và Nam Việt Nam trong đợt Tổng tấn công Tết Mậu Thân, cũng như những lời khoe khoang từ đơn vị tình báo H.63 của ông rằng họ đã giết rất nhiều người Mỹ, Ấn đã quả quyết rằng chưa bao giờ người ta nhìn thấy ông làm đau bất kỳ người nào. Khi tôi nói với Ấn rằng dù điều đó là sự thật, thì vẫn có người đã phải chết, ông trả lời rằng những người này là “thương vong của chiến tranh”. Khi tôi đồn ông hơn nữa, ông đã chọn cách gạt bỏ và bảo câu hỏi của tôi bị lạc đề, và hơn một lần nói rằng “những người kia là bạn của tôi, tôi không bao giờ làm đau họ, nhưng trong chiến tranh thì làm sao tránh được người vô tội gặp thảm họa. Tôi chỉ bảo vệ đất nước của tôi”.

Sau đó, ông Ấn bảo tôi nên đến hỏi Rufus Phillips về cái ngày mà họ tới thăm hiện trường vụ thảm sát dân thường trong thời gian diễn ra Chiến dịch Vành đai sắt thuộc chương trình Hợp tác của Westmoreland, một chiến dịch do viên tướng này đề xuất vào năm 1964 nằm trong các nỗ lực bình định hóa của MACV.(62) “Chương trình này được thiết kế để tăng cường an ninh cũng như mở rộng sự kiểm soát và dịch vụ của chính phủ - gọi là bình định hóa - từ Sài Gòn rồi dần mở rộng ra sáu tỉnh tạo nên một dạng đai yên ngựa xung quanh thành phố”, Westmoreland viết trong hồi ký Báo cáo của một người lính. “Khi các đơn vị lớn của quân địch bị đẩy xa hơn khỏi thành

phố, các cuộc tuần tra và phục kích thường xuyên sẽ giúp tăng cường an ninh rồi sau đó các nhiệm vụ này được trao lại cho nhân dân tự vệ và lực lượng mở rộng của cảnh sát. Khi các vùng này được bảo đảm an toàn, các cơ quan dân sự sẽ được chuyển vào nhằm thiết lập sự kiểm soát và các dịch vụ của chính phủ, cung cấp cho mọi người thẻ căn cước, công tác bảo an của cảnh sát, và các tiện nghi như trường học, giếng nước, phòng khám bệnh và dịch vụ y tế. Ý tưởng này là nhằm cung cấp một mức sống cao hơn rõ rệt so với khả năng mà Việt Cộng có thể cung cấp. Trên thực tế, đây chính là khái niệm 'vết dầu loang'”.

Ông Ấn gặp may khi Westmoreland lập ra Hội đồng Hợp tác nhằm hỗ trợ cho sự phối hợp toàn diện giữa quân đội và các cơ quan dân sự. Nhiều tổ chức đã cử đại diện tham gia Hội đồng, trong đó có các đầu mối của Ấn ở trong Bộ Nội vụ, Cảnh sát Quốc gia, và Phủ Đặc uỷ Trung ương tình báo. Nhờ đó mà ông có thể giúp Hà Nội cập nhật được thông tin về các nỗ lực bình định hóa, có lẽ vì thế mà ông Mai Chí Thọ coi đây là đóng góp lớn nhất của Ấn.

Ấn đưa Phillips ra vùng ngoại ô Chợ Lớn nơi vào đêm hôm trước Việt Cộng đã phục kích tiêu diệt toàn bộ một đơn vị tự vệ. “Khi chúng tôi tới nơi, những người sống sót vẫn còn trốn trong pháo đài nhỏ bé này”, Phillips nhớ lại. Cuộc tấn công diễn ra trong chiến dịch Vành đai sắt thuộc chương trình Hợp tác, cho thấy không có gì gọi là an ninh ở khu vực ấy. Đây là khu vực không người. Ngày hôm sau, Chuẩn tướng Fritz Freund cùng với Ấn và Phillips trở lại nơi ấy, và nhận ra một sự thiếu vắng đáng buồn về hợp tác quân sự. Ấn kể với tôi rằng khu vực ấy về sau được Việt Cộng dùng làm bàn đạp cho cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân năm 1968 và chính ông là người đề xuất chọn nơi đây.(64) “Có rất nhiều nơi khác tôi có thể đưa Rufus tới, nhưng sự kiện này rất buồn bởi cả dân lành cũng bị giết. Tôi chỉ cho ông ấy thấy bởi ông ấy cần tận mắt chứng kiến thực tế là dân lành ở cả hai phía đều bị giết và rằng không hề có cái gọi là an ninh trong chương trình này”.

Tôi cố gắng quay lại điểm mấu chốt của mình. Đó là Ấn đã giúp Tư Cang lên kế hoạch tấn công Dinh Tổng thống và Tư Cang, chỉ huy của đơn

vị H.63 Anh hùng, được công nhận là đã giết những người Mỹ hôm đó. Ấn có cảm thấy mình phải chịu trách nhiệm chút nào không?

“Không, không phải như ý ông nói đâu”, ông trả lời. “Tôi chỉ cho ông Tư Cang những nơi dễ tấn công nhất. Đó là nhiệm vụ của tôi. Tôi không có vũ khí, và mọi người đều biết tôi không hề giết một ai cả”.

Tôi không bao giờ có thể cùng Ấn đi xa hơn trong vấn đề này, và tôi biết rằng ông đang cảm thấy nhói đau bởi lá thư của cựu đồng nghiệp Zalin Grant ở tạp chí Time gửi cho tờ New Yorker vào năm 2005, trong đó buộc tội, “khi làm gián điệp cho Bắc Việt, Ấn đã biến các phóng viên tờ Time thành một mạng lưới tình báo vô tình của Hà Nội. Time có các nguồn tin cấp cao vốn thường cung cấp các thông tin mật với điều kiện là những thông tin này phải được giữ bí mật và chỉ được dùng để phục vụ cho nền tảng hiểu biết để dễ nắm bắt tình hình. Nội dung của những tin tức bí mật được lưu truyền nội bộ theo 'bản ghi chú hằng tuần của Time', vốn luôn được coi là nhạy cảm đến mức các bản sao được đánh số và các biên tập viên sau khi đọc thì phải trả lại. Bản ghi chú có rất nhiều chuyện tầm phào vô dụng, nhưng cũng chứa các báo cáo Quý như vàng của người trong cuộc từ Nhà Trắng, Bộ Ngoại giao và Lầu Năm Góc. Bản ghi chú cũng được lưu hành tới các văn phòng của Time trên toàn thế giới, và tại các nơi này người ta giữ cùng quy tắc bảo mật; Ấn, với tư cách là một phóng viên của Time, có thể tiếp cận nó. Tôi thường thấy ông ta ghi chú các báo cáo mật của trưởng văn phòng ở Sài Gòn. Những báo cáo này có thể bao gồm cả thông báo của các tướng Westmoreland và Creighton Abrams cũng như các đại sứ Henry Cabot Lodge và Ellsworth Bunker, vốn thường có thông tin về các chiến dịch và chiến lược của nhiều tuần trong tương lai. Sau đó Ấn có thể biến mất mà không nói một lời nào, có lẽ là đi báo cáo với các đồng chí của ông ta dưới địa đạo Củ Chi. Tôi luôn đặt vấn đề những nhà báo Mỹ hay tìm cách thi vị hóa Ấn. Chống chiến tranh Việt Nam là một chuyện - nhiều người trong chúng ta đều như thế - nhưng sẽ là một chuyện khác khi bày tỏ sự khâm phục vô điều kiện đối với một người từng dành phần lớn cuộc đời mình giả vờ làm nhà báo để đi giúp cho việc giết người Mỹ”.

Frank McCulloch rất sốc trước những lời cáo buộc này tới mức ông đã gửi thư phản ứng tới tờ New Yorker. Lá thư không được đăng, nhưng McCulloch chuyển cho tôi một bản sao: “Sự kính trọng của tôi dành cho Ấn trong quá khứ và hiện tại không liên quan gì tới công việc ông ta làm cho Cộng sản mà liên quan tới mọi thứ thuộc về tính chính trực, sự thông tuệ và tình yêu đất nước mãnh liệt của ông ta... Tất nhiên là tôi đã không có lý do gì để nghi ngờ ông ta và không hề biết về cái vai Cộng sản của ông ta cho đến sau khi chiến tranh kết thúc. Lúc đó và bây giờ tôi đã tha thứ bởi hai lý do: Thứ nhất, bài viết của Ấn không bao giờ phản ánh điều gì tương đồng với phe Cộng sản - và tôi tha thiết mong muốn những tài liệu cũ sẽ được kiểm tra lại để làm rõ điều đó. Thứ hai, nếu tình hình đảo ngược và hơn nửa triệu quân Việt Nam tràn vào một khu vực tương đương California, tức là khoảng bằng diện tích của Việt Nam, và chúng ta không tin vào những lý do của sự có mặt của họ ở đây, vậy thì chúng ta sẽ phản ứng như thế nào? Đây là đất nước của ông ta, không phải của chúng ta - một sai lầm luôn khiến chúng ta trả giá đắt. Tôi đã không, và bây giờ vẫn vậy, tán thành ý thức hệ của Ấn, nhưng tôi không thay đổi quan điểm của mình rằng ông ta có mọi quyền để giữ điều đó”. (65)

Về chuyện bản ghi chú “bí ẩn” của Time, thì “đó là ấn thư hàng tuần của Washington do văn phòng ở đây thực hiện để cung cấp thông tin, sự hướng dẫn cũng như làm trò vui cho các biên tập viên của Time. Tôi không hề nhớ tới chuyện các bản sao được đánh số mà chúng tôi nhận được ở Sài Gòn, nhưng nếu quả thực là vậy, thì lý do của chuyện này chỉ đơn giản là chúng tôi không có đủ bản sao để phân phát cho tất cả. Khoảng 90% nội dung các 'thư' này cuối cùng được in lên mặt báo, thế nên nếu như có thông tin nào đó đáng giá cho Cộng sản, thì họ chỉ đơn giản đi đặt mua báo là có. Thật sự thẳng thắn mà nói thì việc chúng tôi cẩn trọng với việc lưu hành ấn thư là bởi chúng tôi không muốn bên Newsweek đọc được”. (66)

Sau cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân, Ấn cho biết CIA đã tiếp cận ông và đề nghị ông tới điều hành một trại bò sữa ở Tây Ninh, nằm giữa vùng B và C, được biết là nơi Việt Cộng hay thâm nhập. Ấn sẽ đóng vai là một chủ trại quý phái, nhiệm vụ thực sự của ông chỉ là nuôi bò và quan sát

các công nhân rời báo cáo. Ẩn rất lo lắng trước đề nghị này bởi vì ông sẽ phải rời tờ Time và trở thành một điệp viên hai mang, điều mà ông chẳng hề muốn chút nào. Lời đề nghị có câu “hãy đến gặp chúng tôi sau”, nghĩa là ông có thể từ chối. “Tôi quyết định không xin ý kiến cấp trên rằng tôi có nên nhận lời hay không bởi lẽ tôi không hề muốn làm điệp viên hai mang chút nào”.

Cho rằng có lẽ lý do khiến Ẩn từ chối là bởi ông không thích làm chủ trang trại, nên nhân viên CIA đã tiếp cận ông lần trước lại gợi ý ông đến điều hành một nhà máy đồ hộp ở Nha Trang và Vũng Tàu, cũng với mục đích là theo dõi hoạt động của Việt Cộng. Công việc duy nhất của Ẩn sẽ là quan sát hoạt động của các ngư dân đến bán cá, bởi vì CIA muốn tìm ra những chiếc thuyền được sử dụng để tuần vũ khí vào miền Nam. Ẩn cũng đã nhanh chóng từ chối lời đề nghị.

Một đề nghị gây tò mò khác đến từ CIO, ngay sau khi ký Hiệp định Paris vào năm 1973. Biết rằng phái đoàn của Chính phủ Cách mạng Lâm thời đang trú tại một khách sạn gần đấy, CIO lên kế hoạch cài thiết bị nghe lén điện tử tại tiệm Givral nhằm mục đích thu được thông tin có giá trị từ các cuộc trao đổi của họ liên quan đến kế hoạch lập “chính phủ liên hiệp”.

Givral do tư nhân sở hữu, vì thế CIO muốn vợ của Ẩn dùng tiền của CIO để mua lại quán này. Ông Ẩn không thích vụ này chút nào, nhưng việc cài máy nghe lén vẫn được tiến hành và một phần của tiệm đã được tân trang thành một quầy cà phê sữa và kem để che giấu mục đích thực sự của việc sửa quán, tức là lắp thiết bị nghe lén. “Đó là cách rất dễ để bị bắt. Không ai có thể bảo vệ anh ngoại trừ chính bản thân anh”, Ẩn nói.(67)

Phần lớn các đồng nghiệp vào lúc này hay lúc khác cho rằng Ẩn đang cộng tác ở một cấp độ nào đó với CIA. Richard Pyle, trưởng văn phòng hãng AP tại Sài Gòn từ năm 1970 đến 1973, nhớ lại rằng vào mỗi ngày, từ chiếc bàn quen thuộc của mình tại quán Givral, “Ẩn chia sẻ các mẫu tin thú vị về chính trường rối rắm của Sài Gòn cũng như những mưu đồ bên trong Dinh Tổng thống cho một đám đông thính giả chăm chú lắng nghe như những đồ đệ - đó là các phóng viên Việt Nam làm việc cho báo đài nước ngoài. Những phóng viên này sau đó trở về các văn phòng với thông tin nội

tình mới nhất mà họ nhận được từ ‘các nguồn tin’ của mình. Không có gì bí ẩn với xuất xứ của các thông tin ấy, và một câu đùa thường trực của cánh nhà báo đó là bất cứ ai có mối liên hệ với Ấn đều chắc chắn là người của CIA”. (68)

Rất có lý khi CIA tìm cách tuyển mộ Ấn. Ai cũng biết trong các công đoàn lao động thân chính phủ đều có đầy người của Cộng sản và các hội đoàn này đang trở thành thùng chứa những người thâm nhập. Một đầu mối ở CIA đã đề nghị Ấn nguyện trang làm phóng viên mảng tin tức công đoàn để có thể theo dõi các hoạt động bí tình nghi là của Việt Cộng. Đáp lại, CIA sẽ cung cấp cho Ấn vài tin độc quyền rất giá trị, nhờ đó có thể nâng cao vị thế của ông tại tờ tạp chí. Ấn kể với tôi rằng ông đã từ chối lời đề nghị, với lý do rằng ông đã có đủ các nguồn tin tốt rồi, bởi lẽ ông biết rằng công việc theo đề nghị là rất nguy hiểm cho vỏ bọc của ông.

Ấn quay trở lại thời kỳ trước đó rất lâu với các đầu mối trong CIA, bắt đầu với Lansdale, Conein và Phillips. Sau cuộc đảo chính chống Ngô Đình Diệm bất thành năm 1960, chỉ huy trưởng chi nhánh Sài Gòn của CIA là William Colby đề nghị bác sĩ Trần Kim Tuyến thành lập Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo (CIO). Tuyến tập hợp vào nhóm lên kế hoạch toàn những người mà ông ta biết rõ là có thể tin cậy được, và tất nhiên Ấn là một trong số đó.(69) “Ai ở CIO cũng coi tôi là người nhà”, Ấn nói. “Họ là nguồn tin quý giá nhất đối với tôi trong cuộc chiến tranh”. Nhóm này hợp tác chặt chẽ với CIA để tạo ra một tổ chức tương đương cho Việt Nam Cộng hòa.

Khi chiến tranh kết thúc, Ấn đối mặt với câu hỏi là liệu có phải ông từng làm điệp viên hai mang hay không. “Tôi may mắn bởi vì nếu trước kia từng nhận lời làm việc cho CIA thì nay sẽ gặp rắc rối lớn với bên an ninh. Tôi bị theo dõi rất chặt bởi tôi là người duy nhất không bị bắt trong suốt hai mươi ba năm và họ muốn biết làm sao lại có chuyện như vậy. Họ không thể kiểm tra các mối liên lạc của tôi bởi tôi tự làm việc cho mình. Tôi là một ca đặc biệt bởi không ai ra lệnh cho tôi. Không có một người điều khiển tôi thực sự. Tôi gửi báo cáo đi và trước khi chiến tranh kết thúc thì họ không nói với tôi điều gì ngoại trừ vụ Ấp Bắc. Sau chiến tranh, họ bảo tôi viết ra mọi thứ để chuẩn bị nhận danh hiệu. Tôi đã làm như vậy nhưng rồi họ

muốn thêm nữa. Họ muốn biết tất cả các đầu mối của tôi, họ muốn tôi báo cáo tên, của tất cả bạn bè, tất cả những người mà tôi đã làm chung trong chừng ấy năm. Tôi từ chối. Tôi có quá nhiều bạn bè rất tin tưởng vào tôi. Tôi cũng không bao giờ tiết lộ nguồn tin. Rồi thì họ cho rằng tôi có người bảo trợ, có thể là trong mạng lưới Tưởng Giới Thạch như bạn tôi là Francis Cau, đứng đầu mạng lưới tình báo ở Đông Nam Á, người thường đến nhà tôi. Nhiệm vụ của ông ta là nhổ cỏ Cộng sản ở Chợ Lớn, ông ta thường chia sẻ thông tin với tôi và muốn tôi làm việc cho ông ta”.

HAI VỤ VIỆC CÓ THỂ CHỨNG MINH rõ ràng nhất cho sự khách quan rạch ròi của Ấn đối với nghề kép của mình và đánh tan lời buộc tội về hoạt động tung tin thất thiệt xảy ra trong Chiến dịch Lam Sơn 719 và Chiến dịch Xuân - Hè 1972.

Ngày 8 tháng 2 năm 1971, hai mươi ngàn lính Việt Nam Cộng hòa tiến qua vùng cán chảo của Lào để cắt đứt Đường mòn Hồ Chí Minh trong một chiến dịch có tên gọi “Lam Sơn 719”, một danh từ nhằm tôn vinh Hoàng đế Lê Lợi, người chào đời tại làng Lam Sơn và sau đó đã đánh bại cuộc xâm lược của Trung Hoa vào thế kỷ 15.(70) Mục tiêu trực tiếp đầu tiên là thị trấn Tchepone, cách biên giới Việt Nam chừng bốn mươi cây số. Thị trấn này nằm kề bên Đường 9 và trên thực tế tất cả các tuyến nhánh của Đường mòn Hồ Chí Minh đều đi xuyên qua khu vực này.

Chuyện Ấn gửi trước bản phân tích của mình dự báo về chiến dịch ở Lào là hiển nhiên. “Ai cũng biết trước rất rõ về nước Lào, trừ những người lãnh đạo”, ông Ấn nói với tôi. “Trong số các đầu mối tiếp xúc đầu tiên của tôi có một đại tá Quân lực Việt Nam Cộng hòa, các lính dù và lực lượng đặc biệt. Tôi nhớ cái hôm gặp viên đại tá, người vừa vắng mặt tại Sài Gòn trong vài ngày. Da ông ta rám nắng, và tôi biết ông ta vừa đi đâu đó về, vì thế tôi hỏi, 'ông vừa đi câu cá ở Nam Lào về hả?' Ông ta cười và ngay lúc đó tôi biết câu trả lời là gì. Tôi rất lo lắng bởi tôi biết điều gì đang chờ đợi tất cả họ ở đấy. Tôi bảo ông ta nên cẩn thận và nhìn vào các tấm bản đồ về hoạt động của quân Cộng sản. Tôi không thể phá hỏng kế hoạch của phía bên kia, nhưng tôi muốn những người bạn của tôi cẩn trọng”.

Một trong những điều mà tôi cảm thấy tiếc là đã không đề nghị Ấn nói kỹ càng về cuộc xung đột hay căng thẳng nội tâm giữa việc biết bạn bè mình đang bước vào một cái bẫy kinh khủng mà ông và những người khác đã góp sức để giăng ra, và việc chẳng thể làm gì khác ngoài câu nói, “Hãy cẩn trọng”. Tôi phần vắn không biết trong cuộc đời của ông, ông có trải qua những đêm mất ngủ hay cảm thấy băn khoăn về mặt đạo đức hay không.

Chiến dịch Lam Sơn 719 được lên kế hoạch từ tháng 11 năm 1970; tới tháng 1 năm 1971, quân đội đẩy mạnh công tác chuẩn bị cho một số phương thức hành động. Ấn nhận được thông tin từ một trong những đầu mối của mình bên trong Quân lực Việt Nam Cộng hòa về kế hoạch tấn công xuyên biên giới đang được chuẩn bị và có thể diễn ra trước mùa mưa để qua đó làm gián đoạn hoạt động của Đường mòn Hồ Chí Minh trong một thời gian dài hơn. Richard Pyle và Horst Faas của hãng AP sau này viết rằng “tình báo miền Bắc có mặt khắp nơi tại miền Nam, từ những cô gái làm công việc lau dọn bàn nhậu cho binh sĩ Mỹ, tới nhiều cấp bậc trong Quân lực Việt Nam Cộng hòa, tới đội ngũ báo chí Sài Gòn - và, như sau này đã được báo cáo, thậm chí ngay cả trong tổng hành dinh của Quân đoàn I tại Đà Nẵng nơi Chiến dịch Lam Sơn 719 được lên kế hoạch”. (71)

Khi Ấn đã sẵn sàng gửi báo cáo lên trên, ông đi bộ dọc một đường phố theo kế hoạch đã định, trong khi bà Nguyễn Thị Ba bê khay đồ trang sức giả rồi giả bộ làm đổ xuống đường. Ông Ấn dừng lại để giúp bà nhặt đồ lên đồng thời chuyển bản báo cáo cho bà. Cuối cùng, bản báo cáo đã tới Trung ương cục miền Nam và công tác chuẩn bị phòng thủ đối phó với Chiến dịch Lam Sơn 719 được tiến hành.

Phân tích riêng của Ấn cho Shaplen về Chiến dịch Lam Sơn đi thẳng vào vấn đề, “cuộc tiến quân vào Lào được hoạch định từ trước... Có lẽ Cộng sản biết điều đó cách đây sáu tháng”, dẫn “ba cuộc hành quân thăm dò, trong đó cuộc cuối cùng diễn ra vào ngày 8 tháng 12, tổn thất 200 người, đúng như đã điện báo trước”.(72) Ông Ấn đã nói cho Shaplen biết được sự thực về thông tin tình báo mà Cộng sản có được từ trước. Trong bản đánh giá của mình, Đại tướng Quân lực Việt Nam Cộng hòa Cao Văn Viên và Trung tướng Đồng Văn Khuyen viết rằng “kẻ địch đã không bị bất

ngờ trước Chiến dịch Lam Sơn 719 và họ đã chuẩn bị sẵn sàng từ trước để đối đầu với quân ta”. (73)

Bắc Việt tổn thất hơn hai mươi ngàn quân, nhưng Quân lực Việt Nam Cộng hòa, trong cơ hội lớn đầu tiên lâm trận mà không có cố vấn và bộ binh Mỹ, đã mất đến một nửa lực lượng và Mỹ bị mất tới 108 trực thăng cùng với 618 chiếc khác bị hư hại. Ông Ấn tiếp tục cung cấp cho Shaplen một bản phân tích hậu Chiến dịch Lam Sơn đáng chú ý khác, bắt đầu bằng việc đánh giá chiến thuật của Quân lực Việt Nam Cộng hòa và thất bại của họ trong việc khai thông Đường 9. “Họ gút lại bằng chiến thuật nửa Mỹ nửa Pháp, nhưng giống Pháp hơn. Lúc khởi đầu, họ di chuyển chậm chạp bằng đường bộ. Lẽ ra họ phải sử dụng đội xe tăng Abrams cho chiến thuật của mình. Chiến thuật nửa này nửa kia chả giống ai cả”. Ấn đặc biệt chỉ trích công tác tình báo: “G-2 không ổn, phát hiện ra xe tăng chỉ có một giờ trước khi chúng xuất hiện rất gần”. Shaplen cũng thêm vào một ghi chú cho riêng mình, rằng “Ấn tiếp tục cho rằng chúng ta sẽ sống sót - bởi vì Cộng sản không dám làm tới cùng”. Lam Sơn là một chiến dịch hoàn toàn thuộc Quân lực Việt Nam Cộng hòa, không có các cố vấn quân sự Mỹ ở bên cạnh để quan sát hoạt động của quân miền Nam Việt Nam. Ông Ấn dường như cũng không kiểm chế được nên đã tiết lộ cho Shaplen một sự thật khác: “Nếu có cố vấn quân sự Mỹ bên cạnh thì khó mà lừa được. Nhưng bây giờ thì rất dễ” (74)

Ông Ấn cũng có sự khách quan tương tự khi giải thích cuộc tổng tấn công mùa xuân năm 1972(*) của Cộng sản, vốn khởi đầu vào lễ Phục sinh ngày Chủ nhật, 30 tháng 3 năm 1972, vài tháng sau Chiến dịch Lam Sơn. Đây là cuộc tấn công lớn nhất do Bắc Việt thực hiện trong toàn bộ chiến tranh Việt Nam. Kéo dài trong sáu tháng, cuộc tổng tấn công được thiết kế như là một cuộc tấn công quân sự chính quy do lực lượng quân đội thường trực của Bắc Việt thực hiện nhằm giáng một đòn trí mạng vào Quân lực Việt Nam Cộng hòa. Đại tướng Võ Nguyên Giáp hy vọng sử dụng các đợt tấn công tổng lực của quân đội để chiếm giữ các vùng lãnh thổ, bao gồm các thành phố lớn của miền Nam Việt Nam như Huế và Đà Nẵng. Điều này có thể tạo điều kiện cho quân đội Bắc Việt tấn công vào Sài Gòn.

(*) Chiến cục năm 1972, bao gồm chiến dịch Xuân - Hè 1972, là chuỗi các đợt tấn công của Quân đội Nhân dân Việt Nam và Quân Giải phóng miền Nam kéo dài từ ngày 30 tháng 3 năm 1972 tới ngày 31 tháng 1 năm 1973. Trong đó, Chiến dịch Xuân - Hè 1972 được phía Việt Nam Cộng hòa gọi là Mùa hè đỏ lửa, còn Mỹ gọi là Easter Offensive (Tổng tấn công lễ Phục sinh).

Ấn cung cấp cho Shaplen một sự phân tích chính xác chiến lược của Cộng sản. “Việc lúc này không còn lính Mỹ nữa là một sự thay đổi tối quan trọng. Năm 1965, họ buộc phải chuẩn bị để đánh nhau với 200.000 quân và họ hoạch định chiến lược dựa trên con số đó, nhưng bây giờ thì khác... Tháng 5 và tháng 8 năm 1968 được chọn làm thời điểm tiến hành các phương cách buộc chúng ta phải ngừng đánh bom để đàm phán, ngay cả vì lý do ngoại giao họ cũng phải tổn thất nhiều người. Buộc chúng ta phải xuống thang. Thắng lợi về chiến lược, thất bại về chiến thuật, nhưng là thất bại đáng giá... Mặt trận Tổ quốc (lúc bấy giờ có tên gọi là Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam) phải tổ chức đánh giá lại. Cộng sản nhận ra rất nhanh. Mỹ đã câu giờ cho Chính phủ Việt Nam Cộng hòa nhưng yếu kém trong lãnh đạo đã khiến Việt Nam Cộng hòa không thể tận dụng khoảng thời gian này. Công tác lãnh đạo chính trị vẫn là chìa khóa của vấn đề, chứ không phải bản thân nhà lãnh đạo”. (75)

Nixon tin rằng Bắc Việt đã quyết thực hiện chiến dịch “được ăn cả, ngã về không” trong năm 1972.

Ngày 1 tháng 4, Nixon ra lệnh ném bom miền Bắc trong phạm vi cách vùng giới tuyến phi quân sự bốn mươi cây số. Tối ngày 14 tháng 4, ông ra lệnh không kích lên tận vĩ tuyến 20.

Hòa đàm Paris ngưng trệ. “Đám con hoang kia sẽ phải hứng các trận bom khốc liệt chưa từng thấy”, Nixon nói với Hội đồng An ninh Quốc gia. Tiếp theo sau đó sẽ là việc sử dụng không lực hiệu quả nhất trong cuộc

chiến tranh và là một trong những chiến dịch ném bom lớn nhất lịch sử thế giới, Chiến dịch Linebacker I. Nhắm vào đường sắt, cầu cống, đường sắt, căn cứ quân sự và kho bãi hậu cần, lần đầu tiên trong lịch sử chiến tranh không lực hiện đại, cuộc tấn công đã sử dụng bom laser điều khiển chính xác, sử dụng máy bay cường kích thay cho B-52, chiến dịch này cũng đồng thời cung cấp sự yểm trợ hiệu quả cho lực lượng mặt đất của Việt Nam Cộng hòa. Kết cục của nó là năm mươi ngàn lính Bắc Việt thiệt mạng, và ước chừng 225 xe tăng cùng pháo hạng nặng bị phá hủy.

Chiến dịch Xuân - Hè 1972 về ngắn hạn rõ ràng là một thất bại cho Bắc Việt. Bằng cách chia quân ra trên ba mặt trận khác hẳn nhau và thực hiện hàng loạt đợt tấn công tổng lực, quân Bắc Việt đã bị dàn ra quá mỏng và rõ ràng là đã không thể rót hỏa lực đủ mạnh vào bất cứ một điểm nào để từ đó có thể chiếm được một vùng lãnh thổ đáng kể. Do tính chất dàn trải của cuộc tấn công chính quy, nhiều đơn vị Bắc Việt đã bị tiêu diệt (một số tiểu đoàn chỉ còn năm mươi quân), khiến số này không thể chiến đấu hiệu quả trong vòng hai năm. Nhưng các căn cứ trọng yếu hơn phục vụ cho hoạt động chi viện của miền Bắc tại miền Nam vẫn chưa bị mất. Thương vong bên phía Hà Nội trong các cuộc tấn công chính quy là vô cùng nặng nề, mất tới hơn một nửa trong số hai trăm ngàn lính chiến. Các kết quả đáng thất vọng của đợt tấn công Xuân - Hè đã buộc Hà Nội tiến tới quyết định đàm phán. Họ đã đánh giá sai Nixon, và bây giờ có thể thấy Nixon đang tiến tới việc tái đắc cử vào tháng 11.

Ông Ấn đã không cố gắng xoáy sâu vào vấn đề này với Shaplen. “Họ đã đánh giá thấp sức kháng cự của chính phủ cũng như sự hỗ trợ của Mỹ. Cộng sản bị tổn thương nhưng chưa đến mức tê liệt. Dù thất bại nặng nề trong hai tháng qua, quyết tâm của họ vẫn không bị lung lay. Chiến dịch này vì thế sẽ được tiếp nối bằng các chiến dịch khác... Cộng sản đang quay trở lại, cùng những đơn vị cũ của năm 1966 được bổ sung, tất cả đã trở lại. Trong khi đó, chúng ta - Mỹ - vẫn chưa trở lại và không thể... rút ra bài học ở Chiến dịch Lam Sơn - nhìn thấy 'cơ hội khách quan mới' để thực hiện cuộc tổng tấn công mới.”(76) Quân lực Việt Nam Cộng hòa đang được Việt Nam hóa. Trùng vào cuộc bầu cử ở Mỹ, mà họ không thể dự báo trước

được hoàn toàn. Họ phải mạo hiểm tấn công ngay bây giờ... Nixon rất cứng rắn và sẽ không thương lượng. Chúng ta lại thổi vấn đề lên quá mức khi nhấn mạnh đây là một sự xâm lược, kêu gọi dư luận thế giới chống lại nó, nhưng trên thực tế, tất cả những gì chúng ta làm chỉ khiến cho nhân dân Mỹ hoảng sợ và dồn Nixon đến bờ vực mà thôi”. (77)

Ông Ấn đã nhận được ba Huân chương Chiến công vào thời điểm ông nói chuyện với Shaplen về Chiến dịch Lam Sơn và Chiến dịch Xuân - Hè. Danh tiếng của ông trong vai trò một nhà báo là không có gì phải bàn cãi. “Tôi gặp Phạm Xuân Ẩn lần đầu vào năm khi tôi mới là chàng trai 24 tuổi vừa đến Việt Nam với tư cách là một phóng viên của Time”, David DeVoss nhớ lại. “Lúc đó Ấn đã là một huyền thoại, một gã thị dân phong lưu vui tính mang biệt danh 'Tướng Givral' đặt theo tên quán cà phê trên đường Tự Do mà ông thường xuyên ghé tới. Bất chấp không khí nghi kỵ bao trùm, mọi người đều tin tưởng Ấn”. (78) Vỏ bọc của ông luôn vững chắc và trong hơn một thập kỷ, lưới tình báo H.63 đã bảo vệ ông và các tài liệu của ông. Nhưng vẫn còn một sứ mệnh cuối cùng nữa - đó là thất bại của cái quốc gia nằm ở miền Nam.

CHÚ THÍCH: (1) Năm 2006, Tư Cang được phong tặng danh hiệu Anh hùng vì những công trạng của ông. Tôi phỏng vấn ông ngay sau khi ông nhận danh hiệu.

(2) Trần Văn Trà, Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm; Vietnam: History Of The Kết thúc cuộc chiến 30 năm, tập 5. (Viện Nghiên cứu chiến trận, Báo cáo Đông Nam Á số 1247, 2-2-1983), trang 5-335, http://cgsc.leavenworth.army.mil/carl/resources/csi/tra/csirp_vhbbt.html.

(3) Sách đã dẫn, trang 43.

(4) “Những huyền thoại để lại”.

<http://www.tuoiitre.com.vn/Tianyon/Index.aspx?>

ArtideID=164857&ChannelID=89.

(5) Chi tiết lấy từ các cuộc phỏng vấn với Tư Cang và Ấn.

(6) “Mystery Is the Precinct Where I Found Peace”, trang 269.

(7) David Lamb, *Vietnam Now: A Reporter Returns* (New York: Nhà xuất bản Public Affairs, 2002), trang 81; và phỏng vấn riêng.

(8) *Dragon Ascending*, trang 35-42.

(9) “Nói chuyện với David Halberstam, tại nhà tôi”, 28-1-1975, Học 67 Tập 4, Tài liệu của Sheehan.

(10) Xem “Testimony of Amaud de Borchgrave”, “Terrorism: Origins, Direction and Support”. Những cuộc điều trần trước Tiểu ban An ninh và Chống khủng bố, ủy ban Tư pháp, Thượng viện Mỹ, 24-4-1981. Số J-97-17.

(11) Sách đã dẫn, trang 85.

(12) Roy Rowan, “Saigon 25 Years After the Fall”, tạp chí *Fortune*, 1-5-2000.

(13) Phỏng vấn Ấn.

(14) Gerald C. Hickey, *Window on a War: An Anthropologist in the Vietnam Conflict* (Lubbock, IX:, Nhà xuất bản Texas Tech University Press, 2002), trang 292.

(15) Neil Sheehan trò chuyện với Conein, 22-9-1976, Học 62, Tập 9, Tài liệu của Sheehan.

(16) Sheehan đã có một ghi chú về việc thẩm tra xem Ấn có gây ảnh hưởng với tờ *Time* và Shaplen hay không vào cuối tháng 4-1975. “Anh [nguyên văn] cũng có thể đã biết mọi chuyển động của người Mỹ thông qua Shaplen”, Sheehan viết.

(17) *A Bright Shining Lie*, trang 187.

(18) “Media and War: Reflections on Vietnam”.

(19) Trao đổi thư từ với Nick Turner.

(20) Phỏng vấn Ấn.

(21) Trao đổi thư từ với Nick Turner.

(22) Bev Keever, *Adventures of a Young Journalist*, phát biểu trước sinh viên và cựu sinh viên Đại học Nebraska. Bản sao của tác giả.

(23) “Self Reliance in Saigon,” tạp chí *Time*, 8-1-1965; Michael O'Sullivan, “History in the Newsmaking”, báo *Washington Post*; 8-6-2001.

(24) “The Press: Self-Reliance in Saigon”, tạp chí *Time*, 8-1-1965. “Femininity at the Front”, tạp chí *Time*, 28-10-1966.

(25) Ron Steinman, cựu trưởng chi nhánh NBC News tại Sài Gòn, nhớ lại rằng Vương là “phóng viên thú vị nhất và là nhân vật phức tạp nhất mà tôi từng làm việc chung tại Việt Nam”. Mỗi khi Shaplen trở về Hồng Kông, Vương lại làm việc cho Steinman. “Vương sẽ cung cấp cho tôi thông tin về các hoạt động chính trị của Việt Nam và Mỹ trong tuần qua. Rồi ông ta nói với tôi những điều mà ông ta nhìn thấu được trong những tuần và tháng tiếp theo. Thực tại không có chỗ trong cuộc sống của ông ta. Các câu chuyện của ông ta như mê cung và rất dễ thương, giống như giấc mơ vậy, đầy rẫy những ngôn từ phức hợp, đầy những ma mị và âm mưu... ông ta kể cho tôi nghe về những con người, những nơi chốn và sự kiện - thậm chí toàn bộ những giai đoạn lịch sử - không được ghi lại trong sử sách, phần lớn rất khó hiểu đối với tôi... Những câu chuyện của ông ta đôi lúc rất rối rắm, nhưng thật kỳ lạ, sau hàng tháng trời nghe ông ta kể, tôi bắt đầu thấm và hiểu ý nghĩa những câu chuyện ấy”. Steinman, *Inside Television's First War: A Saigon Journal* (Columbia, MO: Nhà xuất bản University of Missouri Press, 2002), trang 79-80.

(26) Tôi đã gửi nhiều e-mail nhưng Deepe không hồi đáp.

(27) “Unsung Hero”, <http://www.ajr.org/Article.asp?id=3699>; xem thêm http://www.muckraker.org/content/news_events/McCullochBio.pdf#search='Frank%20McCulloch'; Wallace Terry, “Time's Frank McCulloch: In the Eye of the Hurricane”, http://www.wa.org/TheVeteran/2002_1_1/mcculloch.htm.

(28) “Gửi tới: Tất cả các phóng viên; Nơi gửi: Don Bermingham 25-5-1966, mật, chỉ dành cho cán bộ Time-Life News..96-39 Hộc 1, Time Life 11/27/67 từ Moser gửi tới Lang.... 96-39 Hộc 10, Tài liệu của McCulloch.

(29) Phỏng vấn Frank McCulloch.

(30) War News, trang 310-312.

(31) Phỏng vấn John Larsen.

(32) Joseph and Stewart Alsop, *The Reporter's Trade* (New York: Nhà xuất bản Reynal, 1958).

(33) Sách đã dẫn, trang 6-7; trong lúc thảo luận về cuốn The Reporter's Trade, Ấn khuyên tôi nên đọc một cuốn sách khác của anh em nhà Alsop, nhan đề We Accuse! The Story of the Miscarriage of American Justice in the Case of J. Robert Oppenheimer (New York: Nhà xuất bản Simon & Schuster, 1954). Ông nói rằng cuốn sách này cho thấy anh em nhà Alsop là những phóng viên giỏi đến nhường nào bởi họ hiểu sự liên quan của Oppenheimer với Đảng Cộng sản chưa bao giờ có nghĩa ông này đã trở thành đảng viên, ông nói với tôi rằng Oppenheimer quen biết Lansdale.

(34) Robert Shaplen, "We Have Always Survived", tạp chí New Yorker, 15-4-1972.

(35) Vietnam Now, trang 87.

(36) "A Writer Denies CIA Influenced His War Reports". Báo New York Times, 1-12-1977, B-15. Xem Hộc 15, Tập 11, Tài liệu của Shaplen.

(37) Jean-Claude Pomonti, Un Vietnamien bien tranquille. (Paris: Nhà xuất bản Équateur, 2006).

(38) Thông điệp ghi âm mà Phạm Xuân Ẩn gửi tới Frank McCulloch, 8-11-2005.

(39) Phỏng vấn Stanley Cloud và Frank McCulloch.

(40) "Un Vietnamien bien tranquille", chương 6.

(41) Tên người như cuộc đời, bản dịch của tác giả.

(42) Những huyền thoại để lại.

(43) Phỏng vấn Tư Cang và Ẩn.

(44) Phỏng vấn Rufus Phillips; được Ẩn xác nhận. Khi tôi gặp Ẩn vào năm 2002, Mark là một trong những người mà ông bảo phải ghi nhớ.

(45) Phỏng vấn Ẩn.

(46) Dangerous Company, trang 118.

(47) Don Oberdorfer, Tet! The Turning Point in the Vietnam War (Baltimore: Nhà xuất bản The Johns Hopkins University Press, 1971, 2001), trang 140.

(48) Những huyền thoại để lại.

(49) Hai phát súng mở đường thoát hiểm; Quân đội Nhân dân, 22-10-2004. Mark Pribbenow dịch. Phỏng vấn Tư Cang.

(50) A General of the Secret Service, trang 132. Trong chiến dịch cuối cùng mang tên Hồ Chí Minh năm 1975, Tư Cang là chính ủy Lữ đoàn 316 đặc công biệt động Miền, A General of the Secret Service, trang 94.

(51) Kết thúc cuộc chiến 30 năm, tập 5, trang 48.

(52) Tet, trang 140.

(53) Xem James J. Wirtz, The Tet Offensive: Intelligence Failure in War (Ithaca: Nhà xuất bản Cornell University Press, 1991), trang 1.

(54) Shaplen và Ẩn tới Chợ Lớn, nơi có nhiều quân (Việt Cộng) xâm nhập nhất. “Ẩn - Có hai loại chỉ điểm cho cảnh sát. Điệp viên Việt Cộng hoạt động hai mang. Dân thường có quan hệ với Việt Cộng và chúng ta đối chiếu điều họ nói với độ khả tín của họ... Có bao nhiêu cán bộ hợp pháp? Không người nào, bởi chúng ta đang thực hiện chiến dịch tróc nã đặc biệt đối với điệp viên Việt Cộng, trong đó bao gồm cả việc xâm nhập vào các nhóm chính trị và nghiệp đoàn ở thành phố. Họ ở Quận B, tiểu khu B. Song song với Cảnh sát Đặc biệt là nhân sự của mạng lưới G-2, do các Cảnh sát trưởng lực lượng đặc biệt ở các tiểu khu điều hành... Khi được tuyển dụng, mỗi một người chỉ điểm sẽ trải qua kiểm tra kỹ lưỡng và báo cáo sẽ được chuyển tới cảnh sát đặc biệt ở cấp khu vực, vốn có hệ thống kiểm tra G-2 riêng. Nếu thông tin tốt, người đó sẽ được chuyển tới mạng lưới G-2 và hoạt động dưới sự quản lý của ban cảnh sát đặc biệt. Với hệ thống đơn tuyến, mỗi một gián điệp biết rất ít về toàn bộ tổ chức của mình và giới hạn này được duy trì. Hồ sơ đầy đủ của mỗi một chỉ điểm viên, dấu vân tay, lý lịch gia đình và bạn bè, tiền án tiền sự và thông tin bằng chữ về người đó sẽ được kiểm tra chéo với những nguồn khác. Theo dõi sát mỗi liên hệ với Việt Cộng của họ. Và chính họ cũng sử dụng điệp viên hai mang. Nếu anh ta quá thiên về Việt Cộng, anh ta sẽ bị bắt (hoặc dẫn tới việc bắt giữ người khác có liên quan)”. Robert Shaplen, Letter from Vietnam, tạp chí New Yorker, 2-3-1968, in lại trong cuốn The Road from War, trang 188-205.

(55) Sách đã dẫn, trang 198-9; xem Michael A. Rovedo, “The Tet offensive of 1968”, <http://www.geocities.com/militarypoliceofvietnam/Tet.html>.

(56) Tet! trang 142: “Một đơn vị 12 người thuộc tiểu đoàn C-10 đi trên hai xe dân sự tiến tới cổng của Sở chỉ huy Hải quân vào lúc 3 giờ sáng. Theo một thành viên còn sống của đơn vị, những lính đặc công này được lệnh đánh chiếm sở chỉ huy và đợi hai tiểu đoàn quân Việt Cộng từ bên kia sông Sài Gòn sang. Những kẻ tấn công khai thông một lỗ trên tường chốt gác nhưng ngay lập tức bị chặn lại từ phía bên trong. Chỉ sau năm phút đầu tiên, tất cả đều bị giết ngoại trừ hai người. Các tiểu đoàn bên kia sông dường như là chuyên hoang đường. Không hề có dấu vết của họ”.

(57) A General of the Secret Service, trang 96.

(58) Phỏng vấn Tu Cang; câu chuyện này cũng xuất hiện trong cuốn A General of the Secret Service, trang 96-97.

(59) Dangerous Company, trang 138-139.

(60) “Reds Showed No Mercy in Slaying 4 Newsmen”. Tạp chí Time, 10-5-1968. Một phóng viên, là Frank Palmos, 28 tuổi, là nhà báo tự do người Úc, đã trốn thoát và kể lại câu chuyện.

(61) Sách đã dẫn.

(62) Phỏng vấn Ân và được Rufus Phillips chứng thực.

(63) William C. Westmoreland, A Soldier Reports (New York: Nhà xuất bản Doubleday, 1976), trang 103.

(64) Ân nói với Bob Shaplen vào tháng 3-1965: “Ân - trong số 260 ấp chiến lược ở Long An, chỉ có chừng 30 cái là còn tạm ổn. Stillwell cho rằng phải mất sáu tháng để làm sạch riêng vùng Long An và đó là một ước tính lạc quan”. Ghi chép trong chuyến đi tháng 2 và 3-1965, Hộc 91, Tài liệu của Shaplen.

(65) Zalin Grant, thư gửi biên tập viên, tạp chí New Yorker, 4-7-2005, trang 6. Các blogger bảo thủ cáo buộc Ân “ăn tiền người Mỹ rồi giúp giết người Mỹ”. Ông ta là “một kẻ phản bội và là một tên gián điệp với những nỗ lực tàn ác của mình đã giúp gây ra cái chết và tàn tật của hàng ngàn người”.

(66) “Với ông Grant, ông ấy cũng chia sẻ một điểm chung với ông Ân: Tôi cũng thuê ông ấy làm việc cho văn phòng Sài Gòn. Với việc ông Grant có kinh nghiệm trong vai trò là một sĩ quan tình báo của Lục quân tại Việt

Nam, tôi cảm thấy khó hiểu khi ông ấy viết rằng 'Ấn đã biến các phóng viên Time thành những điệp viên vô tình cho Hà Nội.'" Thư của McCulloch, không được đăng.

(67) Trường hợp này cũng được bàn đến trong bài “Tâm vóc nhà tình báo cách mạng Phạm Xuân Ẩn”. “Người của Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo hằng ngày đến theo dõi, ghi âm những ai phát ngôn 'có lợi cho cộng sản'. Ông Ẩn có thể đoán được ai là 'thân Cộng' và thường âm thầm bảo vệ bằng cách nói to lên, lấn át tiếng nói của người đó. Kết quả là những cuốn băng ghi âm 'những chuyên quan trọng' đều không nghe thấy gì ngoài tiếng nói của Phạm Xuân Ẩn”. <http://www.vnn.vn/psks/2005/04/412007>.

(68) Lost Over Laos, trang 69.

(69) Những người khác được Tuyển chiêu mộ còn có Nguyễn Bá Vương, Lê Văn Tư và Nguyễn Văn.

(70) Đáp lại cuộc tiến quân vào Campuchia năm 1970 của Nixon, Quốc hội đã ra luật chống bất cứ cuộc tiến quân xuyên biên giới nào của lực lượng mặt đất Mỹ, điều đó có nghĩa là bất cứ cuộc tiến quân nào vào Lào về sau sẽ do Quân lực VNCH tiến hành với sự yểm trợ của không quân và pháo binh Mỹ đóng tại Nam Việt Nam. Với sự thành công của chiến dịch tấn công vào Campuchia và việc đóng cửa cảng Sihanoukville, Đường mòn Hồ Chí Minh ở Lào trở thành mục tiêu kế tiếp trong các kế hoạch chiến đấu của VNCH và Mỹ nhằm cắt đứt hoạt động chi viện vào miền Nam Việt Nam. Đường mòn Hồ Chí Minh là một mạng lưới đường sá có tổng chiều dài khoảng 2.500 km chạy dọc cán chảo Lào và song song với đường biên giới dài 1.000 km giữa hai nước. Bắc Việt thâm nhập và chi viện vào vùng Cao nguyên Trung phần theo Đường mòn này thông qua lãnh thổ Lào và Campuchia.

(71) Lost Over Laos, trang 99.

(72) “Ghi chép”, Hộc 91, Tập 20, Tài liệu của Shaplen.

(73) Cao Văn Viên và Đồng Văn Khuyên, Reflections on the Vietnam War (Washington, DC: Trung tâm Lịch sử Lục quân Mỹ, 1980), trang 100-1.

(74) Hộc 93, Tài liệu của Shaplen.

(75) “Năm 1964, họ lại có quyết định tương tự. Khi Diệm bị phế truất, họ cho rằng người Mỹ sẽ thỏa hiệp để chấm dứt chiến tranh nhưng chúng ta đã không làm vậy. Cuối năm 1964, ủy ban Trung ương họp bàn và đi đến quyết định mở cuộc tổng tấn công vào năm 1965, không cho rằng người Mỹ sẽ phản ứng; như cách chúng ta đã phản ứng thay vì thỏa hiệp. Họ nhìn thấy cơ hội tiến tới thương lượng vào lúc bấy giờ hoặc là đưa lính chiến của Mỹ vào, và chúng ta đã đưa vào. Rồi họ nhìn thấy khả năng chiến tranh sẽ kéo dài, chiến tranh cục bộ hoặc mở rộng... Vì thế khi chúng ta đưa lực lượng chiến đấu sang vào năm 1965, họ biết rằng cuộc chiến sẽ kéo dài...” Hộc 93, Tài liệu của Shaplen.

(76) “Trong chiến dịch Lam Sơn 719, họ được tin Nam Việt Nam sẽ triển khai 30.000 quân, 400 trực thăng, v.v, máy bay chiến thuật và B-52. Vì thế họ học cách thức chống lại tất cả những thứ này. Họ nhận thấy chúng ta đang sẵn sàng huy động tối đa không lực (vì thế lần này họ không bị bất ngờ, có lẽ ngoại trừ sự hiệu quả của hệ thống hỏa tiễn TOW và bom thông minh). Nhưng theo tài liệu của họ, thì họ cho rằng chúng ta có thể dùng vũ khí hạt nhân chiến thuật và sử dụng hai sư đoàn để tấn công vào Bắc Việt. Mục tiêu của họ là khiến Không quân Mỹ phải dàn mỏng ra để hỗ trợ nhiều chiến trường. Rồi họ tấn công nhiều đơn vị của Việt Nam Cộng hòa, tách nhỏ các đơn vị này, làm cho không quân ta phải dàn mỏng ra tới mức cao nhất. Mục tiêu khác là tấn công vào chương trình bình định hóa và đạt được các mục tiêu chính trị - 10 điểm... Sớm muộn gì người Mỹ cũng nhượng bộ để chấm dứt chiến tranh để họ có thể đưa cán bộ tới nằm vùng ở nông thôn... Đảng Cộng sản sẽ lấp đầy khoảng trống ở nông thôn và đó là chương trình của hè năm nay và sang năm. PT” (nghĩa là “point!”, tức là “điểm chính”). Hộc 93, Tài liệu của Shaplen.

(77) “Ấn nói rằng họ sử dụng thêm nhiều vũ khí hiện đại, pháo, v.v, nhưng vẫn không dồn hết lực lượng bất chấp những điều mà Abe nói”. PT “Chúng ta lại diễn dịch sai chiến lược của họ và họ đánh giá chúng ta chính xác hơn. (Nên họ không bị bất ngờ)”. PT “Dân Việt để ngỏ mục tiêu của mình. Chúng ta gán cho họ những mục tiêu, thậm chí là rất cụ thể, như Huế chẳng hạn, và đó là sai lầm. Họ vẫn để ngỏ. Cộng sản không ngu ngốc lắm

đầu vào Huế, không tiến vào. Họ quá thông minh trong hành động, họ phải chọn địa hình và chuẩn bị sẵn sàng. Và lúc đó cuộc chiến sẽ không chính quy cho lắm, như chúng ta nghĩ... Người dân giờ đây không nổi dậy bằng tay không. Đảng Cộng sản phải có quân đội sẵn sàng, đủ mạnh để bảo vệ các cuộc nổi dậy một khi chúng diễn ra, họ nhận ra điều này sau Tết Mậu Thân. PT” “Trong khi đó - phương pháp tiếp cận pháp lý, kết thúc chiến tranh, Mỹ rút, phát động phong trào, nhưng không xuống đường. Tại các đô thị, quận 4, 5, 6 và 7, những quận nghèo, vũ khí được tích trữ để chuẩn bị cho cuộc tấn công chính quy sau này”. PT “Một lần nữa, ông ấy nói, họ đã dự liệu mọi khả năng xảy đến, bao gồm cả bom hạt nhân và cuộc tiến quân ra Bắc Việt, vẫn chuẩn bị chiến đấu lâu dài. Năm nay - một năm đánh nhau có thể bằng mười năm”. “Họ biết rằng Việt Cộng đang yếu đi và họ phải tính toán điều này để giữ sự cân bằng về lực lượng mà họ muốn đạt được”. PT “Đây là lý do để tấn công bây giờ”.

(78) David DeVoss, “The Quiet Vietnamese: Journalist and Spy Phạm Xuân Ẩn Led a Life of Ambiguity”, tạp chí Weekly Standard, 9-10-2006.

Chương 6: ĐÀN XEN GIỮA CÁC VAI TRÒ: THÁNG 4 NĂM 1975

T

ôi sẽ nhìn thẳng vào mắt họ và nói - được rồi, bây giờ các ông muốn làm gì tôi? Tôi là con địa chủ miền Nam đấy.(1)

Phạm Xuân Ẩn nói với Robert Shaplen, tháng 4 năm 1975

VAO LÚC MƯỜI GIỜ BA MƯỜI sáng ngày 5 tháng 2 năm 1975, nhằm ngày 25 tháng 12 âm lịch, một chiếc Antonov AN-24 cất cánh từ sân bay quân sự Gia Lâm ở Hà Nội tới Đồng Hới, một thị xã cảng cá nhỏ nằm cách chừng năm trăm cây số về phía nam. Trên máy bay là tướng bốn sao Văn Tiến Dũng, người đã từng làm việc bên cạnh một tướng bốn sao khác của Bắc Việt, vị tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp. Ông Dũng là Tổng tham mưu trưởng Quân đội từ năm 1953, và ở độ tuổi 56, lúc này ông là thành viên trẻ nhất của Bộ Chính trị.(2)

Các phương thức nghi binh và bí mật cao độ đã được triển khai cho chuyến đi của ông Dũng. Tài xế chiếc xe hơi Volga do Nga sản xuất thường chở ông Dũng đi làm được lệnh chạy hai chuyến đi về giữa tư dinh ông Dũng và tổng hành dinh của quân đội như thường lệ. Lính tráng vẫn được lệnh chơi bóng chuyền như mọi ngày trước nhà ông. Báo chí tại Hà Nội đưa tin về các hoạt động được cho là của ông Dũng mấy tuần sau khi ông đã đi khỏi Hà Nội.(3) Ông Dũng thậm chí còn chuẩn bị các hộp quà Tết có chữ ký của ông với ngày tháng được ghi lùi lại để gửi qua bưu điện trong thời gian ông đi vắng, ông cũng ký trước vào các bức điện chúc mừng các ngày kỷ niệm của quân đội Liên Xô và Cộng hòa Dân chủ Đức vào tháng 2 và Mông Cổ vào tháng 3 năm 1975, để có thể gửi đi vào ngày thích hợp. Tướng Dũng và Tướng Giáp sử dụng bí danh trong các bức điện được mã hóa: ông Dũng được gọi là Tuấn, còn ông Giáp là chiến.(4)

Tại Đồng Hới, Trung tướng Đồng Sỹ Nguyên cùng một đội xe của sở chỉ huy Đoàn 559 ra đón ông Dũng, ông Dũng sau đó được đưa tới sông Bến Hải, rồi lên thuyền máy; vào chiều muộn của cái ngày rất lạnh hôm đó, họ tới tổng hành dinh của Đoàn 559 nằm ở phía tây Gio Linh.

Ông Dũng phổ biến các chỉ thị của Bộ Chính trị cho bộ tư lệnh mới thành lập của Chiến dịch 275(*) để giải phóng miền Nam. Các điệp viên ở Sài Gòn đã báo cáo chi tiết về cuộc họp tại Dinh Độc Lập giữa Tổng thống Thiệu với các tư lệnh quân đội và các vùng chiến thuật cách đây non hai tháng(5). Không ai trong phòng họp hôm đó biết rằng ông Dũng có một điệp viên dự cuộc họp bàn về các mục tiêu chiến tranh của Cộng sản trong năm 1975 này. Trong vòng hai tuần, một báo cáo chi tiết về cuộc họp chiến lược hôm đó đã tới tay ông Dũng, người bấy giờ đã biết rõ tư duy chiến lược của Thiệu và các tư lệnh của ông ta nhằm đối phó với cái mà họ cho là kế hoạch chiến tranh của chính ông Dũng, ông Thiệu tin rằng do Cộng sản chịu thương vong nặng nề trong năm 1968 và 1972, quân Bắc Việt giờ chỉ đủ khả năng đánh vào các thị xã nhỏ bé và biệt lập. Trong khi dự báo vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Cao nguyên Trung phần có thể bị tấn công, thì quyết định đưa ra vẫn là không củng cố sức mạnh cho vùng Cao nguyên Trung phần. “Tôi có các nguồn tin tốt tại cuộc họp đó, và họ nói với tôi về đánh giá của ông Thiệu” ông Ấn giải thích. “Tôi nhận được thông tin từ ít nhất hai người và ngay lập tức thảo báo cáo”.

(*) Là mật danh của Chiến dịch Tây Nguyên, mở màn cho cuộc Tổng tấn công mùa Xuân năm 1975

Hoạt động của Ấn trong giai đoạn này, đặc biệt nhất là những đóng góp trước Chiến dịch 275, giúp mang về cho ông Huân chương Chiến công cuối cùng. “Chuyện hồi trước thì tôi không được biết, chứ trong thời gian tôi làm cụm trưởng, những năm 72, 73, 74, mỗi năm Mỹ có tài liệu chiến lược gì quan trọng đều bị Hai Trung lấy tuốt luốt hết ráo”, ông Ba Minh, chỉ huy trực tiếp của Ấn trong giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến, nói.(6)

Tháng 10 năm 1974, Quân ủy Trung ương họp với Bộ Chính trị tại Hà Nội để đánh giá về khả năng kết thúc chiến tranh. Câu hỏi then chốt theo

Đại tướng Dũng là “người Mỹ có còn khả năng đưa quân trở lại miền Nam khi các cuộc chiến tranh cội rễ lớn của chúng ta dẫn tới nguy cơ sụp đổ của quân đội Sài Gòn?”(7) Những người tham gia cuộc họp hỗn hợp bàn về vụ Watergate, sự kiện Richard Nixon từ chức và quyết định của Quốc hội Mỹ về cắt giảm ngân sách. Cuộc họp kết thúc bằng việc thông qua một kế hoạch chung trong đó kêu gọi triển khai “một cuộc tổng tấn công quy mô lớn và rộng khắp vào năm 1975” tại Tây Nguyên.

Đầu tháng 12, Bộ Chính trị triệu tập tất cả các lãnh đạo cấp cao của đảng và tư lệnh chiến trường từ miền Nam ra Hà Nội họp để đánh giá kế hoạch chiến lược cho cuộc tổng tiến công năm 1975. Một trong những người ra Bắc là Tướng Trần Văn Trà, người từng xuôi dọc Đường mòn Hồ Chí Minh vào năm 1959, đi từ bắc xuống nam theo đường mòn cũ, gọi là Đường 559. Chuyến đi đó kéo dài tới bốn tháng; còn lần này ông chỉ mất mười ngày đường. Leo lên ngồi ở ghế trước chiếc xe GAZ-69 do Nga sản xuất vào ngày 13 tháng 11 năm 1974, ông Trà ngoái lại phía sau để nhìn ông Phạm Hùng, Bí thư Trung ương cục miền Nam. Xe rẽ vào Đường 13 ở quận Lộc Ninh, nơi đóng Bộ chỉ huy quân ủy miền B2, và hiện được coi là thủ phủ của Chính phủ Cách mạng Lâm thời. Khi cách Sài Gòn chưa đầy 100 cây số, xe quay đầu chạy theo hướng bắc dọc Đường 13 giữa ban ngày mà không hề sợ bị tấn công bởi các toán quân dự bị què quặt của Quân lực Việt Nam Cộng hòa, vốn lúc này đang được lệnh tiết kiệm xăng dầu và đạn dược. Trong vòng một tiếng đồng hồ, họ vượt qua biên giới vào đất Campuchia, chuyển lên hướng tây bắc dọc bờ sông Mê Kông đoạn gần Kratie, rồi lên xuống máy đi ngược dòng sông. Khi tới Nam Lào, họ chuyển qua đi xe và tiếp tục đi theo Đường mòn Hồ Chí Minh. Tại Đông Hà, họ ngoặt lên hướng bắc để đi chặng cuối cùng trong hành trình ra Hà Nội.

Cuộc họp kéo dài hai mươi hai ngày, từ 18 tháng 12 năm 1974 đến 8 tháng 1 năm 1975, đã cho ông Trà một cơ hội chuộc lỗi. Ông đã phải trả giá đắt trong kế hoạch tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968. Và vì thế ông Trà mất cơ hội vào Bộ Chính trị. “Giờ đây, với tư cách là ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản và là Trung tướng - Tư lệnh các lực lượng quân sự

Cộng sản ở vùng châu thổ Mê Kông, ông lại tiếp tục lập kế hoạch chinh phục miền Nam”. (8)

Những người dự hội nghị có quan điểm rất khác nhau về chiến lược và thời gian biểu của ông Trà. Nhiều thành viên Bộ Chính trị tiếp tục lo ngại về khả năng người Mỹ sẽ phản ứng trước một cuộc tổng công kích mới. Họ đã đánh giá quá thấp Nixon vào tháng 4 và 12 năm 1972; ký ức về các cuộc ném bom Linebacker vẫn còn hiển hiện. Bùi Tín, người về sau đã tiếp nhận sự đầu hàng của miền Nam vào ngày 30 tháng 4 năm 1975, mô tả đợt ném bom tháng 12 năm 1972 “như một cơn cuồng phong làm cây cối đổ hàng loạt, ánh chớp bom đạn biến đêm thành ngày”. (9) Nhưng lúc này Nixon đã ra đi. Vụ Watergate đã phá tan nhiệm kỳ tổng thống của ông ta cùng hàng loạt lời hứa cá nhân với Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu của miền Nam Việt Nam rằng nước Mỹ sẽ không bỏ rơi đồng minh trong trường hợp xảy ra một cuộc tiến công như kế hoạch mà miền Bắc đang hoạch định. “Watergate có lẽ đã giúp ngăn chặn một đợt ném bom khác - nhằm hủy diệt miền Bắc thực sự”. (10) Ông Ấn nói với Shaplen, người coi đánh giá này là rất quan trọng nên đã đánh dấu “PT PT” vào sau lời nhận xét của Ấn.

Các cuộc ném bom Linebacker cũng là một thông điệp gửi tới Tổng thống Thiệu - rằng Cộng sản sẽ đối mặt với sự trừng phạt không khoan nhượng tương tự nếu họ có bất cứ hành động nào vi phạm Hiệp định Paris. Ông Thiệu, từng coi bản hiệp định là hành động tự sát, cần phải chặn đứng những sự chống đối nên buộc phải ký. Ông từng được nói cho biết là bằng cách này hay cách khác thì Kissinger dự định sẽ ký một bản hòa ước vào tháng 1 năm 1973. Lựa chọn của ông Thiệu là hoặc chấp nhận và sống với lời hứa của Nixon rằng Mỹ sẽ đem B-52 trở lại ngay khi Cộng sản có những dấu hiệu vi phạm đầu tiên hoặc đơn độc chống lại kẻ thù.

Vững tin vào lời hứa của Nixon rằng miền Nam Việt Nam sẽ không bao giờ bị bỏ rơi, Thiệu đã xuống nước trong sự phản đối của mình. Thế rồi người Mỹ chuẩn bị rời Việt Nam. Các điều khoản chính của Hiệp định Paris được ký vào ngày 27 tháng 1 năm 1973, trong đó có nội dung chấm dứt sự thù địch và Mỹ rút quân. Mỹ sẽ ngừng tất cả các hoạt động không quân và hải quân chống lại Bắc Việt đồng thời tháo gỡ hoặc vô hiệu hóa tất cả thủy

lôi trong vùng biển miền Bắc. Trong vòng sáu mươi ngày sau khi Hiệp định được ký, tất cả các lực lượng Mỹ, cũng như tất cả các lực lượng nước ngoài liên minh với Mỹ, sẽ rút khỏi Việt Nam. Mỹ bị cấm tái viện hoặc đưa trở lại Việt Nam các vật liệu chiến tranh và phải giải tán tất cả các căn cứ quân sự tại Nam Việt Nam. Lực lượng quân sự của hai phe được phép giữ nguyên vị trí, nhưng lệnh ngừng bắn cấm việc đưa quân, cố vấn quân sự, nhân sự quân sự, bao gồm cả nhân viên kỹ thuật quân sự, vũ khí, đạn dược, và các vật liệu chiến tranh vào Nam Việt Nam. Hai bên được phép theo định kỳ thay thế những vật liệu đã bị phá hủy, hư hỏng, hoặc dùng hết trên cơ sở một đổi một dưới sự giám sát và kiểm soát quốc tế.

Mỹ và Bắc Việt cam kết sẽ tôn trọng nguyên tắc tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam, bao gồm cả bầu cử tự do và dân chủ dưới sự giám sát của quốc tế. Để đạt được điều này, một Hội đồng Hòa giải và Hòa hợp dân tộc sẽ được thành lập, và Mỹ bị cấm can thiệp vào các vấn đề nội bộ của miền Nam Việt Nam.

Bắc Việt chào đón Hiệp định Paris như là một thắng lợi vĩ đại. Đài phát thanh Hà Nội, trong các chương trình phát thanh quốc nội và quốc tế, trong nhiều ngày liền đã đọc đi đọc lại toàn văn Hiệp định Paris. Từ văn phòng Thủ tướng ở Hà Nội phát đi lời tuyên bố rằng lá cờ của Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa sẽ được giương cao khắp đất nước trong suốt tám ngày, từ lúc lệnh ngừng bắn có hiệu lực vào ngày 28 tháng 1 cho đến ngày 4 tháng 2. Trong ba ngày ba đêm, các đường phố Hà Nội tràn ngập những đám đông ăn mừng viễn cảnh trong vòng sáu mươi ngày nữa sẽ không còn bóng dáng một binh sĩ ngoại quốc nào tại Việt Nam và các căn cứ quân sự Mỹ tại miền Nam sẽ được dỡ bỏ.

Tại miền Nam Việt Nam, không hề có sự hân hoan hay chào mừng nào. Tổng thống Thiệu và những người đồng xứ của ông biết rõ rằng Lê Đức Thọ đã thắng trong cuộc chiến ngoại giao. Henry Kissinger đã thương lượng để đạt được bản thỏa thuận mà thực chất chỉ là một nghị định thư về sự bỏ cuộc của người Mỹ. Nhiều người, trong đó có cả trợ lý John Negroponte, biết rõ rằng Kissinger hành động như thế là ông ta muốn “cầu cho miền Nam Việt Nam chết sớm đi”.(11)

Tuy nhiên, vào thời kỳ ngay sau khi ký hiệp định, Hà Nội không có kế hoạch tấn công miền Nam sớm. Miền Bắc cần thời gian để khôi phục lại kho vũ khí và chấn hưng sức người. Các tài liệu bên trong của đảng cho thấy vào năm 1973, miền Bắc dự tính sẽ mở các cuộc tấn công quy mô lớn vào năm 1976, nhưng các sự kiện chính trị tại Mỹ đã làm thay đổi những kế hoạch này.⁽¹²⁾

Tính khách quan trong phân tích và chất lượng các nguồn tin từ chính quyền Việt Nam Cộng hòa của Ấn được thể hiện trong bản phân tích của ông về Hiệp định Paris 1973. Các đầu mối liên lạc của Ấn từ trong chính quyền của ông Thiệu, Quốc hội và Quân lực Việt Nam Cộng hòa tốt tới mức những gì ông nói với Shaplen cứ như thể là chính ông đã có mặt trong các cuộc họp giai đoạn tháng 10 - tháng 12 năm 1972. Những tuần trước khi bản thỏa thuận được ký, Ấn nói với Shaplen, “Thiệu sẽ nhận được lời hứa từ Nixon về việc cung cấp B-52 để chống lại một cuộc tổng tiến công mới... Trong trường hợp đối mặt với cuộc tấn công lớn của Đảng Cộng sản, họ sẽ cần B-52... Thiệu cần sự ủng hộ về kinh tế, sự đảm bảo về chính trị và B-52. Kế hoạch viện trợ trong ba năm đã được vạch ra”. ⁽¹³⁾ Từ ngày 24 đến 26 tháng 1 năm 1973, ngay trước khi Hiệp định được ký, Shaplen viết rằng “Ấn có cảm giác chúng ta sẽ không cắt viện trợ - không thể bất chấp dư luận thế giới về tái thiết. Nhưng chúng ta có thể cắt cổ Thiệu”.

Ông Ấn cung cấp một sự phân tích phức tạp về tình hình chính trị trước năm 1973. “Ấn nói rằng giữa Bắc Việt và Chính phủ Cách mạng Lâm thời không hề có mâu thuẫn về việc tiếp tục chiến tranh. Đơn giản là có hai khả năng. Thứ nhất, đó là đạt được thỏa thuận. Thứ hai, chiến tranh sẽ tiếp diễn suốt năm 1973. Đạt được thỏa thuận càng sớm càng tốt. Các tài liệu của Chính phủ Cách mạng Lâm thời vào tháng 1 mà ông ấy đọc đều nói như vậy. Nhấn mạnh đến chiến thắng. Mỹ đã đồng ý ra đi... sau đó là chính quyền bù nhìn sụp đổ... Những gì họ đòi hỏi hồi năm 1966 là những gì họ có được hôm nay-quyền tham gia chính phủ... Vậy là giờ đây Mặt trận Dân tộc Giải phóng đã có những gì họ muốn. Vì thế họ có thể thúc đẩy trong sáu mươi ngày - hoặc thúc đẩy để lật đổ Thiệu”.

Ấn cũng chia sẻ với Shaplen những suy nghĩ của ông về chiến lược của Cộng sản sau Hiệp định Paris: “Bây giờ họ sẽ tìm cách làm bạn với Mỹ - tấn công bằng ngoại giao - và sau đó sẽ hất cẳng Thiệu. Tấn công ông ta từ cả ba phía, chính trị, kinh tế và ngoại giao. Có lẽ phải mất nhiều năm. Nếu Quân lực Việt Nam Cộng hòa không chằm ngòi trước. Phương cách hiện tại là tuân thủ hòa ước. Bây giờ họ đã có tư cách pháp nhân và sẽ không sẵn sàng hoặc quá nóng vội vi phạm hiệp định. Tiếp tục dồn sức vào vùng nông thôn và tận dụng thời gian để đặc nhân tâm thông qua tiến trình hòa giải và hòa hợp. Các đồ thị sẽ rơi vào tay họ sau đó - trong khi đưa người về nông thôn - vào mùa mưa - và giữ họ ở đó”.

Ông Ấn nói với Shaplen rằng từ góc độ của Cộng sản, “thực hiện toàn bộ hiệp định là điều họ muốn, không nghi ngờ gì nữa... Chính phủ miền Nam chủ trương trì hoãn. Họ muốn giữ nguyên hiện trạng hoặc tiến hành bầu cử theo điều kiện của họ mà Cộng sản sẽ không chịu. Thái độ của họ là Bắc Việt và Mỹ đẩy họ vào thế đã rồi, một nền hòa bình tàn bạo, vì thế họ sẽ giữ nguyên hiện trạng trong khả năng của mình để củng cố vị thế... Nhưng cũng có rất nhiều vấn đề nội tại ở đây, và đó là một lý do nữa khiến chúng ta không thể thương lượng. Các khó khăn về kinh tế, chính trị và quân sự, tham nhũng, các khó khăn về xã hội - phải giải quyết rốt ráo những điều này thì chúng ta mới có thể đối phó với phía bên kia”.

Có lẽ một khía cạnh của Hiệp định Paris khiến Thiệu đau đớn nhất là thỏa thuận ngừng bắn tại chỗ, cho phép quân đội miền Bắc được ở lại miền Nam. Tháng 10, Henry Kissinger trở lại sau chuyến thăm Phnom Penh và đi thẳng tới gặp ông Thiệu, lúc này đang trong trạng thái rất căng thẳng và đầy xúc động. “Giờ các ông đã công nhận sự có mặt của quân đội Bắc Việt ở đây; nhân dân miền Nam Việt Nam cho rằng chúng tôi đã bị Mỹ bán đứng và Bắc Việt đã thắng”, Thiệu nói với Kissinger.

Làm sao có thể yêu cầu ông ta chấp nhận sự có mặt của từ đến 300.000 quân Bắc Việt - “nếu chấp nhận hiệp định với những điều khoản như thế, chúng tôi sẽ tự sát”. Chỉ lên tấm bản đồ treo trên tường, ông Thiệu nói: “Mất một nước nhỏ như Việt Nam Cộng hòa thì có hề hấn gì với Mỹ? Đối với các ông, chúng tôi chỉ lớn hơn một dấu chấm trên bản đồ thế giới. Nếu

các ông muốn từ bỏ cuộc chiến, chúng tôi sẽ chiến đấu một mình cho đến khi nào cạn hết nguồn lực, và lúc đó chúng tôi sẽ chết... Đối với chúng tôi, sự lựa chọn là giữa sống và chết. Đối với chúng tôi, đặt bút ký vào bản Hiệp định chẳng khác nào sự đầu hàng, là chấp nhận một bản án tử hình, bởi cuộc sống không có tự do là cái chết. Không, còn tồi tệ hơn cả cái chết. (14)

Vấn đề còn xấu đi khi Henry Kissinger để lại cho nhà lãnh đạo Campuchia Lon Nol ấn tượng sai rằng một thỏa thuận đã được ký kết và Thiệu đã chấp nhận bản Hiệp định. Lon Nol vốn sôi nổi liền mở sâm banh ăn mừng: “Cuối cùng thì hòa bình đã đến. Chúng ta phải uống để mừng cho điều đó và chúc mừng Tiến sĩ Henry Kissinger về sứ mệnh của ông”. Các đầu mối của Ấn một lần nữa tỏ ra là tốt nhất thành phố; Shaplen đã ghi lại lời ông: “Ấn nói rằng Nguyễn Văn Thiệu đã gửi thư đi. Còn nói với Henry Kissinger - chúng tôi chết bây giờ hoặc sáu tháng sau thì cũng chẳng có gì khác nhau cả. Còn nói Alexander Haig không tán thành, như thế tốt hơn... Thiệu sẽ chống lại hiệp định, vận động và đòi Hà Nội phải ký với ông ta... Henry Kissinger đã nói dối với Lon Nol”. (15)

Ấn đã báo cáo ra Hà Nội về sự bất đồng giữa Kissinger và Thiệu, và về sau ông nói với tôi rằng đó là lý do tại sao phóng viên Amand de Borchgrave của Newsweek được mời tới Hà Nội để có cuộc phỏng vấn độc quyền với Thủ tướng Phạm Văn Đồng. De Borchgrave thậm chí không xin phỏng vấn, nhưng Hà Nội nhìn thấy một cơ hội khiến Henry Kissinger bối rối trước mặt những người thuộc chính quyền Nam Việt Nam. Bài phỏng vấn trên tờ Newsweek số ra ngày 23 tháng 10 dẫn lời ông Đồng nói rằng một bản hiệp định đã được thỏa thuận xong và lễ ký kết dự định diễn ra tại Paris vào ngày 31 tháng 10. Hà Nội cũng công bố toàn văn bản dự thảo, vốn đang được đàm phán giữa Kissinger và Lê Đức Thọ. Ông Đồng đề cập đến một “liên minh chuyển tiếp” và nói rằng các sự kiện đã diễn ra nhanh khiến ông Thiệu không bắt kịp. Cuộc phỏng vấn với ông Phạm Văn Đồng là nhằm đưa ra công luận, đặc biệt là dư luận ở Mỹ, một sự đã rồi; nhằm phơi bày ý đồ xấu xa của Richard Nixon và Henry Kissinger trong quá trình tìm kiếm hòa bình; và để chứng tỏ với Liên Xô và Trung Quốc rằng Hà Nội đang thực lòng muốn tìm kiếm một thỏa thuận với Mỹ và xứng đáng tiếp

tục được nhận viện trợ từ hai quốc gia này. “Đó là đóng góp lớn nhất của ông Ân, theo ý kiến của cá nhân tôi”, Đại sứ Nguyễn Xuân Phong, người từ năm 1965 đến 1975 là thành viên nội các Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam, đánh giá.

Henry Kissinger bị buộc phải về Washington và tổ chức một cuộc họp báo vào ngày 26 tháng 10 để thông báo tình hình đàm phán với Việt Nam. “Thưa quý bà, quý ông, hiện nay chúng ta đã nghe được tiếng nói từ cả hai miền Việt Nam và đã trở nên rõ ràng rằng cuộc chiến tranh từng hoành hành trong hơn mười năm giờ đang đi đến hồi kết, và rằng đây là trải nghiệm đầy thương tích cho tất cả các bên tham gia. Tổng thống cho rằng có lẽ sẽ là hữu ích nếu tôi đến đây để nói với quý vị về những điều chúng ta đang làm, chúng ta đang đứng ở đâu, để hóa giải hàng loạt cáo buộc và lời buộc tội... Chúng tôi tin hòa bình đang ở trong tầm tay”.

Ấn quả quyết rằng khi giúp Hà Nội làm cho Kissinger bối rối thì ông cũng có được sự mãn nguyện cá nhân tương tự việc ông có bài hay cho Time. Trưởng văn phòng Time, Stanley Cloud, đồng ý về điều này. Ấn tới văn phòng và nói với Cloud rằng một số nguồn tin của ông cho biết đã có đột phá nhưng hòa bình vẫn chưa ở trong tầm tay. Ấn đảm bảo về nguồn tin của mình, dù trên thực tế ông có ba nguồn tin - là các đầu mối của ông trong cơ quan tình báo Pháp, CIO và Cộng sản. Sau này, tôi đã trao đổi với Stanley Cloud và ông khẳng định rằng về lâu dài, bài viết của Ấn có nội dung chính xác và chính Cloud thậm chí đã gọi điện cho Kissinger để xác nhận thông tin.⁽¹⁶⁾ “Ấn luôn nói với tôi rằng 'chưa hề có kế hoạch hòa bình, mọi chuyện vẫn còn mờ mịt, chưa có gì được giải quyết cả’, Cloud nhớ lại. “Tôi rất tự hào về những điều ông ấy đã làm cho Time trong bài viết này và nhiều bài khác”. Ấn khẳng định một trong những lý do khiến Arnaud de Borchgrave đưa ra lời buộc tội rằng ông là điệp viên tung tin thất thiệt xuất phát chủ yếu từ sự kiện xảy ra hồi tháng 10 năm 1972. “Chúng tôi vượt qua ông ta bằng bài viết hay hơn và ông ta biết điều đó”, Ấn nói với tôi nhiều lần như thế.

Sự kiện Nixon từ chức ngày 9 tháng 8 năm 1974 đã khiến Tổng thống Thiệu choáng váng và làm thay đổi tính chất đảm bảo của những lời mà

ngài cựu tổng thống đã hứa. Người bảo trợ đã ra đi, mặc dù ngày 10 tháng 8, tân Tổng thống Gerald R. Ford viết rằng, “những cam kết hiện hành mà quốc gia đã ký trong quá khứ vẫn còn giá trị và sẽ được chính quyền của tôi hoàn toàn tôn trọng”. Nhưng có một đợt thủy triều đang làm thay đổi chính trường Mỹ. Tại cuộc bầu cử quốc hội vào tháng 11 năm 1974, phe Dân chủ giành thêm được bốn mươi ba ghế Hạ viện và ba ghế Thượng viện, giúp họ chiếm thế đa số vượt trội với tỷ lệ 291 - 144 tại Hạ viện và 61 - 39 tại Thượng viện. Người Mỹ đã sẵn sàng rời xa Việt Nam, để vui chôn một giai đoạn lịch sử bất thiêu.

Tất cả những nhân tố này giúp giải thích vì sao Trần Văn Trà và các tư lệnh đồng đội miền Nam tập trung về Hà Nội và tại sao Đại tướng Dũng sau đó đã vào Nam sớm. Khi ông Trà phát biểu tại hội nghị, tin tức về một trận thắng lớn của Cộng sản ở tỉnh Phước Long chỉ cách Sài Gòn khoảng 120 cây số bay về. Trận đánh này được Tướng Trà lên kế hoạch để thử quyết tâm của Mỹ. Dù trong Bộ Chính trị có vài người không tán thành kế hoạch của ông Trà, nhưng cá nhân lãnh đạo Bắc Việt Lê Duẩn ủng hộ cuộc tấn công, kèm theo lời cảnh báo viên chỉ huy trưởng ở miền Nam là “tiến lên và tấn công... [Nhưng] phải chắc thắng”.(17)

Phước Long tương đối biệt lập, là mục tiêu tấn công dễ dàng cho Quân đoàn 4 của Quân đội Bắc Việt; bao gồm Sư đoàn 7 rất thiện chiến, một tiểu đoàn xe tăng T-54 do Liên Xô cung cấp, một trung đoàn pháo binh, một trung đoàn pháo phòng không, các đơn vị lính công binh và bộ binh địa phương, cùng Sư đoàn 3 Quân đội Bắc Việt mới được thành lập. Trận đánh khởi đầu vào ngày 13 tháng 12 năm 1974. Thị xã Phước Long bị thất thủ gần như ngay tức thì, khiến ông Thiệu phải triệu tập một cuộc họp khẩn cấp với các tướng lĩnh tại Sài Gòn. Vấn đề đặt ra ngay tại cuộc họp này là có nên tăng viện cho Phước Long hay không.(18)

“Tin tức về việc quân ta chiếm được toàn bộ thị xã Phước Long đến vào giữa cuộc họp”, ông Dũng viết. “Mọi người phấn khởi đứng dậy bắt tay nhau mừng chiến thắng... Sự kiện này thể hiện phần nào năng lực chiến đấu của quân đội ta và sự yếu kém của quân địch. Một trang sử mới đã mở ra”.

Tối ngày 7 tháng 1, toàn bộ tỉnh này đã nằm dưới sự kiểm soát của Cộng sản. Binh sĩ và lực lượng đặc biệt của Việt Nam Cộng hòa đã chiến đấu tốt, nhưng họ quá thua về quân số. Quân lực Việt Nam Cộng hòa chỉ còn 850 người sống sót trên tổng số 5.400 quân tham chiến trong cuộc tấn công được lập kế hoạch cẩn thận này của Cộng sản. Chỉ 3.000 thường dân trên tổng số 30.000 trốn thoát; các quan chức thôn ấp và tỉnh bị gom lại hành quyết.(19) Theo lời của Đại tá Harry Summers thì “trận đánh ít được biết đến ở Phước Long là một trong những trận đánh mang tính chất quyết định nhất của cuộc chiến, bởi nó đánh dấu việc Mỹ từ bỏ đồng minh cũ của mình... Trước sự vi phạm trắng trợn Hiệp định Paris này - và nó được thiết kế một cách đầy chủ ý để lộ rõ sự trắng trợn nhằm thăm dò thái độ của Mỹ - Tổng thống Gerald Ford đã giới hạn một cách nhu nhược phản ứng của mình chỉ bằng các công hàm ngoại giao. Bắc Việt đã được bật đèn xanh cho việc chinh phục miền Nam”. (20)

Ấn nói với tôi rằng thời gian sau trận Phước Long là dịp duy nhất cấp trên bày tỏ sự nghi ngờ đối với đánh giá của ông về tình hình. Tin tức tình báo của Hà Nội cho biết hàng không mẫu hạm USS Enterprise và chiến đoàn hộ tống đã rời Philippines tiến gần tới Việt Nam và sư đoàn thủy quân lục chiến đóng tại Okinawa đã được đặt trong tình trạng báo động. Có một số hoạt động tại Vịnh Subic, có thể là dấu hiệu cho thấy người Mỹ sẽ trở lại. “Tôi nói rằng Mỹ sẽ không tham chiến nữa, dù có vài động thái, nhưng đều trống rỗng. Tôi bảo họ rằng người Mỹ sẽ không bao giờ trở lại, nhưng họ vẫn chưa vững tâm. Họ lại thử lần nữa ở Ban Mê Thuật để xem người Mỹ có can thiệp hay không, sau đó thì họ biết tôi đúng. Tôi gửi báo cáo cho họ về suy nghĩ của các tướng lĩnh dưới quyền ông Thiệu. Rồi tôi đi lên trên đây và nói chuyện với một ông tỉnh trưởng, ông ta bảo rằng ông Thiệu không chịu bảo vệ tỉnh này. Ông tỉnh trưởng rất suy sụp và biết rằng kết cục đang đến gần, và rằng người Mỹ đã bỏ đi thực sự. Lúc bấy giờ tôi biết mọi chuyện đã cáo chung rồi. Ông Thiệu cho rằng mất một tỉnh cũng chẳng sao, cốt để xem phản ứng của Mỹ thế nào, nhưng tôi biết tinh thần người Mỹ đã quá mệt mỏi vì cuộc chiến này rồi. B-52 sẽ không trở lại nữa”.

Trong khoảng thời gian này, ký giả Úc Denis Warner chạy đến tìm gặp Ấn tại phòng giải lao ở khách sạn Continental. Warner vừa trở về từ một chuyến đi ra Trung phần, nơi ông được tận mắt chứng kiến hệ quả của việc Mỹ cắt giảm viện trợ quân sự. Các binh sĩ Việt Nam Cộng hòa luôn chịu cảnh thiếu thốn đạn dược, xăng dầu và tiền lương. Tinh thần đã suy sụp. Các đơn vị pháo binh phải dè xẻn đạn dược, và để tiết kiệm nhiên liệu, trực thăng chỉ được dùng cho công tác cứu thương.

“Ông thấy tình hình Trung phần thế nào?” Ấn hỏi Warner.

“Tôi mới nói với ông ta rằng theo tôi nghĩ thì, dù có năm sư đoàn của Việt Nam Cộng hòa đóng ở đây, Trung phần chắc chắn sẽ chỉ như một miếng mồi ngon nếu Bắc Việt tấn công”.

Mười tám năm sau, hai người đàn ông này nhớ lại cuộc nói chuyện năm xưa. “Tôi vừa mới chuyển một thông điệp cho giao liên mang tới Trung ương cục miền Nam trong đó nói rằng vẫn còn quá sớm để mở một cuộc tổng tiến công và rằng sẽ phải đợi tới thời gian sau đó trong năm”, Ấn nói. “Thế rồi tôi gặp ông”. (21)

Khi tôi hỏi sau cuộc gặp đó thì ông làm gì, Ấn mới trả lời, “Tôi luôn nghĩ rằng Warner làm việc cho tình báo Úc, thế nên tôi tin vào thông tin của ông ấy và ngay lập tức gửi một bản đánh giá mới, về sau tôi có cảm ơn ông ấy vì đã cho tôi thông tin quý giá”.

Ấn đã được thưởng Huân chương Quân công nhờ bản báo cáo về tình Phước Long đề ngày 30 tháng 11 năm 1974. Các sách sử Việt Nam so sánh những đóng góp của Ấn trong giai đoạn này với bản báo cáo của bậc thầy tình báo Richard Sorge rằng “Nhật Bản sẽ không mở mặt trận phía đông”, vốn đã cho phép Liên Xô chuyển quân sang phía tây để chặn đà tiến công của Đức thời Thế chiến II.(22)

Ấn cũng đoạt được báo cáo bí mật “Nghiên cứu chiến lược” trong đó cho biết tinh thần và vật chất của Quân lực Việt Nam Cộng hòa đang cạn và rằng máy bay B-52 của Mỹ sẽ không trở lại. Tác giả của bản báo cáo, Thiếu tướng Lê Ngọc Triển, giám đốc nghiên cứu chiến lược của quân đội, nhận thấy Ban Mê Thuột là điểm xung yếu nhất trong hệ thống phòng thủ của Nam Việt Nam.

Ông Ân chỉ trích Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu rất nặng nề, bằng chứng rõ ràng nhất là trong tài liệu của Shaplen có ghi lại lời Ân ví năng lực lãnh đạo của Tổng thống Thiệu với một con khỉ nghiện thuốc phiện trong gánh xiếc. “Ân: Thiệu, chúng ta đã tạo nên ông ta như vậy, nếu bây giờ để ông ta tự đi, ông ta sẽ té mất. Rất nhiều người Hoa và người Sài Gòn nuôi khỉ, cho chúng ăn thuốc phiện, đồ ăn ngon, dạy làm trò, đội mũ sặc sỡ. Làm xiếc. Nhưng khi người chủ quay lưng lại ba phút thôi, con khỉ sẽ trở về với bản tính tự nhiên của nó, sẽ bốc cứt ăn, giống Thiệu. Vì thế nếu chúng ta trì hoãn sự giúp đỡ trong năm phút thôi, Quân lực Việt Nam Cộng hòa sẽ bị nuốt chửng. Chúng ta đã tạo ra một môi trường toàn khỉ ở đây”. (23) Ân giải thích với Shaplen rằng cuộc khủng hoảng lãnh đạo tại Sài Gòn là một hệ quả trực tiếp của việc Mỹ chẳng làm gì để phát triển một thể hệ lãnh đạo mới tại Việt Nam. “Máu và đôla đã được vung vãi tại đây nhưng chúng ta đã làm được gì cho người Việt Nam và chính quyền Sài Gòn? Phần lớn người Mỹ đang quan hệ với lũ khỉ và đường nào rồi thì chúng ta cũng sẽ rút lui sớm thôi. Chúng ta chỉ biết tới lũ khỉ. Khi mới đến, chúng ta tận dụng những người Việt được Pháp đào tạo, đội ngũ quan lại, và chúng ta tạo nên những vị tướng mới. Đôla, vôn vôn, nhưng lũ khỉ chẳng biết đường sử dụng. Không có học thuyết cho Việt Nam, không có cả học thuyết của Mỹ. Chúng ta xây trường lớp, nhưng chẳng có giáo viên. Mở đường và đào kênh, nhưng dân Việt không biết cách sử dụng. Người Mỹ chẳng thể lấy não của mình rồi cho vào mũ họ được và điều đó đã chứng minh. Chẳng có sự đào tạo lãnh đạo thực thụ nào”. Ân dự báo rằng khi người Mỹ rời đi, Việt Nam sẽ trở thành “cái xác khô”. (24)

Sau khi Phước Long thất thủ, Đại tướng Dũng cùng các đồng sự chăm chú theo dõi phản ứng của Mỹ, nhưng rồi chẳng có phản ứng nào. Trần Văn Trà nhớ rằng ông Phạm Văn Đồng đã nói, “Mỹ đã rút quân theo Hiệp định Paris, mà chúng coi là một thắng lợi sau khi đã hứng chịu nhiều thất bại nhưng không có đường rút chân ra. Giờ thì không có khả năng chúng sẽ can thiệp trở lại bằng cách đưa quân sang. Chúng có thể sử dụng không quân và hải quân, nhưng điều đó chẳng thể quyết định tới chuyện thắng bại”. Sau đó

ông cười to và nói, “Nói đùa nhưng cũng là thật, bây giờ mình có cho kẹo thì người Mỹ cũng không quay trở lại”. (25)

Nghị quyết kết thúc hội nghị tại Hà Nội tuyên bố, “Chưa bao giờ ta có điều kiện đầy đủ về quân sự và chính trị như hiện nay, có thời cơ chiến lược to lớn như hiện nay để hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc”. (26)

ĐẠI TƯỚNG DŨNG đang trên đường đến Ban Mê Thuột vào đêm giao thừa Tết Ất Mão 1975. Dừng chân tại sở chỉ huy Sư đoàn 470 công binh xây dựng đóng ở Ia Drang, ông Dũng cùng ăn với những người lính của mình, trong bữa sáng Tết cổ truyền có bánh chưng và thịt.(27) Chặng cuối của hành trình đưa ông Dũng đi xuyên qua khu thung lũng rậm rạp, mù sương ở phía tây Ban Mê Thuột, nơi ông thiết lập sở chỉ huy cho chiến dịch sắp tới. “Chúng tôi ở trong rừng rậm, kề bên một khu rừng khôộc, loại cây có lá khi rụng tạo thành một tấm thảm vàng óng”. Mục tiêu sẽ là Ban Mê Thuột, thủ phủ tỉnh Darlar ((Tên chính thức dưới thời Việt Nam Cộng hòa, bao gồm một phần của tỉnh Đắk Lắk ngày nay -ND) “là đô thị đẹp nhất trong số các thành phố cao nguyên, nơi có những người dân tộc Ê Đê mặc trang phục thêu sặc sỡ đi bộ trên đường phố, nơi vẫn còn khu nhà nghỉ đồ nát của Hoàng đế Bảo Đại gọi lại những ngày xưa thanh bình khi ngài và các đại thần tới đây săn bắn lợn lòi, nai và cọp ở những vùng đồi núi xung quanh”. (28)

Những tuần sau đó là thời gian dành cho việc phối hợp và hoàn thiện các kế hoạch chiến đấu. Trong những năm gần đây, ông Dũng đã trở thành nhân vật tiên phong trong việc biến quân đội Bắc Việt thành một cỗ máy quân sự hiện đại.(29) Sau khi ký Hiệp định Paris, ông Dũng được giao trọng trách tái xây dựng lực lượng quân sự miền Bắc và mở rộng mạng lưới đường bộ dọc Đường mòn Hồ Chí Minh. “Sản phẩm từ các nỗ lực của ông ta là một lực lượng 200.000 dân quân miền Bắc bảo vệ hậu phương và một lực lượng chiến đấu xa gồm hai mươi hai sư đoàn với sự yểm trợ của hàng

trăm xe tăng Liên Xô và Trung Quốc, pháo tầm xa, pháo phòng không cỡ lớn và nhiều loại tên lửa. Có lẽ điều còn quan trọng hơn cả hỏa lực đơn thuần và sức mạnh qua những con số thống kê là tính cơ động của lực lượng này; vốn có thể tấn công bất kỳ nơi đâu tại miền Nam Việt Nam chỉ sau vài tuần, thậm chí vài ngày”. (30)

Tối 25 tháng 2 năm 1975, ông Dũng ký vào bản đồ phác thảo nhiệm vụ, bố trí lực lượng và các tuyến hành quân trong cuộc tấn công vào Ban Mê Thuột. Trong vài ngày sau đó, ông Dũng và các tư lệnh của mình chuẩn bị sẵn sàng lực lượng để xung trận. Ngày tháng 3, “Tuấn” gửi một bức điện bằng mật mã cho “Chiến” ở Hà Nội: “Ngày 10 tháng 3, chúng ta sẽ tấn công Ban Mê Thuột”. (31)

Bốn mươi tám giờ sau đó, Ban Mê Thuột đã nằm dưới quyền kiểm soát của Bắc Việt. Lần này, Tổng thống Thiệu không thể chịu đựng yên nữa nên đã ra lệnh phải chiếm lại, ra chỉ thị rằng tất cả các lực lượng sẽ được triển khai để phục vụ cho nhiệm vụ tái chiếm Ban Mê Thuột. Kế hoạch được thực hiện mà không có sự tham mưu của Đại sứ Mỹ hoặc bất kỳ ai khác. Thiệu đã đi một bước nguy hiểm bằng cách tái triển khai quân ngay giữa lúc còn chạm mặt với kẻ thù. Khi dân địa phương thấy binh lính rời các thành phố, họ tưởng nhầm rằng binh lính đang bỏ chạy chứ không phải đang được điều động. Thế là cơn hoảng loạn tập thể đã dâng lên thành làn sóng người chạy về hướng duyên hải.(32)

Ngày 11 tháng 3 năm 1975, “Tuấn” gửi một bức mật điện nữa cho “Đồng chí Chiến”: “Quân ta đã làm chủ hoàn toàn Ban Mê Thuột... Quân ta đang chuẩn bị dọn sạch các mục tiêu lân cận”. Ngày hôm sau, “Chiến” trả lời bằng những chỉ thị từ Bộ Chính trị: “Các đồng chí Lê Duẩn, Lê Đức Thọ và Võ Nguyên Giáp nhất trí rằng quân ta phải nhanh chóng quét sạch các đơn vị địch còn lại ở Ban Mê Thuột” và tiến về phía Pleiku. Quân lực Việt Nam Cộng hòa trong tư cách là một lực lượng chiến đấu đang trên đường tan rã.

Bắc Việt công khai dùng các sư đoàn quân thường trực tiến đánh Nam Việt Nam. Gerald Ford đã ngồi một đời ở Quốc hội nên hiểu rõ rằng Quốc hội sẽ không chấp thuận yêu cầu về ngân sách bổ sung để viện trợ cho Việt

Nam Cộng hòa những phương tiện mà họ cần hòng chặn đứng cuộc tấn công. Thế là ông Ford đã cử Tham mưu trưởng Lục quân - Tướng Fred Weyand - tới Việt Nam để xem xét tình hình và đề xuất các bước đi trong tương lai. Weyand thăm Việt Nam từ ngày 27 tháng 3 tới 4 tháng 4 năm 1975, điều này có nghĩa là ông đã chứng kiến sự kiện Đà Nẵng thất thủ vào ngày 30 tháng 3.

Cấp tốc trở về Mỹ để họp với Tổng thống Ford tại Palm Springs vào ngày 5 tháng 4, Weyand đồng ý rằng Mỹ còn nợ Việt Nam Cộng hòa lời hứa làm tất cả mọi điều có thể để giúp họ bổ sung nguồn lực nhằm đối phó với cuộc tổng tấn công hiện nay. “Chúng ta đến Việt Nam trước hết là để giúp đỡ dân miền Nam Việt Nam - chứ không phải chống lại người Bắc Việt. Chúng ta chìa tay ra với dân miền Nam và họ đã nắm lấy. Giờ đây họ đang cần bàn tay giúp đỡ ấy hơn bao giờ hết”. Weyand đề nghị bổ sung một ngân khoản 722 triệu đôla viện trợ quân sự tối thiểu nhằm đối phó với cuộc xâm lược hiện nay. “Viện trợ bổ sung của Mỹ nằm trong tinh thần và mục đích của Hiệp định Paris, vốn vẫn còn là một khuôn khổ thực tế cho giải pháp hòa bình ở Việt Nam”. Kết luận của ông là “tình hình quân sự hiện tại rất nguy ngập, và khả năng Nam Việt Nam tồn tại trong hình hài một đất nước bị cắt cụt tại các tỉnh miền Nam là rất thấp.”(33)

Trong lần cầu viện cuối cùng, Tổng thống Thiệu đã chấp bút viết một lá thư cá nhân gửi tới người đàn ông mà ông ta chưa từng gặp mặt, Tổng thống Gerald Ford. “Ý định của Hà Nội về việc sử dụng thỏa thuận Paris để phục vụ cho một cuộc xâm chiếm miền Nam Việt Nam bằng quân sự là điều chúng tôi đã biết rõ ngay từ khi đang đàm phán Thỏa ước Paris... Lúc đó chúng tôi đã nhận được những lời cam kết chắc chắn rằng Mỹ sẽ trả đũa một cách nhanh chóng và mãnh liệt đối với bất kỳ hành động nào vi phạm tới thỏa thuận... Chúng tôi coi những lời hứa đó là những đảm bảo quan trọng nhất của Thỏa ước Paris; và những lời hứa đó giờ đây đã trở nên tối quan trọng đối với sự sống còn của chúng tôi”.

Cuộc tấn công cuối cùng vào Sài Gòn sắp sửa bắt đầu. Buổi chiều ngày 7 tháng 4, một chiếc xe gắn máy chở ông Lê Đức Thọ, người đã chủ trì lễ kết nạp Phạm Xuân Ẩn vào Cộng sản hai mươi năm về trước, chạy tới

sở chỉ huy của Đại tướng Dũng, ông Thọ mang chiếc túi xách bên trong đựng tờ mệnh lệnh thực hiện cuộc tấn công cuối cùng mang tên, “Tiến tới thắng lợi cuối cùng”, trong đó khẳng định ông Dũng là Tư lệnh trưởng, còn Trần Văn Trà và Lê Đức Anh làm tư lệnh phó. Trong lời chia tay, Lê Đức Thọ nói với các viên tư lệnh của ông rằng “ngay cả khi chúng [Mỹ] mạo hiểm can thiệp thì chúng cũng không thể đảo ngược được tình hình, chúng chỉ có thể nhận thêm thất bại nặng nề hơn mà thôi. Chúng ta nhất định chiến thắng”. Bộ Chính trị đặt tên cho kế hoạch mới là Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Cuộc tấn công vào Xuân Lộc, một khu vực phòng thủ trọng yếu của Quân lực Việt Nam Cộng hòa dọc theo Quốc lộ 1, khởi sự vào ngày 9 tháng 4.(34) Xuân Lộc rồi đây sẽ trở thành một trận chiến mang tính sử thi của cuộc chiến tranh, với việc Sư đoàn 18 bộ binh Việt Nam Cộng hòa đã chiến đấu dũng mãnh trong tình thế quá chênh lệch lực lượng và đã cho thấy vì sao họ được coi là sư đoàn thiện chiến nhất của Quân lực Việt Nam Cộng hòa. Tuy nhiên, sau hai tuần đánh nhau ác liệt và đã tiêu diệt hơn năm ngàn quân địch và phá hủy ba mươi bảy xe tăng của Quân đội Bắc Việt, Sư đoàn 18 được lệnh rút quân và Xuân Lộc rơi vào tay Bắc Việt vào ngày 22 tháng 4.(35) Ngày hôm sau, Tổng thống Ford nói với những người dự khán ở Đại học Tulane rằng, “nước Mỹ có thể lấy lại được niềm kiêu hãnh từng tồn tại trước Chiến tranh Việt Nam. Nhưng điều đó không thể đạt được bằng cách trở lại đánh nhau trong một cuộc chiến tranh mà đối với Mỹ nó đã kết thúc”.

Ấn đã cung cấp cho Shaplen một sự phân tích chi tiết về tình hình.(36) “Ấn sợ nhất là những người lính vô kỷ luật và quân cướp, ông ta cầu nguyện cho Sài Gòn”, Shaplen viết.(37)

Kết cục đến sớm hơn so với dự đoán của hầu hết mọi người. Ông Ấn rất sốc khi Quân lực Việt Nam Cộng hòa với quân số gần một triệu người, quân đội lớn thứ tư thế giới, lại có thể tan rã nhanh đến thế trong giai đoạn tháng 3 và tháng 4 năm 1975. “Ấn nói rằng ông chưa bao giờ nghĩ điều đó lại dễ dàng như thế”, Shaplen ghi chú trong sổ tay vào cuối tháng 4 năm 1975. “Thiệt tiếp tục đổ lỗi cho mọi người ngoại trừ bản thân ông ta và sẽ

kéo cả ngôi nhà sập xuống cùng với ông ta. Sau tôi là cơn hồng thủy”, Ấn nói.(38) “Không gì có thể bào chữa cho cuộc sống của chúng ta. Cái thực tế rằng chúng ta đang sống chẳng mang ý nghĩa gì cả”, Nguyễn Hưng Vương nói với Shaplen.

Tổng thống Thiệu lúc này đã ra tuyên bố từ chức, nói với các cố vấn thân cận nhất rằng tình hình quân sự giờ đây đã hết hy vọng và rằng việc tiếp tục tại vị của ông có thể được coi là một sự cản trở đối với giải pháp hòa bình. Vào ngày 25 tháng 4 năm 1975, ông bước lên chiếc máy bay C-118, số đuôi 231, từ Tân Sơn Nhất đi Đài Bắc. Các lời đồn sau đó cho rằng ông Thiệu đã mang theo hơn hai mươi tấn vàng trong kho dự trữ quốc gia. Phó Tổng thống Trần Văn Hương tiếp nhận ghế tổng thống.

THÁNG 4 ĐẾN với đầy những nỗi âu lo trong lòng Ấn về an nguy của gia đình và bè bạn. Ông biết thời gian không còn nhiều. “Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng mình sẽ đi Mỹ, nhưng tôi phần vãn không biết là có nên để vợ con ra đi hay không. Tôi không nhận được thông tin nào từ Hà Nội, không có sự chỉ dẫn nào, và tôi cũng chịu áp lực từ tờ Time là phải đưa ra quyết định. Tất cả bạn bè đều muốn giúp đỡ tôi, chứ không chỉ riêng tờ Time, có rất nhiều người tốt bụng. Malcom Browne đề nghị đưa tôi vào danh sách của New York Times dù tôi làm việc cho một tờ báo đối thủ; một đại diện của Reuters đến tiệm Givral đề nghị giúp tôi và gia đình xuất ngoại. Jim Robinson, người từng làm việc cho đài NBC, mời tôi và gia đình đi cùng chuyến bay do ông thuê. Rồi đến ngày 22 tháng 4, Bob Shaplen bảo tôi đã đến lúc phải quyết định, về an nguy của vợ con. Tôi bảo được rồi, cho tôi một ngày để suy nghĩ”.

Ấn không bao giờ có thể bỏ lại mẹ già ở Sài Gòn, nhưng ông lo rằng đảng có thể chỉ đạo ông di tản cùng người Mỹ. Điều đó có nghĩa là ông sẽ tiếp tục sứ mệnh của mình tại Mỹ, một điều đối với cá nhân ông chẳng có ý nghĩa gì cả. Để dự phòng cho mọi tình huống, ông đã tìm cách liên hệ với người em trai ở Cần Thơ, cách Sài Gòn về phía nam vài giờ chạy xe, để

xem ông này có thể lên Sài Gòn chăm sóc người mẹ hay không. Tuy nhiên, ông em không biết chắc là mình có thể lên Sài Gòn trước khi Ấn ra đi hay không, trong trường hợp có lệnh từ Hà Nội phải di tản.

Một ngày sau khi ông Thiệu ra đi, vợ và bốn người con của Ấn rời Sài Gòn trên một chuyến bay của đài CBS News cùng với ba mươi chín thành viên của tờ Time. “Mỗi người chúng tôi được phát một túi xách nhỏ của hãng hàng không Pan Am để đựng ít quần áo, tất cả chỉ có vậy”, Hoàng Ân, người con trai lớn nhất của ông, nhớ lại. “Chúng tôi không hề sợ bởi được má bảo vệ rất kỹ. Tôi không nghĩ rằng đó là lần cuối cùng tôi nhìn thấy ba. Vì một lý do nào đó, có lẽ là do chúng tôi còn quá nhỏ vào lúc ấy và do ba má luôn bảo vệ và cách ly chúng tôi”.

Ấn nói với các đồng nghiệp rằng ông không thể rời xa mẹ mình. “Trong đời, bạn chỉ có một người mẹ và một người cha, mà người Việt chúng tôi không bao giờ bỏ cha mẹ lại như vậy; bốn phận của con cái là phải chăm sóc cho cha mẹ. Cha tôi đã chết trên tay tôi tại nhà; nên tôi không bao giờ bỏ má tôi ở lại một mình, còn má tôi thì cũng sẽ không bao giờ rời Việt Nam”. (39) Sau khi dàn xếp mọi chuyện ổn thỏa, Ấn nói với những người gần gũi với mình rằng ông sẽ tìm cách để đoàn tụ với gia đình tại Mỹ. Ông rất cảm kích khi gia đình mình sẽ được bình an và rằng tờ Time đã lo mọi thứ. Shaplen viết cho Lansdale vào ngày 10 tháng 5 rằng “nằm trong số những người ở lại, bất chấp mọi lời nài nỉ, trong đó có cả sự nài nỉ của tôi, là Phạm Xuân Ấn, bạn cũ của chúng ta ở tờ Time... Hy vọng là ông ấy sẽ ổn”. (40)

Điều mà Ấn không hề biết lúc bấy giờ đó là trong Quân ủy Trung ương thuộc Bộ Chính trị đã có những sự cân nhắc nghiêm túc về khả năng điều Ấn tới Mỹ để tiếp tục làm nhiệm vụ. Cuối cùng thì chính Đại tướng Dũng đã quyết định rằng Ấn nên ở lại Việt Nam. “Anh Ấn là vốn quý của đất nước, anh ấy làm tình báo mấy chục năm rồi, bây giờ mà tiếp tục khai thác nữa thì với khả năng và điều kiện của mình, anh ấy vẫn phát huy tác dụng rất tốt, nhưng quá trình ra nước ngoài rất dễ bị lộ, lúc ấy tổn thất là rất lớn”. (41) Người đã tuyển mộ Ấn, ông Mười Hương, thấy tiếc về quyết định này. “Thú thật, xét về mặt tình báo thì tôi rất tiếc. Anh Ấn mà tiếp tục ra nước

ngoài thì sẽ phát huy tác dụng rất tốt”. (42) Tôi đã hỏi ông Mai Chí Thọ về ý tưởng tiếp tục triển khai nhiệm vụ cho Ấn và ông cho biết: “Về mặt công việc, đây là một ý tưởng hay. vỏ bọc của ông Ấn vẫn còn nguyên vẹn, ông ấy được người Mỹ tin tưởng, và ông ấy cũng đã chuẩn bị lên đường, sẵn sàng lên đường. Nhưng cần đánh giá theo hướng ngược lại: ông ấy luôn sẵn sàng một cách chuyên nghiệp, nhưng những điều kiện khác cũng cần phải được xét tới. Ông ấy đã cống hiến quá nhiều rồi”.

Khi tôi đề cập với Ấn khả năng tiếp tục sứ mệnh tình báo ở Mỹ, ông đã nhấn mạnh rằng ông coi đây là một hành động quá lo xa. “Tôi thực sự không biết họ còn muốn gì ở tôi nữa. Có lẽ họ hy vọng rằng các nguồn tin sẽ giúp tôi theo sát được những ý nghĩ bên trong Ngũ Giác Đài, nhưng điều đó khó mà xảy ra bởi rất nhiều đầu mối của tôi lúc bấy giờ đang ở trong trại cải tạo hoặc các khu tị nạn tại Mỹ thì làm sao có thể tiếp cận được cái gì. Hoặc có thể tôi sẽ báo cáo về việc tổ chức tòa soạn tại Los Angeles hoặc San Francisco”, Ấn nói, kèm theo một nụ cười nhún nhún quen thuộc.

Tại Sài Gòn, người ta rỉ tai nhau rằng khi quân miền Bắc vào thì sẽ có một cuộc tắm máu. “Căng thẳng lan tỏa không chỉ bởi người ta biết chắc chắn rằng Sài Gòn sẽ thất thủ, mà còn bởi người ta không biết nó sẽ sụp đổ như thế nào”, William Tuohy viết. “Liệu có xảy ra một cuộc pháo kích dồn dập và sau đó là màn đấu súng qua từng căn nhà? Liệu có xảy ra một cuộc tắm máu khi Cộng sản tính sổ với những người mà họ cho là hợp tác với Mỹ và Việt Nam Cộng hòa? Liệu những người miền Nam Việt Nam, trong cơn giận dữ và thất vọng, có chĩa súng vào những người Mỹ đã bỏ rơi họ và rồi tấn công bất cứ người mắt xanh nào mà họ gặp?”(43) Ấn rất sợ phải ở nhà, bởi không biết đạn pháo có thể rơi trúng nơi nào, nhưng ông cũng được biết riêng rằng Cộng sản đã xác định ba nơi an toàn: Đại sứ quán Pháp, Bệnh viện Grall và khách sạn Continental do người Pháp sở hữu. Trong túi của Ấn lúc này có nhiều chìa khóa của những phóng viên đã ra đi, thế nên ông quyết định cách tốt nhất là đưa mẹ đến phòng 407 của Bob Shaplen tại khách sạn Continental.

Trong những ngày cuối cùng của Việt Nam Cộng hòa, nhiều người bạn đã đến để nhờ Ấn tư vấn, những người khác thì đề nghị giúp đỡ ông. Người

phụ nữ Mỹ Jolynne D'Omano cùng chồng là Pierre, một doanh nhân Pháp sinh trưởng tại đảo Corse, chủ sở hữu một nhà hàng góc phố xứ Basque nổi tiếng mang tên Aterbea, nơi có món bánh trứng rán được coi là ngon nhất tại Việt Nam, đã tới để giúp đỡ. Jolynne tới Việt Nam năm 1965 để làm việc cho Việt Tấn xã. Bà là học trò của Giáo sư Wesley Fishel, một người bạn thân của ông Diệm tại Đại học bang Michigan, người đã dặn bà khi đến Việt Nam thì hãy tìm gặp Ấn. Fishel đã gặp Ấn từ rất sớm, khi được người bạn của hai bên là Edward Lansdale giới thiệu.(44)

Rồi Jolynne dần phải lòng đất nước và con người Việt Nam. Sau khi gặp Pierre vào năm 1967, bà chọn Sài Gòn làm quê hương, sau đó chuyển từ căn hộ gần bờ sông lên sống tại tòa nhà Eden, ngay phía trên tiệm Givral, nơi qua các thời kỳ bà có những hàng xóm như Jack Reynolds, George McArthur, Lou Conein, Francois Sully và nhiều người Ấn làm nghề đổi tiền. Jolynne và Ấn hình thành một tình bạn rất đặc biệt, thể hiện qua việc hai người thường ngồi ở quán Givral nói chuyện về chó, vòng cổ cho chó, thuốc chống bọ chết, thuốc xổ giun, chính trị, lịch sử, thời sự và chiêm tinh. Jolynne có một chú chó Doberman lông đen được đặt tên Roscoe mà bà thường dẫn tới Givral mỗi ngày trong những lần trò chuyện với Ấn, người cũng thường dắt theo chú chó béc giê Đức.(45) “Rất ít người làm gián đoạn câu chuyện giữa hai chúng tôi khi có những con chó bự ngồi bên cạnh”, Ấn nhớ lại. “Vì thế chúng tôi thường có những cuộc trò chuyện tuyệt vời”.

Sau thời gian làm việc cho Việt Tấn xã, Jolynne dạy văn học Anh tại Đại học Sài Gòn. Bà kể cho tôi nghe chuyện một ngày nọ có một sinh viên đi tù tại Côn Sơn. Sinh viên này bị tình nghi là Việt Cộng và đang bị lao phổi nặng, rất cần thuốc men. Jolynne kể lại chuyện này cho Ấn bên ly cà phê ở Givral. Ấn bảo với bà là trở lại tiệm Givral lấy thuốc lúc 3 giờ chiều. Sẽ có một người đàn ông tới đưa thuốc. “Tôi luôn nhớ về lòng trắc ẩn và sự quan tâm của Ấn”, bà nói với tôi. “Bằng cách nào đó mà cậu sinh viên kia đã nhận được thuốc; đó chính là nhờ công sức của Ấn”.

Jolynne đề nghị Ấn cùng mẹ tới ở trong căn hộ của bà bên bờ sông để tránh mặt đội quân đang tiến vào. Khi Ấn nói với bà rằng như vậy không an toàn, Jolynne cùng Pierre đã sắp xếp để Ấn vào ở tại khu nhà của tùy viên

quân sự Đại sứ quán Pháp ngay sau nhà của hai vợ chồng bà, nhưng Ấn quyết định không nhận lời đề nghị đó. Để làm quà trước lúc ra đi, Jolynne tặng Ấn cuốn cẩm nang thú y Merck. Ba mươi năm sau, Ấn lôi từ giá sách của mình cuốn sách năm xưa và nhờ tôi chụp hình ông đang cầm cuốn sách để tặng cho người bạn thân, ông thường sử dụng cẩm nang này để chữa trị cho các con thú cưng.

Ấn có lý do chính đáng để lo sợ cho cuộc sống của ông. Bạn thân của ông là Vương từng làm việc cho CIA và đã sắp xếp để ra đi, vì biết rõ kết cục nào sẽ đến với những người đã cộng tác với Mỹ dài lâu. Vương khuyên Ấn nên đi bởi vì ông là phóng viên miền Nam Việt Nam nổi tiếng nhất từng làm việc cho người Mỹ. Nhiều năm trước đó, Vương từng thất bại khi cố gắng chiêu mộ Ấn cho CIA, và chỉ với mối quan hệ đó của Ấn cũng đủ để cho Cộng sản nhốt ông trong một thời gian dài. “Tôi không biết người Cộng sản và họ cũng không biết tôi”, Ấn giải thích. “Tôi sẽ làm gì khi có một cán bộ chìa súng trường vào mình? Tôi không thể nói, 'Xin chào mừng, tôi đã chờ đợi hai mươi năm rồi, nhiệm vụ của tôi vậy là kết thúc'. Tất cả những gì tôi muốn là trở thành một chàng Tarzan, ra đi cùng với Jane và lũ thú cưng của tôi, và được yên tĩnh. Tôi đã quá mệt mỏi. Tôi không thể nói với họ về nhiệm vụ của mình bởi họ có thể cười và bắn chết tôi lúc đó như một thằng điên, sinh ra tại nhà thương điên ở Biên Hòa. Tôi sẽ phải hợp tác và hy vọng câu chuyện của tôi sẽ tới Sài Gòn sớm. Bên cạnh đó, tôi biết rằng khi an ninh hỏi về người vợ và gia đình mà tôi đã gửi sang Mỹ, họ sẽ không bao giờ tin rằng tôi đứng cùng phe với họ. Họ có thể sẽ khử tôi chỉ để giết thịt lũ chó của tôi làm thức ăn cho bữa tối”. (46)

“Với tôi, Sài Gòn chính là nhà”, Ấn nói với Shaplen vào cuối tháng 4, và đùa rằng “dân chim chóc và cào cào” kia đã hứa sẽ chăm sóc ông. Rồi ông bảo, “Tôi sống vậy cũng đủ rồi”. Sau này Shaplen đã chú thêm trong ngoặc, “ông ấy có thực sự nghĩ như thế? Dù thế nào thì nếu ông ấy ở lại, chắc sẽ gặp rắc rối”. (47) Tôi hỏi Hoàng Ấn về việc ông đã đề cập tới dân cào cào. “Ba tôi muốn nói tới những người bán chim và cào cào. Nếu cứ mua hàng ở một nơi, dần dần mình chắc chắn sẽ có một mối quan hệ gần

kết với người ta. Mà ba tôi thì lại luôn hào phóng với những người bán hàng đó; thế nên họ đã trở thành bạn bè”.

Chỉ vài ngày nữa là cuộc tấn công của Bắc Việt vào Sài Gòn sẽ xảy đến. “Chiến thuật cực nhanh”, Ấn nói với Shaplen. “Đây là sự pha trộn của năm 1968 và 1972”. Bác sĩ Trần Kim Tuyến nói với Shaplen rằng ông ta nghĩ “ít nhất 200.000 đến 300.000 người sẽ bị giết. Nhiều người khác sẽ vào trại tập trung”. Ông Vương bổ sung, “Tôi nghĩ chưa có giết chóc ngay đâu, nhưng sau này sẽ có”.

Một trong những người ra đi vào giai đoạn này là Laura Palmer. “Tôi không biết nói gì khi đến lúc chia tay ông ấy ở trên bậc cửa khách sạn Continental. Tôi cùng với một nhóm nhà báo đi bộ tới điểm đón người di tản. Tôi không dám ngoái đầu lại”.(48) David Greenway nhớ lại rằng “trong cơn hỗn mang ở thời khắc sau chót của nền cộng hòa, Ấn là người Việt Nam cuối cùng tôi gặp trước khi bước lên chiếc trực thăng ở Đại sứ quán Mỹ, bay trên những đường phố ướt sũng nước mưa và ánh lửa nhòe lên từ những vụ thiêu hủy đạn được ở đằng xa”.(49) Trưởng văn phòng Time, Roy Rowan, vẫn còn nhớ những lời cuối cùng Ấn nói với ông khi hai người cùng nhau bước ra khỏi khách sạn Continental, “Đừng lo. Ông sẽ ổn thôi”. (50)

Phóng viên ảnh Dick Swanson của Time-Life vừa mới trở lại Sài Gòn sau thời gian sống ở quê nhà tại Bethesda, Maryland. Ông đã tới Sài Gòn vào năm 1966 và cưới cô Germaine Lộc vào năm 1969. Ấn tới dự đám cưới của hai người. Lộc đang làm việc cho Đại sứ quán Nhật Bản thì Nick Turner gặp cô trong một cuộc họp báo vào năm 1962 và đã đề nghị cô về làm việc cho Reuters với tiền lương tăng gấp đôi. “Tôi nhớ hôm bước vào văn phòng Reuters, thấy ông Ấn ngồi nơi chiếc bàn kê gần cửa sổ trông ra phố Catinat. Chú chó béc giê Đức ngồi phía sau ông ấy. Con chó gầm gừ khi thấy tôi bước vào, nhưng ông Ấn bảo, 'ngoan nào' và nó nghe lời ngay, ông Ấn rất thân thiện, vừa gặp tôi đã bảo, 'Tôi ít ở trong văn phòng, nên khi cần thì chị cứ sử dụng bàn của tôi'. Khi làm việc chung, bất cứ lúc nào tôi cần thông tin thì ông ấy đều giúp. Phóng viên nước ngoài theo chân ông

khắp nơi, bởi ông luôn sẵn sàng chia sẻ thông tin”, Germaine Lộc Swanson nhớ lại.

Trước khi gia nhập làng báo, Lộc là y tá Quân lực Việt Nam Cộng hòa, từng hơn hai mươi lần nhảy dù xuống chiến trường. Cô là một trong số ít phụ nữ Việt Nam làm cộng tác viên thường xuyên cho Life, NBC, ABC, CBS, tạp chí Look và Reuters. Lộc được biết đến như một nhân vật chống Cộng quyết liệt, nhưng đến hôm nay vẫn là một người bạn thân của cả gia đình Ân, các con ông vẫn gọi Lộc bằng “cô”. Tháng 12 năm 1970, cô rời Việt Nam để đến sống tại Mỹ, nhưng vào lúc này, khi chứng kiến tình hình Sài Gòn, Dick Swanson biết rằng ông phải trở lại để đưa cả gia đình bên vợ gồm mười hai thành viên rời đất nước.(51)

Swanson hầu như không ngủ trong gần hai ngày cho tới khi ông gặp Ân ở văn phòng của Time. “Tôi hỏi ông ta theo kiểu ngắn gọn của người Việt: 'Nếu tôi và gia đình ở lại thì có an toàn không?' ông trả lời, 'Có thể' Swanson cười. “Tương tự như lúc ở nhà tại Bethesda, tôi hỏi Germaine còn nước đá không. 'Còn', cô ấy đáp. Thế là tôi đi tới tủ lạnh và phắt hiện khay đá chỉ toàn nước. Lúc đó Germaine nói, 'Chúng ta có đá, nhưng chưa đông’.

Sau đó Swanson đã hỏi câu hỏi mà ông muốn đặt ra với người bạn của mình từ nhiều năm nay. “Ân, chiến tranh đã kết thúc. Ngày mai, ngày một, hoặc ngày hôm sau nữa. Bất cứ lúc nào. Chúng ta quen nhau tới nay đã chín năm rồi. Anh hãy nói thật với tôi. Anh có theo họ không, phía bên kia ấy?”.

“Tôi là người Việt Nam. Tôi không quan ngại về Cộng sản. Tôi sẽ ở lại đây”, Ân nói.

“Anh sẽ gặp rắc rối với phe Cộng không?” Swanson hỏi.

“Vào những lúc như thế này, nguy hiểm đến từ nhiều phía”, Ân đáp.

“Được rồi, rất hay khi biết rằng lỡ ra nếu tôi kẹt lại Sài Gòn thì vẫn có một trong những người bạn thân nhất là dân Cộng”, Swanson nói.

Ân chỉ cười.(52)

Sau này Ân nói với tôi rằng “tôi biết nếu Dick không ra đi vào ngày 30 tháng 4 thì rồi người ta cũng đá anh ta đi nhanh chóng thôi. Vì thế đối với anh ta, chuyện trở về Mỹ là chẳng có trở ngại gì, nhưng với gia đình của Germaine thì lại khác”.

Đại sứ quán Mỹ đã thông báo tới các trường văn phòng báo chí rằng khi đến giờ di tản khỏi Sài Gòn, Đài phát thanh Quân đội sẽ phát bản tin thời tiết đặc biệt, “Nhiệt độ lúc này là 105(khoảng 40 độ C-ND) và đang tiếp tục tăng lên!” Việc sơ tán sẽ lên đến cao điểm khi Đài phát thanh Quân đội phát bài Giáng sinh trắng của Irving Berlin do Bing Crosby trình bày. Sáng 29 tháng 4 năm 1975, phóng viên và tất cả những người Mỹ còn lại ở Sài Gòn bị lôi dậy bởi mẫu phát thanh nói trên thông qua Đài phát thanh Quân đội ở Sài Gòn. “Đến giờ rồi”, Đại sứ quán Mỹ khẳng định. “Mọi người đi thôi!”(53)

Bác sĩ Trần Kim Tuyến bỏ mất nhiều cơ hội để ra đi. Vợ của ông, bà Jackie, và các con đang ở Singapore, sau khi đã di tản trước theo sự giúp đỡ của Đại sứ quán Anh. Riêng Tuyến thì suốt mười hai năm trước đó hoặc phải ngồi tù hoặc bị quản thúc tại gia.(54) Lúc này ông vẫn còn ở Sài Gòn bởi rất nhiều bạn bè và người ủng hộ ông đã bị bỏ tù hồi đầu tháng 4 sau khi bị quy tội âm mưu đảo chính và phát động tổng phản đối nhằm vào chính phủ của ông Thiệu. Tuyến từ chối rời Việt Nam chừng nào những người này chưa được trả tự do.

Tuyến được ưu tiên hàng đầu trong danh sách di tản của CIA. Đầu mỗi của ông trong CIA là William Kohlmann cam đoan rằng tổ chức này sẽ không bỏ rơi ông. Bác sĩ Tuyến đã gặp Kohlmann ít nhất hai lần vào tuần trước, trong đó có lần Kohlmann tới tìm gặp Tuyến tại nhà Ẩn.(55) Nhưng chính bản thân Kohlmann cũng gặp khó khăn trong việc ra đi. Bị bệnh bại liệt từ hai mươi lăm năm trước, giờ đây ông đi lại khó khăn với đôi nạng trong khi tay trái thì đã trở nên vô dụng.(56) Ông cần thêm nhiều thời gian và sự trợ giúp để có thể leo lên trực thăng; lúc Tuyến sẵn sàng để ra đi vào ngày 29 tháng 4, thì Kohlmann đã đi trước rồi.

Từ nhà riêng, Tuyến tìm cách gọi điện tới các đại sứ quán Anh, Mỹ và Pháp cũng như các nhà báo quen biết, nhưng tất cả đường dây điện thoại đã bị cắt. Rồi ông tìm thấy một quán cà phê nhỏ trên đường Công Lý, nơi có điện thoại còn hoạt động. Ông cố gọi cho Đại sứ quán Mỹ, nhưng đường dây bị nghẽn. Cuối cùng Tuyến tìm đến Bob Shaplen ở khách sạn Continental, lúc này đang chuẩn bị tới Đại sứ quán và Shaplen đã hứa sẽ

làm hết sức mình để có thể giúp đưa Tuyền vào danh sách phóng viên nước ngoài di tản vào cuối buổi sáng hôm đó. Shaplen bảo Tuyền về nhà, cho những đồ đạc cá nhân cần thiết vào một chiếc va li, rồi trở lại khách sạn Continental lúc 11 giờ sáng.

Lúc Tuyền trở lại, các phóng viên được lệnh lên xe buýt trước khách sạn sau đó tới sân bay Tân Sơn Nhất để di tản bằng trực thăng.

“Không còn hy vọng nữa”, Shaplen nói, sau khi đã thất bại trong việc đưa Tuyền vào danh sách di tản. Ông lại gọi cho Đại sứ quán, nhưng sau chừng mười phút, các phóng viên trên xe buýt hết kiên nhẫn. Đã đến lúc phải đi. Shaplen không thể làm gì khác ngoài việc thọc tay vào túi lấy hết tiền cùng một chiếc chìa khóa phòng khách sạn dự phòng rồi đưa cho bạn, đoạn nói, “Tới chỗ ông Ẩn đi!”. Một trong những đoạn ghi chú cuối cùng của Shaplen cho biết “Tôi rời khách sạn Continental lúc khoảng 10 giờ 15. Chờ đợi. Tony [Tuyền] và Nghiêm ở trong phòng ngay trước khi tôi đi. Nói với họ là hãy ở cạnh ông Ẩn và đưa cho Tony thông tin về địa chỉ 22 Gia Long (cuối cùng ông đã đi đến đấy, hy vọng là không quá muộn). (57)

Tuyền tới văn phòng tờ Time và hỏi Ẩn có di tản không. “Không. Time đã đưa vợ con tôi ra ngoài rồi. Nhưng riêng tôi thì không thể đi lúc này. Má tôi quá già mà lại đang bệnh, bà cần tôi ở bên cạnh. Còn ông thì chắc chắn phải đi rồi”. (58) Một người bạn khác của Ẩn là Cao Giao, người có vợ đã làm mai ông Ẩn cho bà Thu Nhân, tìm cách trấn an Ẩn và Vượng, nói rằng chế độ mới có vẻ ưu ái những người Việt theo tinh thần dân tộc. “Tại sao ông phải ra đi ? Chẳng có gì phải sợ cả”. (59) Nhưng ông Ẩn biết rõ hơn: “Không, không thể ở lại. Ông phải tìm đường đi thôi!”

Ẩn và Tuyền quyết định tìm kiếm cơ may bằng cách trở lại tòa đại sứ. Họ chạy chiếc Renault màu xanh lá cây của Ẩn, nhưng quá đông người nên chẳng thể tới gần cổng được. Hai người quay trở lại văn phòng Time để rà soát lại một cách vô vọng những đầu mối liên lạc của Ẩn nhằm tìm kiếm một ai đó khả dĩ có thể giúp đỡ, nhưng các số điện thoại hoặc là bận liên tục, hoặc đã bị ngắt. Quá bức bối, Tuyền bảo lái xe trở lại tòa đại sứ, nhưng tình hình còn tệ hơn lúc trước, thế là hai người phải rút về khách sạn

Continental. “Trong trường hợp không đi được, ông đừng có bao giờ trở về nhà”, Ấn dặn Tuyến, “ông có thể tới chỗ tôi ở tạm”.

Lúc này đã là 5 giờ chiều. Hai người đàn ông ngồi chết dí trong văn phòng Time, chẳng biết phải làm gì. “Tôi nghĩ tới vợ còn ở Singapore”, Tuyến nói. “Chắc không bao giờ gặp lại nhau nữa”.

Rồi bất thành linh, điện thoại của Ấn bỗng đổ chuông, “ông thấy đấy, hôm ấy lại là một ngày may mắn nữa; lần này là may cho ông Tuyến”, Ấn nói với tôi. Phóng viên Dan Southerland của tờ Christian Science Monitor gọi tới để hỏi Ấn đang xoay sở như thế nào và chuyện di tản ra làm sao. Ấn liền cắt ngang lời Dan. “Dan, bọn tôi cần anh giúp! Tôi không có thời giờ cho những chuyện khác. Anh thử liên lạc với đại sứ quán và nói với họ rằng bác sĩ Tuyến đang ở đây với tôi và họ cần phải đưa ông ấy đi, nhanh lên. Hãy gọi cho ông Đại sứ”. Trước khi Ấn gác máy, ông Tuyến đề nghị nói chuyện với Southerland. Bằng tiếng Pháp, Southerland hứa với bác sĩ Tuyến là sẽ làm hết sức mình, rồi bảo Ấn cũng như Tuyến là hãy canh chừng điện thoại để ông ta gọi lại.

Ấn và Tuyến ngồi lặng im trong chừng ba mươi phút thì điện thoại đổ chuông. Southerland đã liên lạc được với đại sứ quán và nói chuyện với chỉ huy trưởng chi nhánh CIA Tom Polgar. Họ không thể điều xe tới để đón Tuyến, nhưng ông ta cần phải nhanh chóng trở lại tòa đại sứ. Polgar sẽ chờ và đã đưa tên Tuyến vào danh sách giao cho nhóm thủy quân lục chiến làm công tác gác cổng. “Bảo ông ta chỉ mang theo một kiện hành lý thôi”, Polgar dặn Southerland.(60)

Polgar nói rằng nếu Tuyến không thể đến tòa đại sứ, thì ông ta có thể tới số 22 đường Gia Long, một tòa chung cư do Cơ quan Phát triển Quốc tế Mỹ sử dụng, là nơi mà Shaplen đã chỉ cho Tuyến cách đây nhiều giờ. Tầng trên cùng của tòa nhà được chỉ huy phó chi nhánh CIA sử dụng và giờ đây đang được dùng để hỗ trợ việc di tản bằng trực thăng. Tên của Tuyến cũng sẽ được cho vào danh sách ở đấy.(61) “Nếu không tới đây được, thì ông hãy chạy nhanh đến đấy. Chỉ trong chốc lát nữa thôi chiếc trực thăng cuối cùng sẽ đến. Trần Văn Đôn đang ở đó, cùng với hai hay ba chục người gì đấy”.(62)

Trần Văn Đôn, Phó thủ tướng và là Bộ trưởng Quốc phòng trong nội các cuối cùng của ông Thiệu, thật trớ trêu, lại là nguồn tin bí mật lâu năm của Ấn. Sau khi chuyển giao quyền lực cho Minh Cồ vào ngày 29 tháng 4, ông Đôn cũng gặp khó khăn trong việc rời khỏi đất nước. Đầu tiên ông ta gọi cho Ted Overton thuộc văn phòng CIA tại tòa đại sứ, ông này bảo Đôn tới ngay. Vợ Đôn lúc này đã ở Pháp, nhưng con trai ông ta, một bác sĩ nhi khoa tài năng, đang ở nhà đợi cha. Thế là Đôn vội vã trở về nhà và trước khi cùng con trai tới tòa đại sứ, ông vào thư viện gia đình, nhét những tập bản thảo hồi ký của mình và một ít tiền vào chiếc va li trống để mang theo. (63)

Lúc Đôn tới tòa đại sứ, ông đối mặt với đám đông hỗn loạn mà Ấn và Tuyển từng gặp; ông gọi cho Overton và ông này hẹn tới tòa nhà văn phòng mà đại sứ quán thuê, nhưng khi họ vừa tới thì nơi đây cũng quá đông người, trực thăng không thể đáp được. Overton sau đó đưa Đôn tới nhà của Polgar, nhưng nơi đây cũng bị đám đông tấn công. Tiếp theo, Overton nói nên trở lại tòa đại sứ và đi vào bằng cửa hông. Tuy nhiên, vào lúc này, ông Trần Văn Đôn vốn rất nổi tiếng với công chúng đã bị những người Việt Nam Cộng hòa đang tìm đường di tản ở đấy nhận ra. Một đoàn dài gồm xe hơi và người đi bộ theo chân ông ta hướng về tòa đại sứ, nhưng rồi ông ta cũng không thể vào được bên trong.

Trong cuộc gọi cuối cùng tới Overton nhằm vớt vát hy vọng, Đôn được hướng dẫn đi tới số 22 Gia Long và đây là cơ hội còn lại duy nhất. Đôn đã gặp may khi vừa đến nơi đây đã gặp ngay đội cảnh vệ người Nùng của CIA; họ nhận ra ông nên cho vào. Những người Nùng này rất trung thành với Mỹ và phục vụ trong các tổ chức dân sự, các đơn vị đặc nhiệm của Mỹ cũng như tham gia đội bảo vệ an ninh cho Đại sứ quán Mỹ và các cơ sở nhạy cảm khác. Đôn đang ở trên sân thượng tòa nhà thì Ấn lái xe chở Tuyển tới. Họ không gặp may như Trần Văn Đôn. Lúc này đám bảo vệ đang hạ cổng xuống để khóa lại.

Ấn thẳng xe gấp rồi nhảy ra quát, “Theo lệnh của Đại sứ, phải cho người này vào”. (64) Những người bảo vệ đáp rằng không ai được vào nữa, trực thăng sắp cất cánh rồi. Trên sân thượng, nhân viên O. B. Harnage của

CIA đang thực hiện cuộc sơ tán cuối cùng của ông ta trong ngày. Ông ta đáp chiếc Huey màu bạc xuống phần mái che của thang máy và mỗi chuyến chuyển được mười lăm người ra phi trường Tân Sơn Nhất, nơi những chiếc trực thăng lớn hơn sẽ chở họ tới những chiếc tàu đậu ngoài Biển Đông. Sau này ông nhận được huân chương của CIA cho hành động dũng cảm của mình trong ngày hôm ấy.

Tình hình có vẻ vô vọng, nhưng khi cánh cổng đang được kéo xuống, như một phản xạ bản năng, Ấn đưa tay trái xuống giữ cổng đồng thời tay phải đẩy cơ thể nhỏ bé của bác sĩ Tuyến vào. Lúc này cánh cổng chỉ còn cách mặt đất chưa đầy nửa mét. Không còn thời gian để nói lời tạm biệt hay cảm ơn. “Chạy đi”, Ấn nói, nước mắt trào ra. Tuyến cũng khóc và chỉ kịp thốt lên, “Tôi sẽ không bao giờ quên”. (65)

Thang máy không hoạt động, Tuyến phải chạy bộ tám tầng lầu để lên sân thượng. Một đứt hơi, ông không nói ra tiếng. Lúc này chỉ còn vài người cuối cùng đang lên máy bay. Tuyến gần như kiệt sức và không thể nghĩ rằng mình còn sức để leo lên máy bay thì cánh tay của Trần Văn Đôn chìa ra từ cánh cửa đang mở. “Nên nhớ là tôi rất nhỏ bé và không dễ gì leo lên được. Thế nên Đôn nhắc bồng tôi lên”, ông Tuyến kể.(66)

“Tôi rất buồn trong ngày 30 tháng 4”, Ấn thổ lộ với Henry Kamm. “Tôi chia tay ông Tuyến. Phần lớn bạn bè của tôi đã ra đi, và tôi biết những người nào sẽ không gặp rắc rối”. (67) Ông Tuyến cũng có cảm xúc tương tự. “Một cảm giác rất lạ. Rất buồn. Sau khi đã có bao nhiêu người chết, bao gia đình tan hoang, bao nhiêu người Mỹ ngã xuống...”

Tuyến không tránh được cảm giác chua xót trở trêu khi ông (một nhân vật đối lập) và Đôn (Bộ trưởng Quốc phòng) ngồi cạnh nhau trong hành trình rời Việt Nam. “Bây giờ thì chính phủ và phe đối lập đang ngồi chung một chiếc trực thăng”. Họ không nói gì với nhau trong hành trình ngắn ngủi ấy. “Chúng tôi không nói chuyện. Ai cũng suy nghĩ miên man. Rất buồn”, Tuyến nhớ lại.

Nhưng có một sự trở trêu còn lớn hơn nữa đó là hai trong số những nguồn tin và người bạn khả tín nhất của Ấn đang ngồi đối diện nhau trên một trong những chiếc trực thăng cuối cùng rời Sài Gòn. Họ đang lo lắng

vô cùng cho người bạn còn ở lại phía sau của mình, bởi lúc này cả hai đều chưa biết sự thật về Ấn.

Giữa lúc đó, Đại sứ quán Mỹ đang rơi vào tình trạng hỗn loạn cùng cực. Từ trên nóc nhà, thiếu tá thủy quân lục chiến James Kean mô tả khung cảnh chẳng khác gì trong phim Trên bãi biển(*) Những chiếc trực thăng CH-46 Sea Knight và loại CH-53 Sea Stallion lớn hơn thay nhau chở người di tản từ nóc tòa đại sứ tới đội tàu Mỹ đang đậu ngoài khơi. Cuối cùng, lúc 7 giờ 51 sáng theo giờ Sài Gòn, một chiếc CH-46 sử dụng tín hiệu liên lạc là Chim én 22 gửi đi thông điệp cuối cùng, “Tất cả người Mỹ đã ra ngoài, nhắc lại, đã ra ngoài”.

Lúc 12 giờ 10 phút buổi trưa, những chiếc tăng đầu tiên của Giải phóng quân Nhân dân húc đổ cổng Dinh Tổng thống. Chỉ vài phút sau, cờ của Chính phủ Cách mạng Lâm thời được kéo lên. Tổng thống cuối cùng của Việt Nam Cộng hòa, ông Dương Văn Minh, tức người bạn cũ “Minh Cờ” của Ấn, đang điều hành chính quyền Sài Gòn trong những giây phút cuối cùng. “Chế độ cũ đã sụp đổ hoàn toàn”, Đại tá Bùi Tín nói với Minh Cờ. “Ông không thể chuyển giao thứ mà ông không hề có. Ông phải lập tức đầu hàng vô điều kiện”. Để giảm bớt căng thẳng giữa những người Việt Nam với nhau, Bùi Tín hỏi Minh Cờ có còn chơi quần vợt không, và hỏi về bộ sưu tập lan rừng nổi tiếng với hơn sáu trăm loài của ông. Bùi Tín hỏi tại sao ông lại để tóc dài thế, bởi trước đây ông từng thề là để tóc ngắn chừng nào ông Thiệu còn làm tổng thống. Minh Cờ cười lớn, nói rằng ông không ngạc nhiên khi miền Bắc chiến thắng trong cuộc chiến này, bởi đội ngũ tình báo đã giúp họ cập nhật được đầy đủ thông tin.

Minh Cờ là một trong những lãnh đạo miền Nam Việt Nam được mến mộ nhất. Hồi tháng 10 năm 1971, Ấn đã thuyết phục ông Minh không đứng ra với tư cách là lãnh đạo cánh ôn hòa để tranh cử tổng thống với Nguyễn Văn Thiệu. “Minh Cờ tới hỏi ý kiến tôi. Ông ấy là bạn của tôi và ông ấy biết tôi có thể đưa ra phân tích khách quan. Tôi nói với ông ấy rằng, ông Thiệu muốn ông ra tranh cử để cho cuộc đua có về gay cấn. Nếu ông Minh ra tranh cử, người Mỹ sẽ coi ông ấy như tấm thảm đỏ, bởi người ta cần ông ấy để làm cho cuộc bầu cử có sắc thái dân chủ, đến khi ông ấy thua cuộc thì

người Mỹ sẽ đập lên ông ấy như cách họ giẫm chân lên thảm đỏ. Họ muốn ông Thiệu thắng cử. Ông ấy là người của họ”. Ẩn cho biết lúc ấy ông Minh cố gắng tranh luận, nhưng Ẩn đã bảo ông ta, “Xem nhé, ông sẽ thua, cho dù thực tế là nếu ông thắng thì tôi vẫn sẽ có tin nóng”. Ẩn cũng nói với Shaplen điều tương tự: “Ông Minh sẽ ra tranh cử, nhưng rồi sẽ bỏ cuộc vào giai đoạn cuối để giữ uy tín. Rồi thì ông ta trở về chăm sóc phong lan... Bầu cử đâu có chân thực bao giờ, vậy thì nó sẽ tạo ra điều gì khác biệt?”(68)

Vào ngày 3 tháng 10 năm 1971, tám mươi bảy phần trăm trong số bảy triệu cử tri đủ tư cách đã đến các điểm bỏ phiếu trong cuộc bầu cử chỉ có một ứng viên, và ông Thiệu đã giành được chín mươi tư phần trăm phiếu bầu. Đây chính là điều mà Cộng sản đã trông đợi để hạ uy tín miền Nam.

Minh Cồ sau đó được chở tới một đài phát thanh gần Dinh để phát đi thông điệp kêu gọi tất cả các lực lượng vũ trang của Việt Nam Cộng hòa bỏ vũ khí và đầu hàng vô điều kiện. “Tôi tuyên bố chính quyền Sài Gòn từ trung ương đến địa phương phải giải tán hoàn toàn”. Chính quyền Việt Nam Cộng hòa chấm dứt tồn tại.

BA THẬP KỶ SAU, Dan Southerland nhớ lại cái ngày hôm đó của tháng 4 năm 1975: “Ẩn chở Tuyên lao tới địa chỉ đã được định trước - và đến với tự do. Tôi chỉ có thể nói một cách chắc chắn rằng trong ngày cuối cùng của cuộc chiến, Ẩn đã cứu mạng sống của cái con người vốn luôn quyết liệt chống lại mục tiêu mà Ẩn một đời âm thầm phụng sự. Tôi luôn nhớ Ẩn vì điều đó”. (69)

Bác sĩ Tuyên không bao giờ quên những gì mà Ẩn đã làm cho ông. Khi các thông tin về hoạt động tình báo của Ẩn được công khai, Tuyên dễ dàng tha thứ cho Ẩn, và bày tỏ lòng biết ơn trong một thông điệp bí mật được Henry Kamm mang tới Thành phố Hồ Chí Minh, “ông ấy cảm ơn tôi và nói với tôi rằng ông rất hiểu”, Ẩn nói. “Tôi viết thư trả lời rằng tôi không muốn nhìn thấy các con ông ấy mồ côi cha, và chúng tôi cũng đã quen biết

vợ ông ấy trong một thời gian dài. Tôi biết ông ấy yêu vợ đến nhường nào và hai người yêu nhau đến nhường nào. Ông ấy là bạn tôi và chúng tôi đều là người Việt Nam, ông ấy đã giúp đỡ rất nhiều người ở cả hai phía”.

Sau này Tuyền kể với bạn bè rằng có hai người mà ông tin tưởng hơn bất kỳ ai: Ấn và Phạm Ngọc Thảo. Khi được biết cả hai người đều là điệp viên Cộng sản, Tuyền bảo rằng nếu nhìn lại quá khứ, ông có thể thấy được con người thật của Thảo, nhưng không thể tin được rằng Ấn đã làm việc cho Cộng sản; chưa bao giờ cố một manh mối dù nhỏ nhất về điều đó. "Bác sĩ Tuyền, đó là hành động của trái tim". Ấn nói với tôi. "Vợ ông ấy đang mang thai. Ông ấy có thể xuất ngoại bất kỳ lúc nào vào thời gian trước đó, nhưng đã chọn ở lại để tìm cách cứu người của mình ra khỏi tù, thế rồi sau đó thì mọi chuyện quá muộn. CIA không thể giúp ông ấy. Bob Shaplen cũng không thể. Thế là đến lượt tôi”.

Ngay sau cuộc di tản, Peter Shaplen, tìm kiếm trong vô vọng thông tin về hành trình của cha mình, nhận được tin từ Trung tâm Chỉ huy Hải quân tại Lầu Năm Góc và Văn phòng Công vụ của Bộ Ngoại giao rằng cha ông “ở đâu đó trên Biển Đông”. Trong một lá thư đầy cảm xúc gửi tới căn hộ của cha ở Hồng Kông, Peter viết, “George McArthur đang ở đâu ? Eva Kim, thư ký của Đại sứ, đang ở đâu ? Những con chó Sài Gòn đang ở nơi quái quỷ nào? Điều gì xảy đến cho nhà cửa và tài sản của họ? Có ai thoát ra được không? Điều gì xảy ra với số vàng trị giá 17 triệu đôla của Sài Gòn? Người ta có đưa ra được không? Ông Vương ở đâu? Philippe Francini (nguyên văn) ở đâu? Vinh và gia đình ông ở đâu? Họ có thoát nạn cùng nhau không? Francini (nguyên văn) vẫn ở khách sạn? Ấn có lên được chiếc máy bay thuê riêng của Time, Inc. không? Gia đình ông ấy thế nào? Keyes Beech ở nơi nào? Dennis (nguyên văn) Warner ở đâu? Dan Southerland đâu rồi?”(70)

Ấn quả thực đã lên chuyến bay của Time, Inc. Trong một giai đoạn ngắn, ông sẽ là phóng viên duy nhất của Time tại Việt Nam.

Một trong những đoạn ghi chép của Bob Shaplen bộc lộ nhiều điều nhất là đoạn viết về ngày cuối cùng ông ở bên Ấn tại Sài Gòn. “Ấn - đám đông dân chúng đang cần hòa bình hơn bao giờ hết, không muốn củng cố

sức mạnh của chính phủ; dân chúng không muốn chiến tranh, họ muốn hòa giải”. (71) Ấn luôn mơ về một đất nước Việt Nam thống nhất, được hòa hợp dân tộc.

**CHÚ THÍCH: CHƯƠNG 6: ĐÀN XEN GIỮA CÁC VAI TRÒ:
THÁNG 4 NĂM 1975**

(1) Học 91, Tập 6, Tài liệu của Shaplen.

(2) Chương này sử dụng nhiều tư liệu từ cuốn Đại thắng mùa Xuân của Văn Tiến Dũng (New York: Nhà xuất bản Monthly Review Press, 1977).

(3) Arnold R. Isaacs, Without Honor: Defeat in Vietnam and Cambodia (Baltimore: Nhà xuất bản The Johns Hopkins University Press, 1983), trang 340.

(4) Sách đã dẫn, trang 340-342.

(5) Đại thắng mùa Xuân, trang 36. Các cuộc họp diễn ra vào ngày 9 và 10-12-1974.

(6) A General of the Secret Service, trang 119.

(7) Đại thắng mùa Xuân, trang 19; James H. Willbanks, Abandoning Vietnam: How America Left and South Vietnam Lost Its War (Lawrence, KS: Nhà xuất bản University Press of Kansas, 2004), 221.

(8) The Vietnam Experience-The Fall of South Vietnam, của Clark Dugan, David Fulghum và các biên tập viên của Boston Publishing Company (Boston: NX Boston Publishing Company, 1985), trang 8.

(9) Bùi Tín, Following Hồ Chí Minh: Memoirs of a North Vietnamese Colonel (Honolulu: Nhà xuất bản University of Hawai'i Press, 1995), trang 71.

(10) Học 93, Tập 3, Tài liệu của Shaplen: Ấn nói với Shaplen rằng mục tiêu “là giết toàn bộ Bộ Chính trị. Trên thực tế, 75% cung Lao Động bị đánh trúng và phá hủy nhưng mục tiêu toàn cục đã không đạt được”.

(11) Trao đổi với Negroponte, Tập Negroponte, Tài liệu của Sheehan.

(12) Đánh giá của ông Lê Đức Thọ là “chúng ta phải đánh cầm chừng trong năm 1975 để dành sức cho cuộc tổng tấn công quy mô lớn trong năm

1976”. Trần Văn Trà, Kết thúc cuộc chiến 30 năm Theater, trang 93, 96-98. Abandoning Vietnam, trang 208, 218, 221.

(13) Ghi chép mùa thu 1973, Hộc 93, Tập 5, Tài liệu của Shaplen.

(14) Ấn tỏ ra biết chính xác hơn về quân số Bắc Việt tại miền Nam khi ông nói với Shaplen, “ẤN: ông đưa ra con số 170.000 quân Bắc Việt.... 60.000 quân chính quy... Từ 60.000 tới 110.000 bao gồm cả dân quân”.

(15) “VN Notes” Chuyển đi tháng 11 và 12-1972, Hộc 91, Tập 11, Tài liệu của Shaplen.

(16) Time chạy một bài vào ngày 16.10 (một tuần trước khi có bài viết của Newsweek) nhan đề “Light at Last”, (cuối cùng cũng có ánh sáng) trong đó hầu như chứa đựng tất cả các chi tiết của bản dự thảo hiệp định nhưng kiềm chế đại ngôn.

(17) Trích dẫn trong The Fall of South Vietnam, trang 17; Abandoning Vietnam, trang 222.

(18) Abandoning Vietnam, trang 225.

(19) Harry G. Summers Jr, “The Fall of Phuoc Long”, trong tài liệu Historical Atlas of the Vietnam War (Nhà xuất bản Houghton Mifflin, 1995), trang 192.

(20) Sách đã dẫn.

(21) Denis Warner, Not Always on Horseback (Sydney, Australia: Nhà xuất bản Allen & Un-win, 1997), trang 2-3; Warner coi Ấn là “kiện tướng tình báo”.

(22) Kế hoạch chiến lược mới được triển khai vào ngày 13-12-1974, khi quân Bắc Việt mở cuộc tấn công.

(23) “An Market file”, Hộc 91, Tập 6, Tài liệu của Shaplen; tác giả phỏng vấn Ấn.

(24) Một bản trung tính của chuyện này xuất hiện trong cuốn Bitter Victory của Robert Shaplen (New York: Nhà xuất bản Harper & Row, 1986).

(25) Kết thúc cuộc chiến 30 năm, tập 5.

(26) Đại thắng mùa Xuân, trang 25.

(27) Sách đã dẫn. trang 40. Ông Dũng đến nơi trên chiếc xe được gắn biển số mới, mới sơn lại với cái ký tự TS và con số 50, “có nghĩa là chiếc xe này được ưu tiên cao nhất tại khu vực Trường Sơn”. Without Honor, trang 340-341.

(28) Without Honor, p. 341.

(29) “Giap and Dung: A Change in Command”, The Fall of South Vietnam, trang 15.

(30) Sách đã dẫn.

(31) Sách đã dẫn, trang 341.

(32) Reflections on the Vietnam War, trang 128.

(33) Ghi chú của Weyand trình Tổng thống, 4-4-1975, Hồ sơ tham khảo của Hội đồng An ninh Quốc gia, Thư viện Ford.

(34) George J. Veith và Merle L. Pribbenow II. “Fighting Is an Art: The Army of the Republic of Vietnam's Defense of Xuan Loc, 9-21 April 1975”, Journal of Military History 68, số 1 (1-2004): trang 163-213.

(35) “The Fall of Phuoc Long”, trang 200.

(36) Tập 3, Hộp 93, Tài liệu của Shaplen.

(37) Sách đã dẫn.

(38) Khoảng tháng 4-1975, Tập 3, Hộp 93, Tài liệu của Shaplen.

(39) “Bà mất tại nhà vào năm 1995”, Ấn kể với tôi.

(40) Hộp 7, Tài liệu của Lansdale.

(41) A General of the Secret Service, trang 200.

(42) Sách đã dẫn.

(43) Dangerous Company, trang 252

(44) “Anh nhớ em biết nhường nào/” Ấn nói trong cuộn băng ghi âm “tử biệt” nhờ tôi chuyển tới Jolynne.

(45) Jolynne nhớ lại cuộc lái xe từ Sài Gòn lên Đà Lạt vào dịp cuối tuần. Lúc bảy giờ bàn chân của chú chó Roscoe bị một mảnh kim loại từ dưới gầm văng lên đâm phải. Một bác sĩ người Mỹ ở Đà Lạt đã chữa trị cho nó; khi D'Omanos trở về Sài Gòn, Ấn bảo “có lẽ tổ tiên của Pierre đã làm điều thiện trong quá khứ nên được phù hộ”.

(46) Ấn sử dụng cụm từ “giết thịt lũ chó của tôi” với rất nhiều người.

- (47) “Hồ sơ tháng 4-1975”, Tài liệu của Shaplen.
- (48) “Mystery Is the Precinct Where I Found Peace”, trang 269.
- (49) “A Glimpse of the Boxes Within Boxes of Vietnam”.
- (50) Saigon 25 Years After the Fall”, tạp chí Fortune, 1-5-2000.
- (51) Dick Swanson và Gordon Chaplin, “Last Exit from Saigon: A Tale of Rescue”, cộng thêm cuộc phỏng vấn Dick Swanson và Germaine Lộc Swanson. Washington Post, 8-6-1975; có thể truy cập trực tuyến tại trang The Digital Journalist <http://digitaljournalist.org/issue9904/exitl.htm>.
- (52) David Butler, The Fall of Saigon. (New York: Simon & Schuster, 1985), trang 392-3.
- (53) Dirck Halstead, White Christmas: A Photographer's Diary: April 20-30, 1975; <http://digitaljournalist.org/issue0005/chl.htm>
- (54) Our Vietnam, trang 660.
- (55) “Ghi chú trong cuộc phỏng vấn Tuyến”, Tài liệu của Butler.
- (56) Our Vietnam, trang 181, 660-661.
- (57) “Hồ sơ tháng 4-1975”, Học 91, Tập 6, Tài liệu của Shaplen.
- (58) Trong cuộc phỏng vấn của Butler thì Tuyến đề cập đến “cha”, nhưng rõ ràng đây là “me” bởi Tuyến biết cha Ấn đã qua đời. The Fall of Saigon, trang 423; tác giả phỏng vấn Ấn.
- (59) The Fall of Saigon, trang 423. Nhiều năm trước đó, Tuyến đã giúp phóng thích Cao Giao khi ông này bị mật vụ thẩm vấn do bị tình nghi thân Cộng.
- (60) Phỏng vấn Dan Southerland.
- (61) Fox Butterfield và Karl Haskell, “Getting It Wrong in a Photo”, báo New York Times 23-4-2000.
- (62) The Fall of Saigon, trang 425.
- (63) Đây là câu chuyện của Frank Wisner kể cho Neil Sheehan, 7-6-1975, Học 82, Tập Frank Wisner, Tài liệu của Sheehan.
- (64) Ron Moreau và Andrew Mandel, “The Last Days of Saigon”, tạp chí Newsweek; 1-5-2000.
- (65) Phỏng vấn Tuyến, Tài liệu của Butler.
- (66) Sách đã dẫn.

(67) Dragon Ascending, trang 41.

(68) Hồ sơ tháng 11 và 12-1970, Học 93, Tập 6, Tài liệu của Shaplen.

(69) Dan Southerland, Vietnam Diary 5: “The Perfect Spy”, Radio Free Asia, 29-7-2005, http://www.rfa.org/english/features/blogs/vietnamblog/2005/07/29/blog5_vietnam_Southerland/.

(70) Thư, Học 2, Tập 3, Tài liệu của Shaplen.

(71) Tháng 4-1975, Học 93, Tập 3, Tài liệu của Shaplen.

Chương 7: DƯỚI BÓNG NGƯỜI CHA

S

ự nghiệp báo chí sôi động và cao cả của cha tôi gây ấn tượng mạnh mẽ cho tôi. Tôi có kế hoạch học nghề báo, trong đó chú trọng vào các lĩnh vực Kinh tế, Thương mại quốc tế, Tiếp thị và Các nước đang phát triển.

Phạm Xuân Hoàng Ân, sơ yếu lý lịch, 1990

GIA ĐÌNH ẪN BAY TỚI GUAM, ở đây trong một tuần để đợi xem ông có sang không. Nhờ hệ thống điện báo tại văn phòng của Time mà Ẽn giữ được liên lạc với Thu Nhân, và cuối cùng ông đã khuyên bà chấp nhận định cư ở Mỹ theo đề nghị của Time. Gia đình bay tới Fort Pendleton, California, để làm thủ tục, và họ không có thời gian để nhận ra rằng nơi họ đứng chỉ cách học xá của Trường Orange Coast tại Costa Mesa tám mươi lăm cây số. Với việc Time đồng ý làm nhà bảo trợ, gia đình đã làm thủ tục rất nhanh, sớm nhận được thẻ An sinh Xã hội và các giấy tờ khác. Họ được đưa tới Los Angeles, ở một tuần trong nhà nghỉ cùng các thành viên người Việt khác của Time. “Tôi thấy không được thoải mái khi ở Los Angeles”, bà Thu Nhân hồi tưởng. “Thành phố quá lớn đối với tôi, thế nên tôi hỏi tạp chí Time rằng liệu chúng tôi có thể đến Virginia hay không”.

David DeVoss của tờ *Time* tháp tùng gia đình trong chuyến bay và sau đó là hành trình tới căn hộ của Beverly Deepe ở Arlington, Virginia, nơi gia đình sống tạm trong ba tháng cho đến khi bà Thu Nhân thuê được một ngôi nhà. Time chịu mọi phí tổn liên quan tới việc tái định cư của gia đình và sau đó cung cấp cho bà Thu Nhân khoản phụ cấp tháng 700 đôla. Những người con, lên mười hai, mười một, mười và tám tuổi, đều đi học tại Trường Tiểu học Patrick Henry. Mỗi buổi sáng, bà Thu Nhân, lúc bấy giờ có thể nói tiếng Anh cơ bản, đón xe buýt đưa con tới trường và ở lại trong lớp để giúp bọn trẻ vì chúng không nói được tiếng Anh. Bà Thu Nhân cũng đăng ký học các lớp tiếng Anh nâng cao, và gia đình bắt đầu làm quen với cuộc sống tại Mỹ. Với việc có nhiều người miền Nam Việt Nam chạy loạn tới sống ở Washington, D.C, và vùng thủ phủ Virginia, bà không thiếu bạn bè để có thể giúp bà về mặt tinh thần và tạo cho bà cảm giác vững tâm khi không có chồng bên cạnh.

“Bà ấy lúc nào cũng hết sức lo lắng cho chồng”, Germaine Lộc Swanson nhớ lại. “Bà ấy không biết điều gì sẽ xảy đến với ông”. Thu Nhân biết rõ rằng có thể bà sẽ không bao giờ được gặp lại chồng.

Bà đã quen dần với cảm giác đó trong thời gian mười ba năm trước đây, nhưng giờ đây bà lại đang ở bên kia địa cầu. Một mặt, Ẩn có thể bị quân giải phóng giết chết vì cho rằng ông cộng tác với CIA; mặt khác, có một viễn cảnh đáng sợ nữa là khi cuộc chiến tranh chấm dứt, cuộc sống bí mật của chồng bà trong vai trò là một gián điệp có thể bị phơi bày trong lúc bà và các con đang sống tại Mỹ. Sự an nguy của gia đình bà có thể sẽ bị đe dọa ở giữa một cộng đồng tị nạn chống Cộng cùng cực. Bà cũng không rõ liệu Hà Nội có ra lệnh cho ông Ẩn tiếp tục hoạt động tình báo tại Mỹ nữa hay không. Tương lai thật mờ mịt.

“Má không bao giờ để lộ những nỗi buồn phiền này cho chúng tôi biết”, Hoàng Ẩn nhớ lại. “Điều đó giúp chúng tôi rất dễ thích nghi với cuộc sống mới. Chúng tôi dễ dàng có bạn mới. Tôi nhớ cái ngày chúng tôi tới căn hộ của bà Deepe. Tôi nhìn ra cửa sổ và thấy bọn trẻ đang chơi đùa. Chúng vẫy tôi và tôi vẫy lại. Những đứa trẻ đó học cùng trường với tôi, về sau đều trở thành bạn bè. Rồi tôi học nói tiếng Anh. Tôi thậm chí còn có một cô bạn gái. Tôi nhớ tên cô ấy là Robin, và cha cô ấy là một cựu chiến binh tại Việt Nam. Đến lúc tôi phải trở về, cô ấy và tôi đều khóc”.

Lúc bấy giờ ở Sài Gòn, Ẩn cũng rất buồn và lo sợ. Sau vài ngày trú ở khách sạn Continental, Ẩn đưa mẹ trở về nhà, nhưng ông vẫn sợ điều mà ông diễn tả lại với tôi là “lúc 2 giờ sáng có tiếng gõ cửa, rồi tôi bị đưa đi mất tích. Cảm giác này cũng tương tự như lúc tôi trở về Sài Gòn vào năm 1959. Tình hình cực kỳ nguy hiểm bởi lúc bấy giờ người ta chỉ biết tôi là một phóng viên Sài Gòn làm việc cho người Mỹ”. Ông Ẩn nghĩ thật là bất công khi đất nước được thống nhất còn gia đình mình phải phân ly.

Ẩn được hướng dẫn đi đăng ký với chính quyền địa phương, và ông ghi mình là nhà báo, từng làm việc cho tạp chí Time. Trước đó vài tháng - trong một lá thư gửi cho Edward Lansdale và vợ ông ta, bà Pat - Bob Shaplen giải thích rằng “hầu hết những người bạn cũ của chúng ta đều thất vọng, như Vượng, Ẩn vân vân... Tinh thần của những người Mỹ còn lại,

như Jake và Mark Huss, cũng xuống thấp. Họ cố gắng cầm cự được chừng nào hay chừng ấy, chứ họ còn biết làm gì nữa? Đối với những người Việt, như Vương và Ân, họ vẫn rất can đảm, nhưng không hề vui bởi vết đen của quá khứ từng làm việc cho chúng ta khiến họ cảm thấy bị tổn thương về mặt nghề nghiệp”. (1)

Phóng viên người Úc Neil David và phóng viên người Ý Tiziano Terzani là hai trong số ít phóng viên trụ lại ở Sài Gòn. Họ thường ghé qua văn phòng Time để trao đổi với Ân và hỏi quan điểm của ông về quá trình chuyển tiếp.(2) Davis cũng giữ liên lạc chặt chẽ với Shaplen, cung cấp cho ông những thông tin cập nhật và chuyển cho ông các tin nhắn của Ân. Các bài viết của Davis cho thấy rõ ràng rằng Sài Gòn thời hậu giải phóng là một nơi rất nguy hiểm. “Tôi thường bị bộ đội nấp sau lùm cây bất thành lính xuất hiện từ sau lưng và yêu cầu xuất trình giấy tờ” - mọi người, cả ngoại quốc lẫn Việt Nam, đều phải đăng ký chính thức với chính quyền mới ngay từ đầu - “và còn tệ hơn nữa là bị chặn đường bởi các thanh niên hiếu chiến trong đội quân tự vệ mới được thành lập vốn cũng nguy hiểm chẳng kém gì các đội tự vệ cũ của chính quyền trước đây. Thủ tục đăng ký trình diện, ít nhất là tại Sài Gòn, có vẻ như sắp kết thúc, và đây là một trong số ít việc làm chứng tỏ quyền lực của chính quyền mới, với tất cả mọi người Việt Nam, từ cựu quân nhân, viên chức chính quyền, nhân viên làm việc cho người Mỹ cho đến những người được mô tả kỳ cục là 'nhân viên mật vụ' đều được lệnh phải tới địa điểm này, địa điểm kia để đăng ký và phải khai báo rõ nhân thân và địa chỉ”. (3)

Đầu tháng 5, tướng thắng trận võ Nguyên Giáp bay từ Hà Nội vào Sài Gòn, tới Dinh Độc Lập họp với Tướng Trần Văn Trà, vị tướng tư lệnh Quân giải phóng miền Nam vừa được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Quân quản Sài Gòn - Gia Định. Những năm trước đây, ông Giáp và ông Trà đã dựa vào các báo cáo tình báo của Ân; giờ đây, vài tuần sau khi giải phóng, nhà tình báo bậc thầy đã có đóng góp to lớn vào chiến thắng của Hà Nội đang ở cách đó chỉ vài dặm nhà và đang lo lắng cho sự an nguy của mình dưới chế độ mới.

Lúc này Ân đang là nhân viên của Time theo nghĩa đen đóng tại Thành phố Hồ Chí Minh, giữ liên lạc với các đồng nghiệp cũ và đóng góp vào việc

viết bài cho các số báo thời hạn 30 tháng 4. “Tất cả phóng viên người Mỹ đã được sơ tán vì tình trạng khẩn cấp”, Ấn đánh điện về New York. “Văn phòng của Time giờ đây đang được Phạm Xuân Ẩn điều hành”.(4) Phòng xuất bản của Time cho đăng một tấm hình chụp cảnh Ấn đứng trên một đường phố chính vắng vẻ, miệng ngậm thuốc lá với vẻ mặt đầy ngang tàng.

Mỗi buổi sáng, ông Ấn đều đến văn phòng của Time, nơi “quân giải phóng” đã cử một người tới giám sát, vốn chỉ tập trung theo dõi Ấn. “Tôi ở đây một mình, không tính người giám sát”, Ấn kể với tôi. “ông ta không phải là người khó chịu, nhưng lại là một giám sát viên khắt khe. Sau vài tuần, tôi chẳng thể gửi thông tin nào ra ngoài được nữa”.

Một trong những tiện nghi mà Ấn có được là việc sử dụng hệ thống đánh điện báo của Time, giúp ông có thể gửi điện cho bà Thu Nhân thông qua trụ sở Time ở New York. “Tôi có thể đánh đi các bức điện trong đó biểu thị rằng tôi vẫn ổn, cho đến lúc bấy giờ. Nhưng tôi không thể nói rõ điều gì thực sự bởi có nhiều người sẽ đọc được”, Ấn nói.

Bài viết cuối cùng ông Ấn gửi đi xuất hiện trên tờ *Time* số ra ngày 12 tháng 5, nhan đề “Cuộc chia tay cuối cùng đầy nghiệt ngã”. Đây là một đoạn trích từ bài báo:

“Những hình ảnh cuối cùng của cuộc chiến: Những người lính Thủy quân lục chiến Mỹ dùng báng súng nện vào ngón tay những người Việt Nam đang tìm cách vào được bên trong tòa đại sứ Mỹ để thoát khỏi quê hương của họ. Một không khí hỗn loạn như được tả trong sách khai huyền - vài kẻ hôi của điên cuồng lái những chiếc xe hơi của đại sứ quán bỏ lại cho tới khi hết xăng; những người khác tấn công kho PX Tân Cảng Sài Gòn, nơi được coi là mô phỏng giấc mơ về các vùng ngoại ô ở Mỹ, với một phụ nữ đội hai kiện trái anh đào ngậm và một kiện kẹo cao su Wrigley's Spearmint. Ngoài Biển Đông, những chiếc trực thăng với tổng trị giá hàng triệu đôla bị người ta lật từ boong tàu cứu hộ của Mỹ xuống biển, cứ như thể là ném những lon bia, để tạo chỗ trống cho những chiếc trực thăng sắp tới”.

Cuối cùng, quân Việt Cộng và Bắc Việt đã tràn vào Sài Gòn, giương cao cờ của Chính phủ Cách mạng Lâm thời và bắt giữ Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Dương Văn Minh cùng Thủ tướng Vũ Văn Mẫu. Đối với

nhều người Mỹ, đây giống như là một cái chết được báo trước từ rất lâu, nhưng vẫn bị sốc nặng khi rốt cuộc nó đã ập đến.

Vậy là cuộc chiến tranh dài nhất của thế kỷ đã kết thúc, bằng một cuộc sơ tán hiệu quả nhưng nhục nhã. Một sự cáo chung như ác mộng, nhưng tình hình lẽ ra còn tệ hơn; chỉ một số ít lính Việt Nam Cộng hòa nổ súng vào những người Mỹ đang tháo chạy, và không có phát nào trúng mục tiêu cả. Ít nhất thì người Mỹ cũng đã tránh được cảnh tượng kinh hoàng cuối cùng về một cuộc đấu giữa người của họ với những người bạn và đồng minh cũ. Trên thực tế, người Mỹ đã tìm cách mang theo 120.000 dân tị nạn miền Nam Việt Nam.

Có lẽ cần phải nói rằng, cuộc chia tay của người Mỹ đối với Việt Nam là chiến dịch duy nhất trong toàn bộ cuộc chiến mà họ hoàn toàn không mang theo ảo tưởng...

Những người cầm quyền mới tuyên bố sẽ “quyết tâm thực hiện một chính sách độc lập, hòa bình, trung lập và không liên kết”.

Đối với những người miền Nam Việt Nam từng làm việc và cộng tác với người Mỹ, cuộc sống nhanh chóng trở nên khắc nghiệt và tàn bạo. Một vài người, như Tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh Quân đoàn II Vùng II chiến thuật, người đã ra lệnh rút quân khỏi Cao nguyên Trung phần, chọn cách uống thuốc độc thay vì đầu hàng Cộng sản. (5) Đối với phần lớn các cựu quan chức cấp cao ở lại, không có gì nhiều để làm ngoài việc ngồi chờ chỉ thị của chính quyền mới. Đây là một thời kỳ đặc biệt khó khăn cho Ân về mặt cá nhân, với việc rất nhiều người bạn đi vào bóng tối. “Nhiệm vụ của tôi về mặt kỹ thuật thì đã kết thúc, đất nước đã thống nhất, và người Mỹ đã ra đi, nhưng tôi không thể tiết lộ sự thật với ai cả. Tôi không thể vui vì tôi rất cô đơn và hoang mang. Vợ và gia đình của tôi đang ở Mỹ. Không biết liệu rồi đây tôi có được gặp lại họ hay không. Tôi cũng có rất nhiều người bạn bị kẹt lại, và không biết điều gì sẽ xảy đến với họ. Có quá nhiều thứ không thể biết được”.

Một trong những người ngồi chờ đợi số phận của mình là Nguyễn Xuân Phong, bạn của Ân, người đã làm việc trong nội các của chính quyền Sài Gòn, gần đây nhất là ở cương vị Quốc vụ khanh đặc trách hòa đàm

Paris. Ông trở về Sài Gòn vào ngày 25 tháng 4 để được ở cùng cha mẹ già. Tương tự Ân, ông không thể bỏ cha mẹ ở lại. Từ chối lời đề nghị di tản của Đại sứ Graham Martin, Phong chẳng còn biết phải làm gì ngoài việc ngồi đợi. Ông nghiêm chỉnh chấp hành việc đăng ký với chính quyền, chẳng hề biết là mình sẽ chịu án tử hình, chung thân hay bản án nào nhẹ hơn. “Tôi từng nghĩ rằng nếu ở tù năm, mười năm thì còn chịu được, nhưng mức hai mươi năm thì ngoài sức tưởng tượng”. (6)

Ông Trần Văn Trà đã ban chi thị buộc tất cả các quan chức chế độ cũ từ chánh sự vụ trở lên, và tất cả các sĩ quan quân đội, từ thiếu úy trở lên, phải trình diện học tập cải tạo trong ba mươi ngày, từ tháng 5 đến tháng 6. Những nhân viên dân chính và quân đội khác chỉ cần học tập bảy ngày tại nơi cư trú. Sau khi kết thúc thời gian học ba mươi ngày, ông Phong và vô số người khác không được trở về nhà, bất chấp chỉ thị nói trên của ông Trà. Lý do là bởi lúc này các quan chức Hà Nội đã vào Nam và hủy bỏ lệnh của ông Trà, dù ông Trà phản đối. “Người ta buộc chúng tôi phải hiểu rằng chúng tôi sai quấy vì đã đánh phá và gây tội ác chống lại TỔ QUỐC”, ông Phong nhớ lại. “Người ta không gọi chúng tôi là những người 'phản bội Tổ quốc', nhưng họ cũng úp mở cho chúng tôi hiểu rõ là đã tiếp tay với 'bọn tân đế quốc Mỹ xâm lược', đem lại chết chóc và hủy diệt cho nhân dân và đất nước Việt Nam. Chúng tôi không được biết có bị đưa ra tòa hay không, hay là có bị xét xử trên căn bản nào hay không. Cũng không ai nói hình phạt dành cho chúng tôi là thế nào, bao lâu, và cũng không ai cho biết thời hạn giam giữ sẽ được phán quyết như thế nào, cho từng cá nhân hay một cách tập thể”. (7)

Hành trình vào chốn vô định của Nguyễn Xuân Phong bắt đầu từ nhà giam Thủ Đức vào tháng 6 năm 1975, nơi ông bị nhốt chung phòng với hai mươi người khác. Sau vài tuần, tù nhân được lệnh tập trung trong sân trại giam, rồi bị xích theo từng cặp và bị đẩy lên xe tải quân sự chở ra phi trường. Máy bay đưa họ tới sân bay Gia Lâm gần Hà Nội, rồi sau đó chuyển lên Trại A15, nơi được đặt biệt danh là Chi nhánh Hà Nội Hilton vì chỉ cách Hà Nội và nơi giam giữ nhiều tù binh Mỹ năm mươi cây số. Phong và 1.200 phạm nhân đồng cảnh ngộ sẽ phải ở lại đây cho đến lúc có ai đó cho phép

họ về nhà. Đối với Phong, ngày ấy rơi vào tháng 12 năm 1979; đối với rất nhiều người khác, ngày về có thể là sau đó mười hay thậm chí mười lăm năm. “Không hề có lời giải thích nào, họ chỉ nói rằng tôi nằm trong số mười mấy người sẽ được thả sớm. Tiêu chí cho việc phóng thích không thể biết được”. (8)

Cao Giao, “giọng nam cao chính” của Đài phát thanh Catinat, đối mặt với một số phận khắt nghiệt hơn. Những ngày sau giải phóng, ông tham dự một khóa học tập ba mươi ngày và được phép trở về nhà. Ông không bị bắt giữ, nhưng đến năm 1978 thì bị cáo buộc làm gián điệp cho CIA. Chịu cảnh biệt giam và thẩm vấn hằng ngày, trong chín tháng liên tục ngày nào Cao Giao cũng bị thẩm vấn và tiếp đó là bốn tháng biệt giam, buồng giam của ông không bao giờ mở cửa. Sau thời gian biệt giam, ông bị chuyển đến khám Chí Hòa, nơi có tới bảy mươi hai tù nhân chính trị ở chung một xà lim. Ba năm rưỡi sau, vào năm 1982, ông được trả tự do mà không có một lời giải thích nào.(9) Trong suốt thời gian Cao Giao ngồi tù, Ân thường tới thăm gia đình ông để thông báo những thông tin bí mật về tình hình sức khỏe của Cao Giao cũng như mang đồ ăn và thuốc men đến cho gia đình. “Tôi cố hết sức để chăm lo cho gia đình ông ấy lúc ông ấy ngồi tù. Bất cứ ngày nào có thể, tôi đều đến thăm vợ ông ấy”, Ân kể. Sau khi được trả tự do, bất cứ lúc nào được hỏi về Ân, Cao Giao cũng nói rằng Ân là “một kẻ lý tưởng hóa bị vỡ mộng và bị lừa dối”. Ông tha thứ cho Ân bởi “chúng tôi đều là người Việt”. (10)

Một số phận tốt đẹp hơn nhiều đang chờ đợi Phạm Xuân Ẩn khi vài tuần sau giải phóng, một người trong lực lượng an ninh của chế độ mới đến nhà ông và nói, “ông thì không sao cả”.

“Ông ta chỉ nói có thế”, Ẩn nhớ lại. “Vậy là tôi biết lúc này đã an toàn rồi”. Tài liệu về nhân thân thực của ông cuối cùng rồi cũng tới. Ẩn được công nhận là “người có ba mươi năm cách mạng” - cụm từ chỉ những người tham gia chiến đấu chống ngoại xâm trong ba thập kỷ qua. Thế là Ẩn chính thức được chuyển qua bên thắng trận, và điều đó trở nên rõ ràng hơn khi khẩu phần thức ăn của ông được tăng lên cũng như bộ đồ mới của ông, đó là bộ quân phục của một đại tá Bắc Việt.

Nhưng chế độ mới đặt vấn đề về các hành động của ông trong ngày 30 tháng 4, khi ông giúp đưa bác sĩ Tuyền lên chuyến trực thăng cuối cùng chở người di tản rời khỏi địa chỉ 22 Gia Long. Ấn phải tường trình với bên an ninh, ông nói rằng việc làm đó là vì mục đích nhân đạo. Gia đình ông Tuyền đã rời Việt Nam trước, và chiến tranh thì cũng sắp qua rồi. Lời giải thích đó dễ được các thành viên trong mạng lưới tình báo miền Nam của chính Ấn chấp nhận, nhưng cơ quan an ninh thì lại nghi ngờ. Ấn có ý gì khi ông bảo ông và Tuyền là bạn? Đó là chuyện riêng hay việc công?

Ông Ấn được yêu cầu viết một bản “thú nhận” trong đó có chi tiết về việc bác sĩ Trần Kim Tuyền chạy thoát ra nước ngoài cũng như được chỉ đạo liệt kê các đầu mối và nguồn tin trong thời chiến tranh, mà ông thiết lập được trong thời gian làm ký giả tại tờ *Time*. Như đã nói ở trên, ông cung cấp thông tin chi tiết ở mức cao nhất có thể về bác sĩ Tuyền, nhưng lại nói rằng trí nhớ của ông quá tệ nên không nhớ hết các đầu mối trong suốt mười lăm năm qua. “Tôi nói với họ tôi không nhớ và chỉ đưa ra một số rất ít”, ông Ấn nói thế, nhưng tôi biết ông có một trí nhớ ngoại hạng trong việc nhắc lại những chi tiết xảy ra hàng thập kỷ trước.

Càng nghĩ về Ấn thì cơ quan an ninh càng thắc mắc về việc làm sao ông có thể hoạt động tình báo trót lọt trong chừng ấy thời gian. “Họ cho rằng tôi được ai đó trong CIA bảo vệ bởi vì chẳng người nào có thể may mắn đến như thế”.

Điều thú vị là, Bob Shaplen và an ninh Hà Nội cùng có chung một câu hỏi: “Tôi phân vân, chẳng hạn, tại sao thoát tiên ông để vợ con chuyển tới chuyển lui với sự giúp đỡ của tổ chức báo chí Mỹ mà ông từng làm việc. Rốt cuộc thì ông có thực sự là Cộng sản từ đầu hay không, hay ông chỉ quyết định trở thành một người Cộng sản sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, vì lý do này hay lý do khác?... Liệu ông có từng làm điệp viên hai mang, hay thậm chí là ba mang hay không, và liệu có phải trước khi quyết định ăn năm với Cộng sản, ông muốn đảm bảo rằng mình đã che giấu được tất cả các manh mối? Có một vài lý do để tin vào khả năng này”, Shaplen viết.(11)

Cuối tháng 3 năm 1976, ông Ấn được yêu cầu phải đưa gia đình hồi hương. Đối với nhiều người bạn và cựu đồng nghiệp tại *Time*, đây là tín

hiệu đầu tiên cho thấy Ấn làm việc cho phía bên kia. Chia tay bạn bè mới tại Mỹ là một điều khó khăn cho gia đình Ấn. Germaine Lộc Swanson nhớ lại rằng bà đã hẹn với Thu Nhân sẽ gặp lại nhau trong các sứ mệnh ngoại giao, vì bà tin rằng Ấn có thể là vị đại sứ lý tưởng đầu tiên của Việt Nam tại Mỹ hoặc là tùy viên báo chí tại tòa đại sứ.(12) Sau này tôi chia sẻ điều này với Ấn, ông cười: “Trừ phi cô Germaine là Tổng bí thư đảng ra lệnh, chứ không thì làm sao mấy chuyện kia trở thành hiện thực được”.

Bà Thu Nhân có nỗi lo của riêng mình về chuyện hồi hương. Bà chỉ nhận được một thông điệp ngắn, “Xin hãy về nhà”. Bà không biết tình hình của Ấn ở Việt Nam và buộc phải tự tìm cách đưa gia đình trở về làm sao cho không gọi lên nhiều mối nghi ngờ. Lúc này người dân miền Nam đang tìm cách chạy trốn khỏi Việt Nam trên những chiếc thuyền tạm bợ, chấp nhận đối mặt với hải tặc Thái Lan giữa biển khơi còn hơn là sống chung với chế độ Cộng sản tại Việt Nam.

Đầu tiên, bà Thu Nhân tới trụ sở Liên Hiệp Quốc để xin phép đi du lịch Pháp. Sau đó gia đình bay từ Washington tới Paris nhưng đã bị giữ lại đây trong ba tháng bởi Việt Nam không cho phép bất cứ chuyến bay thẳng nào từ Paris đến Hà Nội và Sài Gòn Tại Pháp, bà Thu Nhân xin phép cùng bốn con trở về Việt Nam “để đoàn tụ với chồng của tôi vì hòa bình đã được lập lại ở trong nước”. Sau đó, bà thông báo cho tạp chí Time về quyết định của mình và nói chuyện với Germaine Lộc Swanson một lần nữa, và bà Lộc đã đề nghị giữ lại hai người con của bà Thu Nhân để đề phòng lở ra Cộng sản đang giương bẫy ở Sài Gòn. Germaine Lộc Swanson không hề biết Ấn có được an toàn hay không. Stanley Cloud nhớ bà Thu Nhân đã gọi cho ông từ Paris để hỏi ý kiến là bà có nên trở lại Mỹ hay không. Cuối cùng, Thu Nhân quyết định không phân tán gia đình một lần nữa nên đã trở về quê hương, với hy vọng thông điệp của Ấn là đúng và ông vẫn an toàn.

Gia đình bay từ Paris đến Moscow rồi sau đó bay về Hà Nội, từ đây họ đi xe hơi vào Sài Gòn.

ĐẾN THÁNG 9 NĂM 1976, ý kiến về cuộc đời bí mật của Ấn bắt đầu xuất hiện, có thể tìm thấy bằng chứng qua những lời mà Lou Conein nói với Neil Sheehan rằng ông ta “nghe tin rằng Anh (nguyên văn) đã nhắn tin cho vợ về và bà ta đã trở về theo tuyến Paris, Moscow, Hà Nội và Sài Gòn mà không gặp bất cứ trục trặc nào, hành trình suôn sẻ của bà ta là bằng chứng cho thấy Anh (nguyên văn) là một gã Việt Cộng hoặc ít nhất ông ta từng là một người có cảm tình với Việt Cộng và giờ Đảng Cộng sản đang ưu ái ông ta”.(13)

Ấn được mời dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV vào tháng 12 năm 1976 tại Hà Nội, nơi ông được trao danh hiệu Anh hùng và chụp hình với Bùi Tín, Đại tướng Giáp cũng như những người anh hùng khác trong cuộc chiến chống Mỹ. Sau Đại hội, tất cả các văn phòng của công ty nước ngoài hoạt động tại Việt Nam đều bị đóng cửa. “Đấy là lúc tôi chấm dứt làm việc cho Time”, Ấn kể.

Việc được phong danh hiệu Anh hùng không đủ để giúp Ấn thoát khỏi một năm “giải độc” gần Hà Nội.(14) Sống quá nhiều năm với người Mỹ chỉ là một phần trong những rắc rối của Ấn. Ông còn làm phức tạp tình hình khi tiếp tục đánh giá cao kẻ thù bại trận của Việt Nam. Chiến tranh đã kết thúc, đất nước đã thống nhất, và ông ngưỡng mộ người Mỹ. Chế độ mới không nghi ngờ về lòng trung thành mà người anh hùng của họ dành cho Tổ quốc, nhưng họ cực kỳ lo ngại rằng dân chúng mà nghe những lời ông nói thì sẽ rất nguy hiểm. Ấn cần phải được lập trình lại để có suy nghĩ như một người Việt Nam, chứ không phải một người Mỹ.

Tháng 8 năm 1978, Ấn lên đường đến dự khóa học của “học viện chính trị cấp cao” tại Hải Dương, cách Hà Nội khoảng ba mươi cây số, và ở đấy cho đến tháng 6 năm 1979. Việc ông biến mất hoàn toàn trong thời gian dài dẫn tới một sự hiểu lầm rằng ông đã sang Mỹ để hoạt động ngầm, khiến Nguyễn Cao Kỳ đã thề sẽ “xin tí huyết thăng Ấn” nếu tìm thấy ông tại Mỹ. Ấn luôn coi nhẹ tầm quan trọng của thời gian ông tham gia học viện, và ông chưa bao giờ gọi đó là “học tập cải tạo” trong bất kỳ cuộc trao đổi nào giữa hai chúng tôi. “Đấy thực ra không phải là học tập cải tạo như nhiều người khác đã từng trải qua một cách cực nhọc”, Ấn nói với tôi. “Đó là một học

viện chính trị. Tôi phải tới đó bởi tôi không biết gì về chủ nghĩa Marx-Lenin và duy vật biện chứng. Tôi đã có một cuộc sống khác trong thời gian hoạt động tình báo, và cuộc sống đó giờ đã khép lại. Tôi hiểu hệ thống của Mỹ rõ hơn hệ thống này, do vậy tôi cần phải đọc những tài liệu kinh điển của tư duy kinh tế Nga”, Ấn nói, không cưỡng lại được một nụ cười mỉm, lộ rõ vẻ mỉa mai. “Đây là năm mà suy nghĩ của tôi được chờ đợi là sẽ thay đổi. Tôi thực sự cố gắng để trở thành một học viên giỏi, nhưng tôi biết rằng mình đã biết quá nhiều nên khó mà thay đổi được”.(15)

Ấn không phản đối việc ông phải đi xa một năm. Ông đã gặp những con người thú vị vốn rất tò mò về trải nghiệm của ông, và ông thích chia sẻ những câu chuyện của ông cho nhiều bạn học. Tuy nhiên, ông nhớ là mình đã bị trêu là “thằng Mỹ”. (16) Không ai giống ông cả. Ông có nhiều trải nghiệm với người Mỹ hơn hầu hết các sĩ quan Việt Nam Cộng hòa, những người chỉ trải qua một tháng huấn luyện ở Mỹ. Ấn đã sống tự do ở đây trong hai năm. “Chế độ mới cho tôi là 'quá Mỹ' và 'tư sản' và họ muốn tôi nói năng như một người Marxist chỉ sau ít tháng nghe giảng và tự phê bình”, Ấn nói với tôi. Ông đã có nhiều thời gian để suy nghĩ, “ông biết đấy, đây là lần đầu tiên tôi sống dưới chế độ Cộng sản. Tôi có quá nhiều thứ phải học và đã cố gắng để điều chỉnh mọi thứ, từ cách nghĩ, cách hành động, thậm chí cả cách trêu đùa. Tôi hiểu họ muốn gì và tôi đã cố gắng”.

Khi thời gian cải huấn kết thúc, Ấn trở lại Thành phố Hồ Chí Minh, nơi ông cảm thấy thoải mái khi không còn chịu đựng những buổi tối giá lạnh của miền Bắc và nơi mà các bạn ông sắp trở về từ những cuộc học tập cải tạo vất vả hơn nhiều. Chế độ mới đề nghị ông làm việc tại phòng kiểm duyệt, nhưng ông từ chối. Sau đó, ông được yêu cầu huấn luyện các nhà báo Cộng sản, nhưng ông cho rằng đó là chuyện đùa: “Bất cứ ai mà qua tay tôi đào tạo đều có thể bị rút thẻ nhà báo. Tôi có thể dạy cái gì cho các nhà báo Việt Nam về nghề nghiệp của tôi? Nếu họ thực hành đúng cách mà tôi tin tưởng, họ có thể bị đưa đi học tập, vĩ thể thực sự tôi đã không khiến họ tổn thêm tiền bạc cũng như chuốc thêm rắc rối làm gì”.

Vì lẽ đó mà một Phạm Xuân Ấn đã được cải huấn vẫn gặp rắc rối trong việc sống sao cho hợp với chế độ mới và được tin tưởng. Đó là lý do

tại sao mỗi khi có một người bạn ngày xưa tới Thành phố Hồ Chí Minh, giới chức thường thông báo là ông Ẩn không muốn gặp họ hoặc đã đi khỏi thành phố. “Năm 1982, trên đường tới Campuchia, tôi ở lại Sài Gòn vài ngày”, Dan Southerland nhớ lại. “Trong những ngày đó, bất kỳ phóng viên nào đi qua Sài Gòn đều phải làm việc với một 'cán bộ giám sát' của Việt Cộng, ông cán bộ mà tôi gặp là một người lớn tuổi tên là Phương Nam. Tôi hỏi ông ta rằng tôi có thể gặp ông Ẩn được không. Phương Nam bảo để kiểm tra xem, rồi sau đó trở lại với câu trả lời: 'ông ấy không muốn tiếp khách ngoại quốc. Mười ba năm sau, Southerland cuối cùng đã được gặp Ẩn. “Ông ta đã lừa ông đấy”, Ẩn nói với Southerland trong lần gặp đầu tiên sau ba mươi năm. “Tôi đã rất muốn gặp ông”. (17)

Stanley Karnow cũng kể câu chuyện tương tự về một chuyến thăm vào năm 1981:

“Tôi đề nghị một quan chức Cộng sản sắp xếp một cuộc gặp giữa tôi và ông ấy”.

“Quên chuyện đó đi’, vị quan chức ngắt lời. “Đại tá Phạm Xuân Ẩn không muốn gặp ông hay bất kỳ người Mỹ nào”.

““Đại tá Ẩn?”

““Đúng rồi!” - Vị quan chức đáp “ông ấy là người của chúng tôi”. (18)

Ẩn không còn lựa chọn nào khác ngoài việc trở thành một “ông nội trợ” như lời ông nói và thường đùa rằng mình là “triệu phú thời gian”, hằng ngày thường đọc sách, nghe đài BBC và làm việc lật vạt cho vợ.(19) Ông cũng trở thành một người huấn luyện gà chọi nổi tiếng Sài Gòn, một thú chơi mà chế độ mới đã đặt ra ngoài vòng pháp luật nhưng vẫn có nhiều người chơi chui.

Giữa lúc ấy, người bạn cũ Nguyễn Xuân Phong của Ẩn mãn hạn năm năm tù. Hai “kẻ thù huynh đệ” giờ chung sống trong một đất nước Việt Nam thống nhất vẫn thường gặp nhau: “Suốt hai chục năm, từ 1980 đến 2000, Ẩn và tôi thường gặp nhau nhiều lần mỗi tuần, phần lớn thời gian ngồi nhâm nhi cà phê vỉa hè trên đường Đồng Khởi để thư giãn và quên đi quá khứ. Thậm chí các nhân viên an ninh còn chụp ảnh chúng tôi và cố gắng tìm hiểu xem chúng tôi đang âm mưu điều gì!”

Một điều mà Phạm Xuân Ẩn rút ra được qua quá trình quan sát đất nước thống nhất của ông, đó là sự gắn chặt của các nhà lãnh đạo Việt Nam với mô hình Liên Xô tất yếu sẽ thất bại. “Mọi thứ đều bị thiêu huỷ sau khi Sài Gòn thất thủ - sách y khoa, tài liệu chính phủ - và bây giờ thì họ đang hối hận - nhưng đã quá muộn rồi - mọi thứ [bây giờ] đều có xuất xứ từ Nga - thật là ngây thơ”, Ẩn nói với Sheehan. “Tôi rất buồn phiền về những việc họ đã làm; nhưng tôi không thể ngăn nó lại được - có lẽ tôi đã sống gần với bên phe này quá lâu nên biết rõ giá trị; họ đã bị tuyên truyền quá nặng, giống như con ngựa bị che mắt vậy; nhưng nếu anh nói với họ điều đó thì sẽ bị quy chụp là phản động và đây là một trọng tội, ngay cả hiện nay cũng thế. Tôi sinh ra ở Việt Nam, tôi là người Việt, nhưng cái nền văn minh mà tôi hấp thụ được lại đến từ người Mỹ. Đây là rắc rối của riêng tôi”. (20)

Với việc Ẩn không còn được phép liên lạc với các cựu đồng nghiệp, những lời đồn đoán rờ về vị trí của ông trong chế độ mới bắt đầu lan truyền giữa những người này. David DeVoss, cựu trưởng văn phòng Đông Nam Á của Time và là người từng đi cùng bà Thu Nhân cùng bốn đứa con trong chuyến bay từ Los Angeles, đã tới Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 1981. Sau đó ông viết cho đồng nghiệp Karsten Prager, “Thuốc lá có lẽ là thứ duy nhất mà Việt Nam còn sản xuất được. Ẩn mày có mặt khắp nơi, bây giờ là người Khmer. Sự bất tài của các cán bộ Việt Cộng đang bộc lộ rõ. Những người đã tham gia cách mạng từ lúc 12 tuổi hiện đang nắm quyền điều hành các chương trình quản lý đất đai, phúc lợi xã hội. Mọi thứ đều không hoạt động. Nơi ngày xưa là văn phòng Time tại Continental giờ đang bị một gã Cuba bẩn thỉu chiếm cứ, hằng đêm gã nhảy nhót dọc đường Tự Do với chiếc áo thun in hình một con ó què. Bên dưới hình có dòng chú thích, 'Con ó này không thể bay được'... Thật đáng tiếc khi phải nói rằng Phạm Xuân Ẩn đang là một cán bộ cấp cao của Bộ Nội vụ [chi tiết này không đúng]. Dường như ông ta là một Trung tá Việt Cộng trong suốt thời gian làm việc cho tờ tuần báo. Tôi tìm cách gặp ông ta trong thời gian năm ngày ở Sài Gòn nhưng ông ta từ chối. Không (nhấn mạnh) được phép gặp bất cứ người quen nào từ trước giải phóng”.(21)

Prager chuyển lá thư của DeVoss cho Frank McCulloch, kèm theo ghi chú, “Gửi người anh em... lời bình luận buồn của DeVoss, người vừa trở về từ Việt Nam. Tôi nghĩ ông thích xem cái này, đặc biệt là phần về Ấn. Không thể thắng được họ, tôi đoán thế; tôi luôn thích Ấn nhưng chưa bao giờ tin tưởng ông ta cho lắm”. (22)

Tháng 2 năm 1982, Donald Neff của tờ *Time* viết trực tiếp cho McCulloch, “Tôi biết mấy chuyện về Ấn là không mới nhưng tôi phải thừa nhận rằng nó khiến tôi đau đớn mỗi khi đọc. (Nó cũng khiến tôi hối tiếc về việc đã có lần tôi tặng ông ta một bộ sưu tập bản ghi âm tiếng chim hót rất đắt tiền)”.(23)

Bị cách biệt khỏi những người bạn Mỹ, Ấn đã tìm cách để giúp các đồng nghiệp người Việt ở bên thua cuộc. Tháng 4 năm 1985, Donald Kirk trở lại Việt Nam lần đầu tiên kể từ khi chiến tranh kết thúc. Vào thập niên 1960 và 1970, Kirk viết bài từ Đông Nam Á cho các tạp chí *The New York Times*, *The New Leader* và *The Reporter*. (24) Lúc tới Thành phố Hồ Chí Minh, ông đã gặp một người bạn cũ và là đồng nghiệp, Lê Việt. Sau này, Kirk được biết rằng đồng nghiệp của ông đã bị giam năm tháng vì “gặp một người nước ngoài”. Ông bị nhốt tại một xà lim cùng sáu mươi người khác. Vợ ông đi thăm nuôi mỗi tuần để cung cấp thức ăn và thuốc men. “Ngày nào họ cũng hỏi tôi về mối quan hệ với các ký giả Mỹ. Họ bảo rằng hầu hết ký giả Mỹ đều làm việc cho CIA. Họ muốn biết mấy cái gói đồ mà tôi đưa cho ông là thứ gì. Họ bảo tôi là gián điệp của Mỹ còn ông là nhân viên CIA. Tôi nói với họ rằng tôi từng làm việc lâu năm cho người nước ngoài, nhưng đó là thời chiến, chẳng liên quan gì tới chính trị”, Lê Việt giải thích với Kirk.(25)

Đây là những gì mà Kirk nói về phần còn lại của câu chuyện: “Tuy nhiên, nỗi đau của Việt có thể còn nặng nề hơn. Khi ông đang nghỉ giải lao thì viên sếp công an yêu cầu Phạm Xuân Ẩn, một đại tá Việt Cộng đã leo lên đến cấp bậc này nhờ những hoạt động gián điệp trong khi vẫn làm việc cần mẫn trong vai trò là một chuyên gia về chính trị cho các phóng viên khờ khạo của *Time-Life* tại văn phòng của họ ở khách sạn Continental, thăm vấn Lê Việt”. Viên chỉ huy công an hy vọng rằng Ẩn có thể moi được vài

lời thú tội của Lê Việt. “Ấn, lúc này là phó bí thư của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, một vị trí tương đương với phó thị trưởng”, đã không chịu phản bội một người bạn và là đồng nghiệp của mình, nên bần tiện cho bên công an rằng “không nên làm khó cho tôi”, Lê Việt kể. Khi tôi kể lại chuyện này với Ấn, ông thở dài, “cơ quan an ninh nghĩ ai cũng là người của CIA, họ không tin ai hết, kể cả tôi”. Thực ra Ấn chưa bao giờ giữ bất cứ chức vụ nào trong Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan đảng ở địa phương.

NGỌN GIÓ THAY ĐỔI CHẬM CHẠP cuối cùng cũng thổi tới Việt Nam vào năm 1986 khi Đại hội Đảng Cộng sản toàn quốc lần VI khởi động kế hoạch Đổi Mới, một chương trình đổi mới kinh tế nhằm cải tổ xã hội và kích thích kinh tế phát triển. Các lãnh đạo đảng tuyên bố ý định xây dựng một nền kinh tế nhiều thành phần, bao gồm kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể và sở hữu tư nhân. Đầu tư nước ngoài được khuyến khích, và một thái độ khoan dung hơn dần được mở ra trong việc tiếp xúc với phương Tây cũng như bày tỏ ý kiến ở trong nước.

Năm 1988, Bob Shaplen tới Thành phố Hồ Chí Minh và đề nghị được gặp Ấn. Lần đầu tiên, cơ quan an ninh đã cho phép gặp mặt, với điều kiện là một đại diện của Bộ Ngoại giao cũng có mặt. Khi cuộc tái ngộ sắp kết thúc, Ấn đề nghị người bạn ở Bộ Ngoại giao ban cho một đặc ân: Liệu ông và Shaplen có thể đi ăn tối chung hay không? Đề nghị được chấp thuận. “Chúng tôi tới khách sạn Majestic”, Ấn nhớ lại. “Tôi nghĩ đây là lần đầu tiên tôi được phép nói chuyện riêng với một người bạn cũ từ thời chiến tranh. Tôi không muốn buổi tối hôm đó kết thúc”.

Khi trở về Mỹ, Shaplen nói rằng có lẽ chính phủ Việt Nam đã nói lỏng việc tiếp xúc của Ấn với các đồng nghiệp cũ. Trong vòng vài tháng sau, Neil Sheehan, Stanley Karnow, Robert Sam Anson và Morley Safer đã được phép ghé thăm. Chính trong bối cảnh đó mà một câu chuyện đáng chú ý đã được mở ra liên quan tới tình bạn bền chặt giữa những đồng nghiệp cũ,

ước nguyện của người cha đối với người con trai lớn nhất của mình, và tiến trình hòa giải giữa hai đất nước mà Phạm Xuân Ẩn yêu tha thiết.

NĂM 1983, CON TRAI LỚN CỦA ẨN là Phạm Xuân Hoàng Ẩn tới Liên Xô học đại học theo chương trình năm năm. Khởi đầu tại Học viện Ngoại ngữ Minsk và sau đó tại Trường Dịch thuật Chuyên nghiệp Maurice Thorez thuộc Học viện Ngoại ngữ Quốc gia Moscow, Hoàng Ẩn đã tốt nghiệp hạng ưu, trở nên thông thạo tiếng Anh và đã viết luận văn ngôn ngữ của mình về một bản dịch từ tiếng Nga sang tiếng Anh trích đoạn trong cuốn sách Bên bờ sông Mê Kông và sông Hồng của A. A. Kurnetsova.

Kết thúc chương trình đại học, Hoàng Ẩn về nước. “Trái tim tôi như muốn xổ tung khỏi lồng ngực khi máy bay đáp xuống, ôi, đây là thành phố thân yêu của tôi. Sáu mùa hè đã trôi qua kể từ khi tôi rời mảnh đất này”, sau này Hoàng Ẩn đã viết về ngày trở về của mình như thế. “Cửa mở. Tôi cảm thấy hơi nóng tháng 8 đã sưởi ấm trái tim lạnh giá mùa đông Moscow của tôi. Một làn gió nhẹ mon trớn làn da tôi. Ở đây, tôi lại được tắm mình trong ánh nắng và màu xanh cây lá. Mắt tôi dõi tìm những gương mặt thân quen. Có má thân yêu của tôi, em gái và em trai tôi. Thời gian đã để lại dấu ấn trên mái tóc ngả màu và khuôn mặt nhiều nếp nhăn của má. Nhưng tạ ơn trời, bà trông vẫn khỏe và hạnh phúc. Những giọt nước mắt. Những nụ hôn. Và vòng tay của má... Rồi tiếng chuông reo. Tôi trông thấy một chú chó lớn vừa sủa vừa lao về phía cổng. Ba tôi xuất hiện nơi ngưỡng cửa. Ông đi nhanh tới và mở toang cửa. Ông trông không già hơn, nhưng gầy hơn nhiều. Lưng ông đã còng xuống nhiều hơn dưới gánh nặng của cuộc sống vất vả và bận rộn... Niềm vui và hạnh phúc ngập tràn cơ thể và tâm hồn tôi trong cuộc đoàn viên này”. (26)

Phạm Xuân Ẩn đã sống và làm việc với người Mỹ trước khi có một cuộc chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam. Ông đánh giá cao người Mỹ. Sau chiến tranh, như một lẽ tự nhiên, ông cũng mong muốn điều tương tự cho con trai mình. “Đảng chỉ có thể dạy tôi những điều thuộc về ý thức hệ”, Ẩn

giải thích. “Từ người Mỹ, tôi học được những điều quan trọng khác, về nghề báo, về một phương pháp tư duy khác. Đó là điều tôi muốn con mình có được. Tôi muốn con trai tôi có bạn bè người Mỹ”.

Ông Ẩn cũng tin rằng con trai mình có thể đóng vai trò cầu nối giữa nhân dân Việt Nam và Mỹ trong thời hậu chiến. “Trong đời mình, tôi chỉ có hai trách nhiệm. Một dành cho Tổ quốc như là nghĩa vụ bắt buộc, cái còn lại là dành cho những người bạn Mỹ đã dạy tôi từ A tới Z, đặc biệt là nhân dân Mỹ. Ước nguyện của tôi là như thế này. Chiến đấu cho tới lúc đất nước giành lại được độc lập và sau đó tái lập quan hệ ngoại giao và bình thường hóa quan hệ giữa người Việt Nam và Mỹ, sau đó thì tôi có thể nhắm mắt xuôi tay thật mãn nguyện vào bất cứ lúc nào”.

Ẩn dự liệu rằng những người bạn Mỹ sẽ giúp ông bởi họ sẽ nhớ tới ông như là một đồng nghiệp, chứ không phải là một kẻ thù của đất nước họ hay là một kẻ phản bội lòng tin của họ. “Họ biết tôi là người luôn giúp đỡ họ và tôi không phải là kẻ thù của họ. Tôi chiến đấu vì đất nước mình, chứ không phải chống lại người Mỹ”, Ẩn nói với một phong cách như muốn làm chệch hướng sự gợi nhắc về quá khứ khi ông là một điệp viên siêu hạng làm việc cho phía bên kia. “Nếu từng có một người bị kẹt lại giữa hai thế giới, thì đó là Ẩn. Những ai chưa từng làm việc tại Việt Nam vào những tháng năm đó thì rất khó mà hiểu được sự phức tạp này”, David Halberstam nói”. (27)

Năm 1989, giữa Việt Nam và Mỹ chưa có quan hệ ngoại giao chính thức. Không có đại sứ quán hoặc cơ quan lãnh sự. Chỉ có một ít sinh viên Việt Nam có được thị thực du học tại Mỹ. Hoạt động hợp tác mới chỉ bắt đầu được triển khai để bàn về số phận quân nhân Mỹ mất tích trong chiến tranh (MIA); phải đến mùa xuân 1991 thì một văn phòng của Mỹ mới được mở tại Hà Nội để giải quyết vấn đề MIA. Nhưng những điều đó không phải là trở lực ngăn cản Robert Sam Anson và Frank McCulloch, những người theo đuổi nỗ lực của người Mỹ nhằm đưa Hoàng Ẩn tới Mỹ, và cũng không phải là trở lực đối với người cha của chàng trai trẻ này, người đã gây dựng nhiều nỗ lực từ phía Việt Nam.

Đối với Anson, đây là một cơ hội để đáp trả ơn cứu mạng. Đối với Frank McCulloch, lúc bấy giờ là thư ký tòa soạn tờ San Francisco Examiner, đó chính là một niềm kính phục đối với Ấn cũng như một niềm tin sâu sắc vào tương lai. “Chúng tôi có thể không quyên số tiền này cho con ông Thiệu hoặc ông Kỳ. Đây là một chỉ dấu cho sự tôn trọng và ngưỡng mộ mà người ta dành cho Ấn”, McCulloch giải thích với tôi. “Thêm nữa, có một điều kiện mà tất cả chúng tôi phải tuân thủ đó là cậu ấy phải trở về Việt Nam sau khi việc học kết thúc”.

McCulloch có mọi lý do để đặt niềm tin vào tính cách của chàng trai trẻ mà ông bảo trợ. Bài luận trong hồ sơ xin nhập học của Hoàng Ấn tại Đại học North Carolina đã bộc lộ một sự hiểu biết chính chắn về tiến trình hòa giải: “Chúng ta đang sống trong một thời đại mà không quốc gia nào có thể tồn tại một mình, tự cô lập mình với phần còn lại của thế giới. Đây là thời đại của hợp tác và cùng tồn tại. Tôi không thấy bất kỳ lý do nào để có một ngoại lệ cho Việt Nam. Sau hàng loạt sự kiện tại Đông Âu, tôi thấy hạnh phúc khi Việt Nam triển khai 'chính sách mở cửa' sớm hơn so với khối Đông Âu. Nhờ đó, giờ chúng tôi đang đi khá đúng hướng trên hành trình thoát nghèo. Tôi có thuận lợi là đã từng học tập ở Liên Xô và sống ở Mỹ khi còn nhỏ... Tôi mong ước có thể được sang Mỹ để học báo chí và kinh tế học và để tiếp thu những tinh hoa của xã hội Mỹ. Sau đó, khi trở về nước, tôi có thể nói với nhân dân tôi về con người, lịch sử, văn hóa cũng như những thành tựu mới nhất trong các lĩnh vực kinh tế, khoa học và công nghệ của siêu cường tiên tiến này. Bằng hành động ấy, tôi hy vọng thiết lập được cầu nối giữa nhân dân hai nước, nhằm xóa bỏ hiểu lầm và thành kiến... Nguyên vọng của tôi là nhân dân tôi được hạnh phúc và thịnh vượng”.

Có lẽ vật cản lớn nhất cho kế hoạch này là sự lan tỏa của việc Morley Safer cho xuất bản cuốn sách nhan đề Hồi tưởng: Chuyển trở lại Việt Nam. (28) Cuốn sách đã thu hút sự quan tâm rộng rãi chủ yếu bởi nó có một chương viết về một cuộc thảo luận rất chân thành của tác giả với Ấn. Tạp chí *New York Times* số Chủ nhật ngày tháng 3 năm 1990 trích đăng một đoạn, giật tít “Làm gián điệp cho Hà Nội” cùng lời dẫn: “Trong 10 năm,

Phạm Xuân Ẩn là một phóng viên có giá trị của Time tại Sài Gòn. Điều mà các biên tập viên của ông không biết, đó là suốt thời gian ấy, ông ta 'Làm gián điệp cho Hà Nội.'”

Một năm trước đó, trong cuốn *Tin chiến sự*, Bob Anson đã kể về vai trò của Ẩn trong việc giúp ông ta được phóng thích khỏi nơi bị bắt giữ. Giờ đây, khi đang sống ở Bangkok, Anson nhận được bản thảo chưa biên tập của Safer, do một đồng nghiệp ở New York có quen biết cả Ẩn lẫn Anson gửi tới.

Khi đọc những lời được cho là của Ẩn, Anson cảm thấy bạn mình đang đối mặt với hiểm nguy nghiêm trọng. Anson tức giận trước lời thú nhận của Safer rằng ông ta không ghi chú gì khi nói chuyện với Ẩn. Safer, lúc đó đi cùng một trợ lý và với sự trợ giúp của Ẩn, đã uống cạn một chai Whiskey White Horse trong cuộc nói chuyện đó.(29) Anson lo ngại rằng ân nhân cứu mạng của ông đang đau khổ về nội dung cuộc phỏng vấn đó. Thế là Anson xin thị thực nhập cảnh và đặt chỗ trên chuyến bay sớm nhất từ Bangkok đi Thành phố Hồ Chí Minh để gặp Ẩn.

Ẩn nói với tôi rằng ông tưởng cuộc trò chuyện đó chỉ là những chia sẻ không được công bố; có nghĩa là, đây chỉ là chuyện hai người bạn gặp nhau và ngồi tán gẫu bên chai Whiskey. “Tôi chưa từng nghĩ rằng ông ấy sẽ công bố cuộc trò chuyện của chúng tôi. Đơn giản là tôi đã quá vui khi được gặp lại đồng nghiệp để trò chuyện”, Ẩn nói. Anson và Ẩn dò từng dòng trong bản thảo liên quan tới cuộc nói chuyện đã được viết lại, biên tập các chi tiết giảm xuống tới một mức mà Ẩn hy vọng sẽ không gây nguy hiểm cho cơ hội được cấp thị thực của con trai. Ông không quan tâm tới điều gì có thể xảy ra đối với ông và “vì sự tôn trọng của tôi đối với nghề nghiệp”, Ẩn quyết định không phản đối quyền của Safer về việc xuất bản cuộc trò chuyện đó. “Làm vậy thì tôi sẽ trở thành người kiểm duyệt, mà tôi lại không thể làm điều đó, nhưng tôi có thể tìm cách để bày tỏ cho người ta thấy rằng nếu đó là cuộc trò chuyện được ghi lại để công bố thì tôi đã nói như thế nào”, Ẩn giải thích.

Cuốn sách của Safer dự định được ấn hành tại nhà xuất bản Random House, nơi trước đó không lâu Anson xuất bản cuốn *Những ý định tốt nhất*:

Học vấn và việc giết hại Edmund Perry . Anson đã gọi cho nhà xuất bản. “Tôi cầu xin họ qua điện thoại ba hay tám lần gì đấy và giải thích cặn kẽ phương pháp viết bài của Morley”, Anson cho biết. Ông còn thuật lại chuyến thăm Ấn mới đây rồi đề nghị Random House và Safer biên tập lại những đoạn được quy là lời của Ấn trước khi cho xuất bản, và họ đã chấp thuận.

Lỗi kể chuyện cuối cùng xuất hiện trên ấn phẩm được giảm tông xuống khá nhiều so với bản gốc, nhưng vẫn cho thấy sự bộc trực đặc trưng của Ấn. Ông đáp lại câu hỏi của Safer liên quan đến việc ông làm cho ai: “Sự thật? Sự thật nào? Một sự thật là trong 10 năm tôi làm một phóng viên chính thức của tạp chí Time và trước đó là của Reuters. Sự thật còn lại là tôi đã tham gia phong trào cách mạng từ năm 1944 và bằng cách này hay cách khác đã trở thành một phần của phong trào kể từ đó. Hai sự thật... đều là thật.” ông đáp lại câu hỏi của Safer về các hoạt động của ông khi làm gián điệp: “Công việc thực sự bắt đầu vào năm 1960, lúc tôi đang làm cho Reuters. Tôi giữ cấp bậc tương đương chỉ huy trung đoàn... Trong thời gian làm việc cho Time, tôi được phong đại tá... Tôi đã thâm nhập vào tất cả các căn cứ của [miền Nam] Việt Nam và quan hệ với các chỉ huy căn cứ. Cấp trên của tôi muốn biết rõ sức mạnh của nhiều đơn vị khác nhau. Họ muốn ước lượng năng lực của các tư lệnh - những người đã tha hóa và có thể tha hóa.

Câu hỏi và câu trả lời dần trở nên rất nhạy cảm khi Safer hỏi tại sao cuộc cách mạng thất bại: “Có rất nhiều nguyên nhân. Có quá nhiều sai lầm xuất phát từ sự dốt nát tệ hại. Giống như mọi cuộc cách mạng, chúng tôi gọi đó là một cuộc cách mạng của nhân dân, nhưng rồi, tất nhiên, nhân dân là những người đầu tiên phải chịu đựng... Chừng nào còn người dân ngủ ngoài hè phố, chừng đó cuộc cách mạng còn thất bại. Không phải mấy ông lãnh đạo là những kẻ tàn bạo, nhưng hậu quả của độc tài gia trưởng và của lý thuyết kinh tế sai lầm là như nhau”.

“Ông có lo ngại về chuyện nói toạc móng heo? Điều đó không nguy hiểm chứ?” Safer hỏi. Câu trả lời của Ấn năm 1990 cũng tương tự như vào năm 2006: “Mọi người biết tôi cảm thấy thế nào. Tôi không giữ bí mật gì

về điều đó. Tôi chưa bao giờ... Tôi đã quá già để có thể thay đổi. Tôi đã quá già rồi để có thể im lặng”. Khi Safer hỏi về các cải cách kinh tế mới đây tại Việt Nam, Ấn đáp, “Đó là điều làm trái tim tôi đau đớn. Hãy xem người ta đã phấn khích như điên trước một vài cải cách kinh tế ít ỏi. Nó cho thấy những khả năng nào có thể mở ra cho đất nước còn đang nghèo khó này nếu như chúng tôi không chỉ có hòa bình, mà còn nhiều vấn đề cơ bản khác nữa”.

Trong một câu hỏi về cuối, Safer hỏi Ấn có bất kỳ sự hối tiếc nào không. “Tôi ghét câu hỏi đó. Tôi đã tự hỏi mình câu hỏi đó hàng ngàn lần. Nhưng tôi còn ghét câu trả lời hơn. Không. Không hề hối tiếc. Tôi phải làm việc đó. Nền hòa bình mà tôi chiến đấu để giành lấy có thể khiến đất nước này què quặt, nhưng chiến tranh thì có thể giết chết xứ sở này. Người Mỹ phải bị đẩy khỏi Việt Nam bằng cách này hay cách khác. Chúng tôi phải tự giải quyết vấn đề của mình”.

Khi cuộc phỏng vấn khép lại, Safer hỏi: “Liệu họ có thể để ông ra đi không?”

“Tôi không biết. Tôi không chắc là mình muốn”, Ấn đáp. “ít nhất, tôi muốn các con tôi tới Mỹ để học hành”. (30)

Khi cuộc phỏng vấn Safer - Ấn được công bố, tất cả những gì Ấn có thể làm là hy vọng những người ở trong chính quyền sẽ không gây khó dễ cho ông, cho dù đã có một hệ quả tức thời, theo tiết lộ của Douglas Pike, bạn ông, thì công tác giám sát đã được tăng cường bởi nhà chức trách cho rằng Ấn đã “tiết lộ bí mật quốc gia trong cuộc phỏng vấn do Safer thực hiện”. (31)

“Tôi lo lắng bởi một ai đó bên an ninh sẽ dễ dàng nói không với con trai của tôi vì những điều tôi vừa mới nói. Lần này tôi đã gặp may. Tôi nghĩ là họ cho rằng bằng cách cho phép con tôi tới Mỹ. Vì thế, điều trái ngược với lo ngại của tôi thực sự đã xảy ra. Đó là cách để họ nói, 'Cảm ơn, về nhà đọc sách và im lặng lại giùm'. Khi tôi hỏi Frank McCulloch tại sao Hà Nội lại cho phép Hoàng Ân đi, ông đã trả lời tương tự: “Hành động đó có một ý nghĩa hoàn hảo: chúng ta hãy chiều lão già này và xem thử với đặc ân lớn

lao này, chúng ta có thể làm cho ông ta bớt nói được không. Tôi không nghĩ ra lý do nào khác khiến họ làm điều đó”.

Tôi vẫn không rõ vì sao chính phủ Mỹ lại cho phép người con trai đầu lòng của một điệp viên Cộng sản cốt cán được phép nhập cảnh trong giai đoạn mà việc xin thị thực là vô cùng khó khăn. Liệu có thể một ai đó đã gọi điện xin xỏ hoặc gây áp lực cho một ai đó trong Bộ Ngoại giao hoặc một cơ quan khác của chính phủ để giúp con trai của Ấn? Liệu có phải Ấn vẫn còn một dạng ảnh hưởng đối với phía bên kia hay không? Nếu có, vậy thì toàn bộ câu chuyện có nghĩa là gì? Chẳng hạn, tại sao William Colby đề nghị được gặp Ấn trong cả hai lần ông tới Việt Nam? “Tôi không thể chấp nhận lời mời bởi vì cuộc gặp có thể tạo ra nghi kỵ”, Ấn nói với tôi. “Họ đã nghi tôi là người của CIA rồi”. Liệu Colby chỉ đơn thuần muốn gặp một người bạn cũ để ngả mũ chào, để đùa giỡn? Hay còn có một tầng sâu hơn nữa, dẫn tới thêm nhiều câu hỏi vốn chẳng bao giờ có thể trả lời?”

Bob Anson đã tình nguyện sử dụng mối quan hệ gia đình để xem xét liệu Hoàng Ấn có thể được chấp nhận vào trường báo chí tại Đại học North Carolina (UNC) hay không? Anson bây giờ đã cưới vợ mới; mẹ vợ của ông, bà Georgia Kyser, sống tại Chapel Hill và có quan hệ thân thiết với trường đại học này. Anson viết thư cho McCulloch, “Georgia là một quý bà miền nam tuyệt vời và thực sự có quan hệ với UNC cũng như cộng đồng tại đây, vì thế nên đây có thể là một điều kiện lý tưởng”.

Bà Georgia thực sự có quan hệ tốt với cộng đồng UNC tại Chapel Hill. Bà là vợ của James Kem “Kay” Kyser, trưởng ban nhạc nổi tiếng và là nhân vật quen thuộc trên đài phát thanh, ông cũng là cựu sinh viên UNC và là một trong những ủng hộ viên lớn nhất của trường.⁽³²⁾ Năm 1943, ông gặp Georgia Carroll, một người mẫu tóc vàng từng tham gia đóng nhiều phim, trong đó có vai Betsy Ross trong bộ phim ca nhạc Yankee Doodle Dandy của James Cagney vào năm 1942. Họ cưới nhau sau đó một năm.⁽³³⁾ Rồi bà Georgia nghỉ diễn để chăm sóc ba người con gái - Kimberly, Carroll và Amanda. Gia đình Kyser sống trong ngôi nhà cổ nhất Chapel Hill, nằm cạnh khu học xá trường đại học.

Georgia đồng ý cho Hoàng Ân ở nhờ trong căn phòng tầng hầm đầy tiện nghi của gia đình. Tới hôm nay, Hoàng Ân vẫn gọi bà là mamô, nghĩa là “người mẹ thứ hai”. Hoàng Ân cũng vinh dự làm cha đỡ đầu cho cô con gái Gigi của Robert Sam và Amanda Anson. “Cậu ấy là một trong những điều vĩ đại nhất từng có trong đời tôi”, bà Georgia nhớ lại. “Ở đây, chúng tôi là hai người đến từ hai nền chính trị và hai phần khác nhau của thế giới, và hai đất nước của chúng tôi từng đánh nhau trong quá khứ, nhưng là những con người, chúng tôi gắn kết với nhau. Đây thực sự là lần đầu tiên trong đời tôi có một người bạn châu Á. Cậu ấy là một nguồn vui”.

Để Hoàng Ân được chấp nhận vào học chương trình báo chí là phần dễ nhất trong các nhiệm vụ liên quan. Trong một lá thư đề ngày 7 tháng 5 năm 1990, Chủ tịch C. D. Spangler của Đại học North Carolina viết cho Anson rằng “Đại học North Carolina ở Chapel Hill rất vui lòng chấp nhận ông Ân là một sinh viên hệ không cấp bằng tại Trường Báo chí”. (34)

Khóa học một năm, không cấp bằng là rất hữu ích cho sinh viên ngoại quốc bởi họ có thể tham gia các lớp học mà không bị ràng buộc vào các yêu cầu cụ thể, dù hệ không cấp bằng cũng không được hỗ trợ về tài chính. Nếu học tốt trong năm đầu tiên và sau đó làm tốt kỳ thi GRE, Hoàng Ân có thể trúng tuyển vào chương trình cao học báo chí.

Ngay trước dịp lễ Lao động (Labor Day - ngày thứ hai đầu tiên của tháng 9 hàng năm, là một ngày nghỉ lễ của Mỹ - ND) năm 1990, Anson nhận được một lá thư của Ân - lúc này đang sắp xếp một số việc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàng Ân cần ba loại giấy tờ để xin thị thực xuất cảnh. Thứ nhất, một lá thư chính thức chấp nhận của trường đại học, cái này thì đã có. Thứ hai, người bảo lãnh chính thức trong thời gian ở Mỹ (trường đại học cũng yêu cầu điều này). Thứ ba, thị thực nhập cảnh vào Mỹ, trong đó, cùng với một số thủ tục khác, yêu cầu phải có thời gian hai tuần để kiểm tra an ninh tại Đại sứ quán Mỹ ở Bangkok. “Tôi đang xoay xở để hoàn tất mấy thứ này”, Anson gọi điện thông báo cho McCulloch, “và phía Việt Nam, cụ thể là ông Nguyễn Quang Dy, tùy viên báo chí tại đây, đã hứa sẽ làm tất cả mọi thứ để giúp giải quyết nhanh”. (35)

Yêu cầu trước mắt là phải quyên tiền. Do Hoàng Ân không nhận được tài trợ từ UNC, vì vậy các cựu đồng nghiệp của ông Ân phải lo. Đó là kỳ nghỉ lễ Lao động, nên vào ngày thứ ba, McCulloch lên kế hoạch hành động. “Nhắn Ân hãy vững tin. Bánh xe bắt đầu chuyển động, dù hơi chậm”, McCulloch đánh điện cho Bob Anson.(36)

Trong một thư ngỏ “Các bạn thân mến” đề ngày 4 tháng 9 năm 1990, McCulloch viết, “Tôi xin lỗi vì không đề tên riêng từng người trên lá thư này, nhưng thời gian là cực kỳ quan trọng, và đây có lẽ là cách gửi thư hiệu quả nhất. Tôi nghĩ là phần lớn các bạn, về mặt cá nhân, đều quen biết Phạm Xuân Ân, và những người không quen thì cũng sẽ dễ nhớ ra rằng ông ấy từng là phóng viên của văn phòng Time-Life ở Sài Gòn cũng như là chủ đề của một chương đầy chua cay trong cuốn sách của Morley Safer vừa mới được trích đăng trên tạp chí *New York Times* Chủ nhật. Thế hệ đã đổi thay, và bây giờ người con trai cả của Ân, là cậu Hoàng Ân, đang rất muốn đến Mỹ học báo chí - không phải là một phương tiện để rời khỏi Việt Nam mà, như lời của chính cậu ấy, để trở về cùng với những kỹ năng mới và ‘quay lại phụng sự nhân dân tôi’.

McCulloch cảm ơn Anson vì đã thuyết phục được UNC đưa ra lời chấp nhận, vì đã dàn xếp chỗ ở cùng với mẹ vợ của ông, và vì đã khởi động “những bánh xe quan liêu tại Mỹ cũng như Hà Nội. Vấn đề còn thiếu hiện nay là chất liệu để kết nối tất cả mọi thứ lại với nhau, đơn giản đó là tiền”, Frank viết. “Theo ước lượng kỹ lưỡng nhất của chúng tôi, số tiền tối thiểu cho một năm học của Hoàng Ân là 11.000 đô la. Khoản này là chi phí cho tất cả mọi thứ, từ vé máy bay khứ hồi tới học phí, tài liệu, tiền ăn ở”. (37)

Trước khi cuộc vận động “chính thức” bắt đầu, người ta đã quyên được 3.000 đôla - 1.000 đôla của Neil Sheehan và 2.000 đôla từ Chủ tịch Spangler, như là một món quà riêng. “Có nghĩa là chúng ta cần vận động 7.500 đôla nữa”, Anson viết. “Trong trường hợp tuyệt vời nhất, Time Inc. sẽ chịu hết khoản này nhưng, thẳng thắn mà nói, tôi không nghĩ khả năng ấy sẽ xảy ra. Theo lời vợ của Sheehan, chị Susan, chị ấy cùng chồng đã gọi chuyện này ra tại một bữa tối với sự có mặt của nhiều lãnh đạo Time Inc. cách đây vài tháng nhưng đã nhận được cái lắc đầu. Nhìn lại những năm dài

Ấn làm cho Time với mức lương thấp, cũng như việc ông ấy tiếp tục giúp đỡ tất cả những phóng viên của Time có dịp đi qua Sài Gòn, tôi thấy cái lắc đầu đó là quá quắt nhưng chuyện là như thế đấy”. (38)

Anson gợi ý một người nào đó tới tòa soạn New Yorker và đề nghị họ hiến tặng như là một cử chỉ tưởng nhớ Robert Shaplen, người đã qua đời vào tháng 5 năm 1988, nhưng ông lo ngại rằng, nếu không có sự tài trợ của các tổ chức, chỉ với sự quyên góp của từng cá nhân thì rất khó đạt được mục tiêu. Ông liệt kê danh sách những người có thể tiếp cận để vận động ủng hộ - “David Greenway, Dick Clurman, Murray Gatt và những phóng viên như Bill Stewart, trưởng văn phòng Hồng Kông, người mà Ấn cũng viết thư trực tiếp để nhờ giúp đỡ; Stanley Cloud, người mới đây đã gặp Ấn; Laura Palmer, người 'dành hết cho Ấn'. Jim Willwerth tại văn phòng L.A, Burt Pines của Tổ chức Heritage, Bill Marmon, Pippa Marsh, Jon Larsen, Jim Wilde, John Sarr, cựu thành viên của Life tại Sài Gòn và giờ đang làm việc cho People, Dick Swanson và Germaine Greer [nguyên văn] của Germaine... Bà ấy chống Cộng kịch liệt, thế nên hãy chuẩn bị tinh thần để hứng cơn thịnh nộ... Beverly Deepe”.

Việc liên lạc với Ấn cũng gặp nhiều khó khăn; công tác theo dõi đã được tăng cường kể từ sau cuộc phỏng vấn của Safer, và ông không có một máy fax hoặc điện thoại an toàn. “Cho tới nay, hoặc là tôi tự mình tới Sài Gòn hoặc là gửi thư tay thông qua những phóng viên đến đây”, Anson giải thích với McCulloch, “Gửi thư tay cũng gặp khó khăn, bởi rất ít phóng viên sang đây. Cũng may là tôi đã có được ít nhất một người đưa thư. Đó là Alison Krupnick làm việc cho Chương trình Ra đi có trật tự (ODP)(*) của Bộ Ngoại giao Mỹ. Nói tiếng Việt rất sôi, Alison đến Sài Gòn thường xuyên và sắp tới sẽ đi vào ngày 3 tháng 9. Nếu ông có nhắn gì cho Ấn từ lúc này cho tới thời điểm đó, hãy fax cho tôi càng sớm càng tốt. Tôi hy vọng Alison có thể làm bồ câu đưa thư đều đặn, nhưng điều đó cũng chưa có gì chắc chắn cả”.

Alison Krupnick có mười năm làm cán bộ Cục Công tác nước ngoài(**) và làm việc cho ODP từ năm 1988 đến 1992. Cô đã đến Việt Nam hơn ba mươi lần trong giai đoạn đó. “Thời kỳ cao điểm của chương

trình (ít nhất là trong nhiệm kỳ công tác của tôi), mỗi tháng chúng tôi thực hiện hai chuyến đi, mỗi chuyến kéo dài hai tuần để phỏng vấn”. (39) Krupnick nhớ lại lần cô tới thăm nhà Ân, bề ngoài là để hỏi ông về việc liệu Hoàng Ân đã biết chuyện cha mình hoạt động tình báo thời chiến tranh hay không. “Tôi nhớ là mình đã rất ấn tượng bởi phẩm cách của ông ấy. Gặp ông giúp tôi có được một hình ảnh minh họa nữa về sự phức tạp của cuộc đấu tranh giành độc lập của người Việt Nam. Rất nhiều nhà báo rõ ràng đã kính trọng và tin tưởng Phạm Xuân Ân. Nhưng ông lại là một điệp viên. Điều đó khiến tôi băn khoăn rằng liệu ông có phải là con người hành động theo lương tâm, một người chiến đấu theo lương tâm mình hay chỉ là một kẻ cơ hội... Là một người Mỹ trẻ và ngây thơ chưa từng chứng kiến trực tiếp cuộc chiến, tôi chỉ đơn giản hình dung mình sẽ làm gì nếu những nguyên tắc của tôi hoặc gia đình tôi bị đe dọa. Câu chuyện của Phạm Xuân Ân, giống như câu chuyện của nhiều người mà tôi từng gặp, là một sự nhắc nhở tôi rằng sự vật không luôn luôn đen hoặc trắng”. (40)

(*) Orderly Departure Program (ODP) là một chương trình cho phép người Việt Nam tị nạn nhập cảnh vào Mỹ sau chiến tranh, bắt đầu từ năm 1979 và khép lại vào năm 1994.

(**) Foreign Service là cơ quan triển khai các chính sách đối ngoại của chính phủ Mỹ và hỗ trợ người Mỹ ở nước ngoài.

“Ailison Krupnick tới kiểm chứng chỗ tôi”, ông Ân nhớ lại, “và muốn biết về những gì con trai tôi biết thời chiến tranh. Tôi nói với cô ta rằng tôi không có mạng lưới nào cả, không có ai khác giúp đỡ tôi, và rằng tôi là một con sói đơn độc. Vì thế, con trai tôi không biết gì cả; cậu ấy hoàn toàn không biết những gì tôi làm. Chỉ đến khi tôi được phong Anh hùng vào năm 1976 thì con trai tôi mới biết”.

Rồi bằng cách nào đó, cuộc trò chuyện của họ chuyển qua đề tài chiêm tinh, và Ân phát hiện ra rằng cả hai người đều sinh nhằm cung Xử nữ. “Sau đó tôi cho cô ấy mượn cuốn sách tử vi tiếng Pháp. Tôi nói với cô ấy rằng tôi rất mê tín, và sinh nhằm chòm sao Xử nữ, nên tôi cảm thấy việc một phụ nữ tới để kiểm tra tất cả mọi thứ này là một dấu hiệu tốt lành. Tôi cảm thấy được bảo vệ bởi cung chiêm tinh của mình”. Krupnick xác nhận cuộc trao đổi này, và còn bổ sung: “Vâng, tôi cũng thuộc cung Xử nữ. Tôi vẫn thường phì cười khi nhớ lại chuyện một Phạm Xuân Ân khả kính đã hỏi rằng tôi có hay bị rối loạn tiêu hóa hay không bởi vì 'người mang cung Xử nữ thường bị như thế'. Cuộc trò chuyện như thế dường như hiếm gặp ở Việt Nam”.

Krupnick cũng nói với Ân rằng cô từng đến sống ở Monterey trong thời gian học tiếng Việt tại Viện nghiên cứu Quốc tế Monterey, nơi cô nhận bằng cử nhân văn chương. Ân kể cho cô nghe chuyện ông từng được mời dạy tiếng Việt cho đoàn cố vấn Mỹ đầu tiên sang Việt Nam và nghĩ về tình huống trở trêu rằng nếu ngày ấy nhận công việc đó luôn thì có lẽ ông đã là thầy giáo của cô rồi.

Vào thời gian này, Anson đang phối hợp chặt chẽ với bà Judith Ladinsky, người đã liệt kê chi tiết về các thủ tục để giúp Hoàng Ân nhận được thị thực và sẵn sàng làm giúp tất cả thủ tục giấy tờ giữa Hà Nội và Bộ Ngoại giao Mỹ - một khi xác nhận được ai là người bảo trợ.

Công việc của Ladinsky là một huyền thoại ở Việt Nam. Bà đã giúp Ủy ban Hợp tác khoa học Mỹ xây dựng một cơ sở hạ tầng khám bệnh phát triển mạnh, thiết lập chương trình nghiên cứu hỗn hợp và chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu về nhi khoa, phẫu thuật giác mạc, dinh dưỡng, HIV/AIDS và điều trị ung thư. Một phần nhiệm vụ của bà tại ủy ban là thúc đẩy sinh viên Việt Nam tới học tại các trường đại học Mỹ; Chương trình Trao đổi Giáo dục (VEEP) của bà tổ chức các kỳ kiểm tra tiếng Anh TOEFL mỗi năm hai lần tại Việt Nam. “Không có sự giúp đỡ của Judith Ladinsky thì chắc con trai tôi đã không đi được”, Ân nói với tôi.

Một trong những lời tư vấn quan trọng nhất của bà Ladinsky đó là cần có thư của một người có địa vị gửi cho ông Henry Dearman, chủ nhiệm chương trình đào tạo đại học, đề nghị ông cho miễn yêu cầu về người bảo

lãnh để có thể xin thị thực theo mẫu nhập cảnh 1-20. Anson liền gợi ý các nhà báo ký tên vào đơn gửi tới UNC, trong danh sách có cả tên của Giám đốc CIA William Colby, bạn của Ân, “vì chắc chắn là chẳng ai kiểm tra điều đó”.

May mắn là ông chủ nhiệm Dearman đã đồng ý bỏ yêu cầu về người bảo trợ sau khi biết ông Chủ tịch Spangler đã có món quà riêng cho Hoàng Ân và có lẽ cũng nhờ cả mối quan hệ giữa gia đình Kyser với UNC. Tôi hỏi Amanda Anson tại sao ông Spangler lại ủng hộ nhiệt tình như vậy. “ông ấy là chủ tịch mới của trường và sống cách nhà mẹ tôi chỉ hai căn, mà lại vừa mới thay một ông chủ tịch rất nổi tiếng, đó là Bill Friday. Đây là trường hợp một nhân vật mới ủng hộ một sự nghiệp chân chính, mà về sau có thể thấy, đó là ông ấy rất tin tưởng Hoàng Ân như bất kỳ người nào khác. Sau này, ông đã tới thăm gia đình ông Ân ở Việt Nam ba lần, và cha của Hoàng Ân đã có cơ hội để nói lời cảm ơn”.(41)

Nỗ lực của Frank McCulloch trong giai đoạn ấy trở nên vô cùng đáng trân trọng bởi đây là lúc gia đình ông đang trải qua khủng hoảng. Con trai của Frank McCulloch ốm rất nặng và sắp qua đời, nên ông phải nghỉ phép để dành thời gian cho gia đình. Mười lăm năm sau, Ân nhờ tôi chuyển lời ghi âm sau đây đến cho Frank: “Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn của tôi đối với ông vì đã giúp đỡ con trai tôi ở mức cao nhất mà ông có thể, đặc biệt là trong hoàn cảnh rất nghiệt ngã đối với ông bởi ông chỉ có một người con trai duy nhất, một luật sư, lúc bấy giờ đang ốm liệt giường và không thể bình phục và mọi người đều biết rằng cậu ấy sắp rời xa ông mà đi vì không thể sống được lâu... Trong hoàn cảnh căng thẳng và đầy áp lực như vậy, ông vẫn dành nhiều thời gian để quỳn tiền cho con trai tôi. Tôi thực sự biết ơn ông rất nhiều”.

Với sự giúp đỡ của Judith Ladinsky, Hoàng Ân ký vào đơn xin du học báo chí tại Mỹ theo Chương trình Trao đổi Giáo dục. Ladinsky nhớ lại cuộc trò chuyện giữa bà với Hoàng Ân. “Cậu ấy là một chàng trai rất thú vị và đầy lòng biết ơn, cậu ấy cảm kích tất cả những gì mà người cha cũng như bạn bè của cha đã làm cho cậu ấy. Tôi đã hỏi cậu ấy về vai trò của cha cậu ấy trong thời chiến tranh. Cậu ấy đã nói về áp lực khủng khiếp mà cha cậu

ấy từng chịu đựng và bày tỏ sự cảm kích đối với tất cả những gì mà tạp chí Time đã dành cho gia đình. Cậu ấy nói với tôi rằng không biết làm sao mà cha cậu ấy có thể sống một cuộc sống đầy hiểm nguy như vậy trong chừng ấy thời gian”. (42)

Karsten Prager, người gần một thập kỷ trước đã viết thư cho McCulloch rằng “Tôi luôn mến Ấn nhưng chưa bao giờ tin ông ta” đã trở thành cầu nối thông tin giữa Anson và Hoàng Ân trong hoàn cảnh Frank vắng mặt. Anson nói chuyện với Phó lãnh sự Larry Woodruff tại Đại sứ quán Mỹ ở Bangkok. “Chính phủ Mỹ biết lý lịch thời chiến tranh của ông Ấn và không thấy bất cứ vấn đề gì đặc biệt đối với Hoàng Ân từ phía chúng tôi. Woodruff nói rằng Hoàng Ân sẽ không gặp rắc rối gì trong việc xin thị thực nhập cảnh của Mỹ, và ông ta đã điện về Washington, thúc đẩy bánh xe chuyển động vì mục đích này”. (43)

Đến lễ Tạ ơn năm 1990, thủ tục kiểm tra an ninh của Hoàng Ân được thông qua và thị thực loại F-1 dành cho sinh viên được cấp. Bạn bè và các cựu đồng nghiệp của Phạm Xuân Ấn đã quyên đủ tiền cho hai năm học của Hoàng Ân tại UNC. Ấn chuyển số tiền hưu từ tờ *Time* vào quỹ và góp thêm 3.000 đôla. Các khoản đóng góp cá nhân đến từ các nhà báo Neil Sheehan, Stanley Karnow, John Larsen, Johnny Apple, Morley Safer, John Griffin, Bill Plante, Don Moser, Stanley Cloud, Dean Brelis, Laura Palmer, Dick Swanson, Jason Shaplen, Dick Clurman, cộng thêm khoản đóng góp của Time, Inc. Hầu hết các đồng nghiệp đều chia sẻ cảm xúc mà Jack Laurence đã viết, “Tôi vui vẻ tham gia bộ máy gây quỹ... và cảm ơn bạn vì đã cho tôi biết có một việc chính nghĩa đang cần được giúp sức”. (44)

Hồ sơ của Hoàng Ân nằm chờ tại Đại sứ quán Mỹ ở Bangkok. Vào phút chót, có một rắc rối nảy sinh. Đó là trước hết Hoàng Ân phải bay ra Hà Nội để xin Đại sứ quán Thái Lan cấp thị thực nhập cảnh. “Bà Judith Ladinsky đã giúp đỡ tôi rất nhiều trong khâu này”, Hoàng Ân nói với tôi. Sau vài ngày ở Hà Nội, Hoàng Ân trở về Thành phố Hồ Chí Minh trước khi bay đi Bangkok để gặp nhân viên của Time lo việc đặt khách sạn và đưa cậu đi mua một bộ com lê mới. Ngày hôm sau, Hoàng Ân thực hiện một

cuộc phỏng vấn ngắn và nhận thị thực tại Đại sứ quán Mỹ. Từ Bangkok, cậu bay tới New York, Anson đón cậu ở sân bay JFK.

“Tôi vẫn còn nhớ cậu ấy đã phấn khích đến nhường nào khi vừa đến nhà chúng tôi” Bob Anson nhớ lại. “Tôi đón cậu ấy và cậu ấy vẫn còn mặc bộ đồ mới mà Time đã mua ở Bangkok. Cậu ấy giống như một chú trẻ con trong công viên Disneyland vậy, rất vui thích khi được tới đây”.

Hoàng Ân học hai năm tại UNC. Cậu làm việc bán thời gian trong thư viện nhà trường và có thời gian tập sự ngắn tại tòa soạn báo, tương tự như cha cậu đã từng làm tại tờ Sacramento Bee hơn ba mươi năm trước. Với một cử chỉ khiến tôi nhớ đến người cha của cậu, Hoàng Ân lục trong một ngăn kéo khác nơi thư phòng của gia đình và lôi ra các bài viết của cậu. Bài đầu tiên mà cậu chỉ cho tôi khiến tôi không mấy nghi ngờ gì về việc cậu vừa sống trong chiếc bóng của người cha đồng thời đang tiến theo con đường của riêng mình. Đó là bài viết trên tờ Herald-Sun phát hành tại Chapel Hill số ra ngày 29 tháng 5 năm 1993 nhan đề “Trạm cứu hộ động vật đã chữa trị, phóng thích những con vẹt bị thương”, bên dưới ký tên “Ân Phạm, phóng viên”.(45)

Như đã hứa, Hoàng Ân trở về Việt Nam vào năm 1993 để bắt đầu làm việc trong hệ thống của Bộ Ngoại giao. Năm 1999, cậu nhận được học bổng của chương trình Fulbright và tới học tại Trường Luật Đại học Duke. Khi cậu cần tài trợ để tham dự thêm học kỳ mùa hè tại trường Duke, Chủ tịch Spangler đã không do dự ủng hộ vào ngân quỹ.

Dù sống tại Durham trong suốt ba năm học trường luật, Hoàng Ân luôn về thăm gia đình Kyser mỗi dịp Giáng sinh. Trong một tấm thiệp giáng sinh đề ngày 16 tháng 12 năm 2000 gửi tới Georgia Kyser, Phạm Xuân Ân viết, “Vợ chồng chúng tôi rất cảm kích trước việc bà đã coi Hoàng Ân là một thành viên của gia đình. Đối với cháu, nhà bà là ngôi nhà thứ hai và cháu đã rất may mắn khi được trở lại North Carolina để tiếp tục học”.

Trong chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống George W. Bush vào tháng 11 năm 2006, Hoàng Ân đã làm phiên dịch cho cuộc nói chuyện giữa Tổng thống Bush và Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết. Hoàng Ân kể với tôi, “Ước gì ba có mặt ở đây để chứng kiến khoảnh khắc này. Nhiều lúc

giọng tôi nghẹn lại giữa lúc đang phiên dịch cho hai vị nguyên thủ, cố gắng kìm nước mắt”.

Tôi xin khép lại bằng một câu chuyện ngắn do bạn tôi là Đại úy Mark Clodfelter của Đại học Chiến tranh Quốc gia, người đã đưa lớp học của mình tới Việt Nam vào mùa xuân năm 2006, kể lại. Đoàn đã được dự một buổi nói chuyện của ông Lê Quốc Hùng, Giám đốc Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh và là sếp của Hoàng Ân. Hoàng Ân cũng có mặt, với nhiệm vụ trao đổi trong phần hỏi đáp. “Anh ta gặp nhóm chúng tôi, gồm tám học viên (một nhóm hỗn hợp gồm sĩ quan không quân, lục quân, hải quân và thủy quân lục chiến, một nhân viên Bộ Ngoại giao, một thành viên dân sự làm việc cho Bộ Không quân^(*)) và hai giảng viên, vào sáng ngày 8 tháng 5 năm 2006. Chúng tôi cực kỳ ấn tượng trước kiến thức sâu sắc về ngoại giao Mỹ cũng như khả năng nói tiếng Anh trôi chảy và đầy sắc thái của anh ta. Khi chia tay, chúng tôi đều nhận xét rằng tất cả chúng tôi đã cực kỳ ấn tượng trước sự am hiểu siêu hạng của anh ta về chính sách đối ngoại của Mỹ”.

Vâng, cha của cậu có thể đã rất tự hào về người con của ông, nhưng tôi nghĩ ông còn hạnh phúc hơn nữa khi chứng kiến mối quan hệ mới giữa hai đất nước mà ông yêu vô cùng.

(*) Department of the Air Force (DAF) là một "bộ dưới bộ" trực thuộc Bộ Quốc phòng Mỹ, quản lý toàn bộ lực lượng không quân Mỹ. Trong hệ thống tổ chức của Bộ quốc phòng Mỹ, có ba bộ trực thuộc là Bộ Không quân, Bộ Lục quân và Bộ Hải quân (quản lý Hải quân và Thủy quân lục chiến).

CHÚ THÍCH:

CHƯƠNG 7: DƯỚI BÓNG NGƯỜI CHA

(1) Ngày 18-1-1975, “Thư từ”, Học 7, Tài liệu của Lansdale.

(2) Tim Bowden, *One Crowded Hour: Neil Davis, Combat Cameraman 1934-1985* (Sydney, Australia: Nhà xuất bản Collins, 1987), trang 347; Tiziano Terzani, *Giai Phong! The Fall and Liberation of Saigon* (New York: Nhà xuất bản St. Martin's, 1976).

(3) Neil Davis và Robert Shaplen biên tập cho tạp chí New Yorker, Tài liệu của Shaplen. Xem ghi chú và bản thảo, Letter from Saigon, Neil Davis tại Hộc 95, Ghi chú: Tập 30, Tài liệu của Shaplen.

(4) “The Quiet Vietnamese: Journalist and Spy Phạm Xuân Ẩn Led a Life of Ambiguity”.

(5) Nguyễn Xuân Phong, *Hope and Vanquished Reality* (Philadelphia: Nhà xuất bản Xlibris, 2001), trang 152-7.

(6) Sách đã dẫn. Tác giả phỏng vấn Nguyễn Xuân Phong.

(7) Sau chiến tranh, việc ông Trần Văn Trà ca ngợi các lực lượng B-2 ở miền Nam, cũng như sự đánh giá chân thực và phê phán đối với các thượng cấp Cộng sản, đã khiến ông bị chính phủ trừng phạt, ông phải chịu một loại hình thức quản thúc trong thời gian ngắn. http://lists.village.virginia.edu/sixties/HTML_docs/Texts/Narrative/Ott_Tran_Van_Tra.html.

(8) *Hope and Vanquished Reality*, trang 259.

(9) *Dragon Ascending*, trang 194. Cao Giao thường đùa rằng ông biết mọi nhà tù từ phía bên trong “và đã hy sinh một đời để đấu tranh cho đất nước Việt Nam vô phúc này”. Trang 196.

(10) Oliver Todd, *Cruel April* (New York: Nhà xuất bản W. W. Norton, 1987), 253. Vương, Cao Giao và Ẩn thường được các phóng viên Sài Gòn gọi là “Ba người lính ngự lâm”, Todd viết, trang 25.

(11) *Bitter Victory*, trang 11.

(12) Phỏng vấn Germaine Lộc Swanson, Bùi Diêm và Dick Swanson.

(13) Hộc 62, Tập 9, Tài liệu của Sheehan.

(14) Đây là từ của Ẩn; ông cũng nói với Sheehan, Tập “After the War Was Over”, Tài liệu của Sheehan.

(15) Năm 2006, Ẩn ăn tối với Kỳ tại Thành phố Hồ Chí Minh.

(16) Phỏng vấn Ẩn và “Ghi chú”, Hộc 55, Tập 12, Tài liệu của Sheehan.

(17) “The Perfect Spy”.

(18) Stanley Kamow, “Vietnamese Journalist's Divided Allegiance: After Nine Long Years, a Double Agent Explains the Mystery of His Actions”. Báo San Francisco Chronicle, 30-5-1990.

(19) Xem hộc 155, Tập 12, Tài liệu của Sheehan.

(20) Sách đã dẫn; tôi đưa những mẫu ghi chép này cho Ẩn và ông xác nhận.

(21) Stanley Cloud, “The Journalist Who Spied”. 21-9-2006; tạp chí Time.

(22) Hai lá thư được tìm thấy trong Tập “1980s”, Tài liệu của McCulloch, Hộc 3.

(23) Sách đã dẫn; Hộc 3, “Items Not Foldered-Mainly 1982”. Ngày 10-2-1982.

(24) “The Quiet Vietnamese: Journalist and Spy Phạm Xuân Ẩn Led a Life of Ambiguity”.

(25) Donald Kirk, Tell It to the Dead: Stories of a War. (Armonk, NY: Nhà xuất bản M. E. Sharpe, 1975), trang 28-29.

(26) Bài luận xin nhập học tại Đại học North Carolina, tài liệu của Robert Sam Anson và Hoàng Ẩn cung cấp.

(27) Tiểu sử, Phạm Xuân Ẩn, trang 79, “Vietnamese Journalist and Spy” AP, 21-9-2006.

(28) Morley Safer, Flashbacks: On Returning to Vietnam (New York: Nhà xuất bản Random House, 1990).

(29) Flashbacks, trang 175 và 184.

(30) Việc trao đổi thư từ xuất hiện từ ít nhất là tháng 5-1990 từ Betty Medsger, chủ nhiệm khoa báo chí tại Đại học bang ở San Francisco, gửi tới Frank về bài luận của Phạm Xuân Hoàng Ẩn. “Rõ ràng là anh ta có một tinh thần tử tế và thiện chí đối thoại. Có vẻ như đây là một nhà báo tương lai.” 96-39 Hộc 11, Tài liệu của McCulloch.

(31) Douglas Pike lúc bấy giờ là một quan chức của Cục Công tác nước ngoài được cử tới Sài Gòn làm việc cho Cơ quan Thông tin Mỹ. Pike sẽ “kinh ngạc cực độ nếu một trong hai điều sau đây xảy ra: Hà Nội cấp thị thực hoặc Mỹ cấp thị thực”. Pike từng thất bại trong việc giúp các sinh viên của mình xuất cảnh khỏi Việt Nam (“đâm đầu vào tường đá”) và cho biết “việc giám sát đối với Phạm Xuân Ẩn đã được gia tăng đáng kể trong những tuần gần đây và [điều đó] là điềm báo rằng không có gì tốt cho triển vọng của Hoàng Ẩn”. 96-39 Hộc 4; 10.9, 96-39 Hộc 11, Tài liệu của McCulloch.

(32) Thời Thế chiến II, Kay Kyser thực hiện nhiều buổi diễn USO (United Service Organizations - buổi diễn cho quân đội Mỹ) hơn bất cứ nghệ sĩ trình diễn nào khác, kể cả bạn thân của ông là Bob Hope, người sau này tới UNC để giúp Kay quyên tiền xây dựng bệnh viện cho trường. Kyser đã hiến tặng rất hào phóng cho trường đại học vốn là nơi giúp ông khởi đầu sự nghiệp âm nhạc. Ông viết bài hát “Tar Heels on Hand” vào năm 1937 để dành tặng UNC. Thông qua Quỹ Kyser, thành lập năm 1941, ông trao tặng học bổng cho sinh viên âm nhạc và kịch tại UNC.

(33) http://www.parabrisis.com/d_carrollg.php.

(34) Ngày 7-5-1990; Dick ký tên gửi tới Robert Sam. 3-5-1990.

(35) Toàn bộ hồ sơ của Hoàng Ẩn lưu tại Hộc 11, Tài liệu của McCulloch; về sau ông Dy đã viết lời điệu rất xúc động bằng tiếng Anh trong sổ tang của Ẩn, sẽ được trích đăng trong chương kế tiếp.

(36) Ngày 31-8-1990, 96-39 Hộc 11, Tài liệu của McCulloch.

(37) Anson gửi McCulloch, Hộc 11, Tài liệu của McCulloch, không đề ngày.

(38) “Rồi thì Morley nữa. Sheehan đã tiếp cận ông ấy nhiều tháng về trước, nhưng bị từ chối, vài lần với lời hứa rằng ông ấy sẽ xem xét lại vấn đề sau khi sách ra mắt. Có trời mới biết, ông ta đang bơi trong bể bùn, và sách ông ra sẽ trở thành cuốn bán chạy nhất chủ yếu nhờ chương về Ẩn, ông ấy chắc hẳn sẽ tiến tới. Tuy nhiên, tôi, chẳng hạn, sẽ khá sững sốt nếu ông ấy làm như thế”. Sách đã dẫn.

(39) Xem Alison Krupnick, “The Benefit of the Doubt” (Vietnamese People), Harvard Review, 1-6-2005.

(40) Phỏng vấn Ân và trao đổi thư tín giữa tác giả với Krupnick; Krupnick nhớ lại rằng Hoàng Ân “nói tiếng Anh chuẩn và thông minh nên chắc chắn sẽ tiến xa”.

(41) “Đã điện đàm rất lâu với Judith Ladinsky, người giúp chỉ ra toàn bộ thủ tục mà Hoàng Ân phải hoàn thành để rời Việt Nam và tới Mỹ. Thực ra, một khi bên Carolina đã gửi thư xác nhận Hoàng Ân có một nhà bảo trợ tài chính và tiền bạc thì vấn đề không phải khó khăn lắm. Dù sao, Judith sẽ giúp giải quyết giấy tờ liên quan tới Bộ Ngoại giao, trường đại học và Hà Nội”. 96-39, Hộc 11.

(42) Phỏng vấn Judith Ladinsky. Trong bản trình bày về mục đích được gửi kèm theo hồ sơ xin du học tại United States, Hoàng Ân viết, “Trong bối cảnh hiện nay của nền kinh tế toàn cầu, không nước nào có thể tồn tại và phát triển mà lại tự cô lập mình với phần còn lại của thế giới, Việt Nam cũng vậy. Vì thế, tôi nghĩ việc thiết lập đường dây liên hệ với bất cứ đất nước nào, bao gồm cả Mỹ, là một trong những mục tiêu của Việt Nam.

Từ quan điểm đó, có thể thấy bình thường hóa quan hệ Việt Mỹ chỉ là vấn đề của thời gian. Mặt trời đã ló lên từ đường chân trời. Điều chúng ta cần bây giờ là tăng cường đối thoại và tiếp xúc gần hơn. Đối với tôi, một nhà báo có thể phát huy tác dụng lớn nhất vào tiến trình này. Đó là lý do tôi muốn học báo chí tại Mỹ... Đó là cách tốt nhất để tôi đắm mình vào thực chất đời sống Mỹ, để có được những kiến thức hữu ích cho nền kinh tế nước tôi, để có đóng góp đáng kể vào mối quan hệ Việt - Mỹ, và một cách toàn diện, và để thấy rõ hơn viên cảnh quan hệ đông - tây”.

(43) Hộc 11, Tài liệu của McCulloch.

(44) Ngày 1-11-1990; toàn bộ danh sách tài trợ được lưu tại Hộc 11, Tài liệu của McCulloch.

(45) Một bài viết khác của Hoàng Ân là “Restoring a Gem: Ex-Actress seeks to Return Theatre to its Former Glory”, tập trung vào việc tái tạo Nhà hát Rừng (Forest Theatre). Tập 6, Số 65, Durham A. 10, 9-8-1993.

Chương kết: MỘT CUỘC ĐỜI HAI MẶT PHI THƯỜNG

ĩnh biệt người anh, người thầy và người đồng nghiệp của chúng ta - Hai Trung, một người anh hùng thầm lặng của Việt Nam, người có nhiều phẩm chất khác thường nhưng nhân ái đến mức ông được cả bạn bè lẫn kẻ thù kính trọng, đến mức phi thường gần như là thần thoại. Bây giờ mọi sự đã khép lại, cầu mong ông được yên nghỉ trong cuộc đời tiếp theo của mình, với tất cả nỗi đau và sự trở trêu, tất cả bí mật và ký ức về những ngày xa xưa tốt đẹp mà không phải tất cả đều được người đời hiểu đúng, cũng được ông mang theo sang thế giới bên kia.

Nguyễn Quang Dy, lưu bút trong sổ tang của Ấn, ngày 22 tháng 9 năm 2006

TÔI GẦN HOÀN TẤT bản thảo cuối cùng của cuốn *Điệp viên hoàn hảo* thì Phạm Xuân Ấn mất do bệnh phổi vào ngày 20 tháng 9 năm 2006, chỉ tám ngày sau sinh nhật lần thứ 79 của ông. Vì một lý do nào đó mà khi nghe tin Ấn qua đời, trí nhớ tôi bỗng quay về dịp sinh nhật lần thứ 74 của ông, “là ngày đen tối nhất trong đời tôi”, như ông nói. Sau khi hai chiếc máy bay vừa đâm vào Trung tâm Thương mại Thế giới thì từ phía bên kia của múi giờ quốc tế, ông Ấn nhận được điện thoại giục bật ti vi lên. “Tôi choáng váng. Tôi không thể thốt lên một lời, và suy sụp kéo dài. Tôi không thể mừng sinh nhật của mình hay làm bất cứ việc gì. Tôi buồn vô cùng”. (1)

Cuộc đối thoại đó diễn ra khi chúng tôi mới gặp nhau. Vài năm sau, ông Ấn đã tiêu hóa hoàn toàn bản báo cáo của Ủy ban 11 tháng 9. Trong vòng hai ngày, ông đã nằng nặc đòi tôi lắng nghe phân tích của ông về tình báo Mỹ trước khi xảy ra vụ tấn công.

Ngồi trong phòng của ông, tôi tự ghi cho mình một nhận xét, “Điên rồ tới mức không thể diễn tả bằng lời”, ý nói điệp viên hàng đầu của Việt Nam thời chiến tranh hiện vẫn còn say sưa theo đuổi đề tài về thất bại của tình báo.

Sau này tôi mới biết Ấn chưa thực sự bước ra khỏi nghề tình báo; ông vẫn còn là “cố vấn” cho Tổng cục tình báo Quốc phòng của Hà Nội mãi đến thời điểm sáu tháng trước khi ông qua đời. “Họ luôn yêu cầu tôi đọc tài liệu rồi phân tích. Họ biết tôi sẽ đưa ra những đánh giá chân thực nhất bởi tôi

chẳng cần gì ở họ cả. Nhưng bây giờ tôi mệt quá rồi và nhiều khi tôi không có thời gian đọc tất cả để phân tích theo đúng phương pháp mà tôi nên làm”, Ấn nói.

Rồi tôi nhớ đến cái ngày tôi cùng hai người bạn tới thăm ông Ấn. Chúng tôi vừa trở về từ Khe Sanh, nơi ba mươi lăm năm trước, Binh nhất Michael Holmes, một thành viên của Trung đoàn Thủy quân lục chiến số 9, biệt danh “xác chết di động”, bị những vết thương trí mạng. Michael mang theo trong túi tấm huân chương Anh dũng bội tinh do chính quyền Việt Nam Cộng hòa trao tặng “cho những hành động dũng cảm trong việc yểm trợ Quân lực Việt Nam Cộng hòa trong trận chiến chống lại Cộng quân”. Đại úy H. M. Baker từng là cố vấn bộ binh cho Sư đoàn 9 bộ binh Quân lực Việt Nam Cộng hòa từ tháng 1 đến tháng 9 năm 1969. Baker có mặt tại Sài Gòn vào tháng 4 năm 1975 để sơ tán bạn bè và đồng nghiệp. Baker đi tìm lại những ký ức dĩ vãng dọc sông Măng Thít và tại Sa Đéc; Michael thì hy vọng sẽ xua được những bóng ma luôn ám ảnh kể từ ngày mà thế giới của ông thay đổi, ngày 13 tháng 4 năm 1968, tại Đồi 861. Đây là lần trở lại Việt Nam đầu tiên kể từ thời chiến tranh của họ.

Ông Ấn mở cánh cổng màu xanh đón ba người vào và mời chúng tôi ngồi trong lúc bà vợ pha trà. “Hai ông từng phục vụ ở đâu?” Ấn hỏi. Trong vòng hai giờ tiếp theo, ông Ấn nói lại chi tiết các vấn đề chiến lược tại Khe Sanh và các chiến dịch tình báo vùng Đồng bằng Cửu Long. Ấn quen rất nhiều người bạn của Baker tại Sư đoàn 9 bộ binh Quân lực Việt Nam Cộng hòa. Thiếu tướng Trần Bá Di là Tư lệnh Sư đoàn 9 trong thời gian Baker ở đây từ năm 1968 đến 1969. Sau chiến tranh, ông Di ngồi mười bảy năm và năm ngày trong các nhà tù Cộng sản. Baker đã cố gắng tìm kiếm các manh mối về hành tung của Di nhưng chẳng thu được kết quả nào, cho đến lúc ông gặp một Phạm Xuân Ấn vẫn còn rất nhiều đầu mối; ông Ấn đã chỉ cho Baker nơi ông Di đang sống tại Mỹ. Ông Di giờ đang làm việc tại Disneyland. Các bình luận của Ấn trong ngày hôm đó đều mang tính phân tích và khách quan; ông không bao giờ nói điều gì cho thấy ông ở bên phía thắng cuộc, ông vẫn là một bậc thầy trong nghề của mình. Tôi đã ghi lại hồi ức của ông về những ngày tháng và những con người cũng như việc ông

cung cấp cho các bạn của tôi thông tin mà họ cần cho việc thực hiện những chuyến phiêu lưu cá nhân.

Khi chúng tôi rời nhà ông Ấn, Michael nhận xét: “Khi tôi đến vào năm 1968, không ai nói cho tôi biết lý do vì sao tôi lại đến đây. Chúng tôi làm theo mệnh lệnh và không bao giờ nghĩ đến việc phải tìm hiểu kẻ thù và tại sao họ chống lại chúng ta. Giờ đây, sau ba mươi lăm năm, tôi đã gặp kẻ thù và cuối cùng đã hiểu”. Baker nhận xét “vị tướng này” rất khiêm tốn và không hề tỏ ra tự phụ, nhưng lại luôn kiểm soát được cuộc “hợp báo”. Đó chính là đặc trưng Phạm Xuân Ấn.

Lần cuối cùng tôi gặp ông Ấn là tháng 6 năm 2006.

Chúng tôi dành buổi sáng để thảo luận về cuộc phỏng vấn của tôi với Tư Cang về Tổng tấn công Tết Mậu Thân.

Ấn mở đầu, “Hôm nay tôi thấy rất mệt và yếu, có lẽ chúng ta chỉ nói trong vòng một tiếng đồng hồ”. Bốn giờ sau, Ấn nói rằng đã đến lúc nằm nghỉ, đây luôn là tín hiệu để tôi thu xếp ra về. Sáng hôm sau tôi lên đường trở về Mỹ và hẹn gặp lại ông vào đầu tháng 10, trước khi cuốn sách được chuyển đi nhà in. “Hy vọng sẽ gặp lại, nhưng ông đã có đủ tư liệu rồi, quá nhiều là đằng khác”, ông cười.

Khi tôi trở lại thăm vào tháng 10, sự hiện diện của Ấn vẫn còn ở khắp nơi trong căn nhà của ông. Theo truyền thống của người Việt Nam, phòng làm việc của ông Ấn đã được biến thành phòng thờ. Có một bức ảnh lớn chụp ông trong bộ quân phục cấp tướng, và bằng cấp cùng với huân chương của ông được đặt ở những nơi trang trọng. Một chén thức ăn được đặt thường xuyên ở đây để ông Ấn không bị đói trong hành trình sang thế giới bên kia. Một chiếc lư hương với nhiều cây nhang đang cháy, kế đó là chiếc cốc cà phê từ Trường Orange Coast có chữ ký của những người bạn ở từ Barnacle. Bốn cuốn sổ tang được đặt ở đây để khách đến viếng viết lưu niệm.

Tôi tới để chia buồn cùng gia đình trong thời gian họ còn chịu tang. Tôi đã hỏi một người bạn làm sao nói cụm từ tiếng Việt “Tôi xin chia sẻ nỗi đau buồn này”. Và tôi đã nói “Chia buồn” với bà Thu Nhân. Chúng tôi ngồi và nói chuyện về người chồng của bà. Sau đó, tôi theo Hoàng Ân ra mộ ông

để thấp nhang và suy tưởng về những gì đã được chia sẻ giữa hai chúng tôi trong năm năm qua.

Trong mấy ngày kế tiếp, tôi vẫn có thể gặp lại và trò chuyện với người hiểu Ẩn hơn bất cứ ai, đó là vợ ông. Bà Thu Nhân biết rằng cuốn sách của tôi đã được hoàn tất, nhưng tôi vẫn còn một số câu hỏi. Bằng cách nào đó, bà đã lấy lại bình tĩnh và sự vững vàng để giúp tôi theo những cách mà tôi không ngờ tới. Bà và Hoàng Ẩn đã cố hết sức để đóng vai trò làm chiếc cầu nối ký ức. Sau đó, tôi được đưa tới Long An để gặp và ăn trưa cùng nữ liên lạc viên lâu năm của ông Ẩn, bà Nguyễn Thị Ba. Rồi tôi phỏng vấn người đã huy động tiền để cho ông Ẩn sang Mỹ, Đại tướng Mai Chí Thọ, em trai của ông Lê Đức Thọ.

Trong chuyến đi ấy, tôi đã gặp hai người Việt Nam viết hồi ký cho ông Ẩn cũng như đạo diễn của bộ phim tài liệu về cuộc đời Ẩn do Đài truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh sản xuất. Lần đầu tiên chúng tôi đã nói chuyện với nhau trong sự tưởng nhớ Ẩn, có nghĩa là, mỗi chúng tôi đều cố gắng tìm một vị trí cho ông trong lát cắt lịch sử đầu tiên của riêng mình. Khi chúng tôi trao đổi những câu chuyện, tôi tự hỏi liệu ai, ngoài người vợ của ông Ẩn, thực sự hiểu rõ ông? Tôi đã dành toàn bộ thời gian vừa qua ở cạnh ông, thu được rất nhiều thông tin về những mối quan hệ đan chéo nhau trong cuộc đời ông, nhưng chỉ biết được cái phần mà Ẩn cho phép tôi bước vào. Làm sao tôi có thể dám chắc rằng tôi đã lần tới đoạn cuối cùng cuộn chỉ cuộc đời của một điệp viên bậc thầy có vỏ bọc hoàn hảo? Có lẽ Ẩn lại một lần nữa thể hiện nguyên tắc lý trí và kỹ năng phần thân mà ông từng áp dụng trong chiến tranh, khi không người bạn Mỹ hay Việt Nam nào của ông thực sự hiểu ông.

Trong một lần nói chuyện về cuối, ông Ẩn đã khiến tôi ngạc nhiên khi nói, “ông đã có đủ tư liệu để viết sách rồi, giờ ông cần đọc cái này rồi mai nói chuyện tiếp”. Ẩn đưa cho tôi cuốn “ *Thời gian của người (*)*”, một cuốn sách mà tôi chưa từng biết. Vào đầu thập niên 1980, các cơ quan an ninh và chính trị tại Việt Nam đã yêu cầu nhà văn nổi tiếng Nguyễn Khải viết tiểu thuyết tư liệu về cuộc sống của những anh hùng miền Nam đã cống hiến

cho cách mạng.(2) Sau này, Nguyễn Khải đã viết trong sổ tang, “Anh sẽ sống trong lòng bạn đọc mãi mãi, và mãi mãi là Người anh lớn của tôi”.

(*) Nguyên văn tiếng Anh là Past Continuous (Thời quá khứ tiếp diễn); nhan đề gốc tiếng Việt là *Thời gian của người*, tiểu thuyết của nhà văn Nguyễn Khải, do Phan Thanh Hảo và Wayne Karlin chuyển ngữ.

Xuất bản năm 1983, tiểu thuyết của Nguyễn Khải viết về cuộc đời của ba nhân vật chính chiến đấu cho Mặt trận Dân tộc Giải phóng chống lại Mỹ và chính quyền miền Nam Việt Nam: Quân, một điệp viên; Vinh, một linh mục Công giáo; và Ba Huệ, nữ tiểu đoàn trưởng một đơn vị du kích tinh nhuệ của Việt Cộng. Nhân vật Quân, điệp viên được bí mật cài vào một vị trí chủ chốt trong Bộ Thông tin của Chính quyền miền Nam Việt Nam, được xây dựng dựa trên cuộc đời của Phạm Xuân Ẩn. Ông Ẩn đã được Nguyễn Khải phỏng vấn kỹ càng và hiểu rằng tác giả sẽ trộn những cái tên hư cấu vào các sự kiện có thật nhằm ngụy trang chân dung thật của Ẩn - “một thể loại thuộc trường phái văn chương Liên Xô”, ông Ẩn vừa nói vừa cười lớn.

Càng đọc *Thời gian của người*, tôi càng chìm sâu vào thế giới điên đảo của Alice(*). Đây là điều mà Nguyễn Khải đã miêu tả Quân cho người Việt Nam vào năm 1983:

Quân là chiến sĩ của hai cuộc chiến tranh giải phóng, nhưng suốt ba chục năm chiến tranh anh chỉ biết có quân địch mà chưa được biết rõ mặt quân ta. Anh là bạn bè hoặc thân hoặc sơ, chí ít thì cũng đã một vài lần tiếp xúc, với các cố vấn Mỹ và sĩ quan cao cấp ngụy từ Vùng I đến Vùng IV, ở các binh chủng đặc biệt tới các cơ quan mật của Bộ Tổng tham mưu. Nhưng với đồng chí và đồng đội thì họ mới thực sự là bạn của anh từ năm chiến tranh kết thúc. Anh là một chiến sĩ đặc biệt tác chiến trên một chiến trường đặc biệt, đồng đội thì rất xa, kẻ địch thì ở cùng phòng, cùng nhà, giờ trước

còn là bồ bịch, giờ sau đã có thể bị treo ngược trong phòng tra tấn. Một trận đánh kéo dài suốt ba mươi năm, choán chiếm toàn bộ không gian, thời gian của người chiến sĩ. Hầu như anh không có cuộc sống riêng, ở cái riêng nhất vẫn cứ phải đề phòng như đang có nhiều cặp mắt chú mục. Anh không thể ghi nhật ký, viết thư cho bạn, trò chuyện với gia đình và họ hàng, vui sướng và buồn bực, hy vọng, mong chờ, tính toán về tương lai như mọi người. Từng chi tiết đều phải che giấu, phải làm cho hợp lý, làm như thật, như vốn anh là thế, chỉ có thế, luôn luôn vẫn thế, chứ không là cái gì khác. Giả như thật, thật mà giả, ngày qua tháng lại tưởng chừng sẽ là mãi mãi khi cuộc chiến vẫn tiếp tục mở rộng ra, gay gát thêm. Bây giờ chiến tranh đã kết thúc, vai trò của người chiến sĩ tình báo đã thay đổi, anh đã được sống như mọi người, một cuộc sống thật với những vui buồn có thật, không phải che giấu. Một đời người mà quá nửa là sống trong tù, bỗng chốc là người tự do, hoàn toàn tự do, tự do ở mọi nơi, ở tất cả, ào ạt, mênh mông đến ngộp thở. Và những ngày tự do đầu tiên, con người lần đầu tiên được tự do luôn ngỡ ngác tự hỏi: Mình sẽ phải sống ra sao nhỉ? Sống theo cách nào nhỉ? Thì sống như mình vốn có ấy. Nhưng cái vốn có từ lâu đã bị che phủ, bị chôn vùi, làm cho nó thui chột để trở thành một tính cách khác, phù hợp với nhiệm vụ phải hoàn thành. Nay bảo tìm lại cái nguyên vẹn của mình quả thật là khó. Sống như những năm vừa qua là không thể, nhưng cách sống từ ba mươi năm trước là cách sống nào? Trong các mối quan hệ mới mẻ mà anh là một phía, tôi luôn bắt gặp sự mò mẫm của anh, cái ngỡ ngàng đôi chút ở anh, cái bẽn lẽn và vụng về đến tức cười. Và cả một chút thiếu tự tin nữa. Luôn luôn anh nói với tôi: “Theo cách tôi nghĩ là như thế này...” Mà kinh nghiệm của anh, cách nghĩ của anh đâu có tầm thường. Là những đóng góp có ý nghĩa tích cực cho một phương hướng, một chủ trương, một chính sách, một khẩu hiệu, một kế hoạch tác chiến...

Một tình báo viên hoạt động suốt ba chục năm, có quan hệ thân thiết với đủ loại sếp lớn của chế độ mà không một lúc nào bị ngờ vực, bị cản trở trong công việc của mình! Quân có nhiều cách tự kiểm tra qua các nguồn

tin khác nhau, cũng phải khôn ngoan lắm, từng trải lắm. Nhưng khi nghe Quân kể lại những việc làm của anh thì tôi lại nhận ra cũng không ít lỗi lầm sơ hở.

Ngày hôm sau, Ấn chỉ cho tôi biết những nơi chốn được đề cập trong cuốn sách mà đã có sự nguy trang về sự kiện và tên gọi, có khi ông nói, “Đây là thật, đúng như miêu tả”, nhưng lúc khác ông lại bảo, “Ông ấy đã thay đổi tên gọi, thực ra thì Peter Smark đã nói với tôi điều đó, không phải là Rufus Phillips.(3)

“Vậy thì”, tôi hỏi, “làm sao để tôi biết được đâu là thật, đâu là không?”

“Tôi sẽ nói cho ông biết, nhưng chỉ những điều liên quan tới cuốn sách của ông thôi. Còn nhiều chuyện mà tôi vẫn không thể nói ra”, ông Ấn nói, rõ ràng là mô phỏng phong cách của Mad Hatter(**).

(*) Tức nhân vật Alice trong bộ tiểu thuyết Alice's Adventures in Wonderland (Những cuộc phiêu lưu của Alice ở xứ sở thần tiên) của nhà văn Anh Lewis Carroll (1832 -1898)

(**) Mad Hatter, tức The Hatter, là một nhân vật nam trong bộ tiểu thuyết Những cuộc phiêu lưu của Alice ở xứ sở thần tiên

Và chính lúc đó, Ấn đã nói rất nhiều về nỗi cô đơn và ước nguyện của ông. “Chiến tranh đã kết thúc, tất cả những gì tôi muốn là trở thành một người giống Tarzan sống trong rừng, thoát khỏi mọi ràng buộc. Tôi muốn tới Mỹ và tiếp tục công việc tại Time, có thể là một phóng viên thường trú ở vùng Duyên hải miền Tây đóng gần Costa Mesa”. Tôi đùa rằng nếu tới đó thì ít nhất ông cũng ở rất gần lũ hải cẩu tại xa lộ 17 Dặm. “Nó tốt hơn Viagra nhiều, thật đấy”, Ấn nói và khẽ cười.

Tôi cho rằng mỗi người trong chúng ta sẽ nhớ về Ấn theo cách khác nhau. Đọc những bài cáo phó và lời tán dương do các đồng nghiệp cũ viết, tôi đặc biệt bị cuốn hút bởi ba bài viết vượt ra ngoài chuẩn mực của thể loại tiểu sử. Viết trên tờ *Independent*, Bruce Palling nhận xét rằng “Trong khi rất phức tạp để xác định tác động của tình báo lên kết quả của một cuộc chiến tranh kéo dài, thì Phạm Xuân Ẩn vẫn xứng đáng được coi là một trong những điệp viên vĩ đại nhất của thế kỷ 20”. (4) Palling đề cập đến vai trò trọng yếu của Ấn trong hai sự kiện bước ngoặt của cuộc chiến - Ấp Bắc 1963 và Tết Mậu Thân 1968.

Trên tờ *Boston Globe*, David Greenway, người thường mua các loại chim biết hát từ Bangkok cho Ấn, đặt câu hỏi: “Phải chăng tình bạn của Ấn tất cả đều là dối trá và phản bội? Có quá nhiều sự dối trá và phản trắc, quá nhiều lòng trung thành xung khắc trong cuộc phiêu lưu bất hạnh của chúng ta tại Việt Nam tới mức bất kỳ ý niệm nào về việc chúng ta đã sai đều đã trở nên phai nhòa”.(5)

Và trên tờ *Time*, cựu trưởng văn phòng Stanley Cloud viết, “Tôi từng cảm thấy mình biết ông ấy rất rõ, nhưng tôi đã nhầm”. Cloud coi Ấn là một người theo chủ nghĩa dân tộc với lòng yêu nước lớn hơn bất cứ ý thức hệ nào. “Thời chiến tranh, có một đồng nghiệp đã nói với tôi, 'Tôi nghĩ rằng Phạm Xuân Ẩn là một ví dụ hoàn hảo về con người tốt nhất trong xã hội Việt Nam'. Lúc ấy tôi cũng cảm thấy vậy. Bây giờ vẫn thế”.(6)

Tôi khá chắc chắn rằng các bạn của Ấn đều nhìn nhận ông như cách của Jolynne D'Ornano: “Tôi vô cùng ngưỡng mộ việc anh đã sống nhiều cuộc sống khác nhau một cách thành công như thế, và tôi tin điều đó, rất chân thành”, bà viết trong một lá thư gửi vào lúc cuối đời của Ấn. “Bên cạnh gia đình, anh có hai sự thủy chung - với đất nước của anh và với nước Mỹ cùng những người Mỹ mà anh kết bạn. Tôi không thể thấy bất cứ điều gì mâu thuẫn trong những điều anh làm. Anh có thể yêu một quốc gia khác vì những giá trị mà nó đại diện và chống lại các chính sách của quốc gia đó, đặc biệt là khi các chính sách ấy đang tàn phá đất nước và nhân dân của anh. Bản tính của anh không cho phép khoanh tay ngồi nhìn, không làm gì cả và để cho tự nhiên cùng những sự kiện của nó cứ thế xảy ra. Vai trò mà

anh đóng trong việc định hình lịch sử không chỉ đòi hỏi niềm tin lớn lao mà cả lòng quả cảm vĩ đại và tôi khâm phục điều đó”. (7)

Tất cả những gì Ấn muốn có cho nhân dân Việt Nam là cơ hội tự quyết định tương lai của mình, thoát khỏi sự can thiệp của ngoại bang. Ông đã tham gia cuộc cách mạng thấm đẫm các lý tưởng dân tộc để chiến đấu chống thực dân với niềm hy vọng sẽ tạo ra một xã hội dựa trên công bằng xã hội và bình đẳng kinh tế. Khi người Mỹ mang tiền và các cố vấn của họ tới, tiếp đó là quân đội, ông Ấn đã gánh lấy nghĩa vụ quốc gia để làm việc trong lĩnh vực tình báo. Ông không thích làm một điệp viên, và lúc chiến tranh kết thúc, ông đã phải chịu nhiều đớn đau khi cố gắng hạ thấp những công lao của mình.

Bốn mươi năm sau khi gặp Lee Meyer lần cuối, biên tập viên trẻ tuổi mà ông đã phải lòng tại Trường Orange Coast, Ấn đã viết cho bà một thư điện tử dài: “Bây giờ là lúc ngồi thống kê lại những gì tôi đã làm kể từ khi rời Quận Cam. Mùa hè năm 1959, tôi tập sự tại báo Sacramento Bee rồi sau đó một mình đi xuyên qua lòng nước Mỹ trong bảy ngày trên chiếc Mercury mười hai năm tuổi để tới New York tham gia hoạt động báo chí tại Liên Hiệp Quốc và rồi trở về Việt Nam. Tôi làm việc cho *Việt Tấn xã* vào năm 1960 và sau đó là Hãng tin Reuters cho đến năm 1964 thì tới làm cho tờ New York Herald Tribune cho tới lúc ấn bản toàn quốc bị ngưng vào năm 1965. Rồi tôi được tạp chí Time thuê và làm việc cho họ tới lúc chiến tranh kết thúc và đến mùa hè năm 1976 thì văn phòng của Time bị chế độ mới đóng cửa. Nghề yêu thích của tôi bị kết liễu và chế độ mới khoác cho tôi chiếc áo là nhà tư vấn của mọi ngành nghề”. (8)

Chính là như thế. Không hề đề cập đến hoạt động tình báo; đến danh hiệu Anh hùng hay thậm chí đến quân hàm cấp tướng. Ấn đang làm những gì mà ông đã làm trong năm thập kỷ, luôn tự giới thiệu mình với người khác theo cái cách mà ông muốn người khác nhìn nhận mình, vẫn còn quá nhiều bí mật đối với rất nhiều người, nhưng ông dường như đã là bạn của hầu như mọi người. Cứ như thế là ông vẫn còn sống trong cuộc đời nhiều ngăn thời chiến, một nhà báo đối với người Mỹ; một anh hùng đối với đất nước của ông. Khi chiến tranh kết thúc, có người nghĩ rằng mình biết rất rõ Ấn như

bất kỳ người nào khác, lại phần vân làm thế nào có thể xảy ra chuyện cái con người mà mình từng dựa vào những lời khuyên trong một thời gian dài hóa ra là một điệp viên Cộng sản mà chưa bao giờ thể hiện cho họ thấy chất Cộng sản của mình. “Ông ấy chắc chắn là một trong những người thạo tin nhất thành phố và có vô số nguồn tin mà có vẻ như không ai khác có được”, Bob Shaplen viết. “Trong các cuộc trò chuyện của chúng tôi qua nhiều năm, thường mỗi cuộc kéo dài hàng giờ, tôi phát hiện ra rằng những số liệu và ý kiến mà ông cung cấp về Cộng sản, về chính quyền, về nhiều cá nhân và tổ chức đang đấu tranh - bao gồm cả Phật giáo và Công giáo chống cả hai phe trong cuộc chiến - luôn đầy đủ hơn bất cứ thứ gì mà tôi lấy được từ những nguồn tin khác, kể cả Đại sứ quán Mỹ, vốn thường biết ít đến mức ngạc nhiên về những gì đang diễn ra giữa những người Việt Nam không thuộc tổ chức nào. (9)

Ông Ấn nhìn về bản thân như thế nào? Các giá trị Nho giáo của Ấn có thể là chìa khóa để hiểu con người này. “Ấn rất đậm chất Nho giáo - điều này thì tôi biết chắc”, người bạn Douglas Pike viết. “Ông là một người rất đạo đức, rất tự trọng và thường xuyên hành động theo các giá trị Nho giáo. Một trong những giá trị đó có những nguyên tắc của tình bằng hữu. Nó nhấn mạnh sự thủy chung và ngăn cấm việc lợi dụng bạn bè”. (10)

Tôi chưa bao giờ nghe ông Ấn nói về việc làm điệp viên như là một điều gì khác, ngoài việc đây là một nhiệm vụ với mục tiêu cuối cùng là thống nhất đất nước. Khi Ấn kể về công việc của mình tại tờ *Time* và *Bamacle*, giọng ông luôn tràn đầy hưng phấn. Có lẽ điều rõ ràng nhất là việc trước khi Ấn qua đời, các bức tường trong nhà ông không bao giờ treo huy chương hoặc bằng khen cho quá trình phục vụ của một Anh hùng cách mạng; thực ra thì ông lưu giữ những thứ này trong ngăn kéo hoặc trong phòng ngủ trên gác.

Trong suốt thời gian quen biết Ấn, tôi chưa bao giờ thấy một tấm ảnh nào chụp ông trong bộ quân phục được để ở bất cứ nơi đâu dưới tầng trệt. Trong nhà các anh hùng Nguyễn Thị Ba và Tư Cang, hình Hồ Chí Minh, những tấm huân chương, dây đeo huân chương và bằng khen được treo trân trọng trên khắp tường.

Tài sản dễ thấy nhất của ông Ân là những cuốn sách chất đầy trong thư viện và những cái bàn gần đó cùng chồng tạp chí Time mà ông nhận được hằng tuần. Các vị khách thường biết rằng để lấy lòng Ân thì hãy mang sách mới đến cho ông. Ông là người ham đọc sách. Người chịu lắng nghe thì sẽ học hỏi được nhiều điều.

Sau cuộc chiến tranh với người Mỹ, Ân có lẽ là thành viên duy nhất của bên thắng cuộc không cảm hận kẻ thù đã gây ra quá nhiều cảnh chết chóc và điều tàn cho đất nước ông. “Tôi đã sống và làm việc với người Mỹ rất lâu. Tôi biết họ là người tốt. Phần lớn người Mỹ tin vào những điều mà chính phủ nói với họ; họ không biết những người Việt Nam thực sự. Tôi không có lý do gì để ghét người Mỹ, cũng như những người Mỹ quen biết tôi trước chiến tranh không có lý do gì để ghét tôi”.

Chế độ mới nhận thấy rằng nỗ lực lập trình lại tư duy của Ân đã không có kết quả bởi vì trí tuệ ông không thể sống sót trong một xã hội khép kín. Germaine Lộc Swanson nói với tôi rằng “Ân luôn là một người theo chủ nghĩa dân tộc. Ông ấy trở thành Cộng sản chẳng qua chỉ là bốn phận”. Nhưng, bất chấp những gì mà một số nhà bình luận đã viết, Ân không phê phán tệ tham nhũng nghiêm trọng tại Việt Nam hoặc thậm chí không chỉ trích hệ thống này một cách chung chung. Bất kỳ khi nào được hỏi, ông sẽ nói ra sự thật, như ông từng làm trong suốt cuộc chiến tranh, ông đay nghiến những “nhà tư bản đỏ”, hay “những người Cộng sản xanh”, nói với tôi và những người khác rằng, “Tôi không chiến đấu vì những thứ ấy”. Ông không bao giờ viết những lời chỉ trích chính quyền một cách công khai. Ông chỉ thổ lộ tư duy của mình về một tầm nhìn khác biệt cho tương lai. Ông luôn hối tiếc về sự vô nghĩa của cuộc chiến tranh với thương vong nặng nề cho cả hai phía. Vào tháng 12 năm Ân viết thư cho Rích và Rosann Martin rằng “về cuộc chiến tranh tại Việt Nam, đó là một điều rất đáng buồn”.

Có lần tôi hỏi Hoàng Ân rằng cậu nghĩ cuốn sách của tôi về cha của cậu nên được đặt tên gì. Cậu ngẫm nghĩ một lúc rồi gợi ý Bận bè và Điệp viên bởi vì “bằng cách nào đó, đối với ba tôi, hai điều này không luôn đi cùng nhau trong nghề tình báo. Tôi hy vọng ông sẽ luôn được nhớ tới bởi

lòng trung thành, với bạn bè và đất nước. Đôi khi trong cuộc đời, người ta cần phải lựa chọn giữa những lợi ích. Trong tiếng Việt, từ 'tâm' có nghĩa là 'trái tim'. Ba tôi luôn được dẫn dắt bởi trái tim, không phải bởi lợi ích bản thân. Khi không cảm thấy cần rút trong lòng, người ta sẽ làm điều phải. Ba tôi không bao giờ thấy cần rút”.

Trong giai đoạn 1975-1986, khi bị theo dõi chặt chẽ, Ấn đã dành khá nhiều thời gian để đọc sách cùng con cái, tìm cách truyền đạt cho các con phần cốt lõi của những giá trị mà ông học được từ rất nhiều người bạn của ông. “Tôi muốn các con tôi coi trọng điều nhân và ý thức được rằng kiến thức quý hơn tiền bạc. Hoàng Ân học được điều đó từ gia đình ở đây và gia đình thứ hai tại Chapel Hill, giống như tôi đã hấp thu văn hóa Mỹ ở California. Người Mỹ rất nhân văn, họ biết cười và sống tự do như thế nào, điều đó rất đặc biệt”.

Có một thông tin được đăng tải rộng rãi rằng vào năm 1997, Chính phủ Việt Nam đã khước từ cấp thị thực xuất cảnh cho phép Ấn tới dự một hội thảo cùng các nhà báo khác tại New York để thảo luận vấn đề di sản của Việt Nam. “Như chúng tôi được biết, do tuổi cao và sức yếu, ông Phạm Xuân Ấn đã không xin thị thực xuất cảnh”, Bộ Ngoại giao thông báo.(11)

Điều này là không đúng. “Tôi rất muốn dự hội thảo đó”, ông Ấn nói với tôi. “Họ không hiểu tôi, thế nên họ sợ tôi. Tôi hiểu vì sao không ai muốn ký vào thị thực xuất cảnh của tôi và chịu trách nhiệm về việc cho phép tôi ra nước ngoài. Tôi có thể hủy hoại sự nghiệp của họ nếu tôi nói hoặc làm điều gì đó sai”.

Rồi ông đùa, “Điều gì sẽ xảy ra nếu tôi kiếm được một cô bạn gái khác ở Mỹ?”. (12)

Nhưng, với những người cho rằng Ấn phải chịu trách nhiệm cho cái chết của không chỉ hàng trăm mà là hàng ngàn người Mỹ cơ giân vẫn còn hừng hực. “ông ta không thể hoàn thành những nhiệm vụ mà ông ta đã hoàn thành mà không làm tổn thất sinh mạng của người Mỹ”, Ross Johnson, người từng sống chung kí túc xá với Ấn ở California, nói. “Bất cứ ai nghĩ là ông ta không làm như vậy thì người đó thật ngây thơ”. (13)

Thật khó mà không đồng tình với kết luận rằng nhiều người chết bởi sự thành công của điệp viên bậc thầy này, nhưng tôi nghĩ cơn giận ấy đã làm mờ đi sự thực là Ấn chiến đấu để bảo vệ đất nước của ông. Wendy Larsen, người từng có thời gian ở gần Ấn khi chồng bà, ông Jon, là trưởng văn phòng của Time, đã viết thư cho tôi rằng, “Tôi muốn nghĩ về việc nếu tình hình đảo ngược, tôi có lẽ chỉ thể hiện được một phần trăm lòng dũng cảm mà Ấn đã dành cho đất nước của ông ấy”. Sau khi biết tin Ấn qua đời, Jill Owings, con gái của Mills Brandes, đã viết cho tôi về “sự ra đi của một trong những người bạn thân nhất của gia đình. Tôi không hề ngạc nhiên rằng lòng trung thành trên hết của ông Ấn là dành cho đất nước của ông. Chúng ta sẽ không làm như vậy ư?”

Ông Ấn đã sống đủ lâu để được chứng kiến một chương mới trong quan hệ giữa Mỹ và Việt Nam. Thực ra, ông đã trở thành một phần trong tiến trình hòa giải rộng lớn hơn giữa hai kẻ cựu thù, và tới đây tôi tin rằng cuộc đời của Ấn đã trở về nơi xuất phát. Khi nhiệm kỳ đại sứ của Raymond F. Burghardt kết thúc, ông Ấn được mời tới dự tiệc chiêu đãi để chào đón ngoại giao đoàn mới và chia tay ngài đại sứ sắp mãn nhiệm. Vài ngày trước khi sự kiện diễn ra, ông Ấn bị chú chim cắt nuôi ở nhà cắn nên không dự được, Hoàng Ân đã thay mặt gia đình tới.

Khi ngài đại sứ biết chuyện Ấn phải nằm nhà, ông đã yêu cầu tài xế chở mình tới để chào tạm biệt với tư cách cá nhân. “Tôi không muốn rời Việt Nam mà không chào tạm biệt ông Ấn”, Đại sứ Burghardt nói với tôi. “Câu chuyện, cuộc đời của ông ấy quả thực không thể tin được, nhưng còn hơn thế, ông là một biểu tượng quan trọng trong quan hệ hữu nghị mới giữa hai đất nước chúng ta. Và con trai ông ấy cũng là một nhân vật rất đáng chú ý”.

Vài tuần sau, Tổng lãnh sự Mỹ tại Thành phố Hồ Chí Minh Emi Lynn Yamauchi đã ăn Tết truyền thống của Việt Nam với gia đình Ấn. “Chúng tôi muốn bà ấy, với tư cách một người bạn, đến chung vui cùng một gia đình Việt Nam điển hình vào dịp này trong năm”, Hoàng Ân nói. “Hiếu văn hóa và truyền thống của nhau là rất quan trọng”.

Nhiều vòng hoa tại đám tang của Ấn đã nói lên vai trò của ông trong quá trình hòa giải. “Kính viếng người thầy yêu quý Phạm Xuân Ấn, chúng tôi sẽ nhớ mãi sự thông thái và tình hữu nghị của thầy”, là dòng chữ trên vòng hoa của Dự án Việt Nam, Đại học Harvard; “Dành sự biết ơn sâu sắc nhất của chúng tôi về những ý kiến tư vấn và lời khích lệ của ông”, - thông điệp từ Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright; và, tất nhiên, từ một người bạn, “Với sự khâm phục và những kỷ ức đầy yêu thương đối với Phạm Xuân Ấn”, của Neil, Susan, Catherine và Maria Sheehan.

Phạm Xuân Ấn được tôn kính và yêu mến tại Việt Nam vì đóng góp của ông vào thắng lợi của nhân dân Việt Nam. Sau khi ông qua đời vào ngày 20 tháng 9 năm 2006, linh cữu của ông được quàn hai ngày cho công chúng đến viếng trước khi một lễ tang với đầy đủ nghi thức quân đội được cử hành, ông được an táng cạnh ông Ba Quốc và những nhà tình báo khác trong một khu vực đặc biệt tại nghĩa trang Thành phố Hồ Chí Minh.

Một bài viết trên báo Thanh Niên nhận xét rằng Phạm Xuân Ấn “đã làm được những việc ít có nhà tình báo cổ kim đông tây nào làm nổi... Hiếu vì sao Phạm Xuân Ấn được 'Việt Cộng' dung nạp thì dễ, nhưng tôi chắc còn lâu lắm chúng ta mới đánh giá hết về con người... và những điều ông để lại”. Ông Tư Cang đã viết một bài thơ như sau để tưởng nhớ Ấn, mà theo tôi, như là một phép ẩn dụ về một cuộc chiến tranh và về một cuộc đời mà vẫn còn rất ít người hiểu được:

Tiền Bạ

Đời người tình báo thế là xong

Tình dân nghĩa Đảng, nợ non sông

Làm trai trong suốt thời ly loạn

Anh thật xứng danh một anh hùng.

Nay anh nằm đó, anh Hai Trung

Nhớ giọng anh cười, thật ấm lòng

Những lúc hiểm nguy căng sợi tóc

Vẫn nói, vẫn cười, vẫn ung dung.

*Xuân Ẩn từ nay ẩn thật rồi
Bạn bè thương tiếc mãi không nguôi
Riêng tôi nhớ mãi người đồng chí
Dũng cảm, thông minh, nhớ suốt đời...*

CHÚ THÍCH

(1) Phòng văn Ấn; cũng có trong thư gửi Jolynne D'Omano.

(2) Nguyễn Khải, *Past Continuous* (Willimantic, CT: Nhà xuất bản Curbstone Press, 2001). Ông Khải bắt đầu xuất bản sách vào năm 1951, đã viết hơn 30 tiểu thuyết và truyện ngắn. Ông là cựu phó tổng thư ký Hội Nhà văn Việt Nam và nhận giải thưởng văn chương ASEAN năm 2000.

(3) Đây là đoạn trích liên quan: “Anh Quân kể: Đầu năm 1961, nhân một câu chuyện nói chơi với Đại tá Edward Geary Lansdale, người 'anh hùng' của Phi Luật Tân, đã có công đưa Ramon Magsaysay lên làm tổng thống, Lansdale cho biết Mỹ vừa thành lập ở Bến Cát một trại chăn nuôi bò sữa, giúp vào việc phát triển kinh tế của Việt Nam Cộng hòa. Lansdale là ông trùm của tình báo miền Nam, dân OSS cũ, mà lại quan tâm tới phát triển kinh tế? Hẳn nói do sơ ý hay định nhằm mục đích nào? Tôi nghe qua và không gặng hỏi thêm. Cách vài ngày sau, nhân gặp Rufus Philipps là phụ tá của Lansdale tại tòa đại sứ Mỹ, tôi nói bằng quơ: 'Cách đây mấy tháng ông Trần Chánh Thành có báo tôi đi Bến Cát để xem xét đời sống của dân chúng trong các khu trù mật, tôi đã chú ý những đồng cỏ rất mênh mông ở đó. Tại sao người ta không chăn nuôi gì nhỉ? Như bò chẳng hạn... Rufus nói liền: 'Chúng tôi đang giúp chính phủ các anh lập một trại bò sữa ở vùng đó rồi, bò Úc'. Khi tôi hỏi lại hãng nào của Mỹ sẽ đứng ra kinh doanh, thì Rufus trả lời: 'Một nhà kinh doanh người Úc, tên là Arthur, ông ta có mấy cơ sở bán sữa tươi ngay tại Sài Gòn'” Trang 58-59.

(4) Bruce Palling, “Phạm Xuân Ấn: Vietnam War Journalist and Spy”, báo *Independent*, 22-9-2006.

(5) H. D. S. Greenway, “Mỹ Friend the Spy”, báo *Boston Globe*, 26-9-2006.

(6) Stanley Cloud, “The Journalist Who Spied”, tạp chí *Time*, 21-9-2006.

(7) Thư gửi Phạm Xuân Ấn vào tháng 2-2006.

(8) Thư tín do ông Ấn cung cấp cho tác giả.

(9) Bitter Victory, 11.

(10) “Ấn, bạn tôi”. Pike viết vào năm 1988: “Bởi vì còn nhiều nghi ngại để hiểu, tôi chưa sẵn sàng lên án Ấn. Có lẽ tôi chỉ đang lảng tránh cái bản ngã sẽ bầm dập của mình nếu như tôi thừa nhận rằng tôi đã bị chơi khăm suốt mười lăm năm”.

(11) “Vietnam: Time's Spy-Correspondent Too 111 to Leave”, AP, 2-1-1997; xem thêm Robert D. McFadden, “Wartime Journalists Fondly Recall Vietnamese Double Agent”, báo Dallas Morning News, 3-5-1997, trang 47A.

(12) “Sự hài hước là nhựa sống nuôi dưỡng niềm vui của người Mỹ”, Ấn viết trong bài “Sinh viên ngoại quốc mang chất hài Ba Tư đến trường”, báo Bamacle, 18-4-1958.

(13) Phỏng vấn Ross Johnson.

LỜI CẢM ƠN

M

ÓN NỢ LỚN NHẤT của tôi là đối với việc Phạm Xuân Ẩn đã cho phép tôi viết về cuộc đời phi thường của ông. Tôi cảm thấy nhớ những cuộc trò chuyện dài giữa hai chúng tôi. Tôi cũng mắc nợ người vợ của ông Ẩn, bà Thu Nhân, về việc bà đã dành thời gian nói chuyện với tôi trong thời kỳ chịu tang. Hoàng Ân và tôi đã nói chuyện nhiều lần trong năm năm cuối, nhưng anh ấy còn đi xa hơn nữa khi đồng ý đọc và cho ý kiến về bản thảo cuối cùng. Anh ấy không bao giờ đề nghị tôi thay đổi một câu nào viết về cha mình mà thường chỉ bình luận, “tôi không biết điều này về ba tôi”.

Tôi đã dần hiểu vì sao các nhà báo lại coi Frank McCulloch là người giỏi nhất trong nghề. Frank McCulloch dành hàng giờ nói chuyện với tôi về nhân vật mà ông đã chiêu mộ cho Time cũng như về tính chuyên nghiệp của Ẩn. Robert Sam Anson sắp xếp lại các chuỗi sự kiện liên quan tới lần ông bị bắt rồi được phóng thích và cung cấp những tài liệu quan trọng liên quan tới việc du học tại Mỹ của Hoàng Ân. Stanley Kamow chia sẻ đánh giá của ông về Ẩn, bác sĩ Trần Kim Tuyến và lớp lớp những âm mưu vốn đã tạo nên nét đặc trưng của Sài Gòn đầu thập niên 1960. Dick Swanson và Germaine Lộc Swanson đã hướng dẫn tôi ngay từ lúc bắt đầu viết sách và sau đó đã đọc các phần chính của bản thảo. Tôi đặc biệt được hưởng lợi từ cách nhìn của Germaine về tình bạn, lòng trung thành, và về cuộc chiến. Dick cũng đã giúp tôi rất hiệu quả trong việc trả lời rất nhiều câu hỏi về các tấm ảnh cũng như kết nối tôi với các đồng nghiệp của ông. Dan Southerland giúp sắp xếp lại các sự kiện diễn ra vào tháng 4 năm 1975, khi ông cùng Ẩn giúp đưa bác sĩ Tuyến di tản và ông cũng đã đọc rất kỹ bản thảo. Ron Steinman, trưởng văn phòng NBC tại Sài Gòn, đã đọc toàn bộ bản thảo và cung cấp những cái nhìn bên trong rất quý giá. Đại sứ Bùi Diễm đã cố vấn cho tôi về tình hình chính trị ở Sài Gòn cũng như mối quan hệ tương tác giữa ông và Ẩn. Đại sứ Nguyễn Xuân Phong dành nhiều giờ nói chuyện với tôi về Ẩn và khái niệm kẻ thù-huynh đệ. Nguyễn Thái cung cấp cho tôi cái nhìn bên trong vô giá về quan hệ giữa Ẩn với gia đình họ Ngô.

Tôi đã thu được nhiều ích lợi trong các cuộc trao đổi với các cựu đồng nghiệp và/hoặc bạn bè của ông Ân: David Lamb, George McArthur, Horst Faas, Eva Kim, Jolynne D'Ornano, Bernard Kalb, Neil Sheehan, David Halberstam, David Burnett, Judith Ladinsky, Gerald Hickey, Nick Turner, Ted Thái, Rufus Phillips, Jon Larsen, Stanley Cloud, David DeVoss, Alison Krupnick và Wendy Larsen.

Tôi có ba món nợ đặc biệt về trí tuệ đối với bản cuối cùng. Merle Pribbenow, một cựu sĩ quan phụ trách ngôn ngữ, tác chiến và là sĩ quan tham mưu của CIA từ năm 1968 đến 1995, thường xuyên cung cấp cho tôi các bản dịch tiếng Anh của hầu như bất cứ tài liệu tiếng Việt nào về Ân và mạng lưới tình báo của ông. Nguyễn Liên Hằng tại Đại học Kentucky đã dịch nhiều bài báo và đọc toàn bộ bản thảo cũng như các trang in thử. Edward Miller tại Dartmouth đọc rất nhiều bản thảo ban đầu, kiếm được bản sao các cuộc phỏng vấn bao quát mà David Butler thực hiện đối với bác sĩ Trần Kim Tuyến từ các tài liệu của Butler tại Dartmouth, và cung cấp cho tôi bản xả băng của cuộc phỏng vấn Phạm Xuân Ân do chính Butler thực hiện. Hằng và Edward đã ủng hộ tôi trong những thời điểm nghi ngại và bối rối. Tôi đã đề nghị các đồng nghiệp trẻ của tôi phải kiên trì và họ đã không hề tiếc sức. Ed và Hằng đại diện cho những gì tốt nhất của thế hệ kế tiếp trong lĩnh vực nghiên cứu Việt ISÍam.

Tôi rất hân hạnh nói lời cảm ơn về sự giúp đỡ và tình bạn của James Reckner, Steve Maxner và Lê Khanh tại Trung tâm Việt Nam thuộc Đại học Công nghệ Texas. Nhờ có James, tôi đã gặp được Ân; Khanh thì đã giới thiệu tôi với đất nước Việt Nam; Steve giúp tôi truy cập vào các nguồn tư liệu và hình ảnh nguyên gốc. Cũng như những cuốn sách trước của tôi, tôi xin tặng tất cả các tài liệu nghiên cứu để lưu giữ tại Phòng lưu trữ Việt Nam thuộc Đại học Công nghệ Texas.

Nhiều đồng nghiệp và bạn bè đã cho tôi lời khuyên vô giá. Kathy Olmsted, Nguyễn Kỳ Phong, Fred Brown; Nguyễn Mạnh Hùng, Andy Birtle, David Seerman, Bill Laurie, Mark Clodfelter, David Biggs, John Prados, Anhtu Lu và Sedgwick Tourison đã giúp đỡ bất cứ khi nào tôi đề nghị. Stephen Routh, Myrna Rothstein và M. Baker đã đọc toàn bộ bản thảo và có nhiều gợi ý hữu ích.

Các bạn của Ân trong hai năm ông học tại Trường Orange Coast, Rosann Rhodes (Martin), Judy Coleman (Lanini), Ross Johnson, Pete Conaty và Bruce Nott đã chia sẻ với tôi những ký ức của họ. Rosann đọc bản thảo cuối cùng của chương về Trường Orange Coast. Bruce, người về sau có liên lạc với Ân, luôn nỗ lực giúp tôi bằng những cách thức vượt xa trông đợi của tôi. Pete cung cấp cho tôi những bản gốc của tờ Barnacle. Jim Carnett, Douglas C. Bennett và Mary Roda tại Trường Orange Coast giúp đỡ tôi rất nhiều khi tôi đến đây.

Tôi xin cảm ơn Jul Owings và Jud Brandes vì đã cung cấp cho tôi rất nhiều thông tin về người cha của họ cũng như mối quan hệ giữa gia đình họ với ông Ân.

Trợ lý nghiên cứu của tôi, TiTi Mary Trần, dịch toàn bộ tiểu sử tiếng Việt của ông Ân cũng như rất nhiều bài báo và bài luận. TiTi sau đó đã tới Sài Gòn để thực hiện hai cuộc phỏng vấn giá trị với ông Ân. Tôi cũng đã được hưởng lợi từ băng hình cuộc phỏng vấn kéo dài hai tiếng đồng hồ do Sean McMorris thực hiện đối với ông Ân. Tracy Eckard đã thực hiện việc dịch từ tiếng Pháp sang tiếng Anh một cách xuất sắc.

Tôi rất cảm kích những người bạn của tôi tại Tổng lãnh sự quán Mỹ ở Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng lãnh sự Seth Winnick, Phó tổng lãnh sự

Kenneth Chern và Tùy viên văn hóa Kimberly Gillen. Jim Nach, cựu cán bộ liên lạc phụ trách tổ chức phi chính phủ tại Tổng lãnh sự quán Mỹ, đã giúp cung cấp tấm hình ông Ấn thăm tàu USS Vandegrift. Cựu Đại sứ Mỹ tại Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Raymond Burghardt đã dành nhiều thời gian nói chuyện với tôi về ông Ấn.

Trong rất nhiều chuyến đi tới Sài Gòn, tôi đã thu được nhiều điều hữu ích từ sự tương tác với Hoàng Hải Vân, Lê Phong Lan, Nguyễn Thị Ngọc Hải, Nguyễn Văn Lăng và Nguyễn Thị Xuân Phương. Công sự nghiên cứu và là người phiên dịch của tôi tại Sài Gòn, Nguyễn Thị Thanh Phương là người không thể thiếu được theo rất nhiều cách, đặc biệt là khi phiên dịch cho tôi trong các cuộc phỏng vấn bà Nguyễn Thị Ba và ông Tư Cang, ông Đặng Đình Quý tại Đại sứ quán Việt Nam ở Washington, D.C, luôn sẵn sàng giúp đỡ khi tôi chuẩn bị thực hiện rất nhiều chuyến đi. Các bạn của tôi tại khách sạn Quê Hương - Liberty 2 luôn đảm bảo việc phục vụ cà phê hoặc trà vào lúc 4 giờ sáng, để tôi có thể bắt đầu việc viết lách. Bất cứ lúc nào tôi cần sao chụp tài liệu, họ đều thực hiện một cách rất chu đáo.

Tôi đã thực hiện việc nghiên cứu tại rất nhiều kho lưu trữ và rất cảm kích sự hỗ trợ của Jacquelyn Sundstrand tại Đại học Nevada, Trung tâm lưu trữ bản thảo Reno, Carol Leadenham tại Phòng lưu trữ Viện Hoover và các nhân viên tại Phòng lưu trữ Hội Sử học Wisconsin.

Xin gửi lời cảm ơn trân trọng tới Georgia Kyser và các thành viên gia đình bà, Kimberly, Amanda, Clayton và Jay Bryan về việc đã trao đổi với tôi. Bà Gerald Baurett, người đã thăm Ấn hai lần tại Sài Gòn, cung cấp cho tôi những cái nhìn bên trong sắc sảo.

Chị Hà và Anh Nguyễn của mình ở Arlington đã giúp tôi có những khoảng không gian tuyệt vời cho các cuộc trao đổi vào bữa trưa và bữa tối

với bạn bè và đồng nghiệp của ông Ấn. John Shelton luôn đảm bảo rằng tôi không bao giờ bị trễ các cuộc hẹn phỏng vấn.

Đại diện của tôi, John Wright, là người đầu tiên tin vào ý tưởng của tôi về việc thực hiện cuốn sách, và với Nhà xuất bản Smithsonian Books, ông đã có một sự lựa chọn hoàn hảo. Biên tập viên của tôi, Elisabeth Kallick Dyssegaard, giúp tôi hiểu tầm quan trọng của việc trực quan hóa và viết về cuộc đời của ông Ấn theo lối kể chuyện đầy kịch tính. Cô đã đến gần hơn bất kỳ người nào khác trong việc cảm nhận câu chuyện, và tôi không thể đòi hỏi sự dẫn thân nào cao hơn nữa từ một biên tập viên.

Dan Crissman, trợ lý biên tập tại Nhà xuất bản Smithsonian Books, rất đảm đang trong những vấn đề liên quan tới việc chuẩn bị bản thảo và hình ảnh.

Raymond Tse đã thiết kế trang mạng

www.larrybermanperfectspy.com

Tại Đại học California ở Davis, Wayne Fisher và Hielam Chan đã hơn một lần cứu tôi khi máy tính không chịu làm đúng chức năng của nó. Tôi xin cảm ơn sự giúp đỡ của các nhân viên tại Đại học California ở Davis, gồm Kelly Ramos, Gloria Castillo, Cindy Koga Simmons, Sande Dyer và Micki Eagle. Tại Washington, Mary Byrne, Karen Akerson, Rodger Rak, Mike Sesay và Sara Lombardo đã giúp đỡ theo nhiều cách trong suốt dự án này.

Các đồng nghiệp của tôi, Miko Nincic, Don Rothchild, Emily Goldman, Ed Constantini, James Desveaux và Larry Peterman luôn ủng hộ theo các cách mà những người bạn có thể thấu hiểu được.

Trong suốt năm năm qua, tôi thường đi nơi này nơi kia chứ ít ở nhà; ngay tại Davis, đầu óc tôi cũng luôn dồn vào cuốn sách. Niềm cảm kích của tôi đối với sự thấu hiểu của Nicole là không thể đo đếm được.

VỀ CÁC NGUỒN TƯ LIỆU

T

ài liệu của Neil Sheehan được lưu trữ tại Thư viện Quốc hội có các ghi chép khi phỏng vấn ông Ấn cũng như Lou Conein, David Halberstam và các nhân vật quan trọng của giai đoạn đó; ở đây được ghi chú là “Tài liệu của Sheehan”. Mỗi quan hệ gần gũi nhất trong nghề của ông Ấn là Robert Shaplen, phóng viên thường trú vùng Viễn Đông của tờ New Yorker. Tài liệu của Shaplen được lưu tại Hội sử học Wisconsin nằm trong khu học xá Đại học Wisconsin. Tôi đã sử dụng rất nhiều tài liệu viết tay và các ghi chú đánh máy của Shaplen về hàng chục lần gặp Ấn và những người khác; ở đây được chú thích là “Tài liệu của Shaplen”. Ấn được Frank McCulloch chiêu mộ tới làm việc cho Time. Ấn nhìn nhận McCulloch là người đã dạy cho ông làm thế nào để trở thành nhà báo giỏi. Tài liệu của McCulloch được lưu giữ tại Đại học Nevada ở Reno; ở đây được ghi chú là “Tài liệu của McCulloch”. Một trong những đầu mối liên lạc đầu tiên của ông Ấn tại Việt Nam là Đại tá Edward Lansdale huyền thoại. Tài liệu của Lansdale tại Thư viện Viện Hoover chứa đựng các cuộc trao đổi giữa ông Ấn và Robert Shaplen (một người bạn thân của Lansdale), cũng như các tài liệu của lịch sử chống quân nổi dậy tại Việt Nam; ở đây được ghi chú là “Tài liệu của Lansdale”. Cũng được lưu trữ tại Hoover là các tài liệu về Kế hoạch Staley. Trong những bản vi phim của báo Sacramento Bee tại Phòng lưu trữ và Trung tâm bảo tàng Sacramento, tôi tìm thấy những bài viết của Ấn trong thời gian tập sự vào mùa hè 1959 cũng như một bài viết về Ấn giúp ông tạo lập vỏ bọc về sau. Tại Trường Orange Coast, tôi đã tham khảo tất cả các bài của ông Ấn trên tờ Barnacle. Trong Cục Lưu trữ Quốc gia, Ghi chép của Mỹ về Đông Nam Á, 1950-1975, Ghi chép Nhóm 472, chứa đựng những tư liệu quan trọng của cuộc chiến tranh. Tài liệu của David Butler ở Dartmouth có một cuộc phỏng vấn dài với bác sĩ Trần Kim Tuyến. Trừ khi có những ghi chú khác, tất cả các trích dẫn lời thoại đều lấy từ các cuộc phỏng vấn của tôi với từng cá nhân.

Trước năm 1975, chính tả tại miền Nam Việt Nam thường sử dụng dấu gạch nối trong các từ ghép. Cách viết này hiện không còn được sử dụng nữa. Tôi chỉ sử dụng dấu gạch nối những lúc tài liệu gốc viết như vậy. Từ

tiếng Việt đều có tính chất đơn âm, nên cách viết đúng phải là Việt Nam, Sài Gòn, Đà Nẵng và Hà Nội. Thời chiến tranh, người Mỹ nối hai âm tiết của các địa danh này lại với nhau làm một. Để tránh gây bối rối, tôi sử dụng hình thức phổ biến trong các tài liệu chính thức của Mỹ, đó là Vietnam, Saigon, và Hanoi, nhưng bất cứ lúc nào có thể, tôi đều sử dụng kiểu từ đơn âm cho các thành phố hoặc làng mạc khác xuất hiện trong câu chuyện, chẳng hạn Cần Thơ. Tên riêng của người Việt thường được viết theo thứ tự: họ, tên lót, rồi đến tên. Người Việt Nam thường được gọi theo tên, nên Phạm Xuân Ẩn thường được gọi là Ẩn.

Nguyễn Văn Tàu (Tư Cang)

NHÀ BÁO TIME TỪ MỸ VỀ, PHONG CÁCH NGANG TÀNG, HÀO HOA LĂNG TỬ, MÊ CHÓ, MÊ CHIM LÀ VỎ BỌC TUYỆT VỜI CỦA PHẠM XUÂN ẨN

Đại tá tình báo Nguyễn Văn Tàu (Tư Cang)

Nguyên Cục trưởng Cục tình báo H63 hoạt động trong Chiến tranh chống Mỹ

Tôi phải công nhận Phạm Xuân Ẩn là bậc thầy về các phương thức che mắt kẻ thù. Lúc đó tôi là Cục trưởng Cục tình báo H.63 từ Củ Chi vào Sài Gòn để truyền đạt chỉ thị hoạt động cho Phạm Xuân Ẩn.

Anh ăn mặc sang trọng lái chiếc Renault-4, tôi ngồi bên cạnh, súng ngắn trong túi, con chó beca-giê to tướng ngồi chễm chệ ở băng ghế sau.

Thời kỳ đó, ở Sài Gòn phổ biến thú chơi chim, chơi chó. Thấy hai người ăn mặc đàng hoàng có dáng vẻ công chức bậc cao, ngồi ô tô, sau lưng lại có con chó beca-giê to lớn, có ai nghĩ rằng đó là hai cán bộ tình báo của cộng sản. Còn những tên an ninh mật vụ của Sài Gòn cũng như của cơ quan

tình báo Mỹ (CIA), tên nào mà không biết Phạm Xuân Ẩn từng được đào tạo về nghiệp vụ báo chí từ Mỹ về làm phóng viên cho tuần báo Time, một tờ báo lớn của Mỹ có văn phòng tại Sài Gòn. Hơn nữa, Ẩn còn có nhiều mối quan hệ với giới chính khách cao cấp của chính quyền Sài Gòn và chính giới Mỹ.

Thấy tôi đi với Ẩn, đôi khi cũng có đứa hỏi: “Ông này là ai vậy?”. Anh trả lời: “Bạn chơi chim, chơi chó với nhau ấy mà. Ông có sở cao su trên Bến Cát, thỉnh thoảng có được con khướu hay đem xuống biểu tôi” Khướu là loài chim quý, có tiếng hót rất trong, những năm ấy muốn bắt khướu về chơi phải lên rừng Tây Ninh hoặc bắc Bến Cát.

Tôi vốn không có cái thú chơi chim, đâu biết gì nhiều về các loài chim quý, nhưng một khi Ẩn đã nói vậy thì tôi cũng cố gắng nhập vai cho khéo. Các sách về chim, về chó có rất nhiều trên kệ sách nhà anh tôi phải ráng đọc cho hết để bổ sung kiến thức.

Trò chơi chim cũng khá công phu. Các quý ông đi ăn sáng tại nhà hàng Victory (nay là nhà hàng Tháng Lợi trên đại lộ Hàm Nghi, Quận 1 TP. HCM) thường xách theo mỗi người một lồng chim rồi cho chúng đấu hót. Một thú vui tao nhã nhưng rất mất thì giờ. Để hòa đồng với mọi người, tạo bình phong cho công tác tình báo, tôi cũng phải “say mê” tham gia trò chơi ấy.

Trong khi mấy ông bạn chơi chim chưa tới, chúng tôi ăn sáng và tôi tranh thủ phổ biến nghị quyết của Trung ương Cục và chỉ thị điều tra của Trưởng phòng Tình báo cho Ẩn. Trong nhà hàng sang trọng này, mỗi bàn cách nhau 3-4 mét nên công việc của chúng tôi không bị ai quấy rầy. Hơn nữa, nhóm nào vào đây cũng rì rầm bàn công việc làm ăn của mình, không ai chú ý đến người khác làm gì.

Xong việc, Ẩn đi thanh toán. Thấy chủ đi, con chó tức thì đứng dậy đi theo chủ. Ẩn quay lại nói lớn: “Reste la!” (Đứng lại đó!). Con chó đứng im tại chỗ. Thanh toán xong, Ẩn quay lại bàn với tôi. Con chó lững thững theo ông trở về bàn. Ẩn lại nói: “Couche toi!” (Nằm xuống!). Tức thì con chó ngoan ngoãn nằm khoanh dưới chân anh. Những người xung quanh nhìn chúng tôi trầm trồ kinh ngạc. Đúng là chuyện lạ! Có lẽ chưa ai thấy con chó

khôn đến như vậy, nhất là nó biết nghe hiệu lệnh điều khiển bằng tiếng Pháp. Người chủ của nó thật đáng nể!

Về sau, khi rảnh rỗi, tôi tò mò hỏi anh về chuyện con chó. Anh cười, trả lời: “Cái nghề tụi mình thì phải luôn luôn nghĩ cách ‘đánh bóng’ cái ‘bình phong’ của mình để mọi người, nhất là bọn một vụ an ninh, nể mình mà không bao giờ dám nghi mình là Việt Cộng”. Rồi anh kể tôi nghe chuyện về con chó: “Nó là của một nhà tư sản người Pháp tặng cho Nguyễn Cao Kỳ, lúc bây giờ đang là Chủ tịch Ủy ban Hành pháp (tương đương thủ tướng) trong chính phủ do Nguyễn Văn Thiệu đứng đầu. Con chó do người Pháp chính cống huấn luyện nên nó chỉ biết nghe sự điều khiển bằng tiếng Pháp. Tôi rất thích con chó này và nghĩ nó có thể giúp ích nhiều cho công việc nên đã đề nghị tên quán lý chó trong Dinh Độc lập làm cho con chó ấy ốm và ghẻ lở rồi thanh lý cho tôi, tôi sẽ thưởng cho ba ngàn đồng (thời ấy tương đương một lượng vàng). Việc làm cho con chó bị ốm và có ghẻ thì đâu có khó gì với tên quán lý. Thế là con chó về tay tôi. Sau một thời gian được chăm sóc kỹ, nó trở thành con chó đẹp như ban đầu. Tối nó canh cửa cho tôi làm việc, ban ngày đi đâu tôi chở nó theo. Nhìn con chó oai phong và thông minh như vậy ai cũng nể chủ của nó. Ai mà nghĩ rằng Việt Cộng lại có nhiều tiền và thú đam mê chơi chó sang trọng như vậy!”. Ôi, anh bạn Phạm Xuân Ẩn của tôi quả là lắm “thủ đoạn”!

Nhưng anh chỉ dùng thủ đoạn đối với kẻ thù, còn với đồng chí, đồng đội, Ẩn rất chân thật và khiêm tốn. Có lần, cùng đi trên xe với anh để tới Dinh Độc lập, tôi nói: “Tài liệu anh lấy được vừa rồi, cấp trên đánh giá rất cao và điện xuống cho tôi, báo là anh được tặng thưởng huân chương chiến công hạng nhất”. Anh trầm ngâm một lúc rồi nói: “Nghe anh phổ biến, tôi rất biết ơn cấp trên, nhưng đời làm tình báo trong lòng địch, biết đến bao giờ tôi mới có vinh dự được đeo tâm huân chương chiến công cao quý ấy... Chiến tranh còn kéo dài, vở kịch còn đang phải diễn, màn chưa hạ...”

Sau ngày giải phóng, thống nhất đất nước, hai chúng tôi thường gặp nhau. Tôi nhớ mãi cái lần anh đạp xe từ nhà anh ở đường Lý Chính Thắng, Quận 3, vô nhà tôi tận khu vực Thanh Đa để xin một trái đu đủ xanh về làm thuốc cho chị. Thấy một con người hào hoa, trước đây đi mây về gió,

thường vào những nhà hàng sang trọng ở Sài Gòn, nay đạp xe đi thăm bạn, khi về đeo theo những quả đu đủ xanh, thương làm sao cái nghĩa, cái tình và tấm lòng trong sáng của một người đồng đội.

Đến năm 2006, anh trở bệnh nặng. Tôi đến thăm, anh cầm tay tôi, nói với nụ cười vẫn hóm hỉnh như ngày nào: “Tôi với anh còn sống đến ngày nay là nhờ may mắn chứ mình đâu có giỏi gì hơn đồng đội. Các anh vào thành, bị bắt nhiều quá, còn hai đứa mình qua khỏi hết. Không nhờ may mắn là gì? Chắc lá số Tử vi của hai đứa mình tốt lắm!”.

Đúng là một con người hay đùa, đùa đến tận phút chót đời mình.

Trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp rồi chống Mỹ, Phạm Xuân Ẩn đã có những đóng góp lớn lao cho sự nghiệp cách mạng và qua đời ngày 20/9/2006, chỉ 8 ngày sau sinh nhật thứ 79 của mình. Giáo sư tiến sĩ sử học người Mỹ Larry Berman đã tôn vinh Phạm Xuân Ẩn trong cuốn sách “Điệp viên hoàn hảo” của mình. Hiện nay, bức ảnh Phạm Xuân Ẩn dắt con chó beca-giê đi giữa Sài Gòn và chiếc xe Renault-4 cũ kỹ của ông được trưng bày tại Nhà bảo tàng Tình báo quốc phòng giữa thủ đô Hà Nội.

Là bạn chiến đấu, từng sát cánh bên nhau vượt qua bao lần sinh tử giữa Sài Gòn trong những năm ác liệt nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ, tôi đã làm bài thơ tiễn anh đi về cõi vĩnh hằng, có đoạn:

*Đời người tình báo thế là xong
Tình dân nghĩa Đảng, nợ non sông
Làm trai trong suốt thời ly loạn
Anh thật xứng danh một anh hùng.
Nay anh nằm đó, anh Hai Trung
Nhớ giọng anh cười, thật ấm lòng
Những lúc hiểm nguy căng sợi tóc
Vẫn nói, vẫn cười, vẫn ung dung.
Xuân Ẩn từ nay ẩn thật rồi
Bạn bè thương tiếc mãi không nguôi
Riêng tôi nhớ mãi người đồng chí*

Dũng cảm, thông minh, nhớ suốt đời...

Đã có nhiều nhà văn, nhà báo, học giả trong và ngoài nước muốn đi sâu tìm hiểu và viết hồi ký về cuộc đời ly kỳ của điệp viên Phạm Xuân Ẩn. Nhưng chỉ đến khi gặp Larry Berman - giáo sư tiến sĩ sử học người Mỹ đồng thời cũng là giảng viên môn Chính trị học của trường Đại học California, Ẩn mới thật sự mở lòng mình. Có thể anh tin rằng, con người có học hàm học vị và không hề dính líu đến cuộc chiến tranh này sẽ có đủ độ tin cậy, kiến thức và cả sự khách quan trong ngòi bút của mình. Mà cũng có thể, bằng sự sắc sảo, mẫn cảm của một điệp viên siêu hạng, anh đã nhìn thấy một tố chất đặc biệt nào đó ở Larry Berman, giúp anh có thể tin tưởng để chia sẻ câu chuyện cuộc đời đặc biệt của mình, với nghề báo và nghề tình báo. Và về những điều chưa có cơ hội được thổ lộ kể từ sau cuộc chiến tranh, đặc biệt là với những người bạn Mỹ - những phóng viên chiến trường, đồng nghiệp một thời của anh. Dù vì lý do gì, tôi luôn tin tưởng vào sự lựa chọn của anh. Và rõ ràng, anh đã đúng.

Cuốn sách Điệp viên hoàn hảo của Larry Berman, theo tôi, đã phản ánh tương đối khách quan và trung thực về những gì đã diễn ra trong cuộc chiến tranh Việt Nam thế kỷ 20. Và trên hết, nó đã khác hóa được chân dung điệp viên Phạm Xuân Ẩn ở nhiều khía cạnh khác nhau. Một nhân cách lớn trong đối nhân xử thế, một nhà báo giỏi nghề và tôn trọng nghề nghiệp, một “Điệp viên hoàn hảo” với những phân tích chiến lược sắc sảo, nhạy bén về cuộc chiến tranh. Dù còn một đôi điều chưa đồng tình với tác giả, nhưng phải nhìn nhận rằng, đây thật sự là một cuốn sách có nội dung hấp dẫn, được kể bằng một giọng văn lôi cuốn và gần gũi. Một công trình tâm huyết, đáng được trân trọng từ tác giả.

Nguyễn Thị Mỹ Nhung

KHÔNG BAO GIỜ QUÊN ÁNH MẮT CỦA ANH

Nguyễn Thị Mỹ Nhung Thành viên Cụm tình báo chiến lược H.63

Quãng đời hoạt động sát cánh cùng Phạm Xuân Ẩn đã giúp tôi trưởng thành rất nhiều về mặt nhân cách, tinh thần và vững vàng hơn trong nghề tình báo. Ban đầu, vì cùng sinh hoạt chung một chi bộ nên chúng tôi thường qua lại thăm nhau và trở nên thân thiết, cũng là để tạo bình phong, che giấu lâu dài các hoạt động bí mật của mình. Anh chính là người thấy tiếng Anh đầu tiên của hai chị em tôi. Nhờ số vốn liếng tiếng Anh ban đầu đó, chúng tôi học giỏi ngoại ngữ này và chẳng bao lâu sau thì đã có thể đi làm thông dịch cho cố vấn Mỹ từ đầu thập niên 1960.

Năm 1957, chị Phương Điền, người giới thiệu tôi vào tổ chức, bị địch bắt. Rồi năm sau, anh Mười Hương cũng bị bắt. Anh Ẩn thì đang du học bên Mỹ. Chi bộ chỉ còn duy nhất mình tôi. Mãi đến năm 1960, tôi mới liên lạc được với chị Nguyễn Thị Thanh, người ngồi tù chung xà lim với chị Phong Điền. Theo lời dặn của chị Phương Điền, chị Thanh đưa tôi đến gặp các đồng chí lãnh đạo công tác tình báo ngày đó là anh Cao Đăng Chiếm, anh Mười Nho (Nguyễn Xuân Mạnh). Sau khi anh Ẩn từ Mỹ về, tôi đưa anh vào mật khu ở xã Phú Hòa Đông, Củ Chi, gặp anh Chiếm và anh Mạnh. Chi bộ của chúng tôi được tái thành lập, tôi chỉ biết có anh Ẩn và tôi, ngoài ra còn có ai nữa hay không thì tôi không được phép biết.

Tôi nhớ mãi chuyến công tác đầu tiên đi với Phạm Xuân Ẩn. Lần ấy, chúng tôi phải đưa lên mật khu 24 cuộn phim Kodak mà anh sao chụp các tài liệu của địch. Lúc đó tôi hoàn toàn chưa có kinh nghiệm giao liên, cả anh và tôi đều không biết cách ngụy trang tài liệu. Chúng tôi dùng giấy báo gói sơ sài số phim này thành hai gói, bỏ vào giỏ xách rồi để mấy thứ trái cây, nhang đèn lên trên. Khi đến căn cứ, anh Xuân Mạnh mở ra, biết là phim chụp tài liệu mật, đã trách chúng tôi chủ quan, sơ suất quá. Sau đó, anh Ẩn đã phải tự kiểm điểm về chuyện này.

Một hôm, từ rất sớm, anh Ẩn tới nhà rủ tôi đi ăn sáng. Ra đường anh mới cho biết là sẽ đưa tôi lên Củ Chi đưa gấp tài liệu cho anh Tư Cang. Đến thị trấn Củ Chi, anh dừng xe đối diện bến xe lam cho tôi băng qua bên kia đường, hỏi xe về xã Phú Hòa Đông như mọi lần. Nhưng hôm ấy, địch đang xây dựng căn cứ Đồng Dù nên con đường về Phú Hòa Đông bị cấm xe qua lại. Trở về Sài Gòn bằng xe buýt với những tài liệu mật của anh trong giỏ

xách thì nguy hiểm vô cùng, vì bọn mật vụ có thể chặn xét dọc đường. Tôi ngần người, lúng túng. Nhưng thật may, anh Ân chưa quay xe về Sài Gòn mà vẫn đang ngồi yên trên xe, tay cầm điều thuốc đang cháy, mắt dăm dăm nhìn về phía tôi. Suốt đời tôi không bao giờ quên được ánh mắt của anh, với cái nhìn khi thì như thúc giục, khuyến khích, động viên tôi cố gắng hoàn thành nhiệm vụ, khi thì dịu dàng, ấm áp như sẻ chia những khó khăn mà tôi gặp phải.

Cũng có những đợt anh Ân đi công cán lâu ngày, tôi phải làm việc trực tiếp với anh Tư Cang, lúc đó là Cục trưởng Cục tình báo H.63 của chúng tôi, với cấp hàm thiếu tá. Buổi sáng, anh Tư Cang đưa tôi đi làm bằng xe gắn máy. Lúc đó tôi làm thông dịch viên cho một viên thiếu tá tình báo hải quân Mỹ tên là James. Buổi chiều, sau giờ làm việc, tên James thường đưa tôi về nhà bằng xe hơi. Anh Tư Cang thường đùa: “Đời điệp báo, em là số một - sáng có thiếu tá tình báo Việt Cộng đưa đi làm, chiều có thiếu tá tình báo Mỹ đưa về”. Nói vậy thôi, chứ thính thoảng anh Tư Cang mới phải làm tài xế cho tôi. Vì yêu cầu của công việc, anh Phạm Xuân Ân thường xuyên chở tôi trên chiếc xe hơi Renault-4 của mình.

Không chỉ là đàn anh trong nghề, Phạm Xuân Ân còn là một người anh quý mến, với những đức tính mà tôi luôn học hỏi, áp dụng vào công tác điệp báo của mình. Là phóng viên một tờ báo lớn của Mỹ nhưng có khi vừa mới tiếp xúc với các quan chức chớp bu xong, anh lập tức sẵn sàng sà vào vui chơi với trẻ con đường phố, những đứa bé bụi đời, bán báo, đánh giày, hoặc trẻ lang thang cơ nhỡ. Anh rất cần nhiều thời gian để làm việc, nhưng cũng có thể ngồi suốt đêm tâm sự về những chuyện vụn vặt đời thường. Trong công việc và trong cuộc sống, anh luôn quan tâm đến những chi tiết tưởng chừng nhỏ nhặt nhưng vô cùng quan trọng.

Chẳng hạn, những lần đưa chị em tôi trong vai các quý bà thượng lưu đến dự những buổi tiệc sang trọng, anh luôn nhắc chúng tôi khi đến nơi thì ngồi yên trong xe, đợi anh xuống mở cửa rồi mới bước xuống, lúc lên xe cũng vậy, phải đợi anh mở cửa, nghiêng mình đưa tay mời thì mới nhẹ nhàng vén áo bước lên. Hay những lần tôi đến tìm gặp anh ở văn phòng hãng tin Reuters hoặc văn phòng chi nhánh tạp chí Time, hề thấy tôi ngồi

quay lưng ra phía cửa, anh đều trừng mắt ra hiệu cho tôi tìm cách đổi thế ngồi ngược lại, tốt nhất là quay sát lưng vào tường, đề phòng kẻ xấu tấn công từ phía sau. Con người Phạm Xuân Ẩn là vậy đó - cẩn thận, cẩn thận đến từng chi tiết. Và giờ đây, khi nghĩ về anh, về thời gian được hoạt động sát cánh bên anh, tôi cũng nhớ, nhớ đến từng chi tiết...

Hôm nay, đọc những trang viết cuốn sách Điệp viên hoàn hảo của Giáo sư sử học người Mỹ Larry Berman, tôi như được gặp lại anh, gặp lại chính mình trong những năm tháng chiến tranh ác liệt. Và tôi cảm ơn tác giả đã thấu hiểu được nỗi hiểm nguy của nghề tình báo và tái hiện nó một cách sinh động, cũng như sự đồng cảm mà ông đã dành cho cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước của người Việt Nam.

Nguyễn Thị Yên Thảo

Nguyễn Thị Mỹ Nhung Bí danh Sáu Tuyết - Tám Thảo

Nguyễn Xuân Mạnh (Mười Nho)

BẢN LĨNH - TÂM VÓC MỘT CON NGƯỜI

Đại tá Nguyễn Xuân Mạnh (Mười Nho) Nguyên Trưởng phòng Điệp báo Tổng cục II Bộ Quốc phòng

Tuy thời gian hoạt động cùng nhau không được nhiều nhưng Phạm Xuân Ẩn đã để lại trong tôi một ấn tượng thật đậm sâu.

Đó là một chiến sĩ tình báo tuyệt vời, một con người có tấm lòng yêu nước sâu sắc, trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng luôn nghĩ đến đất nước. Là đồng chí, đồng đội, tôi rất tự hào về anh, đồng thời cũng tự hào về bí danh X6 mà tôi đặt cho anh.

Ngày đang du học ở Mỹ, được tin Mười Hương bị địch bắt, Phạm Xuân Ẩn vẫn không hề nao núng. Mười Hương là người lãnh đạo trực tiếp, đã tổ chức cho anh sang Mỹ học ngành báo chí. Ẩn tin tưởng rằng Mười Hương sẽ không khai báo, vì thế, sau khi kết thúc khóa học, anh không đi ra nước ngoài mà lập tức về nước để tham gia hoạt động tình báo. Về đến Sài Gòn, Ẩn rất nóng lòng bắt liên lạc với tổ chức. Tôi yêu cầu cô Tám Thảo

(tức Nguyễn Thị Mỹ Nhung, người trước đây từng làm việc với anh Mười Hương) đưa lên mật khu Phú Hòa Đông ở Củ Chi gặp các anh Sáu Dân (Võ Văn Kiệt), Sáu Hoàng (Cao Đăng Chiếm) và tôi. Trong ba người chúng tôi, chỉ có anh Cao Đăng Chiếm từng biết Phạm Xuân Ẩn từ hồi Ẩn còn hoạt động trong tổ chức Thanh niên Tiến Phong và các tổ chức học sinh, sinh viên Sài Gòn - Gia Định. Lúc bấy giờ, Phạm Xuân Ẩn đang là phóng viên của Hãng tin Reuters và được đánh giá là một phóng viên xuất sắc, một nhà báo có sức ảnh hưởng quan trọng đến giới chính khách Sài Gòn, đồng thời có quan hệ mật thiết với các nhà báo nước ngoài cũng như với các cố vấn quân sự cấp cao người Mỹ. Xét trên tất cả các yếu tố đó, anh Sáu Dân đề xuất tạo điều kiện để xây dựng Phạm Xuân Ẩn thành một điệp viên tâm cỡ quốc tế. Sau khi bàn bạc thống nhất, cấp trên giao Phạm Xuân Ẩn về cụm Bến Cò (lúc đó cụm mang bí số 201) do tôi phụ trách, yêu cầu tôi không được để mất liên lạc với điệp viên này và tìm cách khai thác, sử dụng một cách hiệu quả nhất những thông tin tình báo mà Phạm Xuân Ẩn lấy được. Tôi đặt cho Ẩn bí danh X6, cùng anh bàn cách làm sao để anh cùng được cả Mỹ lẫn Diệm sử dụng, đặc biệt là phải được Ngô Đình Nhu và Trần Kim Tuyến trọng dụng. Bằng trí tuệ thông minh, uyên bác, cộng với tài ngoại giao giỏi giang, khéo léo, Phạm Xuân Ẩn đã xây dựng được các mối quan hệ cần thiết và xuất sắc đạt được mục tiêu đã đề ra.

Uy tín của Phạm Xuân Ẩn trong giới báo chí nước ngoài tại Sài Gòn và miền Nam Việt Nam nhanh chóng lên cao. Nhận thấy Phạm Xuân Ẩn có quan hệ sâu rộng với các quan chức cao cấp trong chính quyền và quân đội Sài Gòn, người Mỹ rất nhanh nhạy đã đề nghị anh chuyển từ Reuters sang làm việc cho tờ Time, một tuần báo lớn của Mỹ. Thời gian đó, người Mỹ tập trung nghiên cứu chiến tranh Việt Nam, nhiều chuyên gia nghiên cứu chiến lược của Mỹ tìm đến Phạm Xuân Ẩn để thu thập tài liệu, lấy thông tin. Họ rất tin tưởng Phạm Xuân Ẩn, gắn bó mật thiết với anh trong lĩnh vực này. Cũng thông qua những mối quan hệ ấy, Phạm Xuân Ẩn đã lấy được rất nhiều tài liệu quý giá của Mỹ. Đặc biệt anh đã sao chụp được bộ tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ về kế hoạch Chiến tranh đặc biệt, chứa đầy trong 24 cuộn phim Kodak. Đây quả là một tài liệu vô giá. Ngay trong mật khu,

chúng tôi đã tự mày mò tráng phim, rọi ảnh rồi về Sài Gòn tuyển chọn những cơ sở là người giỏi tiếng Anh đưa vào mật khu để chép và dịch tài liệu này. Để giữ bí mật, sau khi họ dịch xong, chúng tôi buộc phải giữ họ lại trên khu cho đến ngày kế hoạch Chiến tranh đặc biệt của địch bị phá sản.

Nói về Phạm Xuân Ẩn, không thể không nhắc tới những đồng đội thông minh, dũng cảm của anh trong cụm H.63. Đó là các chị Nguyễn Thị Mỹ Nhung, Nguyễn Thị Ba, những điệp báo viên và giao liên tài giỏi, hay Nguyên Văn Tàu (Tư Cang), một chỉ huy gan dạ, xuất sắc của cụm. Riêng tôi, tuy thời gian được hoạt động bên anh không lâu dài nhưng tôi rất mến phục tình cảm và thái độ chân tình của anh. Tôi nhớ, khi bị tôi phê bình về chuyện chuyển 24 cuộn phim chứa tài liệu tuyệt mật lên khu mà chỉ ngụy trang sơ sài bằng cách gói trong giấy báo, bỏ vào giỏ trái cây xách trên tay, anh đã nghiêm túc nhận khuyết điểm chủ quan mà không hề tỏ ra buồn giận hay tự ái.

Suốt thời gian hoạt động tình báo, Phạm Xuân Ẩn luôn cống hiến hết mình, không đoan đo suy tính thiệt hơn. Anh là nhà tình báo tầm cỡ quốc tế, có tầm nhìn chiến lược rất sâu rộng, từng cảnh báo về các nguy cơ đến từ những người láng giềng phương Bắc. Với trí tuệ uyên thâm, anh rất giỏi nhìn nhận, đánh giá, phân tích tình hình chiến lược ở bình diện rộng cũng như mục tiêu chiến lược của từng thời kỳ. Không chỉ được đồng chí, đồng đội tin yêu, quý mến, anh còn được những người ở phía bên kia chiến tuyến kính trọng và nể phục.

Sau khi cuộc chiến kéo dài hai thập niên kết thúc thắng lợi, có một quãng thời gian Phạm Xuân Ẩn cảm thấy hơi hụt hẫng vì thực tế đã diễn ra không giống như những gì anh hằng mong ước. Nhưng đó là thực tế lịch sử, chúng ta không thể nào thay đổi được...

Con người Phạm Xuân Ẩn quả là một kho tư liệu dồi dào và quý giá để nhà sử học người Mỹ Larry Berman viết nên tác phẩm Điệp viên hoàn hảo, tái hiện sinh động cuộc đời và những chiến công thầm lặng của anh. Mỗi trang sách là một trang đời - đời anh, đời của một Điệp viên hoàn hảo...

Nguyễn Xuân Mạnh

Nguyễn Thị Ba

HẠNH PHÚC LỚN NHẤT CỦA MỘT ĐỜI NGƯỜI

Thiếu tá tình báo Nguyễn Thị Ba (Mật danh B.3, Giao liên của Phạm Xuân Ẩn)

Đối với tôi, không có hạnh phúc nào lớn hơn khi được góp sức vào cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc. Khoảng thời gian làm giao liên cho nhà tình báo Phạm Xuân Ẩn chính là một đóng góp nhỏ bé của tôi và tôi không bao giờ quên được những năm tháng đó.

Năm 1961, sau khi học nghị quyết một tháng, tôi được cấp trên giao làm công tác mật, cụ thể là làm giao liên, chuyển tài liệu tình báo từ trong thành ra cứ. Trước tiên, tôi phải tìm gặp ông Ẩn. Không biết vì lý do gì, tôi đi đón ông tới ba ngày mới gặp được, trong bụng rất buồn và lo. Địa điểm giao ước ở gần nhà thờ Huyện Sỹ. Ngày đầu, tôi đi tới đi lui ba bốn lần ở chờ điểm hẹn, đi riết bó hoa trên tay tôi héo hết trơn, đi hoài không thấy nên tôi đành về. Bữa sau đi nữa cũng không gặp. Tới bữa thứ ba, nhìn thấy một người đàn ông cao lớn miệng ngậm điếu thuốc bự từ trong xe bước ra, tôi mừng quá, liền hỏi: “Cậu Bảy đi chơi hử”. Ông cũng hỏi lại: “Chị Ba đi chợ hử”. Vậy là đúng ám hiệu, hai bên gặp nhau.

Từ lần đầu gặp ông cho đến suốt thời gian dài hoạt động giao liên, tôi không hề biết tên ông. Mãi đến sau ngày giải phóng tôi mới biết ông ấy tên Ẩn, có bí danh Hai Trung.

Lúc đó đi làm Cách mạng tôi đã tình nguyện một là chết hai là không khai. Chết thì có một lần chứ không có hai lần, “thà chết vinh còn hơn sống nhục”.

Nguyễn Thị Ngọc Hải

LÀM GÌ CHO NỖI DAY DỨT PHÚT CUỐI CỦA PHẠM XUÂN ẨN?

Từ nhân duyên của những người cùng quan tâm đến cuộc đời đầy sức cuốn hút của Phạm Xuân Ẩn, tôi đã gặp Giáo sư sử học Larry Berman, ông đã thật sự tâm huyết với Phạm Xuân Ẩn và với cuốn sách này. Phải nói ông là một trong số ít người Mỹ đã nghiên cứu hết sức kỹ lưỡng và công phu về Phạm Xuân Ẩn, và là người Mỹ được Phạm Xuân Ẩn tin cậy kể lại những bí mật hành trình cuộc đời hoạt động nhà báo tình báo của mình.

Đã có rất nhiều bài viết về Phạm Xuân Ẩn; nhưng dù cố gắng đến đâu, Phạm Xuân Ẩn ra đi đã mang theo biết bao bí mật - và có lẽ chúng ta không bao giờ biết hết các bí mật ấy. Vì đòi hỏi của lịch sử, của các thế hệ, của di sản tinh thần dân tộc... chúng ta vẫn muốn làm gì đó để “trả lại đầy đủ, xứng đáng” cho nhân cách và tầm vóc thực sự của Phạm Xuân Ẩn.

Và tôi tin đây là một cố gắng và nỗ lực rất lớn của Larry Berman.

Công việc này là rất cần thiết và sẽ còn tiếp tục trong tương lai. Vì tôi biết mỗi quan tâm tìm hiểu về Phạm Xuân Ẩn vẫn đang âm thầm diễn ra. Cậu sinh viên Thanh Vạn - một người bạn trẻ trên FB của tôi vẫn đang lặng lẽ trò chuyện với ông. Cậu ấy đọc tất cả những gì đã viết về ông, và thường hay lên nghĩa trang thả hương, ngồi một mình trò chuyện và hỏi Phạm Xuân Ẩn. Những câu hỏi không có câu trả lời. Nhiều bạn trẻ khác thì muốn đến nhà thăm bà Nhàn, thả hương trên bàn thờ, hoặc đơn giản là đi qua trên phố, kín đáo liếc về phía chiếc cổng sắt. Lòng tôn kính ngưỡng mộ ấy của thế hệ mới, như một thôi thúc.

Nhưng theo những gì tôi quan sát được ở ông suốt hơn 10 năm để cho ra đời một cuốn sách mỏng chỉ nói về cảm nhận trực tiếp tính cách, con người nội tâm Phạm Xuân Ẩn, thì việc trả lại đúng vị trí, công trạng... không phải là ước mong day dứt của Phạm Xuân Ẩn. Nếu có chỉ là mong ước đóng góp những gì ông chứng kiến và tham dự vào sự thật của chiến tranh. Những gì người Việt Nam đã trải qua và đóng góp.

Trong những năm tiếp xúc với ông, biết bao câu chuyện đã trao đổi, nhưng có hai câu tôi đã hỏi, không thuộc về sự kiện dày đặc chiến công, mà về nỗi lòng sâu sắc. Trước việc dư luận cho rằng ông bị đối xử nghi ngờ, thậm chí có tác giả nước ngoài gọi là "Tướng hồi hưu sa cơ", có thời gian bị theo dõi và không được tự do tiếp xúc... sau khi nghe mọi chuyện thật phía

sau, tôi hỏi: "Trước những thứ đó, anh có giận không?" Trong đời viết lách, đi phỏng vấn, tôi thường gặp hai thái độ trả lời loại câu hỏi này. Một là ra sức thanh minh, hai là giận dữ phê phán lại. Ông Ấn chỉ trả lời đơn giản: "Cái nghề nó vậy", ông hiểu những gì người tình báo phải trải qua. Một thái độ thật khách quan.

Câu hỏi thứ hai, tôi hỏi vào trước lúc ông mất. Thật ra là lúc ông mới nằm viện, chưa bị mở khí quản, còn đến lúc mất thì ông không nói được nữa. Hôm đó ông còn bình thường, còn nói nhiều chuyện, phần lớn là bông đùa về bệnh tật của mình. Trong khoảnh khắc trầm lắng yên tĩnh, thích hợp cho tâm tình, tôi hỏi: "Cho đến bây giờ, còn điều gì làm anh buồn nữa không?", ông Ấn nói rất nhỏ, không còn cao giọng như lúc này bông đùa: "Hoàn cảnh dân khó quá. Những ông trung tướng, thiếu tướng nằm đây, con cái bọn, phải thuê người chầu sóc. Người giúp trông bệnh là người mẹ mới 38 tuổi đi nuôi bệnh để lo cho 5 đứa con. Khổ lắm. Nằm viện là dòm cảnh đó. Buồn không, là buồn chỗ đó. Đừng có quên, đồng bào mình còn khổ. Tài giỏi, giàu có, tiến sĩ... kệ cha anh, nhưng anh không nghĩ thế không được. Nhắm mắt không yên tâm cái đó".

Đó là day dứt cuối cùng của ông. Hậu thế muốn làm gì cho Phạm Xuân Ẩn, đó không phải là làm cho ông. Bởi vì làm gì cho dân, cho con người khỏi khó, đó là mục đích mà ông và bao người đã hiến thân, chấp nhận hy sinh.

Nguyễn Th| Ngọc Hải

Phỏng vấn Larry Berman

Hòa bình là ước mơ của Phạm Xuân Ẩn

Trong quá trình dịch cuốn *Điệp viên hoàn hảo*, tôi đã có rất nhiều cuộc trao đổi với tác giả Larry Berman về các chi tiết trong cuốn sách. Trong mỗi bức thư điện tử gửi tôi, Giáo sư Berman đều kết thúc bằng lời chào "Hoa bình", thay cho "trân trọng" hay "thân mến". Một lời chào giản dị nhưng hàm chứa một khát vọng lớn lao của ông và của tất cả chúng ta.

- Thừa Giáo sư Larry Berman, sau cuộc gặp đầu tiên không hẹn trước trong một bữa ăn tối, điều gì đã khiến ông muốn gặp lại Phạm Xuân Ẩn (và còn gặp rất nhiều lần nữa)? Rồi sau đó, điều gì khiến ông có mong muốn viết về cuộc đời của nhà tình báo?

Ông Ẩn đã giúp tôi hiểu nhiều về Việt Nam - về lịch sử và con người Việt Nam. Càng gặp ông, tôi càng muốn tìm hiểu thêm về cuộc đời đầy bí ẩn của chính ông. Tôi rất quan tâm tới những trải nghiệm của ông ở Mỹ và ấn tượng mà những trải nghiệm đó in hằn lên con người ông. Tôi cũng bị mê hoặc và khâm phục bởi vai trò của ông trong cuộc chiến và những thách thức mà ông đối mặt sau khi cuộc chiến trôi qua. Là một người viết sử về cuộc chiến tranh này, tôi muốn sử dụng tiểu sử cuộc đời ông như là một cánh cửa sổ để hiểu những sự phức tạp của cuộc chiến cũng như quá trình hòa giải và bình thường hóa quan hệ, giữa các cá nhân và giữa hai nước.

- Sau khi vở bọc tình báo của Phạm Xuân Ẩn được công bố, nhiều nhà báo đồng nghiệp và bạn cũ người Mỹ vẫn tiếp tục có quan hệ tốt với ông ấy thậm chí có người còn ngưỡng mộ ông ấy và giúp đưa con trai ông ấy tới học ở Mỹ. Điều đó thật kỳ lạ, nhưng cũng có thể hiểu được bởi họ đã cùng ông Ẩn sống với nhau trong một giai đoạn rất đặc biệt của lịch sử. Còn với Giáo sư, ở chừng mực nào đó là người ngoài cuộc (ông và Phạm Xuân Ẩn mới biết nhau gần đây), điều gì khiến Giáo sư nhanh chóng có một sự khâm phục đối với “Điệp viên hoàn hảo”?

Chính xác là bởi tôi không quen Phạm Xuân Ẩn từ thời chiến tranh nên ông mới muốn tôi viết về cuộc đời của ông. Ban đầu tôi đã phải vượt qua nhiều cuộc kiểm tra nghiêm túc. Ông luôn nói “KHÔNG” khi tôi đề nghị viết cuốn sách này, nhưng dần dần chúng tôi hiểu nhau hơn, và ông đã trở nên tin tưởng tôi để có thể trao cho tôi câu chuyện cuộc đời ông. Ẩn đánh giá cao cuốn sách của tôi, cuốn Không hòa bình, Không danh dự: Nixon, Kissinger và sự phản bội ở Việt Nam. Ông là một nguồn tin trong cuốn sách ấy, và sau khi đọc xong, ông đã nói với tôi cùng những người khác rằng đây là một tài liệu công bằng và cân bằng về các cuộc đàm phán bí mật giữa các ông Kissinger và Lê Đức Thọ. Khi sức khỏe xấu đi và cảm thấy rằng cuộc sống mình không còn nhiều thời gian, ông đã gạt đầu trước

đề nghị của tôi về việc viết sách về cuộc đời ông. Ẩn luôn bảo rằng ông là một nhà cách mạng gặp may. Còn tôi là một nhà sử học may mắn! Lòng kính trọng của tôi đối với Phạm Xuân Ẩn xuất phát từ cảm quan ban đầu của tôi rằng ông là một con người rất quan tâm tới người khác, quan tâm tới bạn bè và hai đất nước - Việt Nam và Mỹ. Ông là một người thiện tâm và có trái tim lớn.

- Nhưng mà việc gọi một sĩ quan tình báo đầy công trạng của “phía bên kia” là điệp viên hoàn hảo có phải là điều khó khăn? Làm sao để người Mỹ có thể viết về “kẻ thù” (không chỉ Phạm Xuân Ẩn mà còn nhiều trường hợp khác) với lời văn đầy trân trọng như vậy?

Chiến tranh đã kết thúc, những lời nói dối và lừa gạt đã làm nổ ra cuộc chiến cũng không còn. Là một nhà sử học, tôi không muốn khơi lại cuộc chiến ấy một lần nữa hoặc hủy hoại danh tiếng một ai đó. Nhiều bạn đọc của tôi đã biết, cũng tương tự Phạm Xuân Ẩn, tôi yêu cả hai đất nước, Mỹ và Việt Nam. Tôi đã tìm hiểu để biết được rất nhiều điều về cuộc chiến và về nền hòa bình từ những bạn bè người Việt Nam của tôi, đến mức họ thường đùa rằng kiếp trước tôi là người Việt. Có lẽ Phạm Xuân Ẩn và tôi đã tìm thấy ở nhau những điểm tương đồng. Tôi là người Mỹ, nhưng nhân dân Việt Nam chưa bao giờ là kẻ thù của tôi; tương tự, nhân dân Mỹ chưa bao giờ là kẻ thù của Phạm Xuân Ẩn. Đó là cuộc chiến tranh mà lẽ ra người Mỹ chớ nên can dự vào. Tương lai Việt Nam phải do người Việt Nam quyết định.

- Về Phạm Xuân Ẩn, ông ấy có điểm gì khác biệt so với các đồng đội trong lưới tình báo H.63? Và so với các điệp viên bậc thầy khác thì thế nào?

Phạm Xuân Ẩn khác biệt vì trong thời gian làm nhiệm vụ, ông đã được cử tới Mỹ học. Đó là người duy nhất được cử sang Mỹ. Tôi đã gặp nhiều thành viên của lưới H.63 và họ có điểm chung với Phạm Xuân Ẩn, đó là lòng yêu nước mãnh liệt. Họ muốn có một đất nước Việt Nam thống nhất và không có sự hiện diện của quân đội nước ngoài. Khi Ẩn trở về Việt Nam để làm nhiệm vụ, cả mạng lưới đã bảo vệ ông, nhiều người chết khi làm công việc đó. Tất cả đều biết rõ tầm quan trọng của sứ mệnh mà Phạm Xuân Ẩn lãnh nhận và tất cả đều hết mình bảo vệ ông. Tôi ngưỡng mộ tất cả họ.

Phạm Xuân Ẩn khác biệt các điệp viên bậc thầy khác ở hai điểm mấu chốt - thứ nhất, ông không bao giờ bị bắt và, thứ hai, ông làm tình báo không vì tiền, danh vọng hay hào quang, mà vì giấc mơ về tương lai của đất nước mà ông hằng yêu mến.

Nhan đề cuốn sách - Điệp viên hoàn hảo - cùng với giọng văn đầy trân trọng trong cuốn sách là nguyên nhân gây ra một số tranh cãi ở Mỹ? Độc giả thuộc giới nào chỉ trích nặng nề nhất? Cựu chiến binh, người trong ngành tình báo hay những ai khác?

- Điều thú vị là dân tình báo lại có thái độ tiếp nhận tích cực đối với cuốn sách bởi họ ngưỡng mộ Phạm Xuân Ẩn về việc ông đã bảo vệ vỏ bọc thành công một cách đáng kinh ngạc, khi ông sống cùng với họ rất lâu. Ông qua mặt mọi người và các sĩ quan tình báo đều ngả mũ với thái độ khâm phục của người trong nghề trước kỹ năng cho phép ông hoạt động lâu như vậy mà không hề được trang bị phương tiện hỗ trợ phức tạp. Ông, bà Ba và lưới H.63 đã hoàn thành những công việc mà tất cả các sĩ quan tình báo đều vô cùng ngưỡng mộ và tôn trọng.

Tranh cãi ở Mỹ chủ yếu đến từ những người vẫn còn đang vật lộn với cuộc chiến và vẫn khẳng định rằng lẽ ra họ đã thắng. Nhiều người bảo thủ tấn công tôi về việc tôi ngưỡng mộ Phạm Xuân Ẩn và việc tôi không làm rõ ràng Phạm Xuân Ẩn phải chịu trách nhiệm trước cái chết của nhiều người Mỹ cũng như việc ông đã phản bội bạn bè bằng cách sử dụng họ làm nguồn tin để viết báo cáo. Cuối cùng, nhiều người chỉ trích nói rằng Phạm Xuân Ẩn phải chịu trách nhiệm về việc có nhiều người Việt Nam chết và bị cầm tù sau năm 1975 trong khi tôi lại có vẻ như bảo vệ ông Ẩn. Tôi coi những quan điểm này là hẹp hòi và ngang ngạnh và tôi luôn bảo vệ lập trường của mình. May mắn là số người ngưỡng mộ cuốn sách của tôi lớn hơn rất nhiều so với số người chỉ trích, nhưng ở đây anh chỉ hỏi về người chỉ trích thôi.

- Trong chương bổ sung mà Giáo sư mới viết, ông đã tiết lộ một số chi tiết mà Phạm Xuân Ẩn từng dặn đừng có đưa vào sách. Vì sao vậy?

Ông Ẩn chỉ dặn tôi đừng công bố những điều đó khi ông còn sống và thật đáng buồn là ông qua đời ngay trước khi cuốn sách ra mắt. Lúc bấy giờ cũng đã quá trễ để tôi có thể thêm những chi tiết ấy vào, và lại tôi cũng cân

thời gian để cân nhắc xem nên thêm điều gì trước. Hiện vẫn còn nhiều điều tôi chưa công bố và chưa kể lại với bất kỳ ai. Có thể trong dịp hợp tác với First News - Trí Việt để xuất bản Điện viên hoàn hảo lần sau, tôi sẽ kể hết, nếu điều kiện cho phép.

- Sau rất nhiều cuộc gặp, Phạm Xuân Ẩn và ông đã trở thành bạn bè, và có vẻ như ông Ẩn đã kể cho ông hầu hết những bí ẩn về cuộc đời của ông ấy, thế nhưng dường như ông vẫn chưa hoàn toàn rõ con người thật của Phạm Xuân Ẩn. Liệu có phải, ở một chừng mực nào đó, ông vẫn còn ngờ ngợ rằng Phạm Xuân Ẩn có một mối quan hệ bí ẩn nào đấy với CIA? Và rốt cuộc, ông có cho rằng câu hỏi Phạm Xuân Ẩn là ai đã được trả lời?

Tôi sẽ không bao giờ nói rằng tôi biết con người thật của Phạm Xuân Ẩn. Tôi cho rằng còn rất, rất nhiều điều ông ấy không bao giờ kể với tôi. Phạm Xuân Ẩn đã dành một phần rất lớn trong cuộc đời của ông để nói với người khác điều mà ông muốn họ biết. Tôi cũng không thể biết được câu trả lời cho tất cả các câu hỏi và điều bí ẩn về cuộc đời ông. Tôi không nghĩ là ông từng làm việc cho CIA bởi nếu vậy thì đã có hồ sơ lưu, mà tôi, với tư cách là một nhà nghiên cứu, có thể tiếp cận các hồ sơ như thế theo Đạo luật Tự do thông tin (FOIA). Không hề có một hồ sơ như thế. Thế nhưng, những người khác lại cảm thấy rằng Ẩn không thể tồn tại lâu như vậy nếu không có ai đó bảo kê. Một ngày kia, chúng ta sẽ biết được toàn bộ câu chuyện về quan hệ giữa Ẩn với những nhân vật cấp cao người Việt tại miền Nam, chẳng hạn với bác sĩ Trần Kim Tuyến. Viết được một cuốn sách như thế sẽ rất tuyệt. Vâng, còn có rất nhiều điều chưa có câu trả lời, trong đó có các chi tiết về tất cả những đóng góp giúp ông được tặng thưởng huân chương. Mỗi lần xem đĩa phim quay chương trình về cuộc đời của Ẩn, tôi đều chú ý cảnh quay những hộp tài liệu chứa tất cả những báo cáo và hồ sơ mà Ẩn viết. Hy vọng một ngày nào đó toàn bộ hồ sơ này sẽ được chuyển tới cơ quan lưu trữ của Việt Nam và đến lúc đó chúng ta sẽ hiểu đầy đủ hơn về “Điện viên hoàn hảo”.

- Phạm Xuân Ẩn đã qua mặt bạn bè và đồng nghiệp để sống một cuộc sống kép thời chiến tranh, nhưng đồng thời ông ấy cũng rất tử tế và nhiệt tình với bạn bè, đồng nghiệp. Sau chiến tranh, khi đối mặt với một thực tế

khác xa giấc mơ của ông về một nước Việt Nam thống nhất, Phạm Xuân Ẩn vẫn làm việc cho nhà nước đến tận cuối đời. “Điệp viên hoàn hảo” là con người của nhiều mâu thuẫn nội tại?

Như trong chương giới thiệu mới tôi đã viết, Phạm Xuân Ẩn là một người mơ mộng hơn là người có nhiều xung đột nội tại. Những điều ông đã thực hiện trong sứ mệnh của mình là nhằm hiện thực hóa giấc mơ về một nước Việt Nam thống nhất theo hình dung của ông. Phải đến năm 1985 ông mới thấy le lói niềm hy vọng rằng giấc mơ của ông có thể thành hiện thực. Phạm Xuân Ẩn làm việc cho chế độ mới đến tận những ngày cuối đời, nhưng khi làm việc đó, ông không hề chống lại nước Mỹ. Ông kể với tôi rằng ông có giá trị với chế độ mới không phải là nhờ những hiểu biết của ông về nước Mỹ, mà nhờ vào hiểu biết về các động cơ của Trung Quốc cũng như những vấn đề địa chính trị ở châu Á. Phạm Xuân Ẩn thanh thản nhắm mắt bởi ông đã đóng vai trò lớn trong cuộc hòa giải giữa hai kẻ cừu thù. Tôi không bao giờ nghĩ Ẩn là một “kẻ lừa dối” bởi cuộc chiến tranh Việt Nam của Mỹ đã có quá nhiều dối trá và lừa gạt. Có ai có thể buộc cho Ẩn cái tội là đã đấu tranh bảo vệ đất nước trước sự xâm nhập của một quân đội nước ngoài để tạo ra những chính phủ bù nhìn? Nếu tình thế đảo ngược, thì tôi cũng sẽ chiến đấu cho đất nước của tôi. Việc tại sao người ta không hiểu điều này chính là một bí ẩn cho tới hôm nay.

- Phạm Xuân Ẩn đã yêu đất nước và con người Mỹ, nhưng rồi ông lại phải dấn thân vào cuộc chiến chống quân đội Mỹ, và khi chiến tranh chấm dứt, ông lại nỗ lực hết mình để thúc đẩy bình thường hóa. Tương tự, Việt Nam và Mỹ đã có (và bỏ lỡ) cơ hội lớn để trở thành bạn bè thời Thế chiến II, khi lực lượng OSS tới Việt Bắc để chiến đấu bên cạnh Việt Minh. Và ngày nay, sau một cuộc chiến tàn khốc, hai đất nước lại đang tìm cách để xây dựng một quan hệ tốt đẹp. Vậy thì, cái cuộc chiến tàn khốc ấy có ý nghĩa gì?

Cuộc chiến ở giữa (hai giai đoạn của mối quan hệ tốt đẹp giữa Việt Nam và Mỹ) đã mang tới buồn đau và bi kịch cho hai đất nước chúng ta và mang tới chiến thắng cuối cùng cho Việt Nam. Nước Mỹ đã bỏ lỡ một cơ hội lớn sau Thế chiến II khi không chịu hiểu khát vọng của người Việt

Nam, nhưng điều đó là bởi Việt Nam lúc bấy giờ là con tốt trên bàn cờ chiến tranh lạnh. Các nhà hoạch định chính sách của Mỹ không hề quan tâm tới lịch sử và con người Việt Nam, họ chỉ quan tâm đến những khái niệm hiệu ứng domino và chính sách ngăn chặn nếu để mất Việt Nam. Chính sách (của Mỹ) đã được hoạch định bởi những con người bị bịt mắt, không nhìn thấy điều mà người Việt Nam mơ ước. Phạm Xuân Ẩn là người trong cuộc và ông đã giúp tôi hiểu rõ điều đó. Mỗi lần tôi đến thăm Bức tường tưởng niệm cựu chiến binh Việt Nam tại Washington, DC, hay rất nhiều đài tưởng niệm, nghĩa trang ở Việt Nam, tôi lại nhớ về nỗi buồn đau và tổn bi kịch ấy. Mỗi lần tôi nghe từ “chất độc da cam”, tôi lại cảm thấy tuyệt vọng về những tổn thương mà chất độc đó đã gây ra cho những người đang sống và những đứa trẻ vô tội sắp chào đời. Tôi đã kể câu chuyện này trong cuốn sách mới của tôi mà sắp tới đây First News sẽ dịch và xuất bản ở Việt Nam: ZUMWALT: Chinh chiến & Hành trình Cuộc đời của Đô đốc Hải quân Mỹ. Jr. Zumwalt là người đã ra lệnh rải chất độc cam xuống Đồng bằng sông Cửu Long để bắt đầu chiến dịch rải hóa chất này và rồi ông cũng đã hứng chịu bi kịch khi người con trai của ông chết do phơi nhiễm chất độc da cam. Về sau, ông đã làm việc không mệt mỏi, đại diện cho các cựu chiến binh và gia đình họ ở hai nước, để nêu lên yêu cầu phải giải quyết những tổn thương đã gây ra.

- Gần bốn thập niên sau cuộc chiến, bài học nào từ câu chuyện của Điệp viên hoàn hảo mà chúng ta có thể học để hướng tới hòa giải?

Tôi hy vọng nhiều thanh niên Việt Nam sẽ có được cơ hội như Phạm Xuân Ẩn đã từng - tới Mỹ học và hiểu được lòng tốt và sự sáng tạo của nhân dân Mỹ cũng như những giá trị của chúng tôi. Tại Mỹ, cũng như ở Việt Nam, nơi ông làm việc với các nhà báo đồng nghiệp, Ẩn đã tiếp thu được những giá trị và học được một lối tư duy vốn đã trở thành một phần của con người ông. Lời khuyên của tôi cho tất cả đó là hãy đón lấy các cơ hội để giao lưu và tìm hiểu các giá trị của chúng tôi. Chiến tranh đã qua. Việt Nam đã trở thành điểm đến của rất nhiều người Mỹ, thường là các cựu chiến binh trở lại đây để tìm kiếm câu trả lời. Tôi đã đưa nhiều cựu chiến binh trở lại Khe Sanh vì mục đích đó. Tôi đã gặp hình ảnh những người đàn

ông lớn tuổi, những chiến binh của năm 1968, ôm lấy nhau, nước mắt giàn dụa, và họ nói “thời thanh niên chúng ta đã đánh nhau, giờ chúng ta phải cùng hành động để con cháu được sống trong hòa bình”. Đó là ước mơ của tôi và tôi biết đó cũng là ước mơ của Phạm Xuân Ẩn. Nhiều sinh viên của tôi hiện đã đến học tại Việt Nam và nhiều sinh viên Việt Nam đã tới học ở chỗ tôi tại Mỹ. Chúng ta đang tìm hiểu nhau và điều đó sẽ giúp chúng ta có một tương lai tốt đẹp hơn.

- Cuối cùng, mục tiêu của ông là gì khi mang cuốn sách này đến với bạn đọc Việt Nam?

Tôi hy vọng bản dịch mới sẽ mang tới một sự đánh giá thậm chí còn tốt hơn nữa về cuộc đời của Phạm Xuân Ẩn. Hy vọng lớn nhất của tôi là một bộ phim dựa trên cuộc đời Phạm Xuân Ẩn sẽ được thực hiện. Ước mơ của tôi là được thấy Điện viên hoàn hảo được dựng thành phim để chiếu khắp thế giới.

Đỗ Hùng (thực hiện)

Germaine Lộc Swanson:

Phỏng vấn cựu phóng viên Reuters, Germaine Lộc Swanson:

Phạm Xuân Ẩn - người yêu nước thực sự

Bà Ngô Thị Bích Lộc - tên sau khi kết hôn là Germaine Lộc Swanson - là bạn thân và đồng nghiệp gần gũi của Phạm Xuân Ẩn khi hai người cùng làm việc ở hãng Reuters. Nhiều năm đã trôi qua, và cả sau khi ông Ẩn được biết đến như một tình báo viên hàng đầu của Việt Nam, bà Lộc khẳng định rằng bà vẫn rất kính trọng ông Ẩn và tình bạn giữa bà với gia đình ông là không hề thay đổi.

- Thưa bà Germaine Lộc Swanson, bà đã gặp ông Phạm Xuân Ẩn trong hoàn cảnh nào?

Gia đình tôi ở Hà Nội. Tới giữa thập niên 1950 thì bỏ hết tất cả để vào Nam. Ở Sài Gòn, tôi học y tá và sau đó làm nữ cứu thương trong quân đội.

Một thời gian sau, tôi học nhảy dù và tham gia nhóm nữ nhảy dù biểu diễn. Lúc đó người ta sử dụng phụ nữ nhảy dù để kích lệ tinh thần binh sĩ. Nhóm của tôi thường nhảy dù trong những dịp đón tiếp ngoại giao quan trọng, chẳng hạn như lần ông Bộ trưởng Quốc phòng Robert McNamara tới Sài Gòn. Tới năm 1962, tôi lập gia đình (với người chồng đầu) và ông xã kêu ra khỏi quân đội. Rồi tôi đi làm thư ký tại Đại sứ quán Nhật Bản. Tôi nhớ hôm đó là một buổi họp báo của Đại sứ quán, ông trưởng văn phòng Reuters gặp tôi đã mời tôi về làm cho hãng tin này với mức lương tăng gấp đôi. Tôi tưởng ổng giỡn, nhưng sau một thời gian trao đổi thì tôi đã xin nghỉ ở Đại sứ quán Nhật Bản để chuyển sang làm cho Reuters. Sang đó tới ngày thứ hai, thứ ba gì đấy thì gặp anh Ấn, vì anh ấy đi suốt nên tôi không gặp trong ngày ra mắt ở Reuters.

- Bà và ông Ấn sau đó đã có mối quan hệ như thế nào trong công việc cũng như trong đời thường?

Tôi với ông Ấn được xếp chung một bàn. Tôi là phóng viên địa phương. Công việc của một phóng viên địa phương thường là đi kèm mấy ông phóng viên nước ngoài, thông dịch cho họ khi họ tiếp xúc phỏng vấn người Việt, rồi mình cũng phỏng vấn thêm nếu có điều gì chưa rõ. Bài viết thì ký tên chung. Hồi ở Reuters, tôi đi tham dự nhiều sự kiện quan trọng. Có lần ra miền Trung đưa tin vụ xử tử ông Ngô Đình Cẩn; rồi xuống Cần Thơ coi người ta tưởng niệm ông Ba Cụt.

Ở Reuters, Phạm Xuân Ẩn là phóng viên. Tôi còn nhớ lúc mình mới đến, thấy anh Ấn ngồi ở bàn cùng con chó. Anh Ấn bảo tôi cứ dùng chiếc bàn giấy này thoải mái đi, vì anh ấy thường đi ra ngoài, chẳng mấy khi ngồi trong văn phòng. Lúc ở Reuters, chúng tôi thường xuyên trao đổi với nhau về nghiệp vụ, rồi đi họp báo và dự các sự kiện báo chí chung. Anh Ấn thường chỉ dạy tôi nhiều về nghề, và xem qua các bài viết của tôi. Tôi cũng hay tới cà phê Givral ngồi với anh Ấn, ông Cao Giao và ông Bùi Diễm. Ông Diễm là quan chức ngoại giao, còn ông Cao Giao cũng là ký giả nổi tiếng. Tới năm 1964, anh Ấn rời Reuters rồi sau đó chuyển qua tạp chí Time. Tôi cũng ra làm phóng viên tự do.

Từ chỗ quen qua công việc, chúng tôi đã trở thành bạn thân. Anh Ấn là một người bạn, một người anh luôn tận tình chỉ vẽ cho tôi trong nghề. Với tôi, tình cảm đối với Phạm Xuân Ấn và với gia đình của anh ấy luôn gắn bó, không hề thay đổi. Đầu thập niên 1970, tôi chuyển sang Mỹ ở; đến sự kiện 30-4-1975, chị Nhàn vợ anh Ấn cùng các cháu cũng sang Mỹ. Trên đất khách, chúng tôi thường qua lại với nhau, có khó khăn gì thì chia sẻ, giúp đỡ. Nhiều năm sau khi chiến tranh kết thúc, anh Ấn muốn gửi con sang Mỹ du học, tôi và những người bạn cũ, cựu đồng nghiệp của anh ấy đã cùng nhau tìm cách để giúp anh hiện thực hóa được mong muốn đó.

- Từ khi gặp nhau, rồi làm việc chung cho đến lúc bà sang Mỹ định cư, có bao giờ bà thoáng qua ý nghĩ rằng ông Ấn làm việc cho “phía bên kia”?

Chưa bao giờ. Hói đó, tôi và anh Ấn rất thân. Hai gia đình cũng rất thân nhau. Chỗ chúng tôi làm rất gần nơi bà Nhàn và bà Cao Giao làm việc ở trên đường Tự Do. Nói chung, qua công việc và qua các tiếp xúc, tôi hiểu anh Ấn là một nhà báo giỏi, làm việc rất chuyên nghiệp. Anh ấy có nhiều nguồn tin giá trị nhờ quan hệ rộng rãi. Anh ấy cũng là người có tinh thần dân tộc cao. Tôi rất quý anh ấy ở điểm đó, bên cạnh kỹ năng nghề nghiệp cũng như lòng nhiệt tình, phóng khoáng của anh. Còn nói về việc tôi từng nghĩ anh ấy làm cho bên kia hay không, thì tôi xin trả lời là tôi chưa bao giờ nghĩ như vậy.

- Sau ngày 30-4-1975, thân phận thực của Phạm Xuân Ấn đã bắt đầu được công khai. Cảm giác của bà khi lần đầu tiên nhận được thông tin ấy là như thế nào?

Sau sự kiện năm 1975, bà Nhàn sang Mỹ ở; một thời gian thì bên nhà anh Ấn nhả về. Lúc bấy giờ tôi rất lo, sợ có chuyện gì bất trắc bên nhà. Tòa soạn Time nhờ tôi nói với bà Nhàn để các con ở lại đây, còn bà về Việt Nam một mình. Khi bà Nhàn ra sân bay, tôi đã thuyết phục bà. Nhưng rồi bà quyết định cùng các con về một lúc, bà bảo để con lại thì “anh Ấn nhớ con đến chết mất”. Rồi bà nói với tôi: “Chị ơi, mong rằng một ngày gần đây mình sẽ gặp nhau trên cương vị ngoại giao”. Nhưng rất tiếc là về sau anh Ấn không làm ngoại giao.

Sự thực thì khi biết tin anh Ẩn làm tình báo, tôi cũng không có suy nghĩ gì đặc biệt, không hề sốc. Anh ấy vẫn là một người anh, một người bạn thân, một cựu đồng nghiệp của tôi. Trước kia tôi trân trọng, quý trọng anh ấy thế nào thì giờ đây vẫn vậy. Trong suy nghĩ của tôi, anh Ẩn là một người yêu nước, một người có tinh thần dân tộc. Anh ấy làm việc đó vì anh ấy nghĩ sẽ giúp ích cho đất nước. Tôi yêu nước, anh ấy cũng yêu nước, nhưng hoàn cảnh xuất thân mỗi người mỗi khác nên con đường sau đó cũng khác nhau. Gia đình lớn của tôi có người theo Việt Minh, có người làm cho Pháp. Hoàn cảnh lịch sử đặc biệt của đất nước mình khiến không ít những người bạn thân, những thành viên trong các gia đình đứng về các phía chiến tuyến khác nhau. Đất nước khi chiến tranh là vậy, đến thời bình thì các thành viên gia đình lại về với nhau. Tình cảm giữa tôi với Phạm Xuân Ẩn và gia đình anh ấy cũng tương tự, không gì thay đổi được.

- Sau chiến tranh, trong nhiều chuyến trở lại Việt Nam, bà có ghé thăm ông Ẩn không và hai người thường nói những chuyện gì?

Tôi về Việt Nam đã mười mấy lần rồi, trong đó có hai, ba lần về thăm nhà, còn lại là vì việc công. Lúc thì giúp tìm hài cốt người Mỹ, lúc thì về cùng đoàn nghiên cứu ám thực Việt Nam. Riêng năm 1994 tôi về hai lần, lần thứ hai là cùng chồng đi chụp hình cho dự án sách ảnh Passage to Vietnam. Nhiều lần về Việt Nam, tôi ghé thăm anh Ẩn. Tôi nhớ lần đầu tôi tới thăm, anh hỏi tôi: “Cô còn nhớ con chó không?”. Tôi bảo: “Có, nhưng nó có còn không vậy?”. Anh Ẩn cười: “Nó chết rồi, chôn ngoài vườn”. Có lần tôi đưa con mình tới thăm anh ấy. Lần cuối cùng tôi thăm Phạm Xuân Ẩn là vài tháng trước khi anh ấy mất.

Lúc gặp nhau, chúng tôi thường nói chuyện về gia đình, bạn bè, về những kỷ niệm quá khứ, về hiện tại và tương lai, nói chung là tất cả những gì mà những người bạn thân có thể sẻ chia với nhau. Còn cảm giác bên này, bên kia, bị phản bội hay gì đó mà người ta thường nói thì giữa tôi và anh Ẩn cùng gia đình anh ấy là không hề có.

Chiến tranh đã trôi qua mấy chục năm rồi. Những người như anh Ẩn và tôi, vốn chứng kiến hết sự khốc liệt của chiến tranh, cảm thấy rất vui khi Việt Nam và Mỹ bình thường hóa quan hệ. Hồi trở lại quê hương lần đầu,

tôi thấy Việt Nam mình còn nghèo lắm. Rất buồn. Giờ thì cuộc sống cũng đi lên rất nhiều. Mình cũng thấy phấn khởi. Hy vọng lớp trẻ sau này sẽ có tư duy mới để tạo ra nhiều thay đổi cho đất nước.

Đỗ Hùng (thực hiện)

HẾT

Table of Contents

[Lời Nhà xuất bản](#)

[Lá thư của bà Thu Nhân: gửi Larry Berman](#)

[... 6 NĂM SAU: ... X6 ... NHỮNG CÂU CHUYỆN TIẾP NỐI LARRY
BERMAN](#)

[“HÃY VIẾT SỰ THẬT!”](#)

[Chương mở đầu: “TÔI ĐÃ CÓ THỂ THANH THẢN NHẢM MẮT”](#)

[Chương 1: HÒA BÌNH: ĐIỆP VIÊN VÀ NGƯỜI BẠN](#)

[Chương 1 \(tt\)](#)

[Chương 2: ĐIỆP VIÊN HỌC NGHỀ](#)

[Chương 2 \(tt\)](#)

[Chương 3: MỘNG MƠ CALI](#)

[Chương 3 \(tt\)](#)

[Chương 4: BẮT ĐẦU CUỘC SỐNG KÉP](#)

[Chương 4 \(tt\): BẮT ĐẦU CUỘC SỐNG KÉP](#)

[Chương 5: TỪ TIME TỚI TẾT MẬU THÂN](#)

[Chương 6: ĐÀN XEN GIỮA CÁC VAI TRÒ: THÁNG 4 NĂM 1975](#)

[Chương 7: DƯỚI BÓNG NGƯỜI CHA](#)

[Chương kết: MỘT CUỘC ĐỜI HAI MẶT PHI THƯỜNG](#)

[LỜI CẢM ƠN](#)

[VỀ CÁC NGUỒN TƯ LIỆU](#)

Mời các bạn ghé thăm: [Đào Tiểu Vũ's eBook](#) để tải thêm nhiều ebook hơn nữa.